HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 56, tháng 12/2000 & 1 năm 2001



tranh KHÁNH TRƯỜNG

Xuân Tân Tỵ
2001



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

Tel: (714) 379-0639 - Email: tchl@aol.com

http://hopluu.omely.org

Phát hành mỗi 2 tháng • Số 56 tháng 12/2000 & 1/2001

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904) 282-2419 - *Đại diện tại Houston, TX:* Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 - *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408) 294-2413 - *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013, France / Tel: 33 (0) 1 45 83 19 12 - *Đại diện tại Na Uy*: Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway - *Đại diện tại Canada*: Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514) 342-8018 & Trân Sa / Tel:: (416) 762-4659 - *Đại diện tại Australia:* Thường Quán / Tel: 61.3 / 8071.797 - *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21.37284 - Waldkappel. Germany.

Chủ biên

Khánh Trường

•

Thể lệ gửi bài:

Kèm theo bài xin ghi dịa chỉ, tên thật, số điện thoại, email, fax (nếu có). Bài gửi *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, nhất là ngoại ngữ (tốt nhất dùng chữ IN). Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết trên computer gửi bài kèm disk (ghi rõ nhu liệu sử dụng và ký hiệu của bài), hoặc email. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau 3 số không thấy xuất hiện, xin gửi báo khác. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại.

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ ISSN 1065-9323



Kính chúc độc giả một năm mới
an khang, thịnh vượng.

HỢP LƯU

Xuân Tân Tỵ

Số 56, tháng 12/2000 & 1 / 2001



MỤC LỤC

Tranh bìa:
Khỏa Thân (*62" X 78", sơn dầu*) **Khánh Trường**
Tranh trang 1:
Lê Bá Đảng





Thư tòa soạn



Trong vài năm gần đây, Hợp Lưu cố gắng mọi mặt để có thể tăng trang cho số Xuân. Tết nhất, nếu độc giả cầm trên tay một tờ tạp chí đầy đặn hơn, phong phú hơn, đặc biệt hơn những tháng trong năm, thì cảm giác hài lòng cũng sẽ tăng. Trong tương quan với bạn đọc, chúng tôi mong cầu Hợp Lưu sẽ mãi mãi là người bạn đồng hành tận tụy, thủy chung, luôn nỗ lực để xứng đáng với lòng tin yêu của độc giả. Mỗi lần chuẩn bị bao bì gửi báo đi xa, nhìn những tên người quen thuộc đã gắn bó với Hợp Lưu từ số ra mắt, chúng tôi luôn có được một cảm giác thật ấm áp. Có thể khẳng định không do dự, chính những độc giả này đã nuôi sống, gìn giữ và triển khai văn học hải ngoại. Không có họ, sẽ không có sách vở, báo chí. Nói cách khác, không có họ, sẽ không có nền văn học hải ngoại. Đón chào một mùa Xuân nữa sẽ tới với chúng ta, Hợp Lưu chân thành cảm ơn độc giả đã đến và ở lại với Hợp Lưu ròng rã mười một năm qua.

Trong số này, phần nhận định, phê bình, lý luận, Hợp Lưu xin giới thiệu các tác giả:

- Hoàng Linh với bài viết về giải Văn chương Nobel năm nay dành cho một nhà văn Trung Hoa sinh sống tại Pháp, ông Cao Hành Kiện. Đây là sự kiện tạo nhiều ngạc nhiên bất ngờ nhất trong lịch sử trao giải Văn chương của Hàn lâm viện Thụy Điển. Bất ngờ, vì cho đến trước ngày giải thưởng được công bố, nhà văn Cao Hành Kiện chưa phải là một tên tuổi lẫy lừng trong sinh hoạt văn chương của nhân loại.

- Trung Trung Đỉnh viết về Trần Đăng Khoa, "thần đồng" thi ca của một thời, người đã gây xôn xao dư luận hai năm trước qua tác phẩm *Chân Dung & Đối Thoại*

- John Powers (Nguyễn Hoàng Văn dịch) đề cập đến một vấn đề khá tế nhị: V*iết, giữa nam và nữ.*

- Hòa Đa giới thiệu một nét đặc sắc bị bỏ quên của tiếng Viêt: *Nói lái.*

- Thụy Khuê viết về Bùi Ngọc Tấn và tiểu thuyết *Chuyện Kể năm 2000.*

Phần sáng tác rất phong phú qua thơ, truyện, kịch, tùy bút của các tác giả: Nguyễn Đăng Thường / Phạm Văn Hạnh / Vi Thùy Linh / Du Tử Lê / Cao Hành Kiện / Phan Nhiên Hạo / Thượng Quán / Đinh Linh / Đảo Long / Nam Dao / Trịnh Thanh Thủy / Phạm Hải Anh / Trần Mộng Tú / Lâm Chương / Đinh Trường Chinh / Nguyễn Thị Hoàng Bắc / Nguyễn Thị Khánh Minh / Đỗ Quyên / Lê Minh Hà / Nguyễn Thị Minh Ngọc / Hoàng Xuân Sơn / Thế Dũng / Trân Sa / Nguyễn Thị Ngọc Lan / Nguyễn Đức Tùng / Trần Kim Khắc / Nguyễn Lương Vỵ / Hiếu Tân / NguyễnVăn Thọ / Quang Thành / Thu Thuyền / Phan Thị Trọng Tuyến / Phan Ni Tấn / Nguyễn Thị Ngọc Nhung / Thu Từ ...

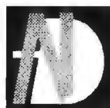
Phần Phỏng Vấn do nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện với nhà văn Ngô Thế Vinh về tác phẩm *Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng*, một tác phẩm đồ sộ trên tám trăm trang, cảnh báo hiểm họa đã, đang và sẽ xảy ra cho con sống lớn thứ ba lục địa châu Á, chảy xuyên qua nhiều quốc gia, trong đó có nước Việt Nam của chúng ta.

Phần Đọc Sách, Nam Dao đọc *Hợp Âm Trong Vùng Sân Khuất* của Mai Ninh, cuốn sách đầu tay của một nhà văn có "một văn pháp triệt để cách tân và cực kỳ trữ tình quyến rũ"

Ngoài ra, Hợp Lưu giới thiệu tiếp (và chấm dứt) bài đọc sách của cụ Hoàng Khoa Khôi về cuốn Giọt NướcTrong Biển Cả của Hoàng Văn Hoan. Đây là một bài đọc sách công phu, cung cấp cho chúng ta nhiều tư liệu lịch sử rất quí.

Một lần nữa, Hợp Lưu chúc quí độc giả an khang thịnh vượng torng năm mới.

HỢP LƯU



HOÀNG LINH

Từ trạm xe buýt ở Bắc Kinh... đến giải văn chương Nobel dành cho Cao Hành Kiện



Ngày 3-10 năm nay, lần đầu tiên trong lịch sử giải Nobel, các hãng thông tấn trên thế giới đã loan một tin "giật gân": theo những nhóm có quan hệ gần gũi với Hàn lâm viện Thụy Điển, một "bất đồng ý kiến dai dẳng" đã nổ ra giữa các thành viên của ủy ban xét giải Nobel Văn chương năm nay.

Người "ngoại cuộc" như chúng ta, có lẽ sẽ chẳng bao giờ biết được độ xác tín của nguồn tin kể trên. Trong những vấn đề liên quan đến các "ứng cử viên" giải Nobel, cũng như "nội tình" của quá trình trao giải, Hội đồng giải Nobel bao giờ cũng rất "kiệm lời", nếu không muốn nói là ở đại đa số các trường hợp, họ luôn cố gắng giữ im lặng ở mức tối đa. Tuy nhiên, hẳn cái tin ấy phải có một chút thực tế nào đó, bởi lẽ theo lệ thường, tên tuổi người đoạt giải Nobel Văn chương bao giờ cũng được công bố đầu tiên, thì lần này lại bị đặt vào vị trí cuối. Và do đó, ngoài việc tha hồ đưa những tin "ngoài lề", giới báo chí quốc tế được dịp đoán mò đoán non thêm chín ngày.

Tuy nhiên, dù thời gian có dư, có lẽ không mấy ai đoán trúng người đoạt giải Nobel Văn chương năm nay. Thoạt đầu, mọi người hay

nhắc đến những ứng cử viên "nặng ký" như John Ashbury (thi sĩ Mỹ), Ben Okrit (nhà văn Nigeria) và Nurridin Farrah (nhà văn Somalia). Vài ngày sau, hãng tin Đức DPA vốn được coi là rất "thính" trong vụ này, đưa thêm tên Thomas Transtoemer (nhà văn Thụy Điển) và Bùi Đào (Pei Tao, nhà văn người Hoa sống tại Mỹ). Trong số vài chục nhà văn có triển vọng giật giải, phải nhắc đến những tên tuổi lớn, được đề cử nhiều lần từ lâu nay, như Carlos Fuentes (nhà văn Mexico), Mario Vargas Llosa (nhà văn Peru), Milan Kundera (nhà văn Tiệp, sống ở Pháp) hay Salman Rushdie (nhà văn Anh, tác giả "Những vần thơ quỉ Satan").

Ai ngờ, chung cuộc, nhành nguyệt quế lại được trao cho Cao Hành Kiện (Gao Xingjian), nhà văn gốc Hoa, hiện mang quốc tịch Pháp, sinh sống ở tầng 18 một chung cư 31 tầng tại Bagnolet, một khu nghèo ở phía Đông Nam ngoại ô Paris!

*

Cao Hành Kiện là ai?

Có lẽ không chỉ người viết bài này, mà ngay nhiều nhà phê bình văn học cũng phải vò đầu thốt lên câu hỏi đó, khi nghe tin nhà văn gốc Hoa này được nhận giải thưởng cao quí nhất trong văn học.

Tên tuổi Cao Hành Kiện chưa được biết đến rộng rãi trên thế giới. Sách của ông ít được dịch sang tiếng Anh. Tại Hungary, nơi người viết bài này cư ngụ, trong danh mục các nhà văn nước ngoài lưu tại Thư viện Quốc gia, tôi cũng không tìm thấy tên ông. Tính đến ngày 12-10-2000, thời điểm Hàn lâm viện Thụy Điển công bố giải Nobel dành cho Cao Hành Kiện, chỉ có một tác phẩm duy nhất của ông được dịch ra tiếng Hung: vở kịch "Trạm xe buýt", đăng trên nguyệt san văn học quốc tế "Đại thế giới", tháng 3-1984. Ngay ở Nhật, xứ sở gần gũi với Trung Hoa về nhiều mặt (con người, ngôn ngữ, văn hóa...), cái tên Cao Hành Kiện cũng chỉ được biết đến một cách "vừa phải" mặc dù năm 1996, tại Kobe, vở kịch "Trốn chạy" của nhà văn đã được trình diễn trên sân khấu và cạnh đó, nhiều vở khác của Cao Hành Kiện đã có mặt trong tuyển tập "Kịch hiện đại Trung Hoa" in tại nước này.

Tuy nhiên, tại Pháp, quê hương thứ hai của ông, Cao Hành Kiện đã là một nghệ sĩ thành danh. Sở dĩ phải dùng từ "nghệ sĩ" vì Cao Hành Kiện rất toàn diện: ông thông thạo âm nhạc, hội họa (1) và là một đạo diễn sân khấu, một dịch giả tài ba; các vở kịch, tiểu luận, phê bình của Cao Hành Kiện cũng xuất sắc, không hề thua kém các tác phẩm văn xuôi của ông. Mặc dù, rốt cục, Hội đồng giải Nobel đã chọn

"Hồn núi", một tiểu thuyết lớn ra mắt công chúng năm 1990 ở Pháp, làm tác phẩm tiêu biểu để vinh danh nhà văn.

*

Cuộc đời của Cao Hành Kiện khá gian truân. Ra đời năm 1940 tại Hán Khẩu (tỉnh Giang Tây, miền Đông Nam Trung Quốc), từ thuở thiếu thời, Cao Hành Kiện đã say mê âm nhạc, hội họa và văn chương. Xuất thân từ một gia đình trí thức tương đối khá giả (thân phụ ông là nhân viên ngân hàng, thân mẫu ông là nữ diễn viên kịch tài tử), Cao Hành Kiện có khả năng ăn học tử tế. Năm 18 tuổi, ông đã sáng tác những vở kịch đầu tiên. Vào thời điểm xảy ra cuộc "Cách mạng văn hóa" tại Trung Quốc (năm 1966), Cao Hành Kiện đã tốt nghiệp khoa Pháp văn tại Đại học Bắc Kinh được một thời gian và đã dịch thuật nhiều thi phẩm của các nhà thơ siêu thực Pháp. Ngoài ra, ông còn chuyển ngữ thành công một số vở kịch "phi lý" của Beckett và các tác giả phương Tây khác, đồng thời, vở kịch đầu tay của ông cũng đã được "thông qua". Nói cách khác, Cao Hành Kiện đã rất gần cái "ngưỡng" để trở thành một nhà văn được thừa nhận.

Tuy nhiên, giữa chừng, cuộc "Đại cách mạng văn hóa" đã phá vỡ mọi ước vọng, dự tính của ông. Ở Trung Quốc, trong nửa cuối của thập niên 60, ngoại trừ một số "tác phẩm" tung hô một cách vô độ "thiên tài" của "người cầm lái vĩ đại" (Mao Trạch Đông), mọi biểu hiện văn hóa đều bị xóa sổ. Cao Hành Kiện không tránh khỏi số phận "tất yếu" của giới trí thức trẻ cùng thế hệ ông. Chẳng mấy chốc, ông phải thiêu hủy hàng va-li bản thảo, trong đó có cả bản thảo nhiều cuốn tiểu thuyết mà ông đặt rất nhiều hi vọng. Thêm nữa, Cao Hành Kiện cũng không thoát khỏi những biến động trên chính trường: thoạt đầu, ông phải hùa theo những toán Hồng vệ binh để đả phá, đấu tố "phe tư sản" trong đảng; sau đó, cùng các bạn đồng hành, ông bị điều đi "học tập chính trị" ở một trường "đào tạo cán bộ", thực chất là một dạng đặc biệt của trại cải huấn. Đó là năm 1969.

Năm 1983, trong một dịp gặp gỡ ngắn ngủi với ký giả Baracs Dénes, lúc đó là phóng viên thường trú tại Bắc Kinh của Hãng thông tấn Hungary (MTI), Cao Hành Kiện đã hồi tưởng lại quãng đời cay nghiệt đó. Đối với nhà văn, hoàn cảnh ăn ở ngặt nghèo (phải nằm chung giường, chỉ có chừng 40 phân để trở mình; phải ăn đói, mặc rét...) không khiến ông bận tâm lắm. Điều đau khổ nhất đối với Cao Hành Kiện là yêu cầu của "thượng cấp", đòi hỏi ông phải "lột xác", phải "cải tạo tiến bộ" bằng mọi giá; điều này chỉ có thể đạt được nếu

ông tố giác, chỉ điểm các bằng hữu và xu nịnh vô điều kiện chế độ hiện hành. Bằng mọi giá, Cao Hành Kiện muốn thoát khỏi thứ "trường cán bộ" khủng khiếp đó, vì thế, ông dứt khoát từ chối chức "cán bộ" mà lẽ ra ông có thể đạt được nếu ông "học tập tốt" và được ban quản lý hài lòng. Nhờ sự giúp đỡ của bạn bè, Cao Hành Kiện tìm được việc làm: dạy học tại một trường làng miền Nam Trung Quốc. Dường như tại miền quê hẻo lánh này, chưa ai biết chữ nghĩa là thứ tồi tệ, thậm chí "phản động", đáng phỉ nhổ (theo lời "dạy" của những kẻ chủ trương làm một cuộc cách mạng "triệt để" trong văn hóa), cũng chẳng ai hay Cao Hành Kiện "dạy chui", nên nhà văn của tương lai đã vượt qua mọi hiểm họa của thời kỳ sóng gió đầu thập niên 70.

Sau cái chết của Mao Trạch Đông vào tháng 9-1976, "Tứ nhân bang" bị bắt giam. Năm 1978, Đặng Tiểu Bình lên nắm quyền lãnh đạo, tình hình chính trị Trung Quốc có phần ổn định. Chỉ đến lúc đó, Cao Hành Kiện mới có khả năng cầm bút và đăng tải các sáng tác. Năm 1982, ông là thành viên Hội Nhà văn Trung Quốc và gia nhập đảng (Cộng sản). Trong thời kỳ này, Cao Hành Kiện sáng tác nhiều truyện ngắn, kịch và tiểu luận, trong số đó, bài tiểu luận nổi tiếng về đề tài "nghệ thuật trong tiểu thuyết hiện đại" (năm 1981) đã gây nên một cuộc tranh luận dữ dội và gay gắt trên văn đàn đương đại Trung Quốc, vốn vẫn bị trói buộc và hạn chế trong khuôn khổ "chủ nghĩa hiện thực phê phán".

Tuy nhiên, đầu những năm 80, Cao Hành Kiện được biết đến trên cương vị một đạo diễn sân khấu cấp tiến nhiều hơn là một văn sĩ hay một nhà phê bình văn học. Là "tín đồ" của các kịch tác gia phương Tây như Antonin Artaud, Bertolt Brecht, Samuel Beckett và Tadeus Kantor, ông đã gây dựng thể loại kịch "tiền phong" (avant-garde) ở Trung Quốc. Như nhận định của Hàn lâm viện Thụy Điển, trên phương diện này, Cao Hành Kiện đã thành công mỹ mãn trong việc kết hợp một số lý thuyết của kịch nghệ phương Tây với những yếu tố đặc thù của nền kịch nghệ truyền thống Trung Hoa.

Trong số các vở kịch thành công của Cao Hành Kiện, phải kể đến "Tín hiệu báo động" (1982) về tình trạng tội phạm trong giới trẻ vị thành niên, được trình diễn tại Thượng Hải và Bắc Kinh, khiến Cao Hành Kiện trở thành một tên tuổi trong làng văn Trung Quốc, và "Trạm xe buýt" (1983).

*

"Trạm xe buýt", một tác phẩm lớn của Cao Hành Kiện, được liệt vào hàng "kịch phi lý kiểu Beckett của Trung Hoa", đã khiến

chính quyền Trung Quốc "để mắt" và "lưu tâm" đặc biệt tới nhà văn.

Nội dung vở kịch khiến độc giả liên tưởng tới "Trong khi chờ Godot" của Beckett. Tại một bến xe buýt ở ngoại ô Bắc Kinh, tám nhân vật - đại diện cho các giai tầng tiêu biểu của xã hội Trung Hoa - chờ chiếc xe buýt đưa họ vào trung tâm thủ đô, thành phố mà ai nấy đều đặt mọi hi vọng và niềm tin cho sự thành công trên đường đời của họ. Họ chờ, chờ hoài, nhưng vô hiệu: chiếc xe buýt vọt qua trước mặt họ, nhưng không dừng lại. Một ngày, hai ngày, rồi một tuần, một tháng... trôi qua, chiếc xe buýt vẫn không tới. Chán ngán cảnh chờ mong vô vọng, ai đó trong số khách bộ hành quyết định lên đường một mình. Những kẻ khác, vò đầu vắt tai, tiếp tục chờ đợi hàng chục năm ròng.

Đáng chú ý đến ngôn ngữ văn chương của tác phẩm. Xen lẫn những mẩu đối thoại "tải" các vấn đề thường nhật của dân Trung Hoa, là ảo ảnh của nhà văn ẩn hiện trong cấu trúc đặc thù của thể loại kịch phi lý. Trong đoạn kết, tất cả các nhân vật hiện hữu cùng đồng thanh lên tiếng:

· Cô gái: "Sao các vị không đi đi? Những gì cần nói, các vị đã nói hết rồi... Còn chờ đợi chi nữa? Các vị chỉ đánh mất thời gian quí báu ở đây mà thôi..."

· Ông thợ: "Chờ đợi chẳng phải là điều gì xấu. Con người ta chờ đợi vì anh ta luôn hi vọng. Thật buồn bã nếu chúng ta chẳng có những niềm hi vọng..."

· Người đeo kính: "Thời gian không phải là một trạm xe buýt... cuộc đời cũng chả phải vậy... Hãy chờ đợi mọi người rồi cùng đi!"

Hàng loạt những câu nói dồn dập, tạo nên một âm thanh hỗn loạn khiến kẻ ngoại cuộc chỉ nghe loáng thoáng, câu được câu mất. Phải chăng mười năm chờ đợi mòn mỏi mà Cao Hành Kiện nhắc đến trong "Trạm xe buýt" ám chỉ thập niên tăm tối (1966-1976) của cuộc "Đại cách mạng văn hóa"? Trả lời câu hỏi này, tác giả thổ lộ: "Không nhất thiết. Rốt cục, con người cũng phải quyết định, phải hành động. Điều này quan trọng hơn mọi thứ so sánh".

Chứa đựng nhiều ý tưởng thâm trầm, tác phẩm "Trạm xe buýt" trở thành vở kịch của Cao Hành Kiện được trình diễn nhiều nhất trên thế giới (2). Được giới phê bình phương Tây ca ngợi như "một kiệt tác của sân khấu tiền phong", "Trạm xe buýt" đã đóng vai trò then chốt thúc đẩy Cao Hành Kiện bước hẳn vào con đường dẫn đến giải Nobel Văn chương năm nay, đồng thời, là một cú đẩy khiến nhà văn trở thành một kẻ lưu vong.

Năm 1983, đúng vào lúc vở kịch ra mắt công luận Trung Quốc

trên tạp chí văn học "Tháng Mười" và được công diễn tại nhà hát Nghệ thuật Nhân dân Bắc Kinh, một chiến dịch "chống ô nhiễm trong đời sống tinh thần" đã được khởi động, nhằm phê phán một số "biểu hiện tư sản của chủ nghĩa hiện đại" trong văn học. Mới mẻ và gây chấn động cả về nội dung lẫn hình thức, các tác phẩm của nhà soạn kịch 43 tuổi họ Cao đã bị đem ra mổ xẻ, làm "vật tế thần" để "cảnh tỉnh" văn giới Trung Quốc. Cao Hành Kiện bị lên án vì trong các tác phẩm của ông, ông đã "thể hiện chủ nghĩa cá nhân một cách vô độ". Riêng "Trạm xe buýt", theo lời một chức sắc lãnh đạo trong ngành Thông tin và Tuyên truyền Trung Quốc, là "sản phẩm văn hóa bẩn thỉu", "vở kịch quỉ quyệt nhất kể từ ngày thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa". Cố nhiên, như trong các trường hợp tương tự, vị chức sắc này chỉ lặp lại quan điểm "chính thống" của ban lãnh đạo cộng sản Trung Quốc, điều đó thừa đủ để "Trạm xe buýt" bị cấm diễn và tác giả vở kịch bị liệt vào hàng các văn nghệ sĩ "có vấn đề".

Sau chiến dịch "quét sạch ô nhiễm tinh thần", dần dà, không còn nhà hát nào dám diễn kịch của Cao Hành Kiện, tên ông trở thành biểu tượng của "ảnh hưởng độc hại của văn hóa phương Tây trong đời sống tinh thần Trung Quốc". Chiếc xe buýt mà nhà văn họ Cao chờ đợi đã không tới. Cuối cùng, trung thành với ý tưởng được thể hiện trong tác phẩm của mình, Cao Hành Kiện đã có quyết định như một nhân vật của "Trạm xe buýt": đơn độc dấn thân trên con đường dằng dặc để tự khẳng định mình và theo đuổi con đường nghệ thuật của bản thân. Sau khi đã thiết lập mối quan hệ bằng hữu với một số đồng nghiệp phương Tây, Cao Hành Kiện rời quê hương năm 1987. Năm 1988, ông sang Pháp và xin cư trú chính trị tại Paris năm 1988. Năm 1998, Cao Hành Kiện được nhận quốc tịch Pháp.

Nhà văn cũng có thái độ dứt khoát đối với chính quyền Bắc Kinh. Hè năm 1989, nhân "biến cố Thiên An Môn", để phản đối đường lối độc đoán của Trung Nam Hải, ông đã trả lại thẻ đảng. Tuy nhiên, để gia đình tránh khỏi những hành động trù úm, bạc đãi từ phía chính quyền Trung Quốc, Cao Hành Kiện đã cắt đứt mọi mối quan hệ với thân nhân ở "mẫu quốc" và chỉ tập trung vào việc cầm bút. Thậm chí, ông còn không chịu để vòng cuốn của chính trị chi phối: Cao Hành Kiện chủ trương độc lập hóa văn học với chính trị vì theo ông, đây là hai "chủ thể" có những chức năng và đối tượng khác nhau.

Trong thời gian cư trú ở Pháp, với nhiều tác phẩm với bút pháp chín muồi, nhờ thông thạo ngôn ngữ và am hiểu văn học Pháp, Cao Hành Kiện được coi là "nhà đại sứ Á Đông của nền văn hóa Pháp", ông đã được trao tặng huân chương Bắc đẩu Bội tinh và hai giải

thưởng văn học quan trọng khác. Các vở kịch nổi tiếng của ông được giảng dạy tại Đại học Sorbonne, hai tiểu thuyết "Hồn núi" và "Thánh Kinh của một người" được in ấn với số lượng lớn. Ngoại trừ các tiểu luận, mọi tác phẩm của Cao Hành Kiện - trong đó có nhiều tiểu thuyết như "Cần câu cho ông tôi", "Mực và ánh sáng", "Sách của một kẻ cô đơn" và "Một thứ mỹ học khác" - đều đã được chuyển ngữ và ấn hành bằng tiếng Pháp. Danh mục đầy đủ các tác phẩm của Cao Hành Kiện chứa khoảng hai chục tiêu đề.

•*

Trong quá trình xét duyệt giải Nobel Văn chương, Hàn lâm viện Thụy Điển đã lựa chọn và xiển dương kiệt tác "Hồi núi" (Linh san), một tiểu thuyết lớn, dày chừng 700 trang, được Cao Hành Kiện khởi viết hè 1982 ở Trung Quốc và hoàn tất năm 1989 tại Pháp; sách ra mắt độc giả năm 1990 ở Pháp và Đài Loan. "Soul Mountain", ấn bản Anh ngữ của tác phẩm, do giáo sư Mabel Lee chuyển ngữ, được nhà Harper Collins ấn hành năm 1999. Một điều thú vị: trước khi được phát hành và đạt tới con số bán ra 17.000 bản, thoạt đầu, nhiều nhà xuất bản Pháp đã khước từ bản thảo cuốn tiểu thuyết.

Tác phẩm "Hồn núi" chứa đựng nhiều chi tiết tự sự. Năm 1982, dựa trên một chẩn đoán sai, Cao Hành Kiện tưởng rằng mình bị ung thư phổi và ông quyết định phải "sống gấp" vì cảm thấy những ngày tháng còn lại sẽ không còn nghĩa lý gì nữa. Song, sau khi vỡ lẽ rằng chẩn đoán ban đầu không chính xác, nhà văn họ Cao đã làm một chuyến viễn du kéo dài gần một năm ở miền Nam Trung Quốc, vừa để tìm lại bản thể của chính mình, vừa để tránh những lời phê bình độc địa từ chính phủ và từ các bạn văn chịu xu phụ quyền thế. Cao Hành Kiện đã bắt tay vào viết "Hồn núi" trong hoàn cảnh ấy và ông "thai nghén" nó trong vòng bảy năm ròng rã.

Về nội dung, "Hồn núi" thuật lại cuộc hành trình của một nhà dân tộc học qua nhiều vùng núi non, sông ngòi hiểm trở ở Trung Quốc. Trong chuyến đi đó, ông có dịp gặp gỡ những nhân vật thú vị, chứng kiến những sự việc kỳ quặc, lắm khi khó tưởng tượng, nhưng đều phản ánh một khía cạnh đặc thù của thứ "quốc hồn quốc túy hồn Trung Hoa" có tự ngàn xưa và có lẽ sẽ còn tồn tại mãi mãi. Rải rác đây đó, tác phẩm chứa đựng những suy tưởng triết học sâu xa, những chiêm nghiệm phức tạp, đôi khi rối rắm, khiến người đọc có thể cảm thấy một sự "phân thân" nhất định của một tác giả phương Đông thấm đượm văn hóa Tây phương.

Trong "Hồn núi", hiện thực trần trụi và trí tưởng tượng bay bổng, tính hiện đại của văn chương phương Tây và tính truyền thống của tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc đã được phối kết và hòa quyện rất thành công. Không phải ngẫu nhiên mà Hàn lâm viện Thụy Điển đã nhận định: với "Hồn núi", "một trong những kiệt tác văn chương không thể so sánh được với bất cứ tác phẩm nào khác", Cao Hành Kiện đã "mở ra một lối đi mới mẻ cho nền tiểu thuyết Trung Hoa"

"Nước mẹ" Trung Quốc đã có thái độ như thế nào trước thành công của người con - cho dù đã bị "rút phép thông công" - của họ?

Như chúng ta biết, từ khi Cao Hành Kiện rời quê hương, nhất là từ khi nhà văn tuyên bố trao trả thẻ đảng, tên tuổi của ông bị "xóa sổ" khỏi đời sống văn học trong nước. Từ một nghệ sĩ bị phê phán là "ăn phải bả phương Tây", "cá nhân chủ nghĩa"..., trong một chừng mực nhất định, Cao Hành Kiện đã trở thành một "kẻ thù tư tưởng" dưới mắt nhiều nhà lãnh đạo Trung Quốc.

Thêm nữa, văn giới "chính thống" ở Trung Quốc không hề có ý chờ đợi một giải Nobel cho một kẻ đào tẩu, một nhà văn lưu vong ít được biết đến. Biết bao tên tuổi lớn trong quá khứ của nền văn học Trung Quốc như Lỗ Tấn, Mao Thuẫn, Lão Xá... đã không được giải thưởng này (3). Một thời, Bắc Kinh từng nuôi hi vọng giải Nobel Văn chương đầu tiên dành cho Trung Hoa sẽ lọt vào tay nhà văn lão thành Ba Kim, năm nay 96 tuổi, tác giả nhiều tiểu thuyết xuất sắc theo trường phái "hiện thực phê phán" trong thập niên 30-40, hay Vương Mông, được coi là văn sĩ có những tìm tòi, cách tân rất táo bạo (4). Ước vọng đó của Đại Lục đã không thành sự thật và vì thế, cho dù Cao Hành Kiện là nhà văn viết tiếng Hoa đầu tiên được trao giải Nobel, báo chí Trung Quốc đã chờ đợi và ngần ngại khá lâu trước khi đăng tải tin này (5). Đối với chính thể độc đoán ở Bắc Kinh, đây (cũng) là một đòn nặng mang tính chính trị.

Tuy nhiên, Cao Hành Kiện đã làm tất cả để tìm cách thoát khỏi cái bóng của một nhà văn "ly khai", luôn vương vấn đến chính trị. Trong tuyên bố đầu tiên sau khi nhận giải Nobel, ông đã nhấn mạnh: "Tôi không làm chính trị, không viết cho thị trường và không phục vụ bất cứ một thứ quyền lực nào". Cao Hành Kiện cũng nêu rõ quan niệm của ông về chính trị: với bản tính hòa đồng, ghét bạo lực, nhà văn ít quan tâm đến chính trị và khi cầm bút, cầm cọ, ông không nghĩ đến chuyện tác phẩm của ông sẽ có ảnh hưởng, tác động tới ai, tới cái gì, vì nếu chỉ chăm chú vào điều đó thì sẽ không sáng tác được.

Dù sao đi nữa, Cao Hành Kiện vẫn tâm niệm "người sáng tác không thể bỏ qua đời sống xã hội" và ông chủ trương giữ quyền được

phê phán: "Không làm chính trị, nhưng điều này không ngăn cản tôi phê phán chính trị. Tôi nói những gì tôi muốn nói. Và nếu tôi sống lưu vong thì sở dĩ tôi phải làm như vậy chỉ để giữ quyền tự do phê bình". Đây là lý do khiến ông chưa hề có ý hồi hương.

*

Có thể nói giải Nobel Văn chương 2000 dành cho Cao Hành Kiện là một sự kiện "tất yếu"?

Phải công nhận một thực tế: văn sĩ họ Cao, dù rất xứng đáng với giải thưởng cao quí này, cũng đã gặp chút may mắn. Ai cũng biết rằng, nhìn chung, những nhà văn được biết đến ở Thụy Điển thường có cơ may hơn các đồng nghiệp cầm bút khác. Trên phương diện này, Cao Hành Kiện thật không thể phàn nàn: từ năm 1995, các tác phẩm của ông đã xuất hiện trên nhiều tập chí văn nghệ của Thụy Điển và sau đó, được in ấn rộng rãi, thông qua những bản dịch và giới thiệu của giáo sư Gởran Malmqvist. Cũng đã từ sáu năm nay, giới thưởng ngoạn sân khấu Thụy Điển từng có dịp làm quen với hai vở kịch "Cơn mưa hạ ở Bắc Kinh" và "Trốn chạy" của Cao Hành Kiện, được trình diễn tại Nhà hát Hoàng gia Stockholm.

Cố nhiên, đây cũng chưa phải là nhân tố quyết định khiến một nhà văn "phải" được giải Nobel. Hẳn nhiều người còn nhớ đến trường hợp của đại văn hào Nga Leon Tolstoi: 99 năm trước, các tác phẩm của Tolstoi rất nổi tiếng ở Thụy Điển và ai nấy chắc mẩm ông sẽ phải là người đầu tiên đoạt giải Nobel. Đến lúc thi sĩ Pháp Sully Prudhomme được Hội đồng giải Nobel trao giải Nobel Văn chương lần đầu tiên, giới trí thức Thụy Điển đã hoảng hốt và bất bình đến mức họ đã cử một phái đoàn đến Nga để an ủi và "chia buồn" với vị bá tước Tolstoi. Tuy nhiên, văn hào đã tỏ ra không quan tâm lắm đến phán quyết của Stockholm, ông bảo "xin cám ơn, song tôi không cần đến bất cứ một phần thưởng nào!" Sau đó, Hàn lâm viện Thụy Điển dường như đã phật ý trước thái độ của tác giả "Chiến tranh và hòa bình": nhà đại văn hào Nga, cho dù còn sống thêm chín năm nữa, đã không được nhận giải thưởng mà ai cũng cho rằng ông, hơn ai hết, vô cùng xứng đáng!

Một vài biểu hiện cho thấy giải Nobel Văn chương đầu tiên của thiên kỷ thứ ba đã mở ra một xu hướng mới trong lịch sử giải Nobel: từ nay trở đi, giải sẽ được trao rộng rãi hơn cho các nhà văn thuộc các vùng ngôn ngữ không thật phổ biến, miễn là họ có những tác phẩm mang tính đại đồng và nhân bản. Và có lẽ, thế giới văn

chương ở thời đại tin học đã quá lớn, quá đồ sộ để có thể đoán trước được tên tuổi người trúng giải, để có thể hình dung được đâu là tiêu chí để một nhà văn được lựa chọn trong danh sách những nhà văn cự phách. Phải chăng, tình trạng "đồng tâm nhất trí" của các ông hàn - đôi khi khá ù lì, thủ cựu - trong Hàn lâm viện Thụy Điển cũng sẽ chấm dứt: tương lai là của những cuộc tranh luận, những "bất đồng ý kiến dai dẳng" ngay trong nội bộ ban xét giải? Phải chăng Hội đồng giải Nobel sẽ không còn là một tập thể ít nhiều mang tính kỳ bí theo mô hình "hội kín" thời Trung cổ, mà sẽ chuyển thành một nhóm cởi mở, "dân chủ" hơn, "đa nguyên" hơn?

Và, biết đâu, trong một tương lai không xa, làn sóng "đổi mới" đó sẽ chẳng đưa một người Việt - dù cư trú ở bất cứ đâu, dù mang bất cứ quốc tịch nào - lên tuyệt đỉnh vinh quang trong văn chương?

Hãy cho người viết bài này được quyền hi vọng như thế!

HOÀNG LINH
28.10.2000

Bị chú:

(1) Từ ngày 19-10-2000, một số tranh vẽ bằng mực Tàu của Cao Hành Kiện được trưng bày tại Caroussel du Louvre, phòng đại sảnh của bảo tàng Louvre.

Theo chính lời Cao Hành Kiện, vẽ là nghề sống của ông và mọi thu nhập ông có được đều nhờ vẽ: "Nhờ vẽ, tôi có thể viết mà không quan tâm đến thị trường".

(2) Nhờ bản dịch Hung ngữ, "Trạm xe buýt" đã được lưu hành tại các vùng có đông dân Hung cư ngụ ở Rumania và được trình diễn trên sân khấu nước này ngay dưới thời cặp vợ chồng nhà độc tài Ceausescu còn ngự trị. Một điều thú vị: một kiệt tác mang nhãn hiệu Trung Hoa của thể loại "kịch phi lý", được ra mắt tại quê hương của Eugéne Ionescu, thủ lĩnh lừng danh của "kịch phi lý", thông qua một bản dịch "ngoại lai"!

Thông qua bản dịch tiếng Hung, "Trạm xe buýt" còn được dàn dựng trên sân khấu Nam Tư.

(3) Phải thừa nhận một thực tế: các tác phẩm "kinh điển" của nền văn học Trung Quốc ít được dịch ra các ngôn ngữ thông dụng (Anh, Pháp, Tây Ban Nha...) và do đó, ít được phổ biến rộng rãi trên trường quốc tế. Đồng thời, những học giả có công truyền bá nền văn hóa Trung Hoa trên thế giới lại thường không phải là nhà văn lớn (ví dụ: Lâm Ngữ Đường), hoặc không phải người Hoa (ví dụ: Pearl Buck, nữ

văn sĩ Mỹ, được giải Nobel Văn chương năm 1938 cho những tác phẩm về Trung Quốc).

(4) Sinh năm 1904, sáng tác tiểu thuyết đầu tay năm 1929, Ba Kim là đại diện cuối cùng của thế hệ thứ nhất các nhà văn Trung Hoa. Trong 10 năm (1966-1976) thời kỳ "Đại cách mạng văn hóa", ông bị cấm viết, bị phê phán và lăng nhục nặng nề. Hiện nay, Ba Kim sống ở Thượng Hải và giữ chức chủ tịch danh dự Hội Nhà văn Trung Quốc.

Vương Mông (1934-) bắt đầu viết văn từ giữa thập niên 50. Năm 1957, ông bị bỏ tù như một "phần tử hữu khuynh". Sau đó, trong 17 năm liền (1962-1979), ông bị đày ải tại một tỉnh tự trị hẻo lánh. Được phục hồi năm 1979, Vương Mông từng giữ một số chức vụ quan trọng như phó chủ tịch Văn bút Trung Quốc (từ 1982), phó chủ tịch Hội Nhà văn Trung Quốc (từ 1985), bộ trưởng Văn hóa (1986-1989).

(5) Điều này khiến chúng ta liên tưởng đến trường hợp một nhà văn lưu vong khác: thi sĩ Nga Joseph Brodsky. Sau khi được giải Nobel Văn chương năm 1987, Trung ương đảng Cộng sản Liên Xô đã mở một cuộc họp (với sự tham gia của các nhân viên mật vụ chính trị KGB) chỉ để thảo luận một vấn đề: "Báo chí Liên Xô có thể tường thuật về giải Nobel Văn chương dành cho Brodsky hay không?"

Rốt cục, một chỉ thị ít nhiều mang tính thỏa hiệp đã được đưa ra. Người ta không loan tin trên báo chí chính thức về giải Nobel của Brodsky, nhưng ngầm cho phép các bạn hữu của thi sĩ tổ chức những tối đọc thơ Brodsky ở Moscow và Leningrad, dĩ nhiên là trong khuôn khổ hạn chế!

Một số tư liệu tham khảo về Cao Hành Kiện:

1. Các văn kiện chính thức của Hàn lâm viện Thụy Điển:

- thông báo về giải Nobel Văn chương 2000 dành cho nhà văn Cao Hành Kiện,
- tiểu sử Cao Hành Kiện.
- danh mục các tác phẩm được dịch ra Anh ngữ của Cao Hành Kiện.
- danh mục những tư liệu, bài viết về Cao Hành Kiện.

2. "A pekingi buszmegállótól a párizsi toronyházig" - Baracs Dénes ("Népszabadság", 2000. október. 21).

3. "Irodalmi Nobel-díj, 2000: Az elso kínai" - Gerlóczy Ferenc ("Heti Világgazdaság", 2000. október. 21).

4. "Irodalmi Nobel-díj 2000. - Kao Hszing-csen (Gao Xinjian) emigráns kínai író" - Polonyi Péter ("Élet és Irodalom", 2000.október. 20).

5. "A buszmegálló" - Kao Hszing-csien (ford. Polonyi Péter, "Nagyvilág" 1984, 3. szám).

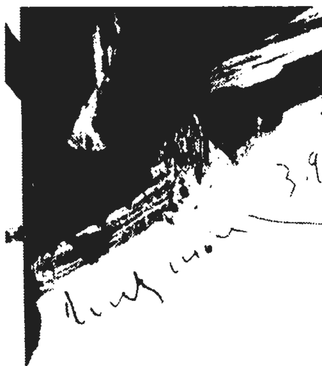
6. "Nhà văn Gao Hành Kiện (Kao Xingjian) - Giải Nobel Văn học 2000: "Phép lạ, đó là nhân cách..." (báo "Lao động", Hà Nội).

7. Các bản tin trên báo chí quốc tế, Liên mạng (Internet).



TRUNG TRUNG ĐỈNH

Trần Đăng Khoa, chính là thằng Cuội ngồi gốc cây ....thơ



Tôi có ông anh là giáo viên trường làng, từ khi đứng trên bục giảng, cho tới lúc đã về hưu hàng chục năm rồi, vẫn chỉ đau đáu có một mong muốn là làm thế nào trông thấy nhà thơ Tố Hữu và nhà thơ Trần Đăng Khoa thật, được một lần. Số là ông anh tôi cũng có máu thơ phú vẽ vời, thành thử mới có cái ước muốn được trông thấy thần tượng của mình đến như thế. Khổ, cả đời làm nghề nhà giáo, lại ở sâu tút lút trong một lẳng quê hẻo lánh, chỉ có sách giáo khoa văn học với lại nghe đài (mà đài là chiếc máy ga-len tự chế), cộng với thứ thông tin chủ yếu là lời đồn, chứ hồi ấy làm gì đã có mấy sách, với lại báo chí, truyền hình. Truyền hình đúng là chưa thể nghĩ tới. Sách truyện văn thơ thì lèo tèo, lúc nào nom ông anh tôi cũng ngơ ngơ ngác ngác vì khao khát thông tin, vì càng chịu khó "săn" tin càng chỉ được nhận những thông tin thất thiệt, đôi khi chỉ do một tay "ếch" ba hoa nào đó ngồi đáy giếng phán chuyện triều đình, nghe sướng tai, đã niềm khao khát, khiến những người thật thà như anh tôi tin sái cổ, thành thử làm sao anh biết được thiên hạ không chỉ có hai cha con ông ấy, một "cây đa" với một "chú cuội thần đồng" trong làng thơ Việt. Tất nhiên ông anh tôi cũng có biết thêm vài anh tài nữa, chẳng hạn như Hàn Mặc

Tử, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Bính của thời trước, chứ còn các nhà thơ trẻ đương đại thì rõ ràng chỉ có Trần Đăng Khoa là nhất. Có lần mấy thầy giáo, bạn anh tôi tới nhà tôi chơi, họ đố nhau, nếu bỗng nhiên được trông thấy, được gặp mặt một vị nhà văn nhà thơ thì chọn ai? Đa số là Tố Hữu, tất nhiên. Cũng có người chẳng biết chọn ai. Riêng anh tôi vẫn kiên quyết thứ nhất là Trần Đăng Khoa, thứ nhì mới tới Tố Hữu. Thời ấy anh tôi dám đặt Trần Đăng Khoa lên trên Tố Hữu là cả một vấn đề, không gàn dở thì cũng là tay liều mạng dám phạm thượng xếp thứ hạng ngược đời thế! Tiếng đồn ở làng tôi, tất nhiên là trong giới sành điệu văn thơ, có một tin ngấm ngầm rằng, Trần Đăng Khoa còn dám sửa cả thơ Tố Hữu từ Đường ta rộng thênh thang tám thước thành Đường ta rộng thênh thang ta bước nữa là! Hồi ấy Trần Đăng Khoa mới đâu chín mười tuổi, lại đã được phong thần đồng, được toàn đảng toàn dân ca ngợi, đài báo tuyên truyền, thơ Trần Đăng Khoa được cánh học sinh cấp hai, cấp ba như tôi (lớn hơn Khoa cỡ chừng tám chín mười tuổi) chép trong sổ tay, anh nào hóng được vài chuyện về thân thế sự nghiệp của "em bé làm thơ Trần Đăng Khoa " coi như là người tài giỏi, là tay đáng nể trọng lắm. Chính ông anh tôi là tay hay có những nguồn thông tin giật gân về Trân Đăng Khoa và Tố Hữu nhất, vì anh là bạn thân với "chú Tỷ" cán bộ phát hành báo chí dưới huyện. Chú Tỷ không những đã nhiều lần được gặp Trần Đăng Khoa với lại cả Tố Hữu mà còn được nghe họ nói chuyện, thậm chí còn "hỏi vặn" họ khi họ hỏi những người nghe xem có ai còn muốn hỏi gì nữa không? Có lần đi họp trên huyện trên tỉnh về, anh tôi khoe:

- Tao suýt nữa được gặp trưởng ty văn hoá với nhà thơ Tố Hữu, ấy vậy mà lại sểnh toi mất cả mẻ gặp cây đa cây đề trong làng văn, chỉ vì nghe tin Trần Đăng Khoa về thăm thành đoàn Hải Phòng, nên tao và mấy thằng bạn mới bỏ hội nghị đến đấy. Đến đấy mới biết Khoa nó không tới được vì bận tiếp khách nước ngoài, khi trở lại hội nghị thì ông trưởng ty đã lôi Tố Hữu lên Thành Uỷ rồi!

Tôi hồi ấy cũng đã mười lăm mười bẩy tuổi, và cũng là tay thích xem sách, hóng chuyện văn thơ, nhưng vẫn còn tồ tẹt ngớ ngẩn lắm, nên mới há mồm ra mà nghe, rồi nói phụ vào, vẻ luyến tiếc thay:

- Thế là "Cháo trứng cũng hỏng, cháo lòng cũng trơ", ai bảo anh "đứng núi nọ trông núi kia" làm gì?

Cái cú sểnh mẻ cá to ấy, cho mãi tới bây giơ vẫn là nỗi luyến tiếc lớn, không biết đến bao giờ phai mờ được, nếu như không có tôi là thằng em ruột của anh, sau ba mươi năm, bằng chiếc xe con bóng loáng của cơ quan, điệu được Trần Đăng Khoa và Trạng Lựu về nhà cho anh tôi chiêm ngưỡng. Phải mở ngoặc đơn ở chỗ này, vì anh tôi biết tôi cùng cơ

quan với Trần Đăng Khoa và Lê Lựu nên lấy làm tự hào lắm, nhiều lần thúc tôi kéo các chú ấy về chơi. Sau tiểu thuyết "Thời xa vắng" Lê Lựu nổi danh như cồn, lại được "cử đi Mỹ thuyết khách", tất nhiên là theo cách nói của anh tôi. Khi Lê Lựu về nhà lại được "cử đi nói chuyện về nước Mỹ" khắp nơi, nhưng ở làng tôi thì chỉ được nghe băng catsete, thuê mỗi tối bảy ngàn đồng. Sau khi nghe cái băng Lê Lựu kể những cuộc đối thoại nảy lửa của anh với các nhà văn, các học giả Mỹ, anh tôi khoái quá nên mới gọi Lê Lựu là Trạng Lựu. Cùng một lúc mà anh không những được trông thấy mà còn được nắm cả tay, cụng cả li, gắp cả thức ăn bỏ vào bát cho Trạng và cho Thần Đồng thì hỏi còn có hạnh phúc nào lớn hơn? Các cụ ta có câu: "Gần chùa gọi bụt bằng anh", cấm có sai. Thấy tôi quá suồng sã với Trạng Lựu, anh tôi phải gọi tôi ra sau nhà chỉnh cho một trận. Khi chiều chúng tôi vừa về đến nhà, anh tôi hỏi tôi nên sắm món gì, tôi bảo canh cua đồng nấu với rau đay, mồng tơi, và nếu có thể thêm quả mướp, thêm bát cà pháo muối chua, thêm đĩa tôm kho mặn, Trạng và chú Khoa đều thích các món ấy. Anh tôi mới đầu không nhất trí, ý anh là phải làm cỗ, phải thịt vài con gà, thậm chí mổ lợn, cho "quân" xuống ao đánh cá, nó mới ra cái thú đón khách trọng tận trên Trung Ương về, mở mày mở mặt với làng với xã. ấy thế mà tôi lại chỉ đưa ra cái thực đơn mỏng tèo, với những món ăn quê mùa đãi khách sang bậc nhất, thật không xứng với tấm thịnh tình của anh tôi, không xứng với chú Kiểm lái xe oai vệ như võ sĩ cùng chiếc xe con bóng nhoáng của chú đậu ở trước sân nhà. Mà anh tôi, kể cả chị dâu tôi cũng là trí thức, là giáo viên, ba đời chuyên nghề "bảo học", gia đình tôi được gọi là gia đình gia giáo, thậm chí hiện anh còn đang được bà con coi là bậc trưởng lão ở làng, nghĩa là còn trên thằng Hồng em họ tôi giữ chức trưởng thôn, chứ đâu phải chỉ có chân đất mắt toét, như Trạng Lựu vừa mới nói với anh tôi rằng, chính Trạng, chính cả "thằng Khoa, thằng Đỉnh" cũng đều là một lũ nhà quê chân đất mắt toét cả! Chao ôi, phải được xem Lê Lựu với Trần Đăng Khoa về ngồi trong mâm cơm giữa làng quê Bắc Bộ, mới thấy được sức mạnh tiềm tàng của cả hai con người trông bề ngoài ụt ịt, nhem nhuốc mà hoá ra sinh động đến mê mẩn lòng người, kể cả người nhà quê. Anh chị tôi hoàn toàn bị bất ngờ khi chén xong ba bát canh cua rau đay với lại cà pháo, không ai động dũa đến thịt gà, giò chả, hiến cho gia đình tôi nghe vài ba câu chuyện tầm phào, chưa ai kịp hiểu đầu cua tai nheo thế nào thì cả Trạng và Thần Đồng, hai nhà trí thức thần tượng của anh của chị, của bao nhiêu công chúng cần lao, lại hồn nhiên nằm lăn ngay ra chiếu ăn giữa nhà thi nhau ngáy. Anh chị tôi nhắc các cháu đụng bát, đụng đũa nhè nhẹ, đi lại nhè nhẹ, với một thái độ hết sức cẩn trọng, khiến tôi và chú Kiểm lái xe cứ phải đánh mắt cho nhau cười mủm, rõ ra

cái lối "bụt chùa nhà không thiêng" thật...

*

Từ ngày quen biết Trần Đăng Khoa tới nay, dễ có đến suýt soát hai chục năm rồi. Suýt soát hai chục năm ấy, kể cả lúc ở bên "Tây Nga" lẫn khi trở về Hà Nội, Sài Gòn, về miền Trung, lên Tây Nguyên vào làng đồng bào dân tộc, rồi lẩn thẩn trong luỹ tre của làng quê Bắc bộ, lúc nào tôi cũng thấy anh "đánh" bộ quân phục không quân hàm quân hiệu, nhàu nhàu, âm ẩm, mông mốc, chừng như suốt mấy chục năm qua nó không được giặt, nó không được là ủi, nó vẫn rùng rục cũ kỹ đậm đà bản sắc mồ hôi dầu như chính ông chủ có vóc dáng khoai tây của nó. Luôn luôn có ý thức về sự nổi tiếng của mình, nhưng Trần Đăng Khoa quyết không phải hạng người lập dị về phương diện trang phục. Trang phục đối với anh chỉ là một thứ vải tiện thể khoác lên người, che lấp đi cái phần cần che lấp. ấy thế mà trong tủ áo của anh, (tất nhiên là hồi chưa vợ) tôi thấy có đến ba bộ comple, loại may đo đắt tiền hẳn hoi, của đáng tội, thỉnh thoảng Trần Đăng Khoa cũng có diện cái món này, nhưng nhìn anh trong cái món ấy nó mới khôi hài làm sao: Một củ khoai tây đóng vai con ốc bươu chính hiệu! Chơi với Trần Đăng Khoa mãi mà vẫn chẳng bao giờ lường được trong cái đầu hói sớm kia đang có những toan tính láu cá nào. Anh luôn luôn là một thằng bạn láu cá. Nhờ anh việc gì là anh sốt sắng nhận lời, nhưng cái việc ấy nhất định không bao giờ có trong đầu anh ngay sau khi lời hứa như đinh đóng cột, cái bắt tay như sẵn sàng sẻ nửa cơ ngơi, và nếu ta nhắc thêm lần nũa, y như rằng được nghe anh "tung ra" một câu thề độc, rát độc, cho kẻ sai lời hứa. Rồi anh quay lưng, nhìn theo tấm lưng âm ẩm mồ hôi quân phục vì dầy cơ bắp quá mà không cung cấp đủ chiều dài để nó có thể cong cong xuống một chút, đang cắm cúi đi kia, đâu có biết là mình sẽ hố với hắn, nếu cứ đinh ninh rằng công chuyện mà hắn nhận giúp ta rồi sẽ tốt đẹp. Ta chợt thấy lòng ta dâng lên một tình cảm buồn thương, một nỗi buồn thương xa vắng chẳng thể nào cắt nghĩa được. Anh không có thói quen phải ngượng ngùng khi có ai đó trách anh vì thất hứa. Sự thất hứa thường xuyên và lỗi hẹn thường xuyên không làm giảm uy tín của Trần Đăng Khoa đối với bạn bè. Bởi vì bạn bè, ai đã chơi với hắn thì đều phải coi chuyện đó là chuyện vặt, chuyện của thằng Cuội ngồi gốc cây...thơ, một cây thơ được ăn thứ nước giếng thơi của nền văn hoá xa xưa làng xã Việt. Một thứ thơ như ca dao, hò vè dân dã. Một thứ thơ được bắt nguồn từ câu chuyện kể:

Em thường rải cái nong

Ra giữa sân ngồi học
Những đêm có trăng mọc
Em chơi cho đến khuya

Câu chuyện về ông trăng nôm na là thế này: Đêm nay đêm rằm, ai treo ông trăng cao thế, ông nhìn chúng em và ông khoe ông có cái mặt tròn. Đấy, một em bé tám tuổi bình thường, (tất nhiên phải sinh ra và lớn lên ở thôn quê Bắc bộ) thì cũng có thể kể được như thế. Nhưng đến ba khổ sau, khi vượt ra khỏi khuôn khổ của câu chuyện kể thì không phải chú bé nào cũng tả được.

Đúng là tả:

Dưới sân em trông trăng
Có quả thị thơm lừng
Nải chuối tiêu thơm mát
Ông trăng nhìn thấy xôi
Là ông nhoẻn miệng cười
áng chừng ông thích lắm

Nhưng đến cái câu cuối của khổ này thì không còn là tả nữa, mà đó là cái nhìn, hay nói đúng hơn, cái cảm của thi sĩ. Ta không thể tin một chú bé tám tuổi mà lại có thể thốt lên, tưởng là bình thường, nhưng vì nó được dẫn dụ từ kể sang tả để rồi đưa ta tới cái cảm khác thường :

Trăng nở vàng như xôi

Xin bạn cứ đọc lại từ đầu toàn bộ khổ thơ, bạn sẽ thấy cái câu cuối ấy nó có ý nghĩa xuất thần, vượt ra khỏi câu chuyện được em bé khéo tả thế nào.

ở khổ ba, khổ bốn cũng tương tự như vậy.

Tôi không có ý định làm cái việc phân tích thơ Trần Đăng Khoa, nhưng khổ nỗi, động đến anh ta tức là động đến thơ, nhất là thơ thời thơ ấu của anh. Nó vừa nôm na, trẻ con lại vừa được em khéo kể, khéo tả , khiến cái việc ấy, cái cảnh ấy ta chẳng lạ gì, vậy mà rồi ta lại cứ thấy lạ lùng thay cái cậu bé này...

Mưa

Sắp mưa
Sắp mưa
Những con mối
Bay ra
Mối trẻ
Bay cao

Mối già
Bay thấp
Gà con
Rối rít tìm nơi
ẩn nấp
Ông trời
Mặc áo giáp đen
Ra trận
Muôn nghìn cây mía
Múa gươm
Kiến
Hành quân
Đầy đường
Lá khô
Gió cuốn
Bụi bay
Cuồn cuộn
Cỏ gà rung tai
Nghe
Bụi tre
Tần ngần
Gỡ tóc
Hàng bưởi
Du dưa
Bế lũ con
Đầu tròn
Trọc lóc
Chớp
Rạch ngang trời
Khô khốc
Sấm
Ghé xuống sân
Khanh khách
Cười
Cây dừa
Sải tay
Bơi
Ngọn mùng tơi
Nhảy múa
Mưa

Mưa
ù ù như xay lúa
Lộp bộp
Lộp bộp...
Rơi Rơi...
Đất trời mù trắng nước
Mưa chéo mặt sân
Sủi bọt
Cóc nhảy chồm chồm
Chó sủa
Cây lá hả hê
Bố em đi cày về
Đội sấm
Đội chớp
Đội cả trời mưa...
1967

Tôi cố tình chép hết bài thơ này ra đây để minh chứng cho nhận xét của mình rằng thơ thời thơ ấu của Trần Đăng Khoa bao giờ cũng bắt đầu bằng câu chuyện kể, rồi tả, rồi bỗng dưng xuất thần. Năng lực tả cảnh thôn quê của Trần Đăng Khoa qua bài "Mưa" thần kỳ này không có gì đặc biệt, mà sao nó cứ luẩn quẩn với ta, mới mãi với ta, đọc lên sao nó cứ xối thẳng vào cảm xúc của ta, ký ức của ta, tạo nên trong ta một bức tranh quê truyền thống, một bức tranh quê đặc sệt quê mùa mà sao vẫn thanh cao, huyền diệu. "Đánh Thần Hạn" cũng là một bài đặc sắc chất phóng túng của thơ Trần Đăng Khoa. Tôi không đánh giá cao những bài lục bát thời ấy của anh. Thơ lục bát thời thơ ấu của Trần Đăng Khoa bộc lộ một lối tư duy dễ dãi bình dân thôn dã, gần với ca dao, gần với lời cho các làn điệu chèo hơn là thơ:

Tay em cầm một cành đào
Ngày mồng một tết chúng em vào thăm anh
Các anh ở giữa đồng xanh
Giơ tay ra đón, các anh cũng cười
Cành đào em tặng rất tươi
Thấy các anh khoẻ, các anh cười, em yêu

Ngay cả bài "Đêm Côn Sơn", một bài được nhiều nhà bình luận đánh giá cao, thì theo tôi đọc lên vẫn bị chất ca dao hò vè lấn át, mặc dù có cái câu rất độc: "Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng". Quả thật, tôi thấy cái câu ấy vẫn không đủ sức dắt nổi toàn bài ra khỏi miền ca dao

thôn dã. Thơ lục bát đã làm nhiều nhà thơ lẫy lừng của ta sa lầy vào cõi trần tục nôm na của ca dao hò vè, nó là cái bẫy, là bãi chiến trường thử lửa đối với tài năng. Vượt qua cái hơi hướng của ca dao hò vè để đến được với cõi thiêng của nó thật gian lao khổ luyện, luyện đến khi không còn thấy cái sự luyện ấy nữa, mới thành thơ được. Thật tình tôi chỉ thấy có nhà thơ Huy Cận (thời "Lửa Thiêng") là người đến được với nó một cách tự do, thoải mái . Nhưng cũng chính Huy Cận là người sa lầy một cách thảm hại không tài nào hiểu được ở những bài sau này.

Ta Ka Nô! Ta Ka Nô!
Anh đi chụp ảnh quân thù bắn anh
Anh là cờ đỏ long lanh
Anh là ánh sáng trong lành nên chi
Kẻ thù nó bắn anh khi
Tay cầm máy ảnh đang ghi nắng chiều.

Quả tình, đọc xong ta không còn lời nào để bình thêm được nữa!

*

Thằng Cuội trong dân gian không phải là thằng Cuội xấu, mặc dù chú ta cũng mắc đủ thứ tội nợ, cái tội nợ to nhất vẫn là thói cuội, thói đi nói dối cha, về nhà nói dối chú. Hình tượng thằng Cuội là điển hình của anh nông dân láu vặt nhưng chẳng bao giờ làm nên tội danh, có khó chịu, có ghét anh ta thì cũng thế, cũng chỉ gây nên nỗi bất bình trong chốc lát, rồi thôi, rồi đâu lại hoàn đấy, thành thử Cuội vẫn hoàn Cuội và ta lại không thể rút kinh nghiệm được, lần sau lại tin hắn, lại bị mắc lỡm bởi cái lối thật thà bằng cha mách qué của hắn. Tóm lại giận thì giận, mà thương càng thương. Hình như trong cuộc sống dân gian của người Việt cư trú ở châu thổ sông Hồng không thể thiếu được sự hiện diện của thằng Cuội. Không có Cuội thì buồn mà có Cuội thì nhiều khi cuộc sống bị đảo lộn. đến sôi máu, cáu tiết, giận điên lên được. Ấy vậy mà "Cuội Khoa" đây còn được lên thành phố, được ra cả nước ngoài tham quan, học hỏi, điều tốt Cuội học được nhiều, nhưng cái chất cuội trong con người anh ta không cách gì gột rửa được, nhiều khi thấy nó đậm nhạt khác nhau, nhưng cái cốt lõi của nó thì như các cụ nói, nó đã thành tật. Làm cái gì mà không cuội một tí là y như rằng nó cứ bứt rứt trong lòng. Hề hề, cuội cuội làm cho cuộc sống tươi lên, nhưng nếu quá đi thì nó lại thành ra thói tật.Cái giận của bạn bè đối với Trần Đăng Khoa chính là cái giận ấy. Một biên tập viên ở một toà báo chưa có kinh nghiệm chơi với Trần Đăng Khoa, sau khi đặt được anh viết cho bài "làm cái đinh" cho số

báo về khoe với Tổng biên tập và cả cơ quan, đến ngày ấy là "Khoa đã hứa là đem đến tận nơi ". Có người khuyên anh ta là nếu đã đặt thì phải thúc, phải bám chặt lấy hắn như bà Định bám "thắt lưng địch", may ra mới lấy được bài. Mà chắc chắn là bài hay, bài làm cái "đinh" được. Anh bạn phóng viên nọ tin vào lời hứa, tin vào cái bắt tay "sẻ nửa cơ ngơi" của Trần Đăng Khoa, tin vào câu thề độc "làm chó ăn cứt cho con ông nếu tôi sai hẹn" nên đến ngày giờ hen, cứ đi ra đi vào hóng đợi. Mãi không thấy Trần Đăng Khoa đến. Anh ra quán giải khát trước cơ quan chờ cho bớt căng thẳng. Chờ hàng tiếng nữa vẫn không thấy. Một chú bé bán báo đi ngang qua, tiếng rao: "A Lô! Báo mới đây! Có tin mới Trần Đăng Khoa đối thoại với lão Chộp, người bắt sống viên đại sứ quán Mỹ tại Việt Nam đây!" khiến anh chồm tới níu vai chú bé bán báo lại, ấn tiền vào tay chú, giật lấy tờ An Ninh Thế Giới. miệng lẩm bẩm: "Thằng đểu! Thằng mất dạy! Nó đã hứa, đã thề với mình...".

Té ra sự thể là thế này: Hai ba hôm trước gì đó, Trần Đăng Khoa đã viết xong bài cho anh bạn phóng viên nọ, theo yêu cầu hẳn hoi. Trên đường đem bài đến đưa trước hẹn, tình cờ gặp Hữu Ước dọc đường, Hữu Ước hỏi có gì mới đưa đây đăng ngay. Khoa ta quên phắt lời thề với anh phóng viên nọ, thò tay trong túi, móc luôn cái bài lẽ ra đem nộp kia, đưa cho Hữu Ước. Hữu Ước phải hỏi lại một câu đại loại thế này: "Ê Cuội, bài này chưa in đâu thật chứ?" - "Chưa. Tôi thề với ông.". Thề bồi của Cuội là cái đinh! Nhưng với tính nhanh nhạy của nghề làm báo, lại thuộc tính bạn nên Hữu Ước đem về đọc ngay, cho in ngay.

Anh bạn phóng viên kia đành phải "trám" bài khác vào cái trang dành cho lão Chộp bị chộp hụt! Còn Trần Đăng Khoa thì vẫn coi đó là chuyện bình thường, chuyện đơn giản. Đúng là "đơn giản tôi là Trần Đăng Khoa", vậy thôi.



Có ba người trong đoạn đời làm thơ thời niên thiếu của Trần Đăng Khoa tạo nên ảnh hưởng trực tiếp đến thi pháp của em. (Tôi gọi "em" đây là em Khoa thời bấy giờ). Và cả của anh, nhà thơ Trần Đăng Khoa bây giờ. Đó là mẹ, gồm cả quê hương với góc sân và khoảng trời nhà em. Đó là Xuân Diệu thi sĩ và bạn bè văn thơ. Người thứ ba, ấy là Tố Hữu. Tố Hữu vừa là nhà thơ vừa là nhà chính trị, nhà quản lý văn nghệ.

Có thể nói tập thơ xuất sắc nhất của Trần Đăng Khoa cho tới bây giờ, vẫn là tập "Góc sân và khoảng trời". Sau này anh tập hợp tất cả thơ thời niên thiếu lại thành tập "Thơ tuổi ấu thơ". Nó được làm ra hồn nhiên trong một không gian cực kỳ lành mạnh và trong trẻo. Chỉ có góc

sân và khoảng trời quê hương, và mẹ, hay nói chính xác hơn là chỉ có trong vòng tay của mẹ hiền, tài năng của chú bé ấy mới phát lộ một cách tự nhiên như lúa như khoai trên đồng đất quê nhà những mùa vụ bội thu. Nó chính là vẻ đẹp dân giã vừa rất đơn giản lại vừa huyền diệu.

Con bướm vàng
Con bướm vàng
Bay nhẹ nhàng
Bên bờ cỏ
Em thích quá
Em đuổi theo
Con bướm vàng
nó vỗ cánh
Vút lên cao
Em nhìn theo
Con bướm vàng
Con bướm vàng...

Chẳng có gì nhiều, ngoài một em bé và con bướm vàng, bên bờ cỏ, không nhắc gì tới cánh đồng nhưng sao ta cứ thấy một cánh đồng ngát hương hoa. Không thể đơn giản hơn và cũng không thể huyền diệu hơn khi tuổi thơ của ta được đầm mình trong hoa thơm cỏ lạ nơi đồng nội quê mình.

Thơ tuổi thơ của Trần Đăng Khoa ngộ nghĩnh, cái ngộ nghĩnh mang bản sắc của những bài hát đồng dao:

Đã ngủ rồi hả trầu?
Tao đã đi ngủ đâu
Mà trầu mày đã ngủ...

Hay:
Đoàn người bước lên lưng Cua
Tay cầm cào cỏ
Răng bừa
Chiêng dồn, trống thúc
áo quần rách bươm
Phấp phới
Người trẻ đứng trên
Người già đứng dưới
Bạn nhỏ đứng giữa đôi càng

...
Rồi :
Hay nói ầm ĩ
Là con vịt bầu
Hay hỏi đâu đâu
Là con chó vện....
Và đây nữa:
ò...ó...o...
ò...ó...o...
Tiếng gà
Tiếng gà
Giục quả na
Mở mắt
Tròn xoe
...

Và nữa:
-Than ơi!
Bạn từ đâu ra
Mà bạn đen thế?
-Tôi từ đáy bể
Mắt tôi có ngọc trai
...

Sự trưởng thành trong mỗi câu thơ, trong mỗi bài thơ, kể cả ý tưởng lẫn cấu tứ, sáng dần lên, chững chạc dần lên, vừa giữ được bản năng gốc chân quê hồn nhiên trong sáng, lại vừa lịch lãm diệu nghệ. Đó là một bước tiến mới vô cùng quan trọng, bởi tự nó khẳng định được chân tài và khẳng định được vị trí của mình trên văn đàn, ấy là những bài thơ sau khi em Khoa đã tiếp xúc với văn đàn mà người dẫn dắt đáng yêu nhất, đáng trân trọng nhất phải kể đến Xuân Diệu. Xuân Diệu như là người mở cổng cho Trần Đăng Khoa bước vào Ngôi Nhà Thơ. Hơn thế, ông là hướng dẫn viên du lịch, dẫn chú bé nhà quê tới Tao Đàn và giới thiệu chú với văn nhân thi sĩ, đồng thời giới thiệu họ cho chú biết thế nào là Vườn Thơ, thế nào là Rừng Thơ, thế nào là Người Thơ...

Thơ Trần Đăng Khoa ở thời điểm này trở nên thơ hơn, không còn phải kể lể, không còn phải tả cảnh tả người mà vẫn chở được cái tình quê, cái hồn quê vốn dĩ rất gần với thơ, nhưng nếu không có những cuộc tiếp xúc mới mẻ với các bậc trưởng lão trong làng Thơ làng Văn, hẳn chú bé Khoa vẫn chỉ là chú bé Em kể chuyện này mà thôi.

Hạt gạo làng ta

Có vị phù sa
Của sông Kinh Thầy
Có hương sen thơm
Trong hồ nước đầy
Có lời mẹ hát
Ngọt bùi đắng cay...

Hạt gạo làng ta
Có bão tháng bảy
Có mưa tháng ba
Giọt mồ hôi sa
Những trưa tháng sáu
Nước như ai nấu
Chết cả cá cờ
Cua ngoi lên bờ
Mẹ em xuống cấy
...

Đúng như sự vận động thông thường của cuộc sống. Những cuộc tiếp xúc không bao giờ dừng lại nếu như sự phát triển của thơ Trần Đăng Khoa không muốn dừng lại. Hay nói đúng hơn, Trần Đăng Khoa từ tấm bé, vừa mới phát lộ tài năng là đã chìm ngập trong một không gian lộng lẫy bởi những cuộc tiếp xúc đầy hào quang cộng thêm âm vang của tiếng đồn và sự truyền tụng. Chú bé không đủ sức chống đỡ, nhưng bằng bản năng dân giã, bằng tiềm tàng của sức mạnh hồn nhiên mà nền văn hoá làng xã đã cho phép em sống chung với bão lũ, tự mình bươn chải với tiếng tăm của mình! Nếu ví sự ảnh hưởng của Xuân Diệu đối với Trần Đăng Khoa như vẻ đẹp thuần khiết của hương hoa đồng nội gặp sự chăm chút, tỉa tót của nhà nghệ nhân khi cắm hoa và cả khi đặt hoa trong bối cảnh chung của ngôi nhà nghệ thuật thì sụ ảnh hưởng của Tố Hữu lại có một vị thế vô cùng trọng đại. Bản thân thơ của Tố Hữu và ảnh hưởng của ông trong đời sống tinh thần của toàn Đảng, toàn dân thời ấy có một sức mạnh bao trùm.

Không phải ngẫu nhiên chú bé làm bài "Hạt gạo làng ta" lại đề kính tặng chú Xuân Diệu . Bài "Nửa đêm tỉnh giấc" đề kính tặng chú Huy Cận. Còn bài "ò ó o..." thì kính tặng chú Tô Hoài. Chỉ riêng Tố Hữu là Trần Đăng Khoa lấy luôn đầu đề bài thơ một cách trang trọng là "Kính tặng chú Tố Hữu"

...
Bây chừ đất nước trong tay

"Dẫu chưa toàn vẹn đã bay cờ hồng"
Chú ngồi dặn cháu trong phòng
Ôi lòng chú cũng như lòng mẹ cha
...

Thơ Tố Hữu và cái bóng của ông đã trùm phủ lên chú bé và tài năng thơ mới phát lộ của chú. Cho mãi tới tận bây giờ, Trần Đăng Khoa đã nhiều phen vẫy vùng để vượt ra khỏi vùng ảnh hưởng, nhưng có lẽ cũng phải tới những năm gần đây điều ấy mới diễn ra ở tập thơ "Bên cửa sổ máy bay"(1985). Chứ còn trước đó anh vẫn chưa thoát ra khỏi tần sóng quá mạnh với lực hút chừng như không lúc nào giảm sút của ông. Đây, bài thơ hồi Trần Đăng Khoa làm năm 1969 với tựa đề "Đất trời sáng lắm hôm nay"

Bác ơi! Cháu đến đây rồi
Ba Đình phượng đỏ một trời tiếng ve
Cháu nghe Hà Nội vào hè
Hồ Gươm nước biếc, bốn bề hoa tươi
Sang năm Bác tám mươi rồi
Bác ơi! Bác thấy trong người khoẻ không?
...

Nếu Trần Đăng Khoa sinh năm 1956 thì năm làm bài thơ này anh 13 tuổi. Còn nếu anh sinh năm 1958 thì mới mười một tuổi. Một chú bé mười một, mười ba tuổi viết bài thơ về lãnh tụ ...tràn ngập âm hưởng Tố Hữu.

Và:

Cao hơn trang thơ, hơn cả cuộc đời
Là Tổ Quốc đang một còn, một mất...

*

Tôi đã từng nhiều lần không tin cái anh bạn đang ngồi nói chuyện với mình đây lại là do chú bé làm thơ Trần Đăng Khoa lớn lên mà thành. Những bài thơ ấy với con người này sao chẳng thấy tương xứng với nhau chút nào. Bản thân sự tương xứng ấy không liên can gì tới hình thức nhan sắc bề ngoài, nhưng ít ra nó cũng có liên can. Tôi ngờ rằng sau khi làm được một mớ thơ, nói theo cách nói của người nhà quê, thấy con mình nổi tiếng quá khiến bà mẹ lo lắng. Cái cách lo lắng đề phòng của

người nhà quê cũng dân giã, bình thường, ấy là lo người ta lấy mất con mình, nên đem nó dấu vào trong bồ thóc như dấu củ khoai củ ráy. Sự thể không đơn giản thế bởi đất nước có chiến tranh. Gà mái mất con vì bom đạn thù, nó còn điên dại lồng lên đi tìm, như trong một bài thơ khá hay của Trần Đăng Khoa đã kể, huống chi bà mẹ đẻ ra được chú hài nhi người ta gọi là Thần Đồng! Khiếp lắm! Thôi thì dấu trong rương trong hòm không xong đành phải bày trò đánh tráo. Thằng anh con bác Cả hơn thằng em hai tuổi vốn tính cũng láu lỉnh thông minh, lại muốn bay nhảy nên cho nó thế vào chân em , vừa được tiếng vừa được miếng, lại giữ được con, lại lo được cho cháu! Thể là nghị quyết gia đình được đưa ra bàn bạc giữa hai nhà. Hai nhà nhất trí. Cái anh chàng Trần Đăng Khoa sinh năm 1956 chính là Trần Đăng Khoa bây giờ. Còn em bé làm thơ Trần Đăng Khoa hồi ấy(sinh năm 1958) đã thành ông nội, ông ngoại, con đàn cháu đống ở làng. Từ ngày có người anh ra đi thay cho mình, "Khoa thật" trở nên buồn bã không thơ phú văn chương nữa. (Tất nhiên anh ta phải mang cái tên của ông anh họ). Còn "Khoa anh" thì lại cứ tưởng mình là thiên tài, là Trần Đăng Khoa thật, thành thử suốt ngày lo trau dồi văn thơ, chữ nghĩa, té ra anh ta cũng là tay có khiếu, sáng tác được khá nhiều thơ hay, được bộ đội cho đi học sĩ quan rồi cho đi vào thực tế đời sống, làm cán bộ ở Hải Quân, rồi lại đi học trường viết văn Nguyễn Du, hết Nguyễn Du tiếp tục sang Liên Xô học trường viết văn lớn nhất thế giới, ngôi trường mang tên văn hào Gooc-Ky... Sau bẩy năm du học ra trường về nước, đã có cơ quan văn học lớn nhất trong quân đội chờ sẵn để tiếp nhận.

Tôi đã đem câu chuyện "Cuội"này của tôi ra kể cho Trần Đăng Khoa nghe, nghe thấy có lý nên anh ta mới ậm ờ cho qua. Kết quả bao nhiêu năm đảng và quân đội chăm lo cho nhân tài, quả được anh đền đáp không đến nỗi nào, bằng những tập thơ tập văn sau này, với những bài thơ những câu chuyện về lính đảo và đặc biệt tập sách "Chân dung và đối thoại" của anh gần đây được những người hâm mộ cổ vũ nhiệt liệt, và cả những người không đồng ý với anh tranh cãi kịch liệt. Cái kịch liệt ấy tạo nên một không khí mới cho văn đàn tẻ nhạt nhiều năm qua. Mà thực chất bản thân những điều khiến nhiều người tranh cãi kịch liệt ấy cũng chỉ xoay quanh mấy trò xiếc của anh chàng Cuội ngồi gốc cây...thơ, được Trần Đăng Khoa dựng lên. Âu đó cũng là một sự đóng góp rất đáng kể cho đời sống văn nghệ vậy.

TRUNG TRUNG ĐỈNH
Tháng 9 năm 2000



JOHN POWERS
NGUYỄN HOÀNG VĂN *chuyển ngữ*

Viết, giữa nam và nữ



Men and women feel differently,
so naturally they write differently.

Ngụp lặn trong dòng văn chương nữ để tìm kiếm tài liệu viết The Prison of Sex, xuất bản năm 1971, Norman Mailer tỏ ý ngạc nhiên khi khám phá "dăm ba tác phẩm đường được"; thậm chí vài ba khuôn mặt có thể sánh ngang với những "trự đực rựa mắc chứng đồng tính thuộc hạng cứng cựa".

Mười lăm năm sau, trong cương vị chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Mỹ, Mailer vẫn giữ một thái độ y chang. Là người đã tự tay chọn lựa thành viên của Uỷ Ban Văn Bút trong kỳ hội 1986, ông bào chữa cho sự thao túng của giới mày râu năm ấy như là một sự "xứng đáng" không chê vào đâu được. Cái chính là mục tiêu nghệ thuật chứ không phải để lấy lòng những nhà nữ quyền. Không ai nỡ lòng hy sinh "chân giá trị" của một hội đồng văn chương chỉ để kiếm thêm mấy điểm chính trị!

Dĩ nhiên, một giọng điệu như thế khó mà thoát khỏi những buá rìu... nữ quyền! Miriam Schneir, chủ biên của bộ Feminism: The Essential Historical Writings chỉ trích kịch liệt "quan niệm văn tài đi đôi với giới tính" của Mailer; và, chưa hết, còn châm biếm chua cay: "Hắn ta quáng gà rồi. Hắn không đủ sức phân biệt được thế nào là một cây bút, thế nào là một cây dương vật!"

Hai năm sau, tại Feminist Book Fortnight ở Luân Đôn; khi tìm cách xác định tầm quan trọng nổi bật của những cây bút nữ, Ros de Lanarolle lại lăm le đội cho Mailer những mũ miễn chauvinism. Nữ phái, theo bà, đâu hề dính líu vào những "tranh chấp quyền lực với những quốc gia khác"? Họ không thèm đua chen vào chuyện "điều hành thế giới" nà chỉ hướng đến nỗ lực "sáng tạo"!

Như thế, nam giới chỉ biết viết vớ viết vẩn, viết toàn những chuyện nhạt phèo thôi sao? Lanarolle lại rào đón, thanh minh: Bà chỉ muốn nêu lên vai trò của phái nữ, muốn kêu gọi cho một sự chuyển hướng của thế giới, trước khi khi bị tiêu tùng bởi bản chất hủy diệt của giới mày râu.

Ra vậy những cây bút nam và bút nữ thường viết về những điều khác nhau, và viết với những phong cách khác nhau? Ắt là một nữ độc giả sẽ có những đòi hỏi khác hẳn một nam độc giả?

Kate Sauders, trên tờ The Sunday Times, gật đầu Vâng cho cả hai. Cô thêm: "Có bao nhiêu phụ nữ đọc Joseph Corad, và liệu trong những người đọc Brontes, có được mấy phần trăm có râu?"

Với Sauder, chỉ cần liếc sơ qua những trang bìa là có thể đánh hơi được sự khác nhau: Nam phái thường lạm dụng những tính từ làm ra vẻ quan trọng và lên gân như: quan trọng (important), đầy khích động (exciting) hay sáng chói (brilliant); nữ phái thì ưa chuộng những từ ngữ ra vẻ tha thướt yểu điệu, làm duyên làm dáng: quyến rũ (charm), tinh tế (delicacy), nhạy cảm (exquisite) v.v...

Chỉ mới ở ngoài bìa mà đã thế thì bên trong sẽ còn phức tạp biết mấy? Cũng Sauder: "Nam giới băn khoăn tại sao lũ đàn bà con gái cứ cuống lên với Look at Me của Anita Brookner hay Possession của A. S. Byatt; trong khi đó nữ giới thì phải cau mày vật lộn trước những dòng chữ chi chít trong One Hundred Years of Solitude của Garcia Marquez hay Money của Martin Amis."

Cái đoạn kết không văn chương chút nào của... văn chương là chuyện tiêu thụ sách, và nó cũng nam-nữ bất thân như thế. Năm 1989, đại diện nhà xuất bản Harlequin Book Publihsers cho biết "nữ giới tiêu thụ đến 96% những tiểu thuyết tình cảm sướt mướt, viết bởi tác giả nữ"; trong khi đó, phái nam lại ưa chuộng những màn phiên lưu mạo hiểm, những cuốn sách lấp lánh ánh kim khí của súng đạn gươm đao các kiểu trên trang bìa, và dĩ nhiên, viết bởi nam tác giả.

Làm sao để giải thích hố ngăn cách này? Cái hố sâu giữa hai tác giả nam-nữ, và giữa hai độc giả nam-nữ? Nó có đơn giản theo phương pháp của Freud: Phân giải, mổ xẻ là thấy hết? John Uplike, trên tạp chí HQ, có vẻ như tán đồng với ông tổ của ngành phân tâm học: "Cứ nhìn

qua lăng kính của hiện tượng sinh sản, cơ thể nam giới là một hệ thống giao phát trong khi phái nữ thì chỉ mỗi việc hấp thụ, đến là kỳ lạ...."

Hay là do trận chiến phái tính? Những mánh lới sử dụng trong đó đã tạo nên những phong cách văn chương khác nhau, như nhận xét của Ronald Conway, người kiêm nhiệm cả hai lĩnh vực văn chương và tâm lý học: "Sự lan tràn của nạn bạo hành nhắm vào nữ giới, trên khía cạnh tình dục hay thể chất, là một sự thể đáng tiếc. Nhưng cũng có những hình thức khủng bố đầy tinh tế khác mà nữ giới vẫn thường lạm dụng để đày đoạ nam giới trên khiá cạnh xã hội, khẩu ngữ hay tình cảm."

Bên cạnh những khác biệt thể chất hay tâm lý như thế, cũng phải nhắc đến sự miễn cưỡng và lấn cấn của nữ giới khi phải diễn tả những ý tưởng phức tạp của mình trong bố cục truyền thống, lối kết cấu thẳng băng theo bố cục tuyến tính.

Dorothy Hewett, trước những lời phê bình về sự rời rạc trong kịch phẩm của mình, đã giải thích: "Tôi cũng đã từng sử dụng đến lối kết cấu kia, nhưng rốt cuộc cũng phải tự nhũ: Đó đâu phải là sở trường của ngươi. Văn chương hay kịch nghệ, gì cũng thế, từ những cây bút nữ khác, tôi tin rằng ý tưởng đòi hỏi kịch phải có đoạn mở đầu, đoạn giữa và đoạn kết thực ra chỉ là một quan niệm sặc mùi nam tính. Kịch của tôi được viết theo lối của tôi, và đó cũng là phong cách của chủ nghĩa biểu hiện."

Ros Horin, một nữ đạo diễn sân khấu, cũng cất cùng một giọng ca, chỉ với một âm sắc hơi khác. Qua hơn 60 tác phẩm của nhiều nữ kịch tác gia, Horin nhận ra khuynh hướng chú trọng đến nội tâm và xem nhẹ kịch tính. "Họ chạy trốn hiện thực để nương mình ở một thế giới mơ hồ nào đó. Và chúng ta chưng hửng bởi những nội dung trùng lặp. Thế giới của họ là một thế giới mơ màng sương khói. Đó là một phong cảnh chứ không phải một cảnh đời. Nó lẫn tránh hiện thực. Nó huyền hoặc cứ như là chuyện thần tiên."

Nhưng khuynh hướng "xem nhẹ kịch tính" không phải là một ý kiến mới mẻ. Vài năm trước nhiều nữ kịch tác gia tại Yale nhấn mạnh rằng kiểu cọ "mở bài, thân bài và kết luận" của Aristole chỉ đơn thuần là kinh nghiệm tình dục của nam giới. Những vở kịch kiểu đó bao giờ diễn tiến theo cung cách tận hưởng khoái lạc tình dục của giới mày râu. Khi câu chuyện dồn dập những kịch tính được giải toả ở hồi kết, ấy cũng là lúc gã đàn ông giải phóng những dồn nén tích lũy từ hồi khai cuộc, vỡ oà trong dòng chất lỏng bắn ra...

Nhưng với nữ giới, họ... tiết lộ, khoái lạc đó không... căng thẳng như thế. Nam giới phải dồn dập hoạt động, và hoạt động một cách đầy

kịch tính. Họ phải kiên nhẫn chờ đợi để đạt đến "đỉnh cao" sau khi "trút bỏ". Với nữ giới, niềm hoan lạc của họ khoan hoà và êm đềm, nó nhấp nhô, nó dìu dặt, nó san sẻ và trải đều từ pha đầu đến pha cuối. Và như thế, để thể hiện cái "nữ" của mình một cách trọn vẹn, họ phải tìm cho ra một phong cách riêng, có thể thể hiện những kinh nghiệm nhục cảm đó. Bố cục của họ là bố cục của một kinh nghiệm tình dục có khuynh hướng lan man và du dương.

Tự thân ngôn ngữ cũng là một trở ngại phân cách nam-nữ, cả trong đời sống và cả trong văn chương. Theo Beatrice Faust, với nam giới, ngôn ngữ là công cụ để truyền đạt thông tin; với nữ, ngôn ngữ là lợi khí để gầy dựng hiếu hoà. "Nam ứng phó với thực tại, nữ hành xử với cảm tính. Nam tranh đua. Nữ tìm kiếm đồng thuận. Nam hung hăng. Nữ nhu mì".

Cũng những trở ngại ngôn ngữ, nhà phê bình Denis Donoghue có một cái nhìn ảm đạm hơn trước những cây bút phê bình hay lý luận nữ phái. Trong ngôn ngữ họ cũng là những thân phận... đậu phải cành mềm. Ngôn ngữ cho con người nói chung, với họ, chưa hề tồn tại. Chỉ có ngôn ngữ của giống đực. Trong không khí của nền dương vật chế (phallocratic), họ phải vùng vẫy như những thân phận mắc bẫy giữa quy phạm và lề luật của thứ ngôn ngữ duy dương vật (phallocentric). Họ chỉ có hai chọn lựa: hoặc chấp nhận và dở dang trong việc thể hiện bản sắc nữ của mình, hoặc gắng gượng như đang tham gia một dạ hội hoá trang. Phải vờ vĩnh chấp nhận những gì chưa bao giờ thuộc về mình là định mệnh của nữ giới, thứ định mệnh phải phục tùng chủ nhân...

Nếu nam nữ cứ tiếp tục ngỡ ngàng nhìn qua những rào cản ngôn ngữ, những cách biệt cấu trúc hay nội dung, hay thậm chí qua những thực đơn văn chương; chúng ta sẽ bị đưa đẩy về đâu? Liệu làn sóng feminism thứ ba có khiến mọi sự trở nên đơn giản hơn? Chỉ biết hy vọng...

NGUYỄN HOÀNG VĂN
Chuyển ngữ từ *Who has the last word in the sex war?*
của John Powers,
The Weekend Review, October 1-2, 1994.



HÒA ĐA

vài cảm nghĩ về tình tự dân tộc:

Nét đặc sắc bị bỏ quên: Nói lái



Tôi không phải là một nhà ngôn ngữ học, nhưng có nhận xét này, mà khi chia xẻ với nhiều người Việt Nam, tôi luôn có sự đồng tình: Nói lái là một hình thức vô cùng độc đáo của ngôn ngữ Việt.

Bạn có bao giờ nghe giai thoại giải thích đại phong là lọ tương chưa? - Chuyện thế này: hai anh hề trên sân khấu tuồng ngoài Bắc, trong lúc diễu giúp vui, anh này đố anh kia: đại phong là gì?

- Thì đại là lớn, còn phong là gió, đại phong là gió lớn, anh kia giải thích.

Anh này bảo đại phong là lọ tương kìa: đại phong là gió lớn, gió lớn thì chùa đổ, chùa đổ thi tượng (Phật) lo, *tượng lo* là *lọ tương*.

Một giai thoại khác, ở trong Nam. Lúc ấy, vào buổi tàn thời của nho học, người ta bỏ bút lông, giất bút chì; một số chạy theo thực dân Pháp. Trong số ấy có Nguyễn văn Tâm, một lòng cúc cung với mẫu quốc, được người Pháp cất nhắc làm quan lớn; trên dưới trong ngoài, ai cũng biết nhờ bợ đỡ quan thầy mà làm quan to. Tâm lấy làm tự đắc lắm. Phú quí sinh lễ nghĩa, quan lớn nhà ta cũng muốn tỏ ra

mình phong lưu, muốn có những bức hoành, trướng để trang trí. Có người dâng lên quan bốn chữ đại tự Đại Điểm Quần Thần, viết chân phương, rất đẹp và giải thích Quần thần là người bề tôi, Đại điểm là điểm lớn, ý nói quan lớn là người bề tôi có vị trí to lớn, quan trọng trong triều. Quan lấy làm thích thú đem treo bức liễn trong phòng khách; ai đến thăm quan cũng đem khoe và giải thích như trên. Ít lâu sau có người đến ngắm bức liễn, rồi xin quan lớn dẹp đi. Quan ngạc nhiên hỏi, người ấy xin đừng bắt tội, đuổi hết tả hữu rồi giải thích: người viết liễn đã cố ý bỡn quan lớn, mà quan không biết. Bốn chữ trên dịch từng chữ: Đại điểm là chấm to; Quần thần là bề tôi, nói theo kiểu trong Nam là bầy tôi. *Đại Điểm Quần Thần* là *Chấm To Bầy Tôi* nói lái lại là *Chó Tâm Bồi Tây*. Chẳng nghe chuyện kể nói quan có tìm tác giả bốn chữ nói trên để trị tội hay vì không muốn làm vỡ chuyện mà ỉm luôn .

Trong đời sống hàng ngày, chẳng hiếm khi chúng ta gặp những câu nói lái, đôi khi chỉ để bỡn cợt, châm biếm hay tránh những tiếng thô tục.

Ở Nam Bộ , có câu :

Con cá đối nằm trên cối đá,
Con mèo đuôi cụt nằm mút đuôi kèo
anh mà đối được, dẫu nghèo em cũng ưng.

Người Việt, đối với những người lớn tuổi hay trưởng thành ở Việt Nam chẳng có ai là không biết cách nói lái, tùy theo gốc gác hay sinh hoạt ở Bắc, Trung hay Nam mà cách nói lái có khác nhau; nhưng tựu chung, khi nói lái, người ta tránh không nói thẳng chữ muốn nói; mà người nghe, vì không tinh ý, nhất thời không nhận ra như trong giai thoại Đại Điểm Quần Thần kể trên.

Đi sâu hơn vào chi tiết: một chữ gồm hai phần: phụ âm và âm. Chữ tranh chẳng hạn gồm phụ âm *tr* và âm *anh*. Chúng ta lại có thêm sáu thanh: sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng và không dấu tạo tiếng Việt thành giàu âm sắc, chỉ cần khác dấu, chữ được phát âm khác nhau: tranh, tránh, trành (trong tròng trành) trạnh (trạnh lòng) và tất nhiên có nghĩa khác nhau, và đây cũng là nét độc đáo của ngôn ngữ Việt, người nước ngoài bảo người Việt nói chuyện nghe giống như hát.

Cũng có chữ không có phụ âm mà chỉ có âm, như trong ảnh ương hay ảo ảnh...

1. Nói Lái theo cách ngoài Bắc.

Trở lại câu chuyện đại phong là lọ tương nói trên. *Tượng lo* nói

lái lại là *lọ tương,* người miền Bắc đổi chỗ cho hai chữ, đồng thời đổi luôn hai dấu (nghĩa là đổi âm sắc): lo đổi chỗ cho tượng, lấy dấu nặng thành lọ, tượng đổi chỗ cho lo, mất dấu nặng thành tương.

Ta lấy vài thí dụ khác:

đấu tranh nói lái lại là tránh đâu: tranh đổi chỗ cho đấu, lấy dấu sắc của đấu thành tránh, đấu đổi chỗ cho tranh, mang dấu của tranh (không dấu) thành đâu.

hải phòng nói lái lại là phỏng hài: hải đổi chỗ cho phòng lấy dấu huyền của phòng thành hài, phòng đổi chỗ cho hải lấy dấu hỏi của hải thành phỏng.

Cứ theo cách ấy thì:

Sầm Sơn sờn sâm
Thái Bình nói lái là bính thài
Giải phóng phỏng giái
Hà Nội nồi hạ
vv.. và vv..

Như vậy thì hai chữ có cùng dấu không nói lái được, như nhân dân, anh em, Sài Gòn, thánh thót, thực vật.... Cũng vậy, những tiếng láy như xanh xanh, hơ hớ, đo đỏ, lăng xăng....không thể nói lái được và nếu chúng ta cố tình theo qui luật trên thì cũng chỉ đổi vị trí cho nhau thôi.

2. Nói lái theo kiểu trong Nam.

Trong Nam người ta nói lái theo cách khác: cá đối nói lái lại thành cối đá.

Ta nhận thấy theo cách nói lái trong nam, âm trong hai chữ đổi chỗ cho nhau, phụ âm giữ nguyên vị trí, phụ âm c ghép với âm ối của đói thành cối, và phụ âm đ ghép với âm á thành đá. Như vậy:

Sài gòn sòn gài
Cần thơ nói lái lại là cờ thân
Cầy tơ cờ tây
Cửu long cỏng lưu. (dân nam kỳ phát âm giống như cỏng lu)
Thủ Đức *thức đủ* *v.v...* và v.v...

Bút hiệu Thế Lữ (trong Tự Lực Văn Đoàn) chính là chữ nói lái của tên thật của ông: Nguyễn Thứ Lễ. Ngày trước đã có vế đối:

Ngày Tết, Thứ Lễ đi hai thứ lễ: lễ ta và lễ tây

Trong vài trường hợp người ta nói lái cho cả ba chữ, bằng cách giữ nguyên chữ giữa như trong trường hợp mèo đuôi cụt thành mút đuôi kèo (dấu nặng trong cụt biến thể thành dấu sắc trong mút), như

vậy hà thủ ô nói lái thành hồ thủ a.

Đôi khi người ta lại đổi chỗ hai phụ âm cho nhau (tuy ít thôi) để sau khi nói lái có nghĩa và dễ nghe hơn, thí dụ chiến binh thay vì nói lái thành chinh biến cũng có thể nói thành biến chinh, do đó với hai chữ tranh đấu có người đã đùa mà nói rằng: tranh đấu thì tránh đâu khỏi bị trâu đánh thì thế nào cũng phải đấu tranh.

Cũng như trong trường hợp trên, những chữ trùng âm như *nhân dân, lù đù, lật đật*...không nói lái được.

Ngoài ra còn một cách nói dựa trên nói lái kiểu trong Nam, không mấy người quen sử dụng. Trong cách này, người nói ghép từng chữ (trong nguyên câu) với một chữ (đã được qui ước trước giữa hai người) rồi nói lái hai chữ này với nhau. Cách này tương đối khó, và thường gặp trong giới bình dân lao động, ít học (không biết có phải vì vậy mà không được biết đến chăng?) Thí dụ với câu: “hôm qua tui đi ra đầu ngõ chờ em tới, mà đợi hoài không thấy...” họ ghép từng chữ của câu trên với chữ lý rồi nói lái lại, và do đó câu trên trở thành :”hi lôm qui la ti lui đi li ri la đi lầu nghi lõ chi lờ i lem ti lới , mi là đi lợi hi loài khi lông thi lấy...” họ nói chuyện với nhau rất nhanh và hiểu nhau dễ dàng, như thể đã được mã hóa người khác không nhận ra được. Đây là cách vô cùng độc đáo mà chưa được khai thác đúng mức.

3. *Vài giai thoại - câu đối - câu đố*

Chúng ta đã thấy giai thoại về Đại điểm quần thần, Đại phong ở trên. Chúng ta cũng thường nghe nói đến câu tiếng lóng hạ cờ tây là hạ cầy tơ của dân nhậu trong Nam và mộc tồn (= cây còn, nói lái thành con cầy) ở ngoài Bắc. Ở đây chỉ xin kể lại vài giai thoại mới có sau 75.

-Hồi cuối thập niên 80, Nguyễn văn Linh, tổng bí thư Cộng sản Việt Nam phát động chương trình đổi mới, thường hay nói đến đổi mới tư duy (đổi mới sự suy nghĩ của đảng viên cho kịp với trào lưu mới), người dân ưa nói thành đổi mới ti vi (do cách phát âm dễ dãi của dân nam bộ); mà cũng đúng, bấy giờ cán bộ Cộng sản bắt đầu thay TV trắng đen thành TV màu. Có lần, quanh bàn cà phê đầu hẻm, người ta nghe thấy câu hỏi: “bây giờ đổi mới ti vi rồi, chừng nào mình đổi mới tủ lạnh đây?” (tủ lạnh nói lái thành lãnh tụ). Nghe mà lạnh mình!

- Sau đó ít lâu, người ta lại thấy xuất hiện trên cửa miệng của người dân miền Nam và trên vài tờ báo trào phúng hai nhân vật Vũ như Cẩn, Bùi Lan để chế nhạo chuyện cải tổ nửa chừng của đảng Cộng sản Việt Nam khi họ siết chặt lại báo chí khi thấy có những phản kháng bất lợi cho đảng; vũ như cẩn và bùi lan nói lái thành vẫn như cũ và bàn lui

- Cũng thời gian đó người ta nghe một vế đối:
Bảng đỏ, sao vàng, nguyện theo đường bác đi.
Không thấy có vế đối lại nhưng có vế nói lái thành:
Bỏ đảng, sang giàu, không theo đường bi đát.

- Bạn có nghe lối giải thích quân đội nhân dân thành quân hại nhân dân chưa? - Bộ đội Cộng sản, thường được gọi là quân đội nhân dân, được nói lái thành quân giận nhân đôi, quân giận nhân đôi cũng có nghĩa là quân giận nhân hai, quân giận nhân hai nói lái thành quân hại nhân dân.

Về câu đối, xin trở lại câu ca dao trên:
Con cá đối nằm trên cối đá.
Con mèo đuôi cụt nằm mút đuôi kèo.
Anh mà đối đặng dẫu nghèo em cũng ưng.
được đối là:
Chim mỏ kiến(g) nằm trong miếng cỏ
Chim vàng lông đáp đậu vồng lang
Anh đà đối đặng hỏi nàng ưng chưa?

Phải công nhận là câu đố và câu trả lời không chê vào đâu được, chắc gì chúng ta tìm được câu trả lời nào hay hơn cho cô gái tinh nghịch này.

Một câu đối khác, nghe được sau 75, lúc mọi người dân trong Nam không còn gì để sinh sống, đặc biệt là giới thầy cô thuộc chế độ cũ được lưu dụng. Dầu gì chăng nữa, trước đó họ là lớp người tuy sống nhờ đồng lương cố định, nhưng cũng có cơm ăn áo mặc đầy đủ. Sau khi Cộng sản chiếm miền nam vài năm, người ta nghe thấy hai câu đối tết, nhại theo Tú Xương ngày trước, nhưng rất đặc sắc và chua xót:
Chiều ba mươi, thày giáo tháo giày ra chợ bán
Sáng mùng một, giáo chức dứt cháo đón xuân sang.

Thực tế là giày không còn là một phần trong y phục của thày giáo, nhưng cháo đã là phần lương thực thường thấy trong bữa ăn hàng ngày.

Trong văn chương bình dân Việt Nam , câu đố chiếm một vị trí tuy khiêm nhường nhưng có sức sống tương đối mạnh mẽ so với hò đối đáp chẳng hạn. Ngày nay ta vẫn thường nghe những câu đố trong khi không còn thấy hò đối đáp trong sinh hoạt hàng ngày của người bình dân. Trong các dạng câu đố, cách dùng nói lái để đánh lừa người khác là một trong những cách tuy dễ nhưng cũng làm khó cho người bị đố không ít. Sau đây là vài câu đố dùng nói lái, lời giải có ngay trong câu đố:

-Tổ kiến, kiển tố, đố là chi? - *tổ kiến*

-Khoan mũi, khoan lái, khoan khứ, khoan lai
Bò la, bò liệt đố ai biết gì? - *khoai lang.*
Những chữ mũi, lái, khứ, lai chỉ cốt để đánh lừa người bị đố
- Con gì ở cạnh bờ sông,
cái mui thì nát cái cong thì còn - *con còng* (cong còn nói lái thành con còng)
- Cái gì bằng ngón chưn cái mà chai cứng - *ngón chưn cái*
- Khi đi cưa ngọn, khi về cũng cưa ngọn - *con ngựa*
- Miệng bà ký lớn, bà ký banh
Tay ông cai dài, ông cai khoanh - *canh bí, canh khoai*
...

Một vài người cũng câu nệ về nói lái, tránh đặt tên con những chữ có thể nói lái thành thô tục như Thái (dễ ghép với chữ có phụ âm d: thái dọt, thái dúi, thái dòng...) Lài (dễ ghép với chữ có âm ồn như lài dồn, lài cồn, lài mồn...) Côn, Tôn, Đôn (ghép với chữ có phụ âm l) v.v.. và v.v..

4. *Vài suy nghĩ*

Qua những phân tích trên, ai cũng công nhận nói lái quả là một đặc thù của tiếng Việt. Chúng ta dùng nói lái để châm biếm, để gài người khác trong các câu đố, câu đối, để tránh những thô tục khi cố ý ghép chữ để hạ thấp người khác.

Bỏ qua một bên những cái độc đáo, lắt léo của nói lái trong câu đố, câu đối; để chỉ chú ý đến phần đông các trường hợp chúng ta sử dụng nói lái như là một hình thức hạ thấp người khác. Trong phần trên chúng ta đã thấy nhà nho nào đó đã dùng sự uyên bác của mình để chửi một quan to mà quan chẳng những đã không biết mà còn hoan hỉ chấp nhận trong giai thoại Đại Điểm Quần Thần, hay quần chúng đã nhạo báng chế độ Cộng sản qua nói lái.

Chúng ta đã dùng nói lái như một thứ vũ khí của người muốn dùng tiểu xảo để chống đối, để chứng tỏ mình hơn người, như một thứ vũ khí của kẻ yếu, kẻ bị trị để bôi bác, nhạo báng, ám chỉ... để hạ phẩm cách của kẻ mạnh, kẻ thống trị. Nhưng tại sao chúng ta có những cách rất tiêu cực như vậy? - Phải chăng vì hoàn cảnh dân tộc Việt Nam đã đắm chìm quá lâu trong cảnh bị trị, dù của ngoại bang hay của chính người đồng chủng. Người dân phải tìm cách tránh né, che đậy để sinh tồn trước sức mạnh của kẻ thống trị. Về lý, không thể bắt tội một người khi họ muốn đổi mới tủ lạnh của họ được, nhưng ai cũng biết người ta muốn ám chỉ gì. Vấn đề đặt ra cho chúng ta cùng suy nghĩ là

chúng ta có nên duy trì mãi những tiêu cực tương tự trong những sinh hoạt thường ngày của chúng ta không? Ai cũng thấy rõ một điều là sức sống của người Việt vô cùng to lớn, mãnh liệt, nhưng đồng thời cũng thể hiện những tiêu cực vô cùng tai hại . Chính vì chỉ muốn sống còn bằng bất cứ giá nào, người Việt đã mất đi những tích cực của tập thể cần phải có, điều này đã giúp cho kể thống trị tồn tại lâu trong vị trí và là một cách giải thích tại sao dân tộc chúng ta bị trị lâu đến như vậy.

Dù vậy, nói lái vẫn là một hình thức vô cùng đặc sắc của ngôn nhữ Việt, với khả năng nhạy bén về tính trào phúng, tính châm chọc... (và chúng ta chỉ nên khai thác khía cạnh tích cực này), chúng ta tin rằng nói lái sẽ tồn tại với người Việt.

HÒA ĐA
Thắng 10 năm 2000



THỤY KHUÊ

Bùi Ngọc Tấn, Chuyện kể năm 2000



Bùi Ngọc Tấn sinh năm 1934 tại Câu Tử, Hợp Thành, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Ông bắt đầu viết văn, viết báo từ 1954. Cùng lớp với Lê Bầu, Lê Mạc Lân (là con của Lê Văn Trương nhưng không bao giờ dám nhắc đến cha), Vũ Thư Hiên, Nguyên Bình, Vũ Bão... Truyện ngắn đầu tay gửi dự thi báo Văn Nghệ, Chị Trúc, được Tô Hoài khen hay, nhưng không được in và cũng không được giải vì nói đến những mất mát của chiến tranh «hơi quá liều lượng».

Vào làm phóng viên báo Tiền Phong, việc kỳ cục đầu tiên ông nhận thấy là người ta cấm nhà báo viết văn, muốn viết phải chui, viết văn chui, ký tên khác. Thế hệ ông, nhiều người bạn đã mắc vòng hệ lụy: như Bùi Minh Quốc, như Vũ Thư Hiên, như Phù Thăng, như Vũ Bão...

Bùi Ngọc Tấn bị tù năm năm, mang số CR880, như Hắn, Nguyễn Văn Tuấn, nhân vật chính trong Chuyện Kể Năm 2000.

Kết thân với Nguyên Hồng từ những ngày viết văn làm báo tại Hải Phòng.

Bùi Ngọc Tấn rất gần gụi và quý trọng Nguyên Hồng. Bị đi cải tạo 5 năm (từ 1968 đến 1972), Bùi Ngọc Tấn im lặng hơn 20 năm (từ 1968 đến 1989). Xuất hiện lại trên tạp chí Cửa Biển, hè 1989, với một bài viết về Nguyên Hồng, sau trở thành tập hồi ức Một Thời Để Mất (NXB Hội Nhà Văn, 1995) và sau đó là hai tập truyện ngắn: Những

Người Rách Việc (NXB Hà Nội, 1996) và Một Ngày Dài Đằng Đẵng.

Ngoài ra, trong Chuyện Kể Năm 2000, tác giả nói đến hơn ngàn trang pelure bản thảo chữ nhỏ li ti, bị bắt làm «tang vật cho vụ án», gồm những tác phẩm: Hải Đăng, tiểu thuyết; Hoa Cau, truyện dài; Làn Sóng Thứ Nhất, tiểu thuyết; Những Người Đang Sống, kịch bản phim; Những Chuyện Trên Một Vùng Cửa Biển, truyện ngắn; Đầu Cầu, trường ca; ...

Năm 2000, tiểu thuyết trở về sau một thời xa vắng, với những tác giả như Bùi Ngọc Tấn, như Nguyễn Bình Phương... Báo hiệu sự hồi sinh của văn học ở thời điểm mà các tác phẩm có giá trị đích thực vẫn chưa thoát khỏi cuộc giảo nghiệm của tử thần: từ án treo, đến án chung thân, đôi khi án tử hình như trường hợp Chuyện Kể Năm 2000 của Bùi Ngọc Tấn:

«Ngày 16/3/2000, Bộ Văn Hóa Thông Tin đã ra quyết định số 395/QĐ-BVHTT, đình chỉ phát hành và thu hồi, tiêu hủy cuốn Chuyện Kể Năm 2000 của tác giả Bùi Ngọc Tấn do nhà xuất bản Thanh Niên xuất bản vì đã vi phạm khoản 1 và 2, điều 33, luật xuất bản. Điểm 1, điều 3, quy chế lưu chiểu xuất bản phẩm của Bộ Văn Hóa Thông Tin (số 01/1998 QĐ-BVHTT ngày 30/7/1998). Điều 8 quy chế liên doanh về in và phát hành xuất bản phẩm của Bộ Văn Hóa Thông Tin (số 75/1999 QĐ-BVHTT ngày 8/11/1999). Cũng theo quyết định này, Ban Bí Thư Trung Ương Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh, cơ quan chủ quản Nhà Xuất Bản Thanh Niên có hình thức kỷ luật nghiêm khắc Ban Giám Đốc Nhà Xuất Bản Thanh Niên và những người có liên quan trong việc xuất bản và phát hành cuốn Chuyện Kể Năm 2000.» (Báo Tin Tức số ra ngày 17/3/2000)

Như một nghịch lý hợp lý, bản án trên đây xác quyết một lần nữa, những điều Bùi Ngọc Tấn đã viết về những lầm than, ba chìm bẩy nổi, những vò xé, những xuyên tạc, những chụp giật, những đập phá, những ức hiếp của thẩm quyền và thế quyền trên đám bản thảo đầy chữ li ti. Mà chữ thì không có khả năng kháng cự với dùi cui, chúng chỉ là những nét mực nhỏ bé, trên pelure mỏng. Giấy và chữ làm sao chọi được với những bàn tay thô bạo, những khối óc vô hồn. Chữ là một vi sản trong các di sản, là kẻ yếu nhất, trong số những nạn nhân hiện hữu trên đời: người ta có thể hành hạ côn trùng, thảo mộc, đến con sâu, con kiến cũng còn có phản ứng, quằn quại trước khi chết. Nhưng chữ thì không. Không phản ứng. Tuyệt đối im lặng. Dù có bị kết án tử hình, chữ cũng lặng thinh. Bất động.

Nhưng sự im lặng nào cũng đáng ngờ. Bởi làm thinh cũng là một thái độ. Làm thinh là không chấp. Làm thinh vì biết mình, biết người. Làm thinh vì biết được sức mạnh nội tâm của chính mình. Làm thinh là biết mình sẽ sống dài, sống mãi, sau khi những kẻ hành hạ mình đã khuất. Làm thinh là biết được cái vĩnh cửu của những giá trị, nằm ngoài những thô bạo của lịch sử, trên những mu muội của con người.

*
.

Như đường về mê ngục. Như bước xuống âm ty. *Chuyện Kể Năm 2000 mở cửa Goulag Việt Nam.* Một Goulag thâm u, tiền sử, nhuần nhuyễn bản chất Đông phương, không sôi nổi bạo tàn, không máu mê tra tấn như Goulag Tây phương. Ở đây là sự tịch mịch Á châu. Ở đây là hình thức toàn trị phương Đông, cái Goulag thầm lặng nhưng vô cùng hữu hiệu bởi người tù cải tạo đã chết khi còn đang sống. Đó là ý nghĩ sâu xa nhất của tác phẩm Chuyện Kể Năm 2000.

Bùi Ngọc Tấn đã dẫn tiểu thuyết Việt Nam bước vào một ngõ ngoặt, một giai đoạn mới: Giai đoạn mà nhà văn (ở trong nước) lại có quyền được in những tác phẩm nói lên sự thật, biện hộ cho tự do, sau mười năm bặt vắng. In xong, có thể bị tịch thu liền. Nhưng in là quan trọng. Là thiết yếu. Bởi đã in là thoát.

Trong gần mười năm qua, tiểu thuyết Việt Nam đã trải qua thời kỳ xuyên sa mạc. Sau những Thời Xa Vắng, những Bên Kia Bờ Ảo Vọng, những Nỗi Buồn Chiến Tranh, những Bến Không Chồng, v.v... của thời kỳ đổi mới, văn học trong nước chuyển sang thời kỳ hậu đổi mới, còn có thể gọi là thời kỳ tụt hậu mười năm: trừ một vài trường hợp hạn hữu như tác phẩm của Nguyễn Bình Phương, không được mọi người chú ý, không đi vào quỹ đạo bị thẩm xét gắt gao, hầu như không có tác phẩm tiểu thuyết giá trị nào được phép ra đời. Nhiều người nói đến sự tuyệt chủng của tiểu thuyết, nhưng dường như với bình minh 2000, người đọc đang có quyền hy vọng.

Chuyện Kể Năm 2000 của Bùi Ngọc Tấn xuất hiện như sự trở mình của thần long ngủ quên trong lòng biển. Sự trở mình này, trước tiên tùy thuộc ở những cố gắng, những can đảm của nhà xuất bản. Nhà xuất bản Thanh Niên, do Bùi Văn Ngợi trách nhiệm, chỉ trong hai tháng đầu năm 2000, đã in ít nhất 3 tác phẩm giá trị. Đó là Đối Thoại Sử Học của nhóm Bùi Thiết (7 sử gia lớp sau) chống lại khuynh hướng bóp méo lịch sử với mục đích chính trị của những người đi trước. Quyển thứ nhì là tiểu thuyết Chuyện Kể Năm 2000 và quyển thứ ba là

tiểu thuyết Hai Nhà của Lê Lựu. Điều này chứng tỏ khi nhà xuất bản có lương tâm văn học, những tác phẩm xứng đáng vẫn được chào đời. Những cố gắng này, rồi sẽ được văn học sử ghi nhận, bởi những người thực hiện đã phải trả giá rất đắt.

*

Trở về với tác phẩm của Bùi Ngọc Tấn: Đây không phải là một cuốn tiểu thuyết bình thường mà là một tác phẩm có tầm vóc lớn. Vừa ra đời nó đã là một tác phẩm classique, cổ điển, trong cái nghĩa đẹp nhất của hai chữ «cổ điển». Cổ điển như Dịch Hạch của Camus, bởi nó đã bao trùm lên được nỗi đau của con người trong thời kỳ Xã Hội Chủ Nghĩa.

Từ trước đến nay, độc giả -nhất là độc giả ngoài nước- đã được đọc nhiều hồi ký cải tạo của những người cầm bút ở hai miền Nam Bắc. Mỗi tập hồi ký đều nói lên những khía cạnh khác nhau của đời tù cải tạo. Qua những hồi ký đó, người đọc đã biết được đại cương đời sống vật chất và tinh thần ở trong tù. Nhưng thể hồi ký, luôn luôn gò bó người viết trong một tư thế nhất định, tư thế của cái tôi chủ quan nên khó có thể bước vào thế giới mộng tưởng để đến với nghệ thuật. Ở thể hồi ký, người viết cũng lại gần như bắt buộc phải đưa ra những nhân vật thực, việc thực, người thực nghèo nàn và giết chết khả năng sáng tạo.

Sự lựa chọn thể tiểu thuyết, nơi Bùi Ngọc Tấn, là một sự lựa chọn độc sáng. Ở thể văn tiểu thuyết, nhà văn có thể tung hoành, sống với nhiều cái tôi, đứng trên muôn vàn khía cạnh để rọi những lăng kính khác vào cuộc đời Goulag.

«Hắn» tức là Tuấn, Nguyễn Văn Tuấn, nhân vật chính trong tác phẩm, tù số CR880, là tổng hợp của nhiều «hắn» khác trong một đời tù. Những bạn tù của hắn, mỗi danh xưng: Già Đô, Vũ Lượng, A Thềnh, Lê Bá Di, Triều Phỉ... cũng lại có thể là tổng hợp của nhiều nhân vật khác nhau trong nghìn đời tù. Những khuôn mặt công an, quản giáo: Ông Trần, ông Lan, ông Thanh Vân... là tiêu biểu những khuôn mặt «cách mạng có thẩm quyền» trong cơ chế toàn trị. Do đó, qua câu chuyện của «Hắn» người ta đọc thấy, không chỉ có những trầm luân của một Bùi Ngọc Tấn, một Vũ Thư Hiên, những người cùng trang lứa với Hắn, mà người ta còn nhìn thấy cả một thế hệ «được đi thực tế» trước «Hắn», những Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan, Trần Dần, Hoàng Cầm, Phùng Quán, Lê Đạt... và thế hệ «được cải tạo» sau hắn như Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Vũ Hoàng Chương, Tô Thùy

Yên, Cung Trầm Tưởng... Đó là những tai ương của người cầm bút, sau Cách Mạng Tháng Tám.

Bi kịch của «Hắn» chỉ kéo dài có 5 năm.

Bi kịch của những người không-phải-hắn kéo dài có khi gấp hai, gấp ba nữa. Vậy mà chỉ cần đọc «Hắn» người ta đã rụng rời, người ta đã được nếm mùi địa ngục. Bùi Ngọc Tấn viết:

«Bọn hắn là một lũ tội phạm. Mỗi người một kiểu khác nhau, nhưng cùng phạm những tội ác với nhân dân, với cách mạng, với Đảng. Bọn hắn là địch. Còn nguy hiểm hơn địch. Pháp, Mỹ, mũi lõ mắt xanh, cầm súng bắn vào nhân dân, ai cũng nhận ra. Nhưng bọn hắn khó nhận diện hơn, nên càng nguy hiểm. Tội lỗi ấy không đáng được đối xử như những con người. Không đáng thở bầu không khí chung với nhân dân. Không đáng được gọi là người Việt Nam, một dân tộc anh hùng. Dân tộc xấu hổ vì bọn hắn. Tuy nhiên Đảng vẫn tin tưởng ở cái phần người còn lại trong mỗi kẻ bọn hắn. Đảng nhen nhúm chút phần còn sót lại ấy. Và bọn hắn được đối xử đúng như vậy. Con trâu cày, con lợn giống còn được các ông quản giáo vỗ về, vuốt ve, tình cảm. Bọn hắn, không ai dám mơ tưởng đến hạnh phúc lớn lao ấy. Một lời động viên thông cảm cũng không dám màng. Không được như những cây rau. Luống rau cải bắp, luống rau muống có sâu, hắn phải đem bình vô-pha-tốc ra xịt ngay. (Bọn hắn ốm thử đi xin viên thuốc ở chỗ ông Chắn, công an y tá xem) Gặp ai cũng phải gọi là ông, là bà. Gặp bà công an kế toán bế con trai lên bốn đi chơi, là phải kính cẩn:

- Bà với ông đi chơi ạ!»

(Quyển I, trang 88-89, NXB Thanh Niên, 2000)

«Bọn hắn» là những ai? Là những kẻ mang tội danh «tuyên truyền phản cách mạng», những kẻ được liệt vào thành phần phản động, những kẻ bị quy kết là bôi đen chế độ. Tóm lại là những tù chính trị, công giáo có, nhà văn có, nhà báo có, cộng có, ngụy có, Việt kiều có, nông dân có... tất cả được giam chung với tù hình sự, đảo ngũ, trộm cắp, giết người... Chỉ khác là tù hình sự thì có án rõ ràng, 5 năm, 7 năm, 10 năm... Còn tù chính trị, tù tư tưởng là tù không án tức là không biết được ngày về, không biết được tội trạng của mình, được gọi bằng những chữ đẹp đẽ nhẹ nhàng: đi «tập trung học tập cải tạo» chứ không phải đi tù.

Hành trình «cải tạo» đã có bao nhiêu ngàn người trải qua? Không ai biết được. Khi Hắn được tha, đi trên đường phố Hà Nội, Hắn đã nhận thấy những khuôn mặt quen quen, tất nhiên đây chỉ là ảo tưởng của Hắn. Nhưng một ảo tưởng gắn liền với sự thật: Những khuôn mặt tù hàng ngày diễn qua quãng đời 5 năm của Hắn, cứ 1000

khuôn mặt ấy (trại của Hắn giam độ 1000 người) nhân lên với gần 2000 ngày tù là đủ có một thế giới 2 triệu khuôn mặt tù. Ấy là chưa kể những khuôn mặt nằm ngoài phạm vi «nhìn thấy» của Hắn, ở những trại khác, ở những thời điểm khác.

Người ta không thể biết được bao nhiêu con người đã sống đời Goulag Việt Nam, nhưng qua câu chuyện kể năm 2000 của Hắn, của tù nhân mang số CR880, thì tất cả những hạng sous-homme «dưới người» như Hắn, không phải là ít. Và hầu như tất cả tầng lớp nô lệ hiện đại này đều phải trải qua một giai đoạn mấu chốt: Đó là sự tàn phá con người -sau Goulag- và Hắn buồn rầu nhận thấy: *«Mình đã bị tiêu diệt. Tiêu diệt hoàn toàn.»*

Cái khác nhau giữa «nô lệ tiền sử», «nô lệ phong kiến» và «nô lệ hiện đại» là ở hai thời kỳ đầu, sự chiếm hữu nô lệ xẩy ra giữa những bộ tộc khác nhau, ở những giai cấp khác nhau, mà thường là bộ tộc mạnh đàn áp yếu, giai cấp giàu bóc lột nghèo. Ở hình thức «nô lệ hiện đại», những người bị giáng xuống hạng dưới người, thường là những văn nghệ sĩ, những trí thức, những nhà tư tưởng... thành phần élite của xã hội. Và đó là bi kịch thời hiện đại, của những xã hội chủ trương tiêu diệt những thành phần thực sự ưu tú của đất nước bằng tính ưu việt của Goulag.

*

Chín trăm trang sách, đúc kết một đời người, nhiều đời người trong một. Đây không chỉ là chuyện tù ngục, lưu đầy. Đây là những mảnh đời bị xé nát, trù ếm, dẫm đạp của người tù và của cả những người không-bị-tù, tức là những người có tương quan bạn hữu, máu mủ, thân thiết nhất với người tù.

Đây là cuốn sách viết về tình yêu, lòng nhân ái, viết về sự thủy chung, về sự phản bội, về nhân phẩm, về tự do, về nhân bản. Một cuốn sách trùm phủ lên những đề tài muôn thuở về con người. Nhưng có lẽ điểm độc đáo nhất là người viết, ở đây, đã trực tiếp nhận trách nhiệm của mình trong sự tác thành cái guồng máy chuyên chính toàn trị đã nghiền nát mình. Và có lẽ đó là chỗ lớn lao nhất của tác phẩm: Vấn đề trách nhiệm.

Nếu tất cả mọi người đều nhìn nhận trách nhiệm của mình, không dựa vào Bác, không dựa vào Đảng, vì «Bác-Đảng» thực ra chỉ là cái cớ, những hư danh hay những thực thể không thể sờ mó được. Bởi vì Bác, một người đã khuất cách đây hơn 30 năm, và Đảng, một tổ chức do các đảng viên dựng lên, không thể trách nhiệm thay cho những

người đã và đang tích cực góp phần xây dựng vào sự vững vàng của guồng máy chuyên chính còn được gọi là Đảng: Bao giờ trách nhiệm cũng về phía con người. Những người đang sống. Trong những hàng cuối của cuốn tiểu thuyết, Bùi Ngọc Tấn đã viết rất sâu sắc về cái quyền uy vô hình, đè nặng lên mỗi cá nhân:

«Ai cũng có một người vô hình để mà trình bày, để mà sợ sệt và thầm cãi lại. Người vô hình luôn bên cạnh mỗi người như hình với bóng, cả trong giấc ngủ. Nhưng thật ít người dám vùng lên chống lại, vì cái giá trị phải trả thường là cuộc đời, là sinh mạng.»

Cái người vô hình mà Bùi Ngọc Tấn nói đến ở đây, phải chăng chính là con khủng long toàn trị mà mỗi cá nhân, trong đó có nhân vật Hấn, đã góp phần tạo ra, dinh dưỡng để nó nghiền nát chính mình?

*

Bùi Ngọc Tấn bắt đầu viết từ tháng 6/1990 đến 30/11/91 viết xong, bản thảo được xem lại lần cuối vào tháng 8/98. Theo giới thân cận tác giả, tác phẩm đã được viết lại nhiều lần trong 9 năm qua, điều đó giải thích phần nào khía cạnh nung nấu, chín mùi về mặt cấu trúc hình thức cũng như nội dung văn bản.

Chuyện Kể Năm 2000 là một tự truyện. Nhiều nhân vật vẫn giữ tên thật, tác giả đổi một vài tên đã xuất hiện trong tập hồi ức văn học Một Thời Để Mất (nxb Hội Nhà Văn, 1995), Một Thời Để Mất chủ yếu viết về Nguyên Hồng. Bùi Ngọc Tấn rất gần gụi và quý trọng sự nhìn xuống những người dưới đáy của Nguyên Hồng trong Bỉ Vỏ, nhưng qua đó người đọc có thể biết rõ về môi trường sinh hoạt văn học của lớp người cùng lứa tuổi với tác giả và nhất là về không khí sáng tác theo «đúng đường lối của Đảng» thời 1960-65; Một Thời Để Mất cũng cho biết sơ lược nội dung những tác phẩm khác của Bùi Ngọc Tấn mà sau này, trong Chuyện Kể Năm 2000 tác giả nói rõ hơn: Đó là độ khoảng hơn 1000 trang pelure, chữ nhỏ li ti, sản phẩm của 15 năm lao động tinh thần đã bị tịch thu, bị đem ra mổ xẻ và không bao giờ trả lại, trong đó có tập nhật ký ghi những tâm tư thầm kín nhất của tác giả.

Ở tập trường ca Đầu Cầu, sáng tác những năm 60, đã thấy những tín hiệu của một nhà văn nhìn xuống đáy, tìm đến những nỗi đau thực của con người trong chiến tranh, âm thầm phản đối chiến tranh và những hồi còi lệnh giục giã lên đường:

[...] *Đầu cầu xe về*

Nước sôi trong két
Anh lái xe mắt xếch
Tắt máy chờ qua sông
Đầu gục vô lăng
Tranh thủ
Ngủ
Giấc ngủ treo bao ngày đêm mỏi rời mi mắt
Giấc ngủ đợi chờ vụt biến đi đâu
Khi đến đây đầu cầu,
Đáy vực không gian sâu thăm thẳm,
Sương rơi nắp ca-pô
Sương rỏ giọt ngoằn nghèo kính cửa,
Sương Hải Phòng ướt bụi Trường Sơn,
Sương buông thanh bình như ngàn năm trước sương buông
Anh lái xe, dựa vô lăng nghe đất trời yên lặng.
Nghe máu mình khe khẽ thái dương.
Dốc cầu
Còi.
Hiệu lệnh
Lên đường!
(Một Thời Để Mất, trang 105, NXB Hội Nhà Văn, 1999)

*

Chuyện Kể Năm 2000 là một tác phẩm nhìn xuống những người dưới đáy ngục bằng cách giao hòa hai yếu tố: Thực tại và mộng du. *Thực tại trong tù và mộng du ngoài tù.*

Tác phẩm ban đầu có tên là Mộng Du. Mộng du là hình thức tự do trong trạng thái nguyên thủy và là cơ nguyên của sáng tạo.

Cấu trúc tiểu thuyết của Bùi Ngọc Tấn là sự giao thoa giữa tự do và tù ngục, làm bật ra những nét tương phản giữa tự do và tù ngục. Sự giao thoa này đưa đến những nhận xét kinh hoàng: Con người, một khi đã bị cải tạo thì mùi vị tù ngục sẽ pha vào óc, vào máu, biến chứng trở thành những chấn thương nội tại, và khi ra khỏi ngục, Hắn -kẻ bị tù- sẽ không thể rửa được óc, máu của mình. Hắn vẫn tiếp tục sống với những người bạn tù cùng khổ, trong một cõi mộng du khác. Cũng như, trong khi ở tù, chính cõi mộng du đó, đã hồi sinh hắn, cho hắn sống với người thân tại ngoại.

*

Điểm quan yếu của tác phẩm là nói lên cái nội dung cải tạo như người ta đã nói mà chưa từng nói như thế bao giờ.

Nội dung đầu tiên của cải tạo nhằm việc triệt hạ nhân phẩm: Hạ nhục người tù xuống mức độ dưới người. Gặp bà công an bế con trai lên bốn đi chơi, là phải kính cẩn: Bà với ông đi chơi ạ! Nhất cử nhất động phải xin phép: Báo cáo ông, tôi, Lê Bá Di, tù số 127 vào nhà mét đi đái. Tính cách đối xử này phản ánh một trạng thái cực kỳ khôi hài: Gậy ông lại đập lưng ông, ngay trong lời xin phép đi đái, hoặc gọi mẹ, con bằng bà và ông: mẹ con trở thành đồng hạng. Tác giả chỉ thuật, không bình, nhưng cái ngôn ngữ trần trụi ấy đã nói lên bản chất phi lý, phi nhân, tức cười và vô giáo dục trong nội dung cải tạo.

Ngoài việc triệt hạ nhân phẩm qua cách đối xử, cải tạo còn sử dụng hai vũ khí khác để triệt hạ con người, đó là Đói và Thời gian.

Ngoài công việc khổ sai thứ nhất như gánh phân, bốc bùn, xẻ nứa, làm rẫy, v.v... còn có Đói. Đói là khổ sai thứ nhì. Đói đến vồ được thứ gì cũng nhét vào miệng: từ con ếch, con nhái, con dế, con chuột, đến quả ớt, lá ráy... A Thềnh chết vì ăn cắp ớt. Đói triền miên. Đói trong lúc ăn. Đói trong lúc ngủ. Đói là sự triệt hạ nhân phẩm bằng đường thực phẩm. Đói khiến tù phải hạ mình, phải tố giác nhau vì miếng ăn. Tiếng chim «khó khăn», «khắc phục», «còn khổ», tiếng chim «ối con ơi!» cất lên như tiếng định mệnh của người tù dội về từ kiếp khác.

Nhưng yếu tố ghê gớm hơn cả vẫn là thời gian: Thời gian vô định của người tù cải tạo, người tù tư tưởng. Không có ngày về. Không biết ngày về. Cái thời gian tàn bạo này có thể giết người không gươm giáo.

Đối diện với những phần tử triệt hạ con người, Đói và Thời gian, có một liều thuốc hồi sinh: đó là Mộng du. Mộng du còn là sáng tạo. Mộng du về với người thân yêu, về với người yêu, cõi mộng du ấy đã giúp người tù sống được trong cõi chết. Đời tù chia hẳn thành hai lãnh vực: Lãnh vực thực tế, hiện tại, khổ sai, đói rét và nhục nhã. Và lãnh vực yêu thương là những phút «mặc niệm người thân», lấy chút dưỡng khí của tình yêu, của gia đình, tiếp vào khí quản:

Đầu gối lên cùm sắt gỉ han
Nghĩ tóc em xanh mười chín tuổi
Mái sương đêm những vì sao Hà Nội
Trong nhật ký anh.
Tóc em xanh trang nhật ký
Trong hồ sơ mật an ninh
Cả đến tình yêu chúng ta cũng bị nhục hình

Cắn răng lại, em ơi, đừng khóc.
(Quyển I, trang 187)

Khi người vợ «góa sống» vượt đồi núi, vượt đạn bom, đến thăm chồng «Em đem suốt nghìn đêm thương nhớ lại» và «Anh giết dần từng giây địa ngục chờ em». Chính cõi mộng du đã cứu sống người nghệ sĩ. Cung Trầm Tưởng cũng nói như vậy: Nếu không có nó -tức mộng du, sáng tạo- thì tôi đã tự tử rồi.

Mộng du giúp Bùi Ngọc Tấn sống lại những giờ phút thiêng liêng nhất của cuộc đời: sống hoang toàng, xả láng với hạnh phúc, từ những nhục cảm đầu đời, đến những giây phút cực cùng với bạn tù trong cõi chết.

*

Và cũng chính cõi mộng du ấy đã triệt hạ con người sau Goulag. Nó bắt người tù được thả, phải trở lại với thế giới trong tù, với những người bạn còn đang dưới đáy, nó là một thứ lương tâm nhân loại, tàn ác không thể loại trừ, nó theo đuổi con người như một bóng ma. Những người đã thoát ngục, không thể nào quên được những bộ xương còn nằm dưới đáy ngục, chính cái lương tâm nhân loại ấy đã dấy lên, đã bắt Bùi Ngọc Tấn phải viết, phải làm chứng cho những linh hồn oan khuất, đã vội sớm ra đi, không kịp để lại bút tích về sự hiện hữu của chính mình.

Bùi Ngọc Tấn đã dùng tâm, não, xương, thịt, đời tù của mình để tạo ra tác phẩm. Trọng lượng cây thánh giá của người tù trên đường hành hương vào cõi chết đã được tác giả mổ xẻ, cân đo, phân chất đến cội nguồn của cội nguồn, gốc gác của gốc gác.

Ngay từ khi nghe lời tuyên bố «lịch sử»: «Anh Nguyễn Văn Tuấn, hôm nay chúng tôi đến bắt anh đây», rồi qua những cửa ải đầu tiên mà Bùi Ngọc Tấn gọi là bản dạo đầu, là xà lim, rồi cung vấn Nguyễn Văn Tuấn, rồi lại xà lim, chời đợi nhận tội. Anh không nhận đã có thời gian: Anh không nhận chúng tôi cứ chờ. Chúng tôi kiên trì, chúng tôi có thời gian hậu thuẫn. Cái thứ thời gian ác ôn, chôn vùi hàng vạn đời người trong lòng ngục.

*

Bữa bún chả đầu tiên, ngoài tù, do Mạc bán máu lấy tiền khoản đãi *«Chúng tao không dám nói. Sợ mày khinh, ăn không ngon. Sợ nghĩ là mày ăn thịt nó. Nó bán máu và bán luôn cả cái phiếu đậu*

bồi dưỡng.» (trang 201, quyển I)

Từ đây bắt đầu cuộc đời «tại ngoại».

«Tại ngoại», người tù trở thành một thứ «phó dân».

Xã hội tại ngoại, dường như còn tanh tưởi, vấy máu hơn xã hội trong tù.

«Thịt chỉ bán cho những người bán máu. Hắn về tay không và nghĩ đến Vũ Mạc. Thịt hiếm thế này Vũ Mạc kiếm được đây. Mạc bán máu và bao giờ cũng bán nốt mọi thứ phiếu bồi dưỡng.» (Quyển II, trang 77)

Xã hội tại ngoại không dung những thứ phó dân như già Đô, như Giang, như Tuấn... Hệ thống công an như một con mắt khổng lồ vô hình, vẫn tiếp tục chõ vào cuộc đời của người tù được thả cũng như đã từng soi sáng hết cả huyệt lộ cuộc đời những người thân, bạn thân của tù, như Bình. *«Bình bàng hoàng khi biết mình có đuôi [...] Anh ngửi thấy cái mùi của nhà tù. Anh bắt đầu biết anh bị theo dõi vào một buổi chiều thứ bẩy [...]*

Anh sôi lên vì sợ hãi, tuyệt vọng. Và có cảm giác của một con thú bị nhốt trong chuồng, lồng lộn nhưng không sao thoát được. Thì ra họ có toàn quyền làm những việc họ thích. Họ huy động cả guồng máy khổng lồ để hại mình. Đạp xe đi, anh cứ thấy vương vướng ở phía sau lưng. Dinh dính ở gáy. Một cảm giác lạnh ở phía sau. Và bẩn. Và dính. Anh thở dài.» (trang 460-461, quyển I)

«Anh biết anh chưa bị bắt thôi chứ anh đã mất tự do rồi. Không thể gọi là tự do khi mình đi đâu, làm gì (kể cả đi đái), gặp ai, trò truyện bao lâu, cũng có người quan sát và ghi sổ «Đối tượng P2 về thăm con. Không đi la cà các nhà hàng xóm. Ngủ ở nhà ...». Vì chắc anh cũng phải có một con số bí. Nhưng không biết họ đặt cho anh số bí gì nhỉ? P2 hay A18. Hay T5? Thật là một trò chơi chết người. Và thật buồn là mình lại ở trong vòng chơi đó [...]

Anh uống trà với chú em mà không biết mình uống gì. Anh đang nghĩ đến những cái đuôi. Cẩn thận thật. Những hai cái đuôi.» (trang 460-463, quyển I)

Cái cảm giác trên đây của Bình, không ít người đả trải qua. Đó là cảm giác dinh dính ở gáy. *Một cảm giác lạnh ở phía sau. Lạnh. Và bẩn. Và dính.* Bùi Ngọc Tấn đã đi đến ngọn nguồn cảm giác của kẻ thấy mình có đuôi. Cảm giác dinh dính này trong thơ Đặng Đình Hưng có nhắc đến, nhưng dùng trong một hình tượng khác: Kẻ bị theo dõi thấy chân dinh dính dưới đất, và hắn đi vòng con số 8 lộn ngược. Đặng Đình Hưng đưa ra một hình tượng tù ngục khác -của nhà thơ- Biệt tài của nhà văn, nhà thơ là họ có thể chỉ dùng vài chữ ngắn gọn, nhỏ bé

để bất tử hóa một hiện tượng rộng lớn, bao trùm xã hội. *Hiện tượng bị công an theo dõi dường như ai cũng đã trải qua khi đặt chân lên đất Việt, nhưng ghi lại cái cảm tưởng Dinh dính. Lạnh. Và Bẩn thì chỉ có những ngòi bút biệt tài mới chụp được để đưa nó vào cõi bất tử.*

Với một bút pháp như thế, những khuôn mặt như già Đô, Triều Phỉ, Sáng, Giang, A Thềnh, Lê Bá Di, Vũ Lượng... đã được nhà văn khắc tạc trong hang đá của thời gian, dù họ đã suối vàng hay còn trần thế, những bức chân dung của họ đã đi vào lịch sử, không phải lịch sử tầm thường của đời sống, cũng không phải lịch sử khốc liệt của chiến tranh, mà là lịch sử chữ, lịch sử văn hóa của con người.

Vì những già Đô, những Triều Phỉ, những Sáng, những Giang... mà Hắn, nhà văn, phải viết, Hắn bắt buộc phải tự do. Nếu không có tự do hắn cũng phải sáng tạo ra tự do để viết. Viết về nỗi đau của những người đã nằm xuống. Viết về nỗi đau của một người và cũng là nỗi đau của dân tộc, của loài người. Đó là vấn đề trách nhiệm và nhân cách của hắn, nhà văn.

THỤY KHUÊ
Paris, tháng 3/2000



NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG *giới thiệu*

Giọt sương hoa / Phạm văn Hạnh



LỜI GIỚI THIỆU : *Những kỳ hoa dị thảo "Xuân Thu Nhã Tập" (1942), ra chào đời chẳng được bao lâu, thì bị cơn lũ cách mạng phủ phàng cuốn đi. Nhóm này, vừa "mang tiếng khóc bưng đầu mà ra", đã tức khắc bị vài nhà phê bình "yêu thơ" "yêu nước" chê đè là... tối tăm, là... trí thức, là... lạc lõng...*

Nhưng cuộc đời - ôi cái cuộc đời dễ ghét mà cũng đáng yêu thay - vẫn thường có những "bất ngờ rất thú vị" (hay là những cú "trả thù của định mệnh"?) : Các thi phẩm "dị hoa" này, tưởng chừng như đã có số kiếp phù dung sớm nở tối tàn ("chỉ bất thần ló mặt rồi lại lui vào bóng tối... chỉ là dấu chấm mờ nhạt của giai đoạn thi ca 1930-1945 mà thôi" - Uyên Thao, "Thơ Việt hiện đại"), nay đã được phục hồi, đã có một "chỗ đứng" trong tuyển tập "Thơ Mới 1932 – 1945 in lần thứ hai, một bộ sách 12 cuốn bao gồm các Tác giả và Tác phẩm(Nxb Hội Nhà Văn, Hà Nội, 1999), để làm thi liệu và tài liệu giảng dạy nơi học đường. Chúng lại được thấy ánh mặt trời, được thở hít không khí tự do, được khoe sắc khoe hương cùng thiên hạ.

"Màu thời gian" của kịch tác gia Đoàn Phú Tứ, "Buồn xưa" của nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh, và "Giọt sương hoa" (1942) của thi nhân Phạm Văn Hạnh, từ nay và vĩnh viễn, sẽ là những sáng tác "kỳ thảo" (dù miễn cưỡng) còn tươi xanh mãi trong vườn Thơ Việt. (PVH chỉ coi mình như là một "người thơ", một "kẻ yêu thơ" quê quán ở miền Hậu

giang, chứ không phải là một "thi sĩ").

Riêng các bài "phiếm du", ca ngợi đời sống và những "thức ăn trần gian", trong tập Giọt sương hoa, gợi nhớ các thú vui tao nhã trong "Vang bóng một thời" của Nguyễn Tuân, và có thể ví với các bài "poèmes en prose" của Beaudelaire và Rimbaud (giữa và cuối thế kỷ 19), và các bài "văn-thơ" trong các tập"Les Cahiers et les Poésies d'André Walter" và "Les nourritures terrestres" của André Gide (đầu thế kỷ 20). Cũng xin đừng quên là vào thời điểm ấy (1941-43), trên đất Việt, rất hiếm, hoặc chưa có ai làm "thơ-văn xuôi" cả.

Các bài thơ sau đây, trích từ tập Giọt sương hoa("xuân") – tác giả dự kiến sẽ có thêm một tập Giọt sương hoa ("thu") - đã được Bà Diane Phạm (Trần Thanh Đạm), hiện ngụ tại New York cùng các con, hiền phụ của nhà thơ Thê Húc - Phạm Văn Hạnh (1913-1987) trong chuyến về thăm nhà mới đây, photocopy và mang ra nước ngoài. Phạm Văn Hạnh và Nguyễn Tuân là bạn rất thân thời còn trẻ ở Hà nội (hình như đã ngồi chung lớp ở trường Bưởi), và cũng là cậu ruột của Nguyễn Đăng Thường.

Xin kết thúc bằng một giai thoại vui: Đầu thập niên 50, một văn hữu của "thi nhân" Phạm Văn Hạnh có xây một "mái lầu phong nguyệt" (ông này không phải là thi sĩĐinh Hùng) để tịnh thiền, và gọi nó là "Đại Ẩn Am". Nhà văn Thê Húc, trong một bữa cơm chiều với vợ – cơm đùm lá sen và gà ác tiềm với măng khô, một món thích khẩu của ông - có đưa ra lời nhận xét rất thú vị này về người bạn thân đó: đã "ẩn" mà còn "đại"!

NĐT.

"Xuân"

(1937 – 1938)

"mạnh"

Say sưa ... vì thơ, vì học, vì yêu. Miễn là say sưa. Đã đành đấy là nói say sưa về tâm hồn. Còn như uống rượu, ấy cũng là một cách quên mình. Tự tạo một thế giới lý tưởng bên cạnh cái thế giới thực tại, nhạt nhẽo, chán nản.

Cái khoái lạc của tâm hồn cũng như của nhục thể, mà còn thanh tao, mạnh mẽ gấp mấy.Nó vang dội đến cả ngoài thân mình. Một tâm hồn mê mải lại cuốn theo bao tâm hồn khác như luồn sóng điện lan thật xa: Một bài thơ rung động mình thì cũng có sức rung động ít ra là

một người khác. Mình học thật chăm, thật mê, tất tìm thấy cái thú thuần túy vô song của sự hiểu, sự biết. Giời không phụ người đọc sách - mà trong sách biết đâu cũng chẳng có người ngọc ? Một mối tình đằm thắm, một tấm lòng chung thủy ít ra cũng nâng cao tâm hồn mình lên mà an ủi được hết những nỗi chua cay.

Gõ cửa thì cửa sẽ mở, yêu thì sẽ được yêu; mà dầu cửa không bao giờ mở, người chẳng bao giờ yêu lại, cái tấm lòng trung thành của ta không đủ cho ta sung sướng hay sao ? Cái chí thành ấy có phần thưởng tự nó rồi, vì ta đã sống, thật là sống : đầy đủ, trọn vẹn, mãnh liệt, cao kỳ.

Ngoài ra, còn gì là đáng kể.

Mầu nhiệm của ngòi viết là mang lại cho ta được cái quên. Cũng như ái tình, cũng như hành động (dù về cách nào : học, chơi, kinh doanh), miễn là ta biết ham mê.

Nhưng tại sao lòng ta chán nản, bơ vơ, không ham mê, không sôi nổi, - không bao giờ được biết tia ấm của ngày xanh ?

Tâm hồn ta hãy ngả trên mảnh giấy, thật thà, hỗn tạp, đầy đủ ... Đó là cái rừng rậm có cây cao bóng cả, có cỏ nát hoa hèn, ta có quyền gì xâm phạm đến cảnh thâm u ?

Lòng sông thẳm, bao nhiêu nước, bao nhiêu đất trôi theo, tới tấp dồn dập ...

Có chi lạ, ví ngày nay tôi nói trái lại ngày qua, và ngày mai tâm hồn tôi đã nhuộm màu khác.

"Tâm hồn ta chiều nay đâu còn nữa!"

Lòng ta cứ chảy, chảy hoài ...

... Nhưng vẫn là con sông ấy, và ta vẫn là ta !

Quá khứ nằm trong hiện tại : ta còn cần chi thương tiếc, nếu trong phút giây, ta đã sống cả cuộc đời?

Tôi miêu tả cũng là tôi tự sự. Chỉ thấy rặt những tôi trong bài văn.

Nội tâm, ngoại cảnh, biết cái nào thật hơn, hay chỉ là mộng cả ? - Giai nhân có thể già, có thể chết : Lòng ta bao giờ quên được nhan sắc lúc đương tơ ?

Thể phách với tinh thần chỉ là một. Chia riêng ra, chỉ là do óc

khoa học, càng ngày càng xa sự thật, sung thiệm, hồn nhiên. Dường như nhục dục không tự đẫm vẻ huyền bí thiêng liêng, mà tình cảm không phải là bông hoa nở trong thửa vườn cảm giác !

Tôi nhìn nàng, một buổi chiều xuân, nắng vàng đặt những vết đốm trên bờ cỏ. Lặng lẽ, tôi dường cảm thấy cõi Vô Cùng.

Tôi nhớ đến thày tu Paphnuce. Trong lúc có thể yêu cô đào Thais, thì chỉ nghĩ chuyện cứu vớt linh hồn. Khi Thais đã quy y, chết, thày mới thấu rõ lòng mình, gào hét , tiếc than người ngọc mà không bao giờ nữa được ấp ôm ...

Bánh dừa

(phiếm du)

Giữa trưa.

"Đông Hưng", tầng thứ nhất. Mùi trà, mùi mỡ, mùi mẫu đơn. Trên tường, những gương lớn, chữ phấn nhằng nhịt. Cạnh biển quảng cáo một phim Tàu, bức thêu "tứ thời" cổ lồng kính ngả màu hồng nhạt.

Tiếng động rùm tai, đủ cung bậc : tiếng hào xu, tiếng đũa bát, tiếng giầy, tiếng hò hét; và từ trên gác thượng đưa xuống, tiếng lanh lảnh một ca nhi ...trong đĩa hát, xen lẫn tiếng cười .

Khách tới đông đủ. Trong số, lại mấy mặt quen, ở những chỗ ngồi quen, với những cử chỉ quen. Vẫn cái lưng hiền lành của một ông ký, khăn áo đen, ô đen, lom khom như con vọ. Vẫn chú khách già sọm, chừng chú mới lăn ở đống tro nào ra, quần áo xám dơ, da xám, râu xám : một chú chuột ngồi ăn trong các tranh Tết. Bên cạnh, một thiếu niên dong dỏng, sáng sủa, bót thuốc lá dài : một chú cò trắng, chân gác lên mặt ghế. Vẫn mấy dân đinh kỳ dị trong "làng ăn". (Và làng văn ?)

Một Verlaine, một Murger ưa tìm hứng ở những tối đượm mùi absinthe trong các tiệm cà phê xóm La Tinh. Đây, những cao lâu phố Hàng Buồm buổi trưa thường là nơi hẹn hò của bọn con hát, của bọn trai trẻ tự nuông mình và bọn đứng tuổi lấy thú ăn ngon thay cho tình dục lúc sắp tàn ...

Vì "ăn ngon" muốn thành một nghệ thuật, phải trước hết là một cảm giác vui thích ngang đàn ngọt hát hay, hơn nữa : tợ hầu non gái đẹp!

Freud sẽ không phản đối tôi điều đó. Cả nhà thi sĩ Ả Rập : "Tóc nàng kết thành giải, buông quanh mình như những chùm nho chín thẫm". Và mấy chàng trai Hà Nội " Trên ngực nàng, núng nính hai trái

tuyết lê !..."

Nhưng ta hãy thử bắt chước người thiếu niên ngồi ở góc kia, trước gói hạt dưa đầy với ấm trà Long Tỉnh.

Yên lặng như mấy bạn thiết đối diện đàm tâm. Và phải thấy tất cả điệu nâng niu của một gã tình nhân khi anh cầm trên tay chiếc bánh dừa tròn xinh óng ả. Hamlet nhặt cái sọ người mà triết lý một mình, anh có lẽ đương ngâm ngợi chiếc bánh như một bài thơ "thuần túy". Những sợi dừa cháy đỏ trên lần kem vàng ánh, đẹp như ráng chiều. Khi tiếp xúc với lưỡi, cả một thế giới say sưa hoan lạc hiện về trong óc. Một vị ngọt, bùi, thơm như sữa tươi trộn với hoa hồng thoang thoảng tự bờ bến xa xôi nào,đượm những mùi hôn nồng nặc.

Ấm trà để giúp anh ngồi lâu; chắt hết anh lại gọi "sủi",pha lượt nước khác, kỳ bao giờ trắng như nước suối. Thì lúc ấy, cái đồng hồ của anh – gói hạt dưa – cũng vừa cạn.

Phòng ăn đã vắng từ lúc nào, chỉ còn tôi với anh và tụi "phổ ky" dọn dẹp vừa xong.Anh đứng dậy, giũ bộ tóc và những mơ mộng trong đầu.

Tôi theo anh cùng ra. Ngoài đường, nắng chiều đã ngả trên gò má cô hàng trước cửa.

(Trích từ Giọt Sương Hoa "xuân", nxb Lượm Lúa Vàng. Hà nội. In xong ngày 1 tháng Tám Quý Mùi (1943) tại nhà in Trung Bắc Tân Văn, phố Ngõ Trạm. Hà nội).

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG *giới thiệu*

Chú thích

1. Thế Phong, LSVNVH : "Nhóm này cũng bắt chước lối Dadaisme (?) của Pháp, muốn đưa ra một đường mới. Tuy chưa thực hiện được, song cũng gọi là những nhà văn thơ trí thức muốn tiến. Biết bao nhiêu là khuynh hướng, lettrisme, existentialisme, surréalisme... nhưng có gây nổi phong trào gì đâu (?). Thơ, đặc tính (?) của thơ phải cảm rồi mới hiểu nổi, nói như một văn hào Trung Hoa không hẳn là thiếu lý do, chứ thơ mà lại duy lý – (rationalisme) thì không phải là thơ mà như vậy thà viết lý luận cho xong. Thiết tưởng ý nghĩ này không phải là không xác thực (?), vì nếu không vậy, quả là những bài tiểu luận triết học, tôn giáo chính trị bí hiểm (?), thì quả thật chất thơ (?) có diễn tả bay bướm (?) bằng nhạc điệu đến chừng nào chăng nữa cũng chẳng làmai (- suy bụng ta ra bụng người ? NĐT-) cảm động bao giờ".
Nếu lý luận theo kiểu nhà "phê bình" Thế Phong, thì các tác phẩm của Arthur Rimbaud, Saint-Jonh Perse, Yves Bonnefoy... đều không phải là thơ! (NĐT).
2. "Tôi gọi giòng thơ này bằng một cái tên khác nữa: ước lệ hóa (?) thi ca... Vì ở đây,

mỗi chữ (?), mỗi âm thanh (?), mỗi màu sắc (?), mỗi hình ảnh (?) đều đã có nghĩa công thức (?) của nó. Nhưng với hai tác giả tiêu biểu là Nguyễn Xuân Sanh, Phạm Văn Hạnh và hai tác phẩm tiêu biểu là Giọt Sương Hoa và Xuân Thu Nhã Tập, nhóm này thực ra chỉ là dấu chấm mờ nhạt của giai đoạn thi ca 1930-1945 mà thôi". (Uyên Thao, Thơ Việt Hiện Đại).

3. Các từ "xuân", "thu" đi với tên sách Giọt sương hoa, có thể hiểu như cách đánh số tập ("thượng", "hạ" hoặc "I", "II"). Cũng như vậy, các phần "mạnh", "trọng", "quí" trong Giọt sương hoa ("xuân") cũng là cách đánh số thứ tự (như 1, 2, 3). (Chú thích của Lại Nguyên Ân, biên tập viên tuyển tập "Thơ mới 1932-1945, Tác giả và Tác phẩm").



VI THÙY LINH

Nữ tu

Như người đàn bà đợi
Vươn tay
chới với gọi
Lá hừng hực đỏ
Cây mọc trước nhà em - tu viện
Cây-nữ-tu
....
Đông ào ạt về
Chỉ nghe gió thất thanh
Chỉ nghe trong đêm... tiếng trút áo...

Suốt mùa
Tiếng kèn quanh quất
Không có bước chân nào thực lòng yêu, dừng trước nhà tu kín

Cây-nữ-tu dồn sức đỏ rực chiều cuối đông
Vẫn không
bàn chân nào
ở lại
Lá bứt tung, bay như con mắt mỏi
Cây khô trụi
Cất một tiếng cười hoang
....
Rồi lại xuân
Vẫn tiếng kèn quen thuộc
Tiếng kèn rè lúc nào, ai biết,
Bỗng chiếc váy trên mình nữ tu, bay thốc
Mầm xanh chớp mắt
Cây-nữ-tu căng mình làm những chiếc lá xám, trắng,
đen đồng loạt bay vụt qua mái tu viện
Ồ... là những con chim!

VI THÙY LINH



DU TỬ LÊ

Dăm bài thơ nhỏ

CHÁNH NIỆM
và, hạnh mới.
nhìn nghiêng: tôi thấy tim tôi khuyết
những miếng chia, lìa đuổi bắt nhau
ruột, gan plastic, mưa trong phổi
vẫy gọi tàn, phai, sóng nhấp nhô

nhìn nghiêng: cây thấy sương gieo hạt
những sợi thời gian giăng rất xa
cái tâm cười, bảo: nghìn sau, trước
không có tôi và, không chúng ta.

•

nhìn nghiêng: hạt bụi ngồi im, bóng
trái đất trôi trong thế kiết già
mời em: chánh niệm cùng da, thịt
sinh, tử trong từng nửa sát na.

nhìn nghiêng: tôi thấy ai? Xa lạ!
như thể tôi(?) - từ em, bước ra?

CHỈ MỘT
trong tĩnh, lặng đã nhú mầm biến, động
mỗi đường cong một mặt phẳng, song song
hạnh phúc vốn mọc đầy gai ly, biệt
địa ngục chia một nửa với thiên đàng.

CÒN, MẤT
và, nh.sơn
ngọn lửa tắt: không mất
giọt mưa tạnh: không mất
thịt xương tan: không mất
mùi hương bay: không mất
tình yêu chết: không mất
thời gian qua: không mất
thậm chí tiếng nói: không mất
- Chỉ chúng ta: đang mất!
(Aug. 98-Oct. 00)

NHƯ, LÀ
ta, biến mất, như chưa từng xuất hiện
có tôi không? Hình, tướng ở đâu cà?
sông chảy miết, thủy chung không diện mạo
sóng, lênh lênh, gió. Biển vẫn, như, là.

DU TỬ LÊ
(Oct. 00)



CAO HÀNH KIỆN

Tai nạn



Sự việc xẩy ra như sau:

Lúc đó là 5 giờ chiềuá: bên trong cửa hàng chữa ra-điô nằm ở đường Đức Thắng, vang lên 4 tiếng tuýt của đồng hồ điểm giờ. Bên ngoài gió đã lên làm tung bụi từ đống cát xám đổ trước cửa nhà sách Tân Hoa phía bên kia con đường lúc đó đang được sửa chữa lại. Bụi đất dấy lên một vòng cung trên mặt đường nhựa. Thế rồi cát cũng rơi xuống và bụi cũng lắng đi. Lúc này vẫn chưa phải là mùa gió cát, trời mới chỉ vừa ấm lại thôi. Vài người cưỡi xe đạp còn trên người cái áo choàng màu xán lúc giao mùa, trong khi các cô gái đi ngang đường đang diện áo mùa xuân xanh nhạt. Bộ hành và người đi xe đạp cứ tuôn đi không ngớt thành một dòng liên tục, nhưng đường chưa bị ngẽn như vào giờ cao điểm lúc tan tầm.

Lúc nào cũng có một số người đi làm ra sớm hơn mọi người, còn một số khác thì đang được nghỉ việc. Họ đi trên đại lộ này. Ngày hôm nào cũng thế, cứ vào tầm này những xe buýt đều lưng lửng người, không chật quá và cũng không đông quá. Tất cả những chỗ ngồi đều có người và một vài người phải đứng, bám vào nhưng tay cầm, mặt hướng ra phía cửa sổ.

Một chiếc xe đạp kéo theo chiếc xe trẻ con bên trên che tấm bạt ca-rô xanh đỏ, đi chéo sang đường. Ngồi trên xe đạp là một người đàn

ông. Phía đối diện là một chiếc xe buýt hai toa đang tiến lại với một vận tốc lớn, thật ra nó vẫn đi chậm hơn chiếc xe màu xanh nhạt đang vượt chiếc xe đạp, nhưng chưa chắc các ô-tô này đã vượt quá vận tốc cho phép trong thành phố. Người cưỡi xe đạp gò lưng ra đằng trước, cố đạp sang đường, và chiếc xe con lao vút vượt qua nó. Chiếc xe buýt đã đến trước mặt, người đi xe đạp do dự một lúc nhưng không có vẻ muốn phanh lại. Anh ta vẫn cứ tiếp tục lừ lừ sang đường, chiếc buýt bấm còi inh ỏi nhưng không giảm tốc độ. Chiếc xe đạp vừa ra đến vạch vôi giữa đường, gió lúc ấy đã ngớt và mọi người đã nhìn rõ hơn. Nguời đi xe đạp không nháy mắt, anh ta ngẩng cao đầu. Đó là một người khoảng 40 tuổi, một cái mũ cát-két trật ra sau gáy cho thấy đầu đã bắt đầu hói. Chắc chắn anh ta thấy ô-tô buýt đang chạy thẳng về phía mình cũng như đã nghe thấy tiếng còi của nó. Anh ta do dự một lúc và có vẻ muốn phanh. Chiếc xe đạp đi chậm hẳn lại, nhưng vẫn lăn bánh. Chiếc xe buýt bóp còi liên tục, nhưng chiếc xe đạp vẫn tiếp tục tiến. Một đứa trẻ khoảng hai, ba tuổi, mặt hồng hào ngồi dưới tấm bạt. Tiếng phanh xe ken két hoà lẫn tiếng còi xe. Chiếc xe buýt lao tới trong tiếng ồn ào càng lúc càng inh tai. Cái bánh trước của chiếc xe đạp đã nằm trong tầm tiến của chiếc buýt. Tiếng phanh và tiếng còi xe càng trở nên giữ dội. Chiếc buýt tuy đã chậm lại, nhưng cái đầu xe như một bức tường thẳng đứng vẫn tiếp tục lao tới một cách ghê rợn. Lúc chiếc xe buýt và xe đạp sắp sửa va vào nhau, một người đàn bà đang đi ở vạch sang đường kêu lên một tiếng thất thanh. Người đi bộ, đi xe đạp nín thở chờ xem chuyện gì sắp sảy ra. Cái bánh trước của xe đạp đã vượt ra khỏi đầu xe buýt. Người đi xe đạp nhấn hết sức lực xuống bàn đạp - anh ta có lẽ còn đủ thì giờ để vượt qua - nhưng anh ta ổng giơ tay về phía cái xe trẻ con căng bạt ca-rô đằng sau như thể muốn đẩy nó ra. Tay anh vừa chạm được vào nó thì nó đã bị tung lên trời. Một cái bánh xe rơi ra và nẩy trên mặt đường. Người đàn ông giơ tay lên trời và ngã xuống bên cạnh, nhưng chân anh ta bị kẹt lại. Giữa tiếng còi, tiếng phanh xe, tiếng kêu thất thanh của phụ nữ và tiếng rú kinh hồn của những người nhìn thấy cảnh tượng, người đàn ông đã bị bánh xe buýt cán lên. Cái xe đạp cong queo còn tiếp tục chạy trên lộ khoảng hơn 10 thước rồi mới ngã xuống.

Trên vỉa hè hai bên đại lộ, các bộ hành đứng như trời trồng và các người đi xe đạp đều dừng lại, xuống xe. Toàn quang cảnh bỗng yên như tờ. Người ta chỉ còn nghe thấy một điệp khúc lè rè phát ra từ cửa tiệm chữa radio:

Em nhớ không,

Em và anh, chúng ta gặp nhau dưới vòm cầu đầy sương mù...

Có lẽ đấy là một cuộn băng của một ca sỹ Hồng Kông nào đó kiểu Đặng Lệ Quân. Cái bánh trước xe buýt dừng lại trong một vũng máu hồng. Từ tấm thông hơi ở đầu xe máu nhỏ giọt xuống thân người chết. Người đầu tiên đến gần là gã lái xe buýt, vừa nhảy từ ca-bin xuống. Rồi những kẻ bàng quan chạy ùa đến, một số người khác bu quanh chiếc xe trẻ con đang nằm cạnh miệng cống. Một người đàn bà bế đứa bé lên lòng vừa đong đưa, vừa xem xét.

- Nó chết chưa?
- Nó chết rồi!
- Nó chết chưa?

Những tiếng thì thầm nổi lên chung quanh. Đứa bé mắt nhắm nghiền, dưới làn da mịn và nhợt nhạt nổi lên những gân máu nhỏ nhạt. Trên người nó không có một vết máu nào, mà trông bề ngoài cũng chẳng có một vết thương nào.

- Đừng để cho nó trốn!
- Gọi cảnh sát.
- Cứ để y nguyên hiện trường! Đừng đi, để nguyên hiện trường.

Đám đông vây quanh đầu xe buýt, một người ở ngoài vòng, tò mò, cúi xuống nâng cái xe đạp cong queo lên. Khi ông ta để xuống, cái chuông xe còn vang lên một tiếng.

- Tôi bóp còi và phanh đấy chứ, mọi người đều thấy rõ. Ông này lao vào xe như thế là muốn tự tử đấy. Đâu phải lỗi tại tôi! Bằng một giọng khàn khàn, người tài xế tìm cách chống chế.
- Bà con làm chứng cho tôi, bà con đều thấy rõ đấy.
- Lui ra, lui ra! Tất cả lui ra! Một cái cát-két cảnh sát xuất hiện trong đám đông.
- Phải cứu đứa bé. Ai có thể chận một cái xe lại để đưa nó đến bệnh viên không ? Một giọng đàn ông lên tiếng.

Một thanh niên mặc áo da nâu dơ tay lên và chạy ra giữa đường. Một chiếc Toyota đi ngang bóp còi inh ỏi trong đám đông. Rồi một chiêc xe tải nhỏ cũng dừng lại. Qua cánh cửa chiếc xe buýt gây ra tai nạn, người ta thấy hành khách đang bàn tán với người bán vé. Một xe điện bánh hơi (trolley bus) đi qua, nó bị những người hành khách xe buýt vây lấy và ùa vào mấy cái cửa vừa mở trong tiếng ồn ào .

Không bao giờ, không bao giờ tôi quên...

Những âm thanh nổi của bài hát bị chìm trong tiếng lao xao. Máu vẫn tiếp tục chẩy và bốc lên một mùi nồng nặc.

- Oe... Một tiếng khóc trẻ con bật lên. Đó là tiếng oe oe của đứa trẻ đã ngất đi vừa tỉnh dậy

- ối trời ơi, may quá!

- Nó vẫn còn sống!

Có những tiếng reo mừng vang lên giữa tiếng khóc trẻ con càng ngày càng to. Cả đám đông sống động hẳn ra như vừa được giải thoát. Thế là họ lại đến vây quanh thi thể kẻ xấu số.

Tu út, tu út, tu út...

Một xe công an trên mang đèn quay mầu xanh trờ tới. Mọi người dạt ra nhường lối cho 4 cảnh sát nhẩy từ xe xuống. Hai người trong bọn tay khua dùi cui để dãn đám đông ra.

Con đường hoàn toàn bị nghẽn. Một hàng xe kéo dài về hai hướng. Một bản hoà tấu kèn ô-tô đã thay thế cho tiếng người ồn ào. Ngay lúc ấy, một cảnh sát ra đứng giữa đường bắt đầu ra hiệu bằng hai tay đeo găng trắng.

Cảnh sát gọi cô bán vé xe buýt xuống. Cô này giải thích gì đó một cách miễn cưỡng rồi đón lấy đứa bé từ một bà đương bế, leo lên chiêc xe tải nhỏ. Xe nổ máy, dưới sự chỉ đường của đôi găng tay, nó đem đi theo nó những tiếng khóc dữ dội của đứa trẻ thơ.

Cảnh sát lại bắt đầu vẫy vẫy cái dùi cui, đám đông tò mò dãn ra thành môt cái hình chữ nhật quanh cái xe đạp cong queo.

Ngay lúc đó, phía bên này đại lộ, người ta có thể nhìn thấy anh lái xe đang lau mồ hôi bằng cái mũ cát-két vải thô. Một người cảnh sát đang hỏi cung anh ta. Anh chìa cái bằng lái bọc trong bìa nhựa đỏ, nhưng người cảnh sát không thèm cầm. Anh cãi vã một cách bực dọc với nhân viên cảnh sát.

- Còn có gì để mà giải thích? Nó cán người ta rõ ràng ra thế rồi. Một giọng ồm oàm của một thanh niên đang đẩy xe chen vào.

- Người này tìm cái chết đấy chứ! Người ta đã bóp kèn và phanh như thế mà cũng không tránh lại còn lăn vào xe. Một người bán vé đeo một tấm che tay vừa bước xuống xe cãi lại.

- Giữa đại lộ, thanh thiên bạch nhật, một người kéo một đứa bé, có mắt mù mới không nhìn thấy được. Trong đám đông có tiếng người giận dữ cất lên.

- Mấy thằng tài xế này, chúng có sợ gì mà không cán người, chúng có chết đâu. Một giọng mỉa mai chế giễu.

- Tội nghiệp, nếu ông ta không kéo theo đứa bé thì chắc đã vượt qua đường được rồi.

- Thế còn có thể cứu được ông ta không?

- óc vỡ ra rồi à?

- Tôi nghe thấy kêu rốp một cái ...
- Nghe thấy tiếng à?
- Vâng, nghe rốp một cái ...
- Thôi, đừng nói nữa, nghe kinh quá!
- ối giời ơi, mấy người thật, việc đã xong rồi mà!
- Nó khóc kìa.
- Ai?
- Thằng tài xế.

Ngồi xổm, cúi đầu, anh tài xế dấu đôi mắt mình dưới mũ cát-két.

- Đúng rồi, ai mà cố ý.
- Chẳng qua là số không may mới xẩy ra...
- Có kéo theo một đứa bé à? Thế đứa bé đâu? Nó đâu?

Những người vừa mới tới lại dồn dập hỏi.

- Thật là số mệnh, sai một ly đi một dặm?
- May mà thoát được một mạng.
- Cái ông người lớn bị chết!
- Chắc là bố thằng bé?
- Tại sao lại kéo theo một cái xe trẻ con như thế? Ngay cả đi xe đạp một mình có khi người ta còn bị tai nạn nữa là!
- Có lẽ ông ta vừa đón con từ vườn trẻ ra.
- Đúng rồi vườn trẻ bây giờ họ không giữ trẻ con suốt ngày đâu!
- Thậm chí người ta nhận cho là đã may rồi.
- Hay lắm đấy mà cứ chúi mũi vào. Đấy rồi cứ mà chạy lung tung sang đường đi. Một người đàn ông vừa nói, vừa kéo tay một đứa bé từ đám đông ra.

Ca sĩ Hông Kông đã ngừng hát. Đám đông tụ họp lại trên thềm cửa hàng chữa ra-điô.

Một chiếc xe cứu thương trên gắn đèn quay trờ tới. Những người khiêng cáng mặc áo blu trắng đem xác chết vào xe. Đám người trên thềm cửa hàng đại lộ kiễng chân nhìn. Một người đầu bếp phốp pháp, bụng quấn tạp-dề, từ bên một quán ăn nhỏ xông ra xem chuyện gì.

- Chuyện gì thế? Tai nạn ? Có người bị xe cán?
- Hai bố con, một người chết.
- Người nào?
- Ông bố.
- Còn đứa con ư,
- Không việc gì.
- Ghê thế, thế nó không nắm tay bố nó à?
- Bố nó đã đẩy nó ra được.

- Cứ đời này đến đời sau lại càng tệ hại. Cái đứa con đó, cứ xem là nuôi thật phí công.

- Không biết gì thì đừng nói lung tung

- Ai nói lung tung?

- Tôi có nói anh đâu.

- Người ta đem đứa bé đi rồi.

- A, thế còn có một đứa bé nữa à?

Một số người khác vừa kéo đến.

- Làm gì mà xô đẩy thế?

- Tôi đẩy à?

- Không có gì để xem cả đâu. Đi đi, giải tán, giải tán!

Bên ngoài vòng, mấy người đàn ông nắm tay lôi mấy người đứng trong đám đông ra. Đó là những nhân viên của toán tuyên truyền cổ động an toàn giao thông tay đeo băng đỏ. Bọn người này còn dữ hơn cả cảnh sát.

Người tài xế bị tống vào trong xe cảnh sát. Anh ta có vẻ muốn kháng cự, nhưng vẫn bị đẩy vào. Người đi bộ bắt đầu tản ra, kẻ đi xe đạp, kẻ leo lên xe, người xem bắt đầu rã đám, nhưng vẫn còn những người đến sau dựng xe, hoặc từ vỉa hè bước xuống lòng đường xem hiện trường. Một phía của đại lộ, cái hàng xe lớn, bé, xe buýt nhỏ, xe díp, xe điện bánh hơi, chầm chậm đi qua như một đám rước cạnh cái xe trẻ con bị lật bên cạnh miệng cống với tấm bạt ca-rô xanh đỏ rách mướp. Nhiều người đứng trên bực thềm cửa hàng đã vào bên trong hoặc bỏ đi.

Khi đám đông đã tan, một ít kẻ tò mò còn đứng lại, một cảnh sát đang đo những khoảng cách bằng một thước dây, một nhân viên khác đứng hý hoáy ghi chép gì đó vào một cuốn sổ. Cái vũng máu dưới bánh xe buýt đã bắt đầu đông đặc, trở thành một màu sẫm. Một cô bán vé còn ngồi lại trên xe nhìn ra con đường bằng đôi mắt không hồn. Phía trước mặt, chiếc xe điện bánh hơi đi ngang, tất cả mọi khuôn mặt đều thò ra ngoài. Vài người còn nghiêng hẳn ra cửa sổ. Lúc giờ tan tầm vừa điểm, người đi bộ trên vỉa hè và người đi xe đạp càng đông hơn, nhưng họ bị cảnh sát và nhân viên tuyên truyền an toàn giao thông chặn lại.

- Có tai nạn à?

- Có nhiều người chết không?

- Chắc chắn rồi, bao nhiêu máu thế này.

- Hôm kia, mới có một đứa trẻ 16 tuổi mới bị tai nạn trên đường Kiện Khang, người ta đem nó đi nhà thương, nhưng nó đã chết nghe nói đó là 1 đứa con một thì phải.

- Thời này gia đình nào mà không có con một?

- Ôi dà, không biết rồi bố mẹ nó sống thế nào sau cái chuyện đó?

- Nếu vấn đề giao thông mà không giải quyết được thì các tai nạn vẫn tiếp tục.

- Đúng rồi, còn nhiều là đằng khác.

- Hàng ngày, lúc tan trường, cứ lúc nào thằng Chí Minh nhà tôi mà chậm về là tôi cứ lo ngay ngáy...

- Bà còn may mà có con trai, đối với bọn con gái cha mẹ còn lo hơn.

- Này, này, ta chụp một cái ảnh nhé!

- Bây giờ thì còn gì mà chụp.

- Thế nó cố ý cán người ta à?

- Tìm nó mà hỏi!

- Hình như nó không tông vào thì phải, chứ không thì làm sao mà nó cán lên người ta.

- Tôi cũng thế, cũng chỉ mới đi qua đây thôi.

- Bọn tài xế lái xe cứ như điên, họ chẳng bao giờ nhường đường cho mình đâu, mình không tránh thì chỉ có toi với chúng nó.

- Nhiều thằng đúng là bọn sát nhân, nếu xẩy ra tai nạn với chúng thì chỉ có chết

- Biết làm thế nào, con người ta có số cả. Trong làng tôi có một anh thợ mộc, tay này cừ lắm, chỉ tội mắc tật nghiện rượu. Một hôm đi làm về, say rượu thế nào không biết mà bị ngã, đầu đập vào một hòn đá nhọn...

-Từ hai hôm nay không hiểu sao em cứ máy mắt liên tục

- Cả hai mắt à?

- Khi đi trên đường đừng có nghĩ vẩn vơ những điều không hay. Còn em nữa, bao nhiêu lâu nay anh thấy em...

- Có việc gì đâu.

- Lúc nào mà tai nạn xẩy ra thì đã muộn rồi. Anh không thể chịu nổi cảnh ấy đâu!

- Đừng anh, người ta nhìn mình kìa.

Đôi trai gái đưa mắt nhìn nhau rồi dắt tay nhau đi xa dần

Người ta đã chụp xong ảnh của hiện trường. Người cảnh sát sau khi đo đạc, đã rắc cát lên những vết máu. Gió đã lặng xuống.Trời càng lúc càng tối. Cô bán vé xe, ngồi cạnh cửa xe buýt đang thắp một ngọn đèn để đếm tiền trong két của mình. Một cảnh sát bỏ cái xác xe đạp vào trong xe. Hai nhân viên an toàn giao thông thì khiêng cái xe trẻ con. Rồi tất cả cùng rời hiện trường.

Giờ này độ chừng đã vào giờ cơm tối. Chỉ còn lại mỗi cô bán vé xe đang dài cổ chờ gần cửa xe buýt, có lẽ chờ nhà kho xe gửi 1 tài xế khác để đem xe về. Và trong số người qua lại, chỉ còn một vài người nhìn cái xe buýt với dáng điệu tìm hiểu sao nó lại ngừng ở đó, giữa đường, và không có hành khách. Trời tối thẫm lại và chẳng còn ai chú ý đến vệt máu nằm dưới lớp đất cát rải trước đầu xe.

Sau đó, đèn đường sáng lên và chiếc xe buýt đã đi mất. Giao thông trở lại bình thường, như không có gì xẩy ra. Khoảng nửa đêm, lúc đường phố thưa người, phía xa xa bên cạnh cột đèn giao thông nhấp nháy, mọi người có thể đọc được một tấm biển xanh chữ trắng treo trên bờ rào sắt "Vì hạnh phúc của mình và của người khác, tuân thủ luật đi đường» . Một chiếc xe vệ sinh thành phố từ từ đi đến rồi chậm lại ở chỗ xảy ra tai nạn. ở đó, nó tăng sức nước ở vòi xịt để rửa sạch vết máu trên mặt nhựa.

Nhân viên quét dọn vừa chùi lòng đường này có lẽ không ngờ được là cách đây vài giờ một tai nạn đã xảy ra và một người đáng thương đã thiệt mạng ở đấy. Mà vả lại người ấy là ai? Trong thành phố cả mấy triệu người này, có lẽ chỉ có gia đình và thân nhân người ấy mới biết người ấy là ai và lúc này có thể họ vẫn còn chưa biết được hung tin.Vì không có một giấy tờ gì cho phép xác minh thân phận trên người kẻ xấu số. May ra đứa bé - người chết có lẽ là cha của nó- lúc hoàn hồn có thể gọi được tên bố nó. Người này chắc phải có vợ. Vì ông ta phải làm cái nhiệm vụ của một người mẹ chắc phải là một người tốt và chắc chắn là một người chồng tốt. Vì ông ta yêu con, nên chắc chắn cũng yêu vợ, nhưng vợ ông có yêu ông không? Nếu cô yêu chồng tại sao cô không làm nhiệm vụ người mẹ? Đời của anh ta chắc không lấy gì làm vui, nếu không tại sao lại lơ đãng như vậy? Phải chăng điểm yếu của bản chất anh ta có lẽ là tính hay do dự. Phải chăng anh ta đang bị dầy vò bởi một chuyện gì đó? Hay là anh ta đã bị số mệnh bắt như thế? Tuy nhiên nếu anh ta rời khỏi nhà chậm hơn một tý, hay lên đường sớm hơn một tý, hay sau khi đón con, anh đạp xe nhanh hơn hay chậm hơn một tý, hoặc giả ở nhà trẻ, cô nuôi dậy trẻ nói với anh ta một hai câu, hoặc trên đường anh đi, anh gặp được một người quen gọi anh lại thì đâu anh có gặp cái tai hoạ này. Không có việc gì mà bảo là không tránh được cả. Anh ta có bị cái bệnh nan y nào bắt phải chết đâu. Cái chết, không ai tránh được, nhưng chết yểu, người ta có thể tránh được. Và trong trường hợp này, nếu anh ta không chết trong một tai nạn thì rồi sẽ chết ở đâu? Trong thành phố này, những tai nạn trở thành tất yếu, nhưng có thành phố nào mà không có tai nạn? Tất cả những thành phố lớn đều có một xác suất chết vì tai nạn, mà dù

cho cái xác suất này chỉ là một phần triệu thì trong một thành phố lớn như thành phố này, mỗi ngày một người vẫn có khả năng mất mạng vì nó. Và trong trường hợp này, chính anh ta đã là kẻ không may đó. Không biết anh ta có linh cảm điều sắp xẩy ra cho mình hay không? Anh ta nghĩ gì lúc việc ấy sắp xẩy đến cho anh ta? Có lẽ anh ta cũng chẳng có thì giờ nghĩ đến điều gì cả mà cũng không hiểu sự bất hạnh nào sẽ giáng xuống đầu mình. Đối với anh ta, chắc chắn không có điều bất hạnh nào có thể lớn hơn, ngay cả khi anh ta chỉ là đại diện của một trường hợp trên một triệu người, một hạt cát. Tuy nhiên lúc chết, ai cũng thấy là anh ta nghĩ đến đứa con - nếu đúng đứa trẻ là con anh - , sự hy sinh của anh chẳng phải là tuyệt vời ư? Không phải chỉ có tuyệt vời mà còn có cả một phần của bản năng. Một bản năng của người cha. Người ta chỉ nói đến bản năng người mẹ, thế mà vẫn có những người mẹ bỏ rơi con. Hy sinh thân mình cho con quả là một việc tuyệt vời. Tuy nhiên, sự hy sinh này đáng lẽ có thể hoàn toàn tránh được nếu anh ta chỉ đi hơi sớm hay hơi muộn một tý, nếu anh ta bớt đãng trí hơn một tý, nếu anh ta bớt bận lòng hơn, nếu anh ta bớt do dự hơn, linh hoạt hơn. Tất cả những nhân tố này tích luỹ lại đã đưa anh đến chỗ chết và cái điều bất hạnh đó đã trở thành tất yếu. Rồi người ta lại quay về với triết học. Nhưng cuộc đời lại không phải là triết học, mặc dù triết học vẫn đến từ tri thức mà con người lấy từ cuộc đời. Đáng lẽ không nên đưa vào thống kê những tai nạn xe cộ trên đời, đó phải là công việc của cục giao thông hay cảnh sát. Dĩ nhiên điều đó cũng có thể trở thành tin vặt trên mặt báo. Nó cũng có thể làm chất liệu văn chương để trở thành một câu truyện cảm động nhờ vào óc tưởng tượng. Điều đó lại thuộc về lĩnh vực sáng tác. Nhưng ở đây chỉ là quá trình một tai nạn được kể lại, một cái tai nạn xẩy ra vào lúc năm giờ chiều trên đại lộ Đức Thắng, ở quãng có cái tiệm chữa ra-điô mà thôi.

•

NGUYỄN HỒI THỦ *dịch*

Truyện thứ 2 trong tập "Mua cần câu cho ông ngoại tôi" (lấy từ Cấp ngã lão da mãi ngư can & Chu mạt tứ trùng tấu, Đài Bắc, 1996) Cao Hành Kiện, do Noel Dutrait dịch, nxb Aube, 1997.



PHAN NHIÊN HẠO

Ở Silicon valley

Có những khí hậu ăn mòn giày như acid
Khung cảnh nhìn qua cửa sổ bao giờ cũng bị cắt chia bởi mưa và nắng,
và các bài toán trên máy điện toán lờ nhờ
Tôi sống trong một thung lũng mà người ta
có thể cưa chân bán đi để mua nhà
Tất cả sự thăng hoa của ngôn ngữ đã chết ung
trong chiếc hủ từng nuôi lớn lên một bào thai nhân tạo
Ở Silicon Valley có nhiều đứa trẻ nhân tạo như vậy.
Chúng đeo bảng tên bằng nhựa và thắt cavat màu vàng

Không có gì khó khăn để tạo ấn tượng
Bỏ thạch tín vào rượu nhậu với thịt rồng. Nhìn lên trời cho tay vào túi quần tìm một mẩu bánh vụn mà không làm vỡ nó ra. Liếm gót giày chính mình rồi đứng thẳng lên dõng dạc chào đám đông đang cữ hành tang lễ. Sau cùng mọi việc cần diễn ra đúng như thời khóa biểu hàng ngày

Thule là một địa phương hẻo lánh Tây Bắc Greenland
cách đỉnh địa cầu chỉ hơn 700 km.
Tôi muốn đi đến đó và thử một cuộc hành trình bằng xe chó kéo
Ở trong thung lũng này ngay cả ruồi cũng không thể thụ thai
Trong vòng mười năm nữa tất cả những ngọn núi ở đây
sẽ có hình tam giác ngược
Mặt trăng sẽ bị kéo xuống bởi một giây cáp khổng lồ
Cơn động đất lớn sẽ đẩy bán đảo này ra biển
rồi được nối lại với lục địa bằng keo siêu bền

Buổi tối chuyến tàu đi ngang rung chuông
và đường hạ thanh chắn xuống
Đó là tiếng động cuối cùng của một ngày trên thiên đàng bằng nhựa
Trước khi những sự buồn nản chảy ra
và có mùi khét trong một vụ đụng xe.

PHAN NHIÊN HẠO



CAO HÀNH KIỆN

Chuột rút



Dĩ nhiên nó nghĩ rằng mình có thể bơi xa hơn, nhưng từ bờ ra mới được một cây số, nó đã cảm thấy bị chuột rút. Chuột rút bắt đầu ở bụng. Lúc đầu, nó chỉ tưởng bị đau bụng và nếu cứ tiếp tục cử động thì rồi sẽ hết. Nhưng bụng dưới của nó càng lúc càng căng ra và nó không bơi tiếp được nữa. Nó lấy tay sờ bụng và bắt gặp phía bên phảiá một cục cứng. Nó biết ngay là các bắp thịt bụng đang co lại vì nhiễm lạnh. Trước khi nhẩy xuống nước, nó đã không khởi động cho người nóng lên như thường lệ.

Sau bữa cơm tối. Nó đã rời cái toà nhà trọ trắng để ra bãi. Trời vào thu và gió đã lên. Mùa này ít ai còn đi bơi vào buổi tối, họ thường túm năm tụm ba trong nhà tán chuyện gẫu hoặc đánh bài.

Trên bãi biển, bọn trẻ, con trai, con gái, nằm nghỉ trưa nay chỉ còn năm sáu mống, chúng đang đánh bóng chuyền: một cô gái mặc áo tắm đỏ giữa các chàng trai quần còn sũng nước. Bọn chúng cũng vừa mới từ dưới biển lên vì cái lạnh của nước mùa thu.

Dọc bờ biển không còn ai tắm cả. Nó đã nhẩy ùm xuống biển, không ngoái lại, nhưng vẫn hy vọng rằng cái cô bé kia sẽ dõi mắt nhìn theo nó. Bây giờ nó không còn có thể nhìn thấy bọn trẻ ấy nữa. Nó

quay mặt lại, hướng về phía ánh sáng; mặt trời đang xuống dần trên dẫy núi và sắp sửa khuất sau ngọn đồi phía đầu hồi ngôi nhà nghỉ. Những tia sáng cuối cùng của mặt trời sắp tắt càng chói chang. Chúng toả xuống mặt nước phản chiếu làm mọi vật đều mờ ảo : Cái đầu hồi của căn nhà trên đỉnh đồi, bóng hàng cây bên bờ biển và bóng của ngôi nhà nghỉ sừng sững như một chiếc tầu lớn nhiều tầng. Và bọn trẻ, không biết chúng còn đánh bóng chuyền không nhỉ ? Nó lấy chân khua nước.

Chung quanh nó chỉ có tiếng thì thầm của sóng và những bọt biển trắng trên biển đen, không thấy một tầu đánh cá nào quanh chân trời. Nó quay người lại, cứ để cho sóng cuốn đi. ở xa xa, nó thoáng thấy trên những làn sóng một điểm đen. Đúng lúc đó nó bị lôi tuột xuống giữa hai con sóng. Thế là nó không nhìn thấy mặt biển nữa. Nước bắt đầu đen như mực, trơn và bóng hơn cả vải sa-tanh. Bụng nó càng co lại dữ tợn hơn. Nó nằm phơi người trên nước để nghỉ rồi lấy tay xoa bóp phần cứng ở bụng. Cơn đau dịu dần. Trước mắt nó, trên nền trời chênh chếch,ámột đámámây lờ lững nhưámột cụm bôngá; gió ở trên kia chắc thổi cònámạnh hơn nhiều!

Cứ để cho sóng nhồi, lúc lên đỉnh lúc xuống đáy như kiểu này chắc chắn không phải làámột giải pháp hay. Nó phải gấp rút bơi vào bờ. Nó lại úp người xuống, quẫy mạnh hai chân để vượt sóng và trườn ra phía trước. Nhưng cái bụng đau lúc nẫy hơi đỡ giờ lại râm ran. Rồi cơn đau quặn lên một cách nhanh chóng đến nỗi làm nó tưởng chừng tất cả bên sườn phải cứng đơ lại. Tức thì nước ùa tràn ngập đầu, nó không còn nhìn thấy gì ngoài một mầu xanh đen của biển, hoàn toàn trong và yên tĩnh nếu không có đám bọt nước thổi ra khi thở. Nó nhô đầu lên mặt biển, hấp háy mắt cho nước rơi ra. Nó vẫn không nhìn thấy bờ. Mặt trời đã biến mất, chỉ còn bầu trời phía đỉnh đồi là ánh lên một mầu hồng. Nó bắt đầu chìm xuống, cơn đau làm nó cong người lại. Nó huơ tay nhoai người ra, nhưng khi hít hơi vào thì đã uống phảiámột ít nước mặn chát. Lúc ho dội ra, nó nghe như cố một cái kim đang đâm sâu vào bụng. Một lần nữa nó lại phải nằm ngửa trên nước, dang cả chân tay ra để nghỉ, cuối cùng lúc duỗi người ra, nó mới cảm thấy cơn đau dịu xuống. Bầu trời trên cao bắt đầu tối đen lại. Không biết bọn trẻ có còn chơi bóng chuyền? Tất cả tình thế có thể còn tuỳ thuộc vào bọn chúng. Không biết cô gáiámặc áo tắm đỏ có để ý là nó đã nhẩy xuống bơi khôngá? Bọn trẻ có để ý quan sát biểná? Còn cái điểm đen xa xa đằng sau nó là một con tầu hay một thứ gì trôi nổi từ trong bờ raá? Nhưng dầu sao đi nữa, ai hơi đâu chú ý đến cái vật ấy? Nó chỉ có thể tự lo liệu lấy thân mình mà thôi. Nó cũng có thể kêu lên, nhưng cứ nghe

tiếng sóng đều đặn và liên tục như thế này, một nỗi cô đơn sâu thẳm như chưa bao giờ nó cảm thấy bỗng vây phủ lấy nó. Người nó chợt nghiêng hẳn đi, nó vội vã lấy lại thăng bằng.

Thế rồi một dòng nước lạnh buốt xuyên qua người nó và từ từ cuốn nó đi. Nó nằm sấp xuống, dùng tay trái bơi, tay phải ôm bụng. Nó vừa đập chân, vừa xoa bóp một bên bụng, cơn đau vẫn còn đó, nhưng xem chừng có thể chịu đựng được. Nó hiểu rằng chỉ có thể thoát khỏi cái dòng nước lạnh này với sức của hai chân mình. Nó phải cố chịu đựng tất cả, ngay những thứ dường như không thể nào chịu nổi. Đó là cách duy nhất để thoát. Nó không muốn quá bi thảm hoá hoàn cảnh hiện thời. Nhưng dù sao đi nữa bụng đang bị vọp bẻ và nó đang ở trên nước sâu, cách bờ những một cây số. Thật ra, nó không rõ mìmh đang cách bờ một cây số hay không, nhưng nó biết đang bị nước cuốn trôi dọc theo ven biển. Cuối cùng đôi chân nó cũng đã thắng được cái dòng nước lạnh. Nó phải bơi được vào bờ nếu không muốn như cái điểm đen trên sóng kia, cái điểm đen giờ này đã biến mất trong nước biển đen.

Nó phải ráng mà chịu đau, cố giữ cho lòng bình thản, bơi mạnh bằng chân, Không được ngơi nghỉ, lơi là, và tối kỵ không được hốt hoảng. Nó phải phối hợp một cách hoàn hảo nhất những động tác của chân, hơi thở và xoa bóp bụng. Ngoài những việc này, nó không được phép nghĩ đến gì khác, và phải đuổi xa những ý nghĩ lo sợ.

Mặt trời xuống nhanh chóng, bóng tối bao trùm lấy biển, thế mà nó vẫn chưa nhìn thấy ánh sáng trên bờ. Ngay cả bãi biển cũng không còn rõ ràng, đường cong của ngọn đồi cũng thế... Chân của nó đụng vào một cái gì đó ! Nó co người và cơn đau lại xuyên qua bụng dưới. Nó quơ chân nhè nhẹ : Chân nó bị cái gì đó quấn ngứa ran ở mắt cá ; nó đã đụng vào râu của một con sứa. Đúng thế, nó đã thoáng thấy trong nước một hình thù. Cái khối xam xám giống một cái ô với những mép có màng. Đúng là nó hoàn toàn có thể tưởng tượng rõ ràng các đường viền và đếm được từng khoang trên những cái râu con vật. Những ngày gần đây, bắt chước những đứa trẻ bên bờ biển, nó đã đi săn sứa và ướp muối phơi khô. Bên ngoài rìa cửa sổ phòng trọ, nó đã dùng một tảng đá để cán mỏng bẩy con như thế sau khi cào những râu và xát muối. Chỉ vài ngày sau chúng đã trở thành mấy tấm da khô. Nó cũng thế, nó có thể trở thành một bộ da như vậy, một cái xác trôi nổi bập bềnh trên nước chưa chắc gì dạt được vào bờ. Đáng lẽ phải để cho chúng sống, lòng ham sống của nó lại bùng lên mạnh mẽ, trong tương lai có lẽ nó sẽ không còn bắt sứa nữa; nếu nó vào được đến bờ, thôi chẳng bao giờ nó đi bơi. Nó cố đập chân, tay phải vẫn ôm bụng, nó

phải đừng nghĩ ngợi gì, chỉ tập trung vào cái nhịp đều đặn của đôi chân đang bơi. Nó bắt gặp những ngôi sao đang long lanh một cách tuyệt vời. Điều này có nghĩa là nó đang đi vào trong bờ. Cái cục cứng ở bụng đã biến mất từ bao giờ, nhưng rất thận trọng, nó vẫn tiếp tục xoa bóp chỗ đó. Tiến độ của nó thật chậm...

Đến khi nó vào được đến bờ, trên bãi biển đã chẳng còn ai và thuỷ triều đang dâng lên. Nó tin rằng chính nhờ dòng nước đẩy mà nó mới vào được đến bờ. Thân thể trần của nó run lên trong gió. Nó cảm thấy còn lạnh hơn cả lúc ở trong nước. Nó nằm xoài trên bãi, nhưng cát cũng quá lạnh. Nó đứng lên và cắm đầu chạy. Nó háo hức muốn loan cái tin nó vừa chết hụt.

Trong phòng khách nhà trọ, mọi người đang đánh bài. Người này theo dõi mặt người kia, chăm chú vào các lá bài của đối thủ. Chả ai thèm ngửng đầu lên nhìn nó. Nó đi về phía phòng mình, nhưng người bạn cùng phòng cũng không có ở đấy : có lẽ y đang tán gẫu ở bên cạnh. Nó quơ lấy cái khăn mặt mắc trên cửa sổ. Nó biết rằng ở dưới bục cửa kia là những con sứa ướp muối đang còn rỉ nước. Sau đó, nó thay quần áo đi giầy cho ấm rồi lộn ra bãi.

Biển dâng cao trong tiếng ồn ào của sóng. Gió càng thổi mạnh. Những lưỡi sóng xám ùa lên cát sỏi ... và lúc lên đến bờ, làn nước đen toả rộng ra nhanh chóng. Không kịp lùi lại, nó bị ướt đôi giầy. Rời khỏi bờ nước, nó thả bộ chầm chậm trên bãi trong bóng đêm. Những ngôi sao không còn nhấp nháy nữa. Bỗng nó nghe thấy tiếng người, giọng con gái xen giữa giọng con trai, rồi lờ mờ thấy ba bóng người. Nó dừng lại. Mấy bóng người đang đẩy hai cái xe đạp. Trên một chiếc, có một cô gái tóc dài ngồi đằng sau trên chỗ đèo hàng. Xem ra họ đẩy xe một cách rất khó khăn, vì bánh xe lún xuống cát. Cả ba không ngừng cười đùa và giọng của cô gái ngồi đằng sau xe đặc biệt mang tiết điệu vui tươi. Họ ngừng lại trước mặt hắn rồi dựng hai chiếc xe đạp vào nhau. Một trong hai người con trai lôi từ sau xe ra một cái túi to đưa cho cô gái. Sau đó họ bắt đầu cởi quần áo. Trông người nào cũng gầy như que củi. Khi hai người con trai cởi quần áo xong, chúng bắt đầu hươ chân múa tay kêu to trên bãi " Chết cóng ! Chết cóng !" giữa những chuỗi cười tươi vui của cô gái.

- Chúng ta uống một hớp nào ? Cô gái đề nghị, cô đứng tựa người vào hai cái xe đạp.

Hai người kia cầm lấy chai rượu cô gái đưa thay nhau uống rồi trả lại cho cô gái trước khi chạy ra biển.

- AA...!
- A...!

Trong tiếng gầm của sóng, thuỷ triều tiếp tục dâng.

- Về ngay nhé ! Người con gái kêu lên bằng một giọng cao vút, nhưng chỉ có tiếng thuỷ triều dâng tràn trả lời cô.

Nhờ ánh sáng yếu ớt hắt lên từ biển, nó nhìn rõ cô gái đứng gần những chiếc xe đạp, chống người trên đôi nạng.

NGUYỄN HỒI THỦ *dịch*

Truyện thứ ba trong tập "Mua cần câu cho ông ngoại tôi" (lấy từ Cấp ngã lão da mãi ngư can & Chu mạt tứ trùng tấu, Đài Bắc, 1996) Cao Hành Kiện, do Noel Dutrait dịch, nxb Aube, 1997.

CHÚC MỪNG

Hợp Lưu nhận được thiệp hồng của
ông bà HOÀNG NGỌC BIÊN
báo tin sẽ làm lễ thành hôn cho thứ nam là cháu

hoàng tân dân

đẹp duyên cùng cháu

nguyễn mỹ diễm loan

thứ nữ của ông bà NGUYỄN LONG DƯƠNG.

Hôm lễ sẽ cửa hành lúc 9 giờ sáng thứ Bảy
ngày 25 tháng 11 năm 2000
(nhằm ngày 30 tháng 10 năm Canh Thìn)
tại Fountain Valley, California, Hoa Kỳ.

Hợp Lưu hay mặt anh chị em văn thi hữu tại hải ngoại
chúc ông bà Hoàng Ngọc Biên
& ông bà Nguyễn Long Dương
có được dâu hiền rễ quí.
Chúc hai cháu **Dân/Loan** hạnh phúc mãi mãi



THƯỜNG QUÁN

Khuỷu tay

Gối lên buổi chiều mỏi mệt
phố vắng gọi chiều xa mái thấp
cửa kiếng chân dung thoan cúi xuống
      mặt bàn gỗ   trần thiết
              những ngón nâu mun
duỗi ngửa nghiêng mặt nước

nước chảy ngoài những con đường sát bến sông
mang một hai xúc gỗ đỏ
rừng trầm hương chân khép dưới lưng
kéo một tấm màn gai mỏng sơ che nắng muộn
thúc thủ gọi vào   đi đi xa
vào trong khuyu gãy xoá trẻ xanh
mây xé tưa sợi mảnh vảy vân
sóng từng thân cá táng gối lên ẩm
vào trong ướt bãi hoãi bơi xa

một khuỷu tay
    nổi trên ngang   lợt xám
một con mắt dưới một lần ngang   đen
tóc ngả về tông lục (cửa lá tối)

mọi căn phòng tối trong thành phố này
sau các hành lang dường đều để hở
một độ khép

     mọi ngáng chân dài
     mọi kẽ hở giữa các ngón chân cong

một bàn tay nhỏ   giật, tất
   sợi dây đêm xanh biêng biếc thỏng
          lại chật sóng thở ngớp ngập
          đèn lu cảng cửa
 mai tôi ơi   đi   đi xa   đừng   đừng gọi cánh tay

THƯỜNG QUÁN



ĐINH LINH

Cảnh Đẹp Cali



Thật kỳ lạ là những gì mà một chiếc quần Levy's mới có thể đem lại cho sự tự tin của một tên đàn ông, hắn nghĩ trong khi ngồi ở một chiếc bàn cạnh cửa sổ quán Cảnh Đẹp Cali. Một chiếc quần jeans Mỹ, được trả giá một cách thành thạo từ 30 đô xuống còn 12 đô ở chợ Bến Thành ngày hôm qua. Khi mới đến thành phố này mình thậm chí chẳng dám mặc cả, hắn nhớ lại. Thật đáng sợ. Mình đã từng nghĩ nếu kỳ kèo quá đáng, họ sẽ cho mình là một kẻ khốn cùng, một tên nhà quê ngu dốt. Cả một chặng đường dài, hắn chắc lưỡi thầm. Mình đang mặc áo thun thể thao Ralph Lauren, mang giày da, cũng mua hôm qua, nhập cảng từ Trung Quốc và đáng giá đến gần một tháng lương. Bất ngờ mặt hắn nhăn lại, gợn vẻ giận dữ. Trên bức tường vôi vàng là những tấm hình cảnh cầu Golden Gate và vực Grand Canyon. Kệ cha nó vậy , hắn nghĩ, nuốt trôi nỗi bực bội xuống bằng một ngụm đá chanh ngọt ngây. Không đủ chanh, hắn kết luận cay đắng. Những hoang phí đôi khi là một sự cần thiết, hắn tự nhắc nhở. Phải hoang phí chỗ này chỗ kia một chút nếu muốn thay đổi hình thái. Một từ rất quan trọng: hình thái. Đó là một từ mình đã chạm đến một cách rất ngẫu nhiên trong cuốn tiểu thuyết đầu tiên. Cứ thử nghĩ, hắn đỏ mặt, cách đây một năm mình đã thậm chí không biết tiểu thuyết là gì. Bây giờ thì mình đọc ít nhất một trang mỗi tối, hắn mỉm cười. Người ta mắc kẹt trong những vết lún vì chẳng bao giờ nghe nói đến từ "hình thái." Và rồi cuộc đời họ tiêu vọng. Thỉnh thoảng sống vượt lên trên cung cách thường nhật là một cách tự khẳng định mình. Kẹt trong nợ nần, người ta không thể tự mãn được. Hoặc là người ta chìm trong khủng hoảng, hoặc là người ta phải biến thế. Bạn phải thay đổi chính đời sống mình, hắn đã đọc câu này đâu đó. Nhưng sự đổi mới luôn tốn kém, chắc chắn là như vậy. Chỉ toàn chuyện cứt nhảm, hắn nghĩ. Mình chỉ đang diện bảnh để gây ấn tượng với một ả đàn bà.

Lúc một người đàn bà bước vào quán, hắn nhổm nửa người dậy khỏi ghế rồi nhanh chóng ngồi xuống. Nàng thậm chí chẳng có vẻ gì giống người mình đang đợi, hắn gần như cười thầm. Liếc nhìn đồng hồ, hắn nhận ra Lan đã trễ 17 phút. Thế giới trông khác lạ khi được nhìn từ cửa sổ tầng ba. Từ vị trí này dường như không có gì quan trọng. Người ta thu nhỏ lại và tất cả những nỗi khốn cùng của đời sống tự bốc hơi đi. Nhưng có lẽ chỉ tại vì máy điều hòa không khí. Phía bên kia đường một người đàn bà cụt chân đang lướt đi bằng cách nằm sấp người trên một miếng gỗ có bánh xe. Chiếc loa nổ ran ngay cạnh đầu bà ta đang phát ra một bài kinh Phật. Kỳ lạ biết bao là mình thậm chí không thể hình dung ra được khuôn mặt của nàng vào lúc này. Nhưng chắc chắn mình vẫn nhớ tên nàng. Trần Thúy Lan, Trần Ngọc Lan, hay đại loại như vậy. Nhưng nếu có ai hỏi mình về bề ngoài của nàng, chẳng hạn tóc nàng dài hay ngắn, nàng có trang điểm không, mình sẽ chẳng thể nào nói được.

Hắn thanh toán hết ly nước đá chanh. Quá nhiều đá, hắn kết luận cay đắng. Cách hắn hai bàn, một cặp da trắng đang ăn một cái gì đó trông bắt mắt: một cái bánh nướng nhân với đủ thứ trên đó. Mùi thức ăn hấp dẫn thoảng đến bàn hắn. Những lát thịt pepperoni thì thật nhưng phó-mát làđồ dỏm. Hắn chưa từng ăn phó-mát. Hắn vẫy người bồi. “Món gì đó vậy?” hắn thì thào.

“Pizza,” người bồi trả lời. “Đồ Ý đấy, ông có muốn thử không?”

Hắn mỉm cười đắc chí. “Có lẽ lát nữa. Còn bây giờ thì mang thêm cho tôi một chai Tiger.”

“Ở đây chỉ có Heineken và Budweiser.”

“Làm ơn lập lại.”

“Hei-ne-ken và Bud-wei-ser.”

“Đem cho tôi loại đầu tiên.”

Hắn rút viết ghi vào cuốn sổ nhỏ “pizza.” Cùng trang cạnh những chữ “parrot,” “pistol” va “pyjamas.” Bây giờ là 7giờ 23 phút tối. Hắn nhìn cặp da trắng một lần nữa rồi nhận ra một điều thật khác thường là hắn chưa bao giờ ngồi chung trong một căn phòng với những người khác chủng tộc. Một hình thái mới, hắn thở dài. Người đàn ông trông lôi thôi, thậm chí lù đù, nhưng người đàn bà thì tuyệt đẹp, với cánh mũi nhỏ và cặp môi rất đỏ. Người đàn ông mặc quần jeans Levi's và mình thì mặc quần jeans Levy's. Mình chưa bao giờ sờ vào da của một người khác chủng tộc. Hắn nhận ra hắn đang quét mắt qua tấm áo thun màu xanh nhạt của người đàn bà. Nhưng tại sao mình lại nhìn người đàn bà này trong khi đang chờ đợi nàng?

Bạn đến từ đâu? Hắn nghĩ bằng tiếng Anh. Tôi đến từ Manchester. Ở đó mưa nặng hạt. Bạn có thể đến và ở lại đây với tôi. Tôi là người cao ngổng nhất trong gia đình. Phòng vệ sinh thì ở bên ngoài. Tôi khỏe mạnh, còn bạn bệnh hoạn. Trong vòng một năm mình sẽ nói tiếng Anh thành thạo, hắn chắc lưỡi.

Hắn nhìn hình ảnh hắn phản chiếu trên cửa sổ kính. " Pi za," hắn lẩm bẩm. Mắt đăm đăm và môi nghiêm trọng. Kể từ khi mình tập luyện để giữ mõm đóng lại lúc không nói chuyện, khuôn mặt mình trở nên nghiêm trang và hệ trọng hơn. Hít đất ít nhất ba mươi cái mỗi tối. Năm mươi cái khi không quá mệt. Đường xá Sài Gòn không quá đông đảo trong một ngày mây mù như thế này. Một người bồi khác quay trở lại với chai Heineken. Sau khi rót đầy bia vào ly, người bồi cười và nói: "Nước hoa Ralph Lauren."

Hắn đáp lại với một cái hít mũi: "Nước hoa cạo râu Calvin Klein!"

Người bồi bước đi, ngoái lại và nháy mắt. Chỗ này khá đấy chứ, hắn nghĩ. Ngoại trừ những con thằn lằn trên tường vôi vàng, dĩ nhiên. Cả nước Việt Nam chỗ nào cũng đầy thằn lằn, nhưng ít nhất cũng nên có một chỗ không có loại bò sát màu da người này. Chính phủ nên nghĩ cách nào đó để loại bỏ giống vật này. Trả tiền cho trẻ con để chúng bắn thằn lằn bằng dây thun hay đại loại như vậy. Hắn nhấp một cách dè chừng ngụm bia nhập khẩu.

Hắn gặp Lan một tuần trước đây chỗ quầy bán CD trong một tiệm sách, cái tiệm to đùng ở đường Nguyễn Thị Minh Khai. Hắn đến tiệm để mua cuốn tiểu thuyết thứ ba. Cuốn "Đường máu" của Sheldon qua một bản dịch rất được. Hắn chú ý đến một cô gái xinh xắn đang cầm một CD của Trịnh Nam Sơn. "Mua đi," hắn khuyên, "hay lắm đấy!"

Cô gái quay qua hắn mắt long lanh.

"Tôi cũng có CD đó ở nhà," hắn nói ngập ngừng.

"Em chỉ coi cái bìa thôi," cô gái nói vui vẻ, "Em không có máy nghe CD ở nhà!"

Có lẽ hắn đã làm một sai lầm khi hẹn cô gái ở tiệm Cảnh Đẹp Cali, hắn nghĩ. Một cô gái không có máy nghe CD ở nhà có lẽ sẽ hoảng sợ trước một chỗ thế này, một chỗ sang trọng nơi mọi người từ khắp thế giới tụ tập để ăn pizza và uống Heineken. Ở một chỗ mà những cái ghế đều bằng gỗ chứ không phải bằng nhựa. Nhưng lúc đó nàng cũng mặc một cái áo khoác rất nổi và mắc tiền, hắn nhớ lại, một dấu hiệu cho thấy nàng cũng có tham vọng tiến lên trong cái thế giới này.

Nàng chưa đến mà mình đã tiêu bộn tiền rồi, hắn than thầm. Hắn nhìn ra cửa sổ và nhận ra đường phố bỗng trở nên tối sầm. Những ánh đèn duy nhất là đèn từ những chiếc xe gắn máy. Nhưng họ có một máy phát điện ở quán này và bia thì ngon, hắn nhấp một ngụm nữa.

Bây giờ là 7 giờ 40 tối. Căn phòng đầy những tên buôn bán chợ đen, những tay ăn hối lộ, bọn mới phất lên, và các quan chức. Trong một góc phòng, một người đàn ông Ấn Độ ngăm đen đang ăn món xà lách Hy Lạp. Chỉ trong có một ngày mà mình đã chen vai thích cách với cả da đen lẫn da trắng. Hắn tự thưởng mình bằng cách gọi thêm một chai Heineken.

7 giờ 56 phút và một thằng nhóc đánh giày tiến lại bàn hắn. Sao người ta có thể để cho một thằng nhóc đánh giày vào một chỗ như thế này, hắn nghĩ. Một thằng nhóc lớp ba sức môi đi chân không. Ít nhất cũng không có ai gạ mình mua vé số.

"Đánh giày?"

"Được thôi."

Thằng nhóc chui xuống gầm bàn. Có quái gì đâu, hắn nghĩ. Hắn vẫy người bồi và chỉ tay vào chai bia rỗng.

9 giờ 25 và bây giờ thì chắc chắn là nàng sẽ không đến. Ngoài đường đèn điện bật sáng trở lại. Mình say và mình chẳng thất vọng. Ít nhất mình cũng đã có một cơ hội để thử qua Cảnh Đẹp Cali. Trong mọi sự đều có một chút ngẫu nhiên. Nếu mình ở nhà thì giờ này mình cũng chẳng học được điều gì. Cửa sổ phòng mình nhìn thẳng sang cửa sổ một phòng khác chỉ cách nhau một con hẻm rộng hai thước. Cảnh Đẹp Cali bây giờ trở nên ầm ĩ với đám hội hè Đài Loan. Những tên đàn ông trung niên với mấy em Việt Nam tuổi vị thành niên. Hắn ngoắc người bồi kêu tính tiền.

Phiếu tính tiền ghi nhận hắn đã uống ba chai Heineken và một ly đá chanh, hết một tuần lương. Có quái gì đâu, hắn nghĩ. Sự hoang phí đôi khi là một điều cần thiết. Đôi lúc người ta phải thay đổi hình thái. Hắn nhổm nửa người khỏi ghế nhưng rồi lại ngồi xuống. Hắn ngọ ngoạy những ngón chân mang vớ một lúc rồi chui đầu xuống gầm bàn. Chẳng có gì trên sàn nhà ngoại trừ một cây tăm xỉa răng và một mảnh giấy chùi miệng bẩn thỉu. Hắn nhìn và nhìn nhưng chẳng thể nào tìm được điều hắn muốn tìm. Khi ngẩng lên hắn thấy tay bồi với nụ cười, Ngài Nước Hoa Cạo Râu Calvin Klein, đang thu dọn bàn hắn: "Bộ có chuyện gì sao?"

PHAN NHIÊN HẠO *dịch*
từ nguyên bản tiếng Anh "California Fine View"



ĐẢO LONG

nguyệt mãn y

tướng diện học thường nhắc đến môi dầy, mắt sáng,
đôi chân dài, lông mày rậm, má ửng mầu hoa đào,
anh chỉ nói về một điều: vẻ gợi tình nồng diễm nhất của em
là tâm hồn tương đắc cộng với tính khí đồng điệu giữa tụi mình,
đó là điều khiến anh xứng tâm mãn ý và đã đời hết sức
mà nghĩ cũng hay, tại sao em lại giống anh như hệt,
bất cần lắm, bạt mạng lắm, khéo tay lắm, nhạy cảm lắm,
lãng mạn lắm, khoáng đạt lắm, tốt bụng lắm, nghĩa khí lắm,
hào sảng lắm, nhiều cái giống lắm lắm đến phát lạ...

khi anh ngồi làm việc gõ lóc cóc ở bàn, em nằm ngả đầu
trong lòng anh, tóc em rất dài, và trong thế nằm ấy
xõa chạm mơn trớn ve vuốt cổ chân anh
*rơi thấu đời sau lọn tóc người**
êm ái chân thiệt tình! mát mẻ ruột làm sao!
em còn xoay mặt úp vào cái bụng chứa toàn hơi salem
lúc thì vân vê hai đầu ngực, lắm khi chọc nhột lỗ rốn anh
[kỳ thiệt, mắc chứng gì mà anh thương em dữ vậy]
em của anh nào phải vân tưởng y thường - hoa tưởng dung
trũng mắt hơi sâu, cái mũi nhòm mồm, vóc tép mình tôm
nốt ruồi tham ăn, đầu lưỡi đỏ mềm, mở miệng là đía
ở bên anh em có vẻ thoải mái không cần màu mè điệu bộ
họa hoằn lắm anh mới bắt gặp em lấy son vẽ lại viền môi,
chậm thêm má phấn, nhoẻn miệng tìm cọng rau xanh
vương giữa khe răng, len lén ngậm viên kẹo bạc hà...

.

buổi tối lúc em đứng lặt rau xắt thịt, anh lẩn quẩn phía sau lưng
xàng xê sớ rớ giúp em được một, nghịch em tới mười
qua khung cửa, trăng căng tròn đổ tràn sữa nồng trên gạch bếp
nhuộm vàng ửng tấm áo em óng ả mềm nhuyễn lụa nữ hoa...
anh chợt nói, thôi khỏi nấu, mình chơi hai cái mì gói đi cưng
không rềnh rang lề mề em cong ngón tay tắt lửa bếp cái phựt
tiếng phách không chưởng của hoàng dược sư đã chắc gì
ngọt ngào gọn ghẽ hơn...

một ngày chẳng nhớ nổi tới mấy lần em nhão giọng gọi
anh ời anh ỡi anh ơi,
chữ anh được kéo dài pha lẫn mật ong, đường thẻ và mía lùi
gọi tới lần thứ mười anh mới chịu giả bộ nghễnh ngãng làm lơ
rồi em thường tấm tắc khen nội lực anh thâm hậu, sung mãn
không biết tiềm tàng tích tụ ở đâu mà lắm thế
để lúc nào cũng cuồn cuộn tựa thác đổ đầu non
như cổn cổn trường giang đông thệ thủy...
như hoàng hà chi thủy thiên thượng lai...
nhà mình nghèo không có tiền mua giường trải nệm
chỉ tội nghiệp em đau lưng
chứ anh nào có hề gì bầm tới dập lui hai đầu gối
suýt soa cười, tụi mình và trăng cùng đắm đuối nguyệt mãn y...

ĐẢO LONG

** rơi thấu đời sau lọn tóc người / thơ Du Tử Lê*



NAM DAO

Ta xô biển lại...



Gửi lại rêu phong Hội An
cho thời gian bám mặt sau quá khứ...

Lời ngỏ :

Kịch bản này đẻ ra từ nắng gió Hội An cuối năm 1998.

Thời gian đó, miền Trung gió bão liên miên một tuần liền, vùng Quảng-Đà thiệt hại nặng nề, đường nối Hội An vào Đà Nẵng bị lụt lội, nước ngập lắm nơi đến ngang vai. Trước thiên nhiên, con người nhỏ bé lại, nhẫn nhục hơn, những vẫn quyết liệt sống còn.

Sống còn đòi hỏi con người cưu mang lẫn nhau. Từ mảnh đất cưu mang đó, tình yêu có cơ nẩy mầm. Tôi hiểu như thế nhờ Tuyết Anh, một người đàn bà ngày nào cũng lẩm nhẩm hát *Biển sóng biển sóng đừng xô tôi, ta xô biển lại sóng về đâu* ?..., một bài hát của Trịnh Công Sơn, và kể cho tôi đoạn đời Tuyết Anh vừa bước qua trong gió bão.

Dĩ nhiên, viết kịch nên tôi vẫn phải tạo một số hư cấu có kịch tính ghép vào chuyện đời của Tuyết Anh. Tôi xin cám ơn và thân ái tặng nhân vật của tôi kịch bản này, cùng lời nhắn thăm người bạn đời của chị và cháu bé hiện sống ở Cửa Đại. Tôi thấy không cần nhắc rằng mọi trùng hợp của kịch bản với đời thật là do ngẫu nhiên và nằm ngoài ý muốn tác giả để cho y có thể khẳng định là y không chịu bất cứ một trách nhiệm nào.

Nhân vật :

Tuyết Anh : bé nhỏ, đi chân hơi khập khiễng, tóc dài buộc lên,

nói giọng Huế rất ấm áp, khoảng ba mươi tuổi.

Bé (Vĩnh Anh) : đầu to, méo mó. Đi không vững, chỉ lết, bị độc tố da cam, không bình thường.

Tạo : khoảng bốn mươi tuổi, cao, mặt xương xẩu. Nói giọng Quảng.

Bà nội : Giọng the thé. Hơi gù. Cung cách khắc nghiệt. Quãng đâu sáu mươi.

Lưu : khoảng bốn mươi, rất nhạt, không cá tính.

Ông Hai : khoảng bảy mươi, gầy gò, giọng nói sang sảng, tâm thần khủng hoảng.

Nhân vật phụ:

Hằng, Công an, anh Sáu và ba đứa con.

Âm thanh

Tiếng mưa và tiếng gió luôn luôn đệm cho cả vở kịch, trừ hai cảnh cuối. Nhạc cho kịch bản này, có lẽ hay nhất là nhạc Bach, soạn cho piano và violon hòa tấu, và bài *Sóng về đâu ?* của Trịch Công Sơn.

Những đoạn độc thoại, sân khấu tắt hết đèn, trừ đèn rọi vào nhân vật, miệng mím, bất động, để máy ghi âm phát ra lời đã thu sẵn.

MÀN I

Độc tố & cơn bão

Cảnh 1

Phòng ăn của một khách sạn loại mini, rất đơn sơ. Phía trong là quầy. Cạnh quầy, lối cầu thang lên lầu. Kệ trên tường sau quầy xếp la liệt bia và nước ngọt. Tủ kính để thuốc lá, hộp quẹt. Phòng có bốn năm bàn. Một bàn kê ngay giữa sân khấu. Trên bàn, những chai ớt, tương, tiêu, muối và một ống đựng đũa, thìa. Chung quanh bàn, để dăm chiếc ghế sắt loại gấp lại được. Đèn chiếu, tạo ra một không gian tù mù. Ở ngoài cùng, phông dựng như một bức tường, có cửa sổ trổ ra hàng hiên, chiếm một phần tư bề ngang sân khấu. Cuối hàng hiên là cửa chính để vào phòng ăn của khách sạn.

Tiếng gió rít lên với tiếng mưa lùa vào. Chốc chốc có tiếng sấm sét, và chớp lòe lên sáng một góc phòng. Bà nội ngồi thu lu nơi góc quầy, miệng nhai trầu, đầu cúi xuống vẻ nhẫn nhục. Dưới ánh

chớp, hình ảnh bà có chút gì ma quái, nửa hư nửa thực.

Bỗng tiếng trẻ con ngã và tiếng khóc ré lên. Rồi tiếng chân chạy. Bà nội ngửng lên. Tay nâng chiếc ống nhổ, bà khạc rồi nói, giọng the thé.

Bà nội : Lại té. Tuyết Anh à, nó lại té hỉ ?

Im lặng, đợi một lát, bà đứng dậy.

Bà nội: *(khịt khịt mũi, réo)* Bay đâu không trả lời tau ? Thằng quỉ lại té hỉ ?

Vẫn chỉ có tiếng trẻ con khóc. Sấm động. Bà nội vùng vằng, giọng chua lét, đi về phía cầu thang.

Bà nội: Con với cháu ! Thiệt...

Đúng lúc đó có tiếng xe honda, rồi tiếng gõ cửa. Bà nội ngừng chân nghe ngóng, nói với ra ngoài.

Bà nội : Cửa mở đó. Đẩy vô...

Loẹt quẹt, bà đi về phía cửa. Theo cơn gió thốc, một người đàn ông mặc áo mưa bước vào.

Bà nội: Trời đất quỉ thần ! Mưa gió quá hỉ. Chú vô đi, đóng giùm cái cửa, mưa tạt ướt hết...

Cởi áo mưa, người đàn ông - tên Tạo - nhìn bà nội.

Tạo : Tui có đặt phòng. Phân xưởng cá Cửa Đại có điện thoại hồi sáng...

Bà nội : Có, chỗ chú Bẩy mà, phải không ? Kỳ nào chú Bẩy ở dưới lên cũng ở khách sạn này. Xưa, chú Bẩy là quân ông chồng tui đó... Chú ngồi đi ! Bão nên không có khách...

Tạo để áo mưa lên ghế, nhìn quanh, tay vuốt nước trên mặt.

Bà nội : ... Khách sạn tầng ba dành cho khách. Khách có một mình chú. Chú biết không, năm nay du lịch xuống quá... Tới tụi Tây ba lô mà nó còn ỉ eo khó dễ. Làm ăn bây giờ cực quá chú ơi ! May mà còn mấy người anh em như chú Bẩy. Hồi kháng chiến, chú với ông chồng tui như tay với chân... Mà ổng bỏ mẹ con tui đi rồi...

Bà nội nheo mắt ngắm Tạo.

Bà nội : ... Tui có thằng con trai. Nó công tác ở Văn Hóa -Thông Tin trên thành ủy. Cả nhà có cái khách sạn này kiếm ăn, nhưng du lịch xuống quá... Tụi tui lấy giá nội địa mà Tây ba lô còn chê đó chú ! Còn Văn Hóa -Thông Tin thì đâu có làm ăn được gì. Thằng Lưu cỡ tuổi chú. Tui giục hoài cho nó qua bên Du Lịch, nhưng còn kẹt, chạy chưa thông... Bây giờ, cái gì cũng tiền.

Bà cười, giọng hềnh hệch làm ra thân mật.

Bà nội : Chuyện đầu tiên mà...

Tạo : *(ngắt)* Thưa bác, bác sắp phòng tui ở đâu bác...

Bà nội: Tui để chú phòng 202, phòng ngon đó. Chú Bẩy khi lên thường cũng ở đó. Dưới tầng hai, tụi tui ở. Còn đây là phòng ăn, có lade, nước ngọt... Chú ăn cơm tụi tui cũng lo luôn. Muốn cơm Huế có, cơm Quảng có, nhưng chú phải dặn trước... Chìa khóa nè. Đường cầu thang lên tầng hai đây (*tay chỉ*). Chú trẻ vầy, được mấy nhỏ rồi ?

Tạo cầm chìa khóa, vừa nói vừa xách túi du lịch lên.

Tạo : Dà... Tui chưa vợ chưa con, bác !

Đi vội vào, Tạo tránh chuyện, nhẩy lên cầu thang hai bước một. Phòng ăn lại chỉ còn bà nội, vẫn tiếng mưa tiếng gió, và tiếng lục đục trên lầu.

Bà nội miệng lẩm bẩm đi về phía cầu thang. Chớp sáng lên, đèn sân khấu tắt. Nhạc nổi lên rồi nhỏ dần.

Một lát sau có tiếng chân xuống cầu thang.

Đèn bật. Nhạc cất lên da diết. Tuyết Anh ra đứng sau quầy, vẻ buồn buồn chịu đựng. Mưa ngày càng mạnh. Tiếng nước trên mái tôn như reo. Tuyết Anh ra cửa sổ. Lại chớp. Tuyết Anh làm động tác đóng cửa. Tiếng chân. Tạo xuất hiện. Tuyết Anh cười, cúi đầu chào.

Tuyết Anh : Anh uống chi không ?

Tạo : Cho một ly cà phê, chị !

Tuyết Anh : *(Đi ra sau quầy)* Đen hay sữa ?

Tạo : Đen ! Đây điện thoại chỗ nào ?

Tuyết Anh : Điện thoại đây *(tay mang điện thoại từ dưới đặt lên mặt quầy).* Anh gọi trong thành phố, giá một ngàn... Gọi xa, tính giá bưu điện cộng dịch vụ là hai ngàn...

Không đáp, Tạo cầm máy, quay số. Tiếng điện thoại bận, kêu te te như dế. Tạo bỏ máy xuống, vẻ nóng ruột, ra ngoài ngồi cạnh bàn. Tuyết Anh nhìn theo.

Tuyết Anh : Máy bận anh hỉ ? Trời bão, bận hay hư chi rứa, không ai hay !

Tạo : (*Sửng sốt*) Làm sao mà biết là bận, là hư...

Tuyết Anh lắc đầu. Nàng bưng ly cà phê ra cho Tạo

Tuyết Anh : Anh thử gọi nữa coi !

Tạo nhấp môi vào ly cà phê, rồi lại ra quay số. Gió vẫn ù ù. Điện thoại gọi được. Tạo nói lầm rầm nghe không ai hiểu được. Dán tai vào điện thoại, Tạo chăm chú, vẻ thất vọng.

Tạo : (*nói lớn*) ...Nước ngập kiểu này thì máy hư, chắc chi sửa được....Mà có sửa, sẽ mất cả tháng, vậy là mất tiêu một mùa cá. Phân xưởng tui đề nghị Thành Phố cho điều về một cần trục...Sao ? Anh nói sao ? Tui nghe không rõ...

Tạo lại nhăn mặt, gào vào ống nói điện thoại.

Tạo :v...Cần trục để lên xe tải mười tấn, đi ngay còn kịp. Nước mới vô tới mặt đường, xe không sợ ngộp đâu, còn đi ra được...Anh nói sao ? Thôi, anh không chịu trách nhiệm thì anh cho tui nói thẳng với bác Chín bên kỹ thuật. Máy bị ngập nước là tốn bạc trăm triệu chớ không ít..

Tạo : (*gào*) A-lô, còn nghe không ?

Thất vọng, Tạo dằn máy xuống. Lúc đó Vĩnh Anh lết đến chân Tạo.

Tạo : (*chửi*) : Hết muốn nghe là cúp ngang, con mẹ nó !

Bé (*khều khều vào chân Tạo, kêu be be*) : Chú ! chú !

Tạo cúi xuống.

Đèn rọi vào một mình Vĩnh Anh. Lên bẩy tuổi, nó nhỏ hơn cỡ cùng lứa, đầu phình ra như một trái banh méo mó vì xì hơi, hai mắt bé tí, trán thấp đến gần như không có. Chân nó khẳng khiu, lại cong vòng, nên thay vì đi nó chỉ lết. Một cánh tay nó bình thường, nhưng cánh kia nhỏ hẳn, bàn tay đâm ra những ngón chưa kịp định hình, cụp lại, khum vào, cứ thỉnh thoảng lại co giựt theo phản xạ. Đèn mờ dần rồi tắt.

Bà nội từ cầu thang bước xuống. Đèn lại mở. Bà bước vào.

Bà nội : (*ré*) Thằng quỉ, vô bếp cho tau. Không vô liền (*bà quơ tay*), tau đánh mi chết nè !

Tuyết Anh : (*vội la*) Bé nghe lời bà nội ! Vô đây !

Tuyết Anh chạy ra dắt tay bé đi vào sau quầy, lách sang phía bếp.

Bà nội : (*quay nhìn Tạo*) Thiệt cực ! Nói hoài mà thằng quỉ đó không biết nghe lời, chú à. Tui nói hoài là có khách, má nó phải trông chừng cấm nó ra phòng ăn... Chú đừng cười với nó, nó làm tới đó !

Tạo lại ra quầy, tay cầm điện thoại quay số. Trời vẫn mưa gió. Tiếng sấm nổ đùng đùng. Chớp lại lòe lên. Tạo bỏ máy xuống, dáng thất vọng.

Tạo đi lại đứng ngó ra ngoài cửa sổ. Chớp sáng xanh lè. Bà nội nhai trầu, miệng khạc, rồi lại lẳng lặng lên thang.

Tuyết Anh từ bếp đi ra.

Tuyết Anh : Anh có dùng thêm chi không ?

Tạo lắc đầu, móc gói thuốc, châm lửa, rít vào rồi nhả khói. Thằng bé lại lết ra. Tạo vẫy. Nó cười cười, kêu « chú, chú ». Tuyết Anh tiến lại, tay đưa ra dắt con, chân đi khập khiễng. Tạo nhìn, vẻ dò hỏi.

Tạo : (*rụt rè*) Tôi trông chị... thấy quen quen, (*nhìn chân Tuyết Anh*)...trừ (*ngập ngừng*)...

Tuyết Anh : (*cười nhẹ*) Tui bị miểng bom năm đánh Quảng Trị ! Bác sĩ nói không cưa chân là may rồi. Ban đầu đi nạng, nhưng tập một năm thì bỏ được, đó anh !

Tạo nhìn lên trần, dáng băn khoăn, không biết nói gì. Tuyết Anh vào sau quầy, rửa ly tách. Vĩnh Anh nhìn Tạo, cười ngây ngô.

Tạo : Chắc căn nhà làm khách sạn là của gia đình hỉ ? Làm ăn được không chị ?

Tuyết Anh : Năm ngoái, khá. Nhưng năm nay thì bết rồi ! Nhà này cha tui cho khi tui đi lấy chồng đó anh ! Thiệt ra, nhà là ngoại để cho má tui. Khi cha tui ra khu, má kẹt lại. Rồi má tui bị bắt ở tù. Cha tui cho người về đón tui đi, một năm sau thì có tin má bị đánh tới chết... Tui ở trên đặc khu tới 75 mới về...

Tuyết Anh : (*mơ màng*) Cha chồng tui là bạn và là đồng chí của cha tui mấy chục năm ròng. Thiệt là có số, anh à ! Ổng kéo quân về tới ven thành phố rồi, bị đạn lạc tầm bậy tầm bạ... Thế là mười lăm năm đánh trận lớn trận nhỏ thì không sao, đến phút chót về tiếp quản thôi mà chết... Lãng xẹt... Khi ổng hấp hối, ổng thác cho cha tui vợ con ổng, nhờ trông nom giùm... Rồi cha tui gả tui cho con trai ổng... Cha mẹ đặt đâu, phận con, con ngồi đó (*Tuyết Anh cười hiền lành*)

Tạo : (*nhìn Vĩnh Anh*) Cháu bệnh chi vậy chị ?

Tuyết Anh : (*xót xa*) Cháu bị độc tố da cam. Mấy ông bác sĩ nói vậy. Bữa nọ, cán bộ y tế bắt nó ra chụp hình... Mấy ổng nói đòi bọn Mỹ phải bồi thường...

Thình lình, chuông điện thoại reo inh ỏi. Tuyết Anh khập khiễng ra bắt máy.

Tuyết Anh : (*mắt nhìn Tạo*) Dạ, dạ, ông chi ? Tạo, dạ có.... xin ông chờ.

Tạo vội vã cầm lấy máy, áp tai vào nghe.

Tạo : (*reo*) A anh Sáu, tui đây, Tạo đây... nước biển tràn vô, mấy cây dừa trên bãi đổ hết... nước ngập, vào tới thềm quán bà Tư... Gió dữ lắm, nhưng mái nhà anh còn... Sấp nhỏ nói má tụi nó bơi thuyền thúng đi vớt cá, một ngày một đêm chưa về... tui đi từ sáng sớm, từ đó không biết thêm. Sấp nhỏ nhờ tôi báo anh... Tụi nó khóc quá chừng. Được... Tui điện về xưởng, hỏi thăm tin chị Sáu, có gì báo anh liền... Rồi... Đường tới Non Nước còn xe, nghe nói sau đó một khúc nước ngập xe không vô tiếp... Được... Không, tui phải đợi xe chở cần trục vào cứu dàn máy của xưởng cá, anh Sáu cứ về trước đi... Rồi, tôi nghe rồi...

Cảnh 2

Buổi tối. Vẫn phòng ăn khách sạn. Gió bỗng quật từng cơn, gào lên điên dại. Tạo ngồi nghe tin từ chiếc radio lè rè phát tin. Giọng người xướng ngôn vang lên :

«... gió cấp bẩy tiếp tục thổi về hướng Tây Bắc, từ Khánh Hòa cho tới Đồng Hới. Thiệt hại đáng kể ở những tỉnh ven biển, nhất là với vùng Quảng Nam - Đà Nẵng. Viện khí tượng cho biết dự đoán cuối cùng : miền Trung, mưa tiếp tục cả ngày mai nhưng gió hạ xuống cấp ba, giữ vận tốc 70 cây số giờ. Từ Phú Yên đến Quảng Ngãi, tình trạng lũ lụt mỗi lúc một trầm trọng... Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định chi viện cho...».

Tạo bực tức, tắt radio, mồm lẩm bẩm .

Tạo :... cây rừng chặt như vậy, bây giờ mưa bão thì chết chìm là phải !

Tạo ra đứng bên cửa sổ. Thình lình, đèn điện tắt ngóm. Tiếng bà nội gọi. Tuyết Anh thắp chiếc đèn măng-sông bước ra phòng khách.

Tuyết Anh : (*nhìn Tạo*) Cúp điện rồi anh ! Chắc lần này cúp lâu đó. Gió bão như ri sửa chữa chác khó khăn lắm !

Tạo : (*thất vọng*) Điện thoại có chạy không ?

Tuyết Anh : Anh thử coi ! Điện thoại có thể vẫn chạy!

Tạo chụp máy, quay, rồi áp tai nghe ngóng. Lát sau,Tạo bỏ máy xuống, ra đứng tựa cửa. Mưa hắt nước vào mặt. Tạo đưa tay lên chùi, rồi châm thuốc hút. Nhìn bầu trời đục ngầu giận dữ, Tạo bỗng dưng thấy mình nhỏ bé, nhỏ bé và bất lực.

Tuyết Anh nhìn Tạo ái ngại, mắt nhướng lên dò hỏi.

Tạo : (*thở dài*) Nước ngập phân xưởng cá tụi tui. Ngập tới dàn máy là đi luôn một mùa cá. Tui về Thành Phố xin đem cần trục máy để cứu (*Tạo lẩm bẩm*) Nhưng mà sao người ta lơ là quá đi...

Tuyết Anh : Biết đâu chừng trời thôi mưa...

Tạo : (*lại thở dài*) Nhưng nước lũ trên rừng đổ xuống chớ đâu chỉ nước mưa !

Tạo ra cửa sổ nhìn trời. Quay vào, Tạo ngồi xuống, mở một bức thư ra đọc. Tuyết Anh vào bếp. Tạo gật gù cúi xuống viết, vừa viết vừa lẩm bẩm :

«... mấy bữa rày, trời khá đẹp, trưa nóng nực như thường lệ. Được nghỉ nên con có thì giờ, rủ Minh đi ra bờ sông Hàn, nơi họp chợ. Nhắc cho mạ nhớ, thư trước con có thưa với mạ về Minh, hiện là giáo viên cấp một, dạy học ở Đà Nẵng. Thư này con xin phép mạ cho con xây dựng gia đình với Minh.... Nói để mạ mừng, chợ bây giờ đủ mặt hàng chứ không như ngày mạ ở đây. Tụi con tính sắm sửa chút đỉnh,

chớ đợi phút chót chắc là rắm rối nhiều thứ...».

Bà nội lẹt quẹt đi ra, nhìn Tạo. Bà nhổ bã trầu, ra ngồi sau quầy. Tạo cúi mặt xuống. Đèn rọi thu vào một mình Tạo, nhạc cất lên...

Bà nội : (*bỗng lên tiếng*) Mưa bão quá xá hỉ. Trời lên cơn. Mỗi năm một lần, nhưng lần này coi bộ ông Trời nổi cơn điên. Ba ngày rồi. Đài báo tối nay gió lên cấp bảy đó chú à !

Tạo như chợt tỉnh, gật gù cúi đầu tiếp tục viết, miệng lại lẩm nhẩm : « ...mặc dầu tụi con đã thưa đặng xin phép, tụi con tính...». *Bà nội nhìn Tạo, lại bắt chuyện* .

Bà nội : Chú siêng thật, tối mà còn làm việc hỉ. Rứa đặng thăng quan tiến chức, cũng hay...

Tạo : (*ngửng lên, mỉm cười*) Dạ đâu có. Tui viết thư cho bà già tui đó bác. Năm ba tháng mới một lần thư...

Bà nội : (*tò mò*) Bả ở Sài Gòn hỉ ?

Tạo : (*giọng kiên nhẫn*) Dạ không bác. Bả ở bên Mỹ.

Bà nội : (*reo*) Cha ! Sướng hỉ. Đi được là tới thiên đàng liền. Gia đình này thì không có thân nhân ở ngoải. Gia đình cách mạng có giòng mà chú (*bà cười nhạt*), nhưng cũng thế mà nghèo xác nghèo xơ...

Cố tình làm lơ, Tạo lại cắm cúi tiếp tục viết. Bỗng có tiếng ở ngoài cửa « Đây, ngừng đây ! ». Tiếng thắng xe xích lô. Bà nội nghe, chạy ra mở cửa.

Bà nội : Vô đi bay ! Lè lẹ, ướt hết.

Một người đàn bà nhỏ tuổi, bụng chửa vượt mặt, khệ nệ đi vào. Theo sau là một người đàn ông trung niên, tay xách vali, tay đặt lên lưng người đàn bà đẩy vào, miệng nói « Vô, vô đi em ! ». Bà nội nắm lấy cườm tay người đàn bà, kéo vào.

Bà nội : Nè Hằng, vô đi. Lên lầu !

Vĩnh Anh trong bếp lết ra.Nó ngây ngô nói vọng vào

Bé : Má ! Có khách du lịch.

Đám người biến sau cầu thang thì Tuyết Anh chạy ra nhìn theo, vẻ sửng sốt. Tuyết Anh lên lầu. Thằng bé cũng lết theo. Tạo lại cúi xuống viết tiếp.

Lát sau có tiếng cãi vã. Tiếng Tuyết Anh khóc, rồi la to.

Tiếng **Bà nội** : Con tau, tau muốn lấy cho nó mấy vợ thì tau lấy...

Tiếng người đàn ông lầu bầu. Rồi tiếng chén đĩa bị đập xoang xoảng. Tiếng thằng bé Vĩnh Anh khóc thét lên.

Tiếng **Bà nội** : Mày không ưng thì mày đi khỏi nhà này !

Tiếng **Tuyết Anh** : (*gào*) Tui không đi đâu hết. Nhà này là nhà của tui.

Tiếng **Bà nội** : (*quát*) Mẹ cha mi, ở đây tau nói mi phải nghe. Thằng Lưu, mi xáng cho nó một bạt tai...

Rồi tiếng xô đẩy huỳnh huỵch.Vĩnh Anh khóc ré lên.

Tiếng **Lưu** (*quát*) : Thằng quỉ, đi xuống, xuống lầu...

Tiếng **Tuyết Anh** : Bé, bé. Xuống đi con...

Tiếng chân quèn quẹt lết trên sàn. Tạo nhìn về phía cầu thang. Tuyết Anh đi đằng sau nắm cho thằng bé khỏi ngã, nước mắt chan hòa, vừa đi vừa kêu.

Tuyết Anh : Trời ơi ! Trời có mắt không hở trời ?

Cứ thế, hai mẹ con lết xuống thang. Khi đến gần Tạo, Tuyết Anh đẩy thằng bé ra.

Tuyết Anh : (*nức nở, nói tiếng đục tiếng cái*) Nhờ anh... Anh coi giùm thằng bé. Tui phải đi. Tui đi báo cho cha tui hay !

Tạo đưa tay đỡ thằng bé. Tuyết Anh chạy vào bếp, mồm tiếp tục kêu không ngừng « Trời có mắt không, hở Trời ?».

Tuyết Anh đi ra, tay cầm áo mưa màu tím ngắt. Sấm lại nổ, chớp sáng xanh lè rạch ngang trời chiếu vào mặt Tuyết Anh ướt nhòa nước mắt. Nàng khập khiễng chạy băng vào cơn mưa vẫn xối xả ập xuống

Tiếng đại hồ cầm thê thiết cất lên cùng với tiếng mưa và tiếng gió.

MÀN II

Trời khống có mắt

Cảnh 1

Phòng khách. Điện vẫn bị cúp. Tạo kê ba cái ghế liền nhau cho bé Vĩnh Anh nằm ngủ. Ngồi bên cạnh, Tạo chăm chăm ngó vào bức thư viết dở. Trên bàn, chỉ có ngọn đèn dầu. Ngoài trời, vẫn mưa gió.Có tiếng Vĩnh Anh nằm mơ ú ớ. Rồi tiếng guốc lẹt quẹt. Bà nội xuống thang, vào phòng khách.

Bà nội : (*ngượng nghịu*) Chưa ngủ he chú !

Tạo ngửng lên, lắc đầu ra dấu. Bà nội tới gần nhìn Vĩnh Anh ngủ. Bà đi vào sau quầy, tay xách bình trà ra để bàn.

Bà nội : Uống chút nước trà cho ấm bụng đi chú (*rót nước, mũi khụt khịt rồi ấm ức khóc*) ... Tui cực quá đi chú à ! Chú thấy đó... Con cháu thì vậy. Tui coi chú như người trong nhà, nhưng cũng xin lỗi chú... Nếu là khách lạ, chuyện gia đình đổ bể như vậy thì mắc cỡ chắc chết...

Bà nội rót nước cho mình, bưng lên uống.

Bà nội : (*khụt khịt mũi*) Chú nhìn thằng nhỏ (*tay chỉ thằng Vĩnh Anh*) thì chú biết tui đau khổ làm sao... Tôi có thằng Lưu chú thấy hồi nãy là con một, mà đẻ ra nối giòng nối giống thì như vầy, răng mà ưng cho đặng ?

Có tiếng chân rón rén xuống thang. Lưu xuất hiện, gật đầu chào Tạo, rồi kéo ghế ngồi xuống cạnh bà nội.

Lưu : (*ngượng nghịu*) Anh bỏ lỗi giùm, tui không biết nói sao.

Bà nội : (*khụt khịt*) Má xin lỗi rồi (*nhìn Lưu rồi quay sang nói với Tạo*)... Mẹ thằng nhỏ bị nhiễm độc tố da cam đó chú. Đẻ ra, di truyền nên thằng nhỏ dị dạng rứa ! Ông chồng tui dưới kia chắc ông không yên. Lâu lâu ổng lại về, ngó tui trừng trừng... Xưa ổng cấp tá, nằm vùng vô tiếp quản thì bị lạc đạn, không biết là đạn phe ta hay phe địch...

Bà nội lại khụt khịt, rồi bưng nước lên uống.

Bà nội : (*thở dài*) Nhưng may mà còn thằng Lưu (*bà xoay người nhìn con*). Hồi ổng còn, ổng lo cho nó công tác chính trị, khỏi phải ra chiến trường. Rồi ổng còn gửi tui bức thư. Thư ổng nói có ông Hai, cha con Tuyết Anh, là bạn thân ổng. Hai người có giao ước, ai lỡ chết thì người còn sống lo cưu mang gia đình bạn...

Lưu : (*chen vô nói*) Thôi mà má, chuyện xưa...

Bà nội : (*ngắt*) Xưa đó mà vẫn nay... Tháng ba năm 75, ông Hai vô gõ cửa. Ổng xưng tên rồi khóc. Tui hiểu liền... (*bà nội bật khóc*). Tui hỏi chết có đau đớn không. Ông lắc đầu... Ma chay cho chồng xong thì thằng Lưu về tới... (*ngập ngừng*) Anh Hai cũng cấp tá, lo công tác an ninh cho thành phố mình. Ảnh lo cho mẹ con tui, lấy căn hộ dành cho liệt sĩ, rồi xếp thằng Lưu vào Văn Hóa Thông Tin trên Thành ủy... Một năm, rồi hai năm qua...

Bà nội : (*mơ màng*) Một bữa, ảnh tới nói với tui rằng ảnh có giao ước với anh Năm, chồng tui, là sẽ lo cho mẹ con tui. Tui biết ảnh góa. Mẹ con Tuyết Anh chết hơn mươi năm rồi. Tôi nghĩ... (*bà nội thở dài*). Tui nói mẹ con tui chỉ biết ảnh để mà nhờ cậy, ảnh muốn sao cũng được. Lúc ấy tui mới bốn mươi lăm, tuổi Dậu mà... chưa già mà cũng chẳng trẻ... Đàn bà ai chẳng cần chỗ nương tựa, phải không chú?

Lưu : (*chán nản*) Thôi mà má...

Bà nội : (*trừng mắt, giọng đanh lại*) Thôi gì mà thôi ! Ảnh nói thằng Lưu tới tuổi lấy vợ, con Tuyết Anh tới tuổi lấy chồng. Ta làm sui gia, được không chị ? Tui nghe, chết điếng trong lòng... (*bà nội gằn từng tiếng*). Được, nhưng còn thân tui... Ảnh làm lơ, nói nào là anh Năm bạn ảnh cũng mát mặt dưới suối vàng, nào là môn đăng hộ đối, nào là con Tuyết Anh mới tốt nghiệp canh nông có công có việc... Tui nghe mà không nghe. Tui thầm nói, còn tui đây, chưa già, còn mong có nơi nương thân, thì sao... Nước mắt chảy ra như suối mùa lũ, tui khóc còn hơn ngày đưa đám tang chồng...

Bà nội ngưng nói. Tạo rót thêm nước cho bà. Lưu đứng dậy ra nhìn qua cửa sổ. Trời vẫn mưa. Chớp lại lóe sáng.

Bà nội : (*thở dài*) Nhưng ông trời đâu có mắt ! Con nhỏ xẩy thai hai lần. Lần thứ ba thì... (*bà nội chỉ Vĩnh Anh*) cháu nội tui, thằng quỉ đó ! Làm răng chừ ? Tui biểu thằng Lưu, tau tìm cho mày một con vợ khác để đẻ... Đó, con nhỏ mới về sắp đập bầu, sống dưới miệt Điện Bàn nước đang ngập. Tui lo, tui nói thằng Lưu đưa nó về đây, lỡ sanh đẻ thì còn có nhà thương, chớ lụt lội đi lại khó khăn... Đâu ngờ con mẹ thằng quỉ làm dữ quá đa ! Nó rủa tui ác thế chết không nhắm mắt được. Rồi nó chửi tui là bất nhân bất nghĩa. Chửi xong, nó rầm rầm bỏ đi... (*bà nội nghiến răng*). Trai anh hùng năm thê bảy thiếp, có sao ! Còn tui, tui chỉ biết Trời biết Phật, (*tay chỉ lên*) và có ngọn đèn chứng cho, tui lo là lo cho con cho cháu...

Nhìn ánh lửa chập chờn, Tạo thở dài, vẫn im lặng. Bà nội về thất vọng đứng dậy đi lên lầu. Lưu ra ngồi cạnh Tạo, không nói. Tiếng gió ù ù gần như dọa nạt.

Tạo : (*nhìn Lưu, thương hại*) Anh tính sắp xếp sao ?

Lưu : (*cúi đầu*) Dà, dà... Tui cũng không biết tính sao bây chừ, anh à ?

Rót chén nước đưa vào tay Lưu, Tạo lắc đầu ngán ngẩm.

Lưu : (*cầm chén nước*) Dà, dà... Cám ơn anh.

Không nói, Lưu uống nước, rồi đứng lên đi về phía cầu thang. Có tiếng động trên lầu, tiếng người nói lao xao. Đèn sân khấu tắt dần. Nhạc, vẫn nhạc độc tấu đại hồ cầm, vẳng lên rồi kéo dài ra thê thiết.

Cảnh 2

Đèn sân khấu sáng lên. Tạo vẫn ngồi chỗ cũ, đầu cúi xuống bức thư.

Tạo (***độc thoại***) :

Có lẽ chỉ trên bãi biển của em trời mới đẹp chứ ở đây đang mờ mịt bão bùng. Em còn nhớ Cửa Đại của chúng mình ? Ngày nào em

mới tốt ngiệp, đòi anh thưởng cho một buổi tắm biển, có nắng có gió, và nhất là, em nói, có cả người yêu. Nhìn quanh vắng người, em ngả đầu vào vai anh, thì thầm hỏi anh có ưng một cô giáo cấp 1 không ? Em biết câu hỏi đó thừa, nhưng cứ hỏi để anh phải đáp, đáp bằng cách cúi xuống tìm môi em, vừa có vị mặn muối biển, vừa có vị ngọt của tương lai... Thời gian trôi đi, cứ thế cuộc đời cũng trôi theo sông về biển ... Ra biển rộng, đất liền ở phía sau chẳng khác chi một giấc mộng, phải không em ? Đứng trên bờ nhìn theo, trong cơn bão này anh vẫn chẳng ngần ngại viết mấy ngày rày, trời khá đẹp...đẹp để cho em thuận buồm xuôi gió...

Tạo lại tiếp tục viết, miệng lẩm bẩm :

«... Mạ à, con tính năm tới mạ về thăm quê hương một chuyến đi. Bà con mình làm ăn khấm khá, nhưng nếu so với Mỹ thì còn nghèo lắm - (*Tạo cắn bút*) - Nhưng mình nghèo vật chất, thì phải tìm cách bù lại, ... - (*Tạo lại cắn bút*) - Kể mạ nghe, con quen một gia đình ngoài Đà Nẵng có đứa trai mang dị tật vì độc tố da cam. Trời hành vậy mà người mẹ vẫn cười, vẫn chăm chút đứa con không may, và vẫn... (*Tạo cắn bút, thở dài*) ... tin vào một tương lai khác. Bữa nọ, Minh và con tới thăm họ. Tụi con tính nhận đỡ đầu đứa bé, thỉnh thoảng phụ vào săn sóc nó. Nó tên là Vĩnh Anh, năm nay lên bảy, vẫn chưa nói được chi nhiều, nhưng thấy con là nó kêu « chú, chú ! »...

Tạo quay xuống nhìn Vĩnh Anh, lại ú ớ nói mê, mặt nhăn nhúm như một trái banh xì hơi méo mó. Tiếng mưa nhẹ hột dần. Gió vẫn ù ù.

Ở hàng hiên, vẳng lên một tiếng hát nho nhỏ «... biển sóng biển sóng đừng xô nhau, ta xô biển lại sóng về đâu... ». *Tạo lắng nghe, tiếng hát đứt quãng, vẳng lại trong gió* «... biển sóng, biển sóng đừng xô tôi, đừng xô tôi ngã giữa tim người ».

Tạo đứng lên, nhẹ nhàng bước ra nhìn qua cửa sổ.

Chuyển cảnh :

Hàng hiên, đằng sau là ánh đèn vàng vọt hắt qua cửa sổ. Phía trước, con lộ ẩm ướt dưới mưa. Thỉnh thoảng lại có chớp sáng xanh lè. Ngồi dựa vào tường, Tuyết Anh không biết về từ bao giờ, co ro, miệng hát, giọng vô hồn như đến từ một thế giới khác.

Tạo im lặng. Tuyết Anh vẫn hát

« ... Giấc ngủ nào, giường chiếu quạnh hiu.
Trăng mờ quê cũ.
...Người đứng chờ,
gió động vi vu.
Vạt nắng vàng, nhắc lời thiên thu,

Nhớ nghìn năm trôi qua...
Biển sóng biển sóng đừng xô nhau
Ta xô biển lại sóng nằm đau...»

Tạo rón rén mở cửa bước ra hàng hiên. Tuyết Anh giật mình, thôi hát. Dưới ánh sáng đèn đường vàng thếch, Tuyết Anh bụm mặt, hai vai thỉnh thoảng lại run run, và tiếng khóc rấm rứt mơ hồ vẳng lên. Tạo lẳng lặng vào. Lát sau Tạo mang ra chiếc áo blu-dông chìa cho Tuyết Anh.

Tuyết Anh nắm chiếc áo, ngơ ngẩn như mất hồn, không khoác lên vai.

Tuyết Anh : (*rên lên khe khẽ*) Trời ơi ! Tui phải làm chi đây hở Trời ?

Tạo im lặng. Lại tiếng thút thít khóc.

Tạo : (*ngập ngừng*) Chị có gặp được bác không, chị ?

Tuyết Anh không đáp, lắc đầu quầy quậy. Tiếng đàn đại hồ cầm thê thiết rồi tắt lịm đi.

Tuyết Anh : (*bất ngờ lên tiếng, giọng như than*) Còn anh ! Cũng phải coi chừng độc tố da cam đó ! Xưa trên khu anh ở miệt rừng nào ?

Tạo : (*sửng sốt, đáp nhỏ*) Tui xưa không ở rừng. Thời chiến tranh tui là lính ngụy đóng ngay ở Đà Nẵng này !

Tuyết Anh : (*kể lể*) ... Lớp tuổi tôi mới ở rừng ! Anh mà lập gia đình với mấy cô còn trẻ, cỡ hai mươi, hai mươi lăm thì khỏi phải lo bị nhiễm chất độc tố da cam...

Tuyết Anh khoác chiếc blu-dông lên vai, co người lại vì lạnh.

Tuyết Anh : Anh biết không, kinh hoàng vô cùng... Suốt ba tháng liền từ ngày tui sanh Vĩnh Anh, tui không nhắm mắt ngủ nổi. Bà nội nó, không thèm nhìn, đi vô đi ra là nhiếc móc. Anh Lưu, ảnh thấy là quay mặt ngó chỗ khác. Ảnh biểu ảnh không dám... Nó chỉ còn có tui, dầu gì thì cũng là mẹ nó. Tui ôm riết nó trong lòng, mỗi ngày một thương nó, thương mình. Tội nghiệp. Dị tật vậy là suốt đời thua sút người ta, vậy mà lại như mô côi cha... Tui chỉ còn khóc, nhưng tôi thề là còn sống ngày nào, tui không bao giờ hất hủi nó...(*ngưng nói, cười nhạt*) Bà nội cứ đợi Mỹ bồi thường. Đợi năm năm rồi anh. Đợi hoài, riết rồi chán. Nếu có, chắc sẽ chia năm xẻ bảy, có bao nhiêu mà lo đủ được cho một cuộc đời dị tật...Chuyện vợ chồng tui coi như xong. Sau khi sanh cháu, đâu ai dám ăn nằm với ai. Mà vậy cũng hay, tui sợ, riết rồi tui cũng chẳng còn yêu thương lãng mạn chi...

Tuyết Anh thình lình nấc lên.

Tuyết Anh : (*hổn hển*) Nhưng bữa nay thì thật Trời không có mắt. Ảnh mang vợ mới về, mẹ con ảnh biểu tôi ra ngoài mà ở... Nhưng

nhà này cha tui cho tui. Xây lên làm khách sạn mini, ảnh xui tui ký kết chi đó. Bây giờ ảnh kêu nhà tên ảnh, tui chỉ có hộ khẩu. Bà già la, không đi bả kêu công an tống cổ mẹ con tui ra ngoài... Nhưng ra khỏi đây, mẹ con tui đi đâu, làm gì để sống. Anh coi, ở thì là địa ngục. Đi, cũng là đi tới một địa ngục khác...

Tuyết Anh òa lên khóc, mồm ú ớ nhắc đi nhắc lại «... Trời ơi ! Trời không có mắt ! »

Tạo : (*thì thào*) Chị bình tĩnh, đâu còn đó !

Nhạc đại hồ cầm vẳng lại. Tạo nhìn ra khoảng tối đen trước mặt trong khi Tuyết Anh kìm tiếng khóc, âm thanh đọng lại thành những cơn nghẹn ngào.

Tuyết Anh : (*bất thình lình thét*) Trời ơi, trời không có mắt !

Tạo : (*vội vàng*) Chắc gặp bác, thu xếp được mà !

Gió bỗng từng cơn rít lên qua những tàn lá xào xạc. Mơ hồ, Tuyết Anh thấy một đứa con gái chạc lên mười đang chạy theo những cánh bướm mầu vàng cam chập chờn sau những lùm cây trong một khu rừng thưa lá...

Tuyết Anh (***độc thoại***) : ...này, đừng chạy vô dẫu cánh bướm kia đẹp đến độ mê hoặc tâm thần. Chạy vô dễ, mi ra mới khó...Ủa, sao nói mi không nghe nè ! Chết rồi, mi vô chừng đó tới nay mới ra ư ! Mi không nghe lời người lớn dặn mi là rừng đầy chất độc hóa học à. Thôi, chắc mi nhiễm độc mất rồi...Mi biểu mi không thấy chi cả, nhưng mi đâu biết bao giờ chất độc phát tác...Hừ, mi ngu thì ráng chịu... Mi trách ai ? Không lẽ mi trách cha mi mang mi vô bưng ?

Bỗng Tuyết Anh đứng bật dậy.

Tuyết Anh : (*gào*) Tổ cha bay. Bay tàn hại đời ta. Bay rải thuốc khai quang, làm con ta mắc độc mà suốt đời tật nguyền... Trời ơi, Trời không có mắt !

Tuyết Anh thình lình lao mình đập đầu vào bức tường hàng hiên.

Tạo : (*la hoảng*) Đừng ! Đừng !

Ngã chúi xuống đất, Tuyết Anh vùng dậy, lại lao đầu vào tường. Máu tươi bắn ra, dấy vào mặt Tạo. Hoảng hồn, Tạo nhảy lại chụp rồi ôm riết lấy Tuyết Anh, miệng chỉ biết kêu « Đừng, đừng ! Thôi mà ! ».

Có tiếng chân lịch kịch, tiếng người xuống thang, và ánh đèn sáng lẫn ra phía cửa. Tiếng bà nội «... chuyện chi mà rầm rầm vậy ». Vĩnh Anh tỉnh dậy. Nó be be thét lên « Mẹ, mẹ đâu mẹ ». Bà nội bước ra hàng hiên sững sốt nhìn Tạo và Tuyết Anh. Bà nghiến răng.

Bà nội : (*tru tréo, giọng cay nghiệt*) Thằng Lưu, ra coi vợ mày

đang ôm trai nè, con đĩ ngựa !

Đèn sân khấu tắt. Lẫn vào tiếng sấm, là đoạn trống đánh trong khúc đầu bản Giao Hưởng số 5 của Beethoven.

MÀN III

... Muôn năm

Cảnh 1

Phòng ăn khách sạn vào buổi sáng. Trời thôi mưa nhưng vẫn u ám. Gió vẫn thổi như có cơn, nhặt thưa vô chừng. Tạo tay cầm điện thoại, mặt mũi đỏ rừ, lầu bầu nghe như cãi vã. Thình lình, Tạo cúp điện thoại, dằn xuống nghe một cái rầm. Rút thuốc châm, Tạo rít vào, tay lại quay số. Không điện được, Tạo bỏ máy, lẳng lặng nhìn khói thuốc, lẩm nhẩm.

Tạo (**độc thoại**) : Làm ăn chi mà kỳ cục. Xưởng chính bắt phân xưởng trả đủ thứ tiền. Cho cần trục tới cứu máy mà cũng đòi hợp đồng này nọ... Máy hư, là hư cho tuốt cả toàn bộ xưởng, chứ đâu chỉ một mình phân xưởng phải chịu. Thiệt, chẳng giống ai...

Bà nội đi ra, mặt lạnh lùng. Tạo dập tàn thuốc, lại quay số, lưng xây vào quầy. Chuông điện thoại reo.

Tạo : (*giọng khẩn trương*) A-lô, Tạo đây... Anh Bẩy, tui... Cơ xưởng ở thành phố đòi mười triệu mới cứu viện, đưa cần trục tới... Tui biết, phân xưởng mình lấy đâu ra tiền... Nước vô tới đâu ? Dàn G.3, mấy anh kích lên chưa ? Chưa ! Dàn đó hư, mùa cá này coi như tiêu luôn... Kêu công nhân viên ra cứu lụt... Nếu không, mất công ăn việc làm mùa này... Gay, tui biết. Anh điện cho họ, tui lên ký đại, phân xưởng mình nợ, rồi trả sau... Sao ? Khúc Điện Bàn vô xe chạy không được à ? Anh điện đi, rồi báo tui...

Bỏ máy xuống, Tạo thờ người ra, bất ngờ đá vào chiếc ghế đẩu. Chiếc ghế đẩu bay lên, đập vào tường. Bà nội ra, hoảng hốt nhìn, kêu nho nhỏ « Ủa... chú tính phá nhà tui sao ? ».

Đúng lúc đó có tiếng gọi, rồi một người đàn ông trên dưới thất tuần bước vào. Ông Hai đeo huân chương đầy ngực, tay cầm can, vai khoác ba lô, đầu đội mũ bộ đội có gắn sao đỏ.

Ông Hai : (*réo*) Bớ con Tuyết Anh đâu ?

Trên lầu, Lưu chạy vội xuống. Thấy ông Hai, Lưu khựng lại,

tay nắm vào nhau xoa xoa.

Lưu : (*cuống quít*) Dà, dà...

Ông Hai : (*trừng mắt*) Tao nghe mày mới cưới vợ, thiệt hư làm sao ?

Lưu : (*lại xoa tay*) Dà, dà...

Bà nội : (*chạy ra*) Anh Hai, anh vô uống miếng nước...

Ông Hai : (*xua tay*) Chút nữa đã, chị. (*quay sang Lưu*) Mày tính đuổi con tao cháu tao khỏi nhà phải không ?

Lưu : (*xoa tay, lúng búng*) Dà, dà... không !

Bà nội : (*chen vào*) Đâu chỉ có vậy anh Hai. Con Tuyết Anh nó mang trai vô đây ôm ấp trước mắt tui, anh à.

Ông Hai : (*thất thần, ngồi xệp xuống ghế*) Thiệt hả chị ?

Bà nội gật. Lưu mặt tái mét, người cứng đờ.

Ông Hai : (*dằn chiếc gậy xuống mặt bàn, nói lớn*) Nó làm vậy sao ? Nó thế, để tui. Chính tay tui sẽ giết nó... (*quát*) Cái đời cương thường đảo lộn này, phải dẹp đi cho sạch ! Bớ Tuyết Anh, mi đâu ? Ra đây tức thì cho tao coi !

Vĩnh Anh ở đâu chạy lết ra, ôm chân ông Hai, miệng kêu « ông ngoại, ông ngoại ». Ông Hai đưa tay xoa đầu nó, mắt trừng trừng nhìn về phía cầu thang.

Ông Hai : (*tiếp tục quát*) Bớ Tuyết Anh !

Bà nội : (*nhìn Lưu, giục*) Mi nói đi ! (*quay sang ông Hai*) Tụi nó đánh ghen với nhau... Mi nói đi Lưu !

Lưu : (*xoa tay*) Dà, dà...

Bà nội : (*tay chỉ Tạo, miệng nói, chân đi ra ngoài*) Đó, thằng làm đổ vỡ gia đình con tui là thằng này !

Ông Hai đứng lên, tay cầm gậy, lăm lăm bước về phía Tạo. Lùi lại, Tạo chưa kịp nói thì ông Hai thẳng tay quật vào đầu. Tạo tránh nhát gậy, tiếp tục lùi.Ông Hai tính đuổi theo, nhưng vướng thằng bé Vĩnh Anh ôm chân.

Ông Hai : (*lại quát*) Bớ Tuyết Anh, xuống ngay đây !

Vĩnh Anh níu tay ôm, sợ quá, nước mắt trào ra, lắp bắp « Ông ngoại, ông ngoại, má vô nhà thương ! »

Ông Hai ngưng bước. Ông quay nhìn Lưu

Ông Hai : (*sững sờ*) Thiệt không ? Tại sao con Tuyết Anh vô nhà thương ?

Lưu : (*luống cuống*) Dà, dà... Không có chi đâu !

Ông Hai ngồi bệt xuống ghế, mắt trừng trừng nhìn hết Tạo rồi lại Lưu.

Ông Hai : (*thở ra*) Cho tao miếng nước.

Trầm ngâm, ông nhấp một ngụm, nhìn Lưu rồi thình lình nắm vào tay Lưu.

Ông Hai : (*trầm giọng*) Lưu ! Con Tuyết Anh mà ngoại tình, tao sẽ mang về dạy nó. Nhưng tối hôm qua nó tới, tao không có nhà. Nó nhắn lại là mi có vợ mới, vợ mi đã có bầu, rồi nay mi đuổi mẹ con nó ra khỏi nhà.Vậy chuyện thực hư thế nào, mi kể cho tao. Tao hứa là gì thì gì, tao cũng giúp bay giải quyết cho « có tình, có lý »!

Đúng lúc đó, tiếng chân người ngoài cửa. Bà nội đi vô với hai anh công an phường. Bà níu tay một anh, miệng nói :

Bà nội : Mấy anh lo giùm. Ổng lại nổi cơn điên rồi !

Cảnh 2

Buổi trưa. Phòng điều tra sở công an cấp quận. Trong cùng, một chiếc bàn đằng sau treo ảnh Hồ chủ tịch. Bên trái, khẩu hiệu chữ đỏ « Sống theo nếp sống văn minh, xây dựng xã hội chủ nghĩa ». Bên phải, cũng khẩu hiệu «Sống theo pháp luật, kiên quyết chấp hành nghị quyết ... ». Một công an làm thẩm sát viên, ngồi sau bàn. Phía trước có hai cái ghế. Bên cạnh, sát tường là một cái ghế dài, có ông Hai, bà nội, Lưu và Tạo. Một công an đưa Tuyết Anh vào. Đầu nàng quấn băng trắng, máu chảy đọng thâm lại, dáng đi mệt nhọc. Ông Hai đứng dậy, bước tới.

Ông Hai : Tuyết Anh hả ? Có sao không con ?

Tuyết Anh : (*gượng cười*) Không sao đâu ba... (*nhìn sang Tạo, hỏi*) Ủa, sao anh cũng ngồi đây hè ?

Tạo lắc đầu.Ông Hai lại nổi cơn, thình lình giật giọng

Ông Hai : (*tay chỉ Tạo*) Thằng này là thằng nào với mày, Tuyết Anh ?

Công an đưa tay lên, ra dấu cho mọi người ngừng nói. Anh ta đọc, giọng máy móc :

.....Cơ quan Công An chỉ làm nhiệm vụ biên bản, và theo Nghị quyết...trong Đại Hội Đảng...thì chỉ có Tòa Án Tư Pháp các cấp...mới có thẩm quyền xét xử và....

Đọc xong, anh ta ngước lên, giọng lạnh tanh « Mọi người đều nghe rõ chứ !». Không đợi trả lời, anh lướt mắt nhìn một lượt,

Công an : (*hắng giọng*) Vậy bên nào khởi tố, bên nào là bị can. Như tôi hiểu (*tay chỉ bà nội*), thì bác tố...đúng không ?

Bà nội : (*gật gật*) Dạ...

Công an : (*vẻ lạnh nhạt*) Vậy mời bác nói.

Bà nội : (*nuốt nước bọt*) Dạ. Sự việc như thế này. Tối hôm qua, tui nghe tiếng động dưới nhà...

Công an : (*ngắt, giọng sẵng*) Tối là mấy giờ tối ?

Bà nội : Mười giờ rưỡi... Tui nghe tiếng động dưới nhà.

Công an : Tiếng động gì ?

Bà nội : Tiếng lịch bịch, tiếng rên... Tui liền đi xuống, tui mở cửa ra. Tui thấy...

Công an : Bác đi, bác có nói chi, có gây tiếng động hay là bác đi êm ru bà rù...

Bà nội : (*ngơ ngác*) Tui không nhớ rõ...

Công an : Có ai lúc đó nghe thấy gì không ?

Lưu : (*giơ tay*) Tui cũng nghe có tiếng dưới nhà. Rồi má tui kêu.

Công an : Vậy là bả không êm ru rồi ! Bà kêu làm sao ?

Lưu : Dà, dà... Bà kêu chi mà rầm rầm dưới đó !

Công an : (*cắm cúi viết, miệng lẩm bẩm*) ... kêu rầm rầm. Rồi. Bác nói tiếp.

Bà nội : Tui ra hàng hiên tui thấy anh này (*tay chỉ Tạo*) đang ôm con dâu tui (*tay chỉ Tuyết Anh*) mùi mẫn.

Công an : (*ngửng lên*) Mùi mẫn (*nháy mắt cười*) ! Hai người mùi mẫn làm sao bác ?

Bà nội : (*luống cuống*) Thì mùi mẫn đó, chuyện trai gái mùi mẫn bộ tui phải nói rành rẽ ra sao ? Chừ nếp sống văn minh (*bà nội chỉ tay vào khẩu hiệu trên tường*), đâu cho nói ra hết đâu, phải không chú?

Công an : (*lại cắm cúi viết*) ... ôm nhau mùi mẫn. Rồi. Bác nói tiếp.

Bà nội : Tui la tui gọi con tui (*tay chỉ Lưu*) cho nó xuống coi.

Công an : (*ngắt lời, mắt nhìn Lưu*) Anh có xuống không ?

Lưu : Dà, dà, tui xuống liền...

Công an ngước mắt chờ.

Lưu : ... tui thấy ảnh (*nhìn Tạo*) đang bồng vợ tôi lên.

Công an viết, lại lẩm bẩm

Công an : ... bồng lên. Vậy cũng mùi mẫn chớ hỉ (*cười, nhìn Tạo*). Còn anh, anh có ôm có bồng chị này không (*tay chỉ Tuyết Anh*) ?

Tạo : Có !

Ông Hai đứng phắt dậy, tay giơ gậy lên sấn tới, nhưng Lưu ôm ông lại.

Ông Hai : (*gầm gừ*) Tổ cha bay, bay có biết nó là gái có chồng không ? Còn mày, con Tuyết Anh. Bộ tao dạy mày trốn chúa lộn

chồng hỉ ?

Công an : (*đưa tay lên*) Bác Hai. Xin bác bình tĩnh để làm việc. Anh nhận có ôm, có bồng... (*lại cắm cúi viết, rồi quay sang Tuyết Anh*) Mời chị, chị nói đi. Có ôm có bồng không ?

Tuyết Anh : Dạ, lúc đó tui như điên như dại. Tui lại đau, đầu nhức như búa bổ, không có nhớ... (*tay chỉ lên đầu, Tuyết Anh cười nhạt*). Với lại đầu bể, máu me tùm lum thì có ôm có bồng cũng không lấy đâu ra mùi mẫn...

Tạo bật cười. Công an gãi đầu, lại cắm cúi viết

Công an : Lúc đó, cô Tuyết Anh bể đầu, máu me nên không lấy đâu ra mùi mẫn... hả (*công an ngước lên, tinh quái*) Trước lúc bể đầu thì mùi mẫn chớ ! Phải không ?

Bà nội gục gặc, vẻ đồng tình.

Bà nội : Trước, mùi mẫn được chứ (*nhìn Lưu*). Tui kêu con tui, nó xuống rồi hai người đàn ông đánh lộn bậy, con nhỏ bị xô lúc đó đầu mới đập vô tường. (*Bà nội khẽ giằng tay Lưu, giục*) Khai đi con...

Lưu : (*ngập ngừng*) Dà, dà...

Công an : (*nhìn Tạo*) Anh có đánh lộn không ?

Tạo lắc đầu. Ông Hai lúc đó như hiểu ra, giơ tay xin nói.

Ông Hai : Tối qua Tuyết Anh tới tìm tui là cha nó. Không gặp, nó nhắn lại rằng chồng nó mới vừa mang một người đàn bà có bầu về nhà rồi tính đuổi mẹ con nó đi. Tui chắc là chuyện chính là chuyện này... Lúc bác Năm (*nhìn bà nội*) ra hàng hiên, nó bể đầu chưa ?

Bà nội : Chưa. Thằng Lưu xuống đánh lộn, rồi nó mới bể đầu phải không Lưu ?

Lưu : Dà, dà...

Công an : Còn chị, làm sao chị bị bể đầu vậy ?

Tuyết Anh : (*nhìn xuống đất, mơ màng*) Lúc đó, tui phát khùng. Tui oán hận cuộc đời. Tui không·chịu nổi nữa... (*Tuyết Anh nấc lên*) ... nên tui đâm đầu vào tường cho xong đi... Anh này (*chỉ Tạo*) ảnh kéo tui lại...

Công an : Chị định tự tử ? Chị muốn chết ?

Tuyết Anh : (*ôm mặt*) Có lẽ vậy ! Đó là cách duy nhất tôi có để chống lại sự bất công trên đời này... Nhà tui, mà nay người ta đuổi tui đi. Con tui, tật nguyền... có gì mà tiếc nuối đời sống này (*nhìn ông Hai*), hả ba ?

Công an : (*quay nhìn bà nội*) Bên tố - bác đây - cũng đòi là chị Tuyết Anh và cháu bé phải rời đi...

Ông Hai : (*ngắt lời, bực dọc*) Nhà đó là tui cho con gái tui, đuổi nó làm sao được ! Nay, chính nó có quyền mời cái cô vợ mới của thằng

này (*tay chỉ Lưu*) đi...

Công an : (*chậm rãi*) Cái đó không được bác à ? Hồi ba năm trước xây khách sạn, tên đăng ký là anh Lưu. Chị Tuyết Anh có ký giấy để anh Lưu toàn quyền xử dụng, thương nhượng, quản lý căn nhà đó...

Ông Hai : (*nhìn Lưu*) Vậy Lưu, mày có đuổi con nhỏ mới tới không ?

Lưu : (*xoa tay*) Dà, dà...

Công an : (*lại cười*) Muốn đuổi cũng khó. Chính anh Lưu đã xin cho cái cô Hằng gì đó nhập hộ khẩu mấy tháng trước đây rồi. Không có cớ gì chính đáng, không thể đuổi người có hộ khẩu đi...

Ông Hai : (*quát*) Cớ chính đáng là xã hội chủ nghĩa đâu cho ai có quyền có hai vợ...

Bà nội : (*chen vô*) Có ai nói con nhỏ mới tới là vợ thằng Lưu đâu hè ! Tui thuê nó về giúp khách sạn đó...

Ông Hai : (*nhìn công an*) Mấy chú không thấy tụi nó gạt con gạt cháu tui để cướp nhà rồi đuổi đi à ? Xã hội chủ nghĩa gì mà lại vợ lớn vợ bé kỳ vậy ! Mấy chú làm biên bản, không đuổi được con nhỏ mới tới ở tức là mấy chú trên thực tế đuổi mẹ con Tuyết Anh ra khỏi nhà...

Công an : (*xoa tay*) Bác Hai, ngày xưa bác là thủ trưởng công an tụi con. Bác biết là tụi con cứ phải theo luật mà làm. Nhà nước bây giờ là nhà nước pháp trị mà...

Ông Hai : (*la lớn*) Pháp trị cái khỉ mốc. Bay tưởng tao mù à ? Tụi nó « trà nước » cho bay bao nhiêu mà bay để tụi nó ăn cướp con tao cháu tao ?

Ông Hai : (*bất ngờ quay lại nhổ vào mặt Lưu*) Tao vì cha mày lôi mày về làm rể ! Nào ngờ, mày là một thằng hèn, thằng bất nhân bất nghĩa !

Ông Hai ngồi thụp xuống, nước mắt trào ra, tức tửi.

Ông Hai : (*ngửa mặt lên nói như nói một mình*) Anh Năm ơi, anh hy sinh cho cách mạng, nhưng thành công rồi thì đẻ ra rặt một bọn ăn cướp ăn cắp... Anh coi thằng con anh nè !

Mấy anh công an nghe, nhìn nhau.

Công an : (*nhăn mặt*)... Bác Hai, bác về đi. Kêu khóc nơi nào chứ đây là trụ sở cơ quan, không được...

Ông Hai : (*vùng lên, tay khua gậy, gầm gừ*) ... Bây giờ bay đuổi tao hỉ ? Tụi bay ngồi được đây là nhờ tay tao... Bay biết hết, vợ tao bị ngụy bắt, đánh chết. Tao mang con gái vô rừng nuôi cả chục năm, ăn bờ ngủ bụi, để có ngày nay. Mà ngày nay thì (*ông ré lên*) Trời không

có mắt, oan ức bất công như vầy mà không ai làm chi cho được... Bay a dua với cướp, bay thành cướp. Cướp ai, bay cướp người lương thiện, mạnh thằng nào thằng nấy bỏ tiền vô túi... Biết vậy, tao hy sinh đời tao làm chi ? Anh Năm ơi, con anh vậy, anh chết để được gì, anh Năm ơi ?

Hai công an lực lưỡng đến cạnh ông Hai, xách ông lên như một con gà ốm, lẳng lặng mang vứt ra ngoài đường lộ. Ông vùng vẫy, những tấm huân chương cài trên ngực áo rơi xuống đất, nào là Huân Chương Kháng Chiến, Huân Chương Độc Lập...

Cảnh 3

Buổi chiều, chạng vạng tối. Trời thôi mưa, gió đã lặng. Tạo ngồi trên ghế đẩu ở hàng hiên, lưng dựa tường, hút thuốc. Bên cạnh là một chiếc radio xách tay. Tiếng radio :

«... thiệt hại rất nặng nề ở vùng duyên hải. Quốc lộ 1 không xử dụng được từ Tuy Hòa ra Quảng Ngãi. Đường xe lửa Thống nhất vùng Quảng Nam-Đà Nẵng hoàn toàn bị hư hỏng... Khoảng năm ngàn gia đình không nơi ăn chốn ở... Thiệt hại nhân mạng tính đến nay là 112 người, và số mất tích lên đến 360 người... Hội Đồng Bộ Trưởng ra chỉ thị xúc tiến...

Nước bắt đầu rút, nhưng nhiều nơi còn bị ngập, xe cộ chưa đi lại được... »

Bỗng có tiếng trẻ con reo hò. Ông Hai đi tới, mặc quần áo bộ đội, tay cầm gậy, tay cầm một mớ giẻ. Ông vừa đi, vừa đếm « một, hai, một, hai... ». Tiếng trẻ con đồng thanh vừa nhại « một, hai, một, hai... » vừa ằng ặc cười .

Ông Hai : (*quay lại*) Đứng lại...đứng ! Nghiêm... (*ông thẳng người, hai chân đập vào nhau, đứng như phỗng*) ... nghỉ (*ông dạng hai chân ra*) ... nghiêm. Các đồng chí, cuộc chiến đấu thần thánh của nhân dân ta anh hùng đã dẫn tới chiến thắng này. Ngày nay, đất nước là đất nước của chúng ta. Tương lai chúng ta là do chúng ta quyết định. Mỗi người vì mọi người. Mọi người vì mỗi người. Xã hội chủ nghĩa muôn năm.

Trẻ con lại vừa hô «xã hội chủ nghĩa muôn năm ! » vừa ằng ặc cười. Nghe rầm rầm, Tuyết Anh từ trong khách sạn chạy ra.

Tuyết Anh : (*la lớn*) Ủa ba ! Ba làm chi vậy ?

Ông Hai : (*quay lưng về phía Tuyết Anh, giơ tay nói như diễn thuyết*) Đất nước còn nhiều khó khăn. Đế quốc dẫu bị đập nhào, vẫn còn ngoan cố phong tỏa, cấm vận, gây cho ta nhưng trở ngại. Nhưng

khó khăn nào ta cũng vượt qua, kẻ thù nào ta cũng đánh thắng. Các đồng chí, chỗ nào cần, thanh niên có. Chỗ nào khó, có thanh niên.

Lại tiếng trẻ con vừa reo « chỗ nào khó, có thanh niên » vừa ằng ặc cười. Lúc đó, Tuyết Anh chạy tới kéo tay ông Hai

Tuyết Anh : (*năn nỉ*) Thôi ba ơi ! Đi về đi, ba !

Ông Hai : (*quay lại, tay phất lên, hô*) Dưới lá cờ bách chiến bách thắng...

Tuyết Anh : (*giằng tay ông lại, giọng van lơn*) Thôi mà ba ! Ba về đi.

Ông Hai : (*giựt phắt tay, trừng mắt*) Về ! Hứ ! Về đâu ?

Tuyết Anh : Về đi ba. Về nhà.

Ông Hai : (*nhảy lên, tay gậy chỉ lên trời, hát*) ... Nhà ta ta cứ xây, ruộng ta ta cứ cầy, đợi ngày... Diệt xong quân cướp kia, ngày mai ta ấm no, cùng nhau ta hát vang... tự do.

Tiếng trẻ con hò lên « tự do, tự do ! » rồi lại ằng ặc cười .

Ông Hai : (*quay người, thụp xuống, cầm gậy như người ta cầm súng, thét*) Các đồng chí, xung phong...

Tiếng xe jeep trờ tới, lốp rít , phanh kêu ken két., rồi tiếng thổi còi nghe choáng tai. Một đám công an nhảy xuống, la « dẹp, dẹp... ».

Ông Hai : (*giơ cao gậy, quát*) Các đồng chí, vì nhân dân, tiến lên !

Một công an *(lầu bầu) :* Ông nội ơi ! Tiến về đâu mà tiến !

Ông Hai : (*quắc mắt*) Tiến lên xã hội chủ nghĩa ! (*Ông lại hát*) ... Đoàn ta là giải phóng quân, là con em của nhân dân...

Tuyết Anh : (*níu tay ông Hai*) Thôi. Im đi ba ! Thôi...

Hai công an đến kẹp nách ông Hai lôi đi xềnh xệch. Tiếng trẻ con vẫn ằng ặc cười. Tuyết Anh chạy về phía ông Hai, nhưng một công an chặn lại, tay xô khiến Tuyết Anh ngã xuống. Tạo chạy tới.

Công an : (*trừng mắt nhìn Tạo, quát*) Bộ muốn làm loạn hả !

Tiếng ông Hai hát quốc ca « ... giết giống nòi qua nơi lầm than...Cờ tô máu chiến thắng say hồn nước... ». *Bọn trẻ con đồng thanh hát theo, vừa hát vừa ằng ặc cười...*

Tiếng công an nạt lớn « Im, im ngay! Giải tán... ». Tiếng hát lắng xuống. Tạo chạy ra đỡ Tuyết Anh.

Lúc đó, thằng Vĩnh Anh lúc lắc cái đầu méo mó lết ra hiên. Nó cười ngây ngô, trọ trẹ hát theo *« ... cờ tô máu chiến thắng say hồn nước... »* rồi ngưng lại, lấy cánh tay tật nguyền khều khều mẹ nó, mồm hỏi *« ... ông ngoại đi đâu, mẹ ? »*.

Cảnh 4

Đêm đã về. Gió lại vi vu cất lên. Tiếng vĩ cầm kéo nhạc độc tấu của Bela Bareik lê thê, oằn oại. Ở hàng hiên, Tuyết Anh ôm Vĩnh Anh trong lòng, miệng hát nho nhỏ

« Sóng bạc đầu, và núi chìm sâu
Ta về đâu đó ?
Về chốn nào, mây phủ chiêm bao
Cạn suối nguồn, bốn bề nương dâu
Ta tìm em nơi đâu ?
Biển sóng...biển sóng đừng xô tôi
Đừng cho tôi thấy hết tim người ....»

Tạo ra. Tuyết Anh im bặt. Tạo lẳng lặng ngồi xuống dựa vào tường. Tuyết Anh quay mặt nhìn đi chỗ khác, thở dài. Vĩnh Anh cựa mình trong tay mẹ, lấy cánh tay khều khều, lại be be « chú, chú », miệng toét ra ngây ngô cười.

Tạo : (*nhìn xa xăm, ngập ngừng*) Họ đưa bác đi đâu vậy chị ?

Tuyết Anh : (*thở dài, chua chát*)... Tui lên công an quận, hỏi họ đưa ông già tui đi đâu ? Họ cười, nói mấy ông « truyền thống kháng chiến » như ổng có tiêu chuẩn cao, được đi an dưỡng...

Tạo nhìn Tuyết Anh, ánh mắt dò hỏi.

Tuyết Anh : (*cười nhạt*) ... Đi học tập cải tạo còn đỡ, chớ đi an dưỡng là đi vào nhà thương điên... Rồi tui cũng vậy, tâm thần mà... Lần này nhà thương ghi bệnh lý tui là tâm thần...

Tạo bỗng chùng lòng lại xót xa. Hai người cùng im lặng.

Tuyết Anh : (*lên tiếng, nói như phân bua*) Khi đập đầu vào tường, tui không hiểu mình muốn chi, nhưng biết giá mà đau đớn thân xác thì may ra tui giải tỏa được nỗi cấu xé tinh thần. Tui nghĩ, mấy người tự tử cũng vậy. Nhưng xa hơn một bước, tinh thần họ chỉ an bình được lúc thể xác họ không còn nữa...

Tạo : (*nhìn vào mắt Tuyết Anh*) Bây giờ, chị tính thế nào ?

Tuyết Anh : (*cười buồn rầu*) Còn tính thế nào nữa ! Anh coi, tình thế này thì mai mốt mẹ con tui phải ra khỏi nhà này (*tay Tuyết Anh đập nhè nhẹ vào tường*). Anh đừng lo, tinh thần tui rồi sẽ ổn định, (*cười*) tui không tự tử đâu anh ! Khốn khổ không đủ sức đẩy con người đến chỗ chết. Tuyệt vọng thì khác. Tui chưa tuyệt vọng. Nói thiệt, tui còn một niềm hy vọng nhỏ nhoi. Rất nhỏ nhoi, nhưng có, như một phép lạ. Anh có tin có bà Tiên trong truyện Tấm Cám không ? Tui, bữa nay tui mới tin. Có đấy, cái phép lạ đổi đời đó thành sự thực khi

con người ta víu vào mép bờ của vực thẳm ...

Tạo : (*nhẹ nhàng*) Ờ, phép lạ. Chị nói tôi mới nhớ...Hồi nhỏ tui cùng mấy đứa bạn ra sông Thu Bồn bơi đua. Bữa đó nước chảy xiết, tui vô chỗ xoáy, bị hút xuống... Tui kêu, nhưng tụi bạn ngó trân chịu trận. Nước cuộn lấy tui nhận chìm, tui cố sức đạp ngoi lên. Cứ thế... (*mỉm cười*) tui vùng vẫy, tay quơ chân đạp, trong đầu bỗng thấy lại hết, cha tui, mạ tui, mấy anh mấy chị, cả cuộc đời ngắn ngủi của mình thình lình quay lại như màn ảnh xi-nê trong chỉ mấy tích tắc. Khi đó tui không hề sợ, không hề nghĩ đến cái chi gọi là sự chết... Chân vẫn đạp, tay vẫn quơ cho đến lúc tui mở mắt ra thì chẳng hiểu làm sao tui đã giạt vô bờ... Mạ tui khóc, biểu là phép lạ, chắc nhờ bà dì chết trẻ tui cứu độ... Bả chết trẻ nên nghe nói thiêng lắm...

Tuyết Anh : (*ngậm ngùi*) ... Tui khi nhỏ thì khác. Hồi mạ tui chết, cô tui đưa vô khu cho tui một cái khăn choàng đầu của mạ. Khi đó tui ở vùng núi Mỹ Sơn, lắm bữa mấy chú mấy bác đi hết, chỉ có mình tui loay hoay một mình trong lán. Ra ngoài chơi, gió thổi bay chiếc khăn đeo tòng teng trên cây. Tui kêu Mạ ơi rồi leo lên. Không biết sao tui trợt chân, chỉ hai tay nắm được cành ngang... Nhìn xuống, cao dễ sợ, chắc ít ra cũng ba, bốn thước. Tìm cách móc chân vào cành nhưng vô ích, tui cứ thế đong đưa...tay mỏi nhừ, nước mắt nhỏ ra, miệng kêu cứu. Lúc đó tui nghĩ tới sự chết và tui sợ...Sợ ghê gớm mặc dầu chăng hiểu chết là thế nào. Tui nhắm mắt, cắn răng, khấn Mạ, rồi tui nghe bên tai có tiếng thì thầm « Con à, đừng có bỏ tay ra nghe ». Cho đến lúc mấy chú bộ đội về, mấy chú la, rồi căng tấm bạt vải dù phía dưới, biểu « Đừng sợ, thả tay ra cháu ! » ... thì tui mở mắt, nghe gió vù vù bên tai, và sau là cha tui mặt xanh lè ôm lấy tui miệng nhắc tới nhắc lui « Con tui, tội nghiệp con tui ». Nhỏ vậy, nhưng tui đã biết tuyệt vọng là chi... Và vượt lên trên được nó là sự sống (*cười buồn buồn*) Tui thì tui còn đang sống đây, vì có chút hy vọng...

Tạo nhìn, vẻ tò mò chờ đợi nhưng Tuyết Anh biết ý, khẽ khoác tay,

Tuyết Anh : (*giọng trầm xuống*) Chưa nói được, thôi anh cho khất, để khi nào tiện...

Tạo im lặng. Tuyết Anh ngưng nói, nhìn xa xăm. Bóng đêm ụp xuống rất nhanh. Đèn đường màu vàng bệnh hoạn hắt xuống mặt đường những bóng dài lằng ngoằng. Nhạc cất lên...

Bỗng có tiếng chân chạy thình thình từ cầu thang xuống. Không nói không rằng, Lưu nhảy lên chiếc Honda dựng ở hàng hiên, rồ máy, rồi chạy vụt đi. Tạo và Tuyết Anh ngơ ngác nhìn theo.

Trên lầu, có tiếng đàn bà rên la kêu đau. Tiếng chân xuống thang. Rồi tiếng vòi nước chảy trong bếp. Tuyết Anh chăm chú nghe.

Tuyết Anh : (*chua chát*) Chắc con nhỏ trên lầu chuyển dạ... May mà mẹ chồng tui không bắt tui nấu nước nóng rồi lên phụ đỡ đẻ!

Tạo ngượng ngùng, không biết nói gì. Trời tối hẳn. Đèn đường hắt ánh sáng màu vàng bệnh hoạn vào hàng hiên. Vĩnh Anh lại khều khều, mồm kêu « chú, chú ! ». Tạo vuốt tóc nó. Lúc đó Lưu về, đằng sau xe chở một người đàn bà trung niên. Họ vội vã lên lầu.

Lát sau, có tiếng hài nhi oe oe khóc. Tiếng nhạc cử lên, tiết điệu hy vọng rồi nhẹ nhàng chìm lắng xuống.

Tuyết Anh : (*giọng buồn, nhưng dịu dàng*) Xong rồi ! Không biết là trai hay là gái.

Hai người im lặng. Gió xào xạc làm chao những tàn cây bên đường, ánh đèn chập chờn sáng tối, rồi tiếng đại hồ cầm cất lên trầm mặ cnhưng dịu dàng.

Tuyết Anh : (*mơ hồ*) Nước rút rồi ! Ngày mai anh về Cửa Đại hỉ ?

Tạo không trả lời. Tuyết Anh cúi xuống ôm Vĩnh Anh. Chắc chắn nó không biết rằng nó vừa mới có được một đứa em cùng cha khác mẹ. Nhạc lại vẳng lên, đèn tắt dần.

MÀN IV

Sóng về đâu?

Cảnh 1

•

Buổi trưa, nắng vàng trời. Không khí sau cơn bão mát dịu. Từ chân núi dưới chùa Non Nước, Tạo nhìn xuống. Nước vẫn ngập, tứ bề bao la, lấp loáng ánh mặt trời. Tạo quệt mồ hôi, châm thuốc hút rồi đi xuống dốc. Bỗng có tiếng gọi. Tạo ngừng bước quay lại. Tuyết Anh, tay dắt con, đứng đằng sau, miệng mỉm cười.

Tạo : (*ngạc nhiên*) Chị đi mô mà ra đây hè ?

Tuyết Anh : (*ngượng nghịu*) Tui tới từ ban sáng.

Tạo : Để chi vậy ?

Tuyết Anh : Để...để..

Tạo nhướng mắt, chờ câu trả lời. Thằng Vĩnh Anh lại cười toét miệng, ngây ngô kêu «chú, chú ».

Tuyết Anh : Mà thôi... Mẹ con tui đi cho nó thoáng một chút. Anh biết rồi, ở nhà ngộp thở... Đêm qua anh ngủ say lắm, phải không?

Tạo gật đầu.

Tuyết Anh : Vậy thì anh không nghe thấy gì, không nhìn thấy gì!

Tạo : Không !

Tuyết Anh : Anh không nghe tiếng người khóc ?

Tạo : Không ! không nghe !

Tuyết Anh : Mẹ con ảnh đuổi, tui với cháu (*tay chỉ Vĩnh Anh*) xuống ngủ ở phòng ăn của khách sạn. Vì vậy, tui nghe hết. Tui còn thấy nữa.

Tạo : (*trầm tĩnh*) Chị nghe gì ? Thấy gì ?

Tuyết Anh : Nửa đêm, tui nghe con Hằng khóc ré lên. Rồi nó nói như van xin... Sau đó, có tiếng chửi.

Tạo : Tui ngủ say, lại ở lầu ba, tui không nghe thấy gì hết...

Tuyết Anh :... rồi tiếng chân xuống thang. Tui nhìn ra, hai mẹ con ảnh bê một cái gói. Bà nội mở cửa. Ảnh rồ xe Honda... Tiếng khóc trên lầu nghe i ỉ. Tui chạy lên. Con nhỏ tội nghiệp, nó cắn răng lại, thút thít. Hỏi nó, nó lắc đầu không nói. Tui nhìn không thấy đứa nhỏ mới sanh. Tui lại hỏi... Con Hằng khóc ngất...

Thằng Vĩnh Anh nhìn mẹ nó, kêu be be « Má, má, đi ra biển » *rồi quờ quạng đứng dậy. Mất thăng bằng, nó té nhào. Tạo nhanh tay đỡ thằng bé, mắt nhìn Tuyết Anh.*

Tuyết Anh :... nó vừa khóc vừa nói chi đó. Tui lại hỏi. Nó kêu « chết rồi ! ». Ai, ai chết. Nó tức tưởi « Con tui ! ». Làm sao lại chết ? Nó nghiến răng, hổn hển « Bà nội nó bóp mũi cho chết !»

Không kìm được, Tuyết Anh bỗng bật khóc.

Tuyết Anh : (*nghẹn ngào*) Thì ra thằng bé mới đẻ cũng giống hệt Vĩnh Anh. Tay chân không lành lặn. Đầu méo mó, vẹt đi một nửa... Lại độc tố da cam. Tui chắc hai mẹ con ảnh đưa xác thằng bé ra sông Hàn...

Lại thêm một nỗi bất hạnh. Nhìn ra mặt đất mênh mông nước, trí tuệ Tạo tê cóng, nhưng cảm giác ngậm ngùi tràn ngập như mùa lũ ùa xuống từ những cánh rừng trên kia đã trụi cây. Khuôn mặt nhăn nhúm như mặt Vĩnh Anh hiện ra, tiếng khóc hài nhi nghẹt thở vọng lại. Rồi chất độc da cam, bờ sông Hàn... Tất cả trộn vào nhau, vỡ toang ra, mảnh sắc văng tứ tung. Tạo ôm mặt, tai lơ mơ nghe Tuyết Anh gọi tên mình.

Thời gian trôi như chất lỏng đang đặc sệt lại. Khi mở mắt ra, Tạo thấy Tuyết Anh ngồi nhìn mình, vẻ mặt lo lắng. Nắng lên gần đỉnh đầu, hắt cơn nóng xuống cái mặt đất nồng ẩm đang nung nấu trần

gian. Quệt mồ hôi, Tạo cố mỉm cười.

Tuyết Anh : (*buồn bã*) Tui ban đầu nghĩ, được rồi, mẹ con bay giết người thì bay phải đền tội. Ra công an báo, chắc chắn là sẽ điều tra. Và rồi nhân nào quả nấy. Tui đợi mẹ con ảnh về. Bà nội bước vô, tui hỏi « Bà giết người, bà có thấy sợ không ? ». Bả tỉnh queo « Tau không giết người. Nó có sống, cũng chỉ nửa người nửa ngợm ! ». Anh Lưu tái mặt. Ảnh van xin tui đừng khai báo... Tui nói cứng, nhưng sáng nay, tui không ra công an, tui tới đây...

Tuyết Anh : (*thở dài*, tiếp) : Không biết sao mà bữa trước tui oán thù mẹ con ảnh. Bữa nay thì không ! Tui chỉ thấy bâng khuâng... Anh biểu tui phải làm sao đây ? Tui khai báo là tui có thể lấy lại căn nhà. Nhưng có cái chi đấy, vô hình vô tướng, kìm tui lại... (*Nghĩ ngợi một lát, rồi ngậm ngùi*) Cái vô hình vô tướng kia chỉ cảm mà không thấy, không hiểu. Tui bỗng nhiên biết tui là một người may mắn. Anh nghĩ mà coi...Bảy năm liền tui tưởng tui là một kẻ tật nguyền. Bây giờ thì không...Như đang đui mù bỗng nhìn thấy ánh sáng, như đang liệt bỗng đứng lên đi. (*Hai tay áp vào má, Tuyết Anh mơ màng*). Trước đây, tui cứ sờ vào da thịt mình là tui sợ... sợ như đụng tay vào cái gì đang thối rữa ra...Sự kinh tởm chính bản thân mới ghê gớm làm sao ! Bây giờ, tui...là người lành lặn. Tui tìm lại ra mình và...(*reo lên, mặt rạng rỡ*) cái khả năng tin vào điều gì tốt đẹp... (*ngưng một lát, Tuyết Anh tiếp, giọng dịu dàng*) ...Tìm lại ra mình, tự nhiên tui cảm thấy một niềm thương xót bao la. Trong niềm thương xót đó có cả Lưu, cả bà nội, cha tui, cả những người đã chết, và luôn cả những kẻ sắp sanh...Niềm oán thù tui cứ tưởng chẳng bao giờ nguôi ngoai trong lòng tui bỗng chốc tan biến đi như chưa bao giờ có ...

Nhìn Tạo, Tuyết Anh ngập ngừng. Chiếc băng trắng cuốn quanh đầu đã cởi ra, tóc Tuyết Anh dài tới ngang vai đang bay tung lên trong gió sớm. Nàng mặc một chiếc áo sơ mi màu ngà óng ánh vân, tay cầm nón trắng, hai mắt mở to, xanh biếc, ướt át dưới viền mi cong dài. Đôi môi nàng nhếch lên, hàm răng trắng lộ ra đều đặn như đắp bằng hạt trai. Lần đầu nhìn Tuyết Anh rạng rỡ, Tạo ngạc nhiên và chợt hiểu tại sao mình thấy nàng quen quen ...Tạo thầm nói

Tạo (**độc thoại**) : ...Minh ơi, thì ra chỉ chút hao hao dáng dấp cũng đủ để anh nhìn thấy em. Như ảo ảnh, anh vẫn muốn nắm bắt lấy em như kẻ bám víu vào mảnh bè trong cơn nước lũ, cơn nước đang dìm anh xuống cho đến độ hết hơi ngạt thở. Anh ngoi lên, anh tìm em hay anh tìm dưỡng khí. Anh chơi vơi, vì khoảng cách giữa hai ta, hay là vì anh chỉ muốn cho em nhìn thấy cảnh anh giơ tay quờ quạng như một kẻ chết đuối mà người trên bờ, có trách nhiệm nhưng không làm sao mà

cứu được...Rồi trên bờ, em một mình ngồi khóc, khóc cả đời, khóc vì hối hận...

Thằng bé lại kêu, tay khều mẹ « Biển, biển ở đâu...Ra biển, mẹ ». Một đàn chim bay ngang, tiếng kêu vang lên lẫn vào tiếng ghe máy nổ.

Tuyết Anh : (*nhìn Tạo*) : Làm sao ? Bây giờ tui ...

Tạo : (*nhẹ nhàng ngắt*) Chị cứ làm theo lòng chị... (*Tạo đứng dậy, buồn bã cười*) Tui phải đi đây, chị với cháu ở lại...

Vừa bước được vài bước, Tạo nghe Tuyết Anh gọi giật giọng.

Tuyết Anh : Anh Tạo, anh còn quên cái này ! Bức thư anh bỏ trên bàn (*tay chìa về phía Tạo*), gió bay rơi xuống đất...Bức thư (*ngần ngừ*) khiến ...tui chưa...tuyệt vọng...Anh viết *« tụi con tính nhận đỡ đầu đứa bé... Nó tên Vĩnh Anh »*. Anh biết, bà và cha nó còn chẳng muốn cưu mang nó (*nức lên*), nhưng anh... Đấy, phép lạ là thế...

Tạo ngẩn ngơ thò tay ra lấy bức thư nhưng thình lình Tuyết Anh giựt phắt lại.

Tuyết Anh : (*giọng đổi ra cứng cỏi*) ... Tui biết, chẳng có cô giáo Minh nào. Chẳng có ai ra chợ sông Hàn với anh để mua sắm gì... Anh ở Đà Nẵng bốn bữa, có người yêu thì hẳn anh không tìm, người yêu anh cũng đi tìm anh. Đằng này... không có ai, không có gì... (*rành rọt)* .. và anh nói dối má anh, rằng anh sắp lấy vợ, để bà đừng thúc anh qua Mỹ đoàn tụ gia đình. Cái đó, thật Tuyết Anh (*nàng nay xưng tên*) không thể hiểu nổi. Ai cũng mong đi. Nhưng anh, mẹ già anh đợi, anh chị em mong, lại chỉ thân một mình ở đây thì anh lại không chịu đi... Anh ở lại đây làm gì ? Anh có điên không ?

Tạo bật cười, tiếng cười như để cắt lời Tuyết Anh

Tuyết Anh : (*nói vội, giọng căng thẳng*) Anh đi Mỹ đi. Đi đi cho xong. Anh nói một câu anh đi Mỹ, Tuyết Anh sẽ từ biệt anh ngay, về Đà Nẵng rồi sau muốn sao cũng được. Nhưng nếu anh ở lại, thì khác... (*mắt Tuyết Anh long lên, bốc lửa, rừng rực đam mê*)... Thì khác hẳn! Tuyết Anh sẽ theo anh. Anh có đánh đập, cũng theo. Anh có giết chết, cũng theo. Theo vô điều kiện. Tuyết Anh xin đóng vai cô giáo Minh, suốt đời theo anh...Nếu anh muốn, cô giáo Minh này có thể đẻ cho anh một đứa con mà chẳng phải sợ gì cái chất độc da cam kia nữa ! Không chịu nổi sức căng của những câu nói hình như vượt hẳn sự ý thức bình thường, Tuyết Anh nấc lên, rồi khóc òa. Tay che mặt, đầu quay về phía đỉnh Non Nước, Tuyết Anh nắm tay thằng bé, vai run giật lên. Ôm mặt, Tạo không đáp, chỉ lẳng lặng cúi đầu xuống dốc. Chân lội bì bõm giữa hai rặng cây đâm chồi trên mặt nước lũ, chàng chệnh choạng mò mẫm trên con lộ đã chìm sâu dưới nước.

Chàng hồi tưởng đến người yêu, miệng trễ xuống, mắt thất thần.

Tạo (***độc thoại***) : ... Anh còn đợi giấy xuất cảnh thì em nói, em qua trước chờ anh, nghe cưng. Đừng sợ gì, hãy nghe em, em sinh ra là sinh để cho một mình anh mà thôi.

Anh đáp, Anh cũng vậy.

Vậy em đi, em thư về cho anh mỗi ngày, mỗi tuần.

Anh cũng vậy.

Em đi, anh có nhớ không. Có, nhớ đến chết.

Em thì thầm, em cũng vậy.

Nhưng anh sẽ sống, chỉ vì em.

Em cũng vậy.

Một năm trôi qua. Anh còn thủy chung chứ. Còn. Thế em. Tất nhiên. Thư thưa dần, tại sao ? (*Tạo cười hừ*) Tại Bưu Điện ? Chịu vậy thôi anh, xứ mình mà. Thôi, chịu, anh sắp có xuất cảnh rồi. Bặt tin.

Cho đến một hôm, anh nhận được một phong thư rất mỏng, nét chữ lạ, viết rằng Minh bạn tôi nhờ tôi báo ông biết Minh vừa lấy chồng, đã đổi địa chỉ và nhắn chúc ông tìm được hạnh phúc... A, hạnh phúc ? Nhưng dĩ nhiên không có Minh với cái hạnh phúc đó. Nàng đã chọn một hạnh phúc khác để bây giờ trở thành Minh của ngày xưa, cái ngày xưa đấy, nhưng sao vẫn quái ác ám ảnh trong từng bước đi, từng câu nói, từng đêm chập chờn...

Một lát sau,Tạo quay đầu nhìn lại. Như người bị trúng gió, Tạo đứng sững người ra như phỗng đá. Thấp thoáng đằng sau, lưng địu đứa con tật nguyền, người chúi về phía trước, Tuyết Anh khập khiễng bước theo.

Nhạc cất lên, tiết điệu đi từ cô đơn đến mỗi lúc một kinh hoảng...

•

Cảnh 2

Tạo cắn răng, dấn bước nhanh hơn. Tiếng lội nước lõm bõm. Nhìn từ trên xuống, nước ngập mênh mông, đục ngầu, sóng sánh đe dọa. Trời nắng chóa, xa xa những mái tranh ẩn hiện như vật vờ trôi. Tạo ngừng chân, nhìn quanh.

Trên mặt nước, trôi lờ đờ đủ thứ rác rưởi. Tạo bỗng thấy trước mặt xác những loài gia súc chết chương lềnh bềnh giạt đến.

Tạo chợt hoảng sợ ngoái lại. Móc vào nhánh cây, một chiếc áo màu trắng đong đưa dập dềnh. Tạo như bị tê cứng, mắt trố ra nhìn. Mảng tóc dài nổi lều bều, xô qua dạt lại, dính vào mặt một đứa con gái chắc chưa được mười tuổi. Khuôn mặt nó xám ngoét, hai môi căng

ra há hốc như chực tìm dưỡng khí, mắt còn mở, chỉ thấy lòng trắng, màu trắng lạnh tanh vô hồn. Tạo bất chợt thấy mặt mình bừng bừng bốc lửa. Cơn thịnh nộ ở đâu kéo về, cũng như cơn bão, bật tung thành một tiếng rú. Cứ thế, Tạo rú lên. Tay đấm chân đá vào mặt nước, Tạo như phát điên, miệng vừa gào vừa chửi.

Tạo : (*đột nhiên ngửng mặt gào*) Tội chi mà hành nhau ? Tội chi hở ? Đứa nhỏ kia đã làm gì mà thành tội, hở Trời ? Cho sống, bắt chết. Được. Nhưng lý lẽ gì ? Bóp mũi một đứa bé bị độc tố da cam như bà nội thằng Vĩnh Anh là giết người, nhưng còn tìm ra được một chút khoan nhượng. Đó là tránh cho đứa bé đó một cuộc đời còn thua cả con heo, con chó. Nhưng dìm chết một đứa trẻ bình thường, thì lấy gì ra mà so đo để chấp nhận được... (*Thình lình Tạo thét câu Tuyết Anh đã hỏi)* Trời ơi ! Trời có mắt không hở Trời ?

Tạo cứ thế khóc vùi, đầu cúi, chân quì, thỉnh thoảng lại thở hổn hển.

Lát sau, Tạo bình tĩnh lại, kéo xác đứa trẻ, nhìn quanh tìm chỗ nước cạn. Bốn bề vẫn mênh mông nước. Tạo xé chiếc áo sơ mi, lầm lì tết thành dây. Buộc cái xác vào cây cho khỏi trôi, Tạo ngước đầu tránh cái mùi chương sình đã bốc hơi, lùi lại, rồi vội vã bỏ đi.

Tiếng Tuyết Anh lại văng vẳng «... Anh đi Mỹ đi. Đi cho xong ».

Tạo (độc thoại, mơ màng) : Mạ ơi, đi có thật là xong không ? Năm năm trước, mạ nắm tờ giấy xuất cảnh trong tay, khóc «... nè Tạo, hay là mạ đợi, khi con có giấy, mạ con cùng đi, nghe ». Mình la «... mạ kỳ quá ! Đi trước đi, rồi con đi sau. Bây giờ, công ăn việc làm không có, ai người ta giữ người vô công rồi nghề. Mạ qua bển kêu chị Ba đi hỏi coi cái bằng trung học kỹ thuật Cao Thắng của con bên Mỹ có cho tương đương không nghen ?... ». Thúc mãi, mạ mới lên đường. Mình đâu có nói gì với mạ về mối tình với Minh. Rồi ông anh Minh bảo lãnh cho gia đình Minh. Qua Mỹ hãy lấy nhau, Minh nói, cho có đủ mặt cả hai họ. Dĩ nhiên. Mình hỏi, giấy tờ tới đâu rồi mạ. Mạ thúc, chị Ba làm giấy bổ túc. Mạ làm giấy, diện mẹ con bảo lãnh dễ. Cách đây hai năm, giấy tờ xong xuôi, muốn đi là mình đi đàng hoàng, đi máy bay. Nhưng, đúng lúc đó thì Minh vừa gửi lời chúc cho mình tìm được hạnh phúc và trở thành Minh của một ngày xưa xa lơ xa lắc... Bình tĩnh lại, Tạo ơi, mi thất tình hay mi còn cái cớ nào khiến mi đầy đọa thân mi ngụp lội trong vũng nước khổng lồ này ?

Ngửng mặt nhìn trời, mây từ xa bay về, đùn lên ngay trên đầu Tạo vô số hình thù quái dị chỉ như chực vồ xuống mặt đất này. Lời Tuyết Anh ở đâu cất lên «... Anh nói một câu anh đi Mỹ, Tuyết Anh sẽ từ

biệt anh ngay, về Đà Nẵng rồi sau muốn sao cũng được ! ». Tạo tiếp tục bước, môi mím, gân trán nổi lên, tay nắm chặt, mắt nhìn quanh .Vẫn chỉ nước tứ bề mênh mông, và thỉnh thoảng một cánh chim lạc đàn lẻ loi bay trong bầu trời vắng lặng

Tạo (***độc thoại***) : Phải chăng không đi để rồi ngụp lội trong vũng nước khổng lồ này chính là vì mình vẫn còn mong manh một chút hy vọng gì đó, mơ hồ thật, nhưng khiến mình chưa thua, không chạy, ương ngạnh trừng mắt lên nhìn Trời thách thức giông bão để viết cho mạ «... Mạ ơi, mấy bữa rày, trời khá đẹp ! ». (*Im lặng một lát, Tạo tiếp*)...Còn Minh, Minh ngày xưa là Minh từng có thật. Nhưng Minh có thật đã xa đi rồi, xa đi như một giấc mơ ! Còn lại chỉ có cô giáo Minh con viết cho mạ trong bức thư đánh rơi, con tin vẫn đâu đó quanh đây với

cuộc đời này. Nàng đang đóng vai một nhân vật hư ảo trong vở kịch bi tráng mà đứa con này của mạ định thủ vai người hùng. Thứ người hùng ngô nghê trước những bất hạnh bám víu vào sự có mặt của nàng để tiếp tục tồn tại...

Cảnh 3

Bãi biển Cửa Đại. Chiều tà, mặt trời như một cái nia nhuộm máu lừ lừ ụp xuống mặt biển quầng tím. Tiếng sóng đập vào bờ, và tiếng vĩ cầm cao tít như sắp biến đi. Từ phân xưởng cá đi ra bãi biển, Tạo bước lê, mặt mũi phờ phạc.

Tạo vòng theo mé sau phân xưởng đi thẳng ra bãi Cửa Đại. Dọc bờ cát, những cây dừa đổ nằm ngả nghiêng, đầu vắt lên nhau, rễ đâm râu ria chòi lên mặt đất. Bãi biển im ắng người. Chỉ có tiếng sóng rạt rào, và thỉnh thoảng tiếng gió hú. Cát trắng óng ánh sáng dưới chân, chạy dài hình vòng cung, mất hút cuối bãi. Nơi xưa là hàng quán nay chỉ còn chơ vơ vài cái mái gianh chưa bị bay bốc lên trời trong cơn gió bão thấp thoáng dăm bóng người.

Khi Tạo đến gần, ba đứa con gái con anh chị Sáu mặc áo sô trắng, đầu chít khăn tang, đang quì trước một chiếc bàn gỗ kê tạm, mặt hướng ra phía biển. Trên bàn, ba nén hương cắm trong bát gạo tỏa những sợi khói mỏng đang bay lên rồi loãng ra vô sắc trong không trung. Một nắm cơm trắng, quả trứng luộc đã bóc vỏ, và sợi dây chuyền chị Sáu xưa hay đeo nằm chơ vơ lạnh lẽo. Anh Sáu ngồi, lưng quay lại phía Tạo, khấn vái rầm rì, thỉnh thoảng lại hắng giọng. Gần anh là chiếc thuyền thúng, chiếc thuyền chắc đã quay cuồng để mặc sóng biển hớp lấy chị Sáu. Chị chìm. Nhưng chiếc thuyền thì không,

nó tiếp tục quay, quay mãi, quay như con cù, cho tới khi cặp vào bãi.

Tạo lẳng lặng ngồi sau anh Sáu. Anh quay lại, mắt sưng vù, mọng đỏ. Ba đứa con gái cũng quay lại, im lặng. Một đàn hải âu bay ngang, cánh trắng lấp lánh trong bóng tà dương, không kêu, không gọi. Chỉ có biển rì rào một mình, ngu ngơ thả những con sóng trắng vào bờ, rồi lại kéo nước rút ra như nghịch ngợm.

Nỗi bất lực ấn Tạo xuống mặt cát. Chàng thụp người, ngồi xuống, khẽ khấn «... Nè, chị Sáu, ở đâu đi đâu, tránh đầu ngọn sóng kiếp sau ... ». *Tạo nhắm mắt, tay vái bàn thờ đưa tiễn một linh hồn vừa thoát được cuộc đời khốn khổ ở thế gian này. Nhưng ơ kìa, hình như mẹ con Tuyết Anh đang từ sau lết trên mặt cát trắng như loài bò sát. Mặt nhợt nhạt, tóc bết mồ hôi, miệng Tuyết Anh nhếch lên như chào. Thằng Vĩnh Anh bò về phía Tạo, kêu be be « ... chú, chú », toét miệng ra nhe hàm răng mọc lởng chởng. Tuyết Anh lấy tay vén lại tóc. Nàng cười, cười thật tươi, cái cười của kẻ tìm lại được mình. Tạo quay lại, mắt chóa sáng. Nhưng ơ kìa, hình như là Minh. Có phải là Minh của ngày xưa? Không, may ghê, Minh ngày xưa tan vào ánh sáng như lúc tỉnh dậy giải thoát u mê một cơn mộng mị ban ngày. Minh bây giờ khác. Nàng đang ngồi trên cát bãi Cửa Đại chứ không phải là Laguna Beach trong một bức hình gửi cho Tạo. Cạnh nàng, là Vĩnh Anh, bằng xương bằng thịt, thứ xương thịt tật nguyền. Nàng tiếp tục cười dịu dàng, cái cười của một người đàn bà tin vào hạnh phúc.*

Tạo lại nhắm mắt lại. Đúng lúc ấy, Tạo thấy màu đen của vũ trụ bỗng đổi thành muôn sắc muôn màu, và chàng ngửi thấy một mùi hương ở đâu bay về với gió biển. Sóng biển vẫn rì rào, từng chập đánh sầm vào nhau, rồi nước lại ào ạt rút ra, bỏ trên bãi cát những con dã tràng lăng quăng chạy như chẳng có gì đáng quan tâm.

Tạo (***độc thoại***) : Trận bão và cơn lụt cũng có đấy như biển như sóng và những con dã tràng kia ? Liệu chúng có hỏi rằng Trời có mắt hay không có mắt ? (*Tạo bỗng thì thầm, mắt nhìn lên quả quyết*) Không lẽ cứ ngửng lên Trời hỏi, hỏi mãi ? Hỏi đến quên mất câu trả lời ? Rằng ở trên thế gian này, câu trả ở đâu đó ngay trong lòng mình. Thế thì còn tìm đâu ? Không, phải tìm ở mình. Đúng rồi, chỉ có cách ấy, là tìm ra mình...

Hình ảnh Tuyết Anh và thằng bé bất chợt hiện lên trong tâm tưởng Tạo, sống động, mặc dầu sống trong sự nghiệt ngã một thứ bất công . Tạo ôm mặt, đầu chúi xuống cát. Bất công ấy chẳng chỉ có ông Trời mà còn kẻ làm ra chất độc da cam, kẻ đi giải nó xuống rừng xuống suối. Có Bà nội, Lưu và đám công an quận, công an phường. Trong trùng trùng điệp điệp những giải dây oan nghiệt rối vào nhau, phải

chăng tất cả đều liên đới chịu trách nhiệm ? Thứ trách nhiệm giữa người với người. Thứ trách nhiệm không dễ thấy khi con người chỉ nhìn nhau bằng mắt. Vì mắt chỉ thấy được cái hữu thể, đo được, đếm được và cướp đoạt cũng được. Cho nên chỉ còn một cách gỡ được ta ra khỏi tối tăm. Nơi mắt nhìn không tới, ta để lòng đến thay. Hãy rủ nhau cùng nhắm mắt lại rồi chỉ nhìn vạn vật, nhìn cuộc đời, bằng lòng mình. Và không mãi cứ trốn nhìn nhau rồi đùn trách nhiệm cho ông Trời với lời van xin cho Trời có mắt. Và không cứ như đà điểu rúc đầu vào cát. Tạo ngửng lên, tai văng vẳng tiếng hát

«Biển sóng biển sóng đừng trôi xa
Bao năm chờ đợi sóng gần ta
Biển sóng biển sóng đừng âm u
Đừng nuôi trong ấy trái tim thù »

vang vọng rồi nhỏ dần, nhưng lắng đọng đâu đó trong không trung. Vẫn nhắm mắt nhưng sao bây giờ Tạo lại thấy Tuyết Anh và thằng bé? Tạo bất giác mỉm cười một mình.

Tạo (***độc thoại***) *:* Hay là bức thư viết cho mạ, mình xoá tên Minh, viết lại thành Tuyết Anh rồi gửi đi. Ba tuần nữa, mạ sẽ nhận được. Bờ đại dương bên kia, mạ nghe đứa cháu đọc giùm chắc vừa khóc vừa cười. Mạ ơi, thế là mạ khỏi lo rằng thằng út của mẹ ương gàn. Mạ sẽ chẳng còn dịp mắng con cứ mãi lông bông dẫu rằng đầu sắp bạc...

Thằng bé đã lết đến cạnh Tạo. Nó lại lấy cánh tay tật nguyền khều khều, miệng vẫn be be «... chú, chú ». Tạo bật miệng lẩm nhẩm hát :

...Biển sóng biển sóng đừng xô nhau,
Ta xô biển lại, sóng về đâu...

Lòng dạt dào những con sóng chung thủy quay lại vỗ vào bờ, Tạo với ra sau, tay nắm lấy một bàn tay đang tìm mình. Thằng bé lại khều lại gọi «...chú, chú ».

Tiếp tục nhắm mắt, hình như Tạo đã ôm nó vào lòng. Ôm thắm thiết.

(MÀN HA)

NAM DAO



TRỊNH THANH THỦY
Thơ tặng ngày tắt thở

1/ Bởi tại em thơm lá thu chao nghiêng chiều thứ bảy dưới vòm cây cho chuồn chuồn kim anh rù rì rủ rỉ đuổi theo bồi hồi ríu cánh rơi đuối vào mắt ướt nâu con gái thả tóc không trung cột bóng mộng bảy màu bay lờ lững.

•

2/ Bởi tại em ốm o vai gầy đói ăn xương xẩu môi tái lẩy bẩy xin chút đốm hồng nơi trái tim anh hạn hán vô tình thắp lửa khát bừng cháy đỏ dung nham cám dỗ trào tuôn cuốn đổ vách bờ thuần phong mỹ tục cõi người ta .

3/ Bởi tại buổi mai thứ tám rền rĩ đau lời thánh xui anh vác thánh giá ngang ngõ em gõ cửa vào xin trọ một chân chỉ một chân bàn không mang vớ mốc ẩm ương bi thiết đờ câm định mệnh tang thương đời cô Lựu .

4/ Bởi tại em khuya chúa nhật buồn xuội lơ nhìn sau mùa gặt khiến anh sõng soài loài giun khát mưa oằn bên kia bờ trái đất đau đoạn chân quên nơi ngạch cửa lúc ban mai .

5/ Bởi tại anh con quạ đen bay ngang vườn em tình cờ chao cánh vùng cỏ hoa lũng thấp đánh cắp mầm thủy thảo mang về ươm thơ ép hạt cho trổ hoa ngọt sắc rợp mùa trái chín để điềm dữ bay xa tóc chuyển mùa mượt mà xanh cốm.

6/ Bởi tại mình ngồi bên dòng Thị Nghè tham lam móc mồi câu quá lớn làm cá Thái tử Long Vương mắc đoạ nghẹn hơi tắt thở em lỡ mất cơ may được đáp ơn bằng điều ước được cùng anh dzung dzăng dzung dzẻ hú hí tò te bạc đầu ngân điệu cống hồ xàng xê nhị tam tứ ngũ lục thất bát thượng thọ mùi mẫn cọc cạch u trầm cung cuối đời nhau .

7/ Bởi tại ...

TRỊNH THANH THỦY



PHẠN HẢI ANH

Trái hồng xiêm ngày cũ



Cả xóm chuyển nhà đi. Náo loạn. Chóng vánh. Đến cuối ngày, phòng nào cũng dọn rỗng tuếch. Và im vắng. Cái im vắng chưa từng có ngự trị lên toàn bộ khu nhà vốn chật ních người. Chiếc vòi nước chung khóa không chặt, rỏ nước tong tong xuống miếng gạch lát xám ngoẹt, phủ đầy rêu. Cây hồng xiêm thong thả trút vài lá úa xuống mảnh sân vắng hoe. Một tối cách đây chưa lâu, bọn con gái choai choai trong khu tụ lại nhẩm tính vài năm nữa xóm mình sẽ có 8 cô đến tuổi kén chồng. Lúc đó chỗ gốc hồng xiêm chắc sẽ đông chật các anh, phải cử bà Thọ ra căng dây trông xe, thu tiền lãi chia đều cho các cô. Chưa kịp tới thời hạn ấy thì mỗi đứa đã một ngả. Cây hồng xiêm nay mai sẽ bị đốn. Cả khu nhà cũng vậy. Người ta sẽ phá bằng địa rồi xây lên một tòa nhà cửa kính khung nhôm hiện đại, máy điều hòa chạy ro ro, giá cho thuê hẳn là rất đắt. Sẽ chẳng còn gì gợi lại khu nhà cổ đã xuống cấp tàn tạ này, cũng vĩnh viễn tan luôn những cuộc hẹn hò còn chưa kịp chín dưới gốc hồng xiêm... Giang dìu bà bước chậm ra cổng. Hai bà cháu là người cuối cùng rời khỏi căn nhà cũ. Tay níu chặt cái nón suýt bị bỏ quên, bà đi lập cập. Hình như bà khóc...

Bà về ở với vợ chồng chú Tiến. Chú Tiến nuôi chó Nhật, sắm được xe Cúp, tivi màu. Suýt xây được nhà thì con chó giống lăn ra chết. Đúng ngày mùng hai Tết. Cả nhà khóc như có tang. Chú Tiến

mặt âm u, quấn con chó vào chiếc chiếu nhỏ, lầm lũi chở ra thả xuống sông Hồng. Chú khấn nó đi cho linh hồn mát mẻ, có thiêng thì về phù hộ cho đàn con của nó và cho vợ chồng chú ăn nên làm ra. Con chó ấy có lẽ không thiêng, vì sau đó giá chó xuống đùng đùng. Chú Tiến phải giải nghệ. Bây giờ chú xoay qua nuôi trẻ con. Cô Liên , vợ chú, là giáo viên cấp một, dạy xoàng xoàng nhưng có tướng nạt học sinh. Cô mở lớp dạy thêm, chẳng đứa nào dám không theo. Rồi lần lần, cô nhận học sinh bán trú. Tan buổi dạy trên lớp, cô hốt học trò chất lên xích lô, chở thẳng về nhà. Cho chúng nó ăn. Bắt chúng nó ngủ, chiều dậy làm bài tập, 5giờ bố mẹ chúng đến đón về. Mỗi đầu học trò nộp một tháng hai trăm nghìn. Cô chú tính toán nuôi trẻ tuy bận bịu nhưng thu nhập cao hơn nuôi chó, mà không sợ mất giá, lại vinh quang hơn vì góp sức vào công cuộc "trồng người". Bà về nhà chú Tiến là hợp, vì có thể giúp đi chợ thổi cơm, cho vui tuổi già.

Lần đầu làm giỗ ông ở nhà mới, mẹ dậy rất sớm. Bó loa kèn mua từ hôm trước xòe cánh trắng muốt, tỏa hương phảng phất khắp phòng. Hồi ở nhà cũ, Giang rất thích loại hoa này mà không bao giờ dám mua về nhà. Giang sợ phải ngắm lọ loa kèn xộc xệch trong căn phòng chật, tối om và bề bộn đó. Những cánh hoa ố vàng trong ánh sáng nhờ nhờ và bụi, dường như co mình lại không dám nở. Còn ban đêm, mùi hoa bị cầm tù giữa bốn bức tường kín, tức tưởi, sặc sụa như hương trong hầm mộ. ễ nhà mới thì khác.

Mẹ sắm lại toàn bộ, kể từ cái sọt đựng rác. Hình như mẹ chỉ chờ có dịp này để sa thải toàn bộ đống đồ cũ rệu rã, nhiều cái đã từng là niềm tự hào của mẹ một thời. Nhà mới rộng, tiện nghi, nhưng tuyệt không bóng một đồ đạc quen thuộc. Giang có lần phàn nàn với mẹ về cảm giác đó. Mẹ bảo :"Quá khứ là tao đây này. Muốn nhớ lại chuyện gì cứ hỏi tao. Tao không quên cái gì hết!". Bố chép miệng :"Đồ cũ còn vứt đi được, chứ cái kho kỷ niệm của mẹ mày chẳng ai tẩy rửa nổi. Càng để lâu càng bốc mùi, hãi!".

"Chà, đổi mới toàn diện!", chú Tiến oang oang khi vừa bước chân vào nhà. Mẹ chạy ra, hớn hở:

"Chưa thấy người đã thấy tiếng. Bà đâu ?"

Chú Tiến khoan trả lời, đặt mông xuống cái xa lông, nhún nhún
:

"Được đấy, màu cũng được. Mấy triệu ?"

Mẹ đưa tay phủi hạt bụi mờ bám trên thành xa lông, giọng hơi có

vẻ tự hào :

"Ba triệu chín. Của xịn đấy. Anh chú cứ chê là hoang. Tôi bảo tiền để tiêu chứ để làm gì. Chồng tiền lên mà ngồi có êm đít không ?"

Chú Tiến ngửa bụng ra cười có vẻ tâm đắc, rồi khoe :

"Em thay con xe mới rồi. Dream II mận chín. Đập hộp nhé!"

Mẹ trợn mắt hỏi giá. Giá cả thường quyết định mọi cảm xúc của mẹ, kể cả cảm giác về cái đẹp. Con Dream mới của chú Tiến những hai tám vé, tất nhiên phải lộng lẫy. Chú nói về nó, giọng âu yếm tự hào như thể đó là người tình mới cưới. Giang nhớ hồi mới sắm chiếc Cúp bãi rác nhờ tiền bán chó, chú còn lập hương án cúng xe- cái xe đó bây giờ đã bán. "Đất có thổ công, xe có thần chủ", chú bảo thế, rồi lại tặc lưỡi: "Cúng xong rồi ăn, mình chả mất gì mà lại yên tâm hơn. Cứ có lợi là tao cúng tuốt!". Giang hỏi:

"Thế chú cúng xe mới chưa?"

"Tao phải làm lễ rửa xe ở cơ quan, tốn cả két bia. Tuần nào cũng có người bị bắt khao, đâm ra bụng chú mày mới thế này chứ."

Chú Tiến cười hề hề, đưa tay vỗ bình bịch vào bụng, hát: "Chỉ có bia mới hiểu, bụng mênh mông nhường nào. Chỉ có bụng mới biết, bia đi đâu, về đâu...". Mẹ chợt nhớ ra, lại hỏi: "Bà đâu?". Chú Tiến bảo:

"Em đèo bà qua nhà cũ. Bà đòi xuống, thăm mấy bà cựu hàng xóm, nhân thể đảo qua cái chợ quen hồi trước mua thêm ít hoa quả. Bà bảo bà đi xích lô đến đây sau. Chỉ có bà là nắm vững tình hình mọi người hồi ở nhà cũ."

Chợt nhớ ra điều gì, chú Tiến nhổm người, bảo:

"Chị còn nhớ bà ỏcủa đời, người thế, nước non tiênõ không?"

"Sao lại không? Bà ấy chỉ nhè lúc vắng người, không đái vào chỗ quy định mà đái vào tường nhà tôi. Đang đêm mưa gió đội nón xuống ngắt cây nho con Giang nó.trồng, bà ấy sợ nó ăn hỏng đất vườn nhà bà ấy. Người thế mà lại hay đi chùa, mở miệng ra là ỏcủa đời, người thế...õ, như là thoát tục lắm ấy. Có lần chính mắt tôi thấy bà ấy đổ vào vại nước gạo cả cân đậu xanh, để dành mãi không dám ăn, nó mới mốc lên ạ. Còn ăn, cả xóm phát khiếp lên vì mùi canh mùng tơi nấu đầu cá biển ươn của nhà bà ấy..."

Mẹ còn định kể nữa, nhưng chú Tiến hãm lại, cười như có vẻ đắc ý:

"Bà ấy bây giờ lẫn rồi. Bị huyết áp một trận, xong thành ra lẩn thẩn. Toàn vào nhà vệ sinh, bốc cứt bỏ vào nồi để dành, bảo là thịt đông. Con dâu bà ấy chốc chốc lại phải đi mua nồi mới. Xong vụ ấy,

nhà thỉnh thoảng vẫn cứ thối um lên, quét dọn, tẩy uế kiểu gì cũng không sạch. Cuối tháng mở tủ ly tìm đồ mới thấy chật ních những giấy chùi đít, mà tờ nào cũng vuốt thẳng thớm, bó thành bó chỉnh tề nhé. Lúc đem vứt đi, bà ấy ứa nước mắt, bảo đấy là tiền, xót xa bỏ cơm mấy ngày, suýt chết đấy!"

Mẹ cười chảy nước mắt. Mẹ và chú Tiến nói chuyện nhà cũ xem ra có vẻ hợp giọng, như thể hai người chưa từng có xích mích hồi còn ở chung nhà. Một dạo nước hiếm, trưa nào mẹ cũng mất ngủ, rình xem chú Tiến có múc trộm vài gáo nước dự trữ, rửa chân. Mẹ bắt quả tang mấy lần, nhưng là chị dâu em chồng, nói ra sợ bị mang tiếng tủn mủn, mà càng để bụng càng hậm hực. Vợ chú Tiến khi quét nhà hay hắt rác qua cửa nhà Giang. Còn mẹ mỗi lần nhóm bếp than lại ngồi đầu gió, làm khói bay cả sang nhà chú Tiến...

Bà đến. Tay xách nách mang mấy túi hoa quả, vàng hương, lại cả một bó hồng nhung đỏ thẫm. Mẹ xuýt xoa chạy lại đỡ. Chú Tiến hỏi:

"Bà thăm cựu hàng xóm thấy thế nào ?"

Bà thở dài :

"Bà Thọ lẫn quá rồi, chả nhận ra tôi nữa. Mấy đứa nhà bà ấy làm ăn được. Thằng Du, bằng tuổi cái Giang nhà mình đây, sắp vào đại học rồi. Tôi qua chỗ nhà cũ, họ phá hết cả đi mà lại không xin được giấy phép xây dựng, trông tiêu điều quá!"

"Ngu!" Chú Tiến bình luận "Giá cứ để thế, sửa chữa nội thất hiện đại rồi cho Tây thuê cũng được ối tiền."

"Chặt cả cây hồng xiêm rồi hả bà ?" Giang hỏi.

"Cái cây ấy giống hồng Xuân Đỉnh đấy, quả ít nhưng ngọt lắm!" bà nói, giọng như nuối tiếc. Chính tay bà đã trồng cây ấy. Gốc cây chôn cuống nhau của Giang, bố lấy ở bệnh viện về, vào đêm tháng mười hai. Bà bảo đêm ấy mưa lạnh lắm, chôn xong cái nhau, cả bố và bà ướt hết, cóng cả người.

"Cháu chơi ở chỗ cái cây ấy suốt mà không biết!" Giang ghé vào bên bà, "Cháu chỉ nhớ là hồi cháu thay răng, mẹ cháu lấy cái răng cũ quẳng lên mái nhà. Mẹ cháu còn dạy cháu đọc :õChuột chuột chí chí, tao cho mày cái răng này, mày trả tao cái răng khác, ba ngày thì mọc, bẩy ngày thì bằng.õ Cháu cứ tin là chuột mang răng đến thật cơ. Buồn cười, cháu sợ đau, không cho mẹ cháu nhổ răng. Mẹ cháu buộc chỉ vào cái răng lung lay, rồi buộc đầu chỉ kia vào chấn song cửa sổ, cái chấn song màu xanh ấy bà nhớ không. Mẹ cháu bảo cháu chạy đi,

nhưng sợi chỉ hơi căng là cháu sợ đau đứng ngay lại. Mãi không nhổ được, mẹ cháu giận quá, còn cháu thì khóc hu hu vì sợ. Cuối cùng cháu ăn cơm với lạc, thế là cái răng rơi ra..."

Giang kể, kể mãi. Như thể những con chuột nhắt tinh nghịch ngày nào nối nhau cõng về từng mẩu hình ảnh trong ngôi nhà cũ. Mái ngói nâu thẫm, cũ kỹ dột nát, những đêm mưa, bố mẹ phải dậy chăng nilông trên đình màn che cho Giang ngủ. Cây hồng xiêm suốt ngày bị bọn trẻ quần đảo, đứa nào tìm được quả chín được ưu tiên cho ăn nửa quả, còn nửa quả cả bọn còn lại chia nhau, cắn mỗi đứa một mẩu, thật đều. Những trưa mùa đông giấu mẹ, ngủ cùng con chó nhỏ trong chăn bông. Bức tường ngăn xám xịt trước nhà phơi đầy những xâu hạt bưởi để dành đốt đêm Trung thu. Đêm giao thừa nào Giang mười bốn tuổi lẻn ra sau nhà, bí mật và thành kính đốt mảnh giấy mang ước nguyện đầu tiên...

Mấy nén nhang trên ban thờ cháy uốn cong lại rất đẹp. Mẹ giục Giang ra lễ ông. Ông mất đã lâu, Giang chưa bao giờ thấy mặt, chẳng biết khấn thế nào. Mẹ, chú Tiến thì khấn ông y như khấn thổ công, thổ địa, thần tài..., rất thành kính, nhưng rặt những cầu xin. Không ai nghĩ phải hỏi thăm ông về cuộc sống "ở dưới đó" buồn vui thế nào. Người chết là yên phận, chỉ có người sống mới lắm lo toan... Chú Tiến giục mẹ hạ mâm, ăn xong để còn đi làm. Bà nhắc :

"Tôi mua cả mấy chục hồng xiêm đấy, tí nữa nhớ chia cho chúng nó. Hồi trước nhà có cây, nhìn chúng nó tranh nhau thấy tội."

Mẹ bảo :

"Bây giờ chúng nó kén lắm. Con cứ tưởng chúng nó thích, mua hồng xiêm mấy lần, nhưng mà để mốc lên cũng chả đứa nào sờ đến. Cứ chê là không ngon."

Bà thở dài. Cả nhà quây quanh chiếc bàn ăn mới đầy ắp cỗ, vừa ăn, vừa tranh nhau nói chuyện. Chả mấy khi có dịp tụ hội vui vẻ thế này. Giang, đã quên bẵng chuyện nhà cũ, liến thoắng đối đáp với đứa em họ về mốt... Hương gần tàn. Mấy tấm hình thờ mờ đi dưới làn khói mỏng. Dường như chỉ có hình ảnh ấy là vẫn y như hồi ở nhà cũ. Ngôi nhà cổ, mái ngói âm dương phủ rêu, có cả đắng chát và vị ngọt đã qua của những quả hồng xiêm ngày cũ.../.

PHẠM HẢI ANH



TRẦN MỘNG TÚ

Thornbird

Cho em yêu bằng trái tim của anh
Cho em thở bằng hơi anh thở
Cho em gọi tên anh bằng thanh quản của con chim Thornbird
Để em hiểu thế nào là sự ngọt ngào của những mũi gai

Cho em uống cạn những giọt nước trong mắt nhau
Để em biết tập nếm những giọt lệ của thương đau
như thiền sư nhấp một ngụm trà

Cho em ngủ giữa mảnh đêm vỡ nát
bằng đôi mắt không nhắm của một loài chim đêm
Để lúc nào em cũng nhìn thấy hình ảnh của đôi ta qua cái vòng tròn võng mô trong suốt

Cho em hôn lên những sợi tóc bạc của anh
Để em đổi trăm năm cho một ngày hạnh phúc

Cho em áp mặt vào những vết đồi mồi trên bàn tay anh
Để em hiểu là ngày xuân đã đi qua
nhưng tình yêu thì bốn mùa viên miễn

Cho em sống
em yêu
em thở
bằng chính trái tim, lồng ngực của riêng anh

Và, cuối cùng

Hãy cho em chết như
loài chim Thornbird

TRẦN MỘNG TÚ
Sept.25/2000



LÂM CHƯƠNG

Lỗi tại tôi mọi đàng



Mùa xuân năm 85, tôi về quê. Quê tôi ở Gò Chùa, nằm trên liên tỉnh lộ, nhưng vẫn là nhà quê. Tôi bốn mươi ba tuổi, tóc đã có nhiều sợi bạc. Tôi không có tiền, không nghề nghiệp, sống nương tựa vào ba tôi.

Ba tôi bảy mươi hai tuổi, là người tàn phế. Ông mất cánh tay phải trong thời kỳ chiến tranh. Hiện nay, ông sống nhờ vào tiền của anh tôi, gởi về từ Canada. Số tiền này, chỉ đủ ăn tiện tặn. Muốn mua sắm những thứ lặt vặt trong gia đình, ba tôi nuôi con heo nái, và nấu rượu. Nấu rượu không có lời, nhưng có hèm trộn chung với cám, làm thức ăn cho heo. Mỗi năm, bán được mấy lứa heo con, cũng được đồng ra đồng vào.

Hàng ngày, tôi đi quanh quẩn lối xóm, mặt mày ủ dột. Không nghĩ ra việc gì làm, để khỏi bám vào ba tôi. Tôi đói lắm. Đói nhiều năm, trước khi về đây. Tôi cần ăn mà mỗi lần bưng chén cơm, tôi như mắc nghẹn. Tôi còn đầy đủ tay chân, làm sao thanh thản nuốt miếng cơm của người cha già tàn tật?

Tôi đi ra đồng, lủi vào rẫy mía, hái những thứ rau sam, rau diệu mọc hoang. Gió lay cờ mía bay trắng đồng, vướng cả trên đầu, trên áo tôi. Loài chim sâu luýt chuýt kiếm ăn trong mía, thấy có người bay vụt lên. Lúc tôi chui ra, gặp ông cụ vác cuốc đi tới.

Cụ hỏi: "Làm gì trong ấy?"

Tôi cầm bó rau giơ lên.

Cụ nói: "Rau dại ư? Đứng đó."

Cụ lủi ngay vào rẫy mía, lối tôi vừa chui ra. Cụ không tin tôi, muốn kiểm soát xem có cây mía nào bị bẻ trộm. Mặt tôi ra sao, mà ai cũng nghi ngờ trộm vặt? Tôi nghĩ, con người có cái vận. Khi vận mạt thì ám khí tràn lên làm con người bệ rạc, che lấp cái vẻ đường hoàng khả tín. Có phải mặt tôi tôi bây giờ như thế?

Cụ già chui ra, dịu giọng: "Lần sau, đừng vào rẫy."

Tôi nín thinh bỏ đi.

Tôi đem rau về, giấu sau hè. Lúc ba tôi đi khỏi, tôi luộc rau ăn thêm. Nhiều lần như thế. Có lần ba tôi về bất ngờ, thấy tôi đang chấm rau với nước mắm. Không giấu được nữa, tôi gượng cười. Ba tôi đứng sửng nhìn tôi, rồi quay đi không nói gì. Tôi vừa xấu hổ, vừa tủi thân.

Buổi tối. Dưới ngọn đèn dầu, ba tôi ngồi quấn thuốc rê. Ông xe tròn điếu thuốc trên mặt bàn, bằng bàn tay còn lại. Tôi ngồi trong góc tối, nhìn sự thiếu hụt một phần thân thể của ông. Tôi nghĩ, không phải chỉ có thế. Nó còn ảnh hưởng rất lớn đến sự thiếu hụt của tâm hồn, đưa đến buồn chán an phận một kiếp người. Dì tôi đi ngủ rất sớm. Dì ngủ và thức cùng giờ với gà. Trời mới chạng vạng, gà đã vào chuồng. Ba bốn giờ khuya, gà gáy báo hiệu bình minh. Dì thức dậy, không để làm gì cả. Dì chong đèn ngồi lặng cho đến khi trời sáng. Tôi gọi mẹ kế bằng dì. Mẹ ruột tôi mất. Năm năm sau, ba tôi rước dì về làm vợ. Lúc đó, tôi mười ba tuổi. Dì ở với ba tôi, ba mươi năm không có con. Miệng đời xoi mói, rằng trước khi về với ba tôi, dì đã lang chạ với nhiều đàn ông. Dì ít nói đến độ tôi không biết tình cảm của dì ra sao. Dì không nói câu gì làm tôi buồn, cũng không tỏ thiện cảm với tôi.

Tôi về hai mươi mốt ngày, ba tôi bán lứa heo con. Tiền bán heo, cất trong tủ. Xâu chìa khoá treo ở cây đinh, khuất sau tủ.

Mấy ngày sau, ba tôi nói: "Tiền bán heo mất sạch rồi."

Dì nhìn tôi, dò xét.

Tôi không biết nói sao, bỏ ra ngoài hiên, ngồi hút thuốc. Dưới chân tôi, những con kiến đen đi tìm mồi. Nắng xế chiều xuân gay gắt lắm. Trời cao và xanh, gợn vài cụm mây nhỏ. Nỗi đời hốt biến như mây chó.

Một bà quảy gánh đi ngoài đường, hỏi vọng vào: "Có đồ gì cũ, bán không?"

Tôi nói: "Có tôi. Mua tôi không?"

Bà nói: "Mặt không đáng đồng xu."

Tôi chợt nhớ có mấy cái muỗng nĩa bằng inoque, và đôi dép nhựa đứt quai.

Tôi gọi: "Bà ơi, vào đây."

Bà cầm muỗng nĩa lên coi: "Tất cả mười đồng."

Tôi nói: "Mười lăm."

Bà quảy gánh lên vai.

Tôi nói: "Mười đồng, lấy đi. Còn đôi dép?"

Bà nói: "Cho thì lấy. Không mua."

Tôi cất tiền trong túi, bâng quơ nhìn đàn gà bươi dưới gốc hàng rào cây dâm bụt. Nhà đang dọn cơm chiều. Tôi bỏ đi lang thang. Chiều tối mịt, tôi ghé quán cà phê. Cà phê sữa, mười hai đồng. Cà phê đen, tám đồng. Tôi uống cà phê đen. Dư hai đồng, tặng luôn cho cô gái chạy bàn. Quán vắng. Bóng đèn nhỏ bằng đầu ngón tay, dùng điện bình acquy, ánh sáng mờ mờ buồn thảm. Tôi ngồi im lặng. Ly cà phê đã hết từ lâu. Tôi ngồi im lặng như thế, thật lâu. Buồn tay, tôi quậy chiếc muỗng chạm lanh canh trong cái ly không.

Cô gái hỏi: "Chú dùng thêm gì?"

Tôi lắc đầu.

Cô lại hỏi: "Có phải chú là cái chú gì cải tạo mới về đó không?"

Tôi nói: "Phải rồi."

"Được về thì mừng. Sao chú buồn?"

Tôi nói một câu rẻ tiền: "Đời chẳng có gì vui."

Nói xong, tôi chào cô gái, và ra khỏi quán.

Ba tôi ngồi ngoài hiên chờ tôi về. Đèn trong nhà hắt sáng yếu ớt sau lưng, làm khuôn mặt ông tối hẳn, như cái bóng đen in trên nền phong hư ảo.

Ba tôi nói: "Còn chừa phần cơm cho con."

Tôi đói lắm, nhưng nói: "Con không đói."

Ba tôi nói: "Con đừng làm thế. Ba không nghi cho ai cả."

Tôi nghĩ, thân phận tôi, ai cũng nghi ngờ là kẻ gian. Chỉ có ba tôi tin tôi.

Ba tôi nói tiếp: "Ba đã biết người lấy tiền."

Tôi nghĩ, ba tôi hiểu tôi là đủ rồi.

Ba tôi kể: "Ba dời cái ổ gà đẻ, phát giác ra số tiền cất giấu dưới đáy ổ gà. Dì con nói, ăn ở với ba không có con. Sợ khi chết không ai lo, nên tự lo trước cho mình. Dì con muốn mua bộ táng đá xây mả."

Tôi gục đầu. Xót cho ba tôi. Xót cho Dì. Xót cho tôi. Ai cũng muốn làm người tốt, hoàn cảnh cứ xô vào ngỏ cụt.

Ba tôi, và tôi ngồi đấy. Đêm xuân mà đất trời mờ mịt, oi bức. Muỗi bay vo ve bên tai. Ngoài đường, toán du kích xã đi tuần ngang qua. Họ cười nói oang oang. Súng đạn khua lách cách. Bên nhà hàng xóm, có tiếng chó sủa.

Tôi nói: "Con muốn gặp Minh, giải quyết vấn đề một lần cho xong."

Ba tôi nói: "Đừng. Thằng bồ của nó sẽ đưa con vào tù đấy."

"Con không làm điều gì rắc rối."

"Cũng đừng. Ngày con đi tù, nó còn trẻ quá không chờ được. Không phải lỗi tại nó đâu."

Không phải lỗi tại nó đâu. Lỗi tại ai? Tôi hỏi lòng tôi như thế. Đêm xuân mà đất trời mờ mịt. Tôi dõi mắt nhìn xa hơn, chỉ thấy mờ mờ như ảo giác. Tất cả đều là ảo giác, đều là phù du, kể cả đời này.

Ngày mồng tám tháng ba, Dì tôi làm bữa ăn ngon. Thịt cá rau cải chiên xào đầy đủ. Dì không tuyên bố một lời.

Ba tôi nói: "Hôm nay, mừng tuổi sáu mươi tư cho dì của con."

Tôi nắm hai bàn tay, đưa lên trán rất trịnh trọng: "Con chúc dì sức khoẻ tốt, sống lâu trăm tuổi."

Dì nói: "Già quá, chỉ khổ thân. Lúc nào mắt loà tai điếc, chết đi là vừa."

Tôi ăn. Và nghĩ đến những điều giả dối. Mọi người rõ mặt nhau, mà không rõ lòng nhau. Tội nghiệp dì tôi. Sáu mươi tư tuổi, dì vẫn cô đơn khép kín trong nhà này. Ba tôi cũng cô đơn bên người đàn bà khép kín. Tôi thì quá đau khổ hận đời. Bộ mặt lầm lì, còn gần gũi được với ai?

Chúng tôi đang ăn, có anh du kích đứng trước cửa, hỏi lớn: "Ở đây có ai tên Lâm?"

Ba tôi buông đũa đi ra: "Nó là con tôi. Có chuyện gì không?"

Du kích chìa tờ giấy: "Có giấy mời lên xã."

Ba tôi cầm tờ giấy quay vào, thắc mắc: "Không biết chuyện gì?"

Tôi nói: "Chuyện gì cũng vậy thôi."

Ba tôi nói: "Đụng tới bọn này phiền lắm."

Từ lúc nhận giấy mời, bữa ăn mất ngon. Dì tôi không nói câu gì.

Tôi lên xã, và trở về chuẩn bị ngày mai đi công tác thủy lợi.

Ba tôi hỏi: "Tù mới về, còn trong thời hạn quản chế. Sao bắt đi thủy lợi?"

Tôi nói: "Mỗi địa phương có một ông vua con, áp dụng luật rừng xanh."

Ba tôi than: "Toàn là luật lệ chết người."

Tôi nói: "Trong tù lao động, có cơm tù. Về đây lao động, lấy gì ăn?"

Ba tôi lặng lẽ vào nhà bếp, xúc cho tôi bọc gạo, gói vài con cá khô, nhét chút tiền đi xe.

Tôi ngồi xe Lam đi Bến Mương, lội bộ hơn cây số đường đất là vào tới chỗ công tác thủy lợi. Nhiều người đến trước, đang dọn chỗ trong căn nhà trống. Có lẽ xưa là nhà hội của dân Bến Mương. Phía trái cách căn nhà vài chục bước có cây đa già, độ tuổi cũng trăm năm. Tàng cây cao rộng, phủ một vùng bóng lớn. Trên nhánh cây thòng xuống những rễ phụ, đâm xuống đất. Nhiều rễ lâu năm, to bằng cột nhà.

Toán thủy lợi gồm hai mươi tám người. Đàn ông đàn bà, già trẻ đủ mặt. Toán chia làm hai nhóm. Mỗi nhóm có một nhóm trưởng. Tôi bốn mươi ba tuổi, già nhất, được chỉ định làm toán trưởng. Làm toán trưởng cũng là làm chơi thôi. Mọi sự đôn đốc kiểm soát đã có đốc công. Bốn đốc công, coi hai mươi tám người. Lại có thêm một đốc công trưởng, coi bốn đốc công. Ông này có súng K54, mang bên hông rất oai. Tổ chức chặt chẽ qua nhiều tầng lớp kiểm soát, nhưng khi bắt đầu làm việc thì tất cả đốc công đều vắng mặt. Họ vào xóm Bến Mương, ăn nhậu hoặc tán gái. Chúng tôi cầm xẻng cuốc đứng dưới hào, thỉnh thoảng hất một xẻng đất lên, vá những chỗ đê vỡ. Làm việc ầu ơ lấy có. Phần lớn thì giờ là nói chuyện tầm phào, kể chuyện tiếu lâm. Mấy chị đàn bà rất thích nghe chuyện tục. Họ cười nhiều nhất.

Đến trưa, mọi người tự động ngưng làm, vào nấu ăn. Gạo để chung, đồ ăn chung. Đàn bà lo nấu nướng. Đàn ông ngồi hút thuốc tán gẩu, chờ cơm.

Tôi mắc võng vào hai chiếc rễ phụ của cây đa, tránh sự ồn ào trong căn nhà trống.

Một chị nói: "Nằm đây nguy lắm. Cây này có nhiều rắn lục."

Tôi nói: "Chỉ nằm nghỉ trưa."

Chị nói: "Ừ. Ban đêm thì không nên."

Buổi chiều. Hai mươi tám người ra đê, chống cuốc xẻng phơi nắng vài tiếng đồng hồ, lại vào nghỉ.

Sau một ngày rong chơi, các đốc công trở về. Có người nồng hơi rượu. Họ ra đê kiểm soát công việc.

Lúc trở vào, có người nói: "Thời gian có hạn. Bà con làm thế thì bao giờ cho xong? Mai cố gắng lên nhé."

Một chị trẻ, trề môi nói: "Đợt này không xong. Đợt sau làm tiếp."

Anh đốc công đi lại, vỗ vào đít chị trẻ: "Lắm lời chanh chua cong cớn này!"

Chị trẻ vênh mặt : "Thì sao?"

Anh đốc công cười hì hì, cúi sát mặt chị trẻ: "Tối nay phạt cái tội lười biếng."

Chị khác xía vào chuyện: “Mười người như anh, nó cũng không sợ.”

Anh đốc công hỏi: “Em sợ không?”

Chị nói: “Cỡ anh, tôi chấp hai chục.”

Bọn đàn ông vỗ tay cười đùa.

Cơm chiều xong. Những anh đốc công theo tán tỉnh mấy chị đàn bà. Vài chị đi với họ suốt đêm. Số còn lại, ngủ trong căn nhà trống.

Nhiều đêm khó ngủ, tôi thấy có kẻ lén chui vào mùng người khác. Có một cặp, đêm nào cũng dìu nhau ra gốc cây đa. Vài hôm sau, tôi biết chị đàn bà doạ tôi có rắn lục, là người được dìu ra gốc cây đa, lúc nửa khuya. Chị không sợ rắn lục.

Gần sáng. Tiếng gà gáy vẳng lại từ xóm Bến Mương, là lúc những kẻ lộn sòng trở về đúng vị trí của mình. Công việc thủy lợi lại bắt đầu, như mọi ngày bình thường.

Ngày thứ mười lăm, ông đốc công trưởng tuyên bố: “Hôm nay là ngày cuối cùng, tôi cho bà con nghỉ việc buổi chiều. Trước khi chia tay, tôi đề nghị bà con tuỳ khả năng mỗi người, đóng góp chút tiền hùn mua vài con gà và lít đế, làm tiệc liên hoan mừng công tác tu sửa hệ thống thủy lợi, đã tiến hành thuận lợi và hoàn tất tốt đẹp. Có ai có ý kiến gì không?”

Mọi người vỗ tay tán thành lời đề nghị văn hoa của ông đốc công trưởng.

Kiểm lại số tiền đóng góp xong, ông chỉ định: “Anh toán trưởng đi mua gà với tôi.”

Tôi nói: “Vâng.”

Trên đường vào xóm Bến Mương, ông đốc công trưởng nói: “Anh ít nói nhỉ?”

Tôi trả lời: “Tôi không có gì để nói.”

Chúng tôi hỏi mua gà nơi nhà của một người quen với ông đốc công trưởng. Ông gọi người này là anh Sáu Lự. Anh chịu bán, và bảo vợ lo chuyện bắt gà. Chị Sáu Lự ra sân rải thóc, chu miệng gọi: “Chúc chúc chúc...”

Đàn gà đang kiếm ăn rải rác ngoài vườn, nghe tiếng gọi, chạy về mổ thóc trên sân. Có con gà trống lớn không lo ăn, chỉ lo dụ khị con gà mái tơ để đạp mái. Sau khi thoả mãn, nó vỗ cánh, vươn cổ gáy ò ó o ò o...

Ông đốc công trưởng cười nhìn chị Sáu Lự, và bắt chước giọng gà: “Đời có thế mà thôi..!”

Chị Sáu Lự cũng cười, mắng: “Đồ quỷ quái!”

Quả thật là đồ quỷ quái. Đời có thế mà thôi. Sao tôi cứ loay hoay

buồn rầu khốn khổ với đời?

Sau đợt công tác thủy lợi. Tôi về vẫn y như tình trạng cũ. Buồn nản. Quẩn trí.

Ba tôi đưa bộ truyện Tiếu Ngạo Giang Hồ của Kim Dung, bảo: "Đọc đi."

Tôi nói: "Còn tâm trí đâu mà đọc."

Ba tôi nói: "Thằng Lệnh Hồ Xung bị cả hai phái hắc bạch giang hồ chối bỏ, đến nỗi phải than trời đất mênh mông mà ta không còn chỗ dung thân, nhưng cuối cùng nó cũng đâu có chết."

Tôi nói: "Chuyện hư tưởng, đọc để mua vui. Không thể lẩn lộn giữa thực và mộng."

Ba tôi nói: "Không sống với thực được, thì trốn vào mộng. Đau khổ mãi ích gì?"

Tôi nói: "Con đang suy tính một việc làm."

Ba tôi bảo: "Hãy viết thư sang Canada cho anh con."

Tôi nói: "Người ta chỉ giúp ngặt, không giúp nghèo."

Ba tôi nói: "Đây là lúc ngặt của con."

Ông đưa giấy, bút cho tôi. Tôi viết:

Ấp Gò Chùa ngày... tháng... năm...

Kính gởi anh chị Hai,

Trước tiên, em có lời thăm anh chị và chúc sức khoẻ.

Ở nhà, Ba và Dì vẫn khoẻ. Vẫn nuôi heo, nấu rượu bình thường.

Sau đây, em xin nói về phần em. Em đi cải tạo mười năm, có tiến bộ về mặt tư tưởng. Được Đảng và nhà nước khoan hồng cho về với gia đình, góp phần xây dựng xã hội mới. Hiện tại, em chưa được bố trí việc làm. Vì vậy, đời sống chưa được đảm bảo tốt. Em mong anh chị vì chút tình ruột thịt mà giúp cho em một số tiền để sống, và chờ đợi...

Một lần nữa, em xin chúc anh chị bình yên, vui tươi, hạnh phúc.

Giấy ngắn tình dài, em xin dừng bút tại đây.

Em của anh chị.

(Ký tên)

Tái bút: Vợ em thì coi như diều đứt dây rồi. Không còn gì để nói.

Tôi đưa lá thư cho ba tôi đọc lại. Đọc xong, ông vò lá thư, ném vào lò nấu cám heo.

Ba tôi nói: "Nó sợ Đảng và nhà nước, mà bỏ chạy. Viết thế này thì một xu cũng không được."

Tôi lặng người. Có một nỗi gì thấm thía của gã ăn mày bị từ khước.

Lúc ấy, dì tôi đi đâu bên ngoài vừa về tới.

Dì nói: "Cô Bảy Mỹ Quang nhắn con sang nhà, bàn chuyện gì đấy."

Cô Bảy là em họ của ba tôi. Trước kia, cô là chủ tiệm Mỹ Quang buôn bán đồ điện ở Sài Gòn. Sau hai đợt đánh tư sản mại bản, cô sạt nghiệp phải lui về Gò Chùa, làm bún kiếm ăn qua ngày. Con trai của cô, làm ở Phủ Đặc Uỷ Trung Ương Tình Báo, đi cải tạo chưa về. Còn đứa con gái theo chồng vượt biên, biệt tăm luôn. Nhiều người cho rằng, vợ chồng con gái của cô đã chui vào bụng cá mập.

Cơm chiều xong, tôi sang nhà cô Bảy. Dượng Bảy lúi húi nấu nước pha cà phê.

Cô Bảy nói: "Con được về là gia đình mừng. Nhưng ba và dì của con cho biết, con mặc cảm có ăn mà không có làm. Cô có công việc cho con."

Tôi mừng, đợi nghe cô nói tiếp. Dượng Bảy đem hai ly cà phê đặt lên bàn. Dượng cười. Hàm răng cửa chỉ còn mấy chiếc trơ vơ thảm hại.

Dượng nói: "Con phụ làm bún với dượng."

Tôi nhận lời ngay. Đối với tôi bây giờ, việc gì cũng được.

Buổi sáng. Cô Bảy ngồi bán bún ở chợ. Tan chợ, cô gánh bún đi lòng vòng lối xóm, đổi gạo. Dượng Bảy và tôi ở nhà xay bột, bồng bột.

Buổi chiều. Cô Bảy về nhà, Dượng và tôi lại nhồi bột, nắn lại từng khối tròn như trái banh. Luộc bột trong một cái trã lớn. Cô Bảy vớt khối bột ra, cho vào cối. Dượng và tôi chèo bột, dùng sức đến đổ mồ hôi. Rồi nắn bột thành những khối hình trụ, cho vào cối ép thành sợi. Việc này, cần sức nặng mà Dượng và tôi đều ốm nhom, phải bê thêm cái cối dằn lên cho tăng phần trọng lượng. Sợi bún chảy xuống nồi nước đang sôi. Lại trút bún ra, cho vào nước lạnh. Cô Bảy ngồi vớt con bún rê thành từng lọn, là lúc dượng và tôi ngồi thở. Sau đó, tôi gánh nước luộc bột về cho ba tôi nuôi heo. Ít ra, trong nước luộc cũng còn vương chút bột, góp phần làm con heo mau lớn. Công việc loay hoay mệt nhọc như thế, xong xuôi vào lúc nhà lên đèn.

Cô dượng làm bún chỉ đủ ăn. Tôi làm bún để có ăn, không có lương. Lâu lâu, cô Bảy cho bánh thuốc rê, và cuộn giấy quyến.

Mấy hôm nay, có gánh hát Cải Lương Hồ Quảng ghé xã. Cô Bảy cho tiền bảo tôi đi coi. Tôi đi trong màu trăng. Bầu trời trong vắt, và trăng sáng lắm. Bóng tôi in trải trên đường. Chỉ một mình tôi với bóng. Buồn và cô đơn khủng khiếp. Tôi đi đến chỗ có ánh đèn điện sáng choang, người người đông đảo lao xao. Hội trường được che chắn

chung quanh làm rạp hát. Phía trước, dựng lều căng bạt, bán cà phê, nước giải khát, bánh kẹo, thuốc lá và thức ăn. Người ta chen chân nhau vào cửa rạp. Tôi không muốn vào. Tôi đi loanh quanh. Lòng tôi nguội lạnh, lẻ loi. Cuối cùng, tôi ngồi dưới một mái lều bán cà phê. Cô bán hàng là người quen, tên Giang. Giang là bạn của vợ tôi. Trước kia, Giang làm ở Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam. Thời thế thay đổi, Giang đem con về sống ở quê. Chồng vượt biên sang Mỹ, nghe đâu đã có vợ khác rồi.

Giang bưng cà phê cho tôi, rồi ngồi ở phía sau chiếc bàn bày hàng.

Giang hỏi: "Anh về có khoẻ không?"

Tôi nói: "Khoẻ."

Giang lại hỏi: "Có gặp chị Minh không?"

Tôi lắc đầu: "Thuộc về quá khứ rồi. Gặp làm gì nữa."

Giang nói: "Chị Minh cũng vì hoàn cảnh."

Tôi nói: "Một trăm người đàn bà phụ bạc, cũng đổ thừa hoành cảnh. Chồng em có liên lạc về không?"

Mắt Giang thoáng chút xa xôi buồn bã: "Coi như nước xuôi ra biển, không trở lại nguồn."

Tự nhiên tôi thấy tội nghiệp Giang hết sức. Tôi nghĩ, tôi với Giang là người đồng cảnh, dễ tội nghiệp cho nhau.

Tôi hỏi: "Em dọn hàng về lúc nào?"

Giang nói: "Thưa người là em dọn."

Tôi hỏi: "Đồ đạc nhiều quá, làm sao một mình em đem hết?"

Giang nói: "Em đi làm hai lần."

Tôi nói: "Anh sẽ phụ với em. Một lần là xong."

Giang ngại: "Có phiền anh không?"

Tôi nói: "Phiền gì? Anh cũng đang rỗi rảnh."

Có mấy người khách ngồi vào bàn cà phê. Giang lo tiếp khách. Tôi đứng dậy bỏ đi. Tôi đi vòng ra phía sau hội trường. Có những cặp tình nhân đứng nép vào nhau, dưới những gốc cây. Tôi nghĩ, ở đâu người ta cũng có thể nói chuyện tình yêu. Cái thứ tình cảm quỷ quái này, nó đánh lừa tất cả. Mới đầu tưởng nó là hạnh phúc, nhưng sau đấy là những thất vọng chán chường đau khổ. Tôi cũng thế, tôi cũng bị lừa.

Khi tôi quay lại chỗ Giang. Giang nói: "Tối nay em nghỉ sớm."

Tôi phụ Giang xếp những đồ đạc lên xe ba gác. Một xe cồng kềnh đầy nhóc.

Tôi hỏi: "Còn cái bàn, chắc phải đi thêm chuyến nữa?"

Giang nói: “Để lại. Ngày cuối cùng dỡ lều, sẽ đem về luôn.”

Giang cầm càng xe. Tôi đẩy ở phía sau. Trên đường về, trăng sáng lắm. Dọc đường, Giang kể về cuộc sống vất vả sau ngày chồng bỏ đi. Tôi kể chuyện làm bún. Giang đùa, rằng tôi có cái tướng của ông chủ lò bún tương lai. Giang và tôi cùng cười. Nói chuyện với Giang, tôi nghe lòng mình ấm lại.

Đến nhà, Giang bảo: “Để nguyên như thế. Cho cả chiếc xe vào nhà. Mai lại đem đi.”

Tôi đứng tần ngần. Nửa muốn nán lại, nửa muốn về.

Giang đến gần tôi, hỏi nhỏ: “Có ai chờ anh ở nhà không?”

Tôi nói: “Không.”

Giang nói như nói thầm: “Thế thì nghỉ lại đây với em.”

Tôi quàng vai Giang.

Giang vùng ra: “Cho em đi tắm.”

Tôi ra đứng ngoài sân, nghe tiếng dội nước sau hè. Tôi hình dung ra thân thể nở nang của người đàn bà một con, da thịt trắng ngần loang loáng nước, dưới trăng. Tôi háo hức đợi chờ. Lúc sau, tôi bước vào nhà. Giang mặc áo cánh mỏng, đang lúi húi khơi lại ngọn đèn. Tôi ôm ghì lấy Giang.

Giang nói: “Từ từ, anh...”

Tôi thổi tắt phụt ngọn đèn, dìu Giang đến chiếc giường, nơi có ánh trăng mờ mờ xuyên qua đầu hồi. Tôi ôm Giang, vuốt ve hôn hít. Giang thở dồn dập. Tôi cũng thở dồn dập. Bao nhiêu rạo rực dục tình dồn nén trong mười năm trời, bỗng tuôn ra tháo đổ khi chưa kịp cổi áo quần. Tôi xấu hổ, cố giấu Giang. Tôi lặng đi một lúc, rồi tiếp tục vuốt ve hôn hít, mong mau chóng hâm nóng lại dục tình. Nhưng bất ngờ Giang sờ tay xuống dưới, đụng phải vật mầm nhũn.

Giang xô tôi ra, và kêu lên: “Em biết tại sao chị Minh bỏ anh rồi.”

Tôi hoảng hốt: “Không phải thế đâu.”

Giang vùng dậy, thắp đèn: “Em xin lỗi. Anh về đi.”

Tôi đi về trong đêm trăng sáng. Trời không sương, mà đôi vai lành lạnh. Khuya vắng đến rợn người. Tôi nghe rõ cả tiếng côn trùng rên rỉ. Buồn và cô đơn khủng khiếp. Tôi tự trách mình. Đời vẫn dành cho tôi nhiều ưu ái. Tại tôi làm hư việc. *Lỗi tại tôi mọi đàng*. Tôi đi. Bóng tôi in trải trên đường. Chỉ mình tôi với bóng.

LÂM CHƯƠNG



ĐINH TRƯỜNG CHINH

Mật ngôn mùa thu

Đêm cháy chậm những que diêm
vẫn những cánh rừng rượt chạy trên xa lộ chếch mù
vẫn hai hàng cây ngã tóc xuống mặt đường mưng rêu mùa thu
làm sao hiểu được sự có mặt của mùa hè
nhiễm khuẩn trong ta cơn ung thư loài vi trùng lạ.
Sự bội phản đồng nghĩa với hạnh phúc ở một mối tình khác
trong bóng đêm chao nghiêng trí nhớ
như que diêm cháy xém tay
rượu đọng mắt em rực hai hàng nến phố .

— một thành phố mười năm vẫn rất lạ
Ta như loài cỏ mọc hoang trên trí nhớ mình
còn đây những con chữ đẻ rơi trên cánh đồng giấy trắng
làm sao hiểu được sự hình thành cuối cùng của chúng
như ta cũng chẳng bao giờ hiểu giấc mơ mình
cháy ngút lửa .
Hãy sống với con vi trùng và sự bội phản
như Em đã cháy xém ta cuối muà xanh lá.
Có góc phố nào về ngồi và chết ở đó
như ngẫu nhiên ngọn cỏ mọc lên rồi tàn rữa
như tình yêu ngẫu nhiên trũng trống nổi buồn không tiếng động
như bức tranh đen đặc hố sâu
xô ta cùng xuống vực .

•

Góc phố ngồi những hàng ghế mùa thu nay trống thênh trên mặt đất
Ta vẫn giật thót người vẫn xanh xao chờ đợi
vẫn đam mê làm tình nhân
khi cuộc chơi còn đầy nhau ở cánh cửa sau
vẫn thở rũ rượi như thi sĩ
Ôi loài thi sĩ còn ngái ngủ trong cơn mưa run run đầu mùa.
Hành lang trắng nơi trí nhớ dốc ngược bằng trừu tượng, lập thể, dã thú
những bức tranh thành hình ở đó
bó hoa lạnh lẽo cuối góc phòng nhắc nhở sự vắng mặt
chỉ bày lại đây những chân dung
có mặt ở một kiếp khác
rạn nẻ mặt đất hung hãn
cùng tiếng sét ngày giông tháng chín
tiếng khóc đầu đời ngoài không gian nổi loạn
đọng giọt nước thủy tinh
cứa đứt ta .

Cỏ vẫn mọc vẫn mọc vẫn mọc
như những sợi lông đâm từ thân ta cùng vô vàn côn trùng mùa hạ
như những con chữ mọc hoang từ lòng giấy trắng
thành cơn ung thư Thơ
gặm nát trí nhớ .

9/2000
ĐINH TRƯỜNG CHINH



NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

Ti Vi Điện Thoại

kịch ngắn một màn, một nhân vật



Dựng kịch:

Nhân vật chính & duy nhất: Một người đàn bà, mái tóc vàng xen lẫn bạc,lưa thưa, y phục mùa đông gọn gàng trong nhà của một người tuổi tác khoảng trên dưới 50. Vẻ mặt không cần thiết diễn tả, vì nhân vật luôn luôn quay lưng về phía sân khấu, chăm chú nói chuyện điện thoại với một người thứ hai ở đầu giây bên kia.

Câu chuyện điện thoại, mỗi khi người đàn bà ngừng nói, lắng nghe đầu giây bên kia, thì giọng đọc bản tin phát ta từ màn ảnh của chiếc ti vi mầu để bên cạnh lại vang lên.

Không gian kịch:

Suốt từ đầu đến cuối vở kịch, chi có nguồn ánh sáng duy nhất phát ra từ chiếc ti vi trong căn phòng tối. Trong màn ảnh ti vi, hình ảnh một nam xướng ngôn viên trung niên, tươi trẻ, chuyên nghiêp. Trên mặt lò sưởi cạnh ti vi, chưng ảnh cỡ post card của một thanh niên đẹp trai, cắt tóc ngắn, đeo kính trắng, vẻ mặt chững chạc, nghiêm nghị.

Thời gian kịch:

khoảng 7,8 giờ sáng mùa đông.

Người đàn bà: ***(giọng bình thường)***

Anh nói sao, tôi không nghe rõ? ... À, Phil đang ở trong phòng,

hãy còn sớm, nó chưa thức dậy. Để cho nó ngủ một lát, tối hôm qua nó không ngủ được. Chợp mắt là kêu rên đau đầu.*(tiếng đằng hắng)* Câu chuyện nó thuật lại đâu có giống với chuyện của cảnh sát điều tra. Vâng, thì bác sĩ đã rọi điện và xác nhận là viên đạn hiện đang nằm trong đầu. Có thể là thuộc trung khu trí nhớ. Nó khi nhớ khi quên...Vẫn khai với cảnh sát là bị cướp và bị đánh, ở góc đường Mount Vernon và đường số 7. *(ngừng một lát, im lặng)* Anh biết chỗ đó?

Giọng đọc tin phát ra từ ti vi:

.... nhân Hillary, vào ngày 12 tháng 10 sẽ đáp chiếc trực thăng Marine One cất cánh từ toà Bạch Ốc bay đến căn cứ không quân Andrew, bắt đầu cho chuyến viếng thăm một tuần lễ đến các quốc gia Nam Mỹ Venezuela, Brazil v...

Người đàn bà: ***(giọng bình thường)***

Là hai thằng, quãng chừng mười chín hai mươi. Phil. Phil đã đưa ra hết tiền lái taxi hôm đó. Một trăm đồng. Nó vẫn bắn...Một mắt lòi ra ngoài, tụi nhà thương đã múc ra. Mất mặt hả, vẫn bình thường. Phải, đã tháo băng! Tuần lễ này, nó đã thử coi ti vi lại. *(giọng luống cuống, nói vấp vào nhau, vừa thở nhanh)* Không biết là đã bị bắn. Chưa thấy nó đọc. Ông nói sao, từ bé đến lớn, nó vẫn là đứa ham đọc, ừ. *(im lặng, thở ra nhẹ)* Ăn uống bình thường. Con mắt tay mặt.

Giọng đọc tin phát ra từ ti vi:

...đã được bầu làm Hoa Hậu Mỹ quốc năm 1998. Á hậu một là Michelle Warren, hoa hậu tiểu bang North Carolina, á hậu hai là Myra Barginear, hoa hậu tiểu bang Mississippi. Hoa hậu Shindle hai mươi tuổi, cao năm foot mười một, sinh viên ngành kịch nghệ và xã hội học đại học Northwestern, sau khi thắng giải hoa hậu, cô sẽ được cấp một học bổng bốn chục ngàn đô la và hơn một trăm ngàn tiền phí tổn cho cuộc chu du sắp tới vòng quanh nước Mỹ để nói chuyện với công chúng...Sau cái chết đột ngột vì tai nạn xe cộ của công nương Di, Kitty Keller, nhà văn nữ ...

Người đàn bà: ***(giọng nhanh hơn, hơi nóng nảy)***

Tụi bảo hiểm sẽ lo một phần. *(im lặng, ngập ngừng)* Hôm qua, Phil vừa được giấy gọi nhận vào làm ở ABB, đơn nộp khi mới ra trường. Phỏng vấn tháng trước, nay mới được gọi. Đi lái taxi hả, tại vì không muốn ở không trong khi chờ việc. *(yên lặng khá lâu, rồi có tiếng nhạc từ ti vi phát ra , mattress discounters...)* Vết thương ở đầu, viên đạn còn nằm trong đó, đi *therapist*, tôi đã nói là Phil không biết là trong đầu nó có viên đạn ở trổng mà. *(giọng nóng nảy hơn)* Cho nó biết sự thật hả, tôi chưa tính ra. Không, tôi không nói. Jenny có nói không, tôi làm sao biết. Tụi nào giúp, không giúp được gì đâu!

Giọng đọc tin phát ra từ ti vi đứt quảng không rõ xen với tiếng ì ì, có lẽ phát ra từ một máy điều hòa không khí hoặc tủ lạnh:

... không chính thức" viết về Nancy Reagan, Frank Sinatra, Liz Taylor và Jackie Onassis...vừa tung ra thị trường quyển "The Royals" ...tin rằng nó sẽ trở thành best seller ... dĩ nhiên đem về cho tác ...triệu đô la tác... Keller The Royals... mạnh dạn ...

Người đàn bà: ***(giọng đều, cương quyết)***

Không phải, bây giờ nhà thương quyết định không mổ để lấy viên đạn ra. Tụi bác sĩ bảo, viên đạn nằm yên ở đó trong vài năm, sẽ vài chục năm cũng chưa biết. Nó không chạy đi đâu hết thì thằng Phil vẫn còn sống được. Nói sao, không phải giỡn, thì mạng sống là quan trọng. *(giọng chuyển sang lợt lạt, hơi co giật)* Vâng, về thăm thì về, đám cưới hay không, tôi không biết. *(tiếng ho)* Phil không muốn, nhưng Jenny thì nói không thay đổi ngày. Không thể được, viên đạn múc trong não ra...

Giọng đọc tin phát ra từ ti vi:

John Farrell, chủ tịch công ty Coca-Cola tại Trung quốc thì trong năm nay lục địa Trung Hoa đã vượt qua Phi-líp-pin để trở thành thị trường lớn thứ hai ở Châu Á của công ty Coca-Cola. Căn cứ vào số thương vụ trong năm thì hãng đã bán ra được 300 triệu thùng 24 chai so với con số 248 triệu thùng bán ra năm 1996. Thị trường lớn nhất ở Châu Á của ...

Người đàn bà: ***(giọng nhanh, có phần linh hoạt sống động và bùi ngùi hơn)***

Khi nó tỉnh dậy thì tụi kia đã chạy hết ! Nó mò điện thoại trong taxi kêu cảnh sát tới chở vô nhà thương. Nó chỉ nói ra được là hai thằng mười tám, mười chín tuổi. Giết người đền tội? Cảnh sát sẽ cho nhận diện, tôi sợ chừng Phil nó cũng không nói trúng. *(tiếng sùi sụt)* Đành phải vậy. Trung thực. Tôi đã có khai với cảnh sát như vầy, tối hôm qua nói chuyện với tôi, có nhiều chuyện cũ nó nhớ không ra hết. *(tiếng ho)* Tôi nghĩ nó cần Jenny hơn. Jenny cả tuần nay bỏ ăn bỏ ngủ tới ngồi nhà thương với Phil. Tuần tới, nó tính đi vận động xin chữ ký ủng hộ luật chống mua bán súng tự do. *(giọng cứng rắn)* Sẽ gởi một bản xuống anh, Jenny bảo sở của bố lớn, đông người, xin được thêm đông chữ ký...

Giọng đọc tin phát ra từ ti vi:

... thời gian 2 năm cho giới chủ nhân tự lập kế hoạch giảm giờ lao động từ 39 giò hiện nay xuống 35 giờ mỗi tuần. Theo báo kinh tế Les Échos cho biết, với kế hoạch này, giới...

Người đàn bà: ***(giọng nhanh, rõ ràng)***



NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

Bão lụt quê nhà

Con mắt bão nhìn như tốc lửa
Mầu xanh đồng lúa thất thanh
Nắng chưa đi. Chiều còn ú ớ
Thốc ngày lên sợi chỉ treo mành
Lưỡi con nước liếm trời ngang ngửa
Xối dòng trên mái úp xương xanh
Cả bầu trời bứt đi giữa gió
Phần phật quê nhà tấm lá phong phanh

(Bão 11/99 đến Lũ 9/OO)
NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

Gọi vào giờ này, tôi có nhà. Có luật, tụi nó vẫn mua được súng lậu, nhưng có còn hơn không. Không múc viên đạn ra được, đâu biết viên đạn cỡ gì, loại súng ra sao, làm sao tìm ra thằng bắn? *(tức tối)* Thì viên đạn còn nằm trong đầu Phil chớ viên đạn nào, nãy giờ không nghe tôi nói gì sao? *(ngừng lại, rồi hạ giọng)* Xin chào, cho tôi hỏi thăm bà ấy...

(Người đàn bà lục đục tắt điện thoại, tắt ti vi, gian phòng vụt tối, bóng người đàn bà lờ mờ đi vào phía sau hậu trường, dần dần khuất bóng, chỉ còn tiếng dép lê lẹp kẹp.)

Màn từ từ hạ

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC



ĐỖ QUYÊN

Buồn muộn cùng thế kỷ

(Trích trường ca)

(Gửi Đời)

"Cây thời gian lá đổ
Những mùa thu tiên tri"
Đ.Q.

(...)

Cuối tuần này không biết
Trời mưa nắng ra sao
Đi xa hay ngồi lại
Xem đời trôi thế nào

Cuối tháng này lấy quẻ
Thảy đồng trinh lên giời
Trúng mặt trăng thì khóc
Trúng mặt trời thì cười

Cuối năm này lên núi
so thân cùng đất trời
Cuối năm này ra biển
sánh mình với ngàn khơi

Tiên sư các tháng năm
không ở trong trời đất!
Bá ngọ những trời đất
ở bên ngoài tháng năm!

Lời lỡ chửi thành vận
Dẫu trời tru đất diệt
Cũng dành cho một ngày
Trang giấy này đợi chết

Một ngày em vượt thoát
vòng chữ nghĩa không anh
Lời thơ ngân theo mãi
Lượn thành núi mồ xanh

Có tìm về cho anh
Nụ hôn thời thổ tả
Hai đứa yêu như là
thiên địa hồi hoang dã

Có tìm về cho anh
Ánh sao sâu xó bếp
Cha không nỡ khơi thêm
Mẹ chẳng đành thắp tiếp

Có tìm về cho anh
Nắm cơm khô sũng nước
Người nhắm mắt còn nhường
tới những người muộn chết

Có tìm về cho anh
Dòng sông xanh đỏ máu
Bao đời bao thời
Đất dày thấm mãi

Có tìm về cho anh
Ngọn cờ neo dải áo
Ngựa hồng đáy ly trà
Cơn mê đầu lâu trắng

Tìm về tìm cho anh
Cát bụi trong vàng đá
Không gian trả thời gian
Điều đã không được giữ

Tìm về tìm cho anh
Dòng âm thanh xưa khuất
Cây *guitar* muốn dành
Cho xứ nào trẻ nhất

Tìm về tìm cho anh
Góc sân nằm đợi bóng
Cây cao với mình thôi
Không ai cao với đời

Tìm về tìm cho anh
Buổi *party* dang dở
lẫn trong nắng trong mưa
em - hòn than không đỏ

Tìm về tìm cho anh
Người đàn ông nào hỏi
Thị Lộ hay Thị Mầu -
Thị nào làm ta đau?

Tìm về tìm cho anh
Người đàn bà nào hỏi
Tráng sĩ hay thi sĩ -
Sĩ nào vì ta đau?

Tìm về tìm cho anh
Chàng trai ôm đàn hát
Tóc dài quá ngày mai
Tiền hôm nay đã hết

Tìm về tìm cho anh
Thiếu nữ làm nên tranh
Mắt huyền còn tháng năm
Chuyện tình nay đã cạn

Anh còn lại một ngày
Chờ em và đợi chết
Không gian giấy trắng đầy
Thơ tha hồ mà hát

Anh còn lại một ngày
Sống những ngày qua cũ
Chắc không kịp đến giờ
Lưỡi hái kề sát cổ

Anh còn lại một ngày
Sổ đời đây để ngỏ
Nợ tha nhân đã nhiều
Và nợ mình hết thảy

Anh còn lại một ngày
Hai tư giờ khép kín
Đám khách văn tới tìm
Gõ cửa quỳ tế sống

Anh còn lại một ngày
Xòe tay nhìn tam thế
Nam mô a di đà
Chớp mắt là dâu bể

Anh còn lại một ngày
Giữ tấm màn đời mở
Giờ hai nhăm đây rồi
Em sẽ là khán giả

Anh còn lại một ngày
Hoa tới giờ hoa nở
Hương tới thì hương bay
Hương hoa không đợi ngày

Anh còn lại một ngày
Khóc những người đã khuất
Mai thân xác không còn
Sẽ chẳng còn nước mắt

Anh còn lại một ngày
Cười những người đang sống
Mai dương thế có về
Cũng chỉ là hồn vía

Anh còn lại một ngày
Chọn làm đe làm búa
Thác là thể phách rồi
Búa đe gì cũng rứa

Anh còn lại một ngày
Đọc những pho sách dở
Hò dô ta đi nào
Núi chữ rồi sẽ lở

Anh còn lại một ngày
Yêu những người không ghét
Giận những người chưa thương
Trái tim này chật hết

Anh còn lại một ngày
Tạ những lời lỗi hẹn
Quân tử sống nhất ngôn
Thác thì đành ôm hận

Anh còn lại một ngày
Tạ những điều lỗi đạo
Giữa trời đã làm trai
Hổ danh khi về đất

Anh còn lại một ngày
Nhìn chúng sinh nhân loại
Xưa hạ mục vô nhân
Nay thẩy đều vĩ đại

Anh còn lại một ngày
Đếm tóc mà nhớ mẹ
Đếm râu mà nhớ cha
Một ngày anh còn lại

Anh còn lại một ngày
Thảo cho con hàng chữ
Ngày nào con đọc ra
Sẽ thấy điều sinh tử

Anh còn lại một ngày
Mà Đông phương xa quá
Ơi Đỗ Quyên mãi là
Cánh chim buồn không xứ

Anh còn lại một ngày
Chờ em và đợi chết.

Mississauga, 19-6-2000
ĐỖ QUYÊN



LÊ MINH HÀ

Con gà của bà



Kể tuổi tác thì chị mái này đã sắp thành lão bà trong làng gà. Chẳng biết vì sao mà bà lại quý nó đến thế. Ngay cả trong thời son trẻ nó cũng chẳng nhan sắc gì cho lắm. Lông độc một màu vàng phờ phệch. Càng tuổi tác càng phờ phệch. Được mỗi cái dáng son sẻ, chân ngắn, đầu nhỏ, mỏ to. Và mắn đẻ. Đến một nửa đàn gà là con cháu của nó. May cho bọn gà, trời không phú cho cái khả năng tự hào nhớ ơn vớ vẩn. Chứ không, suốt đời chịu đựng bà cụ tổ già cốc đế mà vẫn tinh anh sống sờ sờ bên cạnh thì cũng tàn một đời gà.

Đàn gà là niềm tự hào của bà. Nhớ năm ấy chiến tranh đánh phá lần thứ nhất vừa dừng. Từ một cái làng có những người đàn ông đàn bà tóc lõa xoã quanh vai đi lại thoăn thoắt trên những con đường cỏ mọc thẳng từ ruộng lầy bước mỗi bước lại rùng rà rùng rình, bà dẫn bầy cháu lít nhít trở về. Nhà của bà, bộ đội đóng quân vừa rút đi, trống huơ trống hoác từ mái cho tới nền. Bà làm một mâm cơm cúng ông, rồi sai mấy chị em xếp gạch vỡ quây một góc bếp lại, đặt mấy thanh củi gộc lên trên. Rồi bà trịnh trọng tháo lạt chằng cái rọ vốn dùng nhốt lợn con đem bán ở chợ, nắm hai cổ chân chị mái vàng kéo ra, thả vào đó. Không biết bà xin giống nhà ai, nhưng lúc đó con mái vàng đã lớn và chỉ mấy hôm sau nó đã quen chuồng rồi nhảy ổ. Lần sơ tán sau, cách đó mấy năm, ngoài bầy cháu và mấy cái tay nải, đi đâu bà cũng sai chị Ty xách theo cái rọ nhốt con mái vàng. Bà cứ một mực là giống nó tốt. Tốt gì mà tốt. Về già, con mái vàng đẻ trứng bé như trứng chim. Có

đập cả lứa trứng của nó rán ăn một bữa cũng chẳng đủ cho ba cái mồm háu đói của mấy chị em. Đã thế, con mái vàng lại mắc tật ấp bóng. Cứ được vài trứng là nó nằm xềm xệp trên ổ, xùy thế nào cũng chỉ 'tục tục' hết sức thảm thiết nhưng nhất định không chịu nhảy xuống. Mấy lần bà đã phải túm cẳng nó mang ra sông dìm nước cho quên cái thói ấp vô tội vạ.

Trừ cái tội ấp bóng này con gà già chả có vẻ gì là lẩm cẩm. Mấy con ngan ục ịch vẫn nằm vầy bùn chỗ nhà hàng xóm đặt chum nước hết sức kính nể nó. Con mèo mướp thì sợ nó hết hồn. Chú mướp thường nằm lim dim hong nắng ở góc sân, nhưng hễ con gà già vỗ cánh lạch phạch rời gốc chuối là mèo ta lừ lừ lảng. Sợ mẹ mái già này là phải. Hồi mấy bà cháu tha nhau vào sơ tán trong Đồng Mít, con gà già đã lập chiến tích đánh nhau với cả quạ làm cả lũ trẻ con sướng mê tơi quên cả nhảy xuống hầm lúc máy bay tới. Nó không hãi cả con cầy hương tai quái ở rệ đê đã cắn cổ không biết bao nhiêu gà trong xóm. Bọn trẻ trong nhà, từ chị Ty trở xuống, nó coi khinh, cứ thản nhiên mổ ngô phơi trên cái nia đặt đầu mé sân, không thèm để mắt tới cái sào gảy rơm chị Ty tự trang bị. Điều quan trọng nhất khiến con gà già được tất cả bọn chó mèo vịt ngan kính nể là sự bảo vệ rất không công bằng bà dành cho nó.

Ở nhà quê, gà qué sẵn nhưng là để bắt mang ra chợ kiếm món tiền trang trải vào trăm ngàn việc. Năm thì mười họa các nhà mới làm thịt một con. Còn thì toàn chờ đến lúc có dịch gà toi mới lo xơi cuống xơi cuồng. Bà thì hơi khác. Tại vì trong nhà từ bố mẹ cho tới các cô chú ai cũng thoát ly đi công tác ngoài Hà Nội cả. Bà nuôi gà chỉ để tiếp tế cho người nhà nước lương ba đồng ba cọc. Những lúc chỉ có mấy bà cháu, bà hay lên cái chợ đầu cầu mua tép đánh giậm, hay chờ chiều tối đón thuyền chài hỏi mua cá về kho tương với lá gừng ăn quanh với rau cỏ trong vườn. Rau muống, rau dền, lá sắn, ngọn khoai, rau ngót, rau cần... Cùng lắm thì vài ba lá mảnh cộng, dền cơm, rau muối nấu láo nháo với dăm ba lá ớt. Ăn thế cũng đủ để mấy chị em chưa hết tháng đã đả hết tiêu chuẩn gạo mì bố mẹ đưa về. Nhưng những khi bố mẹ với cô chú về hay lúc có khách thì bà phóng tay bắt gà. Con thì thịt, con thì bà lấy rơm trói cẳng treo dốc đầu ghi đông xe đạp cho mọi người mang ra Hà Nội. Lúc thì bạn bố mẹ tiện đường lên nơi sơ tán thăm con cái tạt qua thăm mấy bà cháu. Lúc lại là người cùng làm một chỗ với cô với chú đi công tác ghé qua cho biết nhà. Bà chẳng để ai về tay không. Mãi sau này mấy bà cháu mới biết các cô chú khách đó chẳng phải ai cũng thật vì tiện đường mà ghé, mà là người của chi bộ đi thẩm tra lý lịch để xét kết nạp Đảng mấy cô chú trong nhà. Có

khách, bà thịt gà làm cơm ngon, bớt hẳn món khoai khô độn, còn ngoài ra, tứ thời mấy bà cháu trung thành với cá mú. Mà nói cho đúng, cá mú chỉ béo mồm mấy chị em, bà thì chỉ hai vực cơm với mấy qủa đỗ non, hạt lạc kẹ, hay mấy đọt lá núc nác đắng teo lưỡi bỏ nồi cơm hấp lên.

Thành thử ở nhà quê mà mấy chị em chỉ nhớ độc có một lần ăn thịt gà chua cả răng. Đó là hồi chạy lụt. Trận lụt năm ấy đến là to. Nhà bà ở ngay bên bờ đê, nhưng chỗ đất cao. Kể nước có dâng nữa cũng chưa mùi mẽ gì nếu không có chuyện chia lũ về sông Đáy cứu Hà Nội khỏi ngập. Chạy lụt, chợ búa không có, rau cỏ cũng không, chẳng có gì nuôi gà, mang được con nào theo bà thịt bằng hết cho các cháu trong nhà và trẻ hàng xóm ăn. Ăn thế dĩ nhiên là chẳng còn ngon lành gì.

Nếu không tính cái lần ăn thịt gà trừ rau ấy ra thì sau lúc từ giã bà trở ra Hà Nội, mỗi bận thịt gà đều là sự kiện với chị em Tâm và cả lũ trẻ con hàng phố vào cái thời cả lũ vẫn phải thay bố mẹ đi xếp hàng mua lương thực thực phẩm chất đốt và đứa nào cũng thuộc tem phiếu hơn cả thuộc bài. Bao nhiêu ngày tháng đã qua, và Tâm vẫn khảnh ăn, thế mà những điều bé nhỏ như thế Tâm nhớ mãi. Như mỗi lần thịt gà. Thường là ngày nhà có giỗ. Hay cảnh thằng bạn bị mẹ tát cho lệch cả mặt khi hãnh diện khoe có ông bác được treo ảnh ở Bờ Hồ. Thằng bạn chưa biết chữ không biết ông bác vượt tuyến vào Nam không hề có tên trong lý lịch của bố mẹ nó, cũng không biết là ông bác vừa bị bắt sống trong chiến dịch gì đó mùa khô năm đó, và cái ảnh ông bác được phóng rõ to trên bảng tin thắng trận treo ở phía trước câu lạc bộ Thống Nhất, to đến mức đứng đầu Hàng Khay cũng nhìn rõ đã làm cả nhà nó sợ rúm tứ túc, họa chăng chỉ có ông bà nó là mừng.

Thằng bạn và Tâm thân nhau từ hồi bé bằng cái mắt muỗi. Một tình bạn phải đi vào bí mật để trốn những lời chế của bọn trẻ cùng ngõ thành thử vô cùng sâu sắc và đầy sẻ chia. Nên cái cẳng gà và nắm xôi được mẹ dành riêng trước bữa bao giờ Tâm cũng mắt trước mắt sau đem cho nó, dù rằng thèm đến mức không dám nhìn nó ăn. Mỗi lần nhà thịt gà như thế đều là một sự kiện có khả năng phát triển tình bạn bé nhỏ và đẹp đẽ giữa hai đứa. Nhưng Tâm nhớ những lần đó như một sự kiện trước hết là bởi cái chết của con gà già.

Cái hôm đó chú về bất chợt. Suốt cả tuần nghe phong thanh Hà Nội bị B52 rải thảm, ruột gan mấy bà cháu nóng như lửa đốt. Tâm và ông anh kế thì chỉ mới biết sợ. Bà hết đứng lại ngồi lại loanh quanh lên đầu cầu ngóng tin. Còn chị Ty thì ra sau vườn củ bột ngồi khóc thầm. Chú về báo tin bố mẹ và các cô chú khác, mấy bà cháu nhẹ hẳn người. Bà mừng, luýnh quýnh suýt quên cả chuyện đi giúp một nhà có đám. Quay ra quay vào mấy lượt, lúc thì đậy điệm lại nồi cá vừa kho,

lúc lại châm thêm nén hương đặt vào thúng chuối rấm đất đèn thúc cho mấy nải chuối chín nhanh, cuối cùng bà hạ lệnh:

'Hôm nay bà đi ăn cỗ một mình. Mấy đứa ở nhà chơi với chú. Rồi chốc nữa mấy chị em lấy nắm thóc lừa bắt con gà chú cháu thịt mà ăn. Đừng có phần bà nhé - Bà moi từ thắt lưng đồng bạc đưa chị Ty - Bảo em chạy ù lên chợ đầu cầu mua lấy rá bún về. Bà ngâm măng để giỗ ông, chắc được ăn rồi. Con luộc qua rồi nấu bún măng cho chú với em ăn. Nhớ để cho em cái cẳng gà.'

Bà tong tả gánh hai cái thúng bên đựng gạo bên đựng buồng chuối xanh đi đến nhà có đám. Cái viễn cảnh được gặm ít nhất là một trong hai cái chân gà làm Tâm khuây ngay nỗi thất vọng không được theo bà. Mấy chị em râm ran vâng dạ, rồi lại vâng vâng dạ dạ nhưng bớt phần râm ran hơn khi ông chú trẻ cân nhắc một hồi rồi ra chỉ thị thực hiện lệnh của bà:

'Thôi! Con Ty đi nấu cơm. Có biết nấu cơm độn mỳ không? Chú mới mang về. Thổi thử xem mì tháng này có ngon không? Kia kìa. Con gà già ngủ gật ở gốc chuối kia kìa. Ra lấy cái lồng chụp nó mang vào chú thịt. Thịt gà rang gừng, đợi chiều bà về ăn cùng. Được chưa? Còn giờ thì ăn cá kho. Gớm, chạy bom chạy đạn có cái mà ăn thế là bố tướng rồi - chú cười cười nhìn Tâm bùng xụng bùng xịu - Chúng mày được ở với bà, chứ đi sơ tán cùng bọn trẻ con cơ quan bố mẹ chúng mày ấy à...'

Con gà già tự tin đến nỗi không thèm rảo cẳng khi chị Ty vác cái lồng đi tới. Kết qủa là chị Ty chụp một phát đã trúng. Nồi thịt gà rang thơm phức kích thích mấy chị em suốt cả chiều. Bóng bà xiêu xiêu đầu ngõ lúc trời nhập nhoạng làm cả mấy chị em mừng. Bà vào nhà, cởi cái bao lưng đũi chỉ thắt vào những dịp đi đám cưới đám giỗ trong làng, lần lần móc từ trong đó mấy miếng cau nhặt ở đám về, rồi ngồi xuống bên cái mâm chõng, giục giã:

' Mấy chú cháu ăn đi chứ chờ bà làm gì! Mà có mỗi con gà sao không ăn hết từ trưa lại còn để rang gừng nhiều thế này?'

Chị Ty ấp úng:

' Con gà già bà ạ...'

Bà quên cả mấy miếng cau:

'Cái gì? Con gà già làm sao? Mày thịt con gà già của bà rồi à? Sao lại thịt con gà già?'

Chú vui vẻ:

'Con bảo các cháu đấy mà u. Nó già qúa rồi còn gì. Đẻ trứng chả ra trứng. Dai nhách. Mấy đứa tý nữa có gắp ăn khéo phải đạp chân vào tường mà rứt. U tiếc nó làm gì. Gà cả đàn. Lần này đi con chỉ xin

trứng thôi, không mang gà của u theo nữa đâu.'

' Ôi giời ơi con ơi. Nào có phải mẹ tiếc đâu. Nuôi gà không để mà ăn thì để thờ à. Nhưng sao mày không bảo chúng nó bắt con khác, để con gà già ấy sống cho u...'

Bà lẩm bẩm, thần người ra, và không hề động đũa một lần đến đĩa thịt gà, cứ bần thần như thế suốt bữa. Chú thở mạnh đến mức cả mâm nghe rõ. Mấy chị em Tâm cắm cúi ăn, cảm giác rõ ràng không khí quanh mâm y như lúc trời ỳ ạch nổi giông. Ông chú trẻ phát cáu thật:

'U không thích ăn thì cũng gắp lấy một miếng cho bọn trẻ nó ăn. Mấy đứa ăn mạnh dạn lên chứ sao lại ngồi nhấm nhót thế. Cái con TuTy này... Đưa bát đây chú cho miếng đùi... Đằng nào thì cũng thịt nó rồi. Không lẽ u lại thích cung phụng con gà già này cho đến lúc nó chết thì đem chôn. Nó sống thế cũng gần hết tuổi trời cho rồi. Hơn cả bao nhiêu người. Kia kìa. Mới tuần rồi con với anh cả cùng anh em tự vệ đi cứu người ở Khâm Thiên....'

Bà luống cuống:

'Ấy ấy con. Đừng to giọng thế các cháu nó sợ. U hôm nay ngồi cùng mâm với mấy bà, các bà ấy cứ gắp cho, thịt mỡ mỡ là, không muốn cũng phải cố ăn, giờ vẫn còn đầy bụng chứ không phải là... là... U có tiếc gì con gà. U chỉ thương nó. Con gà già đã sống sắp hết đời nó rồi. Thời buổi này... Biết đâu nó sống được hết tuổi trời, nó lại chẳng được hóa kiếp...

'U thì chỉ... Nếu có kiếp sau thì chết kiểu gì mà chẳng hóa được. U muốn con gà già được hóa thành kiếp gì? Kiếp người nhé! Hoá kiếp người thì được ăn thịt gà như thế này là cùng chứ gì? Rồi theo nhau chết cả đống. Rồi lại hóa kiếp. Kiếp gì?'

Chú nói nửa than vãn nửa cãi giả. Trong nhà chưa lần nào chưa có ai dám ăn nói với bà như thế. Mấy chị em Tâm im thin thít, quên cả nhai. Bà mắng chú, rất nhẹ lời:

'Anh này ăn nói đến hay. Khổ nhục thế nào cũng là người. Biết sống ra người thì chết thế nào cũng vẫn lại được làm người. Nói thế phải tội con ạ.'

Chú im. Bà nhìn mấy chị em Tâm, nhìn chú, đưa đũa về phía đĩa thịt gà. Gió thốc vào căn nhà nhỏ của bà. Ánh đèn dầu chập chờn. Mấy chị em lén nhìn, sợ sệt. Cái gì như nước mắt trên gương mặt của cả bà và chú.

LÊ MINH HÀ
20. 10. 2000



NGUYỄN THỊ MINH NGỌC

Đồng chiêm



Bảy, hãy tưởng lại, với em, cái bến xe đò của một tỉnh lạ. Mọi thứ áo quần, quân trang, sách bút, cá khô tụi mình phó thác cho lơ xe. Trời sắp tối, hai anh em tách khỏi cái đám chao nhao để thả rểu xem phố lạ và em thiệt không ngờ khi nghe Bảy nói : 'Để tao thuê một cái phòng ngủ cho mày'. Em dùng dằng trong cái bàn tay nắm dịt như cái kẹp sắt của Bảy : 'Đừng phí tiền. Em ghét và sợ cái không khí phòng ngủ lắm'. Bảy đứng lại, đốt thuốc, phà khói vào cái búi tóc của em : 'Giỡn hoài, cái con nhí này. Bây không thể lê la trên mấy cái ghế bố ngoài nhà xe như tao được. Má sẽ buồn lo nếu biết được tao để bây như vậy. Ngoan với tao một lần cuối đi'.

Em đã khóc trong bữa ăn. Bảy gọi cơm phần. Em đòi thêm ớt. Để đổ thừa nước mắt chảy vì cay. Bảy làm em nhớ cái miệng lém lỉnh. giỡn hớt của thằng Chín. Má la nó ăn ít vì ham chơi, cũng như em, nó có biệt danh là người thề chỉ cho gia đình thấy mặt trong hai bữa cơm, và cái lối ăn của nó, má cho là trả-nợ-quỷ-thần, lua cho lẹ đôi ba chén rồi buông đũa co giò chạy. Bảy nhớ không, thằng bé đã làm bộ sợ, chắc lưỡi khó nghĩ rồi cuối cùng chìa chén không cho má : 'Thôi! Vì

má! Con sẽ cố ăn thêm một chén nữa'. Vì má con sẽ thế này. Vì má con sẽ thế kia. Em chẳng bao giờ xum xoe cái miệng như thằng Chín nhưng hình như Bảy cũng biết cái nhược điểm của em.

Em lại cười muốn sặc khi hai anh em gắp thức ăn bỏ vào chén nhau. Tiệm vắng chỉ có một bà xẩm đứng sau quầy. Ga-lăng với nhau như thế đó, chắc không hề là đóng kịch cho ai xem. Em lại bâng khuâng, rồi đây những bữa cơm sắp tới của ba biết có còn cái vẻ liên kết dịu dàng của một món canh, hai món mặn nồng nàn hạnh phúc gia đình như thế này không. Bảy đã kể cho em nghe ở một tỉnh kế cận tỉnh này, Bảy đã nằm ngủ co ro nơi hàng hiên của một nhà lạ. Sáng sớm uống quịt một ly cà phê rồi đi chùa một chuyến xe về chỗ đóng quân. Đánh bảy búa lúc đó Bảy không có một xu chuộc mạng. Rồi Bảy khề khà : 'Nhưng bây giờ tao mới có lương. Trả nợ gần hết nhưng vẫn còn khơ khớ. Đủ lo cho mày một chỗ qua đêm tươm tất' - 'Tươm tất là cái chó gì, anh, cho Tám đi theo anh nha'.

Điệp khúc đó em chẳng hát với Bảy hồi nhỏ xí hoài đó hay sao? Cái thuở gia đình mình sống kề chốn rừng rậm núi non. Những buổi trưa, hai anh em chui qua cái lỗ chó sau nhà. Bảy ký đầu em đau điếng. Tao không muốn lớn tội thêm. Hơn nữa đèo bồng thêm mày mệt quá. Tụi Thượng rượt làm sao mình chạy cho kịp. Bắt được mày nó nướng nó thui như con bê con. Em mếu máo quệt mũi lấy má ra làm áp lực để dọa dẩm lại : 'Không cho Tám đi Tám mét má cho xem. Nè, một, hai, hai rưỡi, bê-a là ba. Mét má...' Bảy bụm miệng em lại :'Quỷ ơi, lúc nào mày cũng báo đời tao...'

Nhớ nữa coi Bảy! Những cơn sốt vì nắng, em lảm nhảm :'Con dế than dưới bãi cứt trâu kìa anh', làm má khám phá ra. Thế là những trận đòn roi trên mông Bảy gầy guộc, trên mông em núc ních. Trời ơi, hồi nhỏ em tròn như cái hột mít. Cái hột mít lăn quay theo dốc dựng dẫn xuống con suối Bo Bo. Đất đỏ bê bết cái quần soọc trắng, cái áo sơ-mi xanh em thừa hưởng của Bảy. Bảy hơn em một tuổi chớ bao nhiêu. Em mới sáu, bảy tuổi đã biết dị dạng nấp sau bụi ô-rô liệng bộ đồ ra cho Bảy giặt. Chu choa ơi, nước suối chỉ giúp những vệt đỏ lan đều khắp bộ đồ.

Những đường roi tuyệt luân thẳng tay của má em chia với Bảy để nhớ hoài suốt kiếp. Em sẽ kể cho những đứa con sau này của em. Chắc tên chồng tương lai của em sẽ bực :'Mụ dạy con cái lối gì lạ đời vậy. Khắc khe như ngoại nó còn chưa trói buộc nổi mụ hồi nhỏ nữa là'. Kể cho lũ cháu chắt nghe. Lũ con chắt còn bực hơn :"Má làm hư cháu má không hà. Má ăn nói phản tuyên truyền kiểu đó làm sao tụi con dạy chúng nó được'. Những đứa con của Bảy chắc cũng sẽ nói những

lời tương tợ. Nhưng chắc em đoán sai. Những dấu vết tuyệt vời của tuổi nhỏ đối với em thì tuồng như chẳng có nghĩa lý gì hết đối với Bảy. Bảy phải quên tuốt, quên tuốt để còn xoay trở trong đời mới. Cái đời mới như một bánh xe cuồng sát quấn nghiến Bảy và những bạn hữu trong những phút sơ sẩy nhất của một đời người. Và cái tánh ngang ngạnh của em phải xếp lại. Em không thể nào đòi đeo dính chân Bảy. Làm sao em có thể xẻ bớt với Bảy nửa cái bánh xe nung đỏ lửa của mười tám tầng địa ngục a tỳ đó.

Ả ngồi trên một sân thượng, trồng xa. Đồng hồ nhểu từng giọt tí tách. Con đường Triệu Ẩu không một bóng xe. Tiếng chạy sầm sập của máy móc sau dãy nhà ngang và cả những nhà kế cận. Rãi dọc theo đường này là những nhà máy làm nước đá. Ả và Sương Lan gọi đây là con đường của đảng-nước-đá. Cũng như con đường Đào Duy Từ là nơi quy tụ của băng nem-tré-chả-giò. Trên bảng hiệu trương lên là những tự xưng bà này, mụ nọ... Hồi đó, tiếng O thường khiến ả liên tưởng đến một cái gì êm ái, dịu dàng trong khi tiếng mụ lại giục xui nhớ đến những chuyện cổ tích, những lưỡi liềm cong, tiếng cười nham hiểm... Ở một khúc quẹo của đường Đào Duy Từ, dưới dốc chân cầu Đông Ba là ngôi nhà tự của họ nội. Ôn và mệ nội đã chết. Bây giờ chỉ còn những ông chú, ông bác, bà O... 'Bà ơi! Sao tay bà có lông dài thế? Sao móng tay, móng chân bà cong nhọn thế? Sao răng bà cong nhọn quá trời hà - Khà khà! Răng bà nhọn để bà ăn thịt cháu!' Mẫu đối thoại ngắn của con chó sói và cô bé quàng khăn đỏ thường được ả đóng trò với người anh. Sương Lan liệng xấp cours đánh xạch trước mặt ả: 'Ngộ! Đổi tao xấp Anatomy coi'. Ả lớ quớ : 'Mày học gì như ăn gỏi vậy? Tao đang mắc cổ vì mớ tibia, tibula của ông Sấu đây nè'. Chớp, nhá trên tấm voan đen của đêm những đốm lửa ở Phú Bài, ở Dạ Lê, ở Ngã Sáu. Tít ngoài kia là những mảng ruộng sẩm màu và xa hơn nữa, con-đường-số-Một vắng tanh. Ả nhắm mắt. Tao thèm ngủ quá sức. Sương Lan! Chữ thèm ngủ nơi ả có nghĩa là thèm quên. Nhưng ả không tài nào ngủ được. Ả cũng chẳng tài nào quên được.

Lượt ấy, tình cờ hai anh em gặp nhau tại nhà ba má ở Phan. Cho bỏ những tức tối dạo trước. Em đi trại hè ở Đà Lạt về thì nghe Bảy mới vào lại Thủ Đức sau khi đã hiến hai lít máu đổi được bốn mươi tám giờ phép và miếng khăn bông có ghi : Trung Tâm Tiếp Huyết kính tặng. Bảy lại không nằm Saigon dưỡng sức mà lại mượn Honda của chị Năm băng Rừng Lá mà về thăm nhà. Hai lượt ra vô coi như toi mất mười hai giờ. Nghe má kể mà em mệt nhoài như thể chính lượng máu me trong

huyết quản của em bị rút đi hai lít. Rồi lần Bảy mãn khóa Pháo binh ở Dục Mỹ ra em lại mắc kẹt trên chiếc tàu thay vì đến đảo Phú Quý lại bị bão thổi giạt trôi đến hướng Hàm Tân.

Dầu cả nhà đều mong em rớt để về Saigon học cho gần nhưng thế nào cũng phải cám ơn miếng điện tín của anh Hai báo tin em đậu ngoài đó. Bởi có nó em mới may mắn về Phan trúng phóc dịp Bảy được phép nhờ bị thương. Thấy Bảy chống nạng đi khập khiểng đi vô ai cũng hết hồn. Vào đến cổng, Bảy liệng tung cây gỗ khủng khiếp đó lên trên cành cây điệp rồi nghêng ngang chống tay lên hai bờ xương chậu cười ha hả khi thấy mắt má rươm rướm : 'Ậy, má không biết ý gì hết trơn. Nếu không đóng kịch như vầy làm sao tụi nó cho con đi ké mấy cái máy bay chở hòm mà về ?'

Mấy ngày sau, má khen ngợi : 'Thằng Bảy đi lính về có cái tệ mà cũng có cái hay. Bây thấy không. Nó đứng nghiêm riết rồi quen, không còn cái thói xấu nằm dật nằm dựa như hồi còn ở nhà đi học cứ bị tao chửi hoài là cái quân dài lưng tốn vải ăn no lại nằm'. Đâu có ai biết, trong những lùm cây Bạch Đầu ở Đào Viên, Bảy trật lưng cho em sờ những miểng bom trưu trứu. Bảy thì thào : 'Tao khoe với mình mày thôi đó. Đừng cho bà già biết bả buồn. Lẽ ra giờ này tao phải nằm ở Quân-Y-Viện cho bọn y tá chích thuốc để nó theo mủ trồi ra chớ không thể khươi được. Nó nhỏ nứt như cát nhuyễn. Dưới mông tao nữa, nhiều lắm. Bây giờ tao mới nghe nhức sơ sơ thôi nhưng nghe nói qua mùa lạnh nhức dữ lắm. Mấy chai thuốc anh Hai cho tao đổi... mẹ nó rồi'

Em giận Bảy biết mấy. Càng giận hơn khi sau này em biết Bảy đổi thuốc lấy cái sắc Lôi hổ của một anh thương binh kế giường để về quẳng cho em. Sao Bảy coi cái mạng của Bảy nhẹ hểu vậy. Một người bạn của Bảy kể hồi ở Thủ Đức Bảy đỗ cũng khá cao, chọn được chỗ khá tốt, về làm ở Tiểu khu Qui Nhơn. Vậy mà Bảy đành đoạn đổi cho một anh chàng đậu thấp hơn chọn phải Biệt động quân ở Pleiku để đổi lấy cái đồng hồ và hai chục ngàn. Mà rốt cuộc, Bảy cũng cho anh ta lại cái đồng hồ, còn hai chục ngàn Bảy đãi đồng đội nhậu vỏn vẹn trong một đêm chớ mấy.

Ngoài kia người ta đi học được một tuần rồi mà em còn xẩy quẩn quanh Bảy, đi không đành. Cuối cùng em là người quyết định ra đi dầu không ai ép em ra chốn đó. Phải đi chớ, để kéo Bảy cùng đi kẻo để Bảy cũng nhầy nhưa cái điệu như em thì nguy quá. Bảy trễ phép đã ba ngày mà nghe nói ở trển có nhiều ông cầm quân nghiêm lắm, trễ bốn mươi tám tiếng theo quân luật là đã can tội đào ngũ, có ông bắn bỏ

như không. Chính Bảy kể chớ ai. Vậy đó, mà ngó bộ lúc nào Bảy cũng phởn phơ. Dầu không thể hét một cách trơ tráo, giễu cợt mà chân thành như thằng Chín : 'Vì má con sẽ...' thì cũng ráng nghĩ thầm như em nha Bảy : 'Vì má con sẽ...'

Nhưng nếu cứ vin vào đó mà đổ thừa cho má cái chuyện em ra đây học thì tội lỗi chết. Không đâu, má là người chủ trương bỏ hết mà về, không màng. Má lạnh xương sống khi nghĩ đến chuyện vất một con nhỏ kỳ khôi như em ra cái chốn trang trọng xét nét những cái vỏ bên ngoài như vậy. Thế vì ai, vì ai mà bây giờ em đang ngồi ở chốn lạ này, mắt mở trong đêm nhớ xót nhớ xa một nổi gì không tả được. Khôi hài lắm, Bảy à, có nhiều người cho rằng em lặn lội bao đèo bao núi bao sông là vì một gã con trai nào đó, họ gán cho em những chuyện tình không có thực, họ căn cứ vào những lời đùa bỡn của em để xác quyết những tình tiết lâm ly. Trong khi, chỉ mỗi em biết thôi. Đây là một cuộc chạy tiếp sức. Anh Hai tiếp sức cho em. Em sẽ kham nổi hay lại phù hơi tiếp sức cho thằng Chín, con Mười. Đó là chuyện mai hậu, thiên cơ, em chưa trả lời được.

Nhớ lại đã, cái ngã ba Cầu Sở Muối, thằng lơ liệng cái sắc Lôi Hổ của em lên cái xe Thuận Thành thì một chị đàn bà nhào chộm giựt cái túi quân trang của Bảy tung lên xe Mỹ Quang. Xe em vụt chạy. Bảy hét nhắn : 'Sẽ gặp nhau ở dọc đường'. Ôi trời, chỉ vì một trăm đồng đứng bến mà chúng ta chỉ được nhìn nhau trong những giây nhoáng chớp hai xe qua mặt nhau. Cánh cọp trên cánh tay áo Bảy chỉ có thể xưng hùng xưng bá ở sơn lâm. Chốn cát truồi, nước chát này, cái chốn đồng chiêm, cái chốn ao tù, Bảy bị một chị phũ nữ nào đó bỡn cợt, dễ ngươi là phải.

Nhớ lại đã, đêm thăm thẳm tanh tao. Giấc ngủ chập chờn khiếp đảm một mình trong một căn phòng lạ của một khách sạn. Em mấy lần trở dậy đếm từng giọy Tybrain trong bóng tối mù mờ. Bốn giờ sáng, tên bồi nhăn nhó vì bị đánh thức lỡ giấc khi Bảy đến dẫn em ra bến xe. Thành phố ngủ ngon. Cây cối thức. Lá lao đao trong gió đầu ngày. Bến xe sáng rỡ. Bảy ép em nuốt hết tô bún giò rồi dắt em ra những băng ghế gỗ xếp quanh dãy bàn cà phê lộ thiên. Toàn là một màu xanh xám lạnh lẽo của quân phục. Chỉ mỗi em, quần nâu, áo vàng, bata trắng sọc hai lằn xanh đỏ. Những người lính già bằng ba, tóc chớp bạc, hoặc trẻ hơn cả cái tuổi Nhâm Thìn của Bảy, Quý Tỵ của em, râu mép lún phún trổ. Họ thân thiện dễ dàng sau một đêm cùng nằm lăn trên những giường ghế thuê qua một đêm. Họ kể nhau nghe những mẫu đời sống mà nếu chuyển ngôn sang ngữ sẽ bị xóa đục không tiếc thương. Rồi tiếng kèn tí tóe gọi, em nốc cạn ly cà phê lạnh tanh vì mãi hóng

chuyện. Chúng ta thương lượng với tên lơ để mình có được hai ghế sít nhau của một xe độc nhất dù phải ngồi tít phía sau và dù đoạn đường chung chỉ còn một quãng ngắn.

Xe lăn bánh khi mặt trời chưa ngóc dậy. Rồi những nền nhà hoang lạnh, những cây dừa cụt đầu, những đoàn ma trơi, những cánh đồng đen thẩm. Thôi em biết rồi. Chính con lộ vắng ngoài kia, cánh đồng hai bên xoãi dài bọc ấp lấy nó đã khiến em không tài nào học được. Một ngài triết gia nào đó đã phân định : trẻ con sống trong hiện tại, thanh niên tìm kiếm tương lai, người trưởng thành sống trong tương lai. kẻ già lão sống trong dĩ vãng. Cớ sao em. thui vèo hai quãng đời chưa sống để trở nên một mụ già lẩm cẩm, ngồi nhấm nháp từng chút ngày qua, chỉ cần một chút gì gợi nhớ. Chẳng sao em quên lúc Bảy vỗ vai em từ giả dù em đã ráng tránh nổi đau lòng bằng cách giả bộ ngủ say khi xe sắp đến ngã ba cầu Bà Di. Từ cái vỗ vai đó đến nay đã một năm rưỡi, em sắp về Phan ăn Tết sau kỳ thi cuối học phần, sẽ gặp đủ anh em, nhưng Bảy, chắc chắn sẽ không sao rời núi được, mùa xuân này.

Rồi ả nảy ý đi đò Khâm dù rồi sẽ phải đi bộ một quãng dài. Chẳng là vì ả thấy chuyến phà Đập Đá ì è những người trông mới tội. Loại phà này cũng dám bày đặt khẩm lắm. Ả cóm róm bước xuống lòng phà. Bụng phà trống hốc như vỏ quả gòn khô được xắn đứt hai đầu nhọn và giật lam nham mớ ruột trắng phếu. Chỉ còn là lớp vỏ nhúm nhó gầy guộc bên trong những vết sơn lở nhở, bên ngoài đã phủ một lượt sơn hồng để chuẩn bị đón Tết. Gió se đã vuốt da, gió tàn đông có vẻ lây lẩy vì cái sự hớn hở của thiên hạ trong những ngày cận Tết; ai cũng sửa soạn hướng về một niên mới mà chẳng đếm xỉa gì đến chúng.

Hai tay ả ôm chút đồ đạc mới đổi chác bằng tiền với những người trên chợ. Đã 28 Tết, thi xong, trường cho nghĩ từ hôm đưa ông Táo nhưng ả cứ phải đi lên đi về cái phi trường cách thành phố 22 cây số ấy đến nay vẫn chưa đi được. Chình chao Huế mua về cho má đã thối. Ả cũng mất đi cái vẻ tiu nghỉu của ngày đầu, để thản nhiên ngay cả lúc ngồi trong lòng phi cơ thắt lưng đàng hoàng, rồi 15 phút sau phải leo xuống vì máy bay hư, vào đúng ngọ hôm qua. Mọi người trong nhà đều có chút đỉnh quà xa. Trừ hủ chao, mọi thứ kia đều không thể hư được. Lẽ ra ả phải liệu trước sự lên men quá trớn của rượu trên đậu.

Từ lúc rứt con vãi đi tứ phương, người mẹ xuống tóc ăn chay để chuộc hối những khẩu nghiệp đã vương. Chao ở đây có mùi thơm rất giống mắm. Lạ miệng, hẳn bà thích, ả nghĩ. Và bây giờ lon chao vẫn

còn nằm trên tay ả, thối hơn cả mắm trở nếu ả mở cái nắp lon Guigoz đó ra. Dự định của ả là sẽ quẳng xuống khi phà ra giữa sông. Nhưng khi toan nhấc tay thì ả như tê cứng cả thân mình. Áp trên lưng ả, một bàn tay gân guốc mân mê sờ soạng. Ả lạnh rợn. Cuối phà một người gánh rau, một em bán cà rem. Đầu này, gần chỗ đặt máy chỉ có ả và người đàn ông điều khiển phà. Ả trân mình chịu không dám cựa quậy nhúc nhích. Mình còn đủ sức chịu đựng mà. Những lần trước, tội nghiệp hơn, ả còn phải giả vờ biểu đồng tình, tán thành những ý kiến mà nếu nói thật, nói hết, e rằng bọn đối diện sẽ không dám nhìn mặt ả lần thứ hai. Thị giác, thính giác ả đã bị lở lói quá nhiều vì những gã trí thức, đại nghệ sĩ mắc chứng thị dâm và khẩu dâm, thì cũng vậy thôi, xúc giác này và chàng lái phà có tật khoái rờ rẩm ngang nhiên. Ngày xưa, một hoàng phi mạt lộ đã chặt cánh tay khi bị một gã cuồng níu chạm. Thế ả, ả tẩy xóa cách nào đây? Cho dầu ả có lột da lưng, ả có xeo lổ tai, ả có đâm nhùi con mắt... vẫn còn tồn chứa trong não ả những ấn tượng, ý nghĩ nhầy nhụa mà lâu nay ả phải vờ vĩnh hoan hỉ đón nhận, chấp chứa.

Một cái bóng trắng. Trắng toát. Tóc đen thẫm xõa dài. Dài thườt. Tay cầm con dao rỉ. Tay ôm lọ Guigoz. Cái áo lê quét những bậc cấp cao. Trăng vướng vào cái góc tạo bởi mái rêu và ống khói hình hộp chữ nhật thông với lò sưởi bên dưới. Trăng mù. Khói âm ỉ rỉ ngún, vẽ nên những đường cong ẻo lả. Khói ngất. Cái bóng tiến ra góc vườn, quỳ trên cỏ, vén tay áo rộng, cậy cục đất cỏ dưới gốc cây Đinh lăng bằng dao nhỏ, vùi chiếc lọ, san bằng đất cỏ, phủi tay, ngửa mặt hấng trăng. Ánh trăng tràn, nước mắt tràn. Tàn Ngũ trảo gần đó phất hương phả xuống. Bại hoại! Những chùm lá năm cánh như từng bàn tay năm ngón xương xẩu móng cong chụp xuống, đe dọa. Bảy, ngày mai em lại phải đi đường bộ. Về rồi đi, đi đâu, về đâu. Đến rồi, thời rộn ràng đã hết? Đứng lại già nua, lẩy bẩy thở dài. Làm sao đây, Bảy. Lâu nay em đã chẳng ở yên một chỗ để sống với sự tưởng tượng và lo âu đó sao? Con mắt em độ này nhức quá. Quốc lộ Một với những dốc đèo. xóm lạ em đã phải mình một băng hoài trong cuộc chạy tiếp sức mà giới hạn do em tự vạch, lượt này, đột nhiên thấy đuối mỏi. Cánh tay ngọ nguậy, xục xọi của người lái phà chỉ là một cái que nhỏ bé khươi bật ứa chảy nỗi chán ngán tích chứa quá lâu.

Đêm hôm sau, cũng ngôi nhà cổ ấy, cũng mặt trăng, con mắt chột của đêm lạnh soi, thâu chụp khắp. Tháng giêng ta, trăng trồi quá sớm. Hai cái bóng từ vùng nhà đổ phế bên cạnh chui sang vườn bỏ hoang. Cái bóng lùn cầm đèn đi trước. Bóng đầu to vác xuổng theo sau. Họ rón rén bước, rầm rì nói chuyện, nghe ra bóng đầu to giọng nữ, bóng

lùn giọng nam :

- Kể cũng tội, hồi sáng tui thấy nó vác cái xắc độ mười ký hơn. Một lần sa bằng ba lần đẻ. Lẽ ra phải kiêng cữ không được mang xách đồ nặng, cử gió máy, nằm lửa củi hơ cả tháng.

- Nói in như thiệt chưa, mình chỉ mới phỏng đoán là đêm qua con nhỏ chôn cái bào thai non tháng, chớ đào lên mới biết đúng hay sai. Lỡ không phải, mang tội lỡ miệng.

- Mụ làm tui tức ói. Đã cãi nhau một đêm qua rồi. Đã thỏa thuận xong là đêm nay mình làm phước đào lấy ra giúp mụ A, kẻo cái thai hư nằm trong cuộc đất. mụ làm ăn ngóc đầu không lên. Còn nghi gì nữa. Cái lối sống im ỉm cửa cả ngày, chỉ mở cửa đón cơm xách, chờ tối thui mới dám bò ra ngồi đờn suốt đêm trên thềm, không ai tới lui thăm viếng như rứa một là bỏ nhà trốn, hai là phòng nhì của ông bự ông to mô đó.

- Tốt bụng dữ a. Chớ không phải ông sợ nói bậy, mụ A chửi cho nát mả, còn con nhỏ không thèm ngó mặt ông. Cái bộ ông dòm ngó lom lom nó, răng tui nghi quá.

- Nghi cái búa! Mụ tưởng tui mê nó à? Tui thù hận con nhỏ kênh kiệu đó. Đến đất này mà không biết đi chào hỏi xóm giềng. Mấy lần nó đi học, tui đón đường hỏi thăm là nó lẩn tránh. Mấy người thuê nhà trước của mụ A, cũng dân xứ khác mà răng người ta biết điều dữ rứa. Đằng ni họ tên tuổi tác chi nó cũng không dám lộ, có tịch chi mới sợ sệt sống lén như rứa...

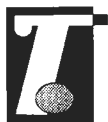
- Chào hỏi ông là biết điều. Làm lơ ông thì biến thành con gái thúi à. Đây là tôi chìu cho ông hết làm ràm chớ dưới mắt tui xương chậu của nó còn y nguyên, chưa phình rộng.

- Ủa lạ, răng đêm ni mụ đâm ra binh con nhỏ dữ rứa ta. Mấy hôm mụ cũng tỏ ý ghét nó lắm mà.

- Thì tui có kêu thích nó hồi nào đâu. Nhưng tui gai nhởn cái thứ đờn ông đi nói xấu đờn bà con gái như ông. Ông nói nhiều quá, mà nói một chập lộ cái tâm địa đục ngầu của ông ra. Máng cây đèn bên nhánh Ngũ trảo, móc cái hộp lên coi, tui cuốc trúng rồi nì.

- Mình à, con nhỏ ẩu thiệt, nó bỏ trong lon Guigoz. Tui mở ra coi một chút nghe mình. Nghe nói nó trắng nhớt in như con giấm.

- Đồ con tinh bánh nậm. Răng ông sành dữ rứa? Để tui, để tui đờn ông đừng xía vô, xui lắm. Mở không khéo nó văng tùm lum, không nên.



HOÀNG XUÂN SƠN

Nức nở hồng

Gửi tặng Đức Phổ

Ngồi lâu
phiến đá cũng mòn
ngón xiên tình động
hỡi hồn
sao đang
cuồng yêu trí lực suy
tàn
mù mây cũng xới trần gian
cuộc bày
rượu hờ
quên
hững
bàn tay
trắng thêm sầu đãng
lên ngày tịnh không
yêu
nức nở
một cụm hồng
trở thân gai nhọn
đâm lòng
thủy chung.

(tháng mười hai ngàn)
HOÀNG XUÂN SƠN



THẾ DŨNG

Cơn bão đêm qua chưa phải cuối cùng...

1
Ta Với Em lâu không ra Biển
Cho nên hôm nay xúyt xuống nhầm tầu
Cho nên bây giờ gió nghe như bão
Cho nên chân trời căng áo cho nhau

2
Ta với em lâu rồi không biển
Sóng động chiều nay rung núi xô đồi
Đau đáu xa xôi khát khao vẻ lạ
Con chữ di cư can trường mồ côi

3
Ta với em lâu không nhớ biển
Bao chuyện suối sông mắc bến, vướng bờ
Bao lời gió trăng chừng như phù phiếm
Biển chợt cả cười... Tan tác ưu tư!

4
Ta với em lâu không trên biển
Bao nhiêu thong dong. Bao nhiêu lênh đênh...
Bao nhiêu long lanh...Bao nhiêu mong manh...
Thơ không chóng mặt, không say... Không thành...

5
Ta với em lâu không nghĩ biển...
Mặc ai loay hoay dập xóa chân trời
Bao Thủy Mộ tan. Bao cuồng lưu xiết
Chợt ngộ chín chiều tiếng hát ma chơi...

•

6
Ta với em lâu không như biển...
Bất chấp bao nhiêu tàu đắm thuyền chìm
Mải hát vô tư bao lời ngọc lạ
Từng biết một ngày người cá thành chim...

7
Ta với Em lâu không là Biển...
Ta chật. Ta nông. Ta cạn. Ta tù...
Cứ tự tương tàn, nội thương, nội chiến...
Bỗng gọi nhau thầm. Chợt khóc âm u.

8
Ta với Em lâu không gọi Biển...
Thi Thoảng Thủy thần về lúc nửa khuya
Như hát ?
Như ngâm ?
Chân trời thổn thức ?
Hồ như Biển gọi ta thành Thiên Nhiên...

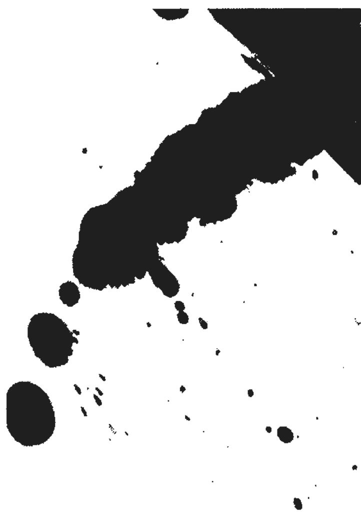
9
Ta với Em mãi chưa tới Biển
Làm sao quên được con trai Thổ công
Con gái Thủy thần như là ảo ảnh
Cơn bão đêm qua chưa phải cuối cùng...

THẾ DŨNG
Đan quốc- Thụy Điển- Đức quốc 06.10.00



TRẦN SA

Hai người đàn bà



Người đàn bà ấy.

Tôi sống bên cạnh cô rất nhiều năm nhưng lúc nào cũng giữ một khoảng cách. Có lúc thấy sợ khi nhìn đôi mắt cô lơ đãng đậu lên tôi, một đỗi, chẳng lâu hay mau. Cái đậu nhẹ, như một con bướm rập cánh xuống, rồi bay đi, như tôi chẳng là nhụy hương, chẳng ngọt đủ. Cô ta gầy. Còn đôi mắt, cái đậu nhẹ, hai con ngươi nâu, không bao nhiêu sức sống trong ấy. Chúng nói, "Hay tôi chết nhé, tôi đã sửa soạn sơ sài, sau hai cái đám tang đó, sẽ là một cái đám tang nhỏ, đừng khóc." Tôi nói, "Khóc chứ." Âm thanh nghẹn trong cổ. Cô hỏi, "Tại sao?" thật lơ đễnh. Nhợt nhạt lắm! Mỏng manh lắm! Tôi muốn hét lên. Tôi yêu cô. Tôi yêu cô hơn yêu Mẹ tôi, phải không, bà biết điều đó, bà ở trong máu tôi, bà muốn thế. "Tại sao?" tôi hỏi. Cô nói, "Tại sao gì? Thật sự, tôi chỉ muốn nhảy lộn vèo về phía sau. Một cú nhảy ngoạn mục, vào cái thời điểm lúcvở tuồng chưa bắt đầu..."

"Những bài ca của hắn ta thường mù mờ," cô nói. Tôi hỏi ai, cô cười nhạt, "Khiếp, tội ác, chiến tranh! Bắt đầu từ hai người, một người đàn ông và một người đàn bà không hạnh phúc." Anh bạn của chúng tôi nhảy cẫng lên như một đứa con nít, "Duyệt! Thì chúng cứ

sinh đàn sinh đống đau khổ và các thứ lung tung khắp nơi ấy mà!..." "Có ai ở đây đang hạnh phúc không?" Cô hỏi. Anh bạn phe phẩy quạt, nhe răng cười, "Có! Có!" rồi lặng người, không đùa nữa. Những ngọn đèn li ti nhiều màu trên các cành cây chớp nháy. Trời đứng gió, đêm rìn rịn, cũ kỹ. Cả bàn tiệc im lặng rã rời. Cô hát:

"Trước đây không lâu
Tôi đứng trên cầu
Trong đêm nâu...
Bài ca từ rất xa đã đến
*Và hồn tôi, này đàn đã lên giây..."**

Rồi thở ra, "Nhưng chẳng ai đàn cả... Thế mới sinh chuyện."

Lúc nào tôi cũng lẩn quẩn bên người đàn bà, vẫn có khoảng cách. Thỉnh thoảng cô cởi áo, tự nhiên như trong nhà không có ai, như thân thể cô chỉ là một chiếc nhẫn, chưa hoen rỉ, trong hộp. Cô cầm lên, ngắm nghía, thả xuống, "Vai này, vú này, cẳng này.... Ngủ hết đi!" "Còn tôi," tôi hỏi. Cô ta nhìn một khóe mắt, "Ai? Ngủ đi!" Tôi uất ức, "Đời sống đâu phải chỉ là những giấc ngủ?" Cô ta dịu xuống, "Đêm là lúc để ngủ. Ngày hỗn độn, điên khùng lắm. Muốn giữ đầu óc cân bằng, thì phải ngủ. Ít nhất tám tiếng. Còn bao nhiêu là cái bẫy, những cái bẫy như mạng nhện. Người thì cứ muốn biến thành nhện và ruồi. Điên rồ!"

"Hai giấc ngủ không giống nhau," tôi gợi chuyện. Cô ta ừ, đóng cái hộp nhỏ bọc nhung lại. Những ngón tay lấp lánh lạnh. Tôi muốn đưa hai bàn tay mình ủ chúng vào, nhưng cô đã thoăn thoắt chạy xuống nhà, những tiếng nói xanh nhẹ nhàng vang lên, đối đáp vu vơ. Tôi nghe cô hỏi. "Đói lắm không?" Và chúng nhõng nhẽo, sắp khóc, "Hãy kéo những cái rèm cửa ra. Thật thèm nắng...!" Cô vội vã kéo tung những rèm cửa. Những khuôn mặt tươi xanh ngắt, hình dáng chưa nẩy nở của một đám con nít chường ra. Mấy ngón tay cô đầm ấm một chút. "Nào, được chưa?"

"Bọn con nít đó cũng sẽ khóc," tôi nói sau lưng, khi cô đang cắm vào bình những đóa hoa trắng tinh, chuẩn bị đốt trầm. Cô cười nhẹ, "Làm thế nào khác, khi người ta cảm thấy mình đã sống đủ rồi. Cái gì mà đã chẳng nếm thử..." Và thở ra một hơi dài, mỏng. "Cái đời này, mệt quá.... Mệt thật đấy!" "Còn tôi?" Tôi chảy nước mắt. "Và tôi

nữa. Tôi nữa. Tất cả chúng tôi. Ai cũng yêu cô cả, không thấy, không thấy sao?" Cô hơi giật mình như đang đau ở tim, "Ai?" " Không thấy, thật!" cô hỏi rồi tự trả lời, giọng đắng đi, yếu hẳn. Cô để chiếc hộp nhung xuống bên lọ hoa, "Không đủ đâu. Chẳng ai đánh thức được nhau. Tôi không thấy linh hồn rộn lên trong máu, thịt, xương. Chúng vẫn ngủ, như sợ hãi quá, bóng tối quỉ quyệt ngu xuẩn, hung bạo."

Những người bạn của chúng tôi vẫn còn ngồi nghiêng ngã dưới những ngọn đèn li ti đã thôi chớp nháy ngoài quán, gà gật sau một trận rượu bí tỉ. Xương chim cong quắp rãi đầy dưới gậm bàn, cạnh những chiếc tất ủng thối. Cô ra lệnh, "Ra mà trông chừng họ. Thấm một ít khăn ướt và làm vài ly nước chanh. Ôi, đổ lửa vào họng, não nuột đổ lửa vào trong ruột, tội nghiệp! Thế mà cứ bảo có, có..."

"Nhưng cái trò bày hoa đốt trầm này..."

Cô ta cười, giọng chợt trong trẻo như trẻ con, gắt, "Còn lâu lắm! Đi đi...!"

*

Người đàn bà tôi.

Rốt cuộc cô cũng trở về. Cô có vẻ buồn ngủ sau mấy tuần tưởng đâu đã biến mất khỏi trái đất. Căn nhà làm như không nhận ra cô nữa, cả những đứa con nít đang ốm tong teo vì đợi. Chiếc điện thoại màu đen trong bếp réo lên liên hồi. Bao nhiêu ngày không làn sóng nào ở đây nối được với những sợi thần kinh cô.

Cô uể oải cởi áo đi tắm. Tôi hồi hộp nhìn bầu ngực cô đang căng lên, nâu rám. Có gầy đi thêm một chút, nhưng mà cái màu hồng rạo rực trên mặt.... Và hai con mắt, hai con ngươi đổi đen, ướt rượt. Cô đứng trước gương, mình trần. Tim tôi đập nhanh hơn. Cô lấy lọ phấn thơm, thấm trên những đầu ngón tay bôi chậm vào hai nách, xoa trên ngực, xuống đùi. Chúng nẩy nhẹ, cười khẽ. Cô cũng cười, "Lạ à?" rồi thu dọn đống quần áo ngổn ngang trên sàn cho vào chiếc giỏ mây, mặc vào chiếc áo ngủ có in hình những con cá bé tí đang bơi trong nước xanh, thầm thì, "Thơm lắm!". "Thơm hả?" tôi hỏi, muốn hít thử chiếc áo mềm lả quấn quít trên da thịt mới dội tắm. Cô chậm rãi rót cà phê, ngồi xuống bàn, đốt một điếu thuốc, nhìn ra sân. Nắng sớm vàng óng. Những con chim của cô chưa về hót, nhưng thế giới của cô hình như không vắng lặng. Tôi áp tai kề ngực, từng nhịp đều, nhanh. Bàn tay màu mật mân mê, cò cọ cây bút, vuốt ve tờ giấy bằng hai ngón giữa và áp út.... Khoảng sân ngập tuyết, lạnh ít nhất cũng mười lăm độ âm, nhưng hơi ấm từ người cô cứ tỏa ra như lò sưởi. "Nhìn gì vậy?" tôi

hỏi. Cô không trả lời. "Thấy gì ?" tôi hỏi lần nữa. Cô cười, mơ màng đưa cườm tay lên, áp môi, ngầm ngậm, mút. Chiếc lưỡi như con rắn nhỏ vẽ vòng những đường tròn quanh một điểm. Cô dịch cườm tay, long lanh ngắm cái đốm hồng. Lại mỉm cười, như đang cười với ai đó, thật âu yếm.

Cô cúi xuống, viết chậm rãi. Tờ giấy trắng hơi ưỡn mình hút lấy những nét chữ mềm mại. Mẹ yêu quí, rồi thì con cũng tìm thấy điều Mẹ đã đi tìm hơn sáu mươi năm. Con đang yêu, để có thể yêu cái đời sống mà Mẹ đã ban cho, không ngắn quá, không dài lắm, với những cái đẹp, tuyệt đẹp phút giây. Con đăng nhìn chúng say đắm. Dù biết mình sẽ chẳng giữ được gì. Có ai giữ được gì mãi mãi. Nhưng thời gian là cái gì con không thật sự biết rõ được, mà cũng chẳng cần phải biết. Con chỉ biết một điều, ngay lúc này, hạnh phúc là hạnh phúc với kẻ khác.

Một người đàn bà. Có một người đàn bà. Không còn khoảng cách. Cô có thể giữ những đứa con trong vườn xanh hơn vào mùa xuân. Cô đã đeo chiếc nhẫn lên ngón tay. Không dài lắm, không ngắn quá. Thon, cứng cáp.

TRẦN SA

*Thơ F.W.Nietzsche



NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

Người con gái bên kia sông

và Ba Mạ Dũng Lâm...



Đừng nói rằng em không muốn tu
Nên nói rằng em đã tu
xong rồi.(1)

Trăng, sáng vằng vặc trên cái xóm nhỏ không có điện, không có bụi mịt mù, và không có khói xe. Trăng, bàng bạc trên những mái tôn, mái tranh, mái ngói. Sáng lóng lánh trên những bụi cây ướt đẫm sương. Trăng, đổ xuống đất, xuyên qua những tàng phượng, làm thành những vòng sáng loang lổ. Trăng, sáng đến thấy cả bóng mình đỗ dài trên con dốc, trước sân nhà thờ. Cái bóng nhỏ nhắn, của Hắn và cái bóng cao gầy của Luân, chùng áo thâm, chập chờn bên nhau. Hắn và Luân, đã đi loanh quanh như thế từ khi trời chập tối. Và kể cho nhau nghe biết bao là chuyện, chuyện vui, buồn, chuyện bạn bè, chuyện xưa, nay, chuyện xóm đạo của Luân, chuyện "bên kia trời" của Hắn.

Gió thoảng, Hắn giật mình như ai vừa cấu vào núm ruột, mùi hoàng lan và mùi Thiên lý quyện vào nhau.

"Mùi Thiên lý, Luân ạ! Cả mùi Hoàng lan nữa."

"Cả mùi Thiên lý lẫn Hoàng lan đều từ vườn cũ của cô."

Có những bài hát, có những mùi hương, đưa ta về ngay chốn cũ.

Đã bao nhiêu lần, Hắn khao khát được gặp lại người và cảnh của năm xưa, một lần trước khi chết.

Biên giới giữa thiếu nữ và đàn bà là hãi hùng, là đau đớn, Hắn không muốn hồi tưởng.

Nhưng biên giới giữa trẻ thơ và thiếu nữ là đây, nó là hoa là nhạc, là giấc mơ êm mà không ai muốn quên ...

Luân đưa hắn về nhà xứ. Và ân cần chăm sóc, một cái áo khoác, một ly cà phê, một tiếng đàn. Đôi khi nhớ về một điều gì, Hắn nói không dứt, Luân chăm chú nghe, và thưởng thức câu chuyện của Hắn. Đôi khi Hắn khóc, Luân yên lặng đặt bàn tay lên vai, lúc muốn yên lặng, Luân yên lặng cùng Hắn. Rồi Luân đàn cho Hắn hát, tiếng đàn Luân vững, nhưng nghe khô, cứng lạ lùng. Dù bài hát mềm như tơ:

Đôi khi nắng qua mái hiên làm tôi nhớ ...
Đôi khi có mưa giữa khuya hồn tôi bỗng vu vơ ...

Đôi khi bỗng nghe bước chân về đâu đó của em... (2)

Luân lặng nhìn Hắn rồi nói:

"An phải đổi kiểu hát, hay đừng hát nữa, cái láy của An trong bản nhạc sũng nước mắt, đời sẽ buồn thôi."

"Ừ, có lẽ."

Hắn xoay ghế qua hướng bên phải, phía nhà xứ các xơ, Luân cũng xoay ngang ngồi với Hắn, rồi cười cười:

"Sao, muốn về lại nhà xưa không?"

"Sao nghe dày mặt như Thuý Kiều tái hồi Kim Trọng, Luân ạ."

Căn nhà bên đó, chìm trong bóng đêm, chỉ có khung cửa sổ ánh lên một vũng sáng nhỏ và yếu, trời sắp mưa nên nặng nề, trăng không biết đã lặn đi đâu. Ễnh ương rền rỉ. Lại một bản hòa tấu của côn trùng đưa ta về chốn cũ.

Mười sáu tuổi, Hắn nằm đó, cái giường thứ sáu là giường cuối cùng sát cửa sổ. Những đêm trăng như đêm nay, gió, trăng, trãi lên người trắng lạnh. Ban ngày, Hắn vẫn là một con bé hồn nhiên. Nhưng đêm xuống, cái mênh mông của đồi núi, cái bãng lãng của đồng quê, và cái khung đời Hắn đang sống, như một tháp ngà, hình như cô đơn, cô đơn lắm. Và bên ngoài tháp ngà, hình như lung linh sáng, dường có ai đang chờ. Đôi khi Hắn nhớ, đôi khi Hắn tương tư một

người đàn ông nào đó, chưa gặp mặt, có khi quay quắt thèm một vòng tay của ai đó, chưa hình dung ra. Một vòng tay, chỉ thế thôi, con bé mười sáu tuổi, con của Trời.

Có lần Dì Sâm gội đầu xong, đứng chải đầu trước gương, dượng Phe đi làm về, đứng bên, ôm nhẹ, chải tóc cho dì, rồi dượng xoay người dì lại, bốn mắt họ xoáy vào nhau, và Hắn đi vào phòng úp mặt vào gối lên cơn sốt. Có đôi mắt nào chờ hắn, ở đâu, ở đâu đó, và Hắn khóc vì nhớ.

Mười giờ ba mươi phút, mỗi đêm, tiếng đại bác vọng lại, Bình, Bình đều đặn, dội sâu, sâu lắm, đến nát cả hồn. Đại bác từ một đồi núi nào đó phía Đông, bắn qua đồi Tây ngang qua xóm đạo, mỗi ngày đều đặn, đúng giờ. Như đúng giờ thì gà gáy, như đúng giờ thì đạn nổ ... Và dân làng, vẫn ngủ ngon, không một mảy may trăn trở. Vì họ biết là đạn sẽ không rơi trên đầu họ, nhưng mà dư âm của tiếng đại bác xa xa vọng lại, như nỗi buồn có gai, châm chích mọi ngõ ngách trong hồn Hắn. Và Hắn thấm nỗi buồn của Bích Khê: "*Buồn vương trên thân cây Ngô Đồng*". Ôi cây Ngô Đồng đầy gai ... Ôi chiến tranh như vết thương không bao giờ lành, sần sùi trên da thịt non ...

Đại bác xoáy xuống đất, sẽ có vài xác người, bên ta, bên địch, tung lên trời rồi rơi xuống, xác tung toé cùng mảnh đạn, đất đá. Giờ này, có người mẹ, người vợ đang ngủ ngon, đâu biết xác con, chồng mình vừa nát bấy.

Bao nhiêu là mơ mộng, bao nhiêu là trăn trở, bao nhiêu là bâng khuâng day dứt. Thượng Đế, tình yêu, quê hương bom đạn ...bên trong vuông cửa sổ đó.

Và giờ này, bên trong cửa sổ, nơi cái gường thứ nhất, có lẽ, vẫn còn một người con gái, đã chôn một mối tình, đã từ khước chỗ nằm bên người chị yêu, để chọn chỗ nằm đó, một mình, đã ba mươi năm. Chị có từng, và có còn mơ mộng trăn trở như Hắn không, sao chị còn nằm đó, trong khi Hắn đã quay mù mịt giữa giòng đời.

Hắn trông đến ngày mai để gặp chị.

"An đó hả - lại đây, lại đây để chị nhìn em, chị cứ tưởng không còn nhìn thấy em nữa."

Mắt chị sáng lên, chị nắm tay Hắn, bàn tay mát lạnh, nghe như nước cam lồ chảy dọc suốt qua hồn.

"Chị vẫn nhận ra em à!"

"Chị vẫn thường nhớ tới em, vẫn hình dung em cười nói lăng

xăng đi ra đi vào trong nhà này."

Hắn nhìn quanh, từ cái bàn, cái tủ, cái móc treo áo, cái ly uống nước vẫn như cũ, không thay đổi, chỉ có chị già đi, nhưng vẫn duyên dáng.

Ngày Hắn đến đây, mười sáu tuổi, chị Mai hai mươi lăm, chị đã là "xơ".

Đời chị Mai đáng lẽ cũng phẳng lặng như Luân. Mười tuổi đi tu, cũng qua từng bước từng bước như Hắn đã đi. Hai mươi ba tuổi chị làm "xơ" và về giúp cho xứ đạo này. Chị duyên dáng, có giọng nói trầm trầm dịu dàng quyến rủ. Khi Hắn đến, chị đã ở đây hai năm. Buổi chiều, chị và Hắn thường đi dạo quanh sân nhà thờ, nếu có một đứa bé đi ngang qua, hay ngay cả một người lớn, họ đều lễ phép "Con chào 'xơ', chào cô". Chị liền nói cho Hắn nghe về họ "Con bé này, con bà Sáu Liễu ở xóm Gò, cha nó chết trận, mẹ nó làm thuê cho ông Hai Vinh, nó bị đậu mùa năm sáu tuổi nên mặt rổ." Hay là chị kể cho Hắn nghe về người đàn bà vừa chào: "Chị Phiên ở xóm Gò, không có chồng, dù đã bốn mươi tuổi, chị Phiên năm nọ lỡ có bầu, cả làng từ già đến trẻ phỉ báng. Chị ôm bụng bỏ làng đi, nghe đâu đi ăn mày, rồi cuối cùng, ôm con về lại, để tiếp tục chịu người ta khinh khi, nhưng có cái chòi lá hương hỏa để ở, và có rẻo đất để trồng rau".

Chị Mai, có thể nói về cá tính, hoàn cảnh của mỗi một người trong xóm đạo, cũng như mỗi người trong xóm đều biết rõ về nhau. Cả cái xóm đạo miền Trung nghèo nàn, xơ xác, hiền lương, bỗng dưng có một người con gái, một xơ, người Bắc, xinh xắn lạc vào, người ta coi chị như một bông hoa xinh xắn, một thánh nữ. Rồi thời gian trôi qua, người ta coi chị như người làng. Riêng với Hắn, chị như một loài cây qúy, lạ, ai đó trồng vào giữa làng, giờ đã thành cổ thụ.

Trong nhà xứ, trong trường làng, chị Mai từ một 'xơ' trẻ nhí nhảnh hồn nhiên, rồi trở thành "bà" hiệu trưởng, rồi chị già đi, chị thay thế chức vụ của "bà Nhất" vừa qua đời, chị trở thành "bà Nhất". Chị đeo kiếng lão, chị ngồi ngay cái ghế dành cho "bà Nhất", chị may vá, chị cầu nguyện, chị có cái dáng lom khom của người già, nghiêm nghị của một bề trên. Bỗng dưng Hắn giựt mình đi soi gương, Ô! Hắn cũng không còn trẻ nữa.

Mười tuổi, Hắn có một khuôn mặt sáng choang, nhưng gầy như một con nhái mén, và là niềm lo lắng cho cả nhà, nhất là mẹ. Hắn có một thế giới riêng, gồm những đồ chơi, sách truyện và những vật

dụng ngộ nghĩnh. Đi học về, cứ lẫn quẫn trong thế giới đó, chẳng để đầu óc vào bất cứ một thứ gì khác, mọi sự chung quanh chẳng liên hệ gì đến Hắn. Ăn thì ngày qua ngày chỉ một món duy nhất, không có thì nhịn, không đòi hỏi, và có thể nhịn ăn vài ngày không thắc mắc. Một Chúa Nhật, mọi người sửa soạn đi lễ sáng, không tìm thấy cái bàn ủi, để ủi áo quần, ba la lớn tiếng, mẹ la, chị dâu cằn nhằn, anh Hai cốc vào đầu một cái nên thân, ngay cả con em cũng làu nhàu, vì Hắn là người dùng bàn ủi nhiều nhất, nghĩ là Hắn xài không cất, để lũ nhỏ ăn cắp mất, nên ai cũng chĩa vào Hắn mà mắng, Hắn yên lặng hồn nhiên, chẳng buồn, chẳng giận hay cãi cọ với ai. Đến chiều, cả nhà ăn cơm, thằng bé hàng xóm, đem qua trả cái bàn ủi.

"Thế ai cho con mượn?"

"Bác trai cho con mượn hôm qua."

Cả nhà, mỗi người lại mắng Hắn một câu

"Có miệng, ai nói oan nói ức phải biết cãi chứ."

Hắn cứ ngồi, yên lặng, hồn nhiên, không buồn không vui ...

Một lần nữa, ba mẹ gây nhau dữ dội, cả nhà căng thẳng ... đến con chó cũng sợ, chui xuống gầm giường trốn. Hắn thản nhiên ngồi vẽ hình rồi cười nói vu vơ:

"Hồi mình mới dọn nhà lại đây, con mèo nó mừng quá hở?"

Ba mẹ ngừng cãi lộn, nhìn Hắn lo lắng. Tối hôm đó, mẹ tuyên bố với cả nhà:

"Trời bắt phải tội, đẽ ra đứa con, nó khờ khạo, dại dột, bất bình thường, phải thương em, tao cấm tiệt không đứa nào được la em."

Hôm sau, ba đem Hắn đến tất cả những bác sĩ tâm thần trong thành phố để khám, ba mẹ sợ Hắn điên - Kết quả, là khỏe mạnh bình thường. Rồi mẹ lại đem Hắn đến những thầy bói nỗi tiếng trong vùng, mẹ sợ Hắn bị ma ám. Ông thầy bói cuối cùng, sau khi đốt nhang đèn khấn vái, đổi thành giọng đàn bà, nghe nói là bà nhập. Ông nói với mẹ:

"Con bé của bà là con Trời con Phật, không phải con bà đâu, phải trả nó lại cho Trời Phật mới yên."

"Thì phải làm sao thưa thầy?"

"Phải cho nó đi tu, nếu lấy chồng sẽ không có được một ngày hạnh phúc."

Dẫn Hắn về, mắt mẹ đỏ hoe, mẹ cứ ôm Hắn rồi khóc, bà chiều chuộng Hắn đủ điều.

Một tháng sau, mẹ dẫn Hắn tới một ngôi Chùa ở ngoại ô, có người bạn thân của mẹ đang là sư nữ ở đó. Mẹ xin cho Hắn tu, vị sư cô ôm Hắn vào lòng dỗ dành:

"Con ở đây tu với sư cô nhé, cô sẽ cưng con, không tu thì lớn lên phải lấy chồng, mà con không có đường tình duyên tốt lành, sẽ khổ cả đời thôi con ạ!".

Thấy vị sư cô hiền lành, lại có vài đứa nhỏ cở tuổi Hấn đang ngồi học kinh, trông ngồ ngộ, Hấn bằng lòng. Mẹ để Hấn lại chùa, khóc lóc dặn dò rồi đi về.

Mẹ là một phật tử, lấy chồng theo đạo, nên lòng mẹ lưng chừng nửa Phật nửa Chúa. Khi nghe ông thầy bói nói, "con Trời con Phật", mẹ liền đem Hấn vào chùa, nhưng ba không chịu, ba đem về, thế là Hấn tu ở chùa được ba tháng, chưa kịp xuống tóc.

Bắt đầu năm lớp Bảy, mẹ lại cho Hấn đi tu, lần này thì đem vào dòng các "xơ".

Mấy ngày đầu, mẹ lo lắng, nên mướn một khách sạn gần dòng tu, ngày ngày cứ lượn qua lại trước nhà dòng, coi có nhìn thấy Hấn, cho đến khi mẹ thấy Hấn cười giỡn với lũ bạn trong sân, mẹ mới yên tâm đi về.

Ba tháng sau về thăm nhà, Hấn lên được hai ký, mẹ hớn hở ra mặt.

Và cuộc đời Hấn, tuổi nhỏ, tuổi con gái, trôi qua trong nhà dòng, bên cạnh các xơ, và một lũ bạn bè cùng khờ khạo như nhau, lúc nào cũng khôn sau tuổi.

Mười bốn, mười lăm tuổi, Hấn trổ mã, to lớn vạm vỡ như một gã đàn ông, học giỏi, nhưng môn Nữ Công Gia Chánh, lúc nào cũng đứng chót. Bù lại, Hấn là cầu thủ bóng chuyền số một của trường, cứ vài tháng lại đi đấu với trường khác. Những lúc đấu với trường con trai, đôi khi thắng, có lẽ họ nhường, nhưng đấu với đội banh con gái trường Thọ Nhân, mười lần, thì đoạt giải nhì cả mười. Có lần tụi nó biểu cầu nguyện trước khi đi đấu. Hấn cầu nguyện lớn tiếng "Xin Chúa cho chúng con đi buôn chuyến này được huề vốn", nhưng Chúa không nhậm lời, nên tụi Hấn chả bao giờ được huề cả.

Ngoài ra, Hấn cũng còn nhiều tài năng khác, như khi cần một người leo mái nhà, trèo cây, giăng đèn Giáng sinh chẳng hạn, bao giờ Hấn cũng được sai. Cần một người thợ phụ, sửa nhà, sửa trường, sửa ống nước, khiêng vác, bao giờ cũng là Hấn.

Trong mấy năm liên tiếp, Hấn vẫn được bầu, là người xuất sắc nhất trong vai tì nữ. Ở trường, lúc nào có văn nghệ, cần một

người đóng những vai ỏng ẹo, ẻo lã như là Điêu Thuyền (tán Lữ Bố), tì nữ (ỏng ẹo với vua), tiên nữ (dâng đào tiên cho Lưu Nguyễn) lúc nào Hắn cũng được chọn, và Hắn diễn, xuất sắc lạ lùng.

Một lần, trường tổ chức hội chợ, vì là trường con gái, trường bà xơ, nên được các trường khác chiếu cố nhiệt liệt. Hắn và ba đứa khác phụ trách gian hàng "bàn tay ngọc", ai ném trúng vòng vào bàn tay của người đẹp, thì thắng. Học trò con trai la ó um sùm quanh gian hàng tụi Hắn. Bên Tiểu chủng viện, cũng ùa qua. Xế chiều, Luân và người bạn tên Vịnh, tới vòi vĩnh Hắn.

"Cô ơi, sáng giờ đánh đâu thua đó, thua nhiều quá giờ cô cho giải an ủi đi"

"Được, hai chú vào đây."

Hắn đẩy Luân và Vịnh vào hai ghế ngay giữa sân khấu, chung quanh đầy những người là người, đám học trò nhìn sững vào hai chú, chờ một trò gì đó mới lạ, chắc là sắp được xem. Luân, Vịnh nhìn xuống, cả trăm đôi mắt đang chiếu lên, có phần sảng hồn, định vùng chạy, nhưng Hắn và đám bạn đã vội ấn vai xuống:

"Ngồi xuống chờ các cô rảnh sẽ đến an ủi, chưa an ủi hai chú câu nào thì chưa đi được đâu"

Biết bị gạt, Luân và Vịnh cố vùng chạy, nhưng bị tụi Hắn ấn xuống ghế như tội phạm, và hai thư sinh chết trân trước mấy trăm đôi mắt của đám học trò đang cười nắc nẻ. Câu chuyện hai chú bên Tiểu Chủng Viện, bị hai cô "đệ tử" bắt ngồi tù trên sân khấu đã trở thành một giai thoại rất lâu trong hai nhà dòng con trai, và con gái. Sau đó, Luân cứ tìm cơ hội trả thù, nên, Hắn và Luân thành bạn thân.

Những lần về nghĩ hè, tết. Hắn và Luân thường lang thang đi chơi khắp hang cùng ngõ hẽm. Có lần Luân phóng xe đạp đến nhà Hắn.

"An, tao có hai trăm đi chơi không?".

Hắn phóng lên một xe đạp khác, và hai đứa đi ăn vặt. Ăn từ sáng đến trưa, đến chiều, vẫn chưa hết tiền, nhưng mệt, nên rủ nhau vào rạp xi nê ngồi nghỉ. Đó là rạp xinê chuyên chiếu phim hoạt họa cho con nít. Hôm đó hình như đang chiếu phim gì đó hấp dẫn, con nít ngồi chật rạp, và ồn hơn cái chợ. Luân hét lên: "Học sinh im" vài chục cái miệng phản xạ tự nhiên rống cổ hét lại "lặng". Hơn ba trăm cái đầu quay về phía có hai cái đầu cao lêu khêu, rồi ba trăm cái miệng rống lên cười vỡ rạp. Hắn chui xuống sàn cười lộn cả ruột.

Mười lăm tuổi rưỡi, vừa học xong lớp Mười. Bọn Hắn được học Sư phạm cấp tốc trong ba tháng hè, để đi dạy học ở các xứ đạo một năm, trước khi về trường học tiếp lớp mười một. Nhà Dòng đưa đi, là để tập phục vụ, và cũng để đám trẻ xông pha vào đời, nếu thấy đời hấp dẫn, thì về mà lấy chồng. Nếu qua một năm thử thách, vẫn muốn tu, thì về lại Dòng tiếp tục tu.

Hắn được đưa về xứ đạo này.

Và mười năm sau, Luân cũng được đưa về xứ đạo này, để làm cha phó.

Bây giờ, Hắn đã đi xa lắm....lang thang khắp nẻo đường trần.

Nhưng đôi mắt, vòng tay nào chờ Hắn, bên ngoài cửa sổ, tuổi mười sáu, vẫn vời vợi xa xôi...

Xóm đạo này nghèo lắm. Học trò Hắn học một buổi, còn một buổi phải làm rẫy, hoặc đi đốn củi đem ra chợ bán. Mùa gặt, lớp vắng tanh vì học trò phải đi gặt lúa cho nhà, hoặc đi gặt thuê. Chúng sống lạc hậu, thậm chí phần nhiều chưa bao giờ nhìn thấy cái bàn chải đánh răng.

Hắn dạy lớp Một, và lớp Bốn, học trò lớp Bốn có đứa lớn hơn cô, phần nhiều xấp xỉ tuổi cô. Ở đây họ trồng thuốc lá, nên hầu hết hút thuốc, vào lớp mỗi đứa vắt vẽo một điếu thuốc lá ngọn, lớn bằng cái kèn, sau Hắn cấm tiệt, có đứa vì nghiện thuốc lá mà bỏ học. Học trò lớp một, cha mẹ dẫn đến học ngày đầu, ít ai có giấy khai sinh, tên và tuổi rất mơ hồ. Đẻ con ra, đặt một cái tên nào đó như là Dư, Thừa, Thìn, Tị, Ngọ, Bé, Gái...Đến khi đến trường, hỏi tên họ, bà mẹ mới giật mình:

"Cha nó họ Trần, thôi thì Trần Thị Ngọ đi"

Hỏi tuổi bà trả lời mau mắn:

"Dạ, cháu tuổi Ngọ."

"Tuổi Ngọ là mấy tuổi thưa bà?"

"Ờ để tui tính coi Tí Sửu Dần Mẹo Thìn Tị Ngọ, ồ vậy là nó tám tuổi."

"Dạ cháu muốn biết ngày tháng năm sinh."

"Ui cha, tui già vậy còn không có nữa huống chi là nó."

Buổi học đầu tiên trời mưa, lớp học dột, nước chảy từng dòng, có đứa cười toe toét cởi phăng quần áo, ra hiên tắm mưa, có đứa khóc đòi về mẹ, gà vịt ngan ngỗng chó heo chạy ngỗn ngang trong lớp, làm nao cả lòng cô giáo mười sáu tuổi.

Làng mạc nghèo xác xơ, nhưng ngôi nhà thờ thì nỗi bật trên ngọn đồi thoai thoải, nguy nga, đồ sộ do Pháp xây từ trăm năm trước, giữa phong cảnh hữu tình. Bụi thời gian đã hằn lên từng phiến đá, từng bờ vôi loang lỡ, một nét cổ kín u hoài rất thơ. Cảnh đẹp và quá tình nên lúc nào cũng cảm thấy thiếu một người bên cạnh...

Mười sáu tuổi. Sắp bước vào đời, đứa con gái nào mà không mơ mộng, mà không bâng khuâng, khắc khoải về đời mình sau này ...

Và nỗi băn khoăn, khắc khoải, vô cùng của Hắn, về con người, là dáng ngồi chị Mai... Chị đàn guitar rất hay. Hồi đó, ban ngày chị mang áo dòng, đội lúp trắng, là "xơ hiệu trưởng", uy quyền số một trên ba trăm đứa học trò, Hắn cũng nhìn thấy sự chững chạc, vững vàng của chị. Nhưng đêm đêm, chị xõa tóc phủ lưng, chiếc áo bà ba nâu, chị ngồi đàn ở một góc vườn, xoay lưng về phía giường Hắn. Và Hắn lạnh buốt vì sự cô đơn tột cùng, của một con người, của chị.

Bài học (lóm) đầu tiên về tình yêu, là mối tình chị với anh Phương. Hắn và chị vào tiệm bán đàn của anh Phương. Cái giây khắc hai đôi mắt họ vừa chạm vào nhau, là Hắn đã biết, đã linh cảm một điều gì, mạnh như là nỗi chết ... Anh Phương bỏ tiệm, ngẫn ngơ đi theo Hắn và chị Mai về tới nhà xứ, anh mất hồn ngay từ lần đầu gặp chị - Còn chị trầm lắng hơn, tiếng đàn chị bi thiết, não nề hơn, mỗi đêm. Hằng tuần, chị và Hắn đi chợ tỉnh một lần. Yếu lòng vì anh Phương năn nỉ, Hắn gạt chị:

"Vào nhà này với em, em có chút việc."

Vào nhà anh Phương, chị run lên, anh Phương ngẫn ngơ quên chào, Hắn lẻn lên sân thượng, thả chị trong phòng khách của anh Phương nguyên buổi chiều. Hắn biết, đó là buổi chiều vàng son duy nhất trong đời anh Phương và chị. Trên đường về nhà, chị nắm chặt tay Hắn, run rẩy và yên lặng, chị muốn chuyền cho Hắn, hạnh phúc, hay là đau thương của chị. Hắn thương chị, thương anh Phương và thương Hắn quá đỗi...

Có những lần, nữa đêm chị thức Hắn dậy:

"Ra ngoài này với chị"

Theo chị ra vườn, chị nắm tay Hắn, ngồi lặng như tượng đá, Hắn ngồi một bên, dựa vào cánh tay chị và khóc cho chị. Hắn như một nhân chứng, một đứa con, đứng giữa cuộc tình vô vọng và thánh thiện của chị và anh Phương. Thỉnh thoảng, chiều Chúa Nhật, anh Phương vào thăm, chị ra nhà khách, và đem Hắn theo, chị nhìn anh cười bằng mắt, vân vê chéo áo, hỏi vài câu vu vơ, rồi yên lặng, rồi buồn như lá úa

... Anh nhìn chị, lặng vài giây vì xúc động, nói vài câu vu vơ, nhìn chị, ngó nắng ngoài hiên, rồi cúi đầu da diết ... Chia tay nhau, anh Phương ôm riết Hắn vào lòng, gục mặt vào tóc Hắn lâu lắm, rồi buông ra, đi về vội vã, như đứng thêm vài giây, tim anh sẽ vỡ ra. Anh về, chị Mai và Hắn lặng nhìn theo, Hắn cầm tay chị đặt lên tóc, chỗ còn nhòe ướt vì nước mắt anh Phương, Hắn và chị đều hiểu, anh ôm Hắn vào lòng, qua hình ảnh chị. Chị rơi xuống ghế, mất hồn, Hắn ngồi xuống đất, áp má vào đùi chị, khóc cho chị, cho anh Phương, và cho cuộc tình Hắn sau này, nếu có.

•

Ở lại nhà xứ hai ngày với chị Mai, là bà Nhất, hai xơ trẻ, hai cô tập tu, như Hắn ngày xưa. Ban ngày cả nhà đi dạy, Hắn đi loanh quanh một mình sờ từng gốc cây, ngọn lá ngoài vườn. Này là cây Na, hồi đó Hắn hái trái già dú vào khạp, đến ba ngày, thò tay vào thử chín chưa, thì té xỉu vì một ổ chuột con trong đó. Này là vườn dứa, do chị Sáu làm thuê cho nhà xứ, trồng mỗi năm hai vụ. Hai mươi lăm năm sau, vẫn là một vườn dứa, trồng đúng theo hàng lối ngày xưa, không hề xê xịch. Hàng rào Chè Tàu vẫn y nguyên, cây Sầu Đông to gấp đôi, bóng đổ che cả góc vườn, hoa tím bé như hạt gạo, từng chùm. Gió thoảng, hoa tím lã tả bay, vương cả trên tóc, trên áo Hắn. Rồi cái giếng nước cạnh cây vú sữa, là nơi ngày xưa Hắn hay lẻn ra ngồi, viết vu vơ, vẽ vu vơ, buồn vu vơ ... Hoàng Lan thoảng hương ngào ngạt. Cây Ngô Đồng, thân vẫn xù xì gai, hoa đỏ thẫm, xòe ra như ngón tay con gái. Và Phượng, chao ôi là Phượng, trước sân nhà xứ, sân nhà thờ, trường học, lối đi, đỏ rực hoa Phượng ... Những lá Phượng già bị gió cuốn bay, la đà trong nắng. Rồi ve sầu, kêu râm ran từng hồi, không inh ỏi như tiếng động cơ thành phố, mà nghe như nhạc, điệu nhạc đồng quê.

Hai ngàn người trong xóm nhỏ, có ai biết là họ hạnh phúc, vì ở trên một miền đất hiền hòa, thơ mộng như thiên đường. Hai ngàn người trong xóm nhỏ, chưa hề được nếm mùi tiện nghi của thời đại, không mấy khi được ăn no, họ có biết là họ thiệt thòi, hay vẫn hồn nhiên sống như thú rừng. Vài trăm đứa trẻ trong xóm nhỏ, chưa hề biết mùi thịt cá, bánh kẹo, có ai nhìn đến, và ban cho họ một tiếng thở dài.

Đứng ở hàng hiên nhà xứ nhìn xuống, đồi núi ruộng nương hoa lá cây cỏ chập chùng một màu xanh ngắt, Hắn ngợp đi vì nhớ. Nhớ người con gái năm xưa, là Hắn, vẫn đứng ở đây mỗi sáng tinh mơ, mỗi chiều xế nắng, nhìn mông lung trời đất, và mơ làm văn sĩ thi sĩ hoạ sĩ ,để ghi lại cảm xúc, đến bất chợt.

Vào phòng ngủ, sáu cái giường nhỏ, sáu cái tủ đứng, sáu cái ghế dựa, chắc là được khai sinh cùng ngày với ngôi nhà. Ngôi nhà phủ rêu loang lỗ, cây cối trong vườn đã thành cổ thụ. Nhưng mọi đồ vật vẫn y nguyên chỗ cũ. Những cái giường nhỏ đơn sơ, đã bao nhiêu cô con gái nằm trên đó, và đã ra đi... Bao nhiêu mơ mộng, bao nhiêu bâng khuâng, day dứt, về tương lai ... nằm một mình trên cái giường nhỏ đơn sơ suốt đời ... hay sẽ có một người chồng để đồng sàng mà không dị mộng. Lăn xả vào cuộc đời lung linh quyến rũ, hay sẽ sống mãi với những con người, những tâm hồn, những đồ vật đơn sơ, muôn đời nghèo màu sắc ...

Buổi trưa, ngồi đọc kinh vẫn sáu cái ghế đặt trước hàng ba, vẫn những bài hát, lời kinh cũ, năm khuôn mặt, chìm lắng miên man, như năm thiên thần ... đang chầu Chúa, Hắn như kẻ ngoại đạo, chỉ muốn giang ra xa xa, sợ làm bẩn áo thiên thần.

Xế chiều, mượn bộ quần áo cũ, chiếc nón lá của chị Sáu, thả bộ xuống xóm Gò, xóm Đông, xóm Tây. Hắn vẫn nhớ từng ngõ hẻm, từng lối rẽ, đi vào nhà từng đứa học trò. Tim Hắn thắt lên, kìa, con bé Sơn ngày xưa, sao nó trông già hơn cả Hắn, và, cái áo, ôi Trời, cái áo chằng chịt mảnh vá. Tại sao, tại sao, Hắn vẫn thường phiền toái, vì mua bao nhiêu tủ, vẫn không có chỗ chất áo quần. Tại sao một con bé Sơn có nụ cười dòn tan, hồn nhiên xinh xắn ngày xưa, bây giờ ngồi hắt hiu phơi túm lúa chừng một nắm, chắc nó mới đi mót về. Tại sao vách nhà con bé Sơn là những mảnh ny-lông, bao bị giấy lá đủ màu. Con bé ngước lên nhìn, rồi cúi xuống vân vê túm lúa. Hắn tần ngần nhìn con bé cho đến khi bóng nó khuất sau chái bếp. Hắn ngại gặp gỡ vì không dám đối diện với niềm đau.

Lần lên phía xóm Gò, tìm nhà con Xuân Thu, con bé có cái tên đẹp, nhưng nó xấu, lúc nào cũng có cái dáng vẽ nghèo nàn luộm thuộm.

Nhà con Xuân Thu, giống như nhà anh Vọi trong truyện "Trống Mái", dựa vào vách núi, và trước mặt nhà là gò, đồi, ruộng, rẫy. Nếu cái vuông đất nhà nó mà nằm tại NewYork, hay California thì nó đã thành triệu phú Mỹ, nhờ cái khung cảnh phía trước, đẹp không thể tả. Ngày xưa, tôi nghe chị Mai kể, bà nội nó bệnh triền miên, ba nó bán nhà, bán đất, chữa bệnh cho mẹ, rồi lần lên núi che cái chòi ở. Hắn làm mặt tỉnh, đi vào nhà nó xin miếng nước, nó không nhận ra Hắn, tốt, Hắn nhìn, và uống từng nét già nua đen đúa cằn cỗi của nó vào lòng, Hắn thèm ôm và hôn nó biết mấy, con bé ngạc nhiên vì có

người ngồi trong nhà cả buổi, và nhìn nó. Nếu khung cảnh quanh nhà nó đẹp không thể tả, thì cái nghèo truyền kiếp của nó cũng không thể nào tả nổi.

Một buổi chiều, nhìn thấy được năm bảy đứa học trò xơ xác, hom hem. Đôi mắt, dáng người, điệu đi, cách nói, không giống chút nào với những người thừa mứa nơi quê hương thứ hai của Hắn. Buổi tối, Hắn trút hết tiền, nhờ chị Mai chia cho đám học trò. Chị Mai trả lại Hắn một nữa

"Lại vẫn cái tính bồng bột, rồi lấy gì mà xài, vả lại, bao nhiêu cũng không vừa, em có bán hết gia tài cũng không thể làm nó hết nghèo"

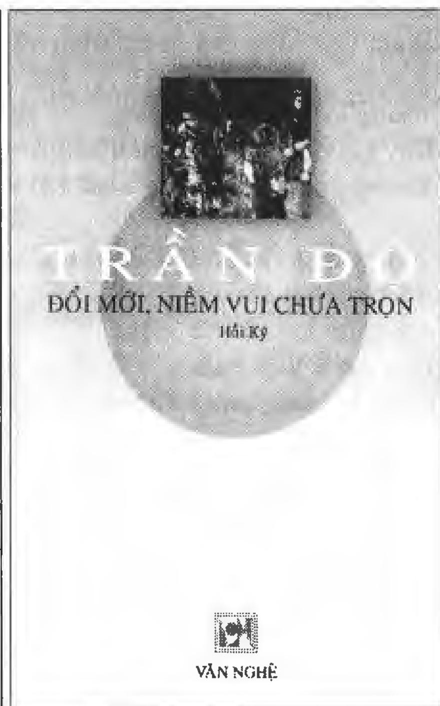
"Thì phải làm sao?"

"Thì tu đi, để cầu xin cho nó"

Bây giờ, tôi hiểu được chị Mai, hiểu Luân nhiều hơn nữa.

NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

(1): Thơ Nguyễn Duy.
(2): Nhạc Trịnh Công Sơn.





NGUYỄN ĐỨC TÙNG

Trước biển Wasaga

Bây giờ ở Việt Nam 6 giờ 15 phút sáng
con quạ đen bay vụt lên từ hàng rào
giữa tia chớp và tiếng sấm
ngày lạ mặt bắt đầu
Tên trộm rời nơi ẩn nấp cô gái lìa khách sạn
đứa bé đánh giày đi tìm người đánh mất ví tiền đêm qua
Cỗ xe hoa
chạm vào cổng nhà người trinh nữ
góc quan tài đụng đáy huyệt ngày lành
Tháng tốt đã có giờ chung
Bây giờ ở Việt Nam người bán hàng rong đặt đôi gánh
Xuống những người thiếu nữ vội vã đi tới
chỗ hẹn handphone hát cùng mây trời
thời gian chạy không đều trên những đường vôi mới vạch ngày
Khô hạn bắt đầu
con chim mổ vào đá giếng
Bây giờ ở Việt Nam
6 giờ 15 phút sáng trầm ngâm trên đỉnh Trường Sơn cây già bóng cả vẫn
còn im lặng về
Cái chết xanh
Trong làng quê bên kia sông không chịu nổi sự im lặng quá lâu
Một ngọn gió
Ra đi

•

Bây giờ ở Việt Nam 6 giờ 15 phút sáng
nhà thơ xuống phi trường hai tay đẩy túi xách đi giữa hàng rào hải quan miệng
ngậm chiếc vé
Bên kia đường người xếp hàng dài trước phòng xuất cảnh
Trong nắng mai
Đứng nghe chim hót
Một người mù

Bây giờ ở Việt Nam 6 giờ 15 phút sáng bóng của chiếc máy bay
chở người vượt biên năm xưa trở về chạy loang loáng trên vịnh cá mập
Chậu hoa cúc Tết vẫn nở
không ngừng
trên đùi cô gái đang cúi mình mang đi
Bây giờ ở Việt Nam 6 giờ 15 phút sáng con tàu thời gian
trễ hẹn như mọi lần nhưng bao giờ cũng tới
đã lăn đi chỉ còn nghe
trên sân ga lạnh
tiếng khóc giữa hai núm vú
Bây giờ ở Việt Nam
dậy sớm

một ngọn liễu
quét con đường mùa thu

NGUYỄN ĐỨC TÙNG



TRẦN KIM TRẮC

Ông Thiềm Thừ



Rừng vắng. Nước ngòi trong veo, róc rách dưới vòm cây lá. Từng đàn bướm bay lượn đua nhau khoe sắc.

Tôi đang ngồi mài rìu chờ các bạn sơn tràng vào đông đủ, cùng nhau lên núi hạ gỗ.

Chợt lá khô xào xạc, nghe như có vật gì rơi bên kia bờ suối. Tôi ngước nhìn, tình cờ phát hiện một hiện tượng thiên nhiên hiếm thấy:

Vật rơi là một con cóc cụ, tuổi không rõ bao năm, nhưng thân to bằng cái bát úp, lớp gấp ba loại cóc thường thấy ở miệt vườn. Chữ gọi là "thiềm thừ" hẳn để ám chỉ loại cóc này. Áo da sần sùi, u nần, vàng cóc tỉa, chữ gọi là thiềm tô.

Từ trên cao lăn xuống, miệng ông thiềm thừ còn ngậm con ong lỗ đen thui to bằng ngón tay út. Nửa thân con ong lỗ nằm gọn trong mồm cóc, đầu, chi trước và một phần cánh còn ở ngoài ngo ngoe chưa chết hẳn. Ai cũng biết, nọc độc của loài ong lỗ này nguy hiểm vô cùng, to như trâu, có bị ong lỗ chích một mỗi thôi đã phải rống. Vậy mà con cóc tía dại dột dám đớp ong lỗ để lãnh đủ vào giữa họng cả cái ngòi ong và nọc độc của hắn. Hơn hết, miệng là nơi thần kinh cảm giác nhạy nhất. Ai có lần ăn phải chiếc bánh có kiến, bị một con kiến cắn vào môi, hẳn đã rõ đau đớn khó chịu đến mức nào. Cả một vết ong châm vào giữa đốc vọng con cóc nhỏ quả là một cú sát tử.

Tôi nhìn lên trên vách suối thấy một cái hang ong lỗ, thỉnh thoảng có dăm ba con bay về, bên cửa tổ một số ong hung hăng đứng gác. Miệng hang cao hơn chỗ cóc rơi hơn thước, giữa chừng có những phiến đá từ lòng đất nhô ra rêu phong theo thời gian.

Tôi cho là cóc vốn loài ăn côn trùng nên nhầm lẫn ong lỗ là loài ăn được, vô tình đớp phải đành chịu thọ thương. Khi lè dài cái lưỡi hình đuôi cá cuốn con ong đang bay đớp vào mồm, bị một vết nọc châm vào giữa họng. Nọc độc mạnh quá đã quật ngã cóc ngã ngửa lăn lóc qua các phiến đá xanh rêu. Ông thiềm thừ giờ đây ngửa bụng lên trời, bốn chân chổng ngược, trước cồn đạp chòi, run rẩy, dần dần rũ xuống như chết hẳn.

Không lâu, tôi thấy hai chân sau từ từ co lại rồi duỗi ra vài lượt, tiếp đó hai chân trước bơi bơi như lạy trời, hai con mắt lồi chớp chớp, lớp da cổ trăng trắng, nhấp nhô phồng lên sọp xuống. Cóc chuyển mình lật úp lại, mồm vẫn ngậm chặt con mồi không chịu nhả. Đầu môi cửa động tưởng để thả con mồi, nhưng ngược lại, ông thiềm thừ cong lưng tiếp tục nuốt. Con ong lỗ gập dần từng li vào miệng, sau cùng mất hẳn trong khi mắt cóc trợn trừng như phải nghẹn. Con vật tiếp tục nuốt không khí như để nén chặt con mồi vào đúng vị trí cho bộ máy tiêu hóa làm việc. Đôi mắt đen mở tròn lồ lộ, lớp da cổ trăng trắng hả hê đánh nhịp. Trông ông thiềm thừ không còn có vẻ gì đau đớn, trái lại còn sảng khoái như vừa xong bữa cỗ ngon lành.

Tôi cho rằng cóc sẽ nhảy đi, phải một lần dại dột cạch cho tới già mỗi khi thoáng thấy loài ong lỗ. Nhưng cóc vẫn ngồi nguyên tại chỗ ổn định việc việc trong dạ dày. Sau đó kẻ sành ăn lại ngửa cổ lên ngắm nghía lũ ong ra vào với vẻ thèm thuồng. Nó trườn tới, dài người ra trèo lên các mỏm đá rong rêu lần đến miệng hang chọn một chỗ bằng phẳng rình mồi. Chờ ong bay về sắp chui vào tổ, ông thiềm thừ lại thè dài lưỡi cuốn con mồi đớp. Tất nhiên ông lại lãnh đủ một ngòi nọc vào giữa cổ họng, lại ngã bổ chửng lại rơi lăn tròn theo các mỏm đá rong rêu lại nằm phơi bụng trên lớp lá khô xào xạc.

Tôi chỉ cho anh em sơn tràng xem, ai cũng cho là sự lạ. Thời gian trôi qua, ngày ngày vác rìu đi vào rừng hạ gỗ, mọi người để mắt nhìn ông thiềm thừ như thẩm tra tính gan lỳ cóc tía của ông. Quả là gan, một sự kiên trì hiếm thấy của cạnh tranh sinh tồn. Chỉ khác là khi thấy ông ngồi trước miệng hang ong lỗ, khi ông nằm ngửa bốn vó lên trời. Chết đi sống lại vẫn giữ mãi thói quen, muốn ăn xôi phải chịu đấm để tồn tại, tạo hóa nhiều điều lạ, không tận mắt nhìn, thấy khó tin, nhưng là có thật - để thiên hạ được ví von "gan lỳ cóc tía!" Ai

cũng từng nói như vậy, nhưng đến bây giờ, thấy tận mắt tôi mới hiểu được người trước chọn ông thiềm thừ làm biểu tượng cho tính gan lỳ.

Trong tổ sơn tràng có một anh chàng tên cúng cơm là gì ít ai biết, nhưng quen gọi là thằng Búa. Mọi người tiều phu đốn gỗ đều dùng rìu. Rìu có cái quẻ dài ra sau lưỡi như cái bánh lái để hướng lưỡi rìu chặt theo ý muốn. Thằng Búa không phải là dân ngành nghề sử dụng rìu không quen, nhiều lần không chắc tay lệch hướng bị cái quẻ cốc vào đầu, do đó nó bắt buộc phải dùng búa, loại búa bửa củi, chém trậm trật vào gốc cây. Người ta cho nó biết danh là thằng Búa vì lẽ đó.

Tiền thân thắng Búa ở thành thị, con nhà khá giả. Khi còn sinh tiền, cha mẹ cho nó tàng cây bóng mát, nhưng không để lại cho nó bộ rễ sâu như ăn học nên người, siêng năng cần mẫn và nhất là tấm lòng nhân hậu lấy đức ở đời, cho nên khi cây đổ rồi, nắng mưa phũ phàng lên cuộc đời nói. Đồng tiền phụ mẫu để lại tiêu pha núi cũng lở. Trắng tay rồi phải chạy đôn đáo tìm việc để kiếm ăn, đi năm bảy nơi nộp đơn đều bị từ chối. Phố phường hỏi thăm nó bảo rằng có ông cán bộ phòng tổ chức nơi nó đến xin việc bảo: "Làm người phải có tai có tóc... anh có tóc mà chẳng có tai." Nghĩa là nó mang bộ tóc dài che mất tai đi xin việc trong bợm tướng quá người ta ngán.

Đến bước đường cùng, nó phạm tội để kiếm tiền ăn chơi, bị truy lùng, đành phải trốn tránh lên rừng nhập theo tổ sơn tràng đốn gỗ.

Đoàn người đi săn hổ từ dưới xuôi lên ở nhờ lán trại sơn tràng, có mang theo một khẩu súng hơi bắn bằng đạn chì. Súng đạn lửa họ không rời tay, nhưng mượn họ khẩu súng hơi không khó.

Thằng Búa cao hứng đi săn gà gô. Ôm khẩu súng và vài mươi viên đạn chì đi cả buổi không được con chim nào. Hoàng hôn đành buồn bã quay về. Qua đoạn đường cũ, ngứa tay ngắm ông thiềm thừ đang ngồi rình mồi bên tổ ong lẩy cò. Con vật tội nghiệp lăn qua mấy mỏm đá rong rêu - lần này mãi mãi, ông thiềm thừ không còn gượng dậy được nữa. Thằng Búa nắm chân con vật tội nghiệp xách toòng teng. Ra đến bìa rừng, trước khi qua đường xe lửa, nó đặt xác ông thiềm thừ nằm vắt qua thanh ray.

Sáng hôm sau, trên đường đi vào rừng, dân sơn tràng thấy trên sống đường tàu dính dẹp lép một lớp da cóc khô cứng, hai cái đùi văng ra trên lớp đá xanh, còn cấp thủ của cậu ông trời nằm trên thanh tà vẹt, hai hàm răng cắn chặt như đang nghiến, mắt trợn trừng nhìn trời xanh như không can tâm để mất đi quyền uy "nghiến răng chuyển động bốn phương trời..."

Cái thằng chơi ác, không sợ trời trả báo.

Tôi không mê tín, nhưng tôi tin có luật nhân quả - gieo gió gặp bão - ấy là sự thường tình.

Từ khi ông thiềm thừ xấu số nát thây vì viên đạn chì và bánh xe sắt, đàn ong lỗ không còn bị khống chế, tự do sinh sôi. Người ta bảo loài vật càng nhỏ càng mắn đẻ, con voi, con bò, một hoặc đôi ba năm mới sinh con một lần, con ong cái kiến mỗi ngày đẻ trên ngàn trứng, còn con vi trùng thì đến cấp số nhân.

Không còn ông thềm thừa hạn chế, dân số đàn ong lỗ tấp nập lạ thường, ong bay ra vào như trấu. Dân sơn tràng ít dám qua đoạn đường quen thuộc trước kia. Ảnh em phải phát cành mở con đường mòn đi vòng nếu muốn vào rừng.

Duy chỉ khó khăn cho việc kéo gỗ theo lòng suối. Người ta buộc lòng, khi vượt qua nơi tử địa do các sát tử có cánh kiểm soát, người ta ra roi cho trâu tự kéo gỗ vượt qua, còn người phải vòng theo đường mòn để tránh nguy hiểm.

Với bản tính nghịch ngợm, bán trời không mời thiên lôi, thằng Búa vẫn xem thường theo trâu vượt qua. Cho đến một hôm, mùa khô nước kém, cát đùn vào đoạn suối có tổ ong. Cây gỗ to, kéo vượt qua cát quá nặng nên cỗ trâu kéo gỗ bị xít. Thằng Búa hươ roi quất vào lưng trâu làm áp lực cho con vật ra sức kéo. Ong là loài phản xạ ánh sáng rất nhậy. Thấy cái bóng án ngữ trước cửa tổ, cử động cản trở đường bay, ong trinh sát nổi xung pich-kê vào đỉnh đầu giáng đòm sấm sét. Ngòi ong nhỏ hơn đầu kim, nhưng một khi đã cắm phập vào da nghe như ai cốc lên đầu bằng búa, cả hộp sọ trĩu xuống nặng như đá đè. Thằng Búa quẳng roi ôm đầu chạy, con trâu giật mình lôi chủa gỗ lội băng băng, chủ chạy đằng chủ trâu chạy đằng trâu. Đàn ong vần vũ bay đuổi theo thằng Búa. Cứ găm vào chỗ vừa bị chích tiếp tục ra đòn. Đến vùng nước sâu, thằng Búa trầm mình xuống lặn trốn, di chuyển ngầm mong đánh lạc hướng, nhưng mỗi lần nhô đầu lên thở lại thấy cánh ong vần vũ trên đầu. Lặn đến đâu ong bám theo đến đó.

Nhiều người cho rằng ong khôn nên người lặn sâu dưới nước chúng vẫn biết để dò tìm. Thật ra đó là phản xạ tự nhiên của loài ong đối với mùi nọc ong. Nọc ong chẳng những là chất độc gây đau nhức, liều cao sẽ gây tử vong mà còn là chất có mùi báo động. Nọc ong là một loài tinh dầu có mùi cay hắc, ong ngửi thấy mùi này trở nên hung dữ, bản năng tự vệ để giữ gìn bầy đàn trỗi dậy. Cho nên dù có lặn sâu, nọc ong từ vết kim chích sẽ nổi lên mặt nước để dẫn đường cho đàn ong như ra-đa tìm mục tiêu vậy. Thằng Búa bị đốt phát đầu tiên là đã mang theo thứ hương thơm kinh hoàng

ấy nên bị ong vần vũ xông tới hung hãn tiến công theo từng bước dù là đi ngầm dưới nước. Lãnh thêm mấy phát đau đớn quá, nhưng lặn lâu chết ngộp phải trồi lên, chưa kịp hít thở đã bị chích. Cái đầu đau nên sau cùng bàn tọa nhô lên trước khi bị xơi ngay vào mông, da thịt mềm nên kim lút sâu vào cả ba ngạnh. Quan sát kỹ ngòi đốt của ong, ta sẽ thấy có ba cái ngạnh giống như ngạnh lưỡi câu, tuyến nọc dẫn theo giữ ba ngạnh này chứ không phải tiết ra từ đầu nhọn - vào một ngạnh đau vừa, hai ngạnh đau điếng, ba ngạnh đau dữ.

Không còn cách nào khác, thằng Búa khoát nước tung tóe, xách quần chạy bạt mạng, lủi vào từng cây tuôn bất kể cành lá gai góc dây leo cản ngại trên đường.

Khi có người đem võng vào khiêng thằng Búa về nhà, nó lên cơn sốt nóng, mặt mày đỏ hỏn sưng vù, mắt híp lại, bọt trào ra bên mép.

Nếu chờ tàu hỏa để đưa đi bệnh viện tỉnh thì mãi đến chập tối mới có chuyến tàu ngược. Mọi người đành đưa nó xuống mảng nứa (bè nứa nhỏ) thả theo dòng sông xuôi về bệnh viện huyện. Vợ nó lái mảng. Sông ở đây có một đoạn nhiều đá ngầm nổi lên giữa dòng chảy. Về mùa hạ nước dội vào đá siết rất dữ. Những tay lái bè gỗ qua đây đều mướt mồ hôi, huống chi cái mảng nhỏ nhẹ tênh vượt băng băng ngoằn ngoèo, thêm nỗi thương chồng đầy nước mắt, vợ thằng Búa lệch tay lái để chiếc mảng vướng vào đá ngầm lật úp. Phước thay cho thằng Búa được cô vợ biết bơi kịp lao theo nắm tóc lôi nó vào bờ, đem lên rừng bẻ cây che chòi cho nó nằm rồi băng rừng về kêu cứu.

Bệnh viên tiêm thuốc an thần, cho uống hạ sốt. Nằm ba ngày xuất viện. Các vết thương sọp xuống, mắt sưng dần đã thấy ánh sáng. Nhưng những vết ong châm vào mông còn lưu ngòi ong bên bên dưới da làm mủ sưng lên như vết áp-xe hành đau nhức, con bệnh phải nằm nghiêng rên rỉ.

Một đêm đang ngủ, vợ nó nghe chồng thét lên. Thằng Búa nằm chiêm bao thấy hai cái đùi ông thiềm thừa không có chân, chỉ lặc lìa một mảng da khô nhảy lom khom, còn cái đầu cóc tía bay lơ lửng trên không mắt trợn trừng, hàm răng nhe ra trắng xác nghiến trèo trẹo, trên mưa rơi vần vũ, sấm chớp giăng giăng. Sợ quá nó kêu ré lên, mồ hôi ướt đẫm...

Sau này khi qua cơn bạo bệnh, miếng cơm mang áo mà, không làm lấy gì ăn, nó vẫn vác búa lên rừng, có phần khác trước vì bước thấp bước cao, chân đi cà thọt. Vết làm độc ong thâm trên mông gây hoại thư làm rút gân chân của nó, nếu không kịp thời đi bệnh



NGUYỄN LƯƠNG VỴ

Muối hát

Đồng không thì mông quạnh
Em không thì quá lạnh
Muối hát trong lòng tay
Kết tinh lời mây bay

Ẩn lan

Lại mưa hoa trong mộng
Ản lan chúm chím cười
Hồn ta như thạch động
Mời em về rong chơi

Hươpng tháng ba

Hương tháng ba tụ mật
Mở cửa đón ngàn mai
Ngàn chiều Trầm âm nhạc
Ngàn đêm vừa mãn khai

Hoài cảm

Mưa rừng thu năm trước
Bướm trắng chết sau đồi
Quay quất gió luân hồi
Mồ hoang còn tóc ướt

NGUYỄN LƯƠNG VỊ

viện lần nữa đã phải cưa chân rồi.

Tôi vác rìu theo tổ sơn tràng, đi sau lưng trắng Búa, nhìn nó đi chấm phẩy, chấm phẩy vừa thương vừa giận. Chấm phẩy, chấm phẩy, nó phải đi lệch như vậy suốt đời, mãi mãi giữ dấu ấn của trò chơi ngông, làm mất cân bằng sinh thái.

TRẦN KIM TRẮC



HIẾU TÂN

Từ Hải và người ẩn sĩ



Thuở ấy, bên cạnh Từ Hải, vị đại vương lừng lẫy oai danh, có một nhân vật kỳ tài, đáng liệt vào hàng "dị nhân": Họ Phàn, tên Cự, tự Bình Cung, ngay từ thuở trẻ đã nổi tiếng tài hoa, cả một vùng Liêu Đông rộng lớn không ai là không biết tiếng. Cả Thanh Tâm Tài Nhân lẫn trong Truyện Kiều đều không thấy nhắc đến nhân vật này, có lẽ vì không liên quan nhiều lắm đến câu chuyện chính. Người viết những dòng này, nhân lần giở những thơ tịch cổ, thấy những chuyện về nhân vật này thì giật mình kinh hãi, thầm tự nhủ: nếu không có Phàn kia thì chắc gì Từ đã thành Từ, ngay đến thành người còn khó, huống hồ... Nay xin chép ra đây để bạn đọc cho vui, và vì trong nguyên bản hơi văn cổ xưa ý tứ sâu xa, nên xin được phiên ra lời thường, thời nay, để khỏi làm mệt trí bạn đọc.

I

Phàn, người thấp bé loẳn choẳn, dáng đi lật đật, trông hình dong chẳng có vẻ gì "tao nhân, mặc khách" cả. Tới ngoài hai mươi tuổi, thi thơ vạn quyển làu thông, không có sách gì trong thiên hạ mà Phàn chưa đọc qua. Với Phàn, Khổng-Mạnh-Trình-Chu-Lão-Trang chỉ như người quen biết cũ. Đỗ-Lý-Đào-Tô-Vương-Bạch... chỉ như bạn tâm giao thù tạc mà thôi. Cao ngạo, không màng danh lợi nhưng Phàn không giống các ẩn sĩ cứ phải chạy trốn lợi danh, xa

lánh cõi tục; Phàn chỉ nhởn nhơn bầu rượu, túi thơ, cười cợt, đàn đúm với đủ hạng người trong thiên hạ. Sáng sớm cùng bọn vương tôn công tử cưỡi ngựa lên chơi trên non cao, hít thở hơi sương loãng, ngắm nhìn thế núi hình sông, chiều ngồi đánh cờ với vị thượng thư bị "biếm" về vùng này từ lâu, ấy thế nhưng đêm khuya còn thấy Phàn ngồi uống rượu, đánh bài với đám phu khiêng kiệu và chăn ngựa ở nhà dưới, rồi say sưa ôm vai mấy con người tục tằn, lầm lũi ấy, nghiêng ngả, lắc lư mà hát ô a những bài hát của kẻ trồng dâu, của người đánh cá. Có người bảo rằng: giao du kiểu ấy, trong thiên hạ chỉ có thể là kẻ điên hay bậc chí thánh. Các bậc quyền quý trong vùng ngầm bảo nhau chớ dại mà động vào gã ấy, cái "hư danh" của gã lớn lắm, mình có thể mất mặt như chơi. Quả vậy, đám người có danh tiếng đua nhau cầu cạnh làm thân với Phàn, trong khi những con người nghèo khổ thô kệch thường vẫn ngại ngùng, e dè mỗi khi được Phàn cư xử suồng sã. Số người tự nhận là học trò của Phàn rất đông tuy không thấy Phàn ngồi dạy học bao giờ. Có lẽ đám người này, nhân lúc giao du chơi bời, bái phục Phàn mà tôn làm thầy không?

Bữa kia có người họ Lương từ phương xa đến, vốn nghe danh Phàn đã lâu, muốn xin gặp mặt để đàm đạo văn chương. Hôm ấy trong nhà Phàn khách khứa đông, toàn những bậc "thức giả," kẻ mới đến biện thuyết say sưa, rồi cao hứng đến gần kệ sách, quơ tay rút hú họa một quyển, nhìn qua tên sách lật húa họa một trang, lấy ngón tay trỏ vào một chữ trong đó. Xong, ông ta đưa quyển sách cho mấy người đứng đó, còn mình nhắm mắt, khoanh tay đọc một hơi hơn một vạn chữ, mọi người dõi theo thấy không sai, không sót chữ nào, thảy đều lắc đầu lè lưỡi. Khách khoái chí định lặp lại trò đó với một quyển khác thì chủ nhân ngăn lại - "Hân hạnh, chúng tôi được thấy nhỡn tiền tài năng của tiên sinh, giờ xin mời quý khách cùng ra vườn sau, uống trà, thưởng hoa, rồi thong thả cùng nhau đàm đạo." Phàn cho người nhà dẫn khách khứa ra vườn, còn mình xin lỗi ra sau. Một vườn cây um tùm chẳng có hoa, chẳng có bàn trà nào cả, bể nước, non bộ cũng không, chỉ thấy trên các cành treo rất nhiều lồng chim to nhỏ các cỡ, thảy đều sơn son thếp vàng. Khách đến gần xem chim, thì chỉ thấy một loài: vẹt, phải, mỗi lồng một con vẹt, bên lồng lại có tấm biển con đề chữ. Ghé mặt đọc những biển con ấy, khách giật nảy mình: "Khổng tử," "Mạnh tử," "Tuân tử," "Chu Hy," "Hàn Phi Tử" - Mỗi lồng chim gắn tên một bậc danh gia. Khách khứa hết hoảng hồn về trò chơi ngông của chủ nhân, thì bên tai đã vang lên "Luận ngữ" con Vẹt mang tên đức Khổng

đang đọc thao thao. Từ cái cây đối diện cất lên rè rọt tiếng "Đạo Đức Kinh" là con vẹt mang danh Lão tử. Bên này, con "Mạnh tử" vừa cất tiếng thì hàng bên kia lại vang lên "Khư níp" từ cái lồng Trang tử, rồi "Cô phẫn," "Thuyết nan" rõ là chú vẹt "Hàn Phi" rồi tất cả cùng cất lên một lúc, rào rào rất vui tai, nhưng không còn nghe rõ ra lời gì nữa. Mọi người đưa mắt nhìn Lương tiên sinh, nhưng không thấy ông ta đâu cả, bèn lục tục trở lại phòng khách vừa khi Phàn từ trên gác xuống đang đứng vươn vai: chủ nhân đã kịp làm một giấc ngon lành. "Chúng tôi qua đây chơi đã nhiều mà sao hôm nay mới được thấy kỳ quan của bác." Khách hỏi - "Thì mãi đến hôm nay lũ vẹt của tôi mới gặp được địch thủ ngang tài, à mà vị khách quý của chúng ta đâu rồi!... Ôi thật là thất lễ. Các bác dùng trà đi." Mọi người vui vẻ bàn tán về vị khách lạ lùng, ra đi lúc nào không ai hay, trong khi đó chủ nhân ngồi gục đầu ủ rũ:

- "Tôi Thương các bậc thánh nhân tiền bối, lao tâm khổ trí bao nhiêu để làm ra các học thuyết cao siêu. - Phàn thở dài áo não - để rồi các Bất lương tiên sinh mang những ý cao lời sáng của các ngài ra làm phù phép hại đời. Lũ vẹt của tôi chẳng làm hại ai đâu các bác ạ. Như Bất lương tiên sinh kia, nếu suốt đời không thành đạt thì cũng chỉ tốn cơm cha áo mẹ là cùng. Giá-áo-túi-cơm hay giá-thơ-túi-chữ cũng thế thôi, không hại đến ai. Nhưng ác thay, tài ba kiểu ấy bao giờ cũng là con đường tốt dẫn đến quyền cao chức trọng, phú quý vinh hoa. Thương thay lũ trẻ, thương thay giống nòi, một khi những bất lương tiên sinh kia lên cầm quyền giáo hóa. Thương thay tắc xã, đau thay, đau thay!..."

Phàn ôm ngực, mặt nhợt nhạt, lệ rơi lã chã. Các khách vẫn lặng lẽ nhìn nhau. Thường những lời lẽ của Phàn, những buồn vui của Phàn ít người biết khi nào giả, khi nào đứng đắn, khi nào bông lơn. Cái số ít ấy, Phàn coi là gan ruột với mình. Nhưng hôm nay thì mọi người đều thấy rõ, tuy không ai bảo ai, rằng Phàn đang nói những lời từ máu huyết của mình. Và những phút thế này hiếm lắm.

Người đời thường cho Phàm là kiêu ngạo, ngông cuồng. Có lần bàn về đức khiêm nhường của bậc thánh nhân. Phàn lấy tay chỉ vào ngực mình thốt lên: "Thánh nhân là ta!" Mọi người bối rối nhìn nhau. Phàn hỏi "Sao các người không tin điều đó? Ta thề rằng nếu không phải như thế, thì những sách thánh hiền để lại chỉ đáng đem nuôi loài khuyển thì hơn!" Có lần đồ đệ của Phàn, một thư sinh mười hai tuổi nhân bình một bài thơ của Phàn có nói lên một ý lạ mà Phàn chưa bao giờ ngờ tới, mọi người sững sờ trước cái thần của bài thơ vừa hé lộ, xuýt xoa khen ngợi Phàn là bậc thánh, Phàn

đến cầm tay đứa học trò nhỏ, nói: "Thánh nhân là ta mà không phải là ta, thánh nhân là con đó." Khi có người hỏi Phàn tại sao chơi bời với cả hạng phàm phu tục tử. Phàn bảo: "Để biết những điều mà thánh nhân không biết, để hiểu những điều mà thánh nhân không hiểu." Người kia kinh ngạc hỏi: "Thánh nhân không hiểu bằng kẻ phàm phu ư?" Phàn nói "Thánh nhân hiểu rộng biết nhiều, nhưng có điều thánh nhân hiểu nhưng ta chưa cần." Phàn thường đưa ra những câu hỏi oái oăm làm mọi người rối trí. Có lần Phàn hỏi: "Trong thánh nhân có kẻ ti tiện không?" Mọi người xanh mặt. Phàn lại hỏi: "Trong kẻ ti tiện có thánh nhân không?" Mọi người hoang mang chưa biết trả lời sao, thì Phàn tự trả lời: "Ta e rằng có tất!" rồi trầm ngâm nói thêm "nếu không thế sao gọi được là người." Có lần khi luận về sách Mạnh Tử, Phàn bảo: "Người kia cậy tài, ta cậy cái ngu của ta. Kẻ kia cậy mạnh, ta cậy cái hèn của ta." Có người rụt rè thắc mắc e trong nguyên bản không phải thế, xin được giải nghĩa cho rõ. Phàn chỉ cười, nói: "Được, được!" rồi thôi, không thấy nói thêm chi cả. Đại loại lời lẽ của Phàn là thế, thường lạ tai và ngược đời, có người cho là lời lẽ của kẻ cuồng, không đáng để tâm, nhưng cũng có người chịu khó suy ngẫm, rồi đem ra tranh cãi với nhau, mà khi tranh cãi thường mỗi người hiểu một cách.

II

Một hôm có người khách khác thường đến thăm Phàn. Người khách cao lớn, đẹp một cách hào hùng, vừa có một cái oai phong của dũng tướng, lại vừa mang cốt cách phong nhã hào hoa. Khách tên là Hải, họ Từ, một cái tên không xa lạ gì với dân chúng vùng này. Hai bên đàm đạo, từ chuyện thế sự, nhiễu nhương đến binh pháp mưu lược cùng lấy làm tâm đắc. Những chuyến viếng thăm của Từ càng dày, tình giao hảo hai bên càng thân. Trong nhà Phàn, Từ đi đứng nằm ngồi thoải mái như ở nhà, còn Phàn tự cho phép mình nói năng với Từ bằng khẩu khí của người chăn ngựa. Đó là cách đặc biệt Phàn dùng để tỏ biệt nhỡn với bạn như kiểu Nguyễn Tịch xưa dùng mắt xanh tiếp khách tâm giao. Một ngày kia Từ đến giã biệt Phàn để ra đi. Đi đâu? Không cần biết - Bốn phương trời, vạn nẻo đường, những dấu chân vô định - Kẻ trượng phu phải tung hoành ngược xuôi cho phỉ chí không gì đè nén được, không gì ràng buộc được phải cho thiên hạ biết đến ta. Từ hăm hở nói - Chỉ có thể thôi ư? Phàn hỏi.

Từ muốn rủ Phàn cùng đi - chẳng lẽ một người ngang tàng như anh mà mãi chịu chôn vùi trong cảnh tù túng - Không, ta bao giờ cũng

đến được nơi ta cần đến, ta tung hoành theo cách của ta, ẩn dật theo cách của ta, anh làm sao biết được? Thôi, anh đi, ta chỉ gửi theo anh ba chữ: *Giữ lấy mình.* Phàn vỗ vào bờm ngựa của Từ, quay gót trở về không ngoái lại.

Nửa năm sau, Từ đến thăm Phàn trên cỗ xe tam mã. Không phải chỉ có mình Từ, cùng đi còn có một người đàn bà đẹp như ngọc, nhưng trong vẻ duyên dáng yêu kiều vẫn hằn một nét buồn thẳm sâu. Vương Thúy Kiều người kỹ nữ - bây giờ là Phu nhân - có số phận éo le này. Phàn đã biết. Nhan sắc của nàng quả bất hư truyền. Nhưng mà cái thiên hạ gọi là "tài" của nàng, thì chỉ là chuyện hão, vài trăm bài thơ ngâm vịnh - tùng, cúc, tuyết, sương, mây, hoa, trăng, núi chẳng có gì ngoài sự khéo léo tầm thường, dăm bài nghe xé lòng, nhưng chỉ là tiếng kêu bột phát mà thôi.

Qua cách thù tiếp của chủ nhân, người đàn bà lịch lãm này hiểu ngay rằng ông ta không ưa mình: đôi mắt ông ta nhìn như xoáy vào tâm can, thế mà lời lẽ thì rất văn hoa kiểu cách. Về phần Từ, chàng hơi chưng hửng khi thấy bạn không mấy tán thưởng văn tài của vợ yêu mà chàng rất đỗi kiêu hãnh. Nhưng đó không phải là cái chính. Lúc chỉ có hai người. Từ đùa rằng đã không chỉ theo đúng lời khuyên của bạn (hãy giữ mình) mà còn làm được hơn thế nữa! Phàn chỉ nói: Anh lầm! Nhưng trong bụng nghĩ "Than ôi, đem cái tâm của mình mà sánh với tâm của Kiều, Từ đã tự rút ngắn mình đi biết bao nhiêu. Giữ mình ư? Trọn vẹn làm sao được, một khi còn chưa tự hiểu được mình?"

Nhưng Từ đâu biết được điều đó. Từ, lúc này không còn một mình một ngựa, mà trong tay đã có năm ngàn tinh binh, và cả một dải đất lớn kéo dài mấy huyện. Chàng muốn được có Phàn là quân sư, nhưng Phàn từ chối, sau nể tình, cho một người trò yêu (vốn trước đây là người đánh xe) theo Từ làm mưu sĩ. Từ tha thiết xin nghe những lời chỉ giáo của Phàn về thế thuận nghịch, tiến lui trong bước đường sự nghiệp trước mắt. Phàn nói:

- Từ nay mọi hành vi, cử động của anh sẽ chạm đến vận mạng của nghìn vạn con người. Lẽ đời có vay có trả. Nếu chỉ với năm ngàn quân mã tung hoành trong mấy huyện miền núi này, thì tài ngang trời dọc đất của anh cũng chỉ làm đến lục lâm thảo khấu mà thôi. Không, tài của anh xứng với nghiệp vương bá. Đang lúc kỷ cương rối loạn, quan lại tham nhũng nhung nhúc như dòi bọ, dân tình khổ nhục như trâu chó, chỉ một tiếng "nghĩa" xướng lên, trong tay anh có ngay hàng chục vạn binh mã, ấy không phải là chuyện quá khó và đấy, nghiệp vương bá đã đến trong tầm tay. Ta lo là lo điều

khác cơ. Nói, anh đừng giận, kẻ ôm mộng bá vương, nếu trí không vượt khỏi tầm nghĩ của người đàn bà, thì sao khỏi mang mầm họa cho mình và cho đời. Ta sẵn sàng giúp anh, để "vay" binh quyền và thế lực trong nỗi thống khổ của hàng vạn con người hèn kém, nhưng lại lo khi nghiệp lớn đã thành, anh giúp ta "trả" lại sao đây?... Không, cứ để ta nói nốt. Ta hiểu lòng anh như ta hiểu chí anh: hoài bão của anh trong sạch và tốt đẹp, nhưng đời có cái lẽ khắc nghiệt của nó: cái gì trong rồi có lúc đục đó cũng là lẽ thường. Sống quyền quí xa hoa mà mong manh cái "tâm" của người áo vải là chuyện nực cười. Nhưng ta muốn anh nhớ cho điều này: món nợ này lớn lắm. Núi xương sông máu đưa anh đến nghiệp bá vương thì không thể mong đền bồi, nhưng cũng còn vớt vát được trong muôn một, nếu kẻ cầm quyền còn biết nhớ đến ba điều ước mong ngàn đời của người dân đen, mà chưa đời nào có được:

- Ba điều ấy là gì?

- Tự do - Công lý - Yên bình.

Từ tạ ra đi trong lòng rưng rưng cảm khái. Từ tự thấy mình lớn đẹp lên ngàn lần. Trong tai chàng còn văng vẳng giọng của Phàn khi tiễn biệt: - "Hãy giữ mình!"

Phàn thực hiện lời hứa giúp Từ dấy nghiệp, bài hịch văn mà Phàn viết ngay đêm ấy quả là một áng "thiên cổ hùng văn." Trên đường tiến quân của Từ, áng văn ấy đã lôi cuốn hàng vạn con người hăm hở đến với Từ trong khí thế long trời lở đất. Chỉ một năm sau, trong tay Từ đã tung hoành mười vạn tinh binh, tràn qua các kinh thành như nước vỡ bờ - Người học trò thao lược của Phàn, trước vốn là dân đánh xe ngựa, được Phàn gọi là "Khổng Minh thời nay" đi theo Từ làm quân sư, trên bước đường rong ruổi chinh chiến, vẫn thường lệ mỗi năm một lần về thăm thầy cũ. Lần về thăm ấy, Phàn hỏi tỉ mỉ về sự tình trong quân của Từ, nhất là cuộc báo ân báo oán vừa rồi, tiếng đồn vượt qua năm trăm dặm bay về tận đây. Thầy trò nhìn nhau, lắc đầu ngao ngán. Trong quân, mọi việc đều có sự can thiệp của người đẹp Thúy Kiều; con người mà lòng nhân hậu thì đã rõ ràng, nhưng vì quá thành công trong việc làm cho đấng phu quân tin vào cái "tài" của mình mà khiến cho mọi sự trở nên rối bét.

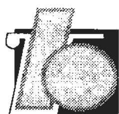
Đấy, để tóm cổ mấy con mụ chứa, mấy thằng ma cô và một bà vợ cả hay ghen, đã điều một ngàn quân, chia làm hai ngả dưới quyền hai viên tướng, hai kẻ lúc thường trận mạc thì chui nhủi ở tận đâu, nay nhảy ra xung phong đi lập công đầu. Hai kẻ hèn nhát bất tài ấy bây giờ là tướng tâm phúc của phu nhân, và cùng với chúng, sự a xua

xiểm nịnh đang được lên ngôi. Và trận máu đổ đầu rơi rùng rợn của lũ Tú Bà, Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Ưng Khuyển, cô cháu nhà họ Bạc... đến giờ vẫn còn làm sởn gáy dân quanh vùng. Thế mà, mọi thứ lầu xanh lầu đỏ nhan nhản trong vùng vẫn yên ổn hành nghề bán thịt buôn người, với hàng trăm Tú Bà các cỡ, hàng ngàn Mã, Sở các loại, bao đời hoa vẫn bị dập vùi tan nát mà nào một ai thèm đoái hoài? Dân trong các vùng có quân của đại vương tràn qua như thác lũ, được một giấc mơ đổi đời - những tưởng bão tố nổi lên quét sạch loài sói lang hung tàn, loài dòi bọ thối tha - nào ngờ trời yên mây tạnh, ai lại về phận nấy!

Phàn trầm ngâm nói. Xưa nay không phải không có những người đàn bà kiệt xuất, nhưng chữ "bụng dạ đàn bà" vẫn là chỉ cái thói thường nhỏ nhen, làm hỏng việc lớn. Ác thay cái bụng dạ ấy không chỉ ở đàn bà: Đem binh mã đi bắt mấy mụ đàn bà về trả thù riêng thì quả chỉ có bụng đàn bà mới nghĩ ra nổi. Ta tiếc thay cho Từ, không tự hiểu mình. Tài sức Từ lay thành nhổ núi, và cái kỳ vọng ta đạt vào Từ ngàn lần lớn hơn cái mộng bá vương của y. Buồn thay, ngay từ lúc này ta cảm thấy trước cái kết cục không hay rồi. Nhưng thôi, dù hay dù dở, sự nghiệp Từ chẳng còn đáng để ta bận tâm nữa rồi.

Và từ đấy, người ta không thấy nói gì đến Phàn nữa.

HIẾU TÂN



NGUYỄN VĂN THỌ

Xuân, tháng hai Hà Nội



Trước tết, Hà Nội mưa rả rích. Rồi oi, nắng nồng. Không khí lộn chộn như tháng tư ở Đức. Có lẽ vậy nên đào nở sớm. Năm nay được mùa quất hay năm ngoái quất trúng nên dân làm hoa đầu tư nhiều cho quất? Quất vàng ươm đường phố. Người ta chuyên chở quất bằng mọi thứ phương tiện. Những cây quất xum xuê quả mọng, được cắt tỉa công phu, gặp tiết xuân nồng, rúa lên từ bọc vàng tán quả, loe xoe nõn tơ, lộc biếc. Một cây quất trồng sẵn trong chậu nhỏ cao tới ngang cổ, bồng tròn vo, đẹp nõn cũng chỉ sấp sỉ trăm ngàn.

Tôi thả bộ trên chợ hoa quanh khu vườn hoa Hàng Đậu. Hoa đào năm nay không đẹp. Có lẽ bởi sự chất chưởng của thời tiết, bao cành đào hua hua trên tay người bán, rã rời bông nở toe hoe và héo mòn những nụ còn ngậm cái lạnh tới 8, 10 độ. Hai bố con tôi đi vòng khắp chợ mấy lượt mới tầm được cành nhỏ có hoa nụ chúm chím xuân đào. Cành hoa vừa vặn cái gác xép cha tôi, giá 50 ngàn.

Cái thú chơi hoa của người Hà Nội thay đổi như thời tiết. Năm ngoái, hoa đào cành. Năm nay, hoa đào bứng nguyên cây, đủ dáng kiểu trồng sẵn trong chậu hay còn tơ hơ những bồng đất tươi màu phù sa. Thỉnh thoảng gặp một người nông dân ngoại thành đi bán đất. Phù sa non bửa ra như miếng thăn nạc, gói trong bao bố, quang sọt gánh rao khắp phố cung cấp cho những chậu cây, hoa. Một chậu đất giá năm ngàn. Năm ngàn được gần ba cân thóc.

Trước cửa một ngôi nhà cũ kỹ bày hơn chục bát thủy tiên. Người thanh nhã chơi hoa bát thủy tiên! Dừng lại hỏi giá một bát hoa. 120

ngàn! Con gái tôi níu áo bố kéo đi nhanh. Nó bảo, trên chợ hoa đê Nhật Tân chỉ có dăm sáu chục ngàn. Tôi vẫn ngoái cổ lại. Những đọt hoa ngun ngún xanh nõn sức xuân như bay lên từ trong bát sứ trắng. Ngời dăm búp nụ còn xanh trong. Chợt nhớ thủa còn thơ, tôi theo mẹ, sau tết trẩy hội chùa Hai Bà. Hồi ấy người ta thường tổ chức thi hoa bát các loại. Hội Hai Bà có sạp dài dành cho các đấu sỹ trung bình tiên(1), có sới vật cạnh gốc đa vài chục người ôm, luôn chật ních người, bộn rộn tiếng trống giục, có khoảnh thi hoa trên sân gạch của chùa. Tôi lẽo đẽo theo mẹ, tha thẩn chơi bên những bàn học trò bầy kín bát hoa đủ màu sắc kiều diễm. Có loài hoa ngâm trong bình thủy trong suốt. Những cánh hoa rõ trong, rõ trắng, trông như ngọc. Cha tôi bảo, thú chơi hoa bát gợi sự tinh khiết trong sáng của con người. Không biết hội chùa Hai Bà vào dịp giêng hai còn hội thi hoa bát không?

Men theo Hàng Đào rồi ngang ngửa trong phố cổ, người xe như nước. Phố phường ngập đầy hàng hóa. Đồ chơi Tầu đủ loại, rẻ như bèo, treo tòng teng lắm mầu sắc, kiểu dáng. Các cửa hàng giầy đầy những đôi giầy kiểu mốt mới như Châu Âu. Một đôi giầy đẹp giá khoảng 250 tới 300 ngàn, dán mác Tây. Con gái tôi bĩu môi, đồ ta đấy bố ạ! Tôi nhìn, chắc công nghệ ngoại mới nhập, da trâu bò Việt. Đồ da Việt Nam hôm nay chẳng thua gì xứ người. Không biết có bền không. Sờ vào thấy da mềm ra phết! Một đôi giầy như vậy từ Đức mang về, loại giầy lỗi mốt, hay loại còn hợp thời trang của những hãng vô danh được bán một vài triệu (một trăm US D ăn một triệu tư tiền Việt Nam). Giầy ấy, trong các siêu thị bên Châu Âu, trên dưới 100 Mark, vào dịp hạ giá chỉ 50 Mark.

Tôi và con gái lượn xe quanh Hồ Gươm. Gần trưa mà sát mặt hồ vẫn còn đám sương tơ bảng lảng. Không khí ẩm lạnh, xao xuyến. Tháp rùa đã dăng đèn kết hoa. Mấy năm trước, không hiểu người ta trùng tu thế nào mà nay một tai mái tháp đã rụng. Cái tháp nhỏ giữa hồ xưa mênh mông kỷ niệm, mầu cũ rêu phong, nay phủ lớp vôi trơ trẽn ngả màu xám. Trời ơi! người đi, đi cả bao năm trời, mơ ngắm nó một ngày mà giờ đây thấy hình hài tháp để vậy. Buồn tới se lòng. Tôi chợt nhớ tới những quán xá ồn ào chật ních người ăn nhậu tối ngày và những tòa nhà ngoại nhập ngất ngưởng đang xâm lăng Hà Nội cổ. Cái tai mái tháp rụng kia, chi phí tái tạo mất bao nhiêu nhỉ, Hà Nội ơi!

Con gái tôi nói về sự kiện Formol trong bánh phở. Nó bảo, báo chí nói nhiều, có thể bây giờ người ta không dám làm bậy như vậy nữa, các quán phở dần đông trở lại. Nó rủ tôi lên quán phở bò Lý Quốc Sư nổi tiếng.

Ba chiếc bàn hẹp kê trong gian nhà ngang với phố. Hai ba thùng

nước dùng to bộng, cáu mỡ bay ngùn ngụt hơi nước thơm nức. Khách ăn phở xếp hàng chèn ra cả vỉa hè. Buổi sáng ăn phở phải đợi cả tiếng, con gái tôi giải thích. Thì ra người Hà Nội chỉ hơi sợ một chút rồi đâu vào đấy. Chờ đến hai chục phút mới lấy được hai bát phở ra chỗ bàn con gái tôi chiếm sẵn. 10 ngàn một bát phở. Nước dùng trong. Những lát thịt mỏng thơm. Bánh phở mềm dai đủ độ. Tôi ăn phở và lắng nghe tiếng tấm tắc của thực khách nào đó bên bàn kia. Người ta bắt đầu quay lại cách ăn uống của Hà Nội năm tháng thủa nào. Bát phở không đầy ngún, to sụ, nhạt thếch. Bát phở hôm nay vừa bánh, vừa thịt, thơm đằm. Quanh tôi, người Hà Nội ăn phở chậm, nhẩn nha thưởng thức cái hương phở. Bên cạnh, ba bốn cháu gái xinh tươi vừa ăn vừa rúc rích cười vì chuyện nào đấy. Cô bé đối diện rón rén gắp những sợi phở trắng muốt đưa lên đôi môi hồng tươi. Chợt nhớ đến tùy bút Phở ngày nào của cụ Nguyễn Tuân. Ông cụ hay đùa dai thiên hạ, viết về cách ăn phở như kiểu ăn giải cảm của đám thợ cầy. Thế mà một dạo người ta cứ hoắng lên ca ngợi cái sự ăn của cụ Tuân đã viết. Có thể chỉ có mình ông Tuân ăn uống như thế! Ngày nào cha tôi nói vậy. Đám trí thức cũ của Hà Nội và những người dân thành thị không ai thưởng ngoạn phở như đánh vật!

Tôi và con gái lang thang suốt mấy ngày không chán mắt. Chợt nhớ mấy đứa bạn bên Đức, giờ vẫn lọm cọm đứng run trước quầy hàng. Đường phố giờ này bên ấy, ai biết đến cái tết âm lịch của ta! Mấy đứa gọi điện về bảo tuyết còn bay trắng xóa phố phường.

Đường phố trước tết Hà Nội hôm nay đâu đâu cũng chật chội, chen chúc. Không còn những ngõ vắng, phố đìu hiu thơ mộng như những năm 60 về trước. Bù lại, dân Hà nội bây giờ ăn mặc tươm tất ra trò. Đám con gái thì đẹp hẳn lên. Ngắm nhìn họ đi lại, giao tiếp trên đường phố, trong quầy hàng, dưới những tàn sấu xanh, mưa bụi và dòng người mê mẩn lòng. Giờ đây tôi được đứng đây, ngắm đây, hồn xác nơi đây, để mưa lạnh leo pheo vào cổ, vào mặt, vào mắt, cho bõ những tháng ngày lang thang xứ người, thèm Hà Nội đến trào nước mắt ước, thương, yêu vọng.

Việt Nam bây giờ được nghỉ cả thứ bảy, chủ nhật. Đám anh em bên điện ảnh rủ tôi đi ăn thịt chó giải đen trước tết. Bấy nay tôi còn khái niệm đen, trắng gì đâu. Cuộc sống dạt trôi như con thuyền vô định, gặp bến thuận thì đỗ, gặp nơi nghịch thì dong buồm. Ai đen thì giải đen, còn tôi đi cho biết cái đê chó bây giờ ra sao?

Thứ bẩy, hẹn nhau ở cửa hãng phim truyện. Năm giờ chiều, trời đã sẩm. Mưa bụi lây phây. Cả đoàn phóng xe máy rào rào lên mạn Quảng Bá. Ngày xưa, ừ ngày xưa quãng đê này vắng vẻ và đầy ổi mọc

bên trái đường. Mùa hè đi tắm hồ bơi Nghi Tàm, Quảng Bá đùa nghịch trong không khí quấn qua quấn quýt hương ổi chín ngọt.

Nhìn quanh chẳng còn rặng ổi xưa. Những ngôi nhà vi phạm xây lấn đê hồi nào bị chém ngang, cái đã tu sửa, cái còn nguyên nhát búa, vết cắt nham nhở. Ngồi trên xe mà lòng cứ tự hỏi, khi nào thì có một quy phạm luật lệ đất đai, nhà cửa, quy hoạch khả thi cho đất nước và người dân của quê hương. Khắp thành phố, người ta vẫn cứ xây cất có giấy và không giấy phép. Tôi có mảnh đất nhỏ mua từ đất canh tác trong Ngọc Hà mười năm rồi vẫn chưa xong giấy tờ. Hôm lên thăm, các vạt đất xung quanh đã lên nhà, xây kín, quây chặt, cầm tù mảnh đất đầy cỏ dại của chúng tôi! Mảnh đất bị cớm vậy, bây giờ trồng trọt cái gì! Nhu cầu ở của thành phố chèn kín, đẩy bật các vùng trồng hoa ra ngoại thành, sang tận Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh. Nhớ ngày nào, người ta hãi hùng kêu cứu mấy vùng hoa quanh Hà Nội. Thế rồi, khi người yêu hoa vẫn còn thì các loài hoa quyết không chết. Buổi sớm, cứ lên cầu Long Biên, cầu Chương Dương mà xem, bên cạnh dòng sông hoa chảy từ Nhật Tân về có những dòng sông hoa trăm hồng, ngàn tía đổ ào ào về thủ đô từ những làng hoa mới. Cũng chẳng thua anh kém chị với mấy làng hoa truyền thống, thậm chí còn nhiều giống mới, lạ hơn nhờ sự can thiệp của công nghệ nhân giống, lai tạo từ gen.

Cứ nghĩ ngợi lung tung thế mà giật mình vì đã chạm phải dải đất nổi tiếng bởi các hàng thịt chó. Bên phải tôi, cạnh con đê rất nhiều nhà tre nứa dựng như nhà sàn, trên mái chưng tên quán lớn ngật ngưỡng. Cạnh đê, hàng dãy xe máy sóng hàng, có người mời chào, bảo vệ. *Thủ đô thịt chó dài tới bốn năm cây số nghi ngút khói.* Không phải thứ lửa khói chiến tranh mà tôi đã trải qua. Lửa bập bùng cháy ở dàn nướng chả đặt sát đê, khi tỏ khi mờ. Khói cuồn cuộn theo gió, màn màn bay dọc đê, trong sương đêm bắt đầu trào lên từ phía Tây Hồ. Thứ khói lam thơm ngậy mùi chả, mùi thịt ướp hành, sả, giềng, thoáng ngửi đã ứa hết nước miếng. Họa sỹ đạo cụ điện ảnh ố M đùa đùa, từ nay không cần tạo dựng khói lửa nữa, khi nào cần cảnh chiến tranh, khói lửa cứ điều máy quay để tiết kiệm, có tiền nhậu luôn thể!

Chúng tôi vào nhà sàn có tên hiệu là Tú Béo. Đây là quán ngon đệ nhất của quân khu thịt chó! Đạo diễn điện ảnh, diễn viên nổi tiếng các vai Anh bộ đội, T. L nói với tôi như vậy khi dẫn tôi vượt đê leo lên mấy bậc thang vào sàn nhà. Có lẽ không có nhà hàng trên thế giới lại có cảnh như vậy. Những nhân viên nam, có thể họ từ các vùng quê lên làm thuê, đón chúng tôi từ cửa vào, phát ngay cho mỗi người một túi nilon. Thì ra thực khách vào sàn ăn phải tụt giầy để khỏi bẩn dẫy chiếu trải kín cái sàn ván rộng đến 100 m2. Để khỏi mất giày, người ta

cho giày của mình vào túi nilon rồi cắp theo. Đám chúng tôi ngồi sát hiên trông ra sau nhà. Tôi nhìn xuống dưới đất. Những luống hoa Violette, trong ánh điện hắt ra, tím sẫm. Mấy gốc đào mơn mởn nụ, hoa..Thế mới biết người Việt Nam cần cù và tiết kiệm. Giá mỗi mâm cho sáu, tám người, ăn uống ê hề, ba trăm ngàn. Vị chi mỗi mâm sau khi phục vụ thực khách, có thể lãi năm chục ngàn đã trừ mọi chi phí. Vậy mà khoảnh đất kia vẫn cứ trồng hoa suốt năm trời chăm đẫm để có thêm nguồn thu vài chục ngàn.Và, năm nay, khi hoa rẻ bất ngờ thì tiền lãi còn đáng bao nhiêu!

Chúng tôi bắt đầu vào bữa tiệc. Rượu nếp cái đùng đục màu nước gạo, uống mềm, vị ngọt, rất đã. Lâu rồi mới được ăn món thịt đậm đà đặc biệt của loài hay sủa. Thịt chó rựa mận ngậy, sền sệt, quyền quyện mùi sả, giềng. Thịt nướng mềm thơm đằm đằm không có thứ thịt nào sánh nổi. Đặc biệt cái anh dồi thì hơi bị(2) được. Cái anh dồi chó phom nhỏ mẩu mật được nhồi khéo, lõi bùi mềm nhưng vỏ lại ròn là nghệ thuật của dồi chó hôm nay. Ngày xưa cũng là dồi nướng đấy, chỗ vàng chỗ đen lam nham. Cái dồi bây giờ, ruột vẫn thế nhưng vỏ thì ron ròn, đồng điệu màu mun! Thì ra cái sự ăn cũng tinh vi có thời của nó. Không gặp thời, ăn bậy bạ sao cốt no bụng, cốt có để ăn. Thời vận quay về tìm cái thú đến cùng của sự ăn cũng phải kỳ phu tới thành nghệ thuật. Nghệ thuật dồi chó là gì? Phải chăng là trong mềm ngoài ròn tưng tửng thế này đây!

Rượu vào thì lời ra. Chúng tôi nói chuyện với nhau về nền phim ảnh Việt Nam, về những thước phim tài liệu của bè bạn em trai tôi, về tác phẩm sắp hoàn thành (chưa xong phần tiếng) Mùa ổi của đạo diễn Đặng Nhật Minh. Kẻ bảo hay lắm, người bảo tiết tấu khí chậm. Hai ba tiếng trôi qua mà chẳng ai để ý tới thời gian. Người đi xa về, gặp lại bè bạn, có bao điều ở bên ấy muốn về nói cho bạn nghe. Thế mà giờ đây tôi ngồi nghe bạn, nghe nuốt từng lời, kể như chưa từng bao giờ nghe bạn nói. Tôi không dám uống say sỉn theo thói quen ở Đức. Phải còn lái xe về nhà, mà bên ngoài trời vẫn mưa rỉ rả.

Chuyến về này tôi còn nhiều cuộc vui như thế với bè bạn hồi quân ngũ, bè bạn văn chương. Có cuộc chơi tận bên làng Lệ Mật với đám bạn coi thịt rắn là thứ vô song, cực bổ. Có cuộc đi với họa sỹ Thành Chương và mấy nhà thơ lên tận Hòa Lạc ăn thịt thú rừng, nhớ thơ Quang Dũng, nhỏ to chuyện bức tượng đồng của thi nhân phải đặt ở trường cấp hai nơi cố thi sỹ học xưa.

Những cuộc đi như vậy không gây ấn tượng mạnh về ẩm thực; bởi dường như, người ăn chơi , không chỉ tính ăn cái gì mà còn nghĩ đến ăn nó ra sao, lại còn ăn cảnh thế nào. Cái sự đô hội náo nhiệt tại

mấy quán thịt chó, mấy quán lẩu trong thành có cái không khí như tất cả thực khách đang cùng nằm trong một nong tằm ăn rỗi; mà điều ấy thiếu hẳn khi ăn chơi ở các quán xá xa xa, cho dù có món lạ miệng, nấu nướng cũng diệu vợi, cầu kỳ đi nữa vẫn làm tôi cảm thấy thiêu thiếu điều gì đó. Và có lẽ, cũng chỉ dân á Châu mới coi cái không khí ăn uống rào rào như hội đình, như việc đám, là thứ gia vị không hình dáng, gia giảm trong từng bối cảnh cần phải có khi bè bạn kéo nhau đi tụ vạ. Xem ra, mỗi dân tộc, mỗi vùng dân cư đều có một cách ăn chơi theo kiểu của mình, hợp với mình và có thể vì điều ấy mà đôi khi, lạc bước vào một quán ăn, dù sang trọng đến mấy ở Châu Âu, tôi chưa khi nào có được một bữa ăn được hưởng tất cả cái kỳ thú của sự ăn như ở quê hương. ừ, người ta ăn, nói đến ăn, nhiều khi đâu chỉ là đơn thuần bàn về cái ních căng bụng dạ! Với lại, tết sắp tới rồi, sự bận rộn trong gia đình đông con, lắm cháu như nhà tôi bắt đầu khởi động, choán hết cả tâm hồn và thời gian của kẻ xa mới về.

Mấy ngày giáp tết, cha tôi đổ trọng bệnh. Đêm đêm tôi quấp chăn nằm cạnh ông cùng nghe mấy băng ca trù của bà Hồ, bà Phúc. Cha con chúng tôi nói với nhau về nghệ thuật sơn mài của họa sỹ Thành Chương bạn tôi, về cái con đường lấp đầy nước mắt của văn chương và tôi hỏi người cho tỏ nghĩa mấy chữ Hán. Lại nói chuyện xem tập sách giới thiệu triển lãm mới nhất về sơn mài hiện đại của bạn tôi, cha tôi thở dài nói, thế hệ các anh bây giờ tài thật! Tài! Tài lắm! Các anh lao động rất nhiều. Chúng tôi ngày xưa không lao động nhiều được vậy. Phải rồi, cha tôi nói đúng. Suốt mấy chục năm qua, nhất là trong chiến tranh và những năm tháng bao cấp, những họa sỹ Đông Dương cũ vẽ ít. Họ chỉ cầm cọ, cầm bút khi nào cực hứng! Tôi nhớ dạo bác Hoàng Lập Ngôn vẽ một người đàn bà Thụy Điển. Bức tranh có tên là Mộng Mơ. Những bức chân dung tây đầm của bác Ngôn thường tặng không mấy vị khách ở trời xa ghé thăm nhanh và hiếm hoi được nhận một cái xe đạp Pháp gửi về, có đi có lại. Lần nhận xe ấy, bác Ngôn chạy xuống khoe với cha tôi, ríu rít như con trẻ. Sự ấy cũng hiếm. Xuân này, họa sỹ Hoàng Lập Ngôn 91 tuổi. Bữa nào ông già Tinh Tướng Họa ấy còn tới thăm người bạn kết nghĩa 73 năm. Từ dạo cùng học ở Boda, nhận nhau là bạn hữu, đến cái chơi ngông của chuyến xe ngựa Mê Li, rồi họ đã đi qua không biết bao giông tố lẫn hạnh phúc của đời nghệ sỹ. Hôm nay hai ông già ngồi bên nhau, quên hết sự trầm luân bụi trần. Lão tướng ngồi vẽ chân dung bạn và cha tôi chơi đàn, quay thành phim. Không biết bây giờ ông có biết người bạn ông đang trọng bệnh rồi không!

Một sáng, cha tôi nói, đêm qua mưa lớn, cậu nằm nghe mưa rơi

trên mái tôn buồn quá. Tôi ngồi ngắm khuôn mặt của cha tôi, khuôn mặt vò võ, người nghệ sỹ già, người bạn lớn của tôi, mà không sao cầm nước mắt. Cha tôi năm nay đã 89 tuổi, cả cuộc đời ông là tình yêu cái đẹp. Người yêu đời, dù biết rõ mệnh hệ mình vẫn tha thiết với cuộc sống. Ông đã trải qua cuộc chiến tranh chống Pháp, qua cơn bĩ dĩ của cải cách ruộng đất và đánh tư sản, cải tạo trí thức cũ ở Hà Nội. Ông tìm cái đẹp trong hội họa, trong ca nhạc, trong cả những pho sách cổ, kể cả tử vi và tướng học. Cuối đời, ông dành nhiều thời gian nghiên cứu phật học. Người sành nhạc nói tiếng đàn của ông trầm tĩnh, bình thản. Tôi không hiểu lắm về âm luật: ấn tượng khắc họa sâu đậm ghi lại trong tôi những tháng năm xa ông là hình ảnh cha tôi ngồi xếp bằng như tọa thiền, đôi mắt lim dim thả tiếng đàn vào đêm thanh vắng. Cuộc đời người ta thăng trầm cũng là thường, nhưng mấy ai tìm được cái đẹp mà làm chỗ nương tựa, dung thân. Tôi ngồi chìm trong bóng tối tưởng thấy những bức tranh ông vẽ; tưởng thấy tiếng đàn đáy nhún nhảy đung đưa mỗi dịp xuân về, khi ông còn khoẻ; tưởng thấy cây đàn đáy và các loại đàn ông tự làm rất công phu sau bao năm tháng tích lũy về nhã nhạc. Lòng nhưng nhức mưng buồn.

Bên ngoài cửa nhà tôi là khu chợ Giời, nơi buôn bán sầm uất đủ thứ tạp pí lù trên đời. Khu chợ bùn dơ lép nhép cả tháng tết. Tôi mua một chút bún cho cha tôi của cô hàng sáo cạnh nhà. Tết nào về, tôi cũng gặp cô hàng bún mà dân chợ cứ gọi ơi ới tên cô khi cần ăn món bún của cô: Cô Lúa ơi! ới cô lúa!

Người thiếu phụ có cái tên rất quê mùa ấy thật ra không phải tên Lúa. Đấy là cái tên dân chợ đặt cho bởi khuôn mặt rất nhẹ nhàng đồng quê của cô. Tên thật cô là Ngọc ánh. Cô ở xóm chùa Hai Bà và làm nghề hàng ăn đã hơn hai chục năm nay. Cô Lúa có hàm răng trắng đều như hạt na và mớ tóc chừng dài lắm luôn vấn thành búi to sau gáy. Cái con người thon thả dù đã hai mặt con ấy luôn cả ngày tất bật. Sáp tết, buổi sáng cô bán bún riêu. Bún riêu cô rẻ, hợp túi tiền kẻ chợ, đến 10 giờ là cả gánh bún hết vèo. Cô quay về lấy nồi sôi chè bán cho hết chiều. Sang tháng ba, gió bấc, mưa dầm thì thũm, cô còn bán thêm chiều một gánh bánh trôi, bánh chay. Hỏi ra mới biết, người ta dậy từ ba giờ sáng, nấu nướng túi bụi rồi để lại cho anh chồng chuẩn bị nốt những gì còn lại. Cứ như vậy suốt hơn hai chục năm qua, chín mười giờ tối mới rửa chân ngồi vào bàn ăn với chồng. Dân chợ giời, lắm kẻ tứ xứ giang hồ, đều tỏ ra yêu quý người con gái dáng dấp hơi cổ này. Những cô Tấm, cô Lúa của con người Việt Nam, ở tổ quốc, ở Nga, ở Đức, đâu đâu cũng gặp. Khuôn mặt luôn bừng sáng chân thật của cô làm thực khách hài lòng. Sự sạch sẽ của cô làm người ta tin cậy. Nghe

nói, cô có mảnh đất hơn trăm mét và ngôi nhà hai tầng do bàn tay chắt chiu của vợ chồng cô mà nên.

Cha tôi ăn được một phần tư bát bún nóng sốt của cô bưng đến. Bát bún với gạch cua nổi bồng bềnh bên những miếng cà chua hồng hồng, bốc thơm ngầy ngậy, ăn với rau sống lát nhỏ, ròn tươi làm mát cả lòng. Cha tôi bảo vậy.

Tôi pha nước trà cho ông mà nghĩ tới những khúc quanh của cuộc sống. Nhớ cái tết nào, đầu thập kỷ 80, dân làm ăn ở Hà Nội xôn xao mấy vụ thu nhà. Bây giờ kinh tế thị trường cũng còn nhiều cái dở. Nhưng còn có cái được là con người ta dám mở mày mở mặt từ gánh bún mà có vườn nhà như cô Lúa kia. Nói dại, quay lại lịch sử hồi nào, chắc cô Tấm, cô Lúa chẳng dại gì mà xây nhà tầng trên cái xóm chùa còn vương chút đìu hiu thôn quê, sót lại trong vùng đã ngườm ngượp phố xá.

Tết Canh Thìn trôi qua nhanh nhanh với gia đình tôi. Đêm ba mươi, pháo hoa bắn rợp góc trời thành phố. ấy là nghe con gái kể thế chứ có biết pháo hoa Hà Nội xanh đỏ ra sao. Tôi nằm suốt đêm với bố, bồi hồi nghe tiếng ùng oàng từ hồ Gươm vọng về. Đất nước thanh bình mới có ngày hôm nay. Tôi thoáng nghĩ tới những ngày loạn lạc. Không biết đồng ngũ tôi khắp miền tổ quốc giờ họ ra sao?

Qua giao thừa, tôi bầy ra đĩa mấy thứ bánh mềm, kẹo ngon từ Đức mang về mời cha mà ông cứ ngoắc đầu quầy quậy. Nhà có người ốm, tết nhất chẳng ai cầm lòng làm ngon.

Mồng một dọn mâm cúng tổ tiên, con cái cháu chắt quây bên ông chúc tết. Cha tôi gượng cười dục các con cháu đi ăn cho nóng. Chúng tôi ăn trong im lặng. Nghe xuân vẫn đủng đỉnh rơi giọt giọt trên mái tôn nhựa. Thế là một năm mới đến rồi.

Mâm cỗ Hà Nội những năm nay nhà nào cũng tươm tất. Cái thời thắt lưng buộc bụng qua đi không để lại dấu vết trên những khuôn mặt thành phố. Ngoảnh đi ngoảnh lại, tôi xa nhà hơn chục năm. Các cháu đã lớn, mấy anh chị đã già. Nhớ cái ngày tết 1966 tôi chiến đấu ở trận địa cao xạ Châu Giang, cha tôi lọ mọ đạp xe tới thăm con. Mấy chục cây số mới tìm tới nơi thì đơn vị tôi lại nhổ trại ngược lên Hà Bắc. Cha con không gặp nhau, cha tôi nhịn đói quay về Hà Nội. Tôi nhận được gói bánh quy đã nát sầu vì đẫm nước mưa. Bánh của mẹ tôi do mấy đứa anh nuôi đi sau bắt chợt cha tôi nhờ chuyển. Thế mà hơn ba chục năm rồi!

Thời gian vùn vụt trôi thêm tuần nữa. Đêm đêm, tôi khắc khoải đếm từng ngày sẽ phải lên đường. Tôi thành tâm tới mấy ngôi chùa cầu cho cha tôi mau lành bệnh. Tôi hoãn lại vé máy bay. Nhưng quy

luật chung của tạo hóa không hoãn được vì lời mời của hóa công đã viết rồi. Sáng Quý Mão, tháng Mậu Dần, tức ngày 15 tháng hai, cha tôi, sau khi được tôi lau rửa bằng nước gừng ấm đã ngồi xếp bằng, nhắm mắt, thiền mà ra đi.

Xuân, tháng hai Hà Nội mưa đêm nặng hạt, ngày có trở mình nắng chút ít rồi lại ngây ngây mầu chì.

Sau tết vài ngày đường phố quay về không khí làm ăn trước tết. Cũng lưu lại chút ít cái vương vấn tháng giêng là tháng ăn chơi. Tôi từ chối những lời mời chùa Hương hay Yên Tử. Đứa cháu tôi làm việc cho một công ty nước ngoài đã lên đường từ chiều mồng một tết. Mồng năm tết, cháu đích tôn của nhà tôi cũng bắt đầu ngày làm việc cật sức cho một công ty tư nhân in ấn quảng cáo. Năm theo năm, Hà nội của tôi đang chuyển mình dần theo một quy luật mới, cái quy luật người làm nhiều hưởng nhiều sẽ dứt khoát chiến thắng sự quân bình chủ nghĩa. Đấy là tương lai không chỉ cho một thế hệ.

Từ trên cao tít tầng không tôi cúi nhìn cố tìm lần nữa Hà Nội thương yêu của tôi. Cái ô cửa máy bay nhỏ xíu, không thể quan sát hết toàn cảnh thành phố. Nhưng tôi vẫn thấy những hình bóng quen thuộc trong tâm trí. Những con đường của quá khứ và hiện tại với nhiều cảm súc vừa thật vừa hoang đường. Tôi nhìn thấy tháng hai luôn thay đổi từng năm trong hoa và cách ăn chơi của người Hà Nội; tôi nhìn thấy tháng hai sùi sụt trong đám tang của cha tôi, một nhân chứng nữa của một thế hệ đã vĩnh viễn ra đi vào năm đệm của thời điểm sắp bước tới thiên niên kỷ mới, nhường lại từ mùa xuân này cho một thế hệ mới, trẻ, đẹp, tài năng hứa hẹn. Đúng là như vậy, cho dù chúng tôi, lứa con, cháu, chắt ông còn nhiều trăn trở lo toan, tất bật vẫn cứ hy vọng vào một tương lai không xa. Như ông, cha tôi, ngày nào nói: "Cuộc sống như một tiếng vỗ tay thôi mà. Phải biết hy vọng và biết yêu, biết sống!"

Máy bay bay vụt bứt lên cao. Tôi nhìn lại mảnh đất yêu dấu của tôi lần cuối. Lòng chẳng cầm lòng, đôi mắt rưng rưng như đứa trẻ mới xa nhà lần đầu.

NGUYỄN VĂN THỌ
Nước Đức, tháng 3/ 2000

Chú thích

1- đấu trung bình tiên. Thứ vũ khí cổ trong võ thuật Việt. Chủ yếu để rèn luyện sức khỏe. Đấu thủ sử dụng hai cây tre đực dài, đầu bọc vải hay rơm đứng trên sàn chọc nhau cho đấu sỹ bật khỏi đài là thắng.

2- Hơi bị được, hơi bị ngon..là cách nói hiện nay hay dùng ở Hà Nội. Có ý khen ngợi việc nào đó, được lắm hay ngon lắm.



QUANG THÀNH

Ngày vô tư

Sáng, thức dậy chưa đánh răng
nghe người ta chửi nhau về chuyện mất chó mất mèo
về kẹt xe hằng buổi
về chợ đen ma túy
linh tinh...

Khi tôi chải răng
bất chợt người đàn bà bạc tóc đêm qua nhà kế bên
bù lu bù loa khóc mắng
cháu con ơ thờ mặc cửa nhà thiếu hụt nước non
tôi đắng miệng-không hiểu vì bệnh hay bởi xài nhầm hàng giả
thôi, hơi đâu phân tích bộn bề.
Ngày vốn dĩ. Vô tư !

Em cave mới dọn về trọ nhà đối diện
không thể nằm nướng đứng chống cằm bên cửa sổ
mắt thâm đêm mệt dài
nắng đầu ngày hồn nhiên ơ hờ ngực trễ.

Tôi vấp nhầm chân ghế, đau điếng
gượng ra vẻ an nhiên
mơ màng cạo râu
nhìn trộm em thanh xuân buồn tình phơi mở.
Tôi khởi sự tư duy
về một ngày.

Lão già mua bán lạc xoong
xộc vào nhà
tự do hạnh phúc vô tư !
hỏi mua cây dao cạo tôi cầm trên tay
tôi lắc đầu-"của gia bảo- chưa tiện bán".
lão bỏ đi nhanh như khi xuất hiện
điệp khúc ngày lãnh lót
"Đồng tiền xưa bạc cắc cũ
tăng phô đồng hồ điện quạt máy radio các sét
hư cũ bán không?"

Người ta bắt đầu túa đi
sau khi chó mèo cột chặc đâu vào đó
người đàn bà đủng đỉnh ra đầu hẻm ăn sáng
em khép cửa đi nằm.
Tôi cũng xuống đường
chấm dứt tư duy về vệt nắng
về ngày.

Ở đoạn đường kẹt xe hàng buổi
tôi nghe
người ta kháo nhau về vị thơm đắng
của các loại kem đánh răng ngoại nhập
về những món lời kết sù bán mua ma túy
về giá cả kinh tế thị trường
bất giác thèm đứng bên cửa sổ
chạm tay vào vệt nắng non đầu ngày
trên đỉnh thanh xuân em
Vô tư !

QUANG THÀNH,
9/2000



THU THUYỀN

Mắt đỏ



Thú thật. Anh bực bội ngay từ ngày thứ ba, sau khi đáp máy bay xuống thành phố Sàigòn. Chương trình đảo lộn lung tung! Hôm đầu ở nhà cúng Giao thừa, sau đó, mồng một Tết phải dành cho họ hàng, anh không nói làm gì. Đến mồng hai, một phái đoàn cựu quản gia, vú bõ, tài xế... của nhà chị, lục tục đi xe lửa, xe đò từ các tỉnh về thăm anh chị. Mồng ba vừa tiễn xong phái đoàn này đi, lại có một lực lượng khác tới: Bạn học cũ của chị. Mấy mợ này mà xúm nhau nói chuyện chung quanh bình trà khay mứt thì trời gầm cũng không rứt ra được. Anh loay hoay ra vô trong nhà. Nghe đối thoại ròn rã từ phòng khách vang ra:

Bạn: Có phải bên Mỹ trai thừa gái thiếu?
Chị: Đúng mày ạ, trai thừa nhưng thừa toàn... thứ đồ bỏ thôi! Các bà vẫn hay bảo mấy ông như cái bãi đậu xe. Khu râm mát hoặc có vị trí tốt đã bị chiếm sạch, chỉ còn lại chỗ dành cho người tàn tật, sức mấy ai dám đậu.

"— Việt nam thì biết gì về luật parking cho người handicap mà rườm lời", anh nghĩ.

Bạn: Bộ mấy ổng không công ăn việc làm à?
Chị: Không phải. Tao đoán tật xấu của các đấng "trai thừa" này,

nếu đem lên cân thì bể cân nên mấy bà thích bươi móc cho sướng miệng.

Bạn: Mày chỉ phét lác!

Chị: Yên. Để tao kể lai rai cho mà nghe...

Đó! Đó! Bắt đầu lấy trớn hạch tội thiên hạ. Không chừng mình cũng sắp là nạn nhân? Anh vội bước vào phòng khách, hắng giọng. Các mợ đồng loạt quay lại nhìn anh. Anh khựng một giây rồi hấp tấp nói như sợ bị cướp lời: "Các chị ở chơi với nhà tôi nhé. Tôi ra ngoài thăm phố phường một lát!". Mắt chị tròn ra như hai con ốc nhồi: "Ô hay, anh chờ một tí rồi cùng đi với em luôn chứ!" Anh vờ không nghe, trở gót đi một lèo. Tiếng chị léo nhéo, "Thành phố này không an toàn. Những tên du côn trộm cướp gặp Việt kiều đi lớ ngớ, nó giật sạch tiền bạc giấy tờ, còn dần cho một trận nhừ tử đó. Đi đâu cũng phải có người này người kia chứ."

Anh cũng lạnh người chồn chân nhưng nghĩ quay trở lại, vợ và lũ bạn quạ mổ sẽ cho mình hèn nên anh cứ thế lầm lũi đi.

Lòng vòng thế nào, anh tấp vào được một quán bia ôm khá đông khách. Một cô gái cao gầy trắng trẻo, có cặp đùi thuôn dài gợi cảm dưới lớp váy hoa bằng lụa mỏng, nhanh nhẹn ra chào anh. Cô có khuôn mặt thanh thanh làm nổi bật cặp mắt to buồn thiu dù đôi môi đang chúm chím với anh. Đôi môi hơi thô so với khuôn mặt, anh nghĩ.

Cô gái gọi bia dùm anh. Mở nắp, đưa tận tay anh. Lon bia của cô ta, chỉ cần ba ực là cô uống cạn. Quăng bộp xuống đất. Hèn gì vỏ chai bia, lon hộp lổn ngổn dưới sàn nhà! Cô gái xin phép anh kêu lon bia thứ hai trong khi đó anh chưa nhấp đến ngụm đầu. Anh như Từ Thức sa phải động tiên. Bỡ ngỡ nhìn quanh, quan sát từng góc tường, mặt bàn, khách khứa gái gung đang ngả ngớn...

Cô gái nhẹ nhàng khều anh:

- Anh tên gì? Việt kiều hả? Em là Chiều. Khách quen vẫn kêu Chiêu như Chiêu Quân. Còn anh muốn gọi sao cũng được.

Anh gật đầu, "Tôi là Chung, Đinh Chung, từ Mỹ về ...", mắt vẫn nhìn xéo cặp trai gái đang ngồi dúi mặt vào nhau ở bàn bên.

- Việt kiều về nước đầu tư buôn bán hay ăn Tết? Cô gái nhất định gợi chuyện.

Anh lơ đãng trả lời:

- Buôn bán gì cái mặt này? Tôi viết software cho hãng dầu Fina ở Dallas Texas. Fina chứ không phải Vina. Anh nhấn mạnh theo thói quen. Mắt tiếp tục quan sát bàn tay phải của một ông khách cạnh đấy. Bàn tay với những ngón có màu vàng nghệ, cứ tuột lên tuột xuống ở hai điểm: eo và mông cô gái bia ôm...

- Sao anh không hỏi lý do nào đưa đẩy em vào nghề này?

Anh rời mắt khỏi cặp sam bàn bên cạnh, nhìn cô ngạc nhiên. Quả thật anh cũng thắc mắc nhưng không tiện hỏi. Cô cười hóm, giải thích:

- Tại gặp mấy người đàn ông lạ, người nào cũng hay hỏi thế.

Anh nhún vai ra vẻ bất cần. Đúng ra, biết cũng vậy thôi. Nhưng anh tò mò về tên người thiếu nữ hơn. Cái tên cho anh cảm tưởng cô gái này có điểm gì đó rất khác những Bích Đào, Thúy Hoa, Thu Liễu... chung quanh. Anh buột miệng.

- Chiều? — đây họ không đòi đổi tên cô à?

- Thế anh thích đổi tên em là Quái Chiêu không? Em có trò này lạ lắm. Vừa nói, Chiều vừa lượm cọng lạt trên bàn. Ngắt một khúc bằng hai đốt ngón tay. Bỏ vào miệng lúng búng một tí rồi nhổ ra sợi dây lạt đã cột thành gút! Cô nháy mắt với anh một cách hãnh diện.

Anh phì cười. Nâng lon bia ướp lạnh lên nhấp một ngụm. Cô gái đã kêu đến lon bia thứ ba. Có lẽ dân nghiền thứ thiệt! Bên bàn phía trước, anh nghe thằng đàn ông bắt đầu lè nhè giọng men: "Anh nói thiệt. Thề có trời, ngày mai anh sẽ bốc em ra khỏi chỗ này. Đừng né nữa, để yên anh hun." Cô gái bia ôm trề môi nghiêng đầu tránh cái miệng phàm phu của gã đàn ông. Dứt khoát, gỡ bàn tay bạch tuộc đang leo bám lên bầu ngực tròn căng.

Anh bất giác quay qua ngó trộm bộ ngực của Chiều. Hơi nhỏ nhưng như vậy coi thiệt hơn! Anh hất ánh mắt về đàng trước hỏi nhỏ:

- Tôi tưởng trong đây, khách họ được quyền gỡ gạc chứ sao ở bàn đó, cô gái lại đẩy tay anh chàng ra vậy?

Chiều thì thào:

- Chỗ bia ôm này chỉ được ôm. Nhưng ăn thua tụi em đồng ý cho đi xa hơn, khách mới có quyền táy máy. Sao anh không ôm em? Bộ em không hấp dẫn à?

- Tôi không quen ôm người lạ...

Chiều bật cười, ngồi sát lại bên anh. Cô có vẻ thích anh khách có nét nhìn rất đàn ông này. Cô ngắt đùi anh, chọc: To xác mà ngố mặt. Rồi cô nghiêng đầu ghé môi lên vai anh cắn nhè nhẹ. Thủ thỉ:

- Em rất ghét gặp phải loại khách bốc hốt. Họ làm dây thần kinh em căng đến độ chỉ đưa tay sờ đùi cũng đủ làm em muốn đứt mạch máu não. Bên anh, em thoải mái ghê. Lâu lắm mới có được cảm giác này.

- Cô làm ở đây đã lâu chưa?

Chiều chớp đôi mắt buồn thỉu thiu:

- Gần được một năm rồi. Lúc trước ở quê, em khổ lắm. Ba không ưa... con gái, mỗi lần say, cứ khơi khơi đem em ra đánh bầm mình mẩy.

Má không dám binh, chỉ còn cách nhờ người quen đưa em lên thành phố kiếm việc. Cuối cùng vô đây làm. Nói ra, hoàn cảnh em cũng chẳng khác gì những cô gái bia ôm trong đây. Nhưng chỉ có em biết chừng hai năm nữa là hết thời nên đang cố học thêm chút sinh ngữ. May ra kiếm được một chỗ làm trong công ty du lịch.

Anh im lặng cầm bàn tay mềm mại của Chiều trong lúc cô tâm sự. Lon bia đã cạn. Tửu lượng kém nên đầu anh lâng lâng. Bộ ngực ấm của cô gái áp trên lưng, đem lại cho anh cảm giác ngây ngất thèm muốn. Có lẽ Chiều đoán được ý nghĩ của anh, cô rúc vào lòng anh, cầm tay anh luồn vào trong áo mình. Những ngón tay anh khẽ di động, mơn man gò vú nhỏ phập phồng. Chiều chợt ngước mắt lên nhìn anh: "Anh ra ngoài chờ, em vô sửa soạn rồi đi chơi với anh một lát". Anh gật đầu. Lúc Chiều quay vô, cô còn ngoái lại nhìn anh bằng tia mắt rất hẹn hò. Anh vội trả tiền rồi bước ra ngoài.

Chờ một lúc. Chiều bước ra khỏi quán bia ôm, cười nhẹ với anh rồi cứ thế đi thẳng. Anh lẽo đẽo theo sau cô gái. Đến trước một khách sạn nhỏ. Chiều nói nhanh, anh ra quầy tiếp tân lấy chìa khoá lên phòng 103 chờ em. Em đã gọi điện thoại giữ phòng với tên Chung. Đinh Chung.

Chiều bước vô phòng khách sạn lúc anh đứng xớ rớ ngó ra ngoài cửa sổ. Cô đến gần, đẩy nhẹ anh xuống giường, anh định kéo Chiều ngả theo anh nhưng cô cưỡng lại. Anh chưa hết ngạc nhiên thì cô đã nhanh tay tháo nút quần, úp mặt vào hạ thể của anh. Chỉ vài phút, mắt anh hoa lên. Anh căng người rên rỉ. Từng luồng khoái cảm rần rật dâng cao. Lần đầu tiên thân thể anh được hưởng một sự hài hoà tuyệt vời đến từ môi, lưỡi và những ngón tay điệu nghệ lên xuống xoắn xuýt không ngừng. Cuối cùng, anh bật rên lớn một tiếng thống khoái. Sinh lực trong người anh vỡ bờ tuôn ra. Chiều ra dáng thỏa mãn, đứng lên nói, "Em trở lại chỗ làm đây". Anh nghỉ một tí rồi về. Anh vội vàng nhào lên chụp tay cô.

- Khoan đi. Nằm lại với anh một lát, Quái Chiêu của anh!

Chiều cười hức hức: "Nằm bên anh năm phút thôi nghe." Anh thì thào, "Cám ơn Chiều." Cô hỏi, "Anh thích không?" Anh nuốt nước miếng, "Không. Làm lại đi!" Chiều bật cười, né bàn tay tham lam của anh vờn vẽ trên ngực, "Đừng anh!"

Anh chợt thèm làm tình với Chiều quá đỗi. Anh to nhỏ dụ dỗ, Chiều cho anh đi, đi Chiều! Cô vẫn lắc đầu, áo trên của cô xộc xệch để lộ gò ngực trắng nõn. Anh không nhịn được, chồm nghiến lên người cô, mặt úp vào làn da mịn mát, một tay anh vén váy cô, một tay vùi xuống giữa hai đùi Chiều. Anh chợt khựng lại. Có một vật thể cồm

cộm giữa đùi cô gái. Chiều hét lớn, Anh... đừng! Anh thấy lạnh toát khắp châu thân. Nguội hẳn dục vọng. Chiều nức nở, đôi mắt đỏ mọng nhìn anh van vỉ, Em chưa đủ tiền giải phẫu nhưng lúc nào em cũng là đàn bà, anh ơi đừng bỏ em. Anh mặc vội quần vào, Chiều nên về thôi...

Chiều quẹt nước mắt, líu ríu cài áo, kiếm ví. Cậu không quên khép cửa, sau khi bước ra ngoài. Anh nhìn dáng lủi thủi của Chiều qua cửa sổ, thấy bất nhẫn, chạy vội xuống lầu. Chiều, chờ tôi một tí. Chiều quay lại nhìn anh đầy hy vọng. Anh móc túi lấy một nạm tiền ra đưa cho người con trai. Mắt Chiều đỏ ngầu oán hận, cậu hất tay anh, vùng bỏ chạy. Anh đứng ngẩn nhìn theo.

Về nhà, chị hỏi anh đã đi những đâu, anh chỉ lắc đầu. Chị cáu kỉnh không thèm nhìn mặt anh. Nhưng không được bao lâu. Chiều hôm đó, tự dưng anh bỏ cơm rồi kêu khó chịu. Một lúc sau, anh nôn cả mật xanh. Chị đành gạt giận chăm sóc anh.

Trở về Mỹ, chị lại gặng hỏi anh đã làm gì hôm ấy. Anh vẫn lắc đầu. Nói thêm, Quên rồi. Nhưng anh còn nghĩ đến Chiều. Có đêm anh nằm mơ thấy Chiều với đôi môi hơi thô trên khuôn mặt thanh thanh, miệng lúng búng gút cọng lạt. Có đêm anh thấy cặp đùi thon dài của Chiều. Và nhiều đêm, đôi mắt đỏ ngầu của Chiều làm anh chới với...

...

"Chung. Ông ăn Tết ở Việt Nam xong, về được vài tháng đã có thư tình rồi. Giỏi!", Người bạn Việt làm cùng phòng nheo mắt chọc ghẹo, tay phất phất lá thư ẻo lả vì bị ngừng lại ở nhiều khâu trong sở bưu điện thành phố cũng như phòng phát thư của hãng. Phong bì ghi vỏn vẹn:

Mr. Chung Dinh
Fina Company
Dallas, TX USA

Và tên người gởi: Chieu. Anh hồi hộp, tim vỗ thình thịch nhưng vờ nói tỉnh, "Vất cái thư đi! Tôi không quen ai có tên đó hết." Xong anh giật thư, vo viên, vứt đánh bẹt vào thùng rác. Định chờ thằng bạn đi, anh lượm lá thư lên nhưng mãi chưa có cơ hội. Đến chiều đi họp về trễ, anh chạy vô phòng kiếm thư: Thùng rác đã bị đổ sạch! Anh bỏ ra xe ngồi thừ. Đôi mắt đỏ ngầu của Chiều cứ lẵng nhẵng đuổi theo anh mãi. Anh đập đầu vào thành tay lái, khàn tiếng kêu: Chiều! Chiều ơi...

THU THUYÊN
9/2000



PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

Trăng đảo



Bên trong tấm thiệp cưới màu trắng bạc, lấp lánh chìm nổi rồng phượng, rơi ra tờ giấy nhỏ :

Nhạn yêu,

Đến chung vui với chị. Cả nhà vẫn nhắc nhớ em hoài. Ôi, gần mười năm chưa gặp lại, hẳn có nhiều điều để kể cho nhau, phải không? Em bây giờ ra sao ? Vẫn hờn giận chị ? Phải đến nghe em. Cho chị biện hộ một lần, hai lần, ba lần,...đến khi nào em trở về,...đến khi nào chị tìm lại được em cuả chị ngày xưa..Phone cho chị ngay, khi được tin.

Hôm sau sẽ là buổi họp mặt đặc biệt của ban tam ca. Đến nghe Nhạn. Thế nào em cũng đến, phải không ? Nhớ em vô cùng.

Yêu em, chị Loan.

Bên ngoài bao thư chi chít địa chỉ và số phone, fax, e-mail nhà, nơi làm việc, cuả chị, cuả ông chồng tương lai và hai ông em chị.

Thiệp mời ăn cưới chị là lệnh truy nã tôi. Tenderly and fermly wanted. Interpol và Internet giúp đỡ.

Tôi thở dài ném lên bàn mớ tin bất ngờ nhưng phải đến và đã đến, cởi bỏ khăn áo mũ mãng, nằm lăn ra giường. Ôi, chị Loan...chị Loan...*Nhiều điều để kể cho nhau* ? *Phải không* ? Phải không !!?

Điệu hỏi thách thức và không cần câu trả lời. *Phải không* của chị đồng nghĩa với *phải là*, *phải vậy*.

Như cái nhìn đen sâu dưới hàng mi nhung mềm âm u. Như đôi môi nghiêm trang ít cười, như quai hàm ương ngạnh trên chiếc cổ nhỏ tròn, thanh tú. Như những dòng chữ nhỏ cuồn cuộn, mạnh mẽ, tiếp nối, những chữ *t* rắn rỏi, những *y* những *h* chắc nịch và thiếu đường vòng của hồi tâm nghĩ lại. Dấu than, dấu hỏi như ngón tay cái quật ngược xuống đất ra lệnh xử tử. Những dấu ngã, dấu huyền như những nhát chém ngắn gọn. Nạn nhân té nhào, chết không kịp ngáp.

Mười năm có thêm bóng tối, nếp nhăn nào bào tròn, dũa ngọt ? Tôi vẫn cố quên nhưng không được, dăm ba phút tuyệt đỉnh hào quang đã có một lần trong đời.

Trong điện thư tuần trước, Phúc viết :

Tình cờ gặp chị Loan, cho chị một số tin tức cùng địa chỉ cũ của bạn.

Chỗ làm mới được như ý chứ ? Nhớ về tham dự ngày họp mặt bạn bè đảo xưa nhé. Tôi ước mong nghe lại giọng hát cùng tiếng sáo ngày xưa. Thân.

TB : Chị Loan vẫn đẹp tuyệt.

Đẹp tuyệt ! Mười lăm năm trước, một trong những ngày đầu lớp học tiếng Anh, giữa mớ học trò lổn nhổn những nam phụ lão ấu, có người lỡ phóng lời cảm khái đồng tình này. Chị đứng trước bảng đen, trang điểm rất sơ sài, da nắng màu đồng, áo dài lụa xanh lá cây vẽ hoa vàng ôm sát dáng người cao thon nhiều nét cong đầy đặn, bắt mắt phải nhìn hoài. Chị tươi cười chờ chúng tôi vào lớp, mắt nhung đen long lanh, hai cánh môi hồng hé nở trên chiếc cằm chẻ đôi. Chị đẹp như Ava Gardner thời Pandora.

Đẹp tuyệt ! Lập tức, đôi gò má mịn màng đầy đặn dợn sóng múi đào bỗng hồng lên màu giận dữ. Nụ hoa khép lại.

Chị quắc mắt quay về phía thủ phạm. Nắm tay chị vung lên bật ngón chỉ ra cửa. Đứa con trai nhìn xuống chân mình, đầu hắn đã chui tọt xuống chiếc cổ lồng đèn giấy xếp. Hắn cóm róm, cọm rọm ra khỏi lớp. Cả bọn chúng tôi im phăng phắc, không dám liếc nhau, quên luôn cả thở. Chỉ chiếc quạt máy lỏng lẻo trên cây đà ngang vẫn ngờ nghệch cành cạch, cành cạch khập khiễng xoay đều.

*

Hơn mười năm trước, đêm tối vừa buông xuống, từ nơi cao và

vắng nhất đảo, về sau sẽ trở thành nơi chúng tôi vọng nguyệt, vọng tin, vọng đủ thứ tương lai đẹp đẽ.., ừ, mười năm trước, tôi ngồi khóc như gió như mưa, như trời Sài Gòn tháng tám.

Chị kéo đầu tôi ngã vào vai chị, thủ thỉ dỗ dành. Tôi nghe mái tóc khô gẫy của mình mềm đi dưới đôi tay chị vuốt ve.

Dưới ánh sáng trăng lồng lộng, trong suốt một màu sắt lạnh, ngôi trại cấm trở nên khép nép, hiền hoà. Những chấm đèn vàng lung linh thật đẹp, tuy không đủ soi sáng những mảng nhà tơi tả, lắp ghép bằng những thanh gỗ mục đen đũi lấy ra từ những con tàu vỡ. Các cửa sổ, mái nhà, cả các ranh giới, hàng rào đều là những mảnh vải buồm, vải nhựa bời rời phơ phất. Những túp nhà đơn lẻ xung quanh, trên những khoảnh đất dốc gồ ghề như những chú rùa con đen ngòm mon men xích lại gần nhau.

Chị nâng mặt tôi, hôn nhẹ. Ngón tay vuốt đi những giọt nước mắt :

- Em dại ơi là dại. Dùng võ liều với đám đông, dại quá. Phải không ? Chúng nó cào cho mấy cái là hư mặt hư mũi. Em tên gì ?. Có thân nhân bên Mĩ, phải không ? Ừ, chắc chắn em được định cư sớm. Chúng nó ghen đấy. Trời ơi, trăng ơi, hãy ngắm xem, mặt em tôi sáng đẹp như trăng rằm. Này, chị bảo đẹp như chứ không phải tròn như đâu nhé. Này, em biết Thúy Kiều và em cô ấy, phải không?

Tôi vùi mặt vào vai chị, hé mắt nhìn trăng, dấu nụ cười sung sướng. *Mặt em như trăng rằm... sáng như trăng rằm...*

Trăng xóm nhỏ, trăng đồng quê, và sau này hằng hà sa số trăng thành phố, trăng rừng núi, cao nguyên, trăng đồng bằng, thung lũng, trăng thu hay trăng đông, trăng nguyên hay trăng khuyết, trăng tỏ với trăng mờ, đã bao nhiêu lần lơ lững ngắm nhìn tôi, nhưng chúng chẳng bao giờ được là trăng rằm đêm hôm ấy !

Những nụ hôn, những lời nói như chiếc đũa thần vung lên.

Tôi đứa con gái mười tám tuổi, một ngọn tre quắt queo bốn mươi kí lô, mớ tóc dài lơ thơ nắng gió đốt ngọn, chẻ đôi ba. Tôi, một lá cờ thua trận, te tua ủ rủ trên chiếc gậy hàng binh.

Những đứa trẻ trong xóm cũ đổi giọng mỗi lần thua một cuộc chơi :

Cút cụt đuôi ai nuôi mày lớn ?

Đứa này nhìn đứa kia, luyến láy, õm ờ hỏi nhau :

Cúc ơi, Cúc hỡi, Cúc nè!
Cúc cụt đuôi ai nuôi mày lớn ?
Cút cụt đuôi ai nuôi mày lớn ?

Đứa này xô đứa kia, đứa nọ chỉ mặt đứa khác, giọng Nam, giọng Bắc, giả vờ ngơ ngác, giả vờ ngạc nhiên. Những âm thanh đuổi bắt nhau, đồng loã, tiếp nối, ăn khớp như những bè hát cao thấp trong một ban hợp ca, như thằng hề nói lối trước khi xuống vọng cổ, như câu rao, lời than mở cửa bi hài kịch :

E.. hèm, e ...hèm : sao kỳ vậy cà ?
Sự đời sao có sự lạ lùng ?
Này em,
Em bảo sao ?
Em này,
Em nói sao ?
Cúc ơi ! Cúc hỡi ! Cúc hời :
Ơi em này, ơi con chim cút nhỏ !

Rồi chia hai nhóm, quay mặt vào nhau giả bộ xỉa xói, vờ vĩnh hỏi han :

Cút cụt đuôi ai nuôi mày lớn ?

Chúng hít hơi, đứa cong lưng, đứa gồng ngực, đứa chống nạnh, đứa ôm đầu, cùng thét vào mặt tôi :

Cúc cụt đuôi, ai nuôi mày lớn ?

Và cứ thế cả lũ muá may xoay trở xướng hoạ nhịp nhàng :

Dạ thưa thầy !
Con lớn mình con !
Cút cụt đuôi ai nuôi mày lớn ?
Dạ thưa thầy !
Em lớn mình em !
Cút cụt đuôi ai nuôi mày lớn ?
Dạ thưa thầy !
Tui lớn mình tui !

Chúng lủi nhanh như bầy chuột khi tôi gầm lên xông vào. Những tiếng cười nhọn sắc chìm vào mọi ngõ ngách.

Đã nhiều lần và trăm lần như một, lúc cả bọn bắt đầu bao vây, tôi lừ đừ, ngất ngưỡng lắc lư cái đầu bù xù tua tủa một ôm tóc rễ tre, nửa tiến, nửa lùi. Tôi nghiêng tai nghe ngóng. Cố tình lê chân chờ chúng diễn trọn màn kịch. Dường như tôi muốn nghe cơn đau gậm nhấm lồng ngực. Dường như phải tự phạt mình trước. Dường như tôi tán đồng tài nghệ bọn mất dậy, hòng lờ đi cái diễm phúc lớn lên chẳng phải một mình cuả chúng nó. Dường như tôi nấn ná chờ cơn giận dữ lớn phồng đúng mức.

Nhưng khi kịch hạ màn, tôi một mình đứng ngẩn ngơ giữa đường hẻm vắng. Nghe nỗi hờn dâng lên cổ, ngăn thở, bóp nghẹt tim.

Và lần nào cũng vậy, ngay trong cơn giận, tôi nhớ đến câu trả lời nóng mặt tôi ném vào bà Bách-bán-cá trước đó không lâu.

Vào những dịp bà ngoẻo cổ ngắm tôi, đôi cánh mũi rộng trơn bóng phập phồng đầy những chấm chân lông đen, hai con mắt bẹp dí dưới đôi mí mọng mỡ cuả bà lượn liếc ngang dọc vùng ngực mới chớm đầy, giọng dài và nhão :

- Gớm ! con gái này... Cúc này...con gái *nhớn* nhanh nhỉ !

Tôi không bao giờ nhận ra đó là lời khen/ thán phục hay ngạc nhiên/ chê bai. Và cũng chẳng muốn tìm hiểu làm gì. Nhớn với chẳng nhớn, mắc mớ chi đến bà ?

Cô năm Tứ Sắc ngồi lim dim bên li cà phê vừa uể oải ngáp xong cũng gật gù phụ hoạ :

- Ừa, con nhỏ ngộ he, không ai nuôi mà cứ lớn xổng ! Con gái «nhớn» dữ rồi he.

Một lần, hai lần, rồi ba lần. Mỗi khi ra ngoài xóm, tôi nghe mình nghẹn thở không phải chỉ vì mảnh áo dài cũ quấn chặt bộ ngực con gái- dấu tích cuả cái sự " nhớn " khiến hai bà bất bình ?

Hai con mắt ti hí kia vẫn sáng lên điều khám phá cũ mỗi lần tôi đi ngang : *a, con bé...* Và chữ *nhớn* giọng Bắc thật và Bắc giả của hai bà cứ cứa vào tai tôi.

Hai bà ác miệng, kẻ mập ú ù, người còm nhom cọng kẽm, như hai hung thần đứng gác bên cánh cửa phường tróc sơn và gãy bản lề, luôn luôn có mặt, chực chờ tôi đi ngang. Xung quanh, những kẻ biểu đồng tình khác cũng hiện diện thường trực, đàn ông, đàn bà, và con nít, dù ai cũng bận rộn chuyện riêng tư . Tất cả đều sẵn sàng.

Những người lớn đã hết lớn, chỉ còn có thể mập ra hay ốm đi, và chắc chắn sẽ già héo, nên ghen tức. Đã đành, nhưng còn lũ trẻ con ?

Lâu lắm không còn bạn hàng đem cá đến bán, bà Bách đổi sang bán cà phê. Thế là hết những buổi nhìn bà hành nghề. Mỗi lần đi chợ, dù sợ bà lắm, tôi vẫn ngấp nghé sau lưng má ngày xưa, và ngoại sau này, say mê hé nửa con mắt quan sát bà. Một mình bà là cả khu chợ đời thuở ấy.

Khách mua dừng chân, chỉ vào một chú cá, bà chộp lấy nó- bà luôn chộp lấy bạn đồng cảnh ngộ cuả nó, mập bự hơn- thẩy lên diã cân. Rồi bà vừa xê xít quả cân trên cái cân sắt đen thui nhớp nháp, vừa ra giá ; rồi buông cân, bà tử tế nói thấp giá xuống một tí nị vừa nhìn kẻ mua bằng ánh mắt hung thần. *Đã hỏi thì phải mua đấy nhá.*

Người yếu viá sẽ gầm mặt đi giật lùi sang hàng khác, người gan góc cố kì kèo bớt số chẵn số lẻ. Bà sẽ háy, nguýt, lườm, thở ra, thở vô,

thở dài, thở ngắn, đôi khi thò tay bắt cá ném lại vào bàn cân cho khách thấy rằng sự đôi co này thật quả không xứng với ...cá. Rất thường khi, bà bắt một con cá nhỏ hơn nhưng lạ thay, bà vẫn gán cho nó cái trọng lượng bà đã xướng đôi phút trước đó, đôi lúc khách tiếp tục tỏ ra can đảm, vội vã đính chính sự lầm lẫn cuả bà để lãnh thêm vài cái lườm dao phay. Rồi khi trận chiến ngã ngũ, bà hất cá như ném người đối diện lên tấm thớt. Bà quơ dao cạo vẩy, bà vung tay chặt vây, cứa mang, đẻo đuôi, bà đằng đằng sát khí, đùng đùng đổ hận lên cái sinh mạng tẻo teo đang phì phò bèo bọt kia. Hai con mắt hí tiếp tục chửi bới băm vằm kẻ bần tiện.

Rồi mấy thau cá cạn nước cạn cá. Bà đi đi về về miền xa mua bán cà phê. Và khi hết thể đi xa, bà ngồi nhà, che bạt mở quán cà phê bụi đời và chồm hổm, với đủ món lặt vặt, ăn được liền hoặc ăn liền không được, khoai sống chuối chín, vài bao thuốc lá, nằm lung tung trên chiếc bàn gỗ tạp ngay trước cửa nhà bà. Có khi bà bày giùm mấy chai xăng đục ngầu cuả chồng cô Năm. Có lúc bà canh công an cho mấy sòng bạc. Hoặc gõ nồi nhôm báo động cho mấy nhà chiếu vi đê ô đen khi thấy hơi kẻ lạ.

Giữa hai kì đổi nghề, bà gây gổ với bạn buôn bán cũ đang phất lên, cà khịa với ông chồng, một bại binh ngày xưa. Trừ hôm nào ông hên, ông xỉn trước giờ bà lên cơn, ông nằm dài trên ghế bố, cái mặt đỏ khè thoả mãn, đôi mắt kéo màn, lờ đờ nhìn bạch vân du du, hai lỗ tai điếc đặc. Nhiều lần tôi mơ ước hảo huyền, mong rượu rắn thành thuốc bổ gan để ông làm cách mạng, mài dao dạy vợ.

Ngôi chợ phụ kinh niên nằm ngay đầu xóm, chỗ ngõ hẻm mở ra quận lộ. Ngày trước vốn là hai ụ mả hoang chứa vài con ma. Năm kia, hai ngôi mộ bất ngờ được thân nhân bốc đi, hẻm phình rộng ra. Năm bảy người vội vã bày biện gồng gánh, ống bơm bánh xe, tủ kính lớn nhỏ nên không ai khác kịp ăn cắp đất nhà nước cất nhà lấn hẻm.

Trong khi đó, má tôi gửi tiền từ Mĩ về cho ngoại tôi đều đều. Tôi đi học, đi chơi, đi bộ hay đạp xe đổi tiền, lãnh hàng, đi chợ xa, chợ gần, và không muốn ghé vào ai, không muốn đáp lời ai.

Nhưng lần thứ tám (chín ?, mười ?) tôi nóng ran tóc tai mắt mũi, hít đầy hơi vào phổi, lấy hết sức hét lớn vào mặt bà :

- Bộ cần phải có ai nuôi mới lớn được sao ? Tui lớn mình tui !

Hai con mắt lúc nào cũng như nhắm tịt kia bỗng dãn dài ra và lại càng tít tịt. Bà ngửa cổ cười ha hả. Tất cả mọi thặng dư thịt mỡ trên người bà tưng tưng cười theo. Những người ngồi quanh cũng bò lăn ra cười phụ hoạ. Một chiếc ghế gãy rắc, người đàn ông té huỵch xuống

đất, tiếng cười càng nổ ra ở mọi giai bậc. Những đứa quỷ con đang ngồi kì cọ những chiếc túi nhựa đủ màu, bỗng lên cơn điên rây nước vào nhau, cười ngã nghiêng. Như thể cuộc đời xóm nhỏ là thiên đàng. Những tiếng cười loang dài đến cuối xóm, dài đến hải đảo lạ lùng, dài đến suốt cuộc đời tôi bây giờ.

Từ hôm đó, không phải một mình bà Bách mà cả cái xóm đáng ghét này thấy rằng lớn một mình là chuyện cực kì vô lí.

Như mọi khi, tôi tiu nghỉu quay về nhà, nắm tay nén hận, bước chân hậm hực đấm đá lũ bàn ghế trong nhà.

Bà ngoại trên gác nói vọng xuống :

- Cúc về đó hả con !

Tôi chạy lên, mặc kệ những nấc thang gỗ già kèn kẹt kêu đau dưới chân.

-Vuốt giận đi con. Sao con khờ quá. No mất ngon, giận mất khôn.

Ngoại ngồi xếp bằng trước bàn thờ Phật, nhưng chiếc áo tràng màu tro đã xếp ngay ngắn bên cạnh. Tiếng chuông mỏ dường như hãy còn ngân nhẹ từ những tấm vách ván khô ran mùi nắng của căn gác nhỏ. Nhịp ngân nhè nhẹ mơ hồ giảm dần, mùi nhang thơm, hơi trầu cau thoang thoảng đưa, nên nhịp tim tôi cũng chậm lại.

Bà cười, hàm răng cứng đỏ vôi trầu :

- Đưa chưn ngoại coi. Đau không con ? Tội nghiệp mấy cái ghế...khi khổng khi không bị đòn !

Tôi cũng cười, tạm quên oán hận, khom người ẵm ngoại lên giường :

-Bữa nay con nghe ngoại nhẹ ghê.

-Vì con đang sức lớn, còn ngoại sửa soạn...

Tôi vội vã chận lời bà :

-Gối kê như vậy có cao quá không hở ngoại ? Bây giờ con làm gì ? Con bóp dầu chân ngoại rồi con đọc kinh hay đọc truyện, Kim Vân Kiều hay Lục Vân Tiên....

...Tâm sanh nên các pháp sanh, pháp sanh nên các tâm sanh
Thử hữu tắc bỉ hữu, thử vô tắc bỉ vô...
Thiện nam tử ! Chúng sanh thời mạt pháp chẳng được thành đạo, là do có các chủng tử yêu ghét giữa mình và người từ vô thủy...

Cái đám trẻ con xơ xác cứ ngồi nhe răng (cười ?) cả đời bên rãnh nước đục ngầu hôi thối, mối hi vọng hoang tưởng sẽ lớn dần theo những đống bao nhựa. Hi vọng tái sinh mỗi ngày rồi chết chìm theo

dòng nước sình đen thủi đen thui ! Tái tới tái lui cuộc đời ngồi rửa bao? Được, được lắm. Cứ vui cười đi ! Cứ rửa đi !

Lạy Trời Phật cho chúng mày sẽ còn bao rửa đời đời.

- Đọc lần nữa cho ngoại...Con hiểu ra sao, nói thử cho ngoại nghe...

Tự tâm phiền não vô tận thệ nguyện dứt, tự tánh pháp môn vô lượng thệ nguyện học....

...

-Bây giờ con xuống sông giặt quần áo. Ngoại nghe băng sáo Nguyễn Đình Nghĩa rồi ngoại ngủ trưa đi.

Tôi chạy băng qua vườn cao su, ngồi bên bờ sông nhỏ, lôi giận hờn ra nhâm nhi. Điểm mặt từng «đứa» chúng sanh. Nhớ từng giọng cười. Ghi sổ từng tội ác.

Nghe ngoại tụng hoài chắc có ngày chết chùm với bọn chúng nó. A, chờ xem. Chờ xem. Một lũ quỷ sứ...Ngoại ơi, chúng sanh của ngoại là một lũ quỷ sống.

Con Cúc này vẫn lớn. Một mình. Chờ xem.

Khi nắng dịu cơn nóng, gió ngoài sông thổi mạnh, đem lại những lời kinh lạ lùng, rì rào từ những hàng cây thẳng tắp, từ cành lá xôn xao. Và giọng nói khàn khàn của ngoại. *Con ơi ! Bần khổ đa oán. Hoạnh ác kết duyên....Đẳng niệm oán thân. Bất niệm cựu ác..Con ơi, chúng sanh thời mạt pháp.. Tự tâm phiền não...*

Tôi nghĩ đến bà Bách, vì mình đã nhìn ngắm bà cho nên mới bị bà ngắm lại ?. Duyên nghiệp đã kết từ đó, phải không ? Tôi đã ngắm nhìn lũ trẻ ngồi sàng lọc, chà rửa đám bao nhựa đen bẩn. Tôi đã...

Những lời kinh vang rền nhức óc. *Thử hữu tắc bỉ hữu*Tôi phải bịt tai lại. Vung vẫy những chiếc áo, quần ướt, tưởng mình đang quơ gươm đuổi quân gian ác...Cuộc chiến mơ hồ quá dài, quá sức tôi...

Rồi một ngày, lạch nước nhỏ trở thành con sông lớn chảy xiết, cuốn tôi ra biển. Đến đảo sau bốn ngày vượt biển.

Nơi này, tôi như bãi cát buổi sáng. Tinh khôi không một dấu chân người. Sung sướng vì không nghe thấy những bộ mặt và lời hát quen thuộc. Tôi lớn mình tôi.

Cho đến một tối, bọn con gái ở khu trại Sáu chận đường gây sự.

- Con câm ! Muốn lấy nước phải hỏi chị Cả mày chứ !

- Lạy chị mớ lạy, xá mấy chị vài xá rồi mấy chị cho phép hứng nước. Con này lì thiệt, đúng khỉ trên rừng mới xuống !

- Con mọi lì tóc rễ tre, nói không được tiếng người kinh ? Dưới đất nẻ chui lên hả ?

Một con nhỏ cười khè khè :

-Không ai là không cha mẹ đẻ. Không ai từ lỗ nẻ chun lên !

Một đứa khác:

- Đờn đứt dây hả ?

Tôi kinh hoàng nghe thời gian lùi về nơi chốn cũ. Tại sao những bộ mặt dữ dằn chưa hề quen biết, với những giọng nói cười mỉa mai, hung hăng, hả hê một cách lạ lùng ?. Đã kết duyên, quến nợ tự bao giờ ? *chủng tử yêu ghét giữa mình và người từ vô thủy... ?*

Tôi rơi vào cơn hôn mê tuyệt vọng, tê liệt đầu óc.Trong một tích tắc đồng hồ cả bọn yêu tinh xóm xưa sắp cất giọng đồng ca bài hát cũ.

Tôi lăn vào cấu xé con nhỏ người kinh gầy quắt queo đứng gần nhất. Phát ngôn nhân chính phủ này nói giọng kinh kì phố thị, rất chuẩn, rất đúng chánh tả, âm vang nhọn sắc, chát chúa và nạm tóc nàng dài, rất mềm mại trong tay tôi. Tôi nhắm mắt lôi kéo, đấm đá. Những tiếng cười bị nhốt lại trong những cái miệng chưa kịp khép. Nàng tóc nhung lanh lãnh tru tréo tiếng thê lương, thoạt nghe như Ngu cơ khóc than đòi theo Hạng Võ trong tuồng Tàu, nghe kĩ lại thì là thứ tiếng phổ thông rất trái đất, không những Kinh Thượng, mà cả Tây Ta, Esquimaux, Á rập...đều hiểu được. Một đứa kéo tóc tôi, đứa khác cắn, cào, níu kéo, cấu véo chỗ nào cấu véo được, đứa khác đứng ngoài la hét hùn vốn. Tôi nghe mình mạnh mẽ, sung sướng. Ừ, đờn này, dây đó, lạy đấy, xá đây. Tha hồ hưởng thượng...

Chị Loan không xuất hiện bất thần chắc có án mạng ! Chỉ sau hai tiếng quát chị khiến cả bọn lủi nhanh như đám dã tràng.

Chị nắm tay tôi lôi đi. Hai chị em lặng lẽ leo lên dốc đá. Đến mái *Tây hiên* cuả chị.

-Ngồi xuống đây....Đưa tay chị xem...Rách vai áo rồi...Chỗ tay này cần bôi thuốc đỏ, tí nữa phải đến nhà chị...Có đau không ?. Chúng nó đến năm sáu đứa...Em biết Thái cực đạo ? Hay Việt võ đạo ? Phải học trước đã, rồi mới hành, phải không? Xước cả cổ rồi đây này. Em đau lắm, phải không ? Con gái mà đánh nhau, dại thật. Nhà em chỗ nào? Muốn chị đưa về nhà bây giờ không ?

Tôi mềm luôn tim phổi. Tiếng khóc đầu tiên nơi đất lạ vỡ ra. Cắn vào vết thương cũ. Và vá lành như thuốc thần.

Thế là, hầu như mỗi ngày, khi mặt trời vừa xuống, hai chị em hẹn nhau về ngọn đồi có mõm đá vọng nguyệt này, ở tít sau lưng dãy trại cuối cùng và mới nhất cuả toàn đảo. Trên manh chiếu rách hãy

còn nóng nắng, nhưng gió biển đã dịu, chị bày đèn dầu, nước trà, giấy bút.

Thỉnh thoảng chị đi vòng quanh ngôi chòi lá xem xét, khua gậy đuổi rắn rít, khơi đất cho những mảng đá rơi luôn xuống «vực sâu», nhắc nhở tôi « cẩn thận, rơi xuống là nát xương em ạ».

Đồi vươn cổ đá ra ngóng biển. Phiá bên trái, ngược hướng biển, lúc đêm về, trời khô ráo, vắng sương mù, chúng tôi vẫn thấy ánh lên một khoảng trời thành phố.

Phía dưới, nơi chân đồi bị lõm vì sóng nước tấn công mài miệt, biển đã ăn hết đất thịt, chỉ còn lởm chởm các ghềnh đá xương xẩu. Từng đợt sóng giận dữ, hung hãn liên tục nghiến ngấu, miên man đổ tạt những đợt nước bạc lên đám rong rêu đen màu đêm. Ban ngày, khi nước triều xuống, những ngọn rong ngắn dài rũ rượi, ngoan ngoãn làm thảm lót êm đềm chờ nước chở sóng lên.

*

-Ai dạy em ?

Chị ngạc nhiên hỏi, khi bắt gặp tôi ngồi thổi sáo chờ chị trên mõm đá quen thuộc. Tôi hất hàm :

-Em dạy mình em !

Chị phì cười, đưa ngón tay thon gõ nhẹ mũi tôi, rồi tước lấy ống sáo, ngồi dựa lưng tôi, hít hơi dài đưa sáo lên miệng. Đến lượt tôi thẫn thờ kinh ngạc. Tiếng sáo nhẹ nhàng, ríu rít, uốn lượn, theo những cơn gió biển, bay lượn lờ, vờn quanh những cánh diều xanh, vàng đang tỏa ra trên những mái nhà xiêu vẹo, bay theo những tia nắng hồng cuối chân trời. Đem tôi về với căn gác nhỏ, mùi nhang trầm, tiếng sáo, những câu kinh. A, *không thầy đố mày làm nên...*

Thế là từ đêm lột xác, tiếng sáo tôi bay bổng, bất ngờ kỉ luật và kĩ thuật. Tôi, nhỏ Cúc cụt đuôi trở thành Kim Nhạn.

Từ đó, mỗi ngày, ở mỗi hóc hẻm cuả góc đồi vắng kia, dưới nắng mưa, dưới gốc cây thông còi cọc này, với thân cành cong queo nghiêng ngã vì gió biển, ừ, mỗi ngày tôi gỡ một hòn sỏi, nạy một phiến đá ném xuống biển, tôi thì thầm với tôi, với sóng nước mây trời : em sẽ lớn với chị, chị Loan ơi !

*

Và bây giờ, đám cưới chị Loan. Đám cưới chị Loan. *Trưởng nữ*

Phan Ngọc Loan. và thứ nam Nguyễn Luận, tuân lệnh mẹ cha, nội ngoại, kẻ ở Việt Nam, người bên Pháp, người bên Anh, *thành hôn tại Garden Grove vào ngày...tháng ...năm, xin mời...* Như thể đại gia đình đã ép duyên chị bằng tất cả sức nặng thân tộc và khoảng cách địa lí. Còn anhTuân ? Anh bị loại trừ ra khỏi cuộc rượt đuổi?..... Kỉ niệm ban tam ca ? đêm *nhạc gọi hồn* ? requiem ?

*

Một lần khác, trốn nắng trong khi đi lượm củi, một lần hiếm hoi có mặt anh Tuân, anh nói :

-Chúng ta không ai muốn nhắc đến những giây phút kinh hoàng trên biển, thế nhưng nhà cửa dựng lên vẫn cứ phải mang dấu vết của chuyến đi.

Tôi nhìn xuống, khu trại với những mảng đen xám quay quắt cong queo, vài dấu vết của những trận hoả hoạn cũ, với mái tôn, bạt nhựa, thùng gỗ, những mảnh buồm trùng điệp tơi tả, nhợt nhạt với dây, sào phơi những quần áo bốc hơi nóng lung linh dưới ánh mặt trời gay gắt. Những mảnh gỗ thuyền chuyên chở và che chở. Nếu được định cư, tôi sẽ chọn mang theo mảnh nào ? Anh nói tiếp :

- Có lẽ từ trong vô thức, chúng ta bảo nhau cất giữ một dấu vết, như thể nếu lãng quên quá khứ, sẽ vô phương vọng hướng về tương lai.

Chị Loan cười nhạt :

-Anh lại tưởng tượng. Phải không ? Ai cung cấp gạch đá xi măng cho ta cất nhà thật đẹp đẽ ?Ai muốn ở mãi trại này ?. Tạm dựng nhà...Tạm mọi thứ !Tạm sống !

Anh thở dài, chui vào vỏ ốc.

Từ lúc ba chúng tôi trở thành ban tam ca *Nhạn lạc*, chị bớt tranh cãi với anh, tuy chị vẫn là một bức tường. Anh diện bích mỗi ngày, trăn trở tìm cách vượt qua. Tôi thấy nó dày đặc như mấy lớp hàng rào kẽm gai quanh trại. Những mở đầu câu chuyện luôn luôn trở thành những thách thức dưới mắt chị. Chỉ khi nào tập dợt, nhất là khi trình diễn văn nghệ, tôi mới thấy cả hai thành đôi, ăn khớp, hài hoà thích hợp. Khổ nỗi, lâu lắm mới có một lần tổng dợt hay trình diễn. Chị Loan không ưa những buổi văn nghệ giúp vui.

Một bữa, anh nhờ tôi đưa bức thư đầu tiên cho chị :

- Nhạn nhớ nhé, về đến nơi đã...

Cây đàn guitare và giọng hát ấm áp của anh không xuyên thủng được trái tim chị, nên anh đành mài dũa một bài thơ tình. Bài duy nhất

gửi riêng một người.

Tôi rưng rưng cảm động; chị Loan cười mỉm :

- Cải lương dễ sợ, em thấy không ? Lại còn thơ lục bát nữa chư!

xe em trở dốc. Ngậm ngùi
anh lăn xuống cuối ngọn đồi. Ngó lên[1]

Sau đó thơ anh đăng dán trên báo tường, báo trại, nhiều cô, bà đến xin làm quen. Tôi ngẫm nghĩ lẽ ra, anh chỉ cần ngồi *ngó ngang* hay *ngó xéo* chị, im lặng gửi tình si qua những bài bản có sẵn, biết đâu...

*

- Mai kia định cư, những phút giây này sẽ là thiên thu, Nhạn ạ !

- Hừm ?

-Đời sống sẽ lôi em đi. Thời gian lôi em đi, người xung quanh, đời xung quanh che mắt em, em sẽ phải chỉ nhìn về phía trước. Phải không ? Đời sống và con người thay đổi từng giây phút.

-... ?

- Chị sẽ đổi thay. Em cũng sẽ không mãi là em bây giờ...

- Không !

Tôi thảng thốt kêu lên. Tôi không muốn nghe nói đến những đổi thay. Đủ lắm rồi. Chị thở dài, đổi đề tài.

- Được tin mẹ em chưa ? Dịch cho chị câu này sang tiếng Anh xem nào . Mẹ tôi theo chồng sang Mĩ từ năm 1973. Địa chỉ ...

...

- Đọc cho chị nghe bài kinh em đốt hôm tang lễ bà ngoại..

Tôi vừa yêu vừa ghét những bài học cuả chị. Chị vẫn muốn đi trước thời gian. Những đổi thay, tôi đã biết, đã miễn cưỡng, kinh hoàng đón nhận. Không ai có thể lớn một mình ? Thật ư ? Nhưng hãy để em lẳng lặng biết điều đó...một mình !

...

-Em sao cứ nhích mãi ra ngoài ! Đổi chỗ đi, lăn sang bên này...Coi chừng rơi xuống dưới...Lạnh rồi, phải không ? Về nhá ?

Một tối khác, một trong những tối sau cùng, mảnh trăng liềm lơ lững trong bầu trời đen lấp lánh sao. Biển cũng đen tuyền, loáng thoáng, bập bềnh những vụn trăng vỡ. Gió thổi lộng, lùa tiếng lá dừa lao xao từ bãi lên tận chỗ cả hai đang ngồi. Đôi khi gió đem cả những giọt nước ném lên cánh tay trần của tôi. Cây đèn dầu lim dim chao

ngọn, lảo đảo từng chập.

Tôi kêu :

-Mưa !

Chị Loan dịu dàng nâng cánh tay tôi đưa lên môi. Đầu lưỡi ấm mềm lướt nhẹ trên da. Tôi rùng mình. Chị tiếp tục vuốt ve, thì thào, hơi thở chị nồng ấm :

-Nước biển đấy ! Tháng tới mùa mưa mới bắt đầu, Nhạn ạ ! Em lạnh rồi, phải không ?

-Em thích nước mưa. Và tắm mưa.

-Thì sắp đến mùa mưa rồi em ạ.·Tha hồ thích nhé. Sao lúc nãy chị bảo mặc thêm áo, em không nghe chị ?

Chị bóp nhẹ vai tôi, những ngón tay chị mơn man lên cổ, lên mặt tôi. Cả người tôi lâng lâng đê mê dễ chịu. Làm sao tôi có thể đổi thay ? Và chị nữa ...

Tôi không muốn chị đổi thay. Tôi không muốn giấy bảo lãnh cuả mẹ tôi tới nhanh chóng như chị nói...

Một nửa tôi muốn lăn sát vào chị, muốn tan biến vào những ve vuốt đam mê, muốn gửi trả những ngất ngây tê dại, nhưng nửa kia sợ hãi những ngày mai thay đổi, nó muốn nhích, muốn nhấc, muốn xô, muốn lăn về phía biển.

Làm sao bây giờ ? em vẫn muốn lớn với chị !

Chi chợt giật mình ngồi bật dậy, nhìn quanh :

- Em có nghe gì không ?

Dường như mõm đá đầy hồn kẻ chết oan. Nơi này, trước đó chưa lâu, là chỗ thanh toán nợ nần, tư thù : thiên hạ đánh đòn hội chợ một người công an cũ, thách đấu nhau giành giật một người đẹp v..v. “ *Chuyện nam nhi* ! ”. Chị cười nưả miệng. Tôi nghe ngóng, lắc đầu. Sợ hãi nghĩ đến anh Thuận. Nghĩ đến Kiều và Ngô Hứa.

Chị kéo tôi nằm xuống, lập lại câu hỏi hôm trước:

- Độ vài mươi hôm nữa là hết mùa ghe vượt biển. Trong mấy chuyến ghe đến tháng vừa qua, em nhìn ra ai quen không ?

- Chẳng rõ mặt ai.

Tôi nghe mặt mình nóng lên vì câu nói dối. Tim bỗng đập loạn trong lồng ngực. Chị Loan kinh ngạc, ôm xiết tôi. Nhưng tôi linh cảm được tai hoạ sắp tới. Cúc ơi, đành phải lớn một mình thôi !

Hình ảnh chiếc ghe to đến đầu tháng trước hiện ra trước mắt tôi, đêm đầu tiên hãy còn le lói những ánh đèn dầu tìm kiếm những kỉ vật sau cùng, vài hôm sau nó đã trơ sườn.

Buổi sáng ấy, một buổi sáng nắng chang chang mặc kệ những

cuộn mây bông gòn và gió biển ào ào. Đem theo tiếng reo hò đầu tiên. Có tàu ! Có ghe tới, bà con ơi !

Từ lúc chiếc lá khô thành hình thuyền trên đường tiếp giáp biển với mây, trên đảo, như những ngọn gió quần tụ từ góc trời bên này, xoáy tròn tạo nên con trốt, cuồn cuộn, vỡ thành đám người rùng rùng túa ra từ những túp nhà, chạy tràn xuống bãi. Nhiều người, thanh niên, trẻ con chạy tuôn xuống nước, hò reo, vẫy gọi tạo nên những lớp sóng với trùng điệp chấm đầu đen nhấp nhô, những cánh tay vung vẩy, bùng lên, lan rộng, vang dậy ầm ầm từng đợt hoan hô, cổ võ.

Tôi bỡ ngỡ, lúng túng trong một khoảnh khắc ngắn ngủi. Ôi, những tràng pháo tay, những lời nói vỗ về, đẩy ngược vào trong những giọt nước mắt. Ôi, chưa lâu lắm trước đây, mình cũng được cổ võ, hoan hô như thế.

Từ đâu tới ? Bến nào ? Cần Thơ hả ? Vũng Tàu phải không ? Hòn Yến ? Có bà con nào tới từ dốc Lết ? Anh, anh... anh chi mặc áo xanh, chị , chị chi áo vàng, có phải người miệt Vũng Rô, có phải người quê tôi..Biết gia đình ý Hồng, ý Muối, pá Xương không ? Bị cướp không ? Mấy lần ? Bà con ở bển ra sao ? Các lãnh tụ và gia đình vẫn quyết lòng bám ngôi, vì nước vì dân cho đến hơi thở sau cùng ?

Những tiếng cười vỡ ra. Tôi biết.

Như võ sĩ trên khán đài. Mặt sưng, mũi gẫy, mi nát, mắt vỡ, đầu cổ loang lổ máu. Võ sĩ ơi, có nghe thấy những bó hoa mừng tung đến đến từ những bầm dập ngang hàng ?. Những thông cảm và thương cảm ngang hàng.

Ai nghĩ đến ngày sau ? Ai biết giá phải trả sẽ kinh khủng thế nào khi chúng ta, từng người một, lăn lưng vào đời sống bình thường, khi sống không còn là sống tạm, sống mòn, khi tất cả lắng xuống cho ác mộng được vực dậy ?. Biết, biết chứ ! Nhưng chiến thắng này, lúc ấy, rất hiện tại, cộng hưởng. Rất thực.

Mỗi lần đón những người mới đến, cảm giác bỡ ngỡ, sung sướng của tôi ngày đầu tiên đặt chân trên đất, trào dâng, gần như nguyên vẹn. Rất có thể vì thân còn say sóng nhưng hồn đã trụ đất liền, nghe, biết rằng những ngón chân đang an toàn đạp trên cát mềm, nghe tâm vững chãi, nghe tất cả rủ rê cùng đâm rễ vào đời sống.

Chúng tôi len lỏi xuyên qua đám đông, ra tận bãi.

Anh Tuân mỉm cười :

- Chúng ta vẫn cần quá khứ. Cần nhìn hoài về quá khứ...

Tôi nhìn anh kinh ngạc, tim hụt mất mấy nhịp :

-Em có nói gì đâu ?

Chị Loan quay sang anh, gằn giọng :

- Cần quá khứ để sống tận tình hiện tại và chuẩn bị tương lai. Nhưng không nhìn về quá khứ để thương tiếc, oán trách ! Chúng ta khẳng định tương lai bằng cách ghi nhớ hiện tại!.

Vẫn một đề tài bàn cãi. Ai lì hơn ai ?

Anh đỏ mặt lùi một bước. Đôi mắt anh sầm lại. Chị đứng yên, ngẩng mặt, thản nhiên, thách thức.

Rồi như định thần, tỉnh táo hơn, anh tiến đến sát bên chị. Gương mặt xương xương toàn hảo cúi gần sát mặt chị. Tôi run lên. Thêm một chút can đảm, anh có thể đặt môi trên chiếc trán cao bướng bỉnh kia. Những tiếng động xung quanh dãn ra xa. Tôi kêu lên trong tim : Chị Loan ơi, đừng đổi thay !

Chiếc hôn tưởng tượng rơi tuột ra ngoài. Có lẽ vì cái nhìn thảng thốt cuả tôi, có lẽ vì cái nhìn thẳng của chị, hàng mi lướt một đường cong tuyệt đẹp, như lưỡi liềm. Như nhát dao.

Đám đông bùng vỡ ra, ồn ào. Chị Loan bấm vai tôi :

-Đã thấy người quen chưa hở Nhạn ?

Tôi cong người lách thoát bàn tay nóng của chị, cố chen ra phía trước, chăm chú tìm kiếm. Những người khách hải hành bất đắc dĩ được giúp leo ra khỏi thuyền, bước chân mệt mỏi xắn vào nước, khó nhọc di chuyển dần vào bờ. Những xác người tả tơi lần lượt đến gần.

Chỉ một phút sau, tôi quên hẳn chị Loan và anh Tuân, nghe tim bắt đầu gõ loạn trong ngực. Đừng, đừng một ai reo lên : a, kià con Cúc xóm Bến Đò .

Sợ, nhưng tôi vẫn kiên trì điểm từng mặt người hân hoan rã rời kia. Như tìm cách mở lại vết thương. Như mấy giây đồng hồ tuyệt vời chờ đợi bọn quỷ yêu xóm cũ thổi phồng nỗi đau và cơn thịnh nộ.

Tìm một người biết Cúc mồ côi cháu ngoại bà Ba Tu, tìm một kẻ quen biết Đại ca Phượng Hoàng, thủ lĩnh lũ trẻ chỉ biết hát một bài ca ?

Đại ca Phượng Hoàng. Chỉ vài năm sau khi mẹ tôi ra đi, Hoàng lột xác. Tôi lớn phổng phao. Hoàng cũng vậy, Đại ca vươn mình thành chúa đảng, bỏ thuốc lá để hút ma túy, nghỉ chơi Cúc cụt đuôi, bám sát Kiều lai.

Như một ánh chớp kinh dị, ngay trước mặt tôi, Hoàng bỗng biến thành Kiều.

Tôi muốn quên đi, khi nhìn thấy Kiều trong nhóm người sống sót. Tôi muốn quên ngay lập tức những cánh tay vẫy gọi, những tiếng reo hò chiến thắng.

Kiều nhợt nhạt, hai con mắt trừng trừng ngây dại, nụ cười ngỡ

ngàng, như mếu. Mái tóc nâu dài cột túm sau lưng. Kiều khoác một chiếc áo sơ mi đàn ông rộng và không cài hết nút, bên dưới là chiếc áo thun vàng quen thuộc ngày xưa. Đúng Kiều rồi.

Không phải giấc mơ : vai tôi chĩu nặng vòng tay cuả chị Loan, vẫn anh Tuân bên cạnh chị. Vẫn đám đông nói cười ồn ào. Kiều đến ngang chỗ tôi đứng, rồi lướt qua, trôi đi. Kiều nhìn mà không thấy tôi, Kiều không thấy ai cả.

Tôi còn nhớ như hôm qua, tiếng cười của Kiều, mái tóc nâu dầy sợi mịn lắc lư, nũng nịu bên vai đại ca. Ánh mắt đờ đẫn mê dại của Đại ca trên đôi đầu vú nhọn chỉa thẳng như súng thần công. Đôi đỉnh hãnh diện, nhún nhẩy, ngồn ngộn, bềnh bồng, chở nặng những ngắm nhìn ngất ngây, sóng sánh theo mỗi tràng cười. Hoàng mê tít nên quên cười góp với lũ trẻ. Chiếc áo ngày xưa, quà của đại ca, giờ đây đã thành màu cải uá phai vì nắng gió và rách toạc dưới đường biên trước bụng. Hàng chữ kiss me màu đỏ chói trước kia bây giờ cũng nhợt nhạt, âm thầm như gương mặt vô hồn của Kiều.

Kiều không thấy ánh mắt kinh hoàng của tôi. Và cũng không trả lời bà Yvette trong những ngày sau đó.

Không ai khác biết rõ lí lịch Kiều lai, hoa khôi của xóm Bến đò ngày xưa. Kiều đang trở thành con Cúc khốn khổ và tôi sắp trả thù, sắp hát bài đồng dao cũ ?.

*

Bởi nỗi đau tôi còn nguyên. Dù chiến thắng Kiều đã tiêu tan sau ngày 30 tháng tư năm 1975. Đại ca giác ngộ, cai ma túy, xung phong đi đâu mất biệt. Lũ trẻ xưa chợt hiểu *sâu xa* lí do hiện hữu của Kiều.

Bà ngoại tôi an ủi dì Sáu, má Kiều, khi dì phải đi học trường *phục hồi nhân phẩm* :

-Nghiệp căn kiếp trước con ơi ! Đừng buồn. Đừng tiếc. Mơi mốt về quê sống.

Nhân phẩm là gì, dì Sáu và má tôi đã sống qua bao nhiêu giằng xé, bao nhiêu cảnh đời rối rắm để mất nó ? Má tôi ra đi, còn Dì Sáu vẫn ở lại với đám con, sao người ta bảo rằng cả hai cùng không còn giá trị con người ?. Thứ giá trị chỉ cần học vài hôm là trở về nguyên vẹn. Đôi lúc, tôi mong má tôi trở về đây cùng đi học với dì Sáu. Đôi lúc tôi muốn đi học giùm cho má. Không biết vì tôi muốn có được má bên cạnh hay muốn má làm người bình thường trong xã hội mới này.

Ngoại cứ nhắc hoài những nghiệp căn vô hình và vô lí đối với tôi. Ngoại không thấy cái nghiệp sờ sờ chướng mắt nằm nơi ba chị em

Kiều, đứa đen đứa trắng không giống người thường, lại rất khác những người hùng. Nghiệp, nợ từ những người lính Mĩ đã chết hay còn sống, đã không lường được hoặc không cần biết hậu quả tương lai.

Sau đó, vì quê nhà quá xa, hoặc giản dị hơn, vì Kiều có ông cậu cách mạng đích thân đưa đi cho khuất mắt (hoặc) làm gương cho nhân dân ; bốn mẹ con Kiều rơi vào khu kinh tế mới cách xóm độ trăm cây số.

Và chưa đến hai năm sau, vài tháng trước khi tôi vượt biên, mấy mẹ con Kiều lục tục kéo về xóm cũ, trong đêm che bạt ở ngay trước cửa nhà tôi. Khi bà ngoại tôi nhìn ra mấy đứa nhỏ, kêu kéo hết vào nhà, dì Sáu khóc ơi là khóc. Lúc lũ nhỏ sụt sùi khóc theo, dì mới nở nụ cười hom hem sạm nắng kể chuyện :

-Má con ở quê lên tiếp tế, thấy mấy đứa nhỏ ốm nhom, ghẻ chóc cùng mình, bả ngồi khóc hu hu hết hai ngày. Rồi má lên nhà anh Hai con nằm vạ Bả nói đứa nào đưa đi thì đứa đó phải lên rước về, ngay lập tức. Ảnh nói đợi...Bà già dãy đành đạch : Đợi ? Đợi gì ?Đợi chân trời tám mươi, chín mươi ? Đợi cho nó rụng hết răng, và con nít đứa chết đói đứa chết bịnh ? Ác chi mà ác vậy con ? Bác Tư ơi, thiệt ra thì ảnh muốn nói đợi cho được mùa. Đợi cây ra trái, đợi khoai ra củ ! Được ảnh cho tiền hôm qua, con chở tụi nhỏ về đây...

*

Bây giờ Kiều chẳng cần gì, chẳng cần ai.

Hôm tôi cùng với chị Loan và bà Yvette đến tìm, Kiều đã bớt vẻ lờ đờ, nhưng cái nhìn xa vắng, câu trả lời dấm dẳng, cộc lốc. Bà mẹ nuôi cuả Kiều, vợ cả ông Hứa, lăng xăng bên Kiều nhưng bà chỉ nói được dăm câu tiếng Việt. Những người còn lại cũng chìm đắm trong vết thương riêng của mình. Chỉ có lão thuyền trưởng Ngô Hứa hãy còn nguyên vẹn hồn xác, thao thao nói kể.

Thì ra ít lâu trước ngày khởi hành, Kiều trở thành con nuôi ông, cựu thương gia hai ba vợ (năm sáu nàng hầu ?) và một đống con. Tháng tư năm 75 đến bất ngờ, không kịp gom đủ đại gia đình lẫn cuả cải nên ông chẳng thể rời Chợ Lớn. Ba năm sau, sẵn dịp Nhà nước kiếm chuyện đuổi Hoa kiều, cướp cuả, ông thanh toán gia tài chìm nổi, đếm kĩ nhân số cũ thời Mĩ Nguỵ, cộng thêm niềm an ủi thời bình : một bà vợ bé bụng bầu, thêm hai đứa con ruột và một đứa con nuôi, với gia đình hai người em gái và người con trai lớn. Thương gia trở thành thuyền phó, mướn một thuyền trưởng và một thợ máy, (bán) chính thức đóng tàu vượt biển.

Người vợ trẻ vòng tay ôm bụng mình, vừa liếc Kiều vừa kể về các trận bão và cướp biển. Những đứa trẻ lặng lờ, khép nép rụt rè, nét kinh hoàng còn vương trong mắt. Tôi nhìn Kiều ngồi bất động, nhớ tiếng cười dòn dã cũ xưa, nhớ những tiếng hát chế nhạo. Nhớ tiếng ngoại nói như năn nỉ con ơi, *chúng sanh lầm lỡ yêu ghét oán thù triền miên*. Nhớ đến những nắm tay nén hận ngày xưa.

*

Hai tuần sau, những người đàn bà sống lại, có lẽ vì và cho những đứa con. Những đứa trẻ đi học, đã ê a tiếng Anh, tiếng Việt, dợm bước tung tăng thăm dò vùng đất mới. Kiều vẫn quạu quọ, khó chịu.

Chưa rời đảo nên gia đình này vẫn phải chiều chuộng cái thông hành mang tên Kiều. Họ chỉ hoảng kinh khi bà Yvette ngỏ ý cho Kiều đi nhìn mặt những tên hải tặc vừa bị bắt vài ngày sau đó.

Bà Yvette muốn Kiều hồi phục nhanh. Với chị Loan và ê kíp cuả bác sĩ Davis, bà chuẩn bị hồ sơ, sẵn sàng đưa Kiều và vài cô gái khác nhận mặt, tố cáo, đưa ra toà những tên hải tặc này. Trừng phạt làm gương và cho Kiều sống trở lại.

Chị Loan kiên nhẫn, giận dữ, dịu dàng, đôi lúc khôi hài, quả quyết. Thuyết phục và năn nỉ. Tôi muốn bắt chước chị, muốn đưa Kiều trở về hiện tại và tương lai nhưng đồng thời nghe trái tim thổn thức tràn ngập ám ảnh cũ và ghen hờn, lo sợ mới.

*

Nhạn ơi, em hiểu điều chị muốn nói ?

Kiều phải can đảm nhìn lại dấu vết của bạo lực đã qua. Muốn vĩnh viễn quên nó đi, Kiều phải bình tĩnh nhớ mặt, chỉ tên. Bình tĩnh nhận ra nét xâm vẽ trên những bộ lưng thớt thịt, những bả vai đầy dấu chữ ngòng ngoèo, như những bùa chú lạ lùng.

Những bộ lưng trần đó, năm ba thằng chúng sanh thời mạt pháp như ngoại em nói đó, vẫn kéo nhau đi vòng vòng ngoài rào trại, đôi khi leo được lên những chiếc jeep nhà binh lao vào trong này. Những con mắt âm u đen kìn gân máu đỏ tìm kiếm, thách thức.

Những con mắt âm u ấy muốn tìm lại những hình ảnh điên cuồng nguyên thủy.

Họ muốn tái tạo những giây phút quyền uy ban phát sống chết ? Những sát na tắm đẫm trong sức mạnh vô nhân ?. Sống lại những khoái cảm, sức mạnh không hề biết đến của những ngày tu học bất

buộc trong chùa, của những đêm vật lộn với sóng nước, tan chảy dưới mặt trời của một cuộc sống gian nan, miệt mài đuổi bắt cá tôm nhải nhép ?. Bẻ gãy, chà đạp người khác, chiếm đoạt vàng bạc, của cải, mạng sống, mà không cần viện dẫn bất cứ lí do nào : ý thức hệ *chính trị,* nòi giống, chủng tộc, tôn giáo v..v..Những tên đàn ông hiện nguyên hình, nguyên thuỷ, nguyên chất. Chúng phải trả lời tội ác đã phạm. Phải trừng trị chúng làm gương. Chúng ta ở thế kỉ hai mươi chứ không còn vào thời Trung cổ.

Nhạn ơi, em hiểu điều chị muốn nói ?

•

Tôi nhớ hoài bản cáo trạng cuả chị, tôi nghe nhớ mình cố ghi khắc ánh mắt, giọng nói khinh bỉ cuả chị khi nhắc đến bọn đàn ông, thuộc phe hải tặc lẫn đồng bào trong trại, với những trận cãi vã, thanh toán nhau, những đòn thù, thủ đoạn, giành giật nhỏ nhen. Tôi ghi nhớ những ngày chị săn sóc bọn trẻ con, những người mẹ, những bà vợ, những thiếu nữ sống như đã chết ; v*à* trên da thịt vẫn đọng hoài đôi tay mềm mại đã sinh ra tôi trong rúng động tuyệt vời. Những cố gắng thụ động, tuyệt vọng, hồi tưởng, chọn lọc những gì sắp sửa vuột khỏi tầm tay mãi mãi.

Khi Kiều bớt dần những đêm mất ngủ. Chị Loan vui mừng. Hai bà mẹ nuôi cũng hài lòng. Kiều chịu khó gượng dậy, ra tận ngoài hàng rào, mua bán, đổi chác. Kiều ghi tên học Anh văn, đi nghe con nhỏ Cúc ngày xưa hát giúp vui, chờ ngày ra đi.

Kiều sắp hồi sinh. Đôi mắt xếch của cựu thuyền trưởng sáng ngời một tương lai đất liền. Thứ ánh mắt long lanh la đà, lén lút trên hai chữ *kiss me* bồng bềnh khiến tôi lạnh xương sống.

Chuyện phải tới đã tới vào hôm ấy, sau buổi trình diễn văn nghệ. Đang loay hoay dọn dẹp đàn, sáo, Kiều len lỏi đến gần, đứng cạnh tự bao giờ, bàn tay đặt nhẹ lên tay tôi :

- Cúc ơi ! Kim Nhạn ơi !

Tôi giật mình đánh rơi ống sáo. Tôi hất tay Kiều :

- Muốn gì ? Tôi tên Nhạn ! Kim Nhạn !

Kiều ngỡ ngàng lùi lại, nụ cười tắt ngấm.

Tôi lượm sáo, ôm đàn biến thoắt đi. Những tiếng vỗ tay lùi xa. Nỗi lo vô cùng lớn. Càng lúc càng lớn. Đất trời bất công chưa ?

Kiều không còn đáng thương nữa, Kiều dẫn đầu một lũ quỉ tung tăng đeo theo tôi lẳng nhẳng hỏi : A*i nuôi mày lớn ?*.

Làm sao cắt mối dây Kiều vừa bất ngờ nối lại ?

Cho đến tối hôm sau, nơi mõm đá, Kiều bất thần sà tới :

- Kim Nhạn ơi !

Tôi hốt hoảng nhìn quanh. Định thần lại, tôi nhận ra Kiều gọi tôi bằng tên mới.

Tiếng gọi dịu dàng, khẩn khoản.

Kiều ngồi day lưng ra biển, ánh sáng mờ cuả ngọn đèn dầu nhỏ bao vòng khuôn mặt trắng thon, vẽ to thêm đôi mắt, rót một giọt tối vào cái lõm đồng tiền trên má trái, viền quanh chiếc càm đầy đặn rất Tây phương. Kiều vẫn đẹp thần sầu.

Khi tôi hỏi han về xóm cũ, đôi mắt nâu to, lờ đờ cuà nó bỗng đựng đầy nước mắt và những tia chớp nhỏ. Tôi sợ hãi, nghiêng người dấu mặt vào vùng tối.

Kiều chậm rãi kể chuyện, giọng nhẹ và bình tĩnh.

Thì ra chỉ hai năm lang thang, vượt biên, mấy lần ở tù, ra tù, vượt biên lang thang, đầu tóc rối túm trong chiếc khăn rằn còn thơm mùi trầu cau của ngoại và nặng những miếng lá vàng khâu dính bên trong, tôi tưởng mình xa xóm nhỏ đã từ lâu lắm. Như những ngày vô vọng chờ má tôi về xóm nhỏ khi Xuân Lộc bị bao vây.

Nhận được giấy tờ bảo lãnh của má tôi, dì Sáu đặt lên bàn thờ mớ giấy tờ thư từ, đốt nhang cầu khẩn :

- Má Ba ơi, có linh thiêng xui khiến cho con Cúc trở về nhà làm giấy xuất cảnh !

Tôi nhìn đôi môi mọng, nhìn núm đồng tiền lay động.

Hoàng đã chết nhưng một thời đại ca mê đắm nó, bỏ quên bạn bè. Bỏ quên con Cúc. Kiều chợt nói :

- Khổ lắm !.

Tôi nghĩ đến Ngô Hứa, rùng mình. Kiều cúi đầu ngập ngừng giây lát, rồi thở dài :

- Nhớ bà già và mấy đứá em tui quá, Nhạn ơi !

Dường như cả hai đều nhẹ nhõm. Vì những lí do hoàn toàn khác nhau. Kiều kể chuyện người yêu đã hi sinh vì nghĩa vụ quốc tế ở Kampuchia. Tôi thở dài nhớ đến ánh mắt đại ca.

Kiều khóc, tiếng nấc nho nhỏ. Đang do dự không biết nên làm gì, nói gì, tôi giật mình thấy chị Loan xông vào, cúi xuống ôm Kiều dỗ dành :

- Kià, nín đi em.

Và quay sang mắng tôi :

- Nhạn ác lắm !

Chị lau nước mắt cho Kiều. Chị vuốt tóc Kiều, một tay ôm choàng qua hông nó, bàn tay kia dịu dàng xoa vuốt chiếc cổ trắng ngần, những ngón tay nâu thon chảy xuống vai, la đà đảo lượn trên đôi gò ngực, rồi vòng lên, những ngón tay trở bề lưng xoa nhẹ bờ càm,

vành môi mộng. Cử chỉ quen thuộc. Tôi bật dậy chạy ra ngoài.

Mưa đổ ụp trăm nghìn sợi dài quất roi xuống, tôi tối tăm mặt mũi, bước chân khựng lại. Biển trước mặt đang giận dữ vươn mình chồm tới. Gió gào rú, quét mạnh những đợt hung hãn, những luồng sóng ầm ầm dồn dập đổ tạt trên bờ đá. Những nhánh thông cuống quýt cong cành quật từng chập vào mái lá, như những bàn tay quờ quạng kêu cứu.

Tôi lạnh rung, hoảng hốt. Em đang ở giữa đại dương đây. Nhưng con thuyền Tây hiên bất động và thật xa. Tôi quay vào, gọi chị yếu ớt.

Chị Loan vẫn âu yếm vỗ về Kiều. Ánh đèn vàng khiến hai khuôn mặt đam mê đang kề sát nhau kia càng tuyệt đẹp. Tiếng tôi gào lùng bùng trong đầu. Từ cổ họng không thoát ra âm thanh nào...Em muốn lớn với chị, mãi mãi.

Chị trừng mắt nhìn tôi :

- Sao Cúc làm Kiều khóc ? Em ác lắm ! Em có trái tim đàn ông !

Cúc, Cúc ? Tôi cãi yếu ớt :

- Em tên Nhạn...em tên Nhạn mà...

Chị gằn giọng :

- Bao giờ em mới trưởng thành, làm được người «*nhớn* « ?

Kiều bật cười. Chị cũng cười theo, vừa âu yếm hôn lên mặt nó. Những tiếng cười đột ngột vỡ lớn ra.

Tôi hét lên xông đến. Hai thân hình mềm mại như mây kia rơi xuống vực thật nhẹ nhàng, thật dễ dàng. Hai khuôn mặt thon đẹp vẫn quyện vào nhau, âu yếm. Và những tiếng cười vẫn lanh lãnh, trượt dài trên sóng.

*

Tôi giật mình thức dậy, nghe mặt ướt lạnh nước mắt.

- Come on baby. Chỉ là một cơn mộng dữ.

Sylvia bật đèn lên, ngồi ghé vào giường :

- Lại nằm mơ thấy mẹ em hử ?

Sylvia âu yếm tước đi những sợi nước mắt. Trời ơi, y như kiểu vớt cuả chị Loan. Hai bàn tay ôm gọn ôm lấy mặt tôi, đôi ngón cái xoay vòng từ đôi bên sóng mũi, vuốt nhẹ bờ môi, chậm rãi lướt lên vành tai. Những ngón tay mơn man xuống vòng cổ, đường vai. Hai cánh môi mềm chạm nhẹ trên mi. Chỉ là cơn mộng dữ.

Tôi tỉnh hẳn, hôn trả lại, rồi thở ra :

- Có cả án mạng nữa, Sylvia. Nhưng không phải chuyện giết mẹ đâu nhá. Chỉ giết thầy thôi.

- Ôi, em yêu !

Sylvia cúi xuống hôn khắp người tôi, đôi tay như thân rắn mềm ấm áp. Tôi oằn mình, nghe dưới lưng tấm thiệp cưới kêu réo. Sylvia tựa cằm lên hông tôi, ngắm nghía những dòng chữ, trả lời :

- Bạn nào cuả em lấy vợ lấy chồng ? Mà tôi không biết ?

Rồi mềm giọng âu yếm :

- Nhưng chắc chắn không đứa nào vẫn khóc trong mơ như em đâu, baby !

Tôi nhìn tấm thiệp cưới, qua bờ vai và những vuốt ve cuả Sylvia. Xem kĩ lại tấm thiệp cưới. Chú rể tên Tuân. Tôi bật cười hân hoan. Ôi, chấn động đến nỗi trông mèo ra cáo !.

Lái xe sang bên đó mất mấy tiếng đồng hồ ? Hay đi máy bay ?

-Tùy ý em !

Chợt tôi thấy hàng chữ tái bút phiá sau :

Tuần sau đó là đám giỗ Kiều. Em nhớ Kiều không ? Ông Hưá sẽ đến, tiệm bán furniture cuả ông ấy gần nhà chị lắm. Chị có cả thư mừng cuả bà Yvette nữa.

*

Đêm ấy, tôi đã lánh mặt sau khối đá khi thoáng thấy Kiều một mình đi lên dốc, về căn chòi nhỏ. Tôi chưa đủ can đảm một mình đối diện với Kiều.

Hồi hộp tự hỏi vì sao Kiều đến. Mãi đến khi trời gào thét báo mưa, tôi quyết định rời chỗ nấp. Kệ, ra sao thì ra. Nhưng tôi lặng người bất động khi nghe tiếng chân nặng nề và hơi thở hào hển đến gần. Đấy là Ngô Hưá, âm thầm như ma, cái đầu tóc hớt ngắn không ngớt xoay đảo nhìn quanh quất với cái cổ to như võ sĩ sumo, vén tấm vải nhựa chui vào. Tôi vẫn đứng lặng, tay chân tê cứng, những giọt nước mưa lạnh pha lẫn với nước mắt nóng ràn rụa trên mặt, trên áo quần. Lâu lắm, dường như lâu lắm sau đó, con ma bụng tròn lại hào hển vuốt tóc bước ra, gương mặt thoả mãn ; hai bàn tay mum múp đan kết làm nón che đầu, chạy vội về phía trại.

Mưa ngừng, sương đêm, hơi nước, hơi đất toả dầy.

Tôi run rẩy rời chỗ ẩn, ngần ngừ sắp sửa bước vào lều thì Kiều đi ra. Đôi mắt nhìn tôi căm hờn. Không, Kiều không nhìn thấy tôi. Tôi khóc lớn, lôi tay Kiều mà nó không nghe. Kiều đẩy tôi ra. Kiều đứng lặng, bóng mờ trong sương, đôi cánh tay gầy và dài giơ lên cao như hỏi han, như than van. Thân Kiều vút dài. Đẹp như Sylvia, đẹp như Carolyn Carlson muá solo *Blue Lady* trong chiếc robe mousseline màu xanh.

Tôi ngạc nhiên thảng thốt.

Lâu lắm, thật lâu. Kiều buông thõng tay, xoay lưng lại, bước ra khoảng không trên vực như bước vào biển nước. Không một tiếng kêu. Mơ hồ những cành thông ướt vật vả lao xao trên mái chòi lá.

Tôi ngồi yên nơi mép vực. Xung quanh tối đen, chiếc đèn dầu đã tắt ngấm.

Chị Loan lay tôi, han hỏi. Tôi lẳng lặng chỉ xuống phiá dưới vực.

Chị dìu tôi về trại.

Hôm sau xác Kiều được mang về chùa. Tang lễ yên lặng. Ngô Hứa đứng yên, mắt nhìn xuống đất, bên cạnh những người đàn bà khóc thút thít. Ánh mắt chị Loan đau đớn, hoang mang. Bà mẹ nuôi mắt đỏ, đốt bức thư tuyệt mệnh cuả Kiều cùng với những giấy tờ, thư từ khác. Tôi cảm sốt mê sảng nhiều ngày sau đó.

Tôi đã thấy gì ? Chuyện gì đã thật sự xảy ra ? Thư Kiều viết từ bao giờ ? Tôi biết chị Loan vẫn nghĩ tôi là kẻ sát nhân dù chị giữ im lặng. Tôi lẳng lặng, ân hận, xa chị cho đến ngày rời đảo.

*

Đám cưới được tổ chức trong phòng cưới nhà hàng Tàu Đại Long, trên sân thượng toà nhà tám tầng.

Trăng tròn và mờ nhạt, như một ánh đèn vô danh giữa trăm nghìn đèn đêm thành thị. Trong phòng trang điểm dành riêng cho cô dâu, chị Loan giữ tôi thật lâu trong vòng tay. Âu yếm, dịu dàng. Hương *Eternity nữ nhân* thơm ngát. Chị hôm nay như Ava Garner cuả...*55 ngày ở Bắc Kinh*. Gương mặt đầy đặn, vẫn đẹp, cái đẹp mãn khai, dù dường như những cánh hoa ngoài cùng đang sắp sửa ngậm ngùi tính sổ

Tôi bình thản, chậm rãi kể chuyện. Chuyện hiện tại rồi lùi dần về chuyện quá khứ. Ẩn hiện ánh trăng. Xung quanh đêm rực rỡ cao ốc. Giữa triệu triệu đời lung linh lóng lánh kia có ai đang khóc như gió như mưa ? Ai lẩn thẩn như ma ? Ai toan tính kết liễu đời mình ? Ai bước nhẹ đều trong nhịp nhạc tân hôn cổ điển ? Có phải, tất cả đã đổi thay hay chỉ khác đi phần bối cảnh ?.

Tôi tiếc nuối khi nghe mình già dặn, mệt mỏi, dù hôm qua, trên máy bay còn loay hoay sắp đặt một dự định ghê gớm.

Kể xong, tôi hỏi :

- Thấy có khả thi không hở chị ?

Chị thở dài, bước lại ôm tôi hôn lần nữa. Tóc chị vấn cao, buông thả một nhánh hoa hồng vàng tí hon xuống chiếc cổ dài, tấm lưng chị vẫn thon mềm, đôi vai ngang, xương vai tròn, êm ái. Áo cưới màu vàng

nhạt toàn sợi tơ thêu nổi những đoá hoa quấn quyện, hài hoà. Áo cổ thuyền dài và sâu, rộng, mấp mô bờ ngực đầy, bó gọn chiếc eo thon con gái, buông những lớp voan mỏng vòng quanh toả rộng, phủ gót. Nhưng không phải chị Loan ngày xưa nữa. Chị đổi thay như đã từng báo trước. Chị đã rời đảo lâu lắm rồi, trong khi tôi hãy còn thơ thẩn dưới vầng trăng xưa, bị dày vò, ám ảnh vì hối hận, oán thù xa xưa.

- Chị sẽ giúp em ?

Ừ, chúng tôi sẽ kín đáo gọi lão, kể chuyện xưa như đọc bản cáo trạng. Đẩy lão nhào xuống vực sâu, trước khi lão vén màn chui vào căn lều nhỏ. Dù dưới kia, đường nhựa với đèn thành phố muôn màu, chắc êm ái hơn bãi đá lởm chởm. Dễ ơi là dễ. Trả nghiệp. Dứt nghiệp !.. Tôi thấy mình sắp sửa thực hiện mơ ước đêm nào, bỏ dở dang vì hèn nhát, vì ghen tuông. Tôi sẽ vĩnh viễn rời đảo cũ, thật sự lăn mình vào cuộc sống như một kẻ trưởng thành. Sẽ đổi thay.

Khi tôi gặng hỏi lần nữa, chị Loan trầm ngâm :

- Nhạn chờ gặp lại ông ta đã.

Nếu chị Loan không giới thiệu, tôi không thể nhìn ra người thuyền trưởng dáng võ sĩ sumo kiêm *bóng ma lẩn thẩn* đêm mưa gió năm xưa. Đó là một ông già, già trước tuổi, già xám, ốm quắt queo vì, ông cho biết, giọng run run "bác sĩ nói ung thư tụy tạng ". Tôi ngẩn ngơ suốt buổi. Những lời kinh xưa gió đưa văng vẳng mơ hồ trong tiếng ồn ào. *Thuỷ tri* hải *nguyệt tại ngô tâm*[2].

Và khi ba người chúng tôi, nhóm " Nhạn lạc " ngày xưa cầm đàn, sáo hát tặng các bạn cũ ngày xưa ở đảo và tưởng nhớ Kiều, tôi thấy ông lén đưa tay chùi nước mắt. Giọt nước mắt cho ai ? Tôi đến nhớ nét hoảng hốt trên mặt chị Loan khi nãy. Ai cũng đổi thay. Trừ tôi, vẫn mãi không lớn được...Chị Loan ơi, làm gì có phiên toà cho Ngô Hứa, hãy cùng tưởng tượng rằng mấy năm nay ông ta đã tự xử mỗi ngày. Đã cắt đứt sợi dây nghiệp. Thôi thì cứ nghĩ như vậy. Cho chị an tâm.

11/2000

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU
NGƯỜI ĐỌC MỚI ĐẾN VỚI HỢP LƯU



PHAN NI TẤN (N.D.)

Một thương tóc xõa mơ màng

Gởi Song Thao

Ba ngàn sợi tóc chảy vào mắt văn nhân
Mỗi sợi tóc là một dòng suối nhỏ
Con suối lênh đênh tràn trên lưng những con chữ đỏ
Cổng đa tình lên tới ngọn một thương

Mùa tóc biếc chải ba ngàn cọng xuân hương
Những điệu lý cũng mượt mà giai điệu
Theo óng ả đổ xuống bờ vai ngon kỳ diệu
Tôi lạc thần đứng lặng giữa hồn thơ

Chiều chết điếng bóng đọng lại thành mơ
Cơn thiện mỹ thật hết lòng cởi mở
Ôm bóng dây trầu bà in trên cánh tay em thở
Tôi nhởn nhơ ngồi liếm vạt lông măng

Tránh đàn tóc vừa hất qua thanh xuân
Tôi trợn trạo cố nuốt chùm xao xuyến
Trái hoàng hôn lai láng chiều trong miệng
Lại trào ra thổn thức khúc tình lang

Ngoài phố giờ này chắc cũng đã vàng trăng
Em sáng chói như tiếng reo trẻ nhỏ
Trườn mình ra khỏi miệng tôi ngậm mấy lời bày tỏ
Tóc biếc vô tình mộng cũng xóa thành không.

PHAN NI TẤN (N.D)
Montreal 14.11.2000



NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

Những chỗ tạm



Trời đang mưa. Tôi gọi một ly vang. Để giết thì giờ. Cả quầy rượu mini chỉ có sáu ghế chân dài. Lúc nãy, phi cơ đã cất cánh, nhưng chưa lên được bao cao thì phải quay lại phi trường. Vấn đề kỹ thuật. Sau cùng rồi mọi người phải xuống để đổi máy bay. Chuyến kế, mãi đến gần tối mới có, trừ khi tôi cần đi gấp, và thế chỉ có nghĩa phải đổi sang hãng bay khác. Tôi lựa chọn giết thì giờ lang thang ngồi đợi.

Vậy mà năm ghế trống rải rác, Melvil lựa ngồi cạnh tôi.

- Cô uống gì vậy?

- Vang.

Hai câu trao đổi đầu tiên giữa tôi và Melvil thể như đã từng quen biết. Thật ra tôi chỉ mới thấy Melvil khi lên tàu trước đó. Những người lên trước thường không có chuyện gì làm ngoại trừ theo dõi người lên sau. Người lên sau thì nhìn ngang ngó dọc tìm hàng ghế, tìm chỗ ngồi, tìm nơi còn trống để nhét đồ đạc túi xách mang theo. Melvil vừa nói điện thoại vừa nhìn lên khi tôi đi ngang nhìn xuống. Mấy con mắt ngó nhau, Melvil ngừng nói, tôi dừng lại vì người đi trước mặt dừng lại, khoảnh khắc, rồi đi tiếp xuống mấy hàng ghế dưới. Trước khi phi cơ cất cánh, tôi thấy Melvil đứng dậy ngó xuống chẳng biết tìm gì cho đến lúc bắt gặp mắt tôi, chợt cười rồi ngồi xuống. Chỉ có thế. Chuyến bay thay đổi để giờ Melvil ngồi cạnh tôi gọi một chai

Corona.

- Tôi tên Melvil Dewey.

Tất nhiên Melvil đưa tay ra khi nói câu trên. Tôi nắm lấy nhẹ nhàng nhưng tay ấm của Melvil giữ lâu đến ngượng.

- Gọi tôi Miriam.

Tất nhiên đó chẳng phải là tên thật của tôi.

- Miriam gì?

- Cứ gọi thế việc gì thắc mắc. Những gặp gỡ bâng quơ.

- Đâu biết được. Những gặp gỡ bâng quơ.

Tôi cười, chân vắt dưới quầy.

- Miriam ở đâu?

- California.

- Xứ nắng ấm. Bắc hay Nam?

- Nam.

- Tiếc nhỉ. Tôi ở San Bruno.

- Lạc loài Pittsburgh một ngày mưa dầm dề như thế này?

Melvil nhún vai.

- Việc hãng. Qua lại lôi thôi mất thì giờ. Coi như đi chơi.

- Đi chơi? Theo như kinh nghiệm tôi biết, đi việc hãng có khi phải làm gấp đôi gấp ba thời khóa biểu bình thường vì thời gian hạn hẹp. Ai nói đi việc hãng là đi chơi, phần lớn chỉ nói dóc.

- Tùy hãng, tùy việc.

- Chẳng có hãng nào ngu dại trả tiền cho nhân viên đi chơi.

- Dĩ nhiên. Tôi chỉ không thích điền đơn chi tiêu sau đó. Trăm thứ hóa đơn phải giữ, trừ hóa đơn chơi đĩ thì không ai cấp và hãng cũng không trả. Giả như nhân viên cố tình điền dưới cột tiêu khiển hay chiêu đãi khách hàng gì đó cũng không qua được mấy cặp mắt xoi mói diều hâu của bọn kế toán.

Tất nhiên là tôi cười khẽ lễ phép trước câu đùa hơi sống sượng của Melvil. Anh cầm chai bia nghiêng về phía tôi, hỏi.

- Uống vang nữa không để tôi trả tiền.

Câu này thì bớt sống sượng một chút và nhuốm vẻ thân mật bạn bè. Tôi lắc đầu. Melvil chắc lưỡi.

- Tiền lẻ nặng túi tôi tìm cách tiêu cho hết. Miriam, cô uống ly thứ hai cho tôi tiêu hết mớ tiền lẻ có được không?

- Để coi.

- Người không rộng rãi.

- Rộng rãi với người không quen biết, có lẽ hơi khó. Tôi là một người bình thường, không phải mẹ Theresa.

Mấy câu trao đổi giữa tôi và Melvin, đùa nghịch vô bổ. Nhưng

cũng có lúc, tôi sực nhận ra Melvil nhìn mình hơi lâu hơi gần nên hơi nhích người tránh. Melvil xoay xoay chai bia nói.

- Tôi nghĩ tôi là người ngây thơ.

- Chừng này tuổi?

- Ngây thơ ở chỗ tôi tưởng rằng khi mọi thứ quanh mình có vẻ lặng lẽ bình yên đấy là hạnh phúc. Không có thứ hạnh phúc nào mà không phải tốn sức giữ gìn bảo vệ nó cả.

- À. Tôi ngỡ anh tự cho mình vẫn còn ngây thơ, ở cái nghĩa đen nào đó.

- Tôi để mình biến thành một con số thống kê.

Tôi nhăn mũi.

- Thống kê. Thứ con số gieo rắc tuyệt vọng, nản lòng và ngã chí. Hơn nữa, có người nào trong chúng ta lại không là một con số thống kê?

- Ừ thì thế.

Tôi biết chắc Melvil rất tỉnh táo khi nói vì chai bia mới cạn nửa. Bàn tay xoay xoay cổ chai của Melvil có vài sợi lông dài loăn quăn nơi mấy đốt tay bỗng dưng hấp dẫn mắt nhìn. Không có chiếc nhẫn nào nơi ngón áp út bàn tay trái. Hai bàn tay tôi có đến mấy chiếc nhẫn nhưng không có chiếc nào nơi ngón áp út, cả hai bàn tay. Hình như tôi có ác cảm với ngón áp út và biểu tượng cổ điển của nó. Tôi nói tiếp cho có chuyện.

- Chắc anh thuộc về thống kê đại loại. Đàn ông, da trắng, học lực Đại học, nghề nghiệp khoa học chuyên môn, có nhà, có xe SUV, thường xuyên đi việc hãng, mỗi năm tu nghiệp vài ba lần, thích những loại thể thao càng nguy hiểm càng kích thích càng tốt.

- Cô còn thiếu gia cảnh.

- Ly dị hoặc có bạn gái. Một hoặc hai con...

- Ừ.

- Ừ gì?

- Ly dị nhưng không con.

Melvil tiếp.

- Tại vậy nên tôi dị ứng với những ngày lễ cuối năm.

Tôi gục gặc đầu như hiểu. Melvil tiếp tục.

- Nên tôi hay tình nguyện đi thay cho đồng nghiệp nhằm mấy dịp lễ. Thử nghĩ, nằm nhà cũng thế, chi bằng lang thang phi trường nhìn người qua lại, biết đâu lại gặp may.

Tôi cười nhếch mép.

- Biết đâu đấy.

Melvil đưa hai tay phân bua.

- Ý tôi thẳng thắn.

Tôi gật nhẹ.

- Nào có nói gì.

- Cái nhếch mép đã đủ.

- Không đúng thì thôi, việc gì phải cải chính. Ra đường nhìn người dưng còn hơn nằm nhà một mình không ai nhớ, chẳng nhớ ai và cũng không có ai để nhớ.

Melvil cụng nhẹ chai bia vào ly vang của tôi.

- Cô là người nói câu ấy.

- Ừ tôi nói câu đó vì tôi đã từng làm thế và không có gì để xấu hổ khi nhìn nhận.

- Cô có vẻ tự hào.

- Tự hào với cái lựa chọn, đi ra ngoài khi muốn và nằm nhà khi cần?

- Ừ, tự hào với cái tự do toàn quyền lựa chọn của mình!

Tôi ngẩng lên thoáng nhìn Melvil rồi nhìn đi nơi khác.

- Miriam, cô đi đâu?

- Anh đi đâu? Chúng ta cùng chuyến bay – tôi cười – tất, cùng nơi đến. Ừ. Cùng nơi đến, nhưng không đến cùng một nơi.

- Ừ. Phải mà không phải. Cô ở đó bao lâu?

- Vài ngày. Hết lễ thì về. Một chỗ tạm.

- Thế. Hết lễ thì về. Giản dị có thế. Tôi đi việc khẩn cho hãng nên không có cái sang

trọng được đợi hết lễ thì về.

- Đã bảo còn hơn nằm nhà!

- Hẳn thế. Đã bảo, không ai nhớ và cũng chẳng có ai để nhớ, để về. Tôi gốc Rhodes Island . Luôn tiện ghé ngang thì chắc cũng có người vui nhưng tôi đang buồn, không muốn gặp anh em họ hàng, sợ phải nghe những lời giảng và những câu hỏi tại sao.

- Tôi thì ngược lại, thế nào cũng ghé qua nhà. Dù chỉ để bị nghe những câu hỏi tại sao vô cùng xốn xang và được không trả lời.

- Cũng hay. Bị nghe hỏi tại sao và được không trả lời. Thêm một thứ tự do khác nữa.

Tôi nhún nhẹ vai.

- Anh chỉ nói mỉa. Tôi thích trả lời bằng im lặng khi bị hỏi những câu không thể và không muốn trả lời.

- Với bất cứ câu hỏi nào?

Tôi bật cười không trả lời. Melvil hơi ngượng.

- Ý tôi muốn biết...

- Không phải vậy. Phần lớn tôi không trả lời những câu khiến tôi

khó chịu. Và những thứ khiến tôi khó chịu gồm luôn cả những câu hỏi có tính cách tọc mạch đời tư. Có những câu hỏi không cần thiết phải là câu hỏi mới có được câu trả lời. Có những câu hỏi khiến người bị hỏi đâm ra bực bội khó chịu. Và cũng có những thứ câu hỏi mà chính người hỏi cũng bực bội khó chịu khi mở miệng. Có những điều riêng tư tôi nghĩ chúng là của tôi, của riêng tôi. Mẫu người của tôi không thuộc loại cởi mở sẵn sàng phơi bày. Tôi rất phục những người ngồi giữa đám đông kể chuyện đời mình một cách thoải mái sung sướng. Tôi không làm được điều đó, không thích làm điều đó và cũng không bao giờ làm được điều đó. Đời tôi, không có gì bí mật nhưng có lẽ tôi dễ nói với một người hơn là với một đám đông.

- Khép kín và khó chịu

- Ừ, tôi là người khó chịu. Anh nói đúng.

Tôi hơi cười cười sau câu nói. Melvil phê bình.

- Trông bề ngoài lại không có vẻ khó chịu.

- Đừng phán đoán qua bề ngoài.

- Đáng lý ra tôi phải là người khó chịu. Tôi mới ly dị nên còn chán đời, chán người. Vết thương còn rỉ máu tươi.

- Điều đó hiển nhiên...

- Tôi buồn...

- Tất nhiên. Anh đã nói.

Melvil liếc tôi châm biếm.

- Nhận xét nhanh nhỉ?

- Không, thái độ của anh.

- À.

Melvil à rồi uống ngụm bia. Tôi có cảm tưởng làm Melvil ngượng. Melvil xoay người tựa cùi chỏ lên quầy nhìn ra ngoài hành lang. Bên ngoài trời vẫn còn mưa nhẹ, không gian xám xịt. Thưa thớt người qua lại kéo lê những túi hành lý nhỏ. Đã quá chiều. Tôi nhìn lẩn thẩn. Sự im lặng bất chợt. Rồi Melvil nói.

- Miriam, cô về một chỗ cho ngày lễ, dù là chỗ tạm như cô đã nói. Tôi đi việc hãng để quên sự kiện ngày lễ. Giờ mình ngồi đây cùng nhìn ra hành lang không mấy người qua lại. Chỗ tạm của cô và việc hãng của tôi, có điều tương tợ...

Tôi cười buồn.

- Chỗ tạm của tôi... niềm vui cho người khác.

- À.

Melvil lại à một tiếng như hiểu.

- Miriam, cô độc thân?

- Định nghĩa độc thân?

- Không vướng víu.
- Giản dị có thế?
- Ừ giản dị có thế.
- Thế thì tôi vẫn độc thân, cả đời.

Melvil chặc lưỡi lắc đầu.

- Đừng bi kịch hóa quá đáng. Định nghĩa độc thân của cô thì sao?
- Không vướng víu.

Melvil lắc đầu.

- Đừng nhạy đùa. Cô có vẻ giống tôi.
- Ở chỗ nào?
- Thất tình nên dấm dẳng khó chịu.

Tôi nhìn Melvil một chập. Mắt Melvil có màu xanh trong suốt, hàng mi dài cong thậm thượt nhắc tôi nhớ hàng mi ngắn duỗi nghiêng của mình. Tôi nâng ly uống hết. Không hỏi, Melvil ra hiệu với anh bồi rượu. Tôi không phản đối ly thứ hai và để Melvil trả tiền.

- Cảm ơn.

Tôi nâng ly hớp một ngụm nhỏ.

Buổi sáng tôi đi. Trụ vẫn còn ngủ. Hôn nhẹ Trụ, tôi thì thầm. Em đi. Không biết đến khi nào... Trụ cựa người nhưng vẫn nằm cong không quay lại, giọng nói hơi khàn. Tháng tới có chuyện cần, Trụ sẽ trở lại. Tôi hôn nhẹ vành tai trái của Trụ rồi đi ra, khép cửa nhẹ sau lưng, lòng buồn. Thà Trụ đừng nói gì hết. Tôi đứng nhìn cây chuối trước sân, con đường lên dốc cong queo. Dốc thấp mù sương sớm bay lả tả. Thà Trụ đừng nói gì hết. Tôi rời sân nhà Trụ. Thà Trụ đừng nói gì hết. Tôi đi về, nước mắt như sương, từ từ nhập nhòe phố xá. Thà Trụ đừng nói gì hết. Một hứa hẹn hão. Một an ủi không cần thiết. Một cử chỉ gượng. Và tôi thất vọng.

Tiếng người kéo ghế gần bên khiến tôi ngoái nhìn. Hai người vừa nói chuyện ồn ào vừa kéo ghế ngồi. Melvil hỏi.

- Miriam, thôi đừng đùa, cô độc thân?

Tôi cười thật nhẹ, dịu dàng.

- Điều đó quan trọng lắm sao?
- Chỉ là một câu hỏi nếu cô không muốn trả lời... không sao.
- Tôi ly dị đã lâu nên không giống anh.

Melvil cười.

- Người thất tình không cần thiết phải độc thân.

Tôi nghiêng đầu nhướng mày.

- Ừ, không cần thiết. Nhưng tôi không thất tình. Tôi buồn tình.

- Khác nhau?
- Khác nhau xa. Tôi chỉ buồn tình chứ tôi không thất tình.

Khi Trụ nói, ở lại đây đêm nay. Tôi ngần ngừ. Đã bắt đầu nghe sợ. Đã đánh hơi ngày tháng không có Trụ. Sự có bây giờ sẽ làm nặng thêm sự không có, về sau, gấp bội. Tôi yêu Trụ hay tôi yêu sự có?

- Tôi chỉ có thể yêu vợ tôi mà thôi.
Tôi nhìn Melvil nhìn tôi. Ánh mắt vẫn trong suốt.
- Vợ anh có yêu anh không?
- Vấn đề nằm ở chỗ đó. Vợ tôi không yêu tôi mà tôi thì không yêu được ai khác ngoại trừ vợ tôi ra.
- Cái khổ của con người.
- Là?
- Yêu người không yêu mình.
Melvil cười khục tiếng ngắn. Ly vang của tôi cạn nửa. Tôi có cảm tưởng ngồi nghêng ngang tựa lưng vào quầy, chân vắt chéo, hai cùi chỏ gát cạnh quầy nhìn ra hành lang. Lúc nào cũng có người qua lại, khi rời rạc, khi dồn đống. Người bước nhanh kẻ đi chậm. Hành lý kéo lê đủ màu đủ kiểu, điện thoại nơi tai, vừa đi vừa tránh, mắt nhìn quanh quẩn nhưng hình như không thấy nhau. Quần áo đủ màu đủ kiểu. Giày dép gót thấp gót cao.
- Miriam, cô có yêu chồng cũ của cô?
Tôi hơi quắc mắt nhìn Melvil rồi dịu lại nhẹ nhàng.
- Anh hỏi một câu để tôi được không trả lời, phải không?
- Chỉ là một câu hỏi. Xin lỗi. Tôi có hơi sỗ sàng.
- Lúc nãy đã nói, có nhiều thứ chỉ là một câu hỏi, nhưng cũng có thứ không đơn giản chỉ là một câu hỏi hay đơn giản có một câu trả lời đủ.
- Khó hiểu.
- Chẳng có gì khó hiểu. Đây, câu trả lời của tôi. Khi có khi không. Không yêu thì đã chẳng lấy làm chồng. Có yêu thì chẳng đi đến chỗ ly dị.
- Tôi thì lúc nào cũng yêu vợ nên bị sốc khi Chyrel đòi ly dị. Cũng có thể lúc tôi có cảm tưởng mọi việc an lành nên thờ ơ lại là lúc Chyrel cảm thấy chán nản thất vọng trong tình vợ chồng. Tôi ngỡ mình hạnh phúc bình an nên không hiểu những dấu hiệu thoái hóa nơi Chyrel.

Trụ có biết giờ em ngồi nghe một người không quen biết kể lể

chuyện đời hay không? Trụ làm gì khi em đã đi rồi? Khép cửa lại, đời sống tiếp tục đi. Em đi. Trụ cũng đi. Không ai có ở đó cả. Sân khấu có lúc phải vắng tài tử. Truyện ngắn có lúc nhân vật bất thần ra đứng bên lề bối cảnh. Những khoảng trống cần thiết. Những mảng im lặng buộc phải có giữa những hỗn loạn âm thanh một màn. Một màn.

- Tôi vẫn chưa nghĩ ra, ở chỗ nào Chyrel không còn nhìn thấy tôi?

- Hỏi là trả lời.

- Lại bài vở tâm lý.

- Không. Tôi nói thật. Nếu anh phải thắc mắc tất nhiên anh đã không thấy gì hết, không hiểu gì hết, đã ra đứng bên lề từ lâu.

- Hử?

- Không có gì. Vợ anh yêu người khác?

- Không. Sau này thôi, khi chúng tôi ly thân, nhưng tôi biết chắc Chyrel không ly dị tôi vì một người đàn ông khác.

- Chắc nhỉ?

- Chắc chứ, chính Chyrel nói với tôi và tôi tin Chyrel không nói dối.

Melvil nhìn tôi hơi soi mói.

- Cô không phải là người thứ nhất đặt câu hỏi ấy.

Tôi nhún vai.

- Bình thường. Phần lớn ly dị xảy ra khi có người thứ ba chen vào. Chuyện thường, dễ hiểu nhưng tôi không cho đó là một điều xấu.

Đến phiên Melvil nhướng mắt như không hiểu. Tôi nói tiếp.

- Tình yêu không bao giờ xấu. Chỉ có hành động xấu khi yêu mà thôi. Riêng chính tình yêu thì lúc nào cũng tuyệt diệu.

Tôi nhìn ngang qua hành lang. Bên ngoài cửa kính tối mù chỉ thấy những giọt nước đọng rồi chảy ngoằn ngoèo. Vài chùm đèn vàng sáng chóa rải rác xa xa không rõ là đèn gì.

Tình yêu thì tuyệt diệu. Tôi vẫn nghĩ vậy nhưng tôi thì không tuyệt diệu. Nỗi sợ hãi làm hư hỏng cái tuyệt diệu của tình yêu trong tôi. Trụ có nghĩ vậy không? Tôi không còn tự tin. Đã mất tự tin. Và điều này khiến tôi không dám hưởng những thứ hạnh phúc có ngay, thứ hạnh phúc lập tức, mà cứ mãi phập phồng lo sợ. Tôi không thể yêu mà không sợ hãi. Tôi không thể yêu mà không nghĩ đến lúc rời xa. Tất nhiên tôi cũng không muốn đánh mất khả năng tận hưởng hạnh phúc của mình, không muốn đánh mất nỗi an lành sung sướng không mặc cảm, dù chỉ là mặc cảm có so với người không có.

- Rất giản dị, Chyrel không yêu tôi nữa, không thể nào yêu tôi được nữa nên thấy rằng sống với tôi là một điều khổ sở khó chịu đựng về lâu về dài.

- Tôi hiểu.

Melvil thoáng nhìn tôi như không tin nhưng rồi nói tiếp.

- Làm được gì khi người ta không yêu mình được nữa, phải không?

Tôi gật đầu đồng ý.

Giữa khuya tôi nằm rất im lắng nghe hơi thở tiếng ngái không đều của Trụ. Thỉnh thoảng người Trụ giật nhẹ. Tiếng ho. Trụ ho giật suốt đêm. Có khi Trụ ho rồi xoay nghiêng người, bàn tay trái, của Trụ, cúp nhẹ quanh vú phải, của tôi, một chập lâu. Giữa khuya tôi nằm không động đậy, như sợ phá vỡ điều mong manh đang nhẩn nha kéo sợi ngang dọc ngổn ngang, trong tôi. Vậy mà đâu có đủ. Trụ biết không? Vậy mà đâu có đủ. Tôi bứt đứt tất cả, buổi sáng khi Trụ khàn giọng. Tháng tới có chuyện cần, Trụ sẽ trở lại. Tôi bứt đứt mọi thứ vì biết rằng đấy chỉ là ảo ảnh. Và ảo ảnh thì không bao giờ kéo dài, cả đời, cho dù tôi ao ước khát vọng mù lòa đến thế nào đi chăng nữa.

- Tôi nghĩ Chyrel thất vọng với ảo ảnh về tôi.

Tôi nghiêng đầu nhìn Melvil bỗng dưng nghe tội nghiệp. Thứ tội nghiệp đàn bà hay có một cách vô lý.

- Cái ảo ảnh đó như thế nào?

- Tôi không rõ. Tôi thấy mình không thay đổi nhưng Chyrel thì nghĩ rằng tôi có nhiều đổi thay.

- Rất tiêu biểu. Mình chẳng bao giờ thấy mình thay đổi chỉ vì sự thay đổi ấy có cùng một vận tốc thời gian với đời sống của mình.

Tôi hơi mỉa mai khi nói câu trên.

Ảo ảnh tình yêu là điều tôi vẫn sợ. Tôi yêu Trụ hay tôi yêu sự có. Trụ yêu tôi hay Trụ yêu sự có tôi? Những dư thừa. Đã gọi dư thừa, tất nhiên là không cần thiết. Những cái có chỉ để có chứ không để lấp cái thiếu. Những câu hỏi không cần thiết. Những câu trả lời mứa ngang. Ừ thì tôi vẫn đi tìm, hay tôi vẫn sẵn sàng, sống chết cho một tình cảm.. Thứ tình yêu không bao giờ có được, trong đời. Định mệnh khắt khe, đem điều mình cần cho người không cần và ngược lại. Cũng có thể, những gì tôi mong mỏi quá mức lại là những gì chính tôi không muốn có, sợ có.

- Thường thì người ta yêu nhau qua ảo ảnh. Rồi đối diện thực tế. Qua được thực tế, đấy mới là tình yêu chân thật. Tôi và Chyrel vấp ngã nơi thực tế.

Mi mắt Melvil chớp nặng ở cuối câu. Tôi nhìn trộm sống mũi cao, đầu mũi nhỏ. Tôi nhìn lén hàng mi dày cong. Tôi thập thò liếc bờ môi hồng mỏng mấy cái răng cửa đều đặn thẳng.

- Xin lỗi.

Melvil ngẩng nhìn.

- Đời là thế.

- Rồi anh sẽ yêu người khác.

- Hơi khó.

- Hơi khó nhưng theo với thời gian thì lại không khó chút nào, một khi anh gặp đúng người.

- Cảm ơn. Tôi nghe lời an ủi như thế này cũng đã nhiều.

Melvil nheo nheo mắt. Tôi nói.

- Tất nhiên. Tôi chỉ nói những gì sực đến trong đầu, hay đúng hơn, lặp lại những gì bạn bè an ủi tôi.

Melvil và tôi cùng bật cười. Tôi tiếp.

- Mặc dù họ nói đúng nhưng tôi vẫn không thích những an ủi vỗ về kiểu này, anh biết không?

Tất nhiên Trụ biết tôi không cần lời hứa hão nhưng Trụ vẫn nói, như những lời khuyên không hỏi mà vẫn đưa ra của mọi người chung quanh. Tình yêu không bày đầy rẫy ở hàng quán chợ chiều. Tình yêu rất thiên vị nên ban phát không đồng đều. Kẻ có ít, người thừa mứa. Người không có gì hết, như tôi, ngồi đây chiều phi trường. Không biết tôi nhớ ai. Không biết tôi có ai để nhớ. Không biết Trụ có nhớ tôi?

- Người ta hay nói, tình yêu đến vào lúc ít ngờ nhất.

Tôi cười.

- Tôi vẫn đợi mãi, khi nào thì câu nói ấy thành sự thật.

Melvil cười theo.

- Cô càng đợi nó càng không đến.

Tôi nhún vai.

- Biết làm thế nào hơn? Lúc này bỗng dưng tôi sống thanh thản từ tốn dù biết rằng thật sự ra mình cũng chẳng còn bao thời gian. Nhưng có gì để vội? Đã đến lúc, những thay đổi bất chợt không phải lúc nào cũng là những thay đổi tốt. Tôi tập nhận chân điều gì mình có, đã có. Phải tập. Vì có những thứ hạnh phúc mình đã xem thường. Và

cũng có những thứ tình cảm cần phải bỏ đi, vất đi, cất vào ngăn kéo, hộc tủ. Những gì sẽ có, hay đúng hơn muốn có, không còn là bận tâm. Những gì làm được thì cứ làm và nên làm. Những gì không làm được nhưng bắt buộc phải làm thì cố gắng tận dụng khả năng của mình. Sống từng ngày một với nhiệt tâm thành khẩn, nếu được.

Rồi cười một mình như tự chế giễu.

- Nói dễ hơn làm. Nhiều. Rất nhiều. Nói như thể đấy là khái niệm đời sống của tôi. Một thứ lý thuyết để tụng niệm hơn là để thực hành. Trở lại vấn đề, thật ra, tôi không thích mỗi khi có người đưa ra lời khuyên ý kiến việc tôi nên sống ra sao với phần đời còn lại của mình.

Melvil nghiêng đầu nhìn tôi.

- Vậy, cô muốn sống ra sao?

Bất chợt tôi không trả lời được một câu hỏi giản dị không gây chút khó chịu nào cả.

- Tôi không biết.

Có những điều em không biết, không muốn biết, về Trụ, để có được nỗi thanh thản trong em mỗi khi nghĩ về Trụ. Có lúc, càng biết về Trụ, em càng thất vọng, thể như cái ảo tưởng về Trụ dần nhạt và thay thế vào đấy là một Trụ quá hiển nhiên. Có lúc, càng biết nhiều hơn, em càng yêu Trụ hơn. Cũng có lúc em lẳng lặng buồn, rồi buồn hơn. Có lúc em nghĩ tình yêu này không thật, phần em. Có lúc em eo sèo với mình. Có lúc em giận Trụ vô cớ. Tất cả, chỉ ở trong em. Vui hơn, buồn hơn, thất vọng hơn nhưng vẫn nhiều mơ màng. Trong em, không có cảm xúc nào đứng yên một chỗ, trong một lúc lâu.

Tôi uống nốt phần còn lại trong ly mình. Rồi gom túi hành lý, đeo ví lên vai, sửa soạn rời ghế, mắt liếc nhanh đồng hồ.

- Sắp đến giờ.

Melvil cũng đưa tay nhìn đồng hồ rồi nốc cạn chai bia đứng lên.

- Thôi đi.

Tôi quên mất cả hai cùng một chuyến bay. Nhưng tôi và Melvil ngồi cách nhau mấy hàng ghế. Bỏ bữa ăn tôi ngồi gát chân lên túi xách nhỏ dưới gầm ghế trước cố tìm một thế thoải mái loay hoay dưới tấm chăn mỏng rồi ngủ thiếp đi. Hai ly vang đỏ cũng có ích.

Khi tôi mở mắt, Melvil ngồi cạnh đang chăm chú vào màn ảnh vi tính xách tay. Không nhìn tôi, Melvil nói.

- Cô ngái to khiến tôi không ngủ được.

Tôi hứ một tiếng bất bình. Melvil cười.

- Tôi chỉ đùa!

Giữa khuya tôi xuống nhà bếp tìm nước uống. Khi trở vào, bất chợt đứng ở hành lang tôi nghiêng đầu nhìn vào phòng. Dáng Trụ nằm lẫn với mền gối và bóng tối. Tôi đứng khá lâu. Nhìn con cá xấu xí trong hồ. Nghe tiếng ho của Trụ. Nghe tiếng nước chảy róc rách qua máy lọc nơi hồ có con cá xấu xí nằm lặng lờ dưới đáy. Nghe tiếng máy sưởi lục đục chạy ầm ì. Nghe tiếng gió rít nơi ống khói lò sưởi. Nghe tiếng xe văng vẳng vụt ngang, thật xa. Nghe đủ mọi thứ tiếng động. Không biết tôi có giống con cá xấu xí lặng lờ kia không. Tôi đứng đến lạnh cả vai rồi mới vào phòng, nhẹ giở mền chui vào. Trụ quay sang choàng tay ôm hỏi. Đi đâu vậy? Uống nước. Em đi uống nước.

Hình như đọc được ý nghĩ của tôi, Melvil nói.

- Tôi cũng đang tìm cách rứt.

Tôi liếc nhẹ Melvil.

- Về chỗ đi chứ.

- Về làm gì? Tôi đổi chỗ nãy giờ. Máy bay vắng có ai đòi lại chỗ mà cô bắt tôi đi?

Tôi thở ra. Melvil cười.

- Thấy cô ngủ ngon tôi cũng phát thèm. Nhưng đừng lo, tôi chỉ ngồi đây cho có bạn. Sắp đến nơi rồi. Tôi không theo về tận nhà đâu mà sợ.

Quả thật, tôi đang loay hoay nghĩ cách rứt Melvil. Đến nỗi tôi ngủ mà hắn còn mò ngồi cạnh thì lo ngại cũng thỏa đáng. Nhưng chuyến bay đêm trễ tràng này đâu có bao người. Cả mấy dãy ghế trống, có người nằm dài thoải mái.

Tôi đứng dậy, Melvil ra khỏi ghế nhường chỗ. Ánh đèn trắng trong phòng vệ sinh trên máy bay là thứ ánh sáng trần trụi thô lỗ đến nỗi tôi tránh không nhìn mình trong gương quá lâu. Tôi đánh răng rửa mặt rồi bới tóc lên nhưng lục tận đáy ví vẫn không tìm ra chiếc kẹp phòng hờ khi cần. Xỏa xuống thì những sợi tóc to dầy quăn quíu bất lịch sự khiến tôi khó chịu. Gần như đổ mọi thứ trong ví ra trên nắp cầu, tìm được sợi dây cột tóc bọc vải màu xanh dương không còn co giãn nữa, tôi buộc tóc đuôi ngựa rồi đi ra. Melvil đứng lên nhường chỗ cho tôi vào ghế. Bên ngoài, vẫn chưa sáng.

*

Trụ gặp tôi nửa đường đến khu lấy hành lý. Ôm vai Trụ, tôi



THU TỨ

Thơ võ

Có người làm thơ như múa võ
Bái tổ, xuống tấn, vận nội công, tay vung chân múa,
cân đối, nhịp nhàng, đỉnh đạc, ung dung, tiết chế...
Đẹp..., cách quân tử, lề mề, lễ mễ,
vì đòn ra có nhằm đánh ai đâu
Đánh nhau thật, dễ loạn xà ngầu, bài bản tuyệt diệu thế nào,
chiêu thức kỳ ảo ra sao, biến hóa mãi
cũng thành võ... cào cào, châu chấu.
Phiền nhỉ
Cũng tại anh, cứ hay sinh sự,
thích choảng nhau với những cái ý của mình

THU TỨ

thoáng thấy Melvil đứng đàng xa gật đầu cười nhẹ. Tôi đưa một tay như vẫy, mấy ngón mấp máy. Khi tôi hôn nhẹ vành tai trái của Trụ, mắt thoáng nhắm vừa kịp thấy Melvil quay lưng đi, túi hành lý kéo lê, vai kia quàng giây bao máy tính.

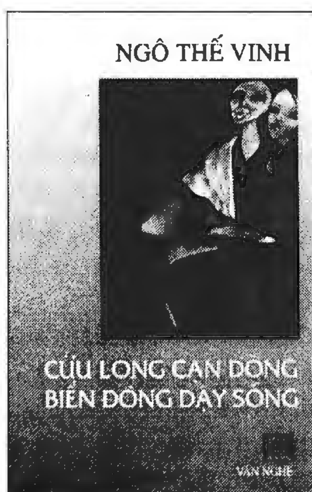
Đã nói, một chỗ tạm. Hết lễ thì về.

NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG



NGUYỄN MẠNH TRINH nói chuyện với

nhà văn Ngô Thế Vinh về tác phẩm Cửu Long cạn dòng biển đông dậy sóng



NMT: _ *Nhà Xuất Bản Văn Nghệ vừa cho phát hành một tác phẩm mới của anh, xin anh cho biết một vài chi tiết về cuốn sách?*

NTV_ Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng là tiêu đề của một chương sách được chọn làm tên của tác phẩm cũng là 2 chủ đề chính của cuốn sách. Sách dày 648 trang với bản đồ và hình ảnh và là một dữ kiện tiểu thuyết hay tiểu thuyết tư liệu.

NMT_ *Theo lời dẫn nhập Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng là một dữ kiện tiểu thuyết, danh xưng này có vẻ lạ xin anh giải thích.*

NTV_ Tiểu thuyết được định nghĩa như sản phẩm của tưởng tượng nhưng ở chừng mực nào đó vẫn phản ánh thực tại cuộc sống. Trong dữ kiện tiểu thuyết tuy phần hư cấu chiếm một tỷ lệ thứ yếu nhưng không thể thiếu để chuyên chở những sự kiện đầy ắp từ cuộc sống mà người viết muốn đưa vào tác phẩm bằng không thì cuốn sách trở thành 1 tài liệu biên khảo.

Faction là một từ nghe có vẻ lạ nhưng không hoàn toàn mới, là một thuật ngữ ngắn gọn và ý nghĩa cô đọng trong tiếng Anh gồm kết hợp hai chữ *fact & fiction.*

Faction có thể tạm dịch là dữ kiện tiểu thuyết hay tiểu thuyết tư liệu (1) là một thể loại văn học hay phim ảnh vận dụng người thật, việc thật mà cứ như là hư cấu; hay nói một cách khác là dùng người thật, việc thật như thành tố thiết yếu trong việc hình thành tác phẩm dưới dạng tiểu thuyết; (2) công trình văn học hay điện ảnh trong đó là một trộn lẫn dữ kiện và hư cấu. *

Là kỹ thuật viết đã được các tác giả vận dụng từ bao thập niên rồi. Điển hình như James A. Michener **, tiểu thuyết gia Mỹ đã thể hiện kỹ thuật viết này qua nhiều tác phẩm đồ sộ như *Hawaii, Texas, Alaska, Mexico, Caribbean, ...* đầy ắp những tư liệu về lịch sử địa lý và nhân văn như kết quả của những nỗ lực bền bỉ tra cứu và khai quật, chỉ có phần hư cấu là nhân vật dẫn dắt người đọc qua xuyên suốt của tác phẩm! Nếu có dịp lên Alaska, anh có thể tới thăm một căn nhà nhỏ bình dị như mọi căn nhà khác nhưng đã trở thành một tụ điểm du lịch vì đó là nơi Michener đã tới để sống và viết tác phẩm đồ sộ về lịch sử Alaska từ thời hoang sơ tới hiện đại - như một tiểu thuyết tư liệu...

NMT_ Trong các tác phẩm đã xuất bản như "Vòng Đai Xanh", "Mặt Trận Ở Sài Gòn" cũng có rất nhiều dữ kiện lấy ra ở đời sống hiện thực ngoài đời, theo anh có sự khác biệt nào với tác phẩm "Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng"?

NTV_ Khởi đi từ mối quan tâm: "môi sinh và phát triển" lưu vực Sông Mekong và Đồng Bằng Sông Cửu Long, tôi có ý định viết một cuốn sách, tôi cũng lại đứng trước lựa chọn như khi viết cuốn Vòng Đai Xanh liên quan tới vấn đề Người Thượng và Cao nguyên, thay vì là một tài liệu biên khảo khô khan tôi đã chọn hình thức dữ kiện tiểu thuyết. Tôi cũng đã dành khá nhiều thời gian và công sức để hoàn thành cuốn sách. Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng có khác với những cuốn sách trước là phần tư liệu thì đầy ắp trong khi hư cấu chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ.

NMT_ *Nếu tiểu thuyết mà chứa đựng quá nhiều dữ kiện và chi tiết, lại thêm không phải chỉ là câu chuyện của một dòng sông mà thôi mà còn rất đa diện liên quan tới nhiều lãnh vực khác nhau, theo anh như vậy có thể làm cuốn sách quá khô khan và ít hấp dẫn, anh làm thế nào để tránh vấn nạn này?*

NTV_ Sau những giờ làm việc đã thật mỏi mệt cần tìm đọc một cuốn tiểu thuyết với những tình tiết éo le và hấp dẫn để giải trí thì Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng không đáp ứng được nhu cầu của đối tượng độc giả ấy. Ngay từ các bước đầu khởi sự viết cuốn sách tôi đã không có chủ định hình thành một tác phẩm như vậy.

NMT_ Ô nhiễm môi sinh là đề tài quen thuộc với cả thế giới chứ không phải riêng với người Việt Nam, lựa chọn đề tài này anh có sợ sẽ lập lại những điều mà nhiều người đã đề cập đến?

NTV_ Chống ô nhiễm bảo vệ môi trường là đề tài quen thuộc được nhắc tới càng ngày càng nhiều hơn trong suốt nửa thế kỷ qua *"như những khẩu hiệu"* nhưng thực tế hành động thì quá ít và hậu quả là sự suy thoái toàn hệ sinh thái của hành tinh này phần lớn do chính con người gây ra chứ không phải do thiên tai. Không bao giờ có vấn đề ô nhiễm môi sinh cho riêng Việt Nam hay Trung Quốc trong thế kỷ toàn cầu hóa này. Khói thải từ những nhà máy chạy than cũ kỹ ở Hoa Nam không chỉ đầu độc buồng phổi của người dân Trung Quốc mà tác hại trên cư dân của toàn vùng Đông Nam Á. Chắc anh không quên vụ cháy rừng ở đảo quốc Nam Dương nhưng khói và tro than lại đổ xuống mãi tận các xứ Mã Lai và Singapore... Như vậy ô nhiễm bầu khí quyển, ô nhiễm nguồn nước là vấn đề của toàn vùng toàn cầu chứ không có ranh giới cho một một quốc gia riêng lẻ nào. Do đó mà trong [Ngày Nước Thế Giới_ World Water Day 22- 03- 1999] chủ đề đưa ra rất ý nghĩa là "Mọi Người Đều Sống Ở Dưới Nguồn_ *Everybody Lives Downstream*", điều này hoàn toàn đúng đối với con Sông Mekong vốn là một con sông quốc tế chảy qua 7 quốc gia trong đó có Việt Nam ở cuối nguồn. Không một quốc gia riêng rẽ nào có khả năng bảo vệ chỉ riêng khúc sông chảy qua lãnh thổ của mình nếu không có được "Một Tinh Thần Sông Mekong_ *The Mekong Spirit*" nghĩa là một tinh thần hợp tác và trách nhiệm cho phúc lợi chung trong kế hoạch khai thác hài hòa và phát triển bền vững nguồn nước nguồn tài nguyên của con Sông Mekong như một toàn thể.

NMT_ *Có người thắc mắc, trong khi lũ lụt hoành hành như thế này mà bảo Sông Cửu Long cạn dòng có phải đó là sự nghịch lý không?*

NTV_ Có vẻ nghịch lý là do thời điểm ra mắt cuốn sách. Tôi cũng được nghe kể lại là có vị tu sĩ đang lo việc cứu trợ chỉ mới nghe

tên cuốn sách đã phát biểu: " Đang lũ lụt ngập trời với nhà trôi người chết mà nói Sông Cửu Long cạn dòng là thế nào?" Câu hỏi của anh và sự ngạc nhiên của một số người càng khiến tôi thêm băn khoăn. Lũ lụt và hạn hán như hai hiện tượng đối nghịch xảy ra theo chu kỳ hàng *năm "với mức độ càng ngày càng trầm trọng hơn"* vẫn được người dân coi như là "thiên tai" nhưng thực chất là do chính con người tự gây ra. Do những phá hủy hệ sinh thái vốn phức tạp và cũng hết sức mong manh của con Sông Mekong; bao gồm những tai ương từ thượng nguồn như: (1) xây các đập thủy điện chặn nước đổi dòng sông Mekong (đáng kể nhất là chuỗi những con đập bậc thềm khổng lồ Vân Nam), (2) phá hủy tự sát những khu rừng mưa (vốn có tác dụng giữ nước và điều hòa lưu lượng dòng sông trong 2 mùa khô lũ), (3) phá những khối đá khai thông lòng sông (để mở thủy lộ từ Vân Nam xuống tận Nam Lào), (4) các đập thủy điện đưa tới điện khí hóa, kỹ nghệ hóa và cả đô thị hóa, trút đổ chất phế thải xuống sông. Cộng thêm với những sai lầm thủy lợi nơi hạ nguồn, như ngay tại Đồng Bằng Sông Cửu Long với hậu quả nhãn tiền là: lụt sẽ rất lớn ngay mùa mưa (như hiện nay), hạn hán sẽ gay gắt hơn trong mùa khô, nước sông ngày càng ô nhiễm và thêm nạn ngập mặn càng ngày càng vào sâu trong đất liền.

Bảo rằng lạc quan hay bi quan, cả hai đều mang hình ảnh những con đà điểu trước nguy cơ chỉ biết rúc đầu xuống cát.

NMT_ *Trong tác phẩm có nhiều đoạn ký ghi chép lại những cuộc du khảo hoặc quan sát thực địa rất hay. Anh đã trải qua bao nhiêu ngày để có những đoạn ký như vậy?*

NTV_ Tôi vẫn giữ thói quen hồi làm báo sinh viên, thường là "mở một hồ sơ" về nơi dự định tới nên biết trước sẽ tìm kiếm gì ở chuyến đi đó, dĩ nhiên chuyến đi nào thì cũng có những tình cờ thú vị không hề được biết trước. Như mới đây trong một chuyến về thăm miệt Hậu Giang Châu Đốc khi tới thăm ngôi làng Đa Phước gặp những "Người Chà Châu Giang" _ thực sự họ không phải là người Mã Lai như người dân địa phương vẫn nghĩ nhưng họ là những người Chăm sống sót chạy thoát từ vương quốc Champa tiêu vong, họ cũng còn là hậu duệ của đội quân Côn Man có công lớn giúp Thoại Ngọc Hầu điều động đám sưu dân Khmer ngày đêm đào xong con Kinh Vĩnh Tế dài ngót 100km ra tới Hà Tiên và sau đó được triều đình Huế đền công cho lập 7 làng ở Châu Đốc còn tồn tại tới ngày nay. Tôi đã không tới đó như một du khách, mà là một "field- trip", một chuyến trở về với cảnh với người để tìm lại tìm lại khoảng thời gian đã mất... Trao đổi trò

chuyện với người lái đò đưa chúng tôi từ thành phố Châu Đốc sang bên Cồn Tơ Lụa, chắc hẳn sau đó anh ta đã có cái nhìn khác hơn với những "Người Chà" nơi ngôi làng Đa Phước ấy.

NMT_ *Anh có nghĩ rằng thêm một người đọc là thêm một người hiểu rõ để hưởng ứng tham gia "Cứu lấy Dòng Sông" và anh có dự trù phương cách để phổ biến tác phẩm này một cách rộng rãi?*

NTV_ Trước khi là một cuốn sách hoàn chỉnh, đã có một số chương được đăng tải trên các tập san như Đi Tới , Văn Học, Thế Kỷ 21... tôi cũng đã nhận được một số *feedback* từ bạn đọc và bằng hữu. Trong một chuyến đi Hoa Thịnh Đốn hồi tháng 7 mới đây, tôi được giới thiệu với một người chưa bao giờ quen, anh có đọc mấy bài viết của tôi về con Sông Mekong đăng trên TK 21, trước đó anh vẫn tưởng rằng tôi là chuyên viên làm cho World Bank chứ không phải thuộc ngành y. Nói chung, thì số người đọc các bài viết của tôi không nhiều nhưng họ lại là những người rất nhậy cảm và cùng chia xẻ với các vấn đề tôi nêu ra. Tôi rất mong có thêm nhiều độc giả như vậy nhất là các bạn trẻ đối với cuốn sách vừa hoàn tất. Sự hiểu biết và mối quan tâm của nhiều người sẽ dẫn tới hành động hưởng ứng "Cứu lấy Dòng Sông". Anh hỏi có phương cách để phổ biến tác phẩm này một cách rộng rãi thì theo tôi với các bài điểm sách trên các báo, trên đài phát thanh, cả các bài trên các trang lưới *Internet* cũng như cuộc nói chuyện với anh đây, tất cả đều có tác dụng đưa cuốn sách tới người đọc. Nếu có thêm các buổi ra mắt sách cũng là hình thức giới thiệu rất tốt.

NMT_ *Tại sao những người trong chánh quyền Cộng Sản Việt Nam lại coi thường sự nhiễm mặn của Đồng Bằng Sông Cửu Long? Trong Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng, anh có vẻ kỳ vọng nhiều đến những người sống ở hải ngoại trong việc giải quyết vấn nạn này? Anh không hy vọng ở những người trong nước sao?*

NTV_ Tôi không nghĩ là những người lãnh đạo có trách nhiệm ở trong nước lại không biết đến những tai ương đang xảy ra nơi Đồng bằng Sông Cửu Long trong đó có nạn ngập mặn càng ngày càng vào sâu trong đất liền. Chỉ có điều cách nhìn và tầm nhìn của họ xa được tới đâu trong thời kỳ được mệnh danh là Đổi Mới này. Họ đang vội vã *chọn những bước phát triển không bền vững bằng cái giá môi sinh phải trả di lụy cho các thế hệ về sau này.* Đối với họ khi đứng trước

những nhu cầu cấp thiết của cái ăn cái mặc thì bảo vệ môi sinh là chuyện quá xa vời. *"Chưa thấy quan tài chưa đổ lệ"* câu nói bình dân ấy phản ánh tầm nhìn của những người lãnh đạo trong nước.

Nói tới bảo vệ môi sinh thì không có phân biệt người Việt ở hải ngoại hay người Việt ở trong nước. Mỗi người từ vị trí sinh hoạt của mình, với cảnh giác và ý thức, bằng những con đường và phương tiện khác nhau nhưng cùng nhìn về một hướng là *"bảo vệ môi trường sống"* trong các bước phát triển bền vững và hài hòa. Bảo vệ môi sinh không phải là một khẩu hiệu vô hồn, một thứ *cliché* đã mòn cũ mà luôn luôn có một nội dung mới và tích cực khi bước sang thế kỷ toàn cầu hóa này. Một ví dụ, cây cầu Mỹ Thuận ngay sau khánh thành 05 - 2000, đã trở thành một tụ điểm du lịch và trong nhiều ngày là một bãi rác, đó là những đống rác thấy được trên sàn cầu nhưng còn bao nhiêu đống rác khổng lồ: chất thải kỹ nghệ và tiện dụng gia cư đổ xuống từ Vân Nam và suốt dọc con Sông Mekong? Bãi rác cầu Mỹ Thuận chỉ là một ví dụ rất nhỏ của *tầm nhìn mắt chim* khiến chúng ta phải có một cái nhìn toàn cảnh với *tầm nhìn vệ tinh* về môi trường sống đang suy thoái rất nhanh không chỉ ở Việt Nam mà là toàn lưu vực Sông Mekong.

NMT_ *Trong những nhân vật của tác phẩm có mường tượng phảng phất khuôn dáng có thực ở ngoài đời, có phải đó là chủ tâm của anh?*

NTV_ Nếu như các nhân vật trong Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng *như những nhà hoạt động bảo vệ môi sinh* mà lại phảng phất giống như mẫu người thật ngoài đời thì đó chẳng là dấu hiệu đáng mừng hay sao? Những nhân vật ấy không hoàn toàn hư cấu, họ là những chuyên viên khoa học kỹ thuật trong Nhóm Bạn Cửu Long, những thành viên của Diễn-Đàn Sông Mekong _ Mekong Forum, các chuyên gia độc lập ở khắp các quốc gia trên thế giới thuộc mọi lứa tuổi không thiếu người đã bước qua khá xa cái tuổi "thất thập cổ lai hy" đã từng là chuyên viên cao cấp của các tổ chức quốc tế như Liên Hiệp Quốc cho dù đã nghỉ hưu_ họ là những người rất sớm và bền bỉ không ngừng quan tâm tới vấn đề môi sinh, tới hệ sinh thái của con Sông Mekong trong một cái nhìn địa dư chánh trị_ *geopolitics*, của toàn vùng với 7 quốc gia dọc theo hai bên bờ con Sông Mekong ra tới Biển Đông. Họ sẽ là *"chất xám"* là bộ tham mưu _ một *"think tank"* cho nỗ lực bảo vệ môi sinh và phát triển bền vững của Việt Nam trong hiện tại và tương lai.

NMT_ *Mở ngoặc về nhân vật bí thư huyện ủy Mười Nhe (Ch. XV, tr. 194 - 197) có phải anh muốn xây dựng một nhân vật phản diện để làm nổi bật những nhân vật ở hải ngoại?*

NTV_ Anh có khuynh hướng đối chọi một Việt Nam bên trong và bên ngoài. Chúng ta cũng không thiếu những nhân vật phản diện cả ở hải ngoại. Mười Nhe không phải "được xây dựng như một nhân vật phản diện để làm nổi bật những nhân vật hải ngoại" như anh nghĩ đâu. Nhưng anh ta là một *"nhân vật điển hình"* khá phổ biến ở Việt Nam hiện nay. Mười Nhe không ở trong số những "Ông Tư Bản Đỏ" nghĩa là thoái hóa và tham nhũng. Mười Nhe là hình ảnh hiếm hoi của những người Cộng Sản chân chính còn vương sót lại, từng gian khổ hy sinh và cả bị thương hư một mắt trong kháng chiến, nay làm huyện ủy Tam Nông rất đỗi yêu thương quê hương Đồng Tháp. Môi sinh đối với Mười Nhe là cái môi trường sống sao cho "dễ thở" đối với bà con. Cứu cánh ấy đã biện minh cho mọi phương tiện hiện đại được đem ra áp dụng "đại trà" cho khắp vùng Tam Nông: phá rừng tràm với cả máy cưa, đánh cá không phải chỉ có lưới mà cả với chất nổ và điện xoẹt, săn chim không chỉ có bẫy mà còn đủ loại súng với đạn ghém và cả ống nhắm. Chính sách *"làm nhanh ăn mau"* của Mười Nhe đã khiến cho cảnh quan Tam Nông thay đổi từng ngày, rừng tràm khuyết từng mảng, cá tôm bất kể lớn bé bị giết hàng loạt nổi phều, chim thường hay hiếm quý đều giống nhau bị lùng săn như những con thịt. Nói tóm lại chỉ trong một "kế hoạch ngũ niên tự phát" Mười Nhe không những đem lại cho bà con một đời sống dễ thở mà còn rất sung túc và cả hy vọng mau giàu nữa. Mười Nhe đã đạt thành tích kỷ lục về những con số: dân số tăng khủng khiếp gấp đôi, diện tích rừng tràm chỉ còn một phần ba, trong tràm chim chỉ riêng loài hạc con số trước đây lên tới cả ngàn nay chỉ còn khoảng dưới 500 con. Nhưng dưới mắt người nông dân nghèo thì "đồng chí" Mười Nhe đã có công rất lớn biến vùng đệm ngập nước quanh Tam Nông mau chóng thành một quận huyện đi lên cảnh trù phú...

Nhưng với cái giá rất mắc phải trả mà Mười Nhe không thấy: là đã hủy hoại vĩnh viễn cả một vùng đầm lầy và tràm chim vốn là một kho tàng sinh học phong phú, cái nôi của chu kỳ sinh sản và tăng trưởng cho rất nhiều giống chim cá, các loài nhuyễn thể và vô số những sinh vật khác và cũng là trung tâm điều hòa nước cho toàn vùng trong cả hai mùa khô lũ.

Như anh thấy, Mười Nhe là một điển hình của cả một chính sách mệnh danh là "Đổi Mới" từ trên cao xuống tới hạ tầng cốt sao "làm ăn

nhanh, thu hoạch nhanh, và làm giàu nhanh_ ngay cả trong lãnh vực nghiên cứu khoa học" bất kể hậu quả sẽ ra sao đối với nguồn tài nguyên của đất nước tương lai.

NMT_ *Nguyên do những vấn nạn từ ô nhiễm môi sinh, đến ma túy ở lưu vực Sông Mekong, đến nhiễm mặn cùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, rồi tranh giành đảo dầu ở Biển Đông là do chánh quyền các nước chỉ để ý tới quyền lợi cục bộ trước mắt mà quên đi những thảm họa lớn trong tương lai, có phải?*

NTV_ Nguồn tài nguyên của con Sông Mekong và ngoài Biển Đông không hoàn toàn của riêng một nước nào, ai cũng hiểu như vậy nhưng với nước lớn Trung Quốc như một siêu cường thay vì hành sử một cách có trách nhiệm thì lại muốn ôm trọn hết cho riêng mình. Các nước nhỏ còn lại thì cũng không hơn gì nghĩa là chia rẽ, tìm những bước phát triển riêng lẻ bằng hình thức *cạnh tranh triệt tiêu lẫn nhau_ Zero Sum Competition.* Đã không có một *Tinh Thần Sông Mekong,* một *Tinh Thần Á Châu Thái Bình Dương,* mà chỉ có khủng hoảng lòng tin cậy đưa tới những cuộc chạy đua võ trang bằng những đồng tiền phúc lợi vốn đã mỏng manh trên đầu mỗi người dân trong vùng. Bước phát triển đạt được của mỗi nước thì không bền vững, đưa tới cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi sinh, lại đang có cả nguy cơ nổ ra một chiến tranh vùng_ một trận *Armageddon Đông Phương.*

NMT_ Có người cho rằng nguyên nhân sâu xa là sự hiện hữu của các chánh quyền độc tài không tôn trọng nhân quyền và sự thay đổi các thể chế thành dân chủ thực sự mới là cách giải quyết hoàn thiện? Nhưng có lẽ, với tình thế này rất khó để thực hiện?

NTV_ Nhìn vào các quốc gia trong lưu vực Sông Mekong từ Trung Quốc xuống tới Miến Điện, Thái Lan, Lào, Cam Bốt và Việt Nam cho dù mang những tên gọi khác nhau nhưng đó vẫn là những đất nước không có dân chủ, vẫn là những *"xã hội hình tháp_ social pyramid"* nói theo ngôn từ của nhà xã hội học Miến Kyaw Nyein, với đỉnh tháp là thiểu số thống trị và dưới đáy vẫn là đa số những người dân nghèo khổ bị khai thác và bóc lột. Trong lời kết cho cuốn sách tôi có viết: [Và hiển nhiên không có giải pháp đơn lẻ cho vấn đề môi sinh mà phải là bước chuyển hóa cơ bản và đồng bộ của các hệ thống xã hội từ "Toàn Trị" tiến lên "Dân Chủ". Có dân chủ là có cơ hội mở mang dân trí và chính cư dân sống hai bên bờ sông Mekong sẽ có ý

thức và tiếng nói bảo vệ dòng sông như là mạch sống của chính mình] (tr 606). Cơ hội đồng đều trong đó có quyền được uống một ngụm nước trong lành, được hít thở một bầu không khí tinh khiết và có tự do đó chính là "nhân quyền" chỉ có được trong một đất nước dân chủ.

NMT_ *Trung Quốc như một người điếc không thèm nghe các lời kêu gọi của lân bang cũng như các hội nghị chuyên ngành về dòng sông. Theo anh làm thế nào để buộc họ phải quan tâm tới quyền lợi của các quốc gia liên hệ?*

NTV_ Bước ra từ những tháng năm bị liệt cường Tây Phương sâu xé với hòa ước Nam Kinh được xem như "nỗi ô nhục quốc gia", Trung Quốc đang mau chóng vươn lên như một siêu cường; họ rất sáng suốt và ý thức được những điều họ đang làm và cần làm đối với nguồn nước của con Sông Mekong, đối với kho dầu khí chiến lược của khu vực Biển Đông.

NMT_ *Các hội nghị về Sông Mekong của các quốc gia liên hệ và của cả Liên Hiệp Quốc có giúp ích gì trong vấn nạn kể trên?*

*NTV_* Hàng năm vẫn có những hội nghị như vậy của Ủy Ban Sông Mekong (Mekong River Committee) trước đây và nay là Ủy Hội Sông Mekong (Mekong River Commission). Bắc Kinh thì vẫn cứ bưng bít mọi thông tin và ráo riết xây chuỗi những con đập bậc thềm khổng lồ Vân Nam _ Mekong Cascades, bất chấp hậu quả ra sao đối với các quốc gia dưới nguồn. Từ 1995, Bắc Kinh đã dứt khoát từ chối gia nhập Ủy Hội Sông Mekong để tự do hành động mà không phải chịu sự ràng buộc nào và cũng chẳng hề quan tâm tới nỗi lo âu của các nước láng giềng. Nếu phải lên tiếng thì Bắc Kinh "chỉ rêu rao những những điều lợi lộc" của các con đập. Thêm bao nhiêu hội nghị đi nữa thì cũng sẽ không đi tới đâu nếu không có sự hiện diện và tham gia hợp tác của Trung Quốc, một quốc gia trung tâm với nửa chiều dài con sông Mekong chảy trong lãnh thổ mình...

Riêng với chính quyền Hà Nội, cũng là lần đầu tiên sau bao nhiêu năm im tiếng, ngày 13 tháng 10 năm 2000, để trả lời cho một bài báo nhan đề "The Mekong Choke Point" đăng trên tờ Far Eastern Economic Review số tháng 10/12/2000 đề cập tới những con đập trên dòng chính sông Mekong tỉnh Vân Nam gây lo âu cho các quốc gia dưới nguồn, phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Việt Nam Phan Thúy Thanh đã kêu gọi Trung Quốc bảo đảm rằng các con đập của họ không

gây tổn hại môi sinh cho con Sông Mekong nơi hạ nguồn và phải duy trì sự bền vững của hệ sinh thái toàn con sông trong sự bình đẳng quyền lợi đối với mọi quốc gia trong lưu vực.

Trả lời của Bắc Kinh vẫn là im lặng và tiếp tục sự bưng bít. Đối với các chuyên gia am hiểu tình hình Châu Á, họ có nhận định là Trung Quốc chưa hề có một hồ sơ theo dõi tốt_ good track record trong *những công cuộc hợp tác đa phương mà điển hình là kế hoạch khai thác con sông Mekong.*

NMT_ *Anh có nghĩ tới một ấn bản chuyển ngữ tiếng Anh cho tác phẩm này để phổ biến đến thế giới hay ít ra tới 7 quốc gia trong lưu vực Sông Mekong?*

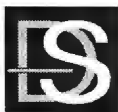
NTV_ Một ấn bản tiếng Anh, đó là điều tôi nghĩ tới và rất mong muốn nhưng có lẽ với nội dung cô đọng hơn và rút ngắn khoảng 300 trang. Thay cho tình trạng bưng bít phân hóa cục bộ giữa các quốc gia thuộc lưu vực Sông Mekong như hiện nay, thì thái độ cởi mở trao đổi thông tin trong sự tương kính và cảm thông sẽ đưa tới hợp tác và sự ganh đua sáng tạo. Đó chính là bước hình thành một *Tinh Thần Sông Mekong* hướng về những phúc lợi chung để cùng nhau khai thác một cách hài hòa tài nguyên phong phú của con sông Mekong về thủy điện, thủy lợi, ngư nghiệp, giao thông, cả về du lịch. Đó chính là những viên gạch đặt nền móng cho một nền *Văn Hóa Hòa Bình* của nhân loại bước vào thiên niên kỷ mới.

NMT_ *Anh có hy vọng nào cho một giải pháp "Cứu lấy dòng sông Cửu Long" cũng như anh có cần nói gì thêm với độc giả?*

NTV_ *"Extinction is forever, Endangered means we still have time" _Sea World San Diego.* Gửi tới anh và bạn đọc câu nói ý nghĩa ấy. Báo động dòng sông Mekong đang lâm nguy có nghĩa là chúng ta còn thời gian để cứu vãn. Nhưng tới giai đoạn toàn vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đã ô nhiễm đã hoàn toàn ngập mặn thì vĩnh viễn chẳng còn đâu một nền Văn Minh Miệt Vườn và cũng không còn đâu Vựa Lúa để nuôi sống ngót 100 triệu dân của cả nước.

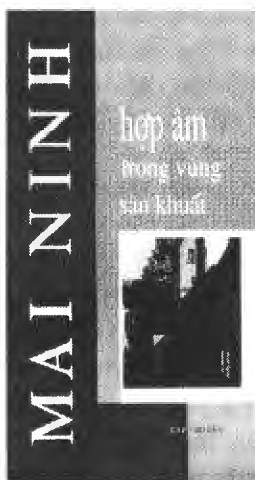
NGUYỄN MẠNH TRINH
11/2000

* Faction (1) a form of literature or film making that treats real people or events as if they were fictional or use real people or events as essential elements in an otherwise fictional rendition; (2) A literary work or film that is a mix of fact and fiction [Blended of fact and fiction]. *The American Heritage Dictionary of the English Language.*



NAM DAO

Đọc Hợp âm trong vùng sân khuất



....và hỏi Mai Ninh là ai ? Một nhà văn *nữ*. Quái, ai đem đèo chữ *nữ* vào ? À, có lẽ để gợi ý so sánh, nam với nam, nữ với nữ. Lý luận văn học : sự lẫn lộn phái tính trong phép đo thường dẫn đến những so sánh thô thiển, như giữa trái táo và con vịt, quả cam và chú thằn lằn, thiếu tính hàn lâm, phản khoa học (tự nhiên), không được chư thánh Lukacs, Barthe, Derrida (và những đấng khác như Nabokov, Kunderra, Steiner vv... ở cực lạc Tây Phương) chấp nhận, vì thế phải loại bỏ, thậm chí tiễu trừ để đưa văn học VN vào giai đoạn cực kỳ Hậu Hiện Đại không mặc cảm tự ti (với người) và tự tôn (với ta). Một giai đoạn Cộng Hòa Văn Chương, từ bỏ thứ văn nghệ «làng» và tâm lý «xã» («xệ», dĩ nhiên). Một giai đoạn văn không phải là văn «nghiệp dư « mà phải là văn nghiệp «thật» .

Văn phong nghiệp «thật» nghĩa là văn viết ra có thể kiếm ra đô-la để ăn, ngủ...thảnh thơi. Như thế phải chiều chủ các nhà xuất bản : đã có đầy đủ chỉ tiêu cho «sáng tác». Muốn in, truyện phải từ 250 đến 300 trang. Trong đó, một mối tình, tay ba càng tốt. Và phải có máu. Vì tình. Vì tiền, càng cụ thể. Sexe, cứ để khoảng 25 cho đến 30 % bản thảo. Sexe bạo, tối đa chừng 10%, còn lại phải uyển chuyển và «tình cảm «. Còn violence, OK, nhưng cũng đừng quá, 30 đến 40% là vừa. Chớ quên máu đỏ, nhưng quãng 5% thôi, làm quá mất lòng tin của bạn đọc.

Để hình thành nền Cộng Hòa văn học nghiệp «thật», tóm lại, phải lấy cái gốc Âu-Mỹ tiên tiến làm gốc, vận hành cho «dân chủ» và ứng xử theo cách của «con thỏ chạy sau củ cà-rốt». Phải quên đi, thậm chí phải khinh bỉ, những thứ văn chương viết bởi những kẻ không *sống* bằng ngòi bút của mình. Vì cứ thế thì chỉ có «chơi chơi», thiếu đứng đắn, mất đi tính thảm kịch của nhóm chữ «sống chết với nghề» nói nôm, nghe ra cho có tí Hán học , là Sinh Nghề Tử Ngiệp. Như thế, phải quên đi và khinh bỉ Tolstoi (ăn lương nhà vợ), Nabokov (ăn lương Đại Học), Proust (nhà giàu, ăn bám vào của cải cha mẹ để lại), Malraux (ăn lương của đám Gaullistes làm chính trị)...Rồi cả Cervantes, Diderot (xin tham khảo Encarta Encyclopedia, có version De Luxe càng tốt, nhỡ tôi sai thì sao) ...Và ở ta thì gần như phải quên và khinh bỉ tất cả, từ Nguyễn Du cho đến ...các văn hữu hiện cộng tác với Văn, Hợp Lưu, Văn Học...vì có ai trả nhuận bút cho đâu. Chết chưa, xin chớ lạc điệu. Xin chớ đặt ra vấn đề rồi lại quen miệng tung hô. Tung hô Thần, tung hô Thánh, tung hô khẩu hiệu, amen...như trong một vài thể điệu Phê Bình - Lý Luận Văn Học. Hãy trở lại với sáng tác. Với câu hỏi tí nữa lại quên:

Vậy Mai Ninh là ai ?

Bà cô tổ của tôi là Hồ xuân Hương. Thế thì Mai Ninh liệu kiếp trước có phải là bà ? Cô tổ tôi xưa mang cái dục tính thật tự nhiên ra ghẹo các «cụ», rằng quân tử có thương thì xin đừng mân mó nhựa ra tay, hiện thực và trực tiếp, không khoan nhượng, không rắc rối tâm tình tâm lý gì rốt. Còn Mai Ninh. Cũng gợi ra dục tính, nhưng khác. Thứ dục tính đã thăng hoa, giữa những người đàn bà, hơi bi kịch, chuyên chở đam mê như sóng ngầm vỡ trên vách đá. Trong Mây một ngày , Mai Ninh viết :

... Không khí hầm hập chùng nặng hơn như hơi thở Mây, trong khi tôi nghe rõ từng tiếng đập trong ngực mình. Cuối cùng Mây chọn ngón tay trỏ của tôi, vuốt ve quanh đầu ngón rồi cúi xuống cho vào miệng, đôi môi chụm lại, vẫn đầy nét như năm xưa... Vài sợi tóc mai vương vấn hai bên thái dương đập phập phồng, Mây mải mê chậm rãi đẩy lưỡi vẽ quanh ngón tay tôi những đường tròn âu yếm. Từ bụng Mây bốc lên một thứ mùi nồng ngái không định được, mùi cỏ, mùi xà phòng rẻ tiền, mùi mây tre hay của đất bùn nắng gió ngoại ô.

Không, Mai Ninh không phải là Hồ xuân Hương ! Hay Mai Ninh

kiếp trước là Bà huyện Thanh Quan ? Bà đường bệ, trang trọng và yêu nước yêu non, kết một bài thơ ta phải học thuộc lòng thì đau lòng gọi con quốc quốc, mỏi miệng kêu cái gia gia, ôi hai chữ quốc gia sao mà thiêng liêng đến bí ẩn kinh dị. Bà lại tả cảnh, lom khom dưới núi tiều vài chú, lác đác ven sông chợ mấy nhà. Ơ kìa, chợ mà, sao lại nhà. Chòi được, quán cũng được, nhưng nhà ? À, bà làm thơ có vần, nhà cho vần với cái gia gia của câu trên. Mai Ninh không làm thơ vần nhưng viết, trong *Vách mận trắng :*

...Thành phố này mọc từ biển lên núi, vừa nhấp nhô khép mình ẩn náu lại chĩa đứng sỗ sàng. Biển xanh dưới chân chừng hoang mang, cứ chực men lên, hớp lấy những màu tường hồng đủ gam đậm nhạt.

...Gần cửa sổ phòng khách, lung linh mặt bàn kính trong suốt trên chân sắt uốn xanh hồ thủy. Những khi nắng trưa rưng lên từ vách núi, cây cao ngoài vườn ngả lên đó tất cả hình hài. Hai chiếc ghế bành vàng anh đối mặt nhau trước lò sưởi gạch thẫm, vật duy nhất đậm màu trong không gian nhẹ nhàng với bàn tủ ghế giường bằng gỗ thông thanh nhạt.

Hay chưa, Mai Ninh viết như vẽ. Chữ nghĩa của Mai Ninh có những câu, những từ lạ. Mới và đẹp. Thành phố này *mọc từ biển lên núi.* Những khi nắng trưa *rưng* lên từ vách núi, chẳng hạn. Lại nhớ, một người bạn thơ có tiếng trong nước mới ghé thăm Québec đay «ngữ pháp (trong nước) khác, coi chừng sai ! «. Lại nghĩ, sai được như Mai Ninh thì thật tuyệt. Lại nhớ, Trần Dần tặng cho hai chữ «sổ bụi» ngày nào, bảo đẻ ra chữ mới rồi hoá kiếp nó vào ngôn ngữ dân gian là việc khó nhất của nhà thơ. Nhân đây, xin nhắc để tưởng niệm anh, Thi Sĩ.

Loay hoay mãi để chỉ nói, thế thì Mai Ninh không có thể là Bà huyện Thanh Quan kiếp trước.

Còn kiếp này ? Mai Ninh có thể là Phạm thị Hoài ? Không, nhà văn này, cũng nữ, nhưng khúc mắc, trí tuệ, có duyên. Duyên thì duyên, xin đừng vì thế mà những nhà văn nam mất cảnh giác, lạng chạng là có thể bị nàng mắng đấy. Hay Mai Ninh là Dương thu Hương ? Không, nhà văn này, cũng nữ, nhưng cương mãnh, nhiều lúc uy dũng đầy mình. Xin những nhà văn nam lần này cẩn thận hơn, vì chúng ta có

thể sợ gan nàng mà mất tiệt nam tính đấy. Thế là Mai Ninh khác, với cả hai nhà văn *nữ* tiếng tăm. Mai Ninh trầm hơn, dịu hơn. Thế giới trong truyện Mai Ninh có những bất toàn và mất mát khác, những đớn đau và hạnh phúc khác.

Viết về Hợp Âm trong vùng sân khuất, dĩ nhiên bởi là tôi trân trọng văn chương Mai Ninh trong tập truyện đầu tay này. Truyện ngắn Mai Ninh cấu trúc hay, đoạn nhập lúc nào cũng quyến rũ, nhân vật có nét. Đọc xong mỗi truyện, lắng xuống là dấu vết ngậm ngùi đến từ những cảnh đời, đời đàn bà, nhân vật ngôi thứ nhất. Đoạn kết của truyện gây cái cảm giác như Mai Ninh bắt buộc phải kết, nó lửng lơ cõi người, mang mang tuyệt vọng, và dự cảm thứ bi kịch không tránh được.

Chẳng hạn :

... Trước mắt tôi, muôn triệu cánh hoa lộng lên trong gió, cả vách mận trốc gốc quay cuồng với đất đá đang từ núi cao đổ sập xuống cõi trần, vùi phủ căn nhà tôi đã đến thuê. Không gian đêm đen bỗng trắng rưng huyền ảo...Tôi thả người rơi xuống, bập bềnh như mảnh thuyền vừa vỡ tan giữa sóng.

Hay là :

... Vẫn có điều kỳ diệu trên đời, tao tưởng sau đêm mưa, mày không đến nữa. Tôi sững sờ, đẩy Mây ra, nắm lấy hai bàn tay mềm nhưng ram ram vết cứa. Vẻ bàng bạc ngơ dại trong mắt đã bay đi, Mây nhìn suốt qua tôi. Có những giọt nước của cơn mưa đang rừng rực bốc hơi trong tia nắng cháy.

Nhưng xin chớ vội buồn, dẫu Mai Ninh không kết khác được. Đọc cho kỹ, người tinh ý vẫn nhận ra trong những đoạn kết ấy li ti những bụi sương mai bám vào dăm cánh Mai gầy. Mùa Xuân chưa qua. Và nhìn kỹ vẫn đâu đó ánh mặt trời phản chiếu từ những hạt bụi sương kia, mỏng mảnh nhưng vẫn đây, sau những đêm chong đèn đợi sáng.

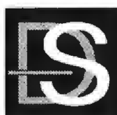
Nhưng xin hãy vui: Mai Ninh không là Hồ xuân Hương, Bà huyện Thanh Quan, Phạm thị Hoài hay Dương thu Hương. Vì thế, Mai Ninh chỉ có thể là Mai Ninh. Đó là bước khởi đi và đồng thời là nơi đến của một nhà văn. Một nhà văn có phong cách. Thế là đủ. Không cần đèo thêm phái tính nữ vào nhà văn Mai Ninh ở đây.

Trên đà hình thành một nền Văn Học phi làng xã để vững mạnh

từng bước xây dựng một chế độ Cộng Hòa, văn chương Mai Ninh đã thực sự thoát khỏi chuyện cây đa đầu làng, cái chiếu trong đình, và tình tự dân tộc cấp xã. Nhưng Mai Ninh vẫn là một nhà văn nghiệp dư. Thậm chí, một nhà văn nữ.

Nghiệp dư, biết đâu đó lại chính là cái may cho Mai Ninh. Còn nếu như cứ nhất quyết rằng Mai Ninh phải là nhà văn *nữ* cũng được, không nhẽ nói ngược để thế gian ôm bụng bò cười. Chẳng sao. Người đàn bà viết văn có quyền vứt những bông hồng xuống vực thẳm. Nhà văn Mai Ninh vứt bó đầu, một bó có những bông hoa tuyệt đẹp. Biết đâu, rừng hồng sẽ rộ giữa vách và vực. Và vọng lại là tiếng vẳng tri âm đến từ bạn, bạn đọc, hai chữ tôi viết bằng thứ mực quí mà kỹ thuật in ấn không có cách gì làm cho bạn nhận ra ở đây...

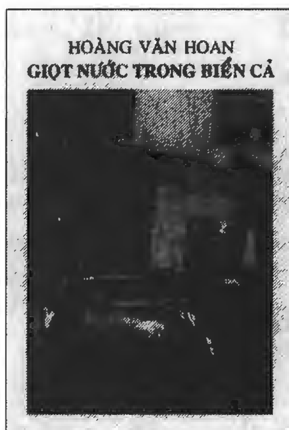
NAM DAO



HOÀNG KHOA KHÔI

Đọc và bình luận Giọt Nước Trong Biển Cả của Hoàng Văn Hoan

(Tiếp theo kỳ trước – kỳ 3)



Trên đất Thái một lần nữa.

Chương 5 của hồi kí nói về những công tác mới này.Thái Lan cuả năm 1948 không còn là xứ Xiêm của năm 1930. Đảng cộng sản Thái đã lột xác và bắt đầu thi hành khúc ngoặc từ năm 1938 : *"Cách mạng Thái sẽ là công trình của chính nhân dân Thái"* (tr.283). Không còn ngoại kiều hoạt động trong tổ chức của người Thái, không còn mơ hồ, lẩn lộn trong các vai trò nữa. Người Việt chỉ có thể hoạt động trong những tổ chức của người Việt. Đó là điều tự nhiên, bởi vì từ khi Việt Minh ra đời, năm 1941, Việt kiều tại Thái đã chuyển hướng hoạt động cách mạng về Việt Nam.

Năm 1948, khi HVH trở lại Thái, số dân Việt kiều đã tăng lên gần gấp đôi. Từ gần 50 000 lên khoảng 100 000, đa số từ Lào tản cư sang. Trong hai năm 1946 và 1947, chính phủ (Thái) Pri Di khá tự do và thật sự có thiện cảm với cách mạng Việt Nam. Không những họ chấp nhận sự có mặt của người di cư và người chiến sĩ Việt Nam trên đất Thái, mà họ còn cung cấp lương thực và giúp cả vũ khí nữa. Nhờ vậy,

người Việt đã gửi *"chi đội Trần Phú "* về tham gia kháng chiến Nam bộ năm 1946 và hai đoàn Cửu Long 1 và Cửu Long 2 năm 1947 mang vũ khí về nước.

Ngay từ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, *"hàng ngàn thanh niên Việt kiều đã xung phong tòng quân, sang Lào và Cam-pu-chia giúp nhân dân hai dân tộc bạn đánh Pháp."* (tr.287)

Địa bàn Thái Lan đã trở thành hậu phương của *"mặt trận miền Tây"* Ở nhiều tỉnh giáp biên giới Lào và Cam-pu-chia *"có cơ sở huấn luyện quân đội, sản xuất và sửả chưã vũ khí cho mặt trận"* (tr.287). Chính phủ Thái còn giúp người di cư Việt công ăn việc làm và giao đất để cày cấy sinh sống. Cả một khu đất thật lớn được người Việt dùng để cất nhà và làm vườn rau trái. Dân chúng đặt tên là "Nông trường Việt Nam" Và dù các ngôi nhà với vườn tược thẳng hàng và cùng kiểu mẫu nhưng cuộc sống và cách khai khẩn thì riêng biệt từng gia đình.

Trong những năm này, các điều kiện vô cùng thuận lợi đến nỗi nhiều người Việt quên hẳn mình đang sống trên xứ người. Trong sinh hoạt cũng như cách cư xử, người Việt đã không tôn trọng phong tục tập quán người bản xứ, không giữ gìn lề lối mà mọi ngoại kiều phải nên có. Thí dụ như người ta thấy bộ đội Việt Minh mang vũ khí, đi lại tự nhiên ngoài phố, cờ đỏ sao vàng bay phất phới trước những ngôi nhà của người Việt. Khi Trần Văn Giàu sang Thái Lan, có cả bộ đội Việt kiều dàn súng đứng chào. Một cuộc lễ hội có rước đuốc rầm rộ được dự định tổ chức nhân kỉ niệm ngày Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8. Tóm lại *"người ta hãnh diện và phô trương lộ liễu rằng mình là những người làm cách mạng "* (...) *"Những phô trương lộ liễu này không thích hợp, thoả đáng với vị thế của người ngoại kiều. "* *"...phải dẹp ngay các hành động phô trương lộ liễu !".*(tr.291)

Khi mới tới, HVH nhận thấy rằng chính phủ Phi Bun (lên nắm chính quyền sau cuộc đảo chánh) rất hữu khuynh. Báo chí Thái Lan vừa khởi đầu một chiến dịch chống đối Việt Kiều, như vu khống người Việt đã vi phạm an ninh trật tự, đốt nhà cướp cuả v..v... rõ ràng họ đang chuẩn bị dư luận cho cuộc đàn áp Việt kiều.(tr.286) Đã đến lúc phải áp dụng một chiến lược mới.

HVH triệu tập một hội nghị nhóm họp trong 3 ngày 15, 16, 17 tháng 8 năm 1948. Hội nghị mở rộng cho tất cả cán bộ Đảng và các đại biểu Chi hội Việt kiều yêu nước địa phương. Quyết định thay đổi được đánh dấu bằng những biện pháp : bỏ "Nông trường Việt Nam", huỷ bỏ cuộc rước đuốc, cấm ra phố với đồng phục và vũ khí, không treo cờ Việt ở ngoài cửa, tránh mọi biểu lộ có tính cách phô trương

khiêu khích đối với dân bản xứ, chuẩn bị điều kiện để chuyển hướng sang hoạt động bất hợp pháp khi cần thiết. Mục đích duy nhất phải đạt là *" tranh thủ cho được cảm tình sâu sắc của nhân dân Thái Lan (...) cho nhân dân bạn hiểu rõ chính nghĩa cuả cuộc kháng chiến (chống Pháp) tại Việt Nam"(tr.290-291).*

" Lào và Căm pu chia đang ơ mức tiến hoá thấp hơn Việt Nam..." !

Lãnh công tác giúp đỡ cách mạng Lào Kăm pu chia, HVH phải chú ý đến vấn đề lí thuyết. Và đây là phần duy nhất của quyển hồi kí nói về lí thuyết. HVH viết :

" Nhìn bao quát, ta thấy rằng Lào Miên đang ở mức tiến hoá thấp hơn Việt Nam. Bởi vậy, cách mạng Lào Miên không thể là cách mạng xã hội hay cách mạng tân dân chủ, mà chỉ là cách mạng dân tộc giải phóng. Cách mạng Việt Nam cũng là cách mạng dân tộc giải phóng, nhưng vì tình hình kinh tế, chính trị và xã hội của Việt Nam đã cao hơn, nên khẩu hiệu cách mạng Việt Nam là độc lập và dân chủ đi đôi. Còn khẩu hiệu Lào Miên thì chỉ độc lập là độc lập. Để thực hiện mục đích độc lập, Lào Miên phải đoàn kết toàn dân, không phân biệt phong kiến hay tư bản, không phân biệt giàu nghèo, không phân biệt người có tư tưởng cấp tiến hay chưa có tư tưởng cấp tiến, miễn là thật lòng đánh Pháp giành độc lập là phải gắn bó nhau lại thành một khối thống nhất, cùng nhau kháng chiến.

(...) Chúng ta phải biết rằng, mặc dù cách mạng Lào Miên còn thấp kém, còn non, nhưng đã là cách mạng, thì dù muốn hay không muốn, thực sự cũng là đứng về mặt trận dân chủ thế giới.Trong giai đoạn hiện thời, miễn cưỡng đưa khẩu hiệu dân chủ ra là có hại cho sự đoàn kết dân tộc của Lào Miên, có lợi cho địch " (tr.311-312)

HVH cho biết lí luận phân tích này của ông trong bản *"Đề cương công tác Lào, Miên"* đưa ra thảo luận trong hội nghị mở rộng, đã được anh em nhất trí tán thành. Đề cương này được coi như tài liệu về đường lối tranh đấu của hai đảng cộng sản Lào và Miên.

Khái niệm của HVH về một cuộc cách mạng "qua các giai đoạn" là khái niệm tiêu biểu cho lập trường cuả Staline. Khác với Lê Duẩn hoặc Trường Chinh thường sửa đổi lí thuyết làm sao cho thích ứng với tiến trình cuả thực tế, HVH vẫn là đệ tử sắt đá và hết mực trung thành cuả môn phái Staline vào những năm 1930. Nhưng ít ra ông có can đảm giữ vững và chấp nhận hậu quả ý kiến cuả mình.

Về công tác chỉnh đốn lại các hoạt động ngoại giao của Cơ quan

Phái đoàn chính phủ tại hải ngoại, HVH phải giải quyết một số vấn đề tế nhị.

1)Khiếu nại về những người trách nhiệm trong Cơ quan Phái đoàn Việt Nam tại Bangkok.

Để trả lời các đồng chí than phiền về " sự phóng túng trong sinh hoạt và hành động của Phái đoàn " HVH giải thích :

"Trước kia, cách mạng chưa nắm chính quyền, tất cả các anh em cán bộ đều ăn ở kham khổ như nhau. Ngày nay chúng ta giành được chính quyền Nhà nước, những người đóng vai đại diện Nhà nước phải có cái bề thế trang trọng. Chúng ta ủng hộ các đồng chí đại diện Nhà nước không phải là vì cá nhân các đồng chí đó, mà là vì lợi ích dân tộc, vì lợi ích cách mạng. ".(tr.295)

Đối với ông, cuộc sống "phóng túng" của các vị đại diện Nhà nước mà các đại biểu hội nghị than phiền là vấn đề ứng xử cá nhân chứ không phải vấn đề chính trị. Nếu có đồng chí phạm sai lầm *"thì ta phải nghiêm khắc phê bình xây dựng. Nhưng không nên lẫn lộn việc phê bình cá nhân với việc ủng hộ hoạt động cuả một cơ quan đại diện Nhà nước "(tr.295).*

2) Trường hợp Lê Hy và Trần Ngọc Danh

Trần Ngọc Danh là em ruột của Trần Phú, cựu tổng bí thư đầu tiên cuả đảng CSVN, từ tuổi thanh niên, Danh đã vào đảng và đã từng du học ở trường đại học Đông Phương tại Mạc-tư-khoa. Năm 1946, Danh được chính phủ Hồ Chí Minh bổ nhiệm làm trưởng phái đoàn Đại diện nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà tại Pháp.

Lê Hy lúc trước hoạt động ở Nam bộ, khi kháng chiến bùng nổ, Hy được phái sang Thái Lan phụ trách Thông tấn xã Việt Nam ở Cơ quan Phái đoàn chính phủ. Theo Hoan, hai người " tả khuynh" này có tội đã âm mưu chống Hồ Chí Minh và chính phủ *"một người ở Pháp, một người ở Thái Lan, bí mật trao đổi với nhau những tư tưởng hoài nghi, chống Đảng. Trong khi Lê Hy ở Băng cốc chuẩn bị đi thì Trần Ngọc Danh ở Pa ri tự ý tuyên bố giải tán cơ quan Đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở Pháp và dời sang Tiệp"* (tr.299)

Tại Prague, Trần Ngọc Danh *"được Trung ương đảng CS Pháp giới thiệu qua Tiệp hình như để lập một cơ quan đại diện Chính phủ ở đây. Đương cục Tiệp đã cho một cái nhà đàng hoàng và có đủ tiện nghi. Vợ anh Danh là Thái Thị Liên hiện đang học trường âm nhạc Tiệp."*.(tr.319)

Trần Ngọc Danh và Lê Hy gặp nhau ở Tiệp, họ tìm cách tuyên truyền lung lạc các cán bộ công tác tại Tiệp cũng như học sinh Thanh niên miền Nam; ông Danh còn viết thư cho một số cán bộ chỉ trích Hồ

Chí Minh và Đảng. Những chỉ trích của "hai kẻ chống đối" này là gì?

" Sau Cách mạng tháng Tám, Đảng không thủ tiêu giai cấp tư sản và địa chủ, không tuyên bố làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, mà lại gần gũi với các nước như Ấn Độ, Miến Điện, Pa-ki-xtan và In-đô-nê-xia là những nước tư bản, thì anh ta cho là Đảng hữu khuynh. Anh ta đã viết thư cho một số đảng viên nói đường lối của Hồ chủ tịch và Trung ương Đảng là không đúng".(tr.319).

"Liên xô vĩ đại ! vĩ đại !"

Đối với HVH, nguyên nhân sự sai lạc nghiêm trọng của Trần Ngọc Danh và Lê Hy là do họ *"học lí luận nhiều, nhưng tiêu hoá không tốt vì không có thực tế".*

Cuối năm 1949, được chỉ định sang Bắc Kinh họp Hội nghị Công Đoàn Á - Úc với tư cách đại biểu Công đoàn Việt Nam, H VH ghé Tiệp Khắc và gặp gỡ nói chuyện với TNDanh và Lê Hy.

Ông khiển trách họ vô kỉ luật và khuyên họ trở về Việt Nam. Hy im lặng nhưng Danh thì trả lời phải ở lại Prague để chữa bệnh. HVH *"hiểu ý là Danh vì có sự giới thiệu của Trung Ương Đảng Pháp, được Đảng Tiệp đối đãi đặc biệt, nên muốn ở lại Tiệp chứ không muốn về nước"* (tr.321)

Đọc đến đoạn này, những Việt kiều tại Pháp đã từng biết ông Trần Ngọc Danh là Trưởng phái đoàn đại diện Việt Nam ở Paris thời ấy, đều rất ngạc nhiên. Bởi vì vào giai đoạn đó, ai lại không biết rằng ông Danh, ít nhất về mặt chính thức, là người ủng hộ vô điều kiện đường lối chính trị của Hồ Chí Minh? Còn ai khác hơn Trần Ngọc Danh, đã cho in tập sách tuyên truyền về Hồ Chí Minh vào tháng 5 năm 1947[(41)]? Trong đó, ông Danh đặc biệt nhấn mạnh hai lời tuyên bố của Hồ Chí Minh : Lời thứ nhất đăng trên tờ Journal de Genève (Tin Giơ neo):*"Những bạn bè của chúng tôi không cần phải lo ngại là chủ nghĩa mác xít sẽ du nhập vào đất nước chúng tôi"*. Lời tuyên bố thứ hai đăng trong báo "Le Pays", chủ tịch Hồ Chí Minh trấn an mọi người như sau : *"những lí thuyết mác xít không thể áp dụng được ở nước chúng tôi".*

Trong những năm 1946-1947, vì những người Đệ Tứ điều khiển ban Đại diện Trung Ương công binh Việt Nam tại Pháp không đồng ý với chính sách Hồ Chí Minh, Trần Ngọc Danh nhân danh là đại biểu chính phủ, đã chống đối họ một cách dữ dội, ông đã vu cáo họ là "ngoan cố", "chia rẽ" v...v. Như vậy làm sao có thể tin được vào thời kì ấy, Trần Ngọc Danh không đồng ý với Hồ Chí Minh và Đảng ?

Từ Prague, HVH đi Bắc Kinh dự Hội nghị công đoàn (nhưng hội nghị đã họp xong vì ông đến quá trễ) ở đây ông gặp Hồ Chí Minh, nhưng Hồ Chí Minh phải sang TQ gặp Mao Trạch Đông.

Hồ Chí Minh đề nghị HVH ở lại Trung Quốc với tư cách đại diện cho Đảng và Chính phủ. Bác Hồ giải thích cho ông rằng *"sau chiến thắng của Cách mạng Trung Quốc, trọng tâm hoạt động đối ngoại của chúng ta bây giờ không ở Thái Lan nữa, mà phải chuyển qua Trung Quốc "* (tr.327)

Tại đây, HVH tham dự (với tư cách là một Hoa kiều) lớp huấn luyện đặc biệt đào tạo cán bộ ngoại giao để làm Đại sứ (TQ) tại các nước.

Được Bộ ngoại giao TQ giúp đỡ, ông chọn một toà nhà lớn làm sứ quán, trước kia vốn là *một trường học của người Mĩ. Từ đại biểu Chính phủ, ông trở thành " Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà tại TQ và kiêm luôn Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Việt Nam tại Mông cổ và Triều Tiên".*(tr.332)

Ông lãnh nhiệm vụ liên hệ mật thiết với các nước Liên Xô, các nước dân chủ cộng hoà anh em khác, Ấn Độ, Miến Điện, Pakistan v..v..

Tháng 5 năm 1950, ông được chính phủ phái đi dự lễ kỉ niệm Lao Động Quốc tế tại Liên Xô. HVH xem diễn binh Liên Xô qua Công trường đỏ và ghi lại cảm tưởng cuả mình như sau :

"Trước kia thường nghe nói Liên Xô là Tổ quốc cuả giai cấp vô sản thế giới, là ngọn đèn pha soi đường cho các dân tộc bị áp bức tiến lên, thì chuyến này được thật sự chứng kiến rõ ràng, càng làm cho lòng tin tưởng đối với tiền đồ cách mạng thêm vững chắc. Những cái được trông thấy và được hiểu biết về Liên Xô, có thể hình dung bằng hai tiếng" Vĩ đại! Vĩ đại !".(tr.333-334)

Những cảm tình cuả ông đối với Trung Quốc cũng nồng nhiệt phấn khởi như thế. Với chức vụ Đại sứ trong vòng gần 8 năm (từ 1950 đến 1957), ông có dịp nhìn thấy, phê phán, hiểu biết và yêu mến TQ.

"Sự giúp đỡ cực kì to lớn của Trung Quốc".

Trong chương 6, HVH phân tích những liên hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc. Điều ông thỏa mãn nhất là "sự giúp đỡ cực kì to lớn của Trung Quốc đối với Việt Nam.

1) Giúp đỡ chính trị và ngoại giao:

Trung Quốc là quốc gia đầu tiên, trước cả Liên Xô, công nhận chính phủ Hồ Chí Minh. Tại hội nghị Genève năm 1954,

"TQ đã hoàn toàn ủng hộ lập trường của Phái đoàn Việt Nam[42]. *Hiệp định Giơ neo là một thắng lợi to lớn của cánh mạng Việt Nam, vì có miền Bắc vững mạnh làm cơ sở, thì mới đẩy mạnh được cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam.*

(...) Sau khi đế quốc Mĩơ ném bom ở miền Bắc từ tháng 8 năm 1964,TQ đã dấy nên một cao trào mới giúp VN chống Mĩ. Chúng ta còn nhớ rõ cảnh tượng hàng trăm triệu nhân dân các tỉnh của TQ đã đổ ra đường phố biểu tình ủng hộ VN. Mao Chủ tịch và Thủ tướng Chu Ân Lai đích thân tham dự cuộc mít tinh của hơn một triệu người ở Bắc Kinh, và nghiêm trang tuyên bố : Sự xâm phạm cuả Mĩ đối với nước VNDCCH tức là sự xâm phạm đối với TQ. Nhân dân TQ sẽ áp dụng mọi biện pháp cần thiết, thậm chí không tiếc chịu đựng một sự hi sinh dân tộc lớn nhất, dốc toàn lực ủng hộ nhân dân VN tiến hành đến cùng cuộc chiến tranh chống Mĩ ".(tr.340)

2) Những viện trợ quân sự và kinh tế :

Trong khoảng thời gian từ năm 1950 đến 1978, TQ đã viện trợ cho VN 20 tỉ Mĩ kim, chiếm 41% tổng số viện trợ TQ dành cho các nước ngoại quốc.

" Trong thời kì kháng chiến chống Pháp từ năm 1950 đến năm 1954, TQ là nước duy nhất viện trợ (quân sự) cho VN. Toàn bộ vũ khí, đạn dược và quân trang, quân dụng của quân đội VN là do TQ trực tiếp cung cấp theo dự trù hàng năm và nhu cầu cho các chiến dịch ở Việt Nam.

Và trong cuộc chiến tranh chống Mĩ : *"phần lớn vũ khí đạn dược và quân trang, quân dụng cũng do TQ cung cấp, gồm quần áo, thuốc men, y cụ và nhiều đại bác, xe tăng, thiết giáp, cao xạ, tên lửa, máy bay, tàu chiến, cùng các phụ tùng thay thế và dầu mỡ*..v..v".(tr.341)

Viện trợ này nhằm đáp ứng nhu cầu của hai triệu bộ đội Việt Nam. Ngoài ra, nếu *"một khi nhân dân miền Nam cần đến"*. TQ sẽ sẵn sàng gửi quân sang *"kề vai sát cánh cùng chiến đấu với nhân dân miền Nam"* (tr.339).

Viện trợ kinh tế cũng cực kì lớn lao. Ngay từ khi hoà bình 1954:

*"..theo lời yêu cầu của bác Hồ, TQ giúp khôi phục lại đường sắt từ Hà Nội đến Đồng Đăng dài khoảng 200 km. Chính Mao Chủ tịch đã ra lệnh tháo gỡ đường sắt ở Đồng Bồ ", (*tỉnh Sơn Tây của TQ) đem sang lắp ráp cho VN. Và giúp VN xây dựng lại nền kinh tế đã bị tàn phá vì chiến tranh.

"Từ năm 1950, TQ giúp xây dựng 450 nhà máy : nhà máy xay lúa, nhà máy đường, nhà máy giấy, nhà máy phát điện, nhà máy hoá chất, nhà máy xà phòng, nhà máy thuốc lá, nhà máy diêm, nhà máy bóng

đèn phích nước , nhà máy làm đồ sứ, nhà máy phân hoá học, nhà máy thuốc trừ sâu, xưởng đóng tầu, nhà máy gang thép Thái Nguyên, thiết bị mỏ quặng, hệ thống vô tuyến điện, nông trường quốc doanh (...)..v..v và tiếp tục làm lại đường sắt từ Hà Nội đến Lào Cai, đến Thái Nguyên, xây lại cầu Hàm Rồng..."(tr.342)

Từ năm 1965, lúc Mĩ bỏ bom miền Bắc, TQ cũng gửi hàng đoàn chuyên gia kĩ thuật sang tháo gỡ thiết bị, máy móc các cơ sở công nghiệp đem đến những nơi an toàn.

Từ năm 1965 đến năm 1975 TQ gửi sang VN hơn 5 triệu tấn lương thực, 300 triệu mét vải, 30 000 ô tô, 600 tàu thuỷ đủ loại, hơn 100 đầu máy và hơn 4 000 toa xe lửa, gần 2 triệu tấn xăng cùng các thứ hàng trị giá bảy trăm triệu nhân dân tệ (yuan)

Đặc biệt từ 1955 đến 1976, TQ giúp hơn 600 triệu Mĩ kim tiền mặt giúp cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam.(tr.342)

3) <u>Giúp đỡ bằng cố vấn, chuyên gia, nhân viên kĩ thuật:</u>

Từ 1950 trở đi, theo yêu cầu cuả Hồ Chí Minh và TƯ đảng CS VN, TQ cử đoàn cố vấn quân sự và đoàn cố vấn chính trị sang giúp VN. Vị Quốc Thanh dẫn đầu đoàn cố vấn quân sự

"giúp VN xây dựng quân đội và phổ biến kinh nghiệm tác chiến Ngoài việc giúp Tổng Quân uỷ, còn có các tổ cố vấn về tham mưu, chính trị, hậu cần giúp các sư đoàn chủ lực 308, 312, 316, 304 và các binh chủng khác"

Chính nhờ viện trợ này, quân đội Việt Nam được tăng cường và thắng trận Điện Biên Phủ, giải phóng được phân nửa đất nước.

Nhiệm vụ đoàn cố vấn chính trị do La Quý Ba dẫn đầu là thường đóng góp ý kiến, cố vấn *"về chính sách và công tác cụ thể của các ngành (...)* (tr.343) trong tất cả mọi vấn đề từ tài chính, thuế, ngân hàng, giao thông vận tải, công an, tình báo v...v... Sau khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng, từ 1955, *"Đoàn cố vấn chính trị mới toàn bộ rời Việt Nam về nước"* (tr.344).

Từ năm 1954 đến 1978, khi hoà bình được lập lại ở Việt Nam sau hội nghị Giơ neo, *"nhiệm vụ khẩn cấp ở miền Bắc là khôi phục nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá ."* Đoàn chuyên gia kĩ thuật TQ của tất cả các ngành do Phương Nghị dẫn đầu, được lần lượt gửi sang Việt Nam. Họ trở về TQ vào năm 1978 khi đôi bên TQ-VN xảy ra chuyện bất hoà.

Những chuyên gia này đều do TQ trả lương, VN cung cấp lương thực và chỗ ở. Từ 1950 đến 1978, tổng số chuyên gia TQ sang VN là 20, 000 người.

"30 000 bộ đội Trung Quốc xây dựng 1231 km đường ô tô".

Từ năm 1965 đến 1970, khi Mĩ dội bom miền Bắc, theo lời yêu cầu Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng, TQ gửi hơn 30 000 bộ đội chuyên về *"phòng không, công trình , đường sắt và hậu cần"* . Những người lính này *"mang theo toàn bộ vũ khí, trang bị, phương tiện, máy móc và vật liệu .."* Họ đắp được 1231 km đường ô tô, 476 km đường sắt, xây sân bay Yên Bái...Ngoài việc xây dựng, họ còn bắn rơi máy bay Mĩ và giúp dân quân bảo vệ đường giao thông từ Bắc đến Nam, sơ tán người già, trẻ con,

4) "TQ là hậu phương vững chắc của Việt Nam"

Ngoài những giúp đỡ kể trên, TQ thật sự là một hậu phương vững chắc của Việt Nam. Sự có mặt cuả quân lính TQ đã ngăn chặn được việc quân Mĩ đổ bộ. TQ đã giúp miền Bắc đặt đường ống dẫn dầu dài 4 000 km. Và từ 1967, đã mở một đường bí mật ven biển cho tàu chở hàng viện trợ đến các đảo ngoài khơi miền Trung để từ các đảo này hàng sẽ chuyển vào Nam. Ngoài ra TQ còn dành hai hải cảng ở Hải Nam cho Việt Nam làm trạm chuyển tiếp vật tư vào Nam. Họ cũng bỏ ra nhiều ngoại tệ mở đường qua Cam pu chia đếạn tận miền Nam để chở hàng viện trợ TQ như vũ khí, đạn dược, lương thực và thuốc men đến Mặt trận giải phóng miền Nam.

Họ đã giúp vận chuyển miễn phí hàng hoá Liên Xô và các nước khác về Việt Nam qua biên giới TQ. Họ đã giúp huấn luyện phi công, cán bộ dân sự, quân sự . Một giúp đỡ thật quan trọng khác nữa là họ đã cho VN sử dụng đất TQ làm địa bàn hoạt động : Trong thời kì chống Pháp, một trường huấn luyện quân sự đã mở ra ở Vân Nam với sự giúp đỡ của một số huấn luyện viên TQ. Sư đoàn tiên phong 308 đã trực tiếp kéo sang TQ để nhận toàn bộ vũ khí trang bị trước khi về nước tác chiến tại biên giới.

Trong thời kì chống Mĩ, các phi đoàn VN sang ẩn náu tại Vân Nam và được huấn luyện trước khi về VN hoạt động. Năm 1972 khi Đài phát thanh Tiếng nói VN tại Hà Nội bị máy bay Mĩ ném bom, lập tức một đài khác thay thế, tiếp tục phát thanh từ Vân Nam.

Tại Quảng Tây, thuộc vùng Quế Lâm, bệnh viện Nam Khê Sơn có 600 giường dành riêng cho bệnh nhân Việt Nam. Trong vòng 7 năm có hơn 5000 cán bộ Việt Nam đã được điều trị tại đây. Sau đó toàn bộ thiết bị của bệnh viện đã được giao lại cho VN. Cũng tại vùng Quế Lâm này, có trường dạy con em liệt sĩ và và học sinh miền Nam tập kết.

Tóm lại, tinh thần giúp đỡ VN cuả TQ là

" Bớt ăn, bớt mặc, bớt dùng, ưu tiên cung cấp cho VN. (...) Sự thật lịch sử 28 năm (từ 1950 đến 1978) đã chứng tỏ rằng sự giúp đỡ của TQ đối với VN là nhân tố quốc tế không thể thiếu được để nhân dân VN giành lấy thắng lợi trong cuộc cách mạng cũng như trong việc kiến thiết; (...) sự thực lịch sử trong mấy năm qua (1978-1986) cũng chứng tỏ rằng không có sự giúp đỡ cuả TQ thì VN đã lâm vào tình trạng hết sức khó khăn bế tắc. (tr.348-349).

Sau khi dành một đoạn dài nói về viện trợ TQ, HVH cũng nhắc đến viện trợ của Liên Xô đặc biệt về mặt quân sự, viện trợ này đã giữ vai trò quan trọng trong việc VN bắn hạ máy bay B.52 cuả Mĩ . HVH khẳng định rằng đối với sự giúp đỡ này cũng như sự giúp đỡ của các nước khác " chúng ta vẫn phải luôn luôn ghi nhớ và biết ơn" (tr.349).

Đầu năm 1950, sau khi Mao Trạch Đông nắm toàn quyền tại Trung Hoa lục địa, Hồ Chí Minh bí mật sang gặp Mao và ban chấp hành Trung ương Đảng CS TQ. Đôi bên đồng ý về các điều kiện cụ thể giúp đỡ cho cách mạng Việt Nam

Sự giúp đỡ đó là việc "khai thông biên giới" (*"Chiến dịch Biên giới"*) nhằm tiêu diệt các căn cứ Pháp tại vùng biên giới này. Mao phái La Quý Ba hướng dẫn một phái đoàn sang giúp Ban chấp hành trung ương đảng VN. Mao cũng cử Trần Canh,là một tướng giỏi cuả TQ đến giúp VN tổ chức Chiến dịch này. HVH kể lại chi tiết cuả cuộc thảo luận về chiến thuật và chiến lược giữa Trần Canh và Hồ Chí Minh (tr.350-351). Thắng lợi cuả Chiến dịch Biên giới nối liền hai nước và cũng là hồi chuông báo tử cho quân đội Pháp.

" Đảng CSVN sẽ học tập tư tưởng Mao Chủ tịch ".

Theo HVH, sự giúp đỡ của TQ đã góp phần rất lớn trong việc người Việt chiến thắng quân Pháp cho nên trong Đại hội lần thứ hai cuả Đảng Lao động VN (đảng CS Đông Dương) năm 1951, trong điều lệ mới cuả Đảng Lao động VN, có ghi rõ :

"Đảng Lao động Việt Nam[43] *lấy học thuyết cuả Mác, Ăng ghen, Lê nin ,Sta lin và tư tưởng Mao Trạch Đông kết hợp với thực tế cuả cách mạng Việt Nam làm nền tư tưởng cuả đảng và kim chỉ nam cuả tất cả mọi hành động"* (tr.357).

"Và trong bức điện Đại hội thành lập đảng Lao Động Việt Nam gửi đảng Cộng Sản Trung Quốc có đoạn nói" Đảng nguyện noi gương anh dũng Đảng CSTQ, học tập tư tưởng Mao trạch Đông, tư tưởng lãnh đạo nhân dân TQ và các dân tộc Á đông trên con đường độc lập

và tự chủ (" báo Nhân Dân ngày 11/03/1951 ").

"(...) *Trong bài viết giới thiệu quyển "Kháng chiến nhất định thắng lợi "cuả Trường Chinh, lí thuyết gia cuả Đảng, báo Nhân Dân ngày 2 tháng 1-1956 có viết : Đảng có đường lối chính trị và đường lối quân sự đúng đắn, lấy chủ nghĩa Mác-Lê và tư tưởng Mao Trạch Đông làm nền tảng ".*

" Nhân kỉ niệm 10 năm chiến thắng Điện Biên Phủ,Tướng Võ Nguyên Giáp viết : "Từ năm 1950 trở đi, sau cách mạng TQ thắng lợi, quân đội và nhân dân ta càng có điều kiện học tập những kinh nghiệm quý báu cuả Quân giải phóng nhân dân TQ, học tập tư tưởng quân sự Mao Trạch Đông. Đó là một yếu tố quan trọng giúp vào sự trưởng thành nhanh chóng cuả quân đội ta, góp phần vào những thắng lợi liên tiếp cuả quân ta, đặc biệt là trong chiến dịch Thu Đông năm 1953 - 1954 và trong chiến dịch Điện Biên Phủ vĩ đại " (trong báo Nhân Dân ngày 07/05/1964) (tr.358-359)."

HVH kết luận :

Điểm qua một vài nét lớn như trên, chúng ta thấy những kẻ sau này chủ trương xâm lược Cam-pu-chia, khống chế Lào và chống TQ là đã phản bội đường lối cuả Hồ Chủ tịch, là vong ân bội nghĩa và truy lạc đến chừng nào ? (tr.359).

Trong chương này, HVH đề cập đến vấn đề sửa sai cải cách ruộng đất năm 1956. Theo ông, sai lầm không đến từ đường lối Đảng vốn vẫn chủ trương :

" Trưng mua ruộng đất , trâu bò, nông cụ những địa chủ kháng chiến,(..) không được đụng đến ruộng đất , trâu bò, nông cụ, nhà cửa cuả những phú nông, trung nông (...)và người có ít ruộng đất, phải phát canh vì tham gia công tác kháng chiến (...) Dựa vào bần cố nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp phú nông tiêu diệt chế độ phong kiến " (tr.360).

Sai lầm cũng không thể đến từ tư tưởng Mao hay các cố vấn TQ mà do chính Trường Chinh với

" tác phong gia trưởng và ý thức tả khuynh (..) đã đưa đến những sai lầm nghiêm trọng là đánh tràn lan vào trung nông, phú nông và những người có ít ruộng đất cho thuê, đánh tràn lan cả vào cơ sở Đảng " (tr.361).

Khắp nơi người ta tổ chức những Toà án Nhân dân, đấu tố, kết án oan những người vô tội *"sự phản ứng mãnh liệt cuả nhân dân vang dội đến Hà Nội "* (tr.362).

Sau thảm kịch này, Trường Chinh phải thôi chức Tổng Bí thư Trung Ương Đảng nhường chỗ cho Lê Duẩn. Hoàng Quốc Việt và Lê

Văn Lương cũng ra khỏi Bộ Chính Trị, Hoàng Văn Hoan và hai người khác vào thay.

HVH viết *"Sai lầm trong cải cách ruộng đất, đối với Trường Chinh là một bi kịch, đối với Lê Duẩn lại là một dịp tốt để từng bước xây dựng bè cánh, dần dần xa lìa đường lối cuả Hồ Chủ tịch, đưa vận mệnh Tổ quốc đến chỗ tai nạn"* (tr.367).

Trong chương sau, chương 7, đỉnh cao cuả tập hồi kí này, HVH nghiêm khắc lên án Lê Duẩn, Tổng bí thư Đảng. Ông bắt đầu bằng các biến cố xảy ra ở Liên Xô.

Sau khi Staline chết, Khrouchtchev lật đổ Malenkov, mở đầu chính sách *" chia rẽ và cơ hội chủ nghĩa"* đánh những đòn chí tử vào phong trào cộng sản thế giới. Khrouchtchev đề cao chủ trương *"thi đua hoà bình với đế quốc "* và tiến lên *"xã hội chủ nghĩa bằng đường lối nghị viện"* Khrouchtchev đã lộ nguyên hình một tên *"cơ hội chủ nghĩa và xét lại"* . Nhưng tội ác lớn nhất của Khrouchtchev chính là bản báo cáo "mật" về Staline. Theo HVH, Khrouchtchev không những bội nhọ Staline mà còn bôi nhọ cả Liên Xô nữa. Đúng vào lúc bọn đế quốc đứng đầu là Mĩ đang tìm cách phá hoại Liên Xô, thì bản báo cáo này quả là đến đúng lúc, tiếp tay cho Mĩ nhằm gây tai hại cho chủ nghĩa cộng sản.

Thật ra, HVH đã không chú ý xem xét coi những gì Khrouchtchev đề cập trong bản báo cáo là có thật hay xuyên tạc. Ông chỉ quan tâm đến việc người Mĩ và giới tư bản đã sử dụng những gì Khrouchtchev phát giác nhằm tấn công *"Tổ quốc của Xã hội chủ nghĩa"*.

Theo HVH, bản báo cáo này đã gây rạn nứt trong các nước xã hội chủ nghĩa anh em và tạo nên bất hoà giữa Liên Xô và TQ.

Tại Bucarest, thủ đô nước Roumanie, vào tháng 6/1960 trong cuộc họp Đảng các nước Xã hội chủ nghĩa, Khrouchtchev công khai chỉ trích Đảng CSTQ. Một tháng sau, Khrouchtchev đơn phương xoá bỏ 600 hiệp định và hợp đồng kí với TQ, rút về nước toàn bộ các chuyên gia Liên Xô công tác tại TQ[44]

Trước tình trạng nghiêm trọng này, một Đoàn đại biểu do Hồ Chí Minh cầm đầu (trong đó có HVH) lập tức sang Liên Xô để gặp Khrouchtchev tại Mạc -tư-khoa. Nhưng Hồ Chí Minh không thuyết phục được Khrouchtchev.

Để cứu vãn "khối đoàn kết CS", Đảng CSVN vẫn tiếp tục xem Liên Xô như *"người anh cả trong phong trào Cộng sản Quốc tế "*. Chủ trương này được thể hiện trong văn kiện chính thức của Đảng Lao động VN sau Đại hội 3 cuả Đảng vào tháng 9/1960. Đảng Lao động VN mong muốn giữ vững *"đoàn kết phe xã hội chủ nghĩa"* nhưng những

nứt rạn đã trở nên vô phương cứu chữa. Có hai phe nhóm đã hình thành *"trong các đảng anh em chưa nắm chính quyền"*. Nhóm thứ nhất là nhóm " chính thống ". Nhóm thứ hai là nhóm *" xét lại "* nghĩa là theo chủ trương của Khrouchtchev chống TQ. Đảng CSVN, theo HVH, thuộc nhóm thứ nhất *"chống chủ nghĩa xét lại"*.

Liên Xô đề nghị "hai miền Nam-Bắc VN chung sống hoà bình".

Cuối năm 1963, Đảng CSVN họp hội nghị Trung Ương lần thứ 9 dưới sự chủ toạ của Hồ Chí Minh về vấn đề chống chủ nghĩa xét lại.

Đáng lẽ Lê Duẩn phải làm bài báo cáo, nhưng Duẩn đã né tránh, giao lại việc này cho Trường Chinh. Trong cuộc họp sôi nổi, Tố Hữu phê phán Liên Xô rất mạnh *" bằng cách nêu ra mười tội trạng với giọng lên bổng xuống trầm của một nhà thơ. Riêng Lê Duẩn thì không phát biểu gì cả "* (tr.380) Duẩn chỉ lên tiếng vào lúc Trung ương dự thảo bản nghị quyết, yêu cầu không nêu tên Khrouchtchev. Trung ương chấp nhận việc không nhắc đến Khrouchtchev, bản nghị quyết này không được công bố, chỉ dùng làm tài liệu học tập nội bộ Đảng. Nhưng một bản thông cáo nói lên tinh thần văn kiện này được đăng trên báo Nhân Dân ngày 21 tháng Giêng năm 1964, sau đây là một đoạn trích dẫn:

Đảng Lao Động VN ra sức tranh đấu bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác- Lê Nin, chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh là nguy cơ chủ yếu của phong trào Cộng sản Quốc tế, đồng thời chống chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa biệt (bè) phái (tr.380).

Ngày 27 tháng 11 năm 1964, một đoàn Đại biểu đảng được Liên Xô mời sang Mạc -tư-khoa. Trước ngày khởi hành, Hồ Chí Minh đã dặn dò phái đoàn là không được kí tên vào bản thông cáo chung với Liên Xô.

Cho nên khi Souslov, đại biểu Liên Xô trình bày một bản thông cáo chung vào cuối kì họp, Đoàn đại biểu Việt Nam từ chối kí tên. Nhưng lúc phái đoàn sắp lên đường về VN, Lê Duẩn bí mật đi gặp những người trách nhiệm Liên Xô và kí tên vào bản thông cáo chung. Khi HVH và các đại biểu khác phản đối thì Lê Duẩn nói sẽ nhận lãnh hết mọi trách nhiệm với *" Bác và Bộ Chính trị "*.

Về sau, khi báo Nhân Dân đăng một bài xã luận đại ý theo tinh thần nghị quyết của hội nghị 8, Lê Duẩn đã gọi chủ nhiệm báo là Hoàng Tùng đền để khiển trách.

Theo HVH, Liên Xô giúp Việt Nam với điều kiện là các nhà lãnh

đạo Việt Nam phải đứng vào phe Liên Xô chống lại TQ.

Ngay từ sau hiệp định Genève, *"Liên Xô đã vẫn chủ trương hai miền Nam Bắc sống chung hoà bình, thi đua kinh tế, miền Bắc hơn hẳn miền Nam về mặt kinh tế thì miền Nam sẽ thống nhất vào miền Bắc "* (tr.389) nên đã không viện trợ quân sự cho miền Bắc trong cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam.

" Chẳng những không viện trợ mà còn nhồi nhét tư tưởng chung sống hoà bình với đế quốc và tư tưởng chống TQ cho đám học sinh Việt Nam qua học ở Liên Xô " (tr.389).

Trong khi đó, các nhà lãnh đạo miền Bắc đồng ý với TQ để áp dụng kinh nghiệm của TQ vào miền Nam là *"trường kì mai phục, liên hệ quần chúng, tích trữ lực lượng, chờ đón thời cơ"* (tr.368).

Sau khi Khrouchtchev bị lật đổ, chủ trương sống chung hoà bình này vẫn được các nhà lãnh đạo Liên Xô tiếp tục *" đẩy mạnh một cách không giấu giếm"*.

Tuy về sau, trong cuộc chiến tranh chống Mĩ , Liên Xô đã sửa đổi chính sách, nhưng viện trợ quân sự khá giới hạn : họ *"giúp cho Ấn Độ và Ai Cập máy bay Mig 23 mà không giúp cho Việt Nam* (...), *lấy cớ nếu giúp vũ khí tốt cho VN thì VN sẽ giúp TQ lấy được bí mật về kĩ thuật!"*.

Về vấn đề chuyên chở vũ khí hay hàng viện trợ cho Việt Nam, thay vì dùng đường biển thuận lợi hơn, Liên Xô lại dùng đường xe lửa, tức là phải qua đường sắt cuả TQ. Người Việt Nam không có đủ thời gian và phương tiện chuyển hàng về VN, nên hàng ứ đọng tại ga Bằng Tường tại TQ. Lê Duẩn biết vậy nhưng lại đi rêu rao ngấm ngầm rằng TQ chơi xấu, không chịu chở hàng Liên Xô và Đông Âu cho Việt Nam. Báo chí phương Tây đã khai thác rùm beng tin này nên ngày 28/01/1967, chính phủ Việt Nam (Bắc Việt) phải cho Thông tấn xã cải chính [rằng *"TQ vẫn chuyên chở hàng Liên Xô cho Việt Nam đúng kế hoạch "* (tr.392).

Năm 1965, nhân dịp thăm Mạc -tư-khoa, Lê Duẩn đã triệu tập một cuộc họp tại sứ quán Việt Nam gồm các nhân viên sứ quán và đại biểu sinh viên Việt Nam học tại Liên Xô. Trong buổi nói chuyện này, Lê Duẩn *" ca ngợi Liên Xô và phê phán Trung Quốc "*. Một số *" sinh viên VN bất bình "* viết thư tố cáo lên ban chấp hành Trung Ương. Nhưng thư này bị Lê Duẩn chặn lấy rồi thủ tiêu. Bộ chính trị chỉ được nghe "kể lại" qua ban văn thư. Cùng năm đó, trong một cuộc hội nghị cán bộ tuyên huấn do Tố Hữu tổ chức, Trần Quỳnh dám phê bình TQ với cùng một lí lẽ và luận điệu như Lê Duẩn tại sứ quán VN ở Nga.

Theo luận điệu này, trong cuộc chiến tranh chống Tưởng Giới

Thạch và chống Nhật, Mao đã chủ trương chính sách lấy thôn quê bao vây thành thị. Và trong thời kì xây dựng lại đất nước TQ, Mao cũng đã chủ trương ưu tiên cho phát triển nông nghiệp. Một chính sách như vậy là tiêu biểu cho *"tư tưởng nông dân chứ không phải tư tưởng vô sản. Đến như chính sách (...) chủ trương dựa vào bần cố nông và trung nông lớp dưới cũng là sự mâu thuẫn giả tạo"* vì lẽ sau khi cải cách ruộng đất không còn nông dân nghèo và cũng không còn trung nông lớp dưới vì *"ai cũng như ai " (tr.393)*

Ngày 13/3/1967 với sự đồng ý cuả Lê Duẩn, Tố Hữu cho đăng bài thơ *"Tâm sự"* trong Nhân Dân có *"nội dung chống Trung Quốc "*

Vì sao Lê Duẩn chống TQ đến thế ? HVH giải thích " *vì trong đầu óc Lê Duẩn đã sẵn có một tư tưởng chống Trung Quốc do thực dân Pháp nhồi nhét và sau lại được chủ nghĩa xét lại Khơ-rút-sốp nhồi nhét thêm"* (tr.395) (!)

Nghĩa là Lê Duẩn chống TQ không phải vì cái hiểm hoạ TQ sẽ xâm lấn VN một ngày nào đó mà bởi Lê Duẩn đi theo lập trường Khrouchtchev, chủ trương " *chung sống hoà bình với đế quốc "* và nhất là viễn ảnh *"nhờ Liên Xô dàn xếp đàm phán hoà bình với Mĩ để giải quyết vấn đề miền Nam"* (tr.397). Như vậy, Lê Duẩn đã xa rời, đã đi chệch ra ngoài đường lối do Hồ Chí Minh vạch ra.

"Chiến thắng năm 1975 là sự kiện ngược lại với chủ trương của Lê Duẩn".

Trong suốt thời kì Hội đàm Paris, Lê Duẩn luôn luôn tỏ ra sẵn sàng thoả hiệp với người Mĩ đến nỗi chấp nhận sự hiện diện cuả họ trong các thành phố miền Nam.

Chính nhờ *"những thắng lợi ở chiến trường"* nên cán cân hoà đàm Paris mới nghiêng về phiá Bắc·Việt.

" Nói tóm lại, thắng lợi cuả Hội đàm Pa-ri là do thắng lợi ở chiến trường quyết định như Hồ Chủ tịch đã nói, chứ không phải do chủ trương thoả hiệp mà Lê Duẩn tự khoe khoang là mưu lược tài tình, càng không phải là do ba tấc lưỡi của Lê Đức Thọ ở Pa-ri quyết định " (tr.404).

Sau khi Hồ Chí Minh qua đời, Lê Duẩn dùng nhiều thủ đoạn nắm hết mọi quyền hành và loại trừ bằng những biện pháp hành chính những người bất đồng ý kiến. Bằng chứng là trong Đại hội Đảng lần thứ tư, chỉ toàn là (...) *bồi bút (...) một bọn tay chân chỉ biết nịnh hót , tâng bốc cá nhân Lê Duẩn, coi như chiến thắng 30 tháng 4 năm 1975 là công trình cuả sự chỉ đạo tài tình cuả Lê Duẩn.*(tr.405).

Thật là không có gì sai lầm hơn, HVH kêu lên, chính ra là *" công trình cuả Hồ Chủ tịch !"*

Theo HVH, Lê Duẩn đã phạm nhiều lỗi lầm nghiêm trọng.

Lỗi đầu tiên là vụ Tổng tấn công dịp Tết Mậu Thân năm 1968. Vụ tấn công này đã đem đến tổn thất nặng nề về nhân mạng và vũ khí. Phải mất nhiều năm mới phục hồi binh lực. Lỗi lầm ở chỗ *"ta đã coi thường(đánh giá sai) lực lượng địch"*, đã đưa bộ đội và chiến sĩ vào những trận đánh (biết trước là) sẽ thua.

Lỗi thứ nhì là chính sách áp dụng sau Hiệp định Paris. Lê Duẩn chủ trương không đấu tranh vũ trang, chỉ dùng hình thức đấu tranh chính trị và binh vận, để hoà giải dân tộc. Tóm lại là *thi hành triệt để Hiệp định Paris* (tr.406) trong khi đối phương (miền Nam) từ chối ngưng chiến.

HVH đưa bằng chứng về lỗi lầm này bằng cách trích dẫn khá nhiều Tướng Trần Văn Trà[45] mà ông vẫn xem như cùng phe với Lê Duẩn. Chính sách đấu tranh bằng phương pháp chính trị, binh vận và hoà hợp dân tộc này, theo HVH, có thể tóm tắt bằng năm điều cấm :

1) Cấm tấn công địch.
2) Cấm phản công quân địch càn quét lấn chiếm.
3) Cấm bao vây đồn địch
4) Cấm pháo kích đồn địch.
5) Cấm xây dựng xã chiến đấu.

Mặc dầu có những nhượng bộ ấy, đối phương không ngừng *" lấn chiếm, [bắn] phá, [tiêu] diệt cơ sở quần chúng và cơ sở Đảng ".* Đứng trước kết quả hoàn toàn ngược với dự đoán của Tổng bí thư Lê Duẩn, Trung Ương cục miền Nam và Quân uỷ miền (Nam) thay vì rút lui đã *"tự ý củng cố chấn chỉnh tại chỗ, giữ nguyên vị thế xen kẽ ba vùng"* và *"tự động đánh trả "* (tr.408).

HVH viết *" nếu như sau khi có Hiệp định Paris , quân và dân miền Nam cũng triệt để chấp hành chủ trương sai lầm cuả Lê Duẩn mà không có sự uốn nắn kịp thời cuả tập thể, cuả quân và dân trong cương vị chiến đấu thực tế, thì chúng ta khó có thể lường được cái nguy cơ sẽ xảy ra đối với miền Nam, và cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước cuả nhân dân ta sẽ đi đến kết quả như thế nào* (tr.413).(...) *Vinh quang này mãi mãi thuộc về Hồ Chủ tịch và Đảng Lao động Việt Nam, thuộc về quân và dân Việt Nam, đặc biệt là quân và dân miền Nam anh hùng " (tr.414).(...) chứ không phải công lao cuả cá nhân Lê Duẩn".*

Đọc đến đây , ta có cảm tưởng như đang đọc *"bản báo cáo bí mật"* cuả Khrouchtchev về Staline. Chỉ cần thay hai chữ Lê Duẩn bằng

Staline !

Chương cuối cùng cuả cuốn hồi kí, HVH dành để chỉ trích chính sách cuả Lê Duẩn từ sau 1975.

Ông kể ra một số sự kiện chứng tỏ rằng Lê Duẩn đã phản bội Bác và Đảng. Lê Duẩn đã ngông cuồng *" âm mưu biến Việt Nam thành một nước bá chủ ngự trị cả Đông Dương và Đông Nam Á ."* (tr.415) Và vì biết TQ sẽ phản ứng mạnh trước âm mưu đó nên Lê Duẩn đã làm áp lực ép Trung Ương Đảng CS VN ra nghị quyết chống TQ năm 1978.

"TQ là kẻ thù trực tiếp, kẻ thù nguy hiểm cuả nhân dân Việt Nam; phải đánh đổ nhóm cầm quyền thân Mao ở Bắc Kinh;(...) phải phê phán tư tưởng Mao Trạch Đông trên mọi lãnh vực; phải phái người đi các nước Đông Nam Á vận động các nước này chống TQ "(tr.426).

Sau nghị quyết này, cả một chiến dịch rộng lớn chống TQ được tung ra . Quyển sách cuả Vương Minh[46] được phổ biến hàng chục vạn quyển nhằm đối kháng tư tưởng Mao. Phạm Văn Đồng đi khắp các nước Đông Nam Á (không cộng sản) *" để nói xấu TQ và cam đoan sẽ không giúp đỡ Đảng CS cuả các nước này "* Đặc biệt là Đảng CS Thái Lan.(tr.427)

Chủ trương chống TQ này đã thúc đẩy Lê Duẩn và đồng bọn phạm những tội ác tày trời đối với cộng đồng Hoa kiều tại VN.

Chính phủ đã tịch thu tài sản tất cả những người Hoa bị nghi ngờ là trung thành với TQ, đuổi họ ra khỏi các cơ quan Đảng, Nhà nước và quân đội bất kể họ đã từng là anh hùng chống hay diệt Mĩ, lao động tiên tiến hoặc có công trong hai cuộc kháng chiến. Chính phủ đã buộc những người Việt có chồng, vợ là người Hoa phải li dị, hoặc phải theo họ đi vùng kinh tế mới, thậm chí theo đi về TQ hay ra nước ngoài. Ngay đến người Hoa định cư tại VN từ nhiều thế hệ hay lâu đời cũng bị cưỡng bức rời VN.

Ngày 3/11/ 1978, Lê Duẩn và Phạm Văn Đồng kí xong Hiệp ước hữu nghị và hợp tác với Liên Xô tại Moscou thì qua ngày 25/12/1978, 200 000 bộ đội VN tấn công Cam pu chia. Dĩ nhiên, cuộc xâm lăng này không phải chủ ý diệt Pol Pot mà vì lí do khác.

" đó là thực hiện cái mộng Liên bang Đông Dương mà Việt Nam là bá chủ "

Nhân danh chống chính sách diệt chủng nhưng Lê Duẩn và đồng bọn đã *"áp dụng chính sách diệt chủng ở Cam pu chia"* (tr.430). Trong cuộc xâm lăng Campuchia, quân VN đã giết hại, đốt phá nhà cửa nhân dân Campuchia. Theo tin Campuchia, hiện nay [1987] có đến 60 000 người Việt di cư, chiếm đất đai và nhà cửa dân Campuchia. Đám cư dân mới này sẽ làm cơ sở cho chính sách *"đồng hoá"* (Việt hoá) dân tộc

Khmer. Con gái Campuchia bị ép lấy chồng Việt. Trường học Campuchia phải dạy tiếng Việt. Lê Duẩn và đồng bọn muốn biến đất Miên thành đất Việt. HVH viết :

" Lê Duẩn (...) *Trường Chinh ép Uỷ ban dự thảo Hiến pháp ghi rõ trong Hiến pháp rằng nhân dân Việt Nam phải đương đầu với bọn bành trướng và bá quyền TQ cùng bè lũ tay sai của chúng ở Cam-pu-chia" (tr.426)*

Theo Hoàng Văn Hoan,Lê Duẩn đã đem vào Đảng những cơ chế theo kiểu phát xít.

Đối với HVH, Trung Quốc đã giúp Việt Nam một cách hoàn toàn vô vị lợi. Nói rằng TQ muốn lấn chiếm VN, không những là vu khống mà còn tỏ ra vong ân bội nghĩa không thể tha thứ được . Nhân danh chống xâm lăng Trung Quốc người ta đã *"biến Việt Nam thành căn cứ quân sự cuả Liên Xô. Đó là một hành động phản quốc, phản dân tộc" (tr.434).*

HVH cho rằng đảng CSVN không còn là đảng của Hồ Chí Minh thời sinh tiền nữa. Người ta đã đem vào đảng *"hình thức đảng trị theo kiểu phát xít* "(tr.434).

Ở mọi cấp cuả đảng đều có công an, mật vụ mà chức năng là kiểm tra mọi hành động cuả các đảng viên. Trong một bộ máy như thế bất kì ai lên tiếng phê bình đều bị coi là chống đảng, là kẻ thù cuả đảng, phải đem ra trừng trị :

"Trong Đảng không còn một chút tự do, dân chủ (...), *không ai dám nói lên ý kiến thật cuả mình về (...) đất nước, về xã hội (...) hễ (...) phê bình những sai trái (...) là bị trù úm, bị hãm hại, ở cấp nào cũng vậy " (tr.431).*

"(...) *Lê Duẩn và bè đảng đã tổ chức thành một nền thống trị độc tài phát xít, dựa trên cơ sở công an mật vụ dầy đặc cả trong Đảng cũng như ở ngoài xã hội."* (tr.431).

Nhờ hệ thống công an, mật vụ này, Lê Duẩn và đồng bọn đã dần dà loại trừ được những kẻ chống đối họ và đồng thời kết hợp bè đảng (tr.435). Và Đảng CS VN trở thành " *một tổ chức do Lê Duẩn và bè đảng khống chế và đè đầu cưỡi cổ nhân dân"* . Chế độ bây giờ là chế độ *"đảng trị* ". Sau đây là đoạn trích HVH nói về tính chất cuả chế độ:

Do chính sách xâm lược và hiếu chiến, tất cả sức người sức cuả đếu dồn cả vào việc chiến tranh và chuẩn bị chiến tranh, con em chúng ta còn phải đi làm bia đỡ đạn trên chiến trường. Vì vậy mà công, nông, thương nghiệp bị đình trệ, đời sống nhân dân đã tụt xuống đến mức bị

xếp vào hàng thấp nhất trên thế giới. Tệ nạn xã hội như tham ô, móc ngoặc, buôn gian bán lậu, trộm cắp, cờ bạc, đĩ điếm, ăn mày, mê tín dị đoan ngày một lan tràn. Một xã hội được khoe khoang là xã hội chủ nghĩa mà ở nông thôn đã xuất hiện tầng lớp cường hào mới, ở nhà máy, xí nghiệp đã xuất hiện tầng lớp cai xếp mới, ở Nhà nước đã xuất hiện tầng lớp quan lại mới, ở bộ đội đã xuất hiện tầng lớp quân phiệt mới. Việc xoá bỏ chế độ tự trị cuả dân tộc thiểu số đã gây nên sự chống đối cuả các dân tộc và tạo cơ hội cho một số phần tử phản động có điều kiện hoạt động phá hoại " tr.432).

Trong phần kết luận HVH kêu gọi nhân dân Việt Nam
" phải làm lại cuộc cách mạng (...) phải đoàn kết đấu tranh lật đổ ách thống trị tàn bạo và thối nát cuả bọn Lê Duẩn." (tr.434).

Nghĩa là ông kêu gọi làm cuộc cách mạng chính trị, nhưng ông không đề nghị một chương trình hành động hay một yêu sách nào cả.

Phần II
Bình luận : Cần phải viết lại lịch sử đảng cộng sản Việt Nam không ?

Đọc *Giọt nước trong biển cả* của Hoàng văn Hoan, chúng ta phải công nhận đây là một quyển hồi kí quan trọng vào bậc nhất. Không phải chỉ vì sách viết hay, rõ ràng là tác giả có văn tài. Văn phong giản dị, trong sáng, bút pháp bình dân thích hợp với chủ đề mà không thiếu phần thanh nhã. Hồi kí mà ta đọc như đọc tiểu thuyết. Độc giả không hề nhàm chán một phút giây ngay dù không hoàn toàn đồng ý với tác giả. Điều đáng chú ý nhất chính là nội dung của sách. Đây là lần đầu tiên, một lãnh tụ cao cấp nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam (CSVN), trở thành kẻ li khai, tự do kể lại những biến cố mà mình đã tham dự. Nhờ những sự kiện mới này, tác giả giúp chúng ta phục hồi một số sự thật mà Đảng đã cố tình giấu diếm từ bấy lâu nay.

Độc giả nhận ra rằng khá nhiều sự kiện và biến cố không hề được ghi trong các văn kiện chính thức của Đảng, từ hoạt động của Hồ Chí Minh tại Xiêm và Trung Quốc, từ vai trò của ông Hồ trong Đệ Tam Quốc Tế, cho đến đường lối chính trị của ông và Đảng CSVN vào thời điểm nắm chính quyền năm 1945, từ những cuôc thương thuyết với Pháp năm 1946 cho đến thái độ của Đảng trước phong trào hạ bệ

Staline sau đại hội Đảng Cộng Sảng Liên Xô lần thứ 20 cũng như về những trận đánh cuối cùng ở miền Nam trước chiến thắng 1975, ông Hoan đã đem lại một cái nhìn mới cho những người như chúng tôi, vốn không tin bài bản chính thức của Đảng đã đưa ra.

Khác hẳn với Trường Chinh, Lê Duẩn hoặc với các nhà lãnh đạo đương thời của Đảng thường hay sửa đổi lịch sử cho ăn khớp với các biến cố mới hoặc vì tuân theo mệnh lệnh Đảng, ông Hoan là một người stalinít khá đặc biệt. Ông vẫn trung thành với Staline và chủ nghĩa Staline, điều này được cảm nhận trong từng trang hồi kí, ông coi như không có bài báo cáo mật của Khrouchtchev về Staline, coi như không biết những gì xảy ra trên thế giới từ ba mươi năm nay. Chính vì thế mà quyển hồi kí cuả ông là một tài liệu quí giá giúp chúng ta hiểu rõ hơn lịch sử Đảng CSVN.

" Các bậc thiên tài không bao giờ nhầm lẫn ".

Quay lưng với thực tại, Hoàng Văn Hoan dường như chỉ sống với dĩ vãng. Trước kia ông tôn thờ Staline, bây giờ ông vẫn sùng bái Staline. Những bài học của thời thanh niên, với ông bây giờ vẫn còn là chân lí. *"Liên Xô vẫn mãi mãi là tổ quốc của chủ nghĩa xã hội* " là *"ngọn hải đăng soi đường dẫn lối cho các dân tộc bị áp bức"* mặc dù có những *"hoá thân"("biến dạng")* sinh ra từ chủ nghĩa xét lại cuả Khrouchtchev. Đối với ông, Hồ Chí Minh cũng như Staline, vẫn là bậc thiên tài, mà thiên tài thì không bao giờ nhầm lẫn.

Hoàng Văn Hoan điềm nhiên kể lại mọi lời nói và hành động của Hồ Chí Minh mà không hay rằng mình đã nhầm thời điểm, vô tình ông đã hạ thấp thay vì đề cao vai trò cuả ông Hồ.

Hồ Chí Minh, được ông Hoan xem là người cộng sản, đã lợi dụng tôn giáo để làm vũ khí tuyên truyền ư ? Hoàng Văn Hoan thấy điều này không những đương nhiên mà còn là tài tình nữa. Ông Hồ đã chẳng triệt để thi hành chỉ thị của Quốc tế Cộng Sản : quyết định đổi đảng Thanh niên (Việt Nam) tại Xiêm thành đảng Cộng Sản Xiêm, và chính vì thế ông đã ném hàng trăm chiến sĩ của Phân bộ đảng này vào cuộc mạo hiểm không ngày mai ? Hoàng Văn Hoan xem đấy là chuyện tất nhiên. Là đại diện của Quốc tế Cộng Sản tại Xiêm, ông Hồ phải thi hành mệnh lệnh của Quốc tế Cộng Sản. Ông Hoan không hề đặt lại vấn đề và xem xét cơ sở chính đáng của quyết định này. Thật ra trước hậu quả tai hại của quyết định đó, rốt cục, ông cũng có tự vấn. Nhưng tự vấn để rồi đổ lỗi cho *"đồng chí Tăng" có lẽ đã báo cáo sai lạc cho Quốc tế Cộng Sản* về tình hình thực tiễn tại nước Xiêm. Rõ ràng ông

Hoan đã không hiểu rằng tai hại đó đến từ cái gọi là *"thời kì thứ ba"* trong chính sách của Đệ Tam Quốc tế mà Staline đã chọn để áp dụng cho phong trào cộng sản thế giới vào thời điểm đó.

Sau khi thất bại nặng nề tại Trung Quốc vì áp đặt chủ nghĩa cơ hội cực đoan đối với Tưởng Giới Thạch, Staline và ban lãnh đạo Quốc tế Cộng sản thay đổi chiến thuật , quyết định áp dụng đường lối chính trị tả khuynh cực đoan *"giai cấp chống giai cấp"* và *" chiến đấu đến người lính cuối cùng"* , v..v..[47] Sự thành lập đảng Cộng Sản Xiêm cũng như cuộc khởi nghĩa phong trào *"Xô Viết Nghệ Tĩnh"* đều được tiến hành trong tinh thần đó. Nghĩa là nhằm bóp nghẹt tiếng nói của phe đối lập trong Quốc Tế Cộng Sản và để chứng tỏ cho thế giới thấy ràng sự thất bại ở Trung Quốc không hề làm suy giảm sinh lực cũng như sức mạnh của tổ chức Quốc tế Cộng sản. Bằng chứng trước mắt là sự thành lập đảng Cộng Sản Xiêm và sự khởi động phong trào *"Xô Viết Nghệ Tĩnh"* như nói trên. Mặc cho hậu quả đã xô đẩy cả một thế hệ chiến sĩ hi sinh cho chiến thuật mới này .

Trong một phần khá dài, ông Hoan kể lại chuyện hội nghị Việt Cách (một đảng quốc gia thân TQ) và nhấn mạnh sự kiện ông Hồ đã thành công trong việc đắc cử vào ban Chấp hành trung ương của đảng này. Chuyện nói trên dĩ nhiên không hề được ghi trong bất cứ một văn kiện chính thức nào của đảng CSVN. Vậy mà ông Hoan rất hãnh diện kể lại, coi như một thành tích đáng phục của ông Hồ và đinh ninh rằng độc giả chắc chắn sẽ đồng ý với mình. Chúng tôi rất muốn hỏi ông nếu là một người khác làm như thế chứ không phải ông Hồ thì ông nghĩ sao ? Như chuyện những người Đệ Tứ Việt Nam chưa hề tham gia vào chính phủ Trần Trọng Kim bao giờ, thế mà trước nay đảng cứ nói ngược lại để bêu rếu Đệ Tứ [48)]

Về chiến lược "Chính sách cắc khối".

Chiến lược này của Hồ Chí Minh, trong chính trị người ta gọi là *"chính sách thâm nhập"*. Do ông Hồ sử dụng nó thì ông Hoan xem như điều tự nhiên mà nếu do người khác, như người Trung Quốc hay người Việt quốc gia, áp dụng đối với Việt Minh thì ông phỉ báng nào là *"âm mưu"* nào là *"việc làm đê tiện, bẩn thỉu"*, ông rất thiên vị đối với *"Bác"* nhưng không công bằng đối với người khác. Mâu thuẫn này bàng bạc trong suốt quyển hồi kí.

Hoạt động của ông Hoan và Hồ Chí Minh ở Xiêm , theo như ông kể lại, chủ yếu là những thủ đoạn, âm mưu, móc nối, gạt gẫm, lừa đảo địch thủ hay kẻ thù.

Nếu vì cuộc tranh đấu, bị một địch thủ mạnh hơn đặt ngoài vòng pháp luật, người chiến sĩ cách mạng có lúc cũng phải buộc lòng hành động như thế. Nhưng ở đây HVH lại nêu thành nguyên tắc hoạt động thường xuyên, ông lại có vẻ hãnh diện và muốn sử dụng nó bất kì trong trường hợp nào trong đời sống hằng ngày. Qua những hành động như thế HVH cho chúng ta thấy một Hồ Chí Minh hoàn toàn khác hẳn với Hồ Chí Minh do Đảng vẽ ra.

Trong một chương khá quan trọng (tr.272-278) HVH đã kể lại rõ ràng và tỉ mỉ nguyên nhân và ý nghĩa những điều khoản kí kết với Pháp trong Hiệp định sơ bộ ngày mồng 6 tháng ba năm 1946. Theo ông, Hồ Chí Minh đã dự thảo Hiệp định này từ 1941, giữa hai kì hội nghị tại Tân Trào. HVH tự hỏi tại sao Đảng lại *"che giấu"* một sự kiện quan trọng như thế. HVH còn giải thích thêm rằng phương hướng hành động chung được Hồ Chí Minh vạch ra ở Tân Trào không chỉ từ 1941 mà trước đó nữa, *vào năm 1938 bởi ban chấp hành Quốc Tế Cộng Sản.* Đó là theo chính sách *"khối các nước đồng minh chống lại khối các nước phát-xít "*. Việt Nam ở vào khối đồng minh, mà trong khối này lại có cả Pháp, nên phải làm hoà với Pháp, bằng một bản hiệp định. Tại Tân Trào, Hồ Chí Minh còn nói *" Cho dù chúng ta có muốn đánh Pháp, chúng ta cũng không đủ sức"* .

Thì ra lí do đầu tiên và cũng là lí do chính của việc kí hiệp định là chính sách này. Nhưng lí do thứ hai quả là vô lí. Làm sao *"Bác"* có thể nói về tương quan lực lượng giữa ta với Pháp khi mà ở thời điểm đó, chưa có phong trào kháng chiến nổi dậy (nó chỉ phát động từ 1945).

Cơ bản vấn đề là Hồ Chí Minh và Đảng của ông bị lệ thuộc vào chính sách hai khối do Moscou định đoạt, Hồ Chí Minh và Đảng không thể nào tạo dựng một phương sách ở ngoài cái " khối đồng minh" đã định này.

Hậu quả tai hại của Hiệp định sơ bộ.

Chính vì phải làm hoà với người Pháp mà đảng đã giới hạn, ít ra là trong giai đoạn đầu, sự phát triển tính năng động của Cách mạng tháng tám 1945.

Phải hòa với Pháp, cho nên Đảng đã phải cấm nông dân không được lấy ruộng của phong kiến địa chủ và Đảng cũng đã đàn áp tất cả những lực lượng kháng Pháp trong nước. Chính vì thế mà Việt Minh ra lệnh tàn sát những người Đệ Tứ, dù họ chỉ có cái "tội duy nhất" là đòi lấy đất ruộng chia cho nông dân nghèo[49] và tiếp tục cuộc đấu tranh

không nhân nhượng với người Pháp.

Cùng lúc đó Việt Minh cũng triệt hạ những nhân viên cuả các đảng phái quốc gia vì những người này cũng đã đòi quân đội Pháp phải rút khỏi Việt Nam.

Chính vào lúc ấy , cựu hoàng Bảo Đại, trở thành hoàng tử Vĩnh Thụy, được cử làm *"cố vấn tối cao"* cho chính phủ Hồ Chí Minh và triều đình Huế được trọng đãi. Phần tiếp theo thì ai cũng biết ! Ông hoàng cố vấn tối cao đã *"phản bội"*, lợi dụng một chuyến công du ngoại quốc, trốn khỏi Việt Nam ! Ngài cố vấn tối cao hợp tác với người Pháp, thành lập một chính phủ và một quân đội chống lại Việt Minh. Người Pháp thì phản bội Hiệp Định sơ bộ 6/3/46, gây chiến sau khi mở những cuộc tấn công giành đất . Việt Minh chỉ còn một lối thoát duy nhất là tổ chức cuộc chiến đấu vũ trang. Sự thực lịch sử là thế. Nhưng trong Lịch sử Đảng CSVN, chúng ta được đọc một lối diễn dịch lịch sử khác : *Đảng đã tiên liệu được tất cả : từ sự phản bội của người Pháp cho đến sự phản bội của quân Đồng minh người Anh và người Mĩ. Nhân nhượng của Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 chỉ là một kế hoãn binh để nghỉ ngơi và để chỉnh đốn lại tổ chức kháng chiến !*

Ngược lại với văn bản chính thức, HVH đã nhìn nhận rằng hiệp ước được kí kết vì những lí do quốc tế chứ không phải vì những điều kiện quốc gia. Ông còn đi xa hơn nữa khi cho chúng ta biết rằng phong trào cách mạng tháng tám năm 1945 của hàng triệu người dân thuở ấy được tạo nên không phải để đánh đuổi thực dân Pháp mà chỉ để nhắm mục tiêu tạo điều kiện đi tới một cuộc thỏa hiệp với Pháp. Mục đích trước mắt và ngay sau đó chưa phải đấu tranh cho một nền độc lập hoàn toàn. Theo Hồ Chí Minh, độc lập hoàn toàn chỉ có thể giành được sau thời hạn năm năm.

Trình bày tất cả những sự kiện lịch sử đã thật sự xảy ra như đã nói trên, HVH thật ra chỉ cho ta biết cố một nửa sự thật, còn nửa kia ông ta dấu nhẹm, đó là hậu quả tai hại do đường lối chính trị thoả hiệp này mang đến cho đất nước Việt Nam. Khi tàn sát những người Đệ Tứ và người quốc gia bất khuất, khiến những người này không còn có thể cùng góp phần vào phong trào kháng chiến chống Pháp, Việt minh không những đã phá hoại một phần lớn những tiềm năng của đất nước mà họ còn tạo ra những điều kiện khách quan gây khó khăn cho sự tổ chức cuộc kháng chiến này. Chỉ trong vòng vài tháng quân Pháp nắm vai trò chủ động. Họ đẩy lùi quân đội Việt Minh ra khỏi các thành phố khá dễ dàng và không mấy tổn thất. Còn về chuyện người Đệ Tứ đòi hỏi *" cải cách ruộng đất"* phải hơn năm năm sau, Đảng CSVN mới đề cập đến[50]

Và bởi vì chủ nghĩa cơ hội chỉ là mặt trái của chủ nghĩa bè phái (sectaire), cuộc cải cách ruộng đất này đã được thực hiện một cách cực kì tàn bạo và hoàn toàn ngược lại với những nguyên tắc sơ đẳng nhất của chủ nghĩa Lê nin về vấn đề này.

HVH đã tố cáo điều ấy trong hồi kí. Năm 1956, Đảng CSVN đã phải sửa sai, kiểm thảo. Nhưng hàng chục nghìn nạn nhân có sống lại để được phục hồi hay không?

Về viện trợ Trung Quốc và Liên Xô cho Việt Nam.

Trước cuộc chiến thắng của người Việt Nam đối với người Pháp và Mĩ, một số sử gia và nhà văn kể cả những người cực tả, giải thích rằng khi Hồ Chí Minh và đảng ông lên cầm quyền, tất nhiên họ đã đoạn tuyệt với Staline và chủ nghĩa Staline. Nhưng sự thật, và quyển hồi kí của HVH cũng xác nhận, là khác với Mao và Tito, Hồ Chí Minh hướng dẫn cuộc Kháng chiến Việt Nam theo khuôn khổ, chính sách do Staline và Liên bang Xô Viết đã quy định .

Hồ Chí Minh đã chẳng bênh vực khẩu hiệu *"Liên Hiệp Pháp"* như đảng CS Pháp hay sao?

Thái độ cũng như chương trình hoạt động của đảng CSVN chẳng phương hại gì cho chính sách cuả các đảng CS Pháp và Liên Xô. Người ta thường hay quên điểm quan trọng này : *chiến tranh VN mở đầu cùng lúc với cuộc chiến tranh lạnh thế giới.*

Liên bang Xô Viết, lúc ban đầu, không hề nhiệt tâm giúp đỡ kháng chiến VN, bây giờ với chiến tranh lạnh, họ chẳng có lí do gì để phá hoại kháng chiến Việt Nam, như trong trường hợp cuộc kháng chiến Nam Tư hay Hy Lạp. Cuộc kháng chiến VN trở nên con bài khá tốt cho chính sách của giới lãnh đạo Liên Xô Viết trong cuộc chiến tranh lạnh này.

Không ưa Liên Xô, HVH ra mặt chọn phe Trung Quốc. Để bênh Trung Quốc, ông đã lập một danh sách thật dài những viện trợ TQ cho Việt Nam. Viện trợ này quả thật vô cùng quan trọng, *nếu không có nó, sẽ không có chiến thắng Điện Biên Phủ*. Nhưng HVH quên nói với chúng ta rằng sau Điện Biên Phủ, viện trợ TQ lại kém xa viện trợ Liên Xô. Và ai cũng biết cho *đến trước ngày chiến thắng 1975, Trung Quốc chống lại việc thống nhất Việt Nam, y hệt như Liên Xô chống việc thống nhất Việt Nam trong những năm 1950.*

HVH có lí khi ông phê bình thái độ Liên Xô về chuyện này nhưng ông lại quên tư thế của Trung Quốc. Sự thật là viện trợ Liên Xô hay viện trợ Trung Quốc, cả hai đều nhằm phục vụ cho quyền lợi

chính trị cuả giới quan liêu lãnh đạo hai nước này.

Về hiệp định Genève năm 1954, HVH đã nói dối khi ông bảo rằng Trung Quốc ủng hộ vô điều kiện mọi quyết định của Việt Nam, và nói dối lần nữa khi ông khẳng định rằng trong cuộc chiến tranh chống Mĩ, Trung Quốc không hề tìm cách gây khó khăn trong việc chuyên chở các viện trợ Liên Xô ngang qua lãnh thổ Trung Quốc để tiếp tế cho Việt Nam

HVH có lí khi ông trách Liên Xô đã gọi về nước tất cả các chuyên viên Liên Xô đang làm việc ở Trung Quốc khi xảy ra vấn đề tranh chấp giữa hai nước. Nhưng Trung Quốc đã chẳng đối xử như thế với Việt Nam hay sao ? Tệ hơn nữa, họ đã kéo quân sang xâm phạm lãnh thổ Việt Nam để cho *một bài học* và gây ra bao nhiêu tội ác không thể tha thứ được. *Bài học ấy* rất đắt giá cho cả hai bên nhân dân Hoa-Việt , là những người hoàn toàn không có lí do gì để huỷ diệt nhau bằng cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn.

Cũng như về cuộc chiếm đóng Kam Pu Chia của quân đội Việt Nam, chúng ta cũng hoàn toàn đồng ý với những chỉ trích của tác giả. Ông nói, rất đúng, rằng mục đích của Hà Nội không phải để *"tiêu diệt Pol Pot"* mà chính là để thực hiện Liên bang Đông Dương bằng võ lực. Chủ nghĩa *"đại quốc gia"* là động lực chính chứ không hề là chủ nghĩa nhân đạo vô vị lợi mà người ta đã lầm lẫn tặng cho giới lãnh đạo Việt Nam.

Nhưng HVH lại không nói gì đến tội ác diệt chủng cuả Pol Pot cũng như việc Trung Quốc mưu toan đặt Việt Nam vào vòng lệ thuộc cuả họ. Chủ nghĩa *"đại quốc gia"* không phải bản sắc riêng cho Việt Nam, nó cũng tượng trưng cho bản sắc Trung Quốc và Liên Xô, bởi nó thể hiện trên bình diện chính trị một trong những nguyên tắc cuả chủ nghĩa Staline mà chính tác giả cũng chưa gột bỏ được.

•

Nên thay đổi giới lãnh đạo hay thay đổi chế độ?

Trong chương cuối, HVH đả kích có bài bản kẻ thù số 1 cuả mình là Lê Duẩn. Đả kích về mặt chính trị lẫn cá nhân.

Về mặt chính trị ông kê khai một số lỗi lầm của Lê Duẩn trong đó có ba lỗi lầm quan trọng : cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân, chủ nghĩa xét lại kiểu Khrouchtchev và đường lối chính trị trước và sau Hiêÿp định Paris.

Đây là lần đầu tiên một nhân vật lãnh đạo quan trọng của đảng CSVN dám công khai chỉ trích như vậy. Thật là đáng cho chúng ta lưu ý khi biết rằng cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân năm 1968 này

được xem như một cuộc "phiêu lưu mạo hiểm" bởi vì ban lãnh đạo đảng CSVN đã "đánh giá quá thấp" lực lượng quân thù. Rằng Lê Duẩn là tín đồ (không dám công khai ra mặt) của Khrouchtchev trong khi Hồ Chí Minh chống lại Khrouchtchev và chống lại việc hạ bệ Staline.

Một điều đáng lưu ý khác nữa là Lê Duẩn và các lãnh tụ khác đều tỏ ý ngạc nhiên trước chiến thắng 1975, vì họ đã *"đánh giá quá thấp "* tính năng động của Cách mạng và *"đánh giá quá cao"* sức mạnh của chế độ Nguyễn Văn Thiệu. Vì đã chuẩn y một tiến trình đấu tranh chính trị lâu dài, họ muốn tôn trọng nghiêm nhặt tất cả các điều khoản cuả Hiệp định Paris, nên họ không muốn quân giải phóng trả đuã những vi phạm Hiệp định cuả quân đội ông Thiệu.

Chỗ này HVH đã vô tình ghi lại tình trạng đất nước giống y hệt như sau ngày kí kết Hiệp Định sơ bộ mồng 6 tháng 3 năm 1946. Việt Minh nghĩ rằng có thể cứu vãn được những thoả ước đã kí, trong khi quân Pháp đã vi phạm trắng trợn Hiệp định bằng cách tấn công về chính trị cũng như quân sự.

Như vậy Thỏa hiệp án (modus vivendi) mà Hồ Chí Minh đã kí với Marius Moutet ngày 14 tháng 9 năm 1946, trước ngày lên tàu về nước, có ý nghĩa gì ?

HVH có lí khi chỉ trích Lê Duẩn. Nhưng những điều ông coi là xấu cho Lê Duẩn lại được trình bày là tốt cho Hồ Chí Minh. Cho nên càng bênh vực "Bác Hồ" chừng nào, ông lại ra công chỉ trích Lê Duẩn chừng ấy.

Về mặt cá nhân, HVH phê bình Lê Duẩn cũng giống y hệt như Khrouchtchev phê bình Staline. Tất cả mọi xấu xa đều tập trung vào một mình Lê Duẩn. Lê Duẩn nhiều tham vọng, thích sùng bái cá nhân, dùng nhiều thủ đoạn để chiếm lấy tất cả quyền lực về tay mình v..v.. Ông còn ngụ ý rằng tập đoàn Lê Duẩn - Lê Đức Thọ đã ám hại một nhân vật có trách nhiệm lớn trong đảng (tướng Nguyễn Chí Thanh - tr.420-).

Nhưng những chỉ trích của HVH đem đến một câu hỏi : nếu quả thật Lê Duẩn đã loại bỏ bằng phương pháp quan liêu mọi địch thủ của mình, nếu quả thật Lê Duẩn đã cài công an vào tất cả các cơ quan của bộ máy Đảng và Nhà nước, nếu đúng là chế độ đã trở thành chế độ độc tài, thì phải hỏi vì sao ra nông nỗi này ?

Chắc chắn là phải tìm câu trả lời ngay trong chính cái cấu trúc của chế độ.

Vấn đề không phải là thay thế tập đoàn Lê Duẩn bằng một

tập đoàn khác như HVH đã đề nghị mà là xây dựng lại một thể chế hoàn toàn khác hẳn . HVH có sẵn sàng chấp nhận trong chế độ xã hội chủ nghĩa, một thể chế dân chủ từ dưới gốc, một nền kinh tế tự quản, một chế độ đa đảng và nhiều nghiệp đoàn ?

HVH có sẵn sàng chấp nhận từ bỏ hệ thống độc đảng và độc khối hay không?

Ông có sẵn sàng chấp nhận tự do giao lưu tư tưởng, tự do báo chí, quyền tự do lập hội và hội họp, quyền đình công, quyền biểu tình, tất cả được bảo đảm bằng một bản hiến pháp thật sự xã hội chủ nghĩa?

Tất cả những đòi hỏi dân chủ này là nền tảng cơ bản cuả chủ nghĩa xã hội mà chủ nghĩa Staline đã chà đạp trong nửa thế kỉ nay. Có thể nào nói tới đổi mới ở Việt Nam mà không lên án một cách rõ ràng chủ nghĩa Staline và mọi phó bản của nó ?

HOÀNG KHOA KHÔI
Tháng 9 năm 1987

Phan thị Trọng Tuyến dịch từ bản tiếng Pháp cuả Hoàng Khoa Khôi dưới bút hiệu Hà Cương Nghị đăng trong tờ"Chroniques vietnamniennes" (Trimestriel, Hiver Printemps 1988, Numéro spécial Paris, France : " Việt Nam Thời Luận ", Báo định kì tam cá nguyệt, số Đặc biệt Đông Xuân năm 1988 " xuất bản tại Paris, Pháp .)

Chú thích:

41) Xin xem tập "Hồ Chí Minh" do Phái đoàn đại diện chính phủ VNDCCH ấn hành tại Paris, tháng 5 năm 1947
42) Theo văn kiện chính thức của đảng CSVN, TQ đã phản bội vì đã thúc ép Phái đoàn VN chịu nhận những nhượng bộ không tương xứng với lực lượng quân sự các phe lâm chiến.
43) Đảng Lao động VN trở thành Đảng CSVN.
44) HVH quên nói tới năm 1979 TQ cũng đã làm như thế đối với VN.
45) Xem hồi lý Tướng Trần Văn Trà (tr 54), nxb Văn Ngệ, Tp Hồ Chí Minh
46) Wang Ming theo chủ trương của Staline, đối lập với Mao, đã từng cố gắng áp đặt đường lối Liên Xô cho đảng CSTQ
47) Câu này được tác giả trích dẫn trong phần nói về các hoạt động của ông ở Xiêm, nhưng tác giả Hoàng Văn Hoan không hiểu rõ ý nghĩa và xuất xứ của nó
48) Chúng tôi đã phỏng vấn bác sĩ Hồ Tá Khanh (hiện cư ngụ tại vùng ngoại ô Paris

PHÂN ƯU

Nhận được hung tin thân phu

nhà văn Nguyễn Quí Đức là cụ

Nguyễn.Văn Đải

(tức nhà văn Hoàng Liên, pháp danh Nguyên Ngộ)
tạ thế tại San Francisco, California, Hoa Kỳ,
lúc 12 giờ ngày 23/11/2000, hưởng thọ 78 tuổi.

Hỏa táng sẽ cử hàng vào 3 giờ 27/11/200 tại Woodlawn Memorial Park, 1000 El Camino Real, Colma, CA 94014

Thay mặt anh chị em cầm bút trên khắp thế giới, thành kính phân ưu cùng gia đình nhà văn Nguyễn Quí Đức.
Cầu mong linh hồn cụ Hoàng Liên sớm về cõi cực lạc.

Nguyễn Mộng Giác (*Văn Học*) - Nguyễn Xuân Hoàng (*Văn*)
Nguyễn Hưng Quốc (*Việt*) - Phạm Phú Minh (*Thế Kỷ 21*),
Khánh Trường (*Hợp Lưu*) - Võ Thắng Tiết (*nxb Văn Nghệ*)
Phùng Nguyễn - Quỳnh Trang - Thiên Phượng - Duy Cường

về vấn đề này Bác sĩ Khanh từng là bộ trưởng trong chính phủ Trần Trọng Kim thuở đó, ông cam đoan với chúng tôi rằng không có Tạ Thu Thâu hay bất kì một người Đệ Tứ nào trong chính phủ Trần Trọng Kim. Khi có dịp, chúng tôi sẽ công bố bài phỏng vấn này

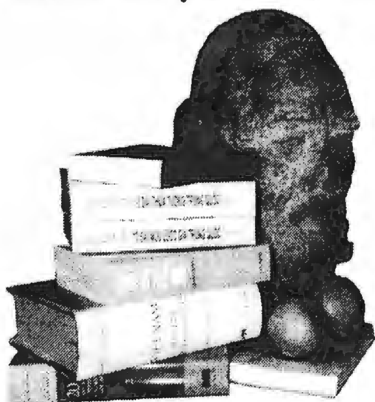
49) Trong quyển *Cách mạng tháng tám*, tập II, nxb Sử học, 1960, Hà Nội, tr.319, người ta đọc được lời thú nhận đáng kinh ngạc sau đây : " Sau khi chúng ta giành được chính quyền, bọn trốt-kít ra một tờ báo tên là "Độc lập" có vẽ ngôi sao đỏ sáng chói, nhằm chia rẽ phá hoại chính sách Đảng ta. Báo này đòi tịch thu ruộng đất chia cho nông ân Chúng ta đã đóng cửa tờ báo này và tố cáo bọn chủ báo, biên tập với đồng bào. Đồng thời *ta bắt giữ bọn thủ lãnh của chúng trốn tránh ở Dĩ An, Thủ Đức (như Nguyễn Văn Sô, Phan Văn Hùm, Phan Văn Chánh, Trần Văn Thạch v..v..*". Các tác giả của những giòng này không nói rõ số phận những tù nhân, nhưng chúng ta biết rằng họ đều bị giết chết

50) Khi đề cập đến chuyện cải cách ruộng đất , Đảng Cộng Sản Việt Nam thú nhận sự chậm trễ trong việc giải quyết vấn đề này.



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

Giới thiệu sách mới



ĐỔI MỚI, NIỀM VUI CHƯA TRỌN, hồi ký chính trị Trần Độ, bìa KT, Văn Nghệ xuất bản. Giá 14MK.

Hồi ký ***Chuyện ngày xưa*** của trung tướng Trần Độ gồm hai tập. Tập một: *Những năm thang sôi nổi.* Tập hai: *Đổi mới, niềm vui chưa trọn*. Nhà xuất bản Văn Nghệ nhận được tập 2 qua tay một người bạn về nước mang sang. Trong khi xúc tiến việc in ấn tập hai, thì tập một cũng đã đến. Để khỏi mất thời gian tính, Văn Nghệ cho phát hành trước tập hai, song songvới việc chuẩn bị in tập môt.

Theo Nguyễn Minh Cần thì "*Đổi mới, niềm vui chưa trọn* là tấm gương phản ánh thời kỳ lịch sử quan trọng của đất nước, có tên lá thời "đổi mới", song cũng có người gọi là thời "cởi trói" rồi "trói lại" văn nghệ sĩ. Qua cuốn sách này, bạn đọc sẽ thấy rõ những bước ngoắc ngoéo , những "dzích dzắc", những bước thụt lùi trong chủ trương, chính sách của ban lãnh đạo CSVN đối với văn hóa, văn nghệ, và nói chung đối với trí thức VN."

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐIỂM NHÌN H(ậu h)IỆN ĐẠI, tiểu luận phê bình Nguyễn Hưng Quốc, tranh bìa Nguyễn Hưng Trình, KT trình bày, Văn Nghệ xuất bản. Giá 17MK.

Tác phẩm thứ mười (6 cuốn in riêng, 4 cuốn in chung) của một trong vài ngòi bút phê bình lý luận hiếm hoi tại hải ngoại.

Với khả năng nhận xét tinh tế, bén nhạy, với mắt nhìn luôn đổi mới, với thông minh, đột phá trong tư duy và tài hoa trong chữ nghĩa, hầu như cuốn sách nào của Nguyễn Hưng Quốc cũng gây được chú ý từ dư luận.

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐIỂM NHÌN H(ậu h)IỆN ĐẠI, chỉ thoạt đọc cái nhan, độc giả đã có ngay thắc mắc, từ đó, có ngay ấn tượng. Chưa cần bàn đến nội dung, chỉ duy điểm này thôi, chúng ta đã không thể phủ nhận được sự thông minh trong phương pháp "tiếp thị" mà tác giả đã sử dụng.

Về nội dung, tác giả cho biết "cuốn sách tập hợp những bài viết từng gây tranh luận sôi nổi trên các tạp chí văn học ở hải ngoại trong những năm cuối cùng của thế kỷ 20 đầu thế kỷ 21. Cảm hứng chủ đạo xuyên suốt toàn bộ cuốn sách này là ý định viết lại những gì tác giả đã từng viết trong năm tác phẩm trước đó; là tham vọng muốn nhìn thẳng vào, và nói thật về, thực trạng cũng như di sản văn học Việt Nam..."

Trong những tháng cuối cùng của năm 2000, vài cuốn sách "có trọng lượng" của vài tác giả đã được xuất bản. *VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐIỂM NHÌN H(ậu h)IỆN ĐẠI* là một trong các tác phẩm ấy.

BINH BIẾN 11-11-1960, Khởi điểm một hành trình..., hồi ký Vương Văn Đông, bìa KT , Văn Nghệ xuất bản. Giá 18MK, ngoài Mỹ 21MK.

Tập hồi ký chia làm hai phần. Phần một gồm năm chương được viết xong tại Sài Gòn năm 1964, bổ sung và sửa chữa tại Paris năm 1966. Hai chương đầu phân tích nguyên nhân gần & xa đưa tới cuộc đảo chính (tác giả gọi là Binh Biến). Ba chương còn lại tường thuật diễn biến của cuộc đảo chính, từ chuẩn bị cho đến kết thúc thất bại. Phần hai, 7 chương, được trước tác 37 năm sau 11- 11 – 60. Phần này tản mạn, không nhất quán tập trung vào một chủ điểm.

Theo Trần Thanh Hiệp trong lời tựa thì "đọc Binh Biến 11- 11-1960, hiểu rõ thêm cường độ thảm kịch dất nước, hiểu thấu nỗi u uất của những thế hệ đã hy sinh oan uổng trong thảm kịch ấy. Hiểu, không vì tác giả mà để hội nhập vào suy nghĩ để tự giải phóng khỏi những vong thân vì chiến tranh ủy nhiệm, cũng như chiến tranh ý hệ, từ đó đối chiếu quan điểm, chọn lựa thái độ mà hành động cho tương lai chung. Thái độ nào – miễn được gắn liền với hành động – cũng có chỗ khả vọng..."

HỒ QUÝ LY, tiểu thuyêt lịch sử Nguyễn Xuân Khánh, bìa, trình bày Trần Đại Thắng. Nhà xuất bản Phụ Nữ, 39, Hàng Chuối, Hà Nội, Việt Nam. Không ghi giá bán.

Sách dày hơn 800 trang, ấn loát mỹ thuât, bìa cứng, đóng gáy chỉ.

Bằng nghệ thuật tái hiện khoáng đạt, tác giả đã lật lại lịch sử thời kỳ cuối đời nhà Trần, góp thêm tiếng nói khám phá xã hội và con người Hồ Quý Ly – một nhân vật hơn 600 năm qua vẫn còn nhiều tranh cãi về ông, hơn thế, cuốn tiểu thuyết còn là một bức tranh đẹp về Thăng Long ngàn năm văn hiến với những địa danh cổ nổi tiếng, nhửng cảnh sinh hoạt thôn dã, những lễ hội dân gian, những phong tục tốt đẹp... được lưu truyền hay đã bị mai một theo năm tháng.

VĂN HỌC VÀ THỜI GIAN, tiểu luận Nguyễn Vy Khanh, bìa KT, Văn Nghệ xuất bản. Giá 15MK.

Theo tác giả thì ông "không nghĩ làm công tác của một nhà phê bình văn học, ông chỉ "mạo muội" ghi lại một số cảm tưởng về một số hiện tượng văn hóa, văn học; về một số tác giả và tác phẩm, về khuynh hướng của một thời cũng như nhận định, cổ võ những cố gắng làm mới văn học và dân tộc, của một số tác giả, của một vài tập thể. Trong số, có những vấn đề liên hệ đến lịch sử của một nền văn học, đến cốt lõi của sinh mạng chung..."

Hầu hết các bài viết trong tập tiểu luận này đã được đăng tải trên các tạp chí văn học tại hải ngoại.

HỢP ÂM TRONG VÙNG SÂN KHUẤT, tập truyện Mai Ninh, bìa Trân Sa, nhà xuất bản Thời Mới. Giá 10MK, 14 Gia kim. Liên lạc: Thời Mới, P.O.Box 266, Station C., Toronto, Ontario, MJ 3P. Canada.

Hình thức trang nhã, khổ sách lạ, là tác phẩm đầu tay của một ngòi bút có sức sáng tác sung mãn hiện nay.

Tuy chỉ mới xuất hiện vài năm gần đây, nhưng Mai Ninh đã nhanh chóng tạo được một vị trí xứng đáng trên văn đàn hải ngoại, đúng như lời giới thiệu của nhà xuất bản in ở bìa sau tác phẩm:

"Hợp âm trong vùng sân khuất là một hòa điệu tuyệt đẹp giữa tài hoa, kiến thức, tư duy, từ tâm, và tình yêu đam mê dành cho Con Người. Mười truyện trong tập là những thăm dò vào phần khuất thẳm nhất của tâm thức để khai mở tự do, tìm kiếm hạnh phúc cho sự sống vẫn đầy khát khao đau đớn giữa người và người. Mỗi truyện một cảnh thổ, khí hậu, đậm chất tiểu thuyết, bàng bạc thi tính cùng âm nhạc, và đẹp như hội họa. Tác phẩm đề cập đến nhiều vấn đề hệ trọng, được viết với một văn pháp triệt để cách tân và cực kỳ trữ tình quyến rũ"

MỘT CHUYẾN NGAO DU, truyện giả tưởng của Tạ Ty, bìa tác giả, Xuân Thu xuất bản. Giá 10MK.

Một chuyến ngao du được tác giả mệnh dang là *truyện giả tưởng*, viết, có lẽ để đích giải tỏa những ẩn ức, những thao thức về cuộc sống bên này hay bên kia bờ "cách biệt" (bờ cách biệt ở đây được hiểu cõi sống và cõi chết).

Với tuổi đời trên tám mươi, họa sĩ/nhà văn Tạ Ty vẫn sáng tác đều đặn, trên cả hai lĩnh vực: văn học và hội họa. Đây là một tấm gương đẹp cho giới văn nghệ sĩ nói riêng, và mọi người, nói chung.

Cuốn sách là những chiêm nghiệm của một người đã bước qua ranh giới bát tuần, đang dọn mình, chuẩn bị cho bản thân một chuyến đi dài, vào cõi vô thủy vô chung.

LẠC ĐẠN, & 10 truyện ngắn Trần Thị NgH., tranh bìa, phụ bản Tưởng An, Thời Mới xuất bản. Giá 10MK.

Dù viết truyện dài hay ngắn, ngồn ngộn trên các trang chữ, vẫn là hình bóng của tác giả cùng những hệ lụy. Nhưng với một bút pháp như đùa, như thực, cộng với trí thông minh hơn người, Trần Thị NgH đã tạo cho văn chương của bà những cảnh thổ riêng, khí hậu riêng, không lẫn và không thể lẫn với bất cứ ai.

Trần Thị NgH chơi với chữ nghĩa, một trò chơi ít nhiều bi thảm: bà đã cười cợt với rất nhiều sự cố, sự kiện, trạng huống, lẽ ra, đáng khóc hơn đáng cười.

CÕI RIÊNG, thơ Nguyễn Thị MinhThủy, bìa KT, phụ bản KT, Đinh Cường, Lê Thánh Thư, Võ Đình, Hồ Thành Đức, phổ nhạc Ngu Yên, ảnh Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Mai Đạt. Tác giả xuất bản. Giá 10MK. Liên lạc: NTMThủy, 9062 Jennrich Ave., Westminster, CA 92683

"Thơ, một lúc nào đó, đối với tôi chính là những dòng nhật ký tuyệt diệu và gần gũi vô cùng. Tuyệt diệu, vì nét đẹp văn chương đẩy tôi bay bổng khỏi những eo sèo đời mọn. Và gần gũi, vì thơ có thể ngụ trong tim óc tôi bất kể hoàn cảnh, giờ giấc nào. Thơ dựng cho tôi một cõi riêng để tôi yên bình trú ẩn, dù với vết thương đau đớn hay với niềm hoan lạc mong manh"

Đó là quan niệm thơ ca của Nguyễn Thị Minh Thủy, một người thơ, ngoài đời sống, cũng hiền lành và nhẹ nhàng như chính thơ của chị.

THẾ HỆ CHIẾN TRANH, tập truyện Trần Hoài Thư, Thư ấn

quán xuất bản năm 2000.

In và đóng theo hình thức thủ công tại gia. Giá 12MK.

Tác phẩm thứ 13 của một nhà văn đã có bốn tựa sách in tại miền Nam trước 1975. *Thế hệ chiến tranh* gồm 13 truyện ngắn xoay quanh chủ đề chính: chiến tranh, cùng hệ quả của nó.

Có những quân nhân suốt đời thủy chung với quân ngũ Đó là những quân nhân mẫu mực mà bất cứ quân đội nào cũng mơ ước có được.

Trong nghĩa nào đó, nhà văn Trần Hoài Thư là người lính mơ ước kia. Hai mươi sáu năm trôi qua, chính phủ và quân đội miền Nam VN đã thuộc về lịch sử, nhưng Trần Hoài Thư của hai mươi sáu năm xưa, và Trần Hoài Thư của bây giờ, vẫn trước sau như một: mãi mãi trên người ông là bộ quân phục lấp lánh những chiến công bội tinh một thời vang bóng, và trên vai ông dĩ nhiên không thể thiếu ba lô, súng đạn, mìn bẩy, lương khô!

Trần Hoài Thư, người lính không bao giờ chịu giải ngũ.

Quả thật, ông xứng đáng tiêu biểu cho một thế hệ, *thế hệ chiến tranh*!

BÊN DÒNG SÔNG HẰNG, Viễn Đằng Chu Tác, Nguyễn Văn Thực dịch, bìa Nguyễn Đồng-Nguyễn Thị Hợp. Thế Kỷ xuất bản. Giá 14MK.

Là một trong những nhà văn Nhật Bản được độc giả Nhật và phương Tây biết đến và yêu mến còn hơn cả Kenzaburo Oe, nhà văn Nhật đoạt giải văn chương năm 1994.

Sự khó khăn của Kitô giáo trong tiến trình hội nhập vào tâm thức Nhật Bản là đề tài lớn trong sự nghiệp sáng tác của ông. Nhưng phải chờ đến *Bên dòng sông Hằng* người ta mới thấy được một thị kiến về một tâm thức mới chuyên chở được muôn dòng sông tư tưởng và tôn giáo, trong đó có Kitô giáo.

TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG VĂN CHƯƠNG ĐỐI LIỄN, Minh Chánh Học sĩ Trần Công Định, bìa KT, Văn Mới xuất bản. Giá 15MK.

Cuốn sách cần thiết cho những ai muốn tìm hiểu về câu đối, vốn là một trong những thành tố quan trọng làm nên văn học dân gian cũng như văn học bác học của Văn hóa Việt Nam.

GIỮA TRỜI HOA BAY, tùy bút Thái Tú Hạp, bìa tranh Flowers của Van Goght, phụ bản Đinh Cường và Ho Huai-Shuo. Sông Thu xuất

bản. Giá 15MK.

Tác giả cho biết: "những tư duy tản mạn này không phải là những bài bình luận, biên khảo, nhận định về tác phẩm, tác giả, của các văn nghệ sĩ đã tạo nên một thời vang bóng trên thi văn đàn Văn học Việt Nam. Chỉ là những góp nhặt ngông cuồng của một người yêu thơ, ước mơ đứng trên đỉnh Hy Mã Lạp Sơn, thả bay hằng triệu cánh hoa trong ngọn gió thu phong, tỏa ngợp trên khắp trời đông phương diệu lý hùng vĩ của tâm thức đốn ngộ Chân Như"

Đây là một tập hợp những bài viết của người thơ Thái Tú Hạp về thơ, người làm thơ, thời gian và không gian tạo thành thơ.

VỀ VỚI BIỂN CẢ, tập truyện Hoài Mỹ, tác giả xuất bản. Giá 12MK.

Nhận xét của nhà văn Nguyễn Mộng Giác: "*Đọc Về với biển cả*, cảm tưởng đầu tiên của tôi là sự an tâm. Thế giới truyện ngắn của Hoài Mỹ không có những bấc trắc, phi lý. Con người có thể hiểu được, và mặc dù nhân vật truyện bị bứng khỏi đất mẹ, họ vẫn còn giữ được những nét đẹp của đời sống cũ làm khuôn mẫu cho cuộc sống mới..."

Hoài Mỹ sinh sống tại Na Uy, nơi ít người Việt, nhưng lại có rất nhiều người cầm bút Việt Nam: Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Hữu Nhật, Dương Kiền, Tâm Thanh, Khánh Hà...

FAKE HOUSE, tập truyện Linh Dinh, Seven Stories Fress xuất bản (140 Watts St., New York NY 10013 - WWW.sevenstories.com) - Giá US&23.95.

Là một nhà văn Mỹ gốc Việt, trẻ. Truyện của Linh Dinh thường xuất hiện trên các tạp chí văn chương Anh ngữ tại Hoa Kỳ, cũng như đã được dịch sang Việt ngữ, đăng tải trên tạp chí Hợp Lưu thường xuyên.

Ngắn, gọn, rất Mỹ, văn chương Dinh Linh thường gây ấn tượng mạnh cho người đọc.

XÓM ĐÌNH ĐA CÁT, tuyển tập thơ văn Trần Huy Sao. Giá 10MK.

Tác phẩn thứ ba sau *Hồn Á Đông* (thơ), *Nhánh Rong Phiêu* (thơ) của cùngb tác giả.

CỬU LONG CẠN DÒNG, BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG, tiểu thuyết Ngô Thế Vinh, bìa KT, Văn Nghệ xuất bản. Giá 25MK.

Tác phẩn thứ sáu của nhà văn Ngô Thế Vinh, sau *Mây Bão* –

Bóng Đêm – Gió Mùa – Vòng Đai Xanh – Mặt Trận Ở Sài Gòn.

Cửu Long, một con sông lớn hàng thứ ba của Châu Á, và thứ 12 của thế giới, khởi nguồn từ cao nguyên Tây Tạng, chảy xuyên qua nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Dòng sông này đã bị khai thác vô tội vạ, tùy quyền lợi của mỗi quốc gia, bất kể hậu quả môi sinh tai hại sẽ xảy ra trong tương lai. Mượn hình thức tiểu thuyết, Ngô Thế Vinh viết "câu chuyện về những năm tháng cuối cùng của dòng sông với quá khứ bão bùng tương lai thì bất trắc, lại đang phải hứng chịu quá nhiều sự hủyhoại không chỉ vì thiên tai mà do chính con người tự gây ra từng ngày"

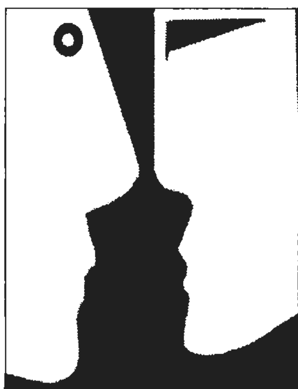
Hãy cứu lấy dòng sông!

Đó là tiếng kêu khẩn thiết của một người cầm bút được mệnh danh là "nhà văn của lương tâm" ngay từ những ngày đầu khởi nghiệp, trên ba thập niên trước. (Mời độc giả xem phần phỏng vấn trong số này do nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh thựchiện với nhà văn Ngô Thế Vinh)

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



Với văn hữu & bạn đọc



XIN LỖI VÀ CẢM ƠN

Hạ tuần tháng mười một vừa qua, chủ biên KT đã phải bất đắc dĩ "thăm viếng và tạm trú" tại bệnh viện Fountain Valley (Huntington Beach, California) vài ngày vì "tai biến mạch máu não. Đó là lý do Hợp Lưu không thể đến tay bạn đọc đúng hẹn, như đã, mười một năm qua.

Hợp Lưu chân thành xin lỗi quí độc giả vì chậm trễ này.

Trong thời gian nằm bệnh, KT đã nhận được rất nhiều thăm hỏi, chúc lành của anh chị em văn hữu trên thế giới qua điện thoại, email.

Xin cảm ơn tất cả, và cũng xin vui mừng báo tin cùng anh chị em: *"tôi đã bình phục, tay và chân trái tuy có yếu hơn xưa, những vẫn có thể... gõ chữ và vẽ vời lăng nhăng (bằng tay phải) được. Nhắn riêng với các thành viên của băng đảng...* chai lọ*: cho tôi tạm rút tên khỏi danh sách hội viên một thời gian, để tu luyện, phục hồi chân khí, và sẽ xin tái ngộ một ngày gần. "* Thân mến. (KT)

Nguyên Khả Phạm Thanh Chương (Melbourne - Australia) cùng nhiều độc giả khác (Mỹ, Pháp, Đức...): Cảm ơn góp ý của các anh. Rất tiếc chúng tôi đã thông báo "đóng hồ sơ" cuộc tranh luận chung quanh bài viết "Phản Trí Thức...." của Nguyễn Hưng Quốc từ hai số trước. Những điều quí vị ấy cần nói với nhau, đã nói hết, và qua qua đó, độc

giả có đủ dữ kiện để tự rút ra cho mình một kết luận. Sẽ không đi đến đâu và "lầy lội", nếu kéo dài thêm.

Bà Trần Thái Bình (Colorado, Mỹ): Vị ấy là một trong những người đầu tiên tán thành chủ trương của HL, có bài đóng góp thường xuyên trong một thời gian dài. Rất tiếc, do một (hay nhiều) lý do chính chúng tôi cũng hoàn toàn mù mịt, HL không được vị ấy hỗ trợ nữa. Tiếc, rất đáng tiếc. Tuy không còn cộng tác với HL, nhưng sáng tác của vị ấy vẫn xuất hiện đều trên các tạp chí văn chương tại hải ngoại. Bà có thể tìm đọc Văn, Văn Học, Khởi Hành... Thân kính.

Nguyễn Đình Phong (Canada): Vâng, chúng tôi cũng đang tìm cách "gây phong trào" bằng những số chủ đề, tuy nhiên, không giản dị. Lý do chúng tôi đã nói nhiều lần, và hẳn anh không lạ gì. Người viết ít, mỗi ngày một ít; thiếu động lực thúc đẩy... Để làm đầy 256 trang báo, với các sáng tác liên quan trực tiếp đến chủ đề, quả thực quá khó khăn trong tình hình "khô cạn tác phẩm" hiện nay. Trong nhiều năm qua, mỗi lần thực hiện xong một số báo với bài vở chu tất, và sau khi đưa đến nhà in, là chúng tôi thở phào nhẹ nhõm, mừng như vừa thoát được "tai nạn" lớn! Đó là sự thực trăm phần trăm, thưa anh.

Hoàng Phùng (Ohio): Hợp Lưu đã bớt lao đao như những năm đầu, tuy nhiên, vất vả thì vẫn còn nhiều. Một mình một ngựa, lại đa đoan bao nhiêu công việc khác, nên hầu như số báo nào cũng đầm đìa lỗi. Nhất là số báo vừa qua, vì phải di chuyển tòa soạn đến địa điểm mới (việc chung), và cố hoàn tất cho xong bốn mươi tấm tranh lớn cho kịp một triển lãm (việc riêng), số báo ấy được hoàn tất trong tình trạng "chạy nướt lụt", nên khi ra lò, đọc lại, thấy tắc trách quá lắm với độc giả. Chỉ còn biết nhận lỗi và xin được tha thứ.

Nguyễn Luyện(TX): Cali lạnh rồi anh ạ. Tòa soạn mới của Hợp Lưu là một cái Warehouse (vừa là studio vẽ tranh), nằm kẹt giữa một xưỡng may và một kho chứa hàng "chợ trời", điều kiện "bảo hộ" ở mức tối thiểu, mùa hè nóng như lò bánh mì, mùa đông lạnh như thùng nước đá. Tuy nhiên, nhờ rộng rãi, thoáng, có thể... đàn đúm, tụ họp... ăn nhậu, bốc phét thoải mái (ông Đỗ Quyên từ Canada sang, từng "trụ trì" trong nhà kho này cả tuần, vẫn không sút đi kí lô nào). Có dịp sang Cali, nhớ ghé Hợp Lưu, anh có thể "quậy" tha hồ mà không sợ làm "phiền lòng hàng xóm"

HỢP LƯU

Trung Tâm William Joiner

Nghiên Cứu về Chiến Tranh và Hậu Quả Chiến Tranh

Đại Học Massachusetts-Boston

*

ĐỀ ÁN VỀ CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT Ở NƯỚC NGOÀI NGHIÊN CỨU GIA KHOA HỌC NHÂN VĂN QUỸ ROCKEFELLER - 2001-2002

DIỄN TRÌNH (TÁI) XÂY DỰNG DIỆN MẠO VÀ QUÊ HƯƠNG CỦA NGƯỜI VIỆT Ở NƯỚC NGOÀI

Đề Tài Nghiên Cứu:

Khảo sát Những Quan Điểm Hình Thành Lịch Sử Việt Nam
Khảo sát Những Tiếng Nói của Người Việt ở Nước Ngoài - Qua Văn Học, Ngôn Ngữ, Văn Hóa
Diễn Trình (Tái) Xây Dựng Diện Mạo và Quê Hương của Người Việt ở Nước Ngoài:
Một Cái Nhìn Dài Hạn

Chương Trình Học Bổng:

Đề án sẽ cấp học bổng cho 2 tới 5 nghiên cứu gia hàng năm, với những chương trình nghiên cứu từ 3 tới 9 tháng. Trợ cấp tối đa cho một chương trình nghiên cứu 9 tháng là 35.000 Mỹ kim cộng với một khoản chi phí di chuyển nhỏ. Nghiên cứu gia có thể nộp đơn và nghiên cứu hoàn toàn bằng tiếng Việt. Phương cách nội trú cá biệt có thể được thảo luận.

Thời Hạn :

Hạn chót nộp hồ sơ : Ngày 31 tháng giêng năm 2001 cho niên khóa 2001-2002.

Đề Án Với Sự Đồng Tham Dự:

Chương Trình Nghiên Cứu Người Mỹ Gốc Á Châu, Chương Trình Đông Á Học
Viện Nghiên Cứu Người Mỹ Gốc Á Châu, Học Viện Cao Đẳng Giáo Dục
Liên Minh Thanh Niên Thanh Nữ Mỹ Gốc Vùng Á Châu-Thái Bình Dương

Địa Chỉ Liên Lạc:

Kevin Bowen / Nguyễn Bá Chung
William Joiner Center for the Study of War and Social Consequences
University of Massachusetts-Boston
Boston, MA 02125-3393
(617)287-5850, fax (617) 287-5855
e-mail < Chung.Nguyen@umb.edu

Đầy đủ chi tiết, xin tham khảo: Web Site <http://omega.cc.umb.edu/~diaspora



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92843. USA
Tel: (714) 379-0639 - Email: tchl@aol.com

PHIẾU TẶNG BÁO

Tên người tặng: ______________________
Địa chỉ: ______________________

____

Email: ______________ Điện thoại: ______________

tặng [ ] (1,2) năm HỢP LƯU bằng máy bay [ ]; hạng tư [ ] đến

Tên người nhận : ______________________
Địa chỉ: ______________________

____

Email: ______________ Điện thoại: ______________

Yêu cầu tòa soạn báo cho tôi biết khi nhận được phiếu tặng báo kèm check (or money order) bằng điện thoại, thư bưu điện, hoặc email.

(Xin xem PHIẾU MUA DÀI HẠN ở mặt sau để biết giá)

PHIẾU GIỚI THIỆU

Yêu cầu tòa soạn gửi đến:

Tên: ______________________
Địa chỉ: ______________________

____

Email ______________ điện thoại ______________

HỢP LƯU số mới nhất. Nếu người nhận vừa lòng với nội dung của tạp chí, sẽ đặt mua dài hạn.



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 379-0639. Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ tên / Full name xin viết chữ IN / Please PRINT

Địa chỉ / Address xin viết chữ IN / Please PRINT

Điện thoại / Phone Điện thư / E mail

Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / one year. ☐ Hai năm / Two years

Bắt đầu từ số / Starting from Issue #:

Mỹ & Gia Nã Đại (US & Canada):

- *Một năm / One year*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$40.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$50.00
- *Hai năm / Two years*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$78.00. Hạng nhất / First class: ☐ US&96.00

Âu châu (Europe):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US&50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$70.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$136.00

Úc, Á châu (Australia & Asia):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$80.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$156.00

Trả bằng ngân phiếu (*Mỹ & Canada*), Money order (*Úc, Á, Âu châu*) để HOP LUU / Check (*US & Canada*), Money order (*Australia, Asia, Europe*), in US funds, pay to HO LUU.

Thay đổi địa chỉ xin cho biết trước & gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change adderess & attach your old label.

Ghi chú / Note: Số báo đầu tiên & cuối cùng in trên nhãn báo / The first & the last subcribed issues are printed on the label.



VĂN NGHỆ giới thiệu

Giá 14MK



Giá 18MK

VƯƠNG VĂN ĐÔNG
BINH BIẾN 11-11-1960
KHỞI ĐIỂM MỘT HÀNH TRÌNH...



NGUYỄN HƯNG QUỐC
VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐIỂM NHÌN H(ậu h)IỆN ĐẠI



VĂN NGHỆ

Giá 17MK



VĂN NGHỆ

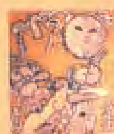
Giá 25MK

NGÔ THẾ VINH



CỬU LONG CẠN DÒNG
BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG

NGUYỄN VY KHANH
văn học và thời gian



VĂN NGHỆ

Giá 15MK

Đã có bán tại các nhà sách trên thế giới
hoặc liên lạc với VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683. USA
hoặc:
9351 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683. USA

Tel: (714) 934-8574
Fax: (714) 934-8514
Email: vannghe@pacbell.net

56 Giá 10MK

Printed by Select Graphic & Printing 714-537-5250